

Chương Bốn

BẢY MỐI TỘI ĐẦU

Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đường ...

1. Kiêu dân Công giáo thời Ngô Đình DiệmTrần Lâm
2. Danh từ Công giáo: Chữ và NghĩaNguyễn Hy Thần
3. Trầm tư của một tên tội tử hìnhHồ Hữu Tường
4. Ông Diệm dung dưỡng gián điệp Việt Cộng nhưng lại triệt hạ lực lượng chống Cộng.....Cao Thế Dung
5. Tuyên ngôn của 18 nhân vật thuộc nhóm “Tự do Tiến bộ” gửi Tổng thống Diệm“Nhóm Caravelle”
6. Đảng Cần LaoLê Xuân Nhuận
7. Đảng Cần Lao và các Tổ chức ngoại viTrần Văn Đôn
8. Vài Vụ Thủ Tiêu Dưới Chế Độ Ngô Đình Diệm.....Virtualarchivis
9. Tổng Giám mục Ngô Đình Thục: Thần quyền và Thế quyềnO.V.V.
10. Chín Hầm, địa ngục trần gian thời Ngô Đình DiệmNgô Diệp
11. Những điều ít biết về Tử ngục Chín Hầm Nguyễn Phương
12. Trường hợp gia đình Phan Lạc TuyênPhan Lạc Giang Đông
13. Vợ của Sĩ quan vụ Binh biến 1960 bị An ninh Diệm xâm phạm tình dụcTrần Ngọc Nhuận
14. Một điển hình tàn ác của nhà Ngô Võ Văn Sáu
15. Dạy sử dưới thời Diệm Nguyễn Hiến Lê
16. Chuyện thể thao thời Ngô Đình DiệmHuyền Vũ
17. Báo chí thời Ngô Đình Diệm.....Vũ Bằng
18. Tôi không chủ trương hợp tác với ông Diệm Phan Quang Đán
19. Giải tỏa Bí mật về Cái chết của Tướng Trịnh Minh Thế.....Tạp chí *Góp Gió* số 112, 7-2-2003
20. Tại sao Ngô Đình Diệm không cho Tướng Lê Quang Vinh chết toàn thânTrịnh Bá Lộc
21. Những khẳng định chết ngườiPhạm Tường
22. Ngô Đình Diệm và Dollar MỹVirtualarchivis
23. Những nhân vật Việt Nam nhận tiền của CIABobby Ghosh
24. Đại học Huế tranh đấu chống chế độ cũ (Phỏng vấn giáo sư Lê Tuyên, *Bách Khoa*)..... Nguyễn Ngu Í
25. Gia đình Sử gia Tạ Chí Đại Trường và Chế độ Ngô Đình Diệm.....Virtualarchivis
26. Nhớ về Nhất LinhNguyễn Hữu Phiếm
27. Xung quanh cái chết của nhà văn Nhất Linh, 45 năm trước Khúc Hà Linh
28. Tưởng niệm Nhất Linh 7.7.1963 – 7.7.2008.....Nguyễn Tường Tâm
29. Bài văn Truy điệu Văn hào Nhất LinhVũ Hoàng Chương
30. Tổng thống Diệm và Quân đội MỹNgô Đắc Triết và Lý Đương Nhiê
31. Từ Đồng minh với Mỹ đến Thỏa hiệp với CộngHoành Linh Đỗ Mậu
32. Ngô Đình Diệm muốn dâng miền Nam Việt Nam cho Cộng sảnLê Chân Nhân

000)00(000

Kiêu dân Công giáo thời Ngô Đình Diệm

Trần Lâm

Bài các bạn đang đọc được viết với hai mục đích có liên quan mật thiết với nhau.

Thứ nhất, để góp ý với Trần Ngọc Cư, Hòa Nguyễn và Trần Văn Tích về bài Suy Tôn Ngô Tổng Thống. Thời Đệ Nhất Cộng hòa, trong buổi lễ chào cờ, bài ca này phải được hát kèm với Tiếng gọi Công dân, Quốc ca chính thức do Lưu Hữu Phước et al sáng tác. Nó có đoạn như sau:

*Toàn dân Việt Nam nhớ ơn Ngô Tổng Thống
Ngô Tổng Thống, Ngô Tổng Thống muôn năm
Toàn dân Việt Nam nhớ ơn Ngô Tổng Thống
Xin thượng đế ban phước lành cho người*

Thứ hai, để trả lời một câu hỏi quan trọng mà Dũng Vũ đã đặt ra cho tôi trên diễn đàn talawas. Câu hỏi này có liên quan đến nhận định của sử gia Tạ Chí Đại Trường về khối người từng làm nòng cốt cho chế độ Ngô Đình Diệm.

Tôi sẽ đi sâu vào bài quốc ca “kép” nói trên, sau khi giải quyết xong thắc mắc do Dũng Vũ nêu lên về nhận định của nhà viết sử họ Tạ.

Theo Tạ Chí Đại Trường, người từng sống dưới chế độ Ngô Đình Diệm, đồng bào Công giáo từ Bắc di cư vào Nam thời đó là một khối kiều dân. Sau đây là toàn bộ văn cảnh của nhận định nói trên nơi trang 457 trong cuốn *Sử Việt*, đọc vài quyển, được Văn Mới xuất bản tại California năm 2004. Khi bàn về mối hiểm họa của Cộng sản miền Bắc đối với Miền Nam, Tạ Chí Đại Trường tự hỏi:

“Làm cách nào mà một chính quyền Sài Gòn lộn xộn với giáo phái sứ quân, với giang hồ đạo tặc, với Công giáo di cư ít nhiều gì cũng là kiều dân, với cả người Pháp còn tham vọng giữ phần đất thuộc địa cuối cùng... có thể đương cự với cả một nền tảng đe dọa trùng trùng như thế? Lịch sử ổn định bước đầu của chính quyền đó là một phối hợp tuyệt vọng của những người Việt chống cộng (một tập-hợp-từ tiêu cực đúng với thực chất hồ-lớn của nó) chỉ còn một mảnh đất nương thân, và của người Mỹ đứng nhìn trong bình diện chiến lược quốc tế thấy mình phải chen chân vào.”

Vì họ Tạ là một sử gia có uy tín, nên sau khi đọc câu văn mười hai chữ được nhấn mạnh ở trên vào khoảng cuối năm 2004, tôi lập tức tìm cách kiểm chứng nó và tôi đã tìm được sự xác nhận đầu tiên trong hai bài nghiên cứu của Nguyễn Thế Anh, “L’engagement politique du Bouddhisme au Sud-Viet-Nam dans les années 1960” trong Alain Forest et al (dir.), *Bouddhismes et Sociétés Asiatiques: Clergés, Sociétés et Pouvoirs*, L’Harmattan, Paris, 1990, tr. 111-124, và “Le Sangha bouddhiste et la société vietnamienne d’aujourd’hui”, được đăng trên trang VIET NAM Infos.

Giáo sư Nguyễn Thế Anh là một học giả có tầm vóc quốc tế, được đồng nghiệp Á Âu Mỹ công nhận là một trong những người có thẩm quyền nhất về lịch sử Việt Nam thời cận đại. Thế nhưng, tôi cũng ý thức được rằng tôi không thể chỉ dựa vào uy tín của ông để lượng định mức khả tín của câu văn mười hai chữ nói trên. Hai bài nghiên cứu của vị cựu viện trưởng viện đại học Huế và nguyên Trưởng ban sử học Đại học Văn khoa Sài Gòn này chỉ là những sử liệu hạng hai. Muốn kiểm chứng một cách thấu đáo nhận định của Tạ Chí Đại Trường về “kiêu dân Công giáo” thời Ngô Đình Diệm, tôi phải cố gắng tìm cho ra sử liệu hạng nhất về vấn đề này. Hai loại sử liệu mà tôi phân chia ra thành hạng nhất và hạng hai được Nguyễn Kỳ Phong, tác giả cuốn *Vũng lầy của Bạch Ốc: Người Mỹ Và chiến tranh Việt nam 1945- 1975*, định nghĩa một cách tương tự như sau:

“Sử liệu có hai loại: primary và secondary documents (tài liệu chánh và tài liệu phụ). Hồi ký, văn kiện chính thức, lời phỏng vấn từ nhân chứng, được xếp vào loại tài liệu chánh. Trích dẫn, nghe nói lại, hay sách biên khảo của người thứ ba, là tài liệu phụ. Hai loại tài liệu đó đều được công nhận khi dùng làm sử liệu viết sách.”

Vốn là một sách tu lâu năm trong Tủ Kinh Các ở Tây Phương, nên qua phần ghi chú trong hai quyển sách viết về chiến tranh Việt Nam, tôi đã tìm thấy hai tài liệu được hình thành trước ngày 8 tháng 5 năm 1963. Chính vì được viết ra trước khi biến cố Phật giáo 1963 bùng nổ, nên nội dung của hai tài liệu này không bị chi phối bởi cuộc tranh chấp giữa phong trào Phật giáo và chế độ Ngô Đình Diệm. Do đó, chúng có một mức độ khả tín rất cao. Hai tài liệu nói trên gồm

- 1) “The Buddhist Movement in Vietnam and its Difficulties with the Present Government”, một tài liệu do các nhà biên khảo Hoa Kỳ hoàn tất vào tháng Tư năm 1961 và hiện đang được lưu trữ tại Văn khố Chiến tranh Việt Nam ở Lubbock bên Texas, và
- 2) “L’Église au Sud-Vietnam”, một phóng sự được đăng trên tạp chí Informations Catholiques Internationales vào ngày 15 Mars 1963, từ trang 17 đến trang 26.

Như vậy, câu văn mười hai chữ của Tạ Chí Đại Trường chẳng những được một chuyên gia hàng đầu trong ngành sử Việt xác nhận (confirmed), mà còn được tăng bổ (corroborated) bởi hai tài liệu chánh (sử liệu hạng nhất) mà chúng ta có quyền cho là rất khả tín. Nhờ vậy nên tôi đã có đầy đủ căn cứ để chấp nhận rằng nhận định ngắn gọn mà Tạ sử gia đã đưa ra về khối kiều dân Công giáo thời Ngô Đình Diệm cầm quyền tại miền Nam Việt Nam là một nhận định rất khả tín, có thể giúp chúng ta hiểu được tại sao Ngô triều đã đánh mất sự ủng hộ của người Lương và cuối cùng bị lật đổ.

Sau khi công bố những điều vừa mới được viết bên trên trong mục phản hồi ở diễn đàn talawas, tôi hân hạnh nhận được sự lưu tâm và câu hỏi dưới đây của độc giả Dũng Vũ:

‘Thưa ông Trần Lâm,

Ông viết: “Tôi hoàn toàn không vô tình khi dùng 2 chữ “kiêu dân”, vì những sử liệu do tôi đưa lên mạng cho phép tôi suy luận rằng khái niệm “kiêu dân Công giáo” là một khái niệm có thể giúp chúng ta hiểu được tại sao chế độ Diệm đã đánh mất sự ủng hộ của người Lương tại miền Nam Việt Nam, đưa đến sự sụp đổ của chế độ này... Tôi nói chuyện có bằng chứng hẵn hoi, thì tại sao tôi phải sợ ai?”

Xin phép được hỏi ông: “Kiêu dân” có nghĩa là gì?

Cảm ơn ông...’

Đây là một câu hỏi rất chính đáng, cần được một sự hồi đáp tường tận. Nếu chúng ta trả lời được câu hỏi này một cách thỏa đáng thì có lẽ chúng ta sẽ có thể tìm được nguyên nhân sâu xa đưa đến sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm. Như đã nói qua ở trên, chế độ này còn được gọi là Ngô triều hay Ngô trào.

Ngô Trào
Trải qua một cuộc bể dâu
Trông vời cố quận biết đâu là nhà
Khéo oan gia, của phá gia
Này là em ruột, này là em dâu!
Cửa nhà dù tính về sau
Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào!
(Lăng Nhân Phùng Tất Đắc, Chơi Chữ)

Tôi không rành chuyện văn chương, nên chỉ dám đoán mò rằng câu *Cửa nhà dù tính về sau* trong bài thơ nói trên ám chỉ việc Ngô Đình Cẩn đã cho xây một ngôi biệt thự rất nguy nga tráng lệ ở ngoài Huế. Tôi còn nhớ cách đây khoảng 20 năm tôi có đọc trong Nhật Ký Đỗ Thọ rằng người ta đã phải đập đồ bát vỡ ra từng mảnh để lát nền (cho một phần) trong ngôi biệt thự này. Trong những dòng chữ dưới đây, tôi sẽ không đập vỡ bất cứ vật gì, mà chỉ cố gắng đi lượm lặt những mảnh sử liệu vụn vặt, rồi sắp xếp chúng lại thành một bức khảm mosaic, để Dũng Vũ nói riêng và bạn đọc bốn phương nói chung ít nhiều gì cũng thấy được bộ mặt của kiêu dân Công giáo thời Ngô Đình Diệm.

Kiêu dân, người là ai?

Thời dòng họ Ngô Đình “đĩ đức vi chính” tại miền Nam Việt Nam, kiêu dân thường là những tín đồ Công giáo (di cư) dựa vào sự dung túng của kẻ có thế, có quyền để hống hách ngang ngược, xem thường luật pháp, vi phạm một cách trắng trợn nhân quyền và dân quyền của người khác, thường là những Lương dân vô tội. Sau đây là vài ví dụ điển hình.

1. Trong suốt ba năm liền, kiêu dân đã hằng đêm ném gạch, đá vào nhà thân nhân vô tội của một chính trị phạm, mà (hình như) không hề bị cơ quan công lực trừng phạt. Xem chứng từ của Phan Lạc Giang Đông, một cựu sĩ quan Quân lực Việt Nam Cộng hòa và cũng là bào đệ của Phan Lạc Tuyên, một viên sĩ quan tham gia vào cuộc đảo chính hụt ngày 11 tháng 11 năm 1960:

“Gia đình tôi kể từ ngày này hoàn toàn không còn được yên nữa. Khu xứ đạo Thái Hòa (xứ đạo của đồng bào Bắc di cư vào Nam), mọi người ở lối xóm đã có thái độ khác trước. Mỗi tối, khoảng từ bảy, tám giờ thì một số người, không biết từ nhà nào đã ném gạch, đá lên mái nhà (bằng tole) của gia đình, ông cụ thân sinh tôi rất buồn và gặp thẳng Linh mục xứ đạo để nói việc này, song không giải quyết được. Việc họ ném như thế kéo dài cho đến khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ mới chấm dứt.”[1]

Xin thêm: Xứ đạo Thái Hòa, theo lời của Phan Lạc Giang Đông, nằm ở Ngã Ba Ông Tạ. Là một người sinh ra và sống những năm đầu đời tại một thị xã hẻo lánh ngoài Vùng II Chiến Thuật trước khi theo cha mẹ vượt biên tỵ nạn Cộng sản, tôi thật tình không biết cái ngã ba này nằm ở đâu. Nhưng vì chúng ta đang bàn về câu văn mười hai chữ của vị sử gia họ Tạ, nên xin ghi luôn chi tiết vui vui bên lề này vào bài.

2. Tại tỉnh Quảng Ngãi, một vị linh mục đã thông đồng với viên tỉnh trưởng trong mưu toan cướp đất của một ngôi chùa tại một làng trong tỉnh này để xây tượng đài cho Đức Mẹ, đưa đến sự xung đột giữa Phật tử ở ngôi làng nói trên và chính quyền địa phương. Xem trang 4 trong tài liệu “The Buddhist Movement in Vietnam and its Difficulties with the Present Government” đã được đề cập đến ở phần đầu của bài. Xin nhắc lại, vì tài liệu này được hình thành trước khi cuộc xung đột giữa Phật giáo và chế độ Diệm bùng nổ, nên nội dung của nó rất đáng tin.

3. Dưới thời Ngô Đình Diệm, tín đồ Công giáo thường được quân đội và cơ quan Thông tin tiếp tay để tổ chức trên đường phố Sài Gòn hay Huế những cuộc rước lễ [?] linh đình, gây ra sự tắc nghẽn giao thông trầm trọng, khiến cho người Lương phải gặp nhiều phiền phức trong việc đi lại. Việc này đã khiến cho Giáo sư Nguyễn Văn Trung lúc đó phải thốt lên rằng những người tổ chức các cuộc rước lễ [?] nói trên nghĩ đường phố là của riêng của Giáo hội Công giáo hay sao.[2] Tuy nhiên, có người vẫn chưa hài lòng. Khi Phật tử tiến hành nghi lễ tại chùa thì sinh hoạt tôn giáo của họ, theo chứng từ của một tín đồ Công giáo Việt Nam, lại bị các công xa của sở Thông tin có mang loa phóng thanh đậu ở gần chùa phá rối.[3]

Chứng từ nói trên được đăng trong tạp chí Informations Catholiques Internationales, phát hành vào tháng Ba năm 1963, cho nên nội dung của nó không thể bị ảnh hưởng bởi biến cố Phật giáo xảy ra sau đó. Vì vậy chứng từ này cũng là một sử liệu rất đáng tin.

4. Kiêu dân gây áp lực không cho sách của Nguyễn Hiến Lê được dùng tại các trường ngoài miền Trung, tuy sách này đã được Bộ Thông tin cho phép phát hành. Sau đây là lời tường thuật của chính vị cố học giả họ Nguyễn:

“Đầu niên khóa 1954-1955, trong chương trình Trung học đệ nhất cấp có thêm môn Lịch sử thế giới dạy trong bốn năm. Ông Thiên Giang lúc đó dạy sử các lớp đệ lục, đệ ngũ. Tôi bàn với ông soạn chung bộ sử thế giới càng sớm càng tốt cho học sinh có sách học, khỏi phải chép “cua” (cours). Ông đồng ý. Chúng tôi phân công: tôi viết cuốn đầu và cuốn cuối cho lớp đệ thất và đệ tứ, ông viết hai cuốn giữa cho đệ lục và đệ ngũ. Chúng tôi bỏ hết công việc khác, viết trong 6 tháng xong; tôi bỏ vốn ra in, năm 1955 in xong trước kì tựu trường tháng chín. (...)

Sau một linh mục ở Trung yêu cầu bộ Giáo dục cấm bán và tịch thu hết bộ sử đó vì trong cuốn II viết về thời Trung cổ, chúng tôi có nói đến sự bê bối của một vài Giáo hoàng. Bộ phải một viên bí thư có bằng cử nhân lại tiếp xúc với tôi. Ông này nhã nhặn, khen tôi viết sử có nhiệt tâm, cho nên đọc hấp dẫn như bộ sử Pháp của Michelet; rồi nhận rằng sách tôi được Bộ Thông tin cho phép in, lại nạp bản rồi thì không có lí gì tịch thu, cấm bán được, chỉ có thể ra thông báo cho các trường dùng dùng thôi; cho nên ông ta chỉ yêu cầu tôi bôi đen vài hàng trên hai bản để ông ta đem về nộp bộ, bộ sẽ trả lời linh mục nào đó, còn bán thì tôi cứ bán, không ngại gì cả. Tôi chiều lòng ông. (....)

Hồi đó bộ Lịch sử thế giới của tôi chỉ còn một số ít. Tôi hỏi các nhà phát hành, được biết có lệnh cấm các trường ngoài Trung dùng nó; trong Nam thì không. Chỉ ít tháng sau bộ đó bán hết, tôi không tái bản. Công giáo thời đó lên chân như vậy.”[4]

5. Cũng theo chứng từ của người Giáo dân mà chúng ta vừa gặp ở phần trên, kiêu dân đã lạm dụng quyền thế để đả kích tín ngưỡng của các học viên người Lương phải theo học khóa học Nhân Vị tại Trung tâm Nhân Vị ở Vĩnh Long. Vì sợ bị ghi danh vào sổ đen, những nạn nhân này đành phải chịu đựng trong im lặng, khiến cho các học viên Công giáo tại khóa học cũng cảm thấy hổ thẹn trước hành động hống hách nói trên.[5]

Đây là một điểm cần phải được nhấn mạnh, vì nó cho ta thấy rõ không phải tín đồ Công giáo nào tại miền Nam cũng là kiêu dân khi vùng đất đáng lẽ là tự do này phải sống dưới sự thống trị của nhà Ngô. Ngay cả trong hàng giáo phẩm Công giáo cũng đã có những bậc chân tu cố tránh xa chế độ Ngô Đình Diệm để duy trì uy tín và tính chất độc lập của Giáo hội.[6]

Cố học giả Nguyễn Hiến Lê cho biết: “Ngô Đình Thục ở Vĩnh Long... tạo ra thuyết Duy linh chống với thuyết Duy vật của Cộng sản, bất công chức nào cũng phải học. Họ chẳng học được điều gì mới cả, chỉ phải nghe mặt sát đạo Phật và đạo Khổng. Những người theo học đại đa số thờ Phật, đau lòng mà không dám cãi.”[7]

Phải chăng thái độ kiêu căng và khiêu khích của một bộ phận quan trọng trong cộng đồng Công giáo tại Miền Nam mà chúng ta vừa thấy qua những trường hợp nêu trên đã là một trong những nguyên nhân chính khiến cho khối người Lương ở phía dưới vĩ tuyến 17 ngày càng xa cách chế độ Ngô Đình Diệm, đưa đến sự sụp đổ của nó vào cuối năm 1963?

“Cả làng xin được rửa tội....”

Do những biến cố xảy ra trong năm 1963, chế độ Ngô Đình Diệm thường bị những người chống đối tố cáo là một chế độ đã lệ thuộc (quá) nhiều vào sự hậu thuẫn trung thành của Giáo dân (di cư) và, vì vậy, đã dành cho khối người này một sự nâng đỡ đặc biệt. Nhưng thật ra, không phải đợi đến năm 1963 mới thấy được sự gắn bó keo sơn giữa (một khối) tín đồ Công giáo và nền Cộng hòa Nhân vị do anh em Tổng thống Diệm lãnh đạo. Quan hệ này đã nhen nhúm ngay sau khi chế độ Ngô Đình Diệm vượt qua được giai đoạn phối thai đầy nguy hiểm. Trong tạp chí International Affairs phát hành vào tháng 4 năm 1956, J. Donald Lancaster nhận xét: Tổng thống Diệm bị hạn chế trong việc thể hiện hành đạo tại miền Nam Việt Nam bởi lòng trung thành đối với tôn giáo cũng như gia đình của chính ông ta.

Lòng trung thành nói trên rất có thể đã là một trong những yếu tố khiến cho người Lương đột nhiên theo đạo Công giáo hàng loạt thời dòng họ Ngô Đình cầm cân nẩy mực phía dưới vĩ tuyến 17, một hiện tượng Nguyễn Hiến Lê có đề cập đến trong hồi ký của mình (trang 121, tập II). Ông kể lại: “Diệm-Nhu theo chính sách ba-Đ: Đảng (Cần Lao), Đạo (Công giáo) và Địa phương (miền Trung). Chỉ công chức nào có đủ ba Đ mới được tin dùng, cho nên con số tín đồ Công giáo tăng vọt lên, nhất là ở miền Trung; có giáo đường làm lễ rửa tội hằng trăm người một lúc.”



Tướng Nguyễn văn Thiệu

Người nổi tiếng và thành đạt nhất trong nhóm Giáo dân tân tông này không phải ai khác hơn là một viên sĩ quan gốc miền Trung tên Nguyễn Văn Thiệu. Ông Thiệu lập gia đình với một nữ tín đồ Công giáo trước khi Ngô triều được thiết lập. Nhưng mãi đến năm 1958, tức là lúc triều đại này đã “vững nền thịnh trị”, ông mới đề cho Linh mục Bửu Dưỡng, một lý thuyết gia quan trọng của trường phái Cần lao Nhân vị, rửa tội tại Đà Lạt. Chính LM Bửu Dưỡng đã cho Tướng Edward Lansdale biết điều này và nhờ bản báo cáo Lansdale gửi cho Đại sứ Elsworth Bunker ngày 20 tháng 4 năm 1968, nên sử gia Vũ Ngự Chiêu mới có thể tìm ra được một chứng liệu thành văn về sự trở lại đạo của Nguyễn Văn Thiệu.[8] Arthur Dommen, một học giả có cảm tình với họ Ngô, cũng cho biết vị Tư lệnh Sư đoàn 5 Bộ binh trong tương lai này không theo đạo lúc lập gia đình, mà chỉ làm việc này sau khi chiếc ghế Tổng thống của Ngô Đình Diệm đã vững như bàn thạch.[9]

Trường hợp Nguyễn Văn Thiệu, như đã nói, chỉ là trường hợp nổi bật nhất. Hiện tượng người Lương ở ạt theo đạo Công giáo thời Ngô Đình Diệm mà Nguyễn Hiến Lê kể lại đã được tạp chí Informations Catholiques Internationales phát hành ngày 15 tháng 3 năm 1963 xác nhận. Nên xem những con số ngoạn mục được nêu ra trong đó. Ngoài ra, nhờ tạp chí này mà chúng ta còn biết được Đức ông Ngô Đình Thục đã khoe với một đồng nghiệp người Pháp rằng ở giáo phận Vĩnh Long đôi khi có đến nguyên cả làng xin được rửa tội và, ngoài Phi Luật Tân ra, Nam Việt Nam là quốc gia độc nhất tại Viễn Đông sẽ phải được ở trên con đường đưa đến sự trở lại đạo hoàn toàn.[10] Tuy nhiên, Informations Catholiques Internationales cũng cho chúng ta biết, thái độ đắc thắng do cả chế độ Ngô Đình Diệm lẫn khối thiểu số Công giáo phơi bày đã tạo ra một sự bất mãn nhất định trong khối người Lương, một sự bất mãn mà tạp chí này cho là dễ thấy ngay tại Sài Gòn cũng như ở các ngôi làng xa xôi hẻo lánh nhất.[11]

Nhận định nói trên rất phù hợp với báo cáo mà Đại Sứ Pháp Roger Lalouette gửi về Paris đúng một năm trước đó.[12] Lalouette cho biết ngoài Cộng sản ra, chế độ Diệm còn phải đương đầu với sự chống đối của những thế lực phi Cộng sản:

“Lực lượng chống đối tập hợp những người ái quốc cấp tiến, giới trưởng giả Nam Kỳ bị gạt bỏ khỏi những việc công ích bởi những phần tử Bắc hay Trung vào tị nạn, những giáo phái bị giải giới và bị nghi ngờ và, một cách tổng quát, tất cả những người không Ki-tô chống lại thiểu số Ki-tô (10% dân số) đã đặt tôn giáo Ki-tô La Mã lên hàng quốc giáo. Họ không đòi hỏi sự thay đổi trong chế độ, mà là thay đổi cả một chế độ.”

Chính nội dung của những tư liệu được hình thành trước biến cố Phật giáo nói trên đã cho phép chúng ta (tạm) tin lời Vũ Tài Lục, người đã từng sống trong thời cai trị của nhà Ngô, khi vị học giả này khẳng định rằng đến tháng 5 năm 1963 thì sự kỳ thị tôn giáo dưới chế độ Ngô Đình Diệm (mà ông gọi là chế độ Diệm-Thục để nhấn mạnh vai trò của Đức Tổng Giám mục Ngô Đình Thục trong đó) đã đến mức không thể chịu đựng hơn được nữa, nên Phật tử đã phải xuống đường để phản đối. Dù sao đi nữa thì mối liên hệ nhân quả giữa tệ trạng kỳ thị tôn giáo dưới chế độ Ngô Đình Diệm và Biến cố Phật giáo 1963 sẽ được phân tích một cách tường tận hơn trong một bài khác, đang được chuẩn bị.

Một hiện tượng thuộc lịch sử?

Ngoài việc kỳ thị tôn giáo, chế độ do anh em Ngô Đình Diệm cầm đầu còn gây ra cho người dân miền Nam những bức mình không cần thiết. Khi bàn đến một tấm hình ăn ý của ông ta, Đoàn Thêm, một viên chức cao cấp làm việc trong Dinh Độc lập thời Đệ Nhất Cộng hòa, có kể lại:

“Một người bạn trẻ ở ngoài chính giới đã bảo tôi:

- Coi bộ thì cũng không đến nỗi nào, nhất là bức ảnh Âu phục chụp nghiêng 3/4 thấy treo ở nhiều nơi.

Tôi cho biết là chính ông ưa bức đó hơn cả, nhưng anh ta lại cầu nhàu luôn:

- Chỉ phải cái rất bức và rồi phát ghét, là cứ phải chào! Sao lại đem in tròn giữa quốc kỳ để bắt đứng dậy chào khi xem xi nê? Thà tới chậm, mất hẳn đoạn phim thời sự, còn hơn phải ngấm mặt mũi, bảnh bao mấy cũng bỏ đi!

Tôi không thể chối cãi, vì chính là trường hợp tôi mỗi khi muốn coi phim...”

Không những chế độ Ngô Đình Diệm làm phiền người dân, chính cá nhân họ Ngô cũng quấy rầy nhân viên dưới quyền ông ta. Theo Đoàn Thêm:

“Ông Tổng thống luyến tiếc các biểu hiệu quân chủ, nên tái lập Kim Khánh của nhà Nguyễn và công nhận là huy chương cao nhất của Việt Nam. Ông gây lại không khí cung đình, đặt lễ phục gấm lam khăn đen cho các nhân viên cao cấp, và chỉ nhận chúc Tết Nguyên Đán vào sớm ngày mùng một. Đã có vài người xin ông cho chúc vào chiều ngày ba mươi, vì Tết đầu năm là ngày của gia đình, theo cổ tục, buổi sáng dành cho gia

tiên, đa số còn phải đèn nhang cúng vái, hoặc mừng tuổi ông bà cha mẹ. Ông không nghe, vì theo ông, xưa kia phải triều bái ở điện Thái Hòa hoặc ở Vọng Cung các tỉnh, nghĩ đến Vua rồi mới đến nhà, vì Vua là nước. ‘Vua ban hồng phúc không tốt hơn là chờ người xông đất hay sao?’

Bởi vậy, cứ tám giờ mồng một, là hàng trăm người, cả nhân viên, lẫn đại diện đoàn thể dân chúng, đành phải xúng xính áo khăn vào cầu ơn trên phù hộ cho ông.

Một công chức bức quá đã thốt ra một câu chua chát:

- Thôi thì coi bái khánh như một công vụ đã được tính vào số lương tháng rồi!

Có lẽ vì thế mà hai tiếng Ngô Triều đã được nói đến ngay từ 1957, chứ không phải từ sau Cách mạng 1963, do một Tôn Thất nhà Nguyễn đương làm Giám đốc một Nha.”



Gia đình Ngô Đình

Chuyện lố lăng nhất mà chế độ Nhân vị của dòng họ Ngô Đình đã gây ra là việc họ bắt buộc người dân miền Nam hát bài Suy Tôn Ngô Tổng Thống trong lễ chào cờ. Cách đây trên hai mươi năm, tờ Làng Văn, một nguyệt san chống Cộng hữu danh tại hải ngoại, có đăng trong số 47 một bài mang tên “Sơ kết vấn đề Quốc-Ca”, trong đó có chứa đựng những dữ kiện lý thú về bài hát sùng bái cá nhân nói trên. (Khi đó tôi là một học sinh trung học, còn hai năm nữa mới được thi tú tài, nhưng cũng đã bắt đầu có quan tâm đặc biệt đến chế độ Ngô Đình Diệm, nên đã cẩn thận cất giữ tờ báo đó cho đến ngày hôm nay đem ra xài.)

Tờ Làng Văn viết:

“Vấn đề Quốc ca đã được mang ra bàn cãi tất cả ba lần. Lần thứ nhất do Quốc hội đệ nhất Cộng-hòa năm 1956...

Lần thảo luận thứ nhất không đưa tới một sự thay đổi nào, vì có một số đại diện dân cử vì lòng tôn sùng cá nhân, muốn đưa bài Suy tôn Ngô Tổng Thống... ra thay bài Tiếng gọi công dân... Cuộc bàn cãi để đi tìm một bài hát khác làm Quốc ca thay cho bài hát đương thời, với tác giả chính đã đứng về phía CS, lại biến thành một cuộc tranh chấp giữa tinh thần tôn quân kiêu mới và khuynh hướng dân chủ tự do. Phe tôn quân không thắng nổi số đông, mà phe đa số cũng không dám dùng thế lực của mình để loại bài suy tôn cá nhân. Trong trường hợp đó, thà giữ nguyên bài cũ còn hơn.

Cuối cùng, vì đoàn kết quốc gia, vì thể diện của lãnh tụ, và quan trọng hơn hết, vì an ninh bản thân, một giải pháp chìm xuống đã được đưa ra, dung hợp cả hai chủ trương: giữ lại bài Tiếng gọi công dân làm Quốc ca, và hát kèm bài Suy tôn Ngô Tổng Thống ngay trong lễ chào cờ. Từ đó, 1956, Việt Nam Cộng hòa có một bài quốc ca ‘kép’. Tình trạng này kéo dài tới 1963 mới chấm dứt, sau khi Trung tướng Dương Văn Minh đảo chánh thành công, kết thúc chín năm cai trị của Ngô triều.”[13]

Trong mục phản hồi trên diễn đàn talawas, Trần Ngọc Cư mới đây có lời than phiền về tệ trạng sùng bái cá nhân nói trên. Nhưng có lẽ là người tuổi đã cao, nên họ Trần không muốn nhắc đến khả năng đề kháng thụ động của khối người Lương trước sự lố lăng này của chế độ Ngô Đình Diệm và thái độ kiêu ngạo của tập đoàn Công giáo di cư phía sau lưng nó, một sự đề kháng được biểu lộ qua câu Toàn dân Bui Chu mút cu Ngô Tổng Thống. Đây là một sử liệu truyền khẩu mà tôi được những người lớn tuổi đã từng sống dưới sự thống trị của Ngô triều kể lại cho nghe tại hải ngoại. Nó rất ăn khớp với những sử liệu thành văn mà tôi đã thu thập được và vừa giới thiệu trong bài này. Do đó, nó rất đáng được gìn giữ và phổ biến. (xem thái độ trịch thượng và hung hãn của Matthew Tran, Việt Sĩ, Nguyễn Phúc Liên, Ngô Túy Phụng, Tú Gàn-Lữ Giang... trên các forum Internet thì rõ- BBT)

Cách nhìn nói trên không phải là một cách nhìn được mọi người chấp nhận. Hòa Nguyễn và Trần Văn Tích hình như muốn tương đối hóa việc làm lố bịch của chế độ Ngô Đình Diệm.

Hòa Nguyễn viết: “Nhưng cũng nên “thông cảm” những bài hát suy tôn ở vào cái thời thế giới (thứ ba) thích ca tụng các lãnh tụ “anh minh, vĩ đại” của họ, như Hồ Chí Minh, Mao Trạch Đông, Tưởng Giới Thạch, Kim Nhật Thành, Lý Thừa Vãng, Sukarno (được bầu làm tổng thống trọn đời).”

Trong bản Phong thần do Hòa Nguyễn nêu ra không thấy có tên của Jawaharlal Nehru, Thủ tướng Ấn Độ. Ấn Độ trong giai đoạn đó cũng là một quốc gia thuộc thế giới thứ ba, nhưng hoàn toàn không có tệ trạng sùng bái Nehru. Có lẽ vì Ấn Độ là một quốc gia dân chủ, nhất là khi so sánh với Indonesia, Nam, Bắc Hàn, Nam, Bắc Việt Nam, Trung Quốc hay Đài Loan. Bản chất dân chủ của một chế độ không cho phép chuyện lố bịch nói trên xảy ra.

Hơn nữa, việc sùng bái cá nhân không phải chỉ xảy ra tại thế giới thứ ba. Chuyện này đã xảy ra ngay tại nước Pháp dưới thời Pétain và cũng đã lan tràn sang Đông Dương, lúc đó đang nằm dưới sự kiểm soát của chế độ Vichy do Pétain cầm đầu.

Trần Văn Tích viết:

“Thời Pháp thuộc tôi lớn lên ở thành phố Đà Nẵng, lúc bấy giờ có tên chính thức là Tourane. Học trò nhà nước chúng tôi trước khi sắp hàng vào lớp thường phải đứng nghiêm để hát bài *Maréchal, nous voilà* ca tụng Thống chế Pétain, trong đó có câu “Devant toi, le sauveur de la France”. Vậy nếu Tổng thống Ngô Đình Diệm sau này được xem là “cứu đất nước” v.v... thì cũng chỉ là một hiện tượng thuộc lịch sử vào một giai đoạn nhất định.”

Có thể đây là một nhận định chưa hoàn toàn chính xác. Trước khi Pétain lên chấp chính năm 1940, không có một chính quyền nào của Đệ Tam Cộng hòa lại bắt học sinh hát bài ca tụng Thủ tướng Clemenceau là cứu tinh của nước Pháp, tuy không ai phủ nhận công lao rất lớn của ông trong giai đoạn quyết định cuối Đệ Nhất Thế chiến. Nền Cộng hòa dân chủ này đã vinh danh “le Père-la-Victoire” bằng một cách văn minh hơn. Bởi thế nên việc chế độ Vichy do Pétain cầm đầu bắt học sinh làm chuyện tào lao nói trên có thể được xem như là một triệu chứng của bản chất bệnh hoạn của chế độ này, một chế độ trung gian bản xứ đã tỏ ra rất đặc lực trong việc truy lùng, bắt giữ và chuyển giao người Do thái cho Đức quốc xã - việc làm nhơ nhuốc nhất bên cạnh những việc phản động khác của chế độ Vichy.[14]

Bác sĩ Tích viết tiếp: “Nghĩ lại, nếu quốc ca nước Anh có lời hát “God save the Queen” thì lời bài “Suy tôn Ngô Tổng thống” có câu “*Xin Thượng Đế ban phước lành cho người*” có thể được xem là hai hiện tượng lịch sử – như đã trình bày – hay chăng?”

Câu hỏi này hình như được đặt ra trên những dữ kiện còn thiếu sót. Kể từ khi vua Henry VIII đoạn giao với Tòa thánh La Mã để lập ra Giáo hội Anh giáo, các vị quốc vương hay nữ hoàng Anh quốc không những là

nguyên thủ của một quốc gia mà còn phải đóng vai trò lãnh tụ của một tôn giáo (Supreme Governor of the Church of England). Vì vậy, cầu nguyện Thượng đế phù hộ cho ông hay bà ta là việc không có gì đáng nói. Hơn nữa, bài God save the Queen hay God save the King có từ thế kỷ thứ 18,[15] và hình như không mang ý nghĩa khẩn cầu cho một cá nhân cụ thể nào, chẳng hạn Victoria hay Elizabeth II, mà chỉ cầu mong sự bảo bọc của bề trên đối với ngôi vị nguyên thủ của một quốc gia quân chủ có truyền thống Ki-tô lâu đời. Có lẽ do những lý do nói trên mà bài hát này vẫn còn được giữ làm Quốc ca Anh Quốc cho đến ngày hôm nay, trong khi bài ca sùng bái Ngô Đình Diệm phải chịu chung số phận với cái chế độ đã ép buộc người dân miền Nam hát nó.

Vậy chúng ta có thể tạm kết luận rằng những nỗ lực tương đối hóa mà Hòa Nguyễn và Trần Văn Tích đã dành cho tệ trạng sùng bái cá nhân dưới sự thống trị của Ngô triều vẫn chưa đủ sức thuyết phục. Có thể cũng như trong trường hợp của chế độ Vichy, tệ trạng này phản ánh bản chất kém lành mạnh của chế độ Ngô Đình Diệm. Trong chế độ lành mạnh nào mà nhân viên an ninh có thể áp dụng một chính sách trả thù bỉ ổi đối với lương dân vô tội mà những kẻ lèo lái quốc gia lại không hề hay biết? Sau cuộc đảo chánh hụt năm 1960, tay chân của anh em Ngô Đình Diệm đã xâm phạm tính dục nhiều người vợ của những viên sĩ quan tham gia vào biến cố đó và, ít nhất là trong trường hợp của Phan Lạc Tuyên, đã bao vây kinh tế cha mẹ, khiến cho con cái họ bị thất học. Nhưng cả ông Ngô Đình Diệm lẫn ông Ngô Đình Nhu, theo chứng từ của Trần Ngọc Nhuận, một sĩ quan tình báo cao cấp trong Quân lực Việt Nam Cộng hòa, đều không biết đến tội ác động trời này![16] Phải chăng vì họ không biết chế độ của họ đang bị côn đồ hóa, nên cuối cùng chính họ đã bị thuộc hạ cũ giết chết bằng một cách rất côn đồ? Chính sách trả thù đối với dân bà, người già và trẻ em nói trên đã được kể lại trong: 1) Trần Ngọc Nhuận, Đồi quân ngũ, Xuân Thu, 1992, tr. 305-306, và 2) Phan Lạc Giang Đông, “Nhớ lại và suy nghĩ”, trong Chính Đạo (chủ biên), Nhìn lại biến cố 11/11/1960, Văn Hóa, Houston, 1997, tr. 207-231.

© 2009 **Trần Lâm**

© 2009 talawas

[1] Nguồn: Phan Lạc Giang Đông, “Nhớ lại và suy Nghĩ”, trong: Chính Đạo [Vũ Ngự Chiêu] (chủ biên), Nhìn lại biến cố 11/11/1960, Văn hóa, Houston, 1997, tr. 210.

[2] Informations Catholiques Internationales, “L’Église au Sud-Vietnam”, 15 Mars 1963, tr. 21.

[3] Ibid, tr. 19.

[4] Tại trang 99 và 100 trong cuốn Đồi viết văn của tôi, do Văn Nghệ xuất bản tại California năm 1986.

[5] Ibid.

[6] Ibid, tr. 21.

[7] Hồi kí, Tập II, Văn Nghệ, California, 1990, trang 120-121.

[8] Xem: Chính Đạo, Mậu Thân 68: Thắng hay Bại?, Văn Hóa, Houston, tái bản lần thứ hai, 1998, tr. 355. Xem thêm: Arthur Dommen, The Indochinese Experience of the French and the Americans, Indiana University Press, 2001, tr. 658.

[9] Arthur Dommen nói rằng Nguyễn Văn Thiệu là đảng viên Đại Việt, còn Vũ Ngự Chiêu thì cho biết ông ta là Ủy viên Quân ủy Cần lao Nhân vị Cách mạng Đảng. Xem Nguyên Vũ, Paris Xuân 96, Văn Hóa, 1997, tr. 87-88.

[10] Nguyên văn: “C’est le seul pays d’Extrême-Orient (à part les Philippines) qui soit en marche vers une conversion totale...”

[11] Nguyên văn: “Ce que nous avons appelé, pour faire image, le ‘triomphalisme’ conjugué du régime et de la minorité catholique ne manque pas de nourrir un certain mécontentement chez les non-catholiques. Quoique en contradiction avec les conversions massives dont nous avons parlé plus haut, il est facilement observable à Saigon comme dans les plus lointains villages.”

[12] Báo cáo này đã được Vũ Ngự Chiêu tìm thấy, dịch sang tiếng Việt và cho in lại trong Chính Đạo, Việt Nam Niên Biểu 1939-1975, Tập I-C: 1955-1963, Văn Hóa, Houston, 2000, tr. 248-250.

[13] Bạn đọc bốn phương cần lưu ý đến chi tiết này: Nguyễn Hữu Nghĩa, Chủ bút tờ Làng Văn, đã bị một số người hiểu lầm (?) khái niệm tử năng thừa phụ nghiệp tổ cáo là con trai của đại tướng VC Nguyễn Chí Thanh. Nhưng nhờ có Bác sĩ Trần Văn Tích, một người có lập trường chống Cộng rất vững vàng, từng là cộng tác viên cho tờ báo này, nên tôi mới dám xài những dữ kiện do nó cung cấp về bài Suy tôn Ngô Tổng Thống.

[14] Bạn nào hiếu kỳ muốn biết thêm về nó thì nên tìm đọc: Robert Paxton, Vichy France: Old Guard and New Order, 1940-1944, Knopf, New York, 1972. Sau Đệ Nhị Thế chiến, người Pháp đã cố che giấu sự thật, cố tương đối hóa những việc làm kém sạch sẽ của chế độ này. Chính nhờ sự đào bới trong văn khố Đức của Paxton, một sử gia người Mỹ, mà bộ mặt nhơ nhuốc của nó đã bị lột trần trước công chúng Pháp. Cách đây vài năm, tạp chí Journal of Contemporary History có đăng một bài nghiên cứu về tầm ảnh hưởng sâu rộng của ông ta đối với giới sử học Pháp. Tôi đã đưa bài đó lên mạng, các bạn có thể đọc nó tại đây. Thật thú vị khi thấy một người Mỹ quê ở Virginia giảng cho mấy ông Tây bà Đàm nghe về quá khứ khá bẩn thỉu của quốc gia họ. Nhưng dân Phú Lang Sa vẫn còn giữ được tinh thần thượng võ. Mới đây họ đã trao tặng cho Paxton huân chương Légion d’honneur để bày tỏ lòng biết ơn đối với công trình nghiên cứu của ông: “Son œuvre a été controversée à une époque où la France refusait de regarder son passé en face, même s’il est difficile à accepter. Grâce à lui on sait que, contrairement à la légende, Vichy n’a pas été contraint à collaborer à ce point et que la Révolution nationale de Pétain, son régime fasciste, n’a pas été imposée par les Allemands.”

[15] “Like many aspects of British constitutional life, its official status derives from custom and use, not from Royal Proclamation or Act of Parliament.”

[16] Hai anh em ông Diệm, ông Nhu cầm vận mệnh quốc gia trong tay, mà khi thủ hạ của họ hại dân vô tội – những người mà họ có bốn phen bảo vệ - họ lại hoàn toàn không biết. Điều này khiến chúng ta phải tự hỏi tại sao họ không biết. Ở một quốc gia văn minh, nạn nhân có thể dựa vào hệ thống tư pháp độc lập hoặc hệ thống truyền thông tự do để lưu ý giới hữu trách đến những tệ trạng mà họ phải gánh chịu. Vì dưới nền Cộng hòa Nhân vị, hệ thống tư pháp không được độc lập và giới truyền thông không được tự do nên hai anh em ông Diệm mới có thể không biết gì cả. Việc giới lãnh đạo của một quốc gia không biết dân vô tội bị xâm phạm phi pháp và việc những nạn nhân này không có cách nào làm cho giới lãnh đạo biết được tệ trạng nói trên thật ra là một bản cáo trạng đối với giới lãnh đạo đó: Họ không biết, vì bộ máy chính trị của họ là một bộ máy kém lành mạnh, nếu không muốn nói là bệnh hoạn.

[Source: <http://www.talawas.org/?p=12797> – 11/2009]

00)()(00

Danh từ “Công Giáo”: Chữ và Nghĩa

Nguyễn Hy Thần

Trong đời sống hàng ngày, Chữ nghĩa và Từ ngữ được dùng để chuyên chở ý tưởng, nhưng có bao giờ chúng ta bất chợt nghĩ đến “nghĩa thật” hoặc xuất xứ của những từ ngữ thường dùng trên đầu môi chót lưỡi không ? Đôi khi, chính từ những ý thắc mắc băng quơ đó mà bạn sẽ ngạc nhiên khi tìm thấy thật nhiều suy nghĩ về cuộc đời, về thể thái nhân tình, về con người và đôi khi những bài học kỳ thú về lịch sử nữa ... Ví dụ như để gọi một giáo phái thờ Chúa có trụ sở ở La Mã, người ngoại quốc chỉ đơn giản gọi “Catholics”, mà tiếng Việt mình thì thật nhiều khê: đạo Thiên Chúa, đạo Chúa, đạo Cơ Đốc, đạo Gia Tô, Ki-tô giáo, và gần đây là ... Công giáo.

Trong những danh từ riêng đó, hai chữ “công giáo” đứng trơ trọi một mình về mặt ý nghĩa bởi vì những danh từ Thiên Chúa, Cơ Đốc, Gia Tô, Ki-tô đều từ tên vị giáo chủ là Chúa mà ra, nhưng còn “công giáo” là gì? Danh từ công giáo đã có trong từ ngữ Việt Nam từ bao thế kỷ. Như những danh từ Hán-Việt khác, từ “công giáo” có lẽ đã du nhập vào tiếng Việt từ những ngày đầu tiên khi văn minh Trung Hoa theo bước đoàn quân viễn chinh Tàu sang đô hộ quận Giao Chỉ vào thế kỷ thứ nhất, thứ nhì.

Chữ “Công” trong Việt ngữ có hai nghĩa khác biệt:

- 1- “Công” nghĩa là sự làm việc, sức làm việc, những gì động đến tay chân. Đây là nghĩa mà những tiếng ghép như “công lao”, “công sức”, “công kên”, “công bình”, “công cuộc”, “công nhân”, ...
- 2- “Công” còn có nghĩa thứ nhì là chung đều cho tất cả mọi người, chung cho mọi người do nhà nước ban hành và điều khiển¹ như trong “công quyền”, “công cộng”, “công bình”, “công cụ”, ...

Chữ “Công” trong danh từ Công giáo mang nghĩa thứ nhì ở trên và “công giáo” được định nghĩa là “*tôn giáo được thừa nhận là đạo chính thức*” (theo *Tự Điển Hán Việt* của Nguyễn Văn Khôn, 1960). “Chính thức” đây có nghĩa được chính quyền thừa nhận. *Việt Nam Tự Điển* của Lê Ngọc Trụ và Lê Văn Đức thì định nghĩa một cách rõ ràng hơn:

Công giáo: (a) Tôn giáo được nhà nước nhìn nhận là tôn giáo chính thức của nước ấy, (b) Đạo Gia-Tô ở Việt Nam.^{2 3}

Như vậy, “công giáo” có hai nghĩa: (i) Đạo chính thức của cả nước, và (ii) Đạo Chúa hay đạo Gia-tô.

Nghĩa trước (i) đã có trong từ ngữ Việt Nam từ bao thế kỷ qua, còn nghĩa sau (ii) thì được du nhập từ thời nào ?⁴

¹ *Việt Nam Tự Điển* do Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ, Khai Trí phát hành, 1970

² Ibid, trang 217

³ *Hán Việt Tự Điển* của Đào Duy Anh định nghĩa “công giáo là một tôn giáo được quốc gia chứng nhận”

⁴ Few young Vietnamese grew up in the US think that the word “công giáo” originated from the English word “catholic” which means “general” or “universal”. This is of course a single simple-minded ! The word “catholic” and “Catholic” totally differ in their English meanings. Not just because the two words have the same pronunciation, they can be translated interchangeably.

Besides, if the word “công giáo” is a translation of a foreign word as claimed, shouldn't it be from Dutch, Spanish, Portugese or especially French ? Weren't those countries where all missionaries coming to Vietnam originated from ? Why English, a language virtually unpopular in Vietnam until the late 50's ?

Từ ngữ đến và đi trong đời sống khác với con người hay cát bụi. Con người có khai sinh để biết lúc nào chào đời, đất đá có thể dùng phóng xạ đồng vị C14 để đo được số tuổi chính xác, nhưng còn từ ngữ thì sao ? Với ngôn ngữ thì không thể định được ngày nào thì một danh từ ra đời, tuy nhiên để biết một danh từ ra đời hoặc trở nên thông dụng trong thời đại nào thì không phải là chuyện khó !

Nhiều từ ngữ được sáng tạo nhưng không bao giờ “ra đời” hay “thành hình”, nghĩa là đi vào ngôn ngữ của quần chúng, mà ngược lại chỉ quanh đi quẩn lại trong một nhóm người, rồi chết đi theo thời gian !

Một từ ngữ chỉ được “thành hình” khi từ ngữ đó được dùng trong báo chí, trên tin tức hàng ngày, được nhắc nhở đi đi lại lại nhiều lần để dần dần thấm vào tiềm thức của người nghe và một ngày nào đó bước vào ngôn ngữ thường nhật mà chính người nói cũng không hay biết. Những danh từ như nhà “ga” (xe lửa), “xà phòng”, mái tóc “phi dê” (tóc uốn), phi đạo, hỏa xa, ... không thể nào có trước thời Pháp thuộc được, bởi vì những vật đó không thể nào có mặt trước khi Pháp xâm chiếm Việt Nam. Và dĩ nhiên là đọc trong cổ văn Việt Nam trước thế kỷ 18 sẽ không bao giờ tìm thấy tầm hơi những chữ đó cả..

Vì vậy, một trong những cách để các nhà ngôn ngữ học khi tra cứu nguồn gốc một chữ nào đó là tra cứu trong văn chương, trong tự điển, sách báo, tài liệu lịch sử và cả trong nền văn học truyền khẩu dân gian ... để khẳng định được sự ra đời của một từ ngữ.

Chữ “công giáo” cũng không đi ngoài thông lệ đó !

Sách báo Việt Nam trước thập niên 60 khi đề cập đến Catholics thì dùng chữ Thiên Chúa giáo, đạo Gia-Tô, đạo Ki-Tô hay đạo Cơ Đốc. Viết về đạo Catholics, cuốn *Việt Nam Văn Hóa Sử Cương* của Đào Duy Anh (viên năm 1938), ghi rằng: “*Từ thế kỷ 16, 17, Cơ Đốc giáo do các giáo sĩ Bồ-Đào-Nha và Pháp Lan Tây truyền sang thì ở nước ta lại có thêm một thứ tôn giáo mới theo nghi thức La-Mã giáo hội ...*”⁵

Toàn bộ Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim (viết vào khoảng năm 1950) không hề dùng chữ công giáo. Những danh từ công giáo cũng vắng bóng trong những tác phẩm văn học viết trước thập niên 50.⁶

Như vậy, qua sự tìm hiểu đặt trên căn bản thời gian sử dụng ngôn ngữ nói trên, ta có thể kết luận rằng hai chữ “công giáo” được bắt đầu dùng để chỉ đạo Catholics (Cơ Đốc, Gia Tô, Thiên Chúa, ...) vào cuối thập niên 50 hoặc đầu thập niên 60.

Tại sao lại “Công giáo” mà không là Cơ Đốc giáo hay Thiên Chúa giáo ...? Trong hơn bốn ngàn năm lịch sử, có hàng chục đạo truyền vào và luân lưu ở Việt Nam, nhưng không hề có hai chữ “Lương” hay “Giáo”, phải đợi đến thế kỷ 16, 17, khi đạo Cơ Đốc truyền vào thì hai từ ngữ đó mới được phát sinh ra để phân biệt người trong đạo (Cơ Đốc) và kẻ ... ngoại đạo !

Khác với lịch sử truyền đạo của Cơ Đốc giáo, lịch sử truyền đạo của một giáo phái khác cũng tôn thờ cùng một ông Chúa là đạo Tin Lành lại chẳng mang tai tiếng hay tạo ngộ nhận gì trong lịch sử chống ngoại xâm của Việt Nam. Đạo Tin Lành được truyền vào Việt Nam khoảng năm 1911 do những giáo sĩ Mỹ.⁷ Nhưng quần chúng Việt Nam lại không thấy bóng hình Thực dân Pháp lấp ló đằng sau hình ảnh của những giáo sĩ ngoại quốc (cũng da trắng) này. Mà cũng chẳng ai, kể cả vua quan, đàn áp hay ngại ngùng với việc truyền đạo Tin Lành cả. Tín đồ Tin Lành cũng chẳng bao giờ phân biệt mình là Lương hay Giáo, bởi vì “Giáo” là

⁵ Việt Nam Văn Hóa Sử Cương của Đào Duy Anh, xuất bản năm 1838, trang 122

⁶ Một vài ví dụ như trong “*Bảy ngày Trong Đồng Tháp Mười*” (Nguyễn Hiến Lê, 1954) dùng danh từ “đạo Gia Tô” để chỉ Catholics. Sách báo thời tiền chiến (Tự Lực Văn Đoàn ...) cũng chỉ dùng Thiên Chúa giáo, đạo Cơ Đốc hoặc đạo Gia Tô. Những cuốn sử khác như *Việt Nam Việt Sử Tân Biên* của Phạm Văn Sơn hoặc *Việt Nam Chiến Sử* (do Phòng Quân Sử VNCH xuất bản), ngoài chữ Cơ Đốc giáo hoặc Gia Tô giáo thì thỉnh thoảng có dùng chữ công giáo. Tuy nhiên, hai cuốn sử này được phát hành vào đầu thập niên 1970, là lúc hai chữ “công giáo” đã ra đời hơn 15 năm rồi.

⁷ *Việt Nam Văn Hóa Sử Cương*, Đào Duy Anh, 1938, trang 125.

chỉ những người theo đạo Gia Tô, còn Lương thì chỉ hết tất cả những người còn lại. Vậy thì nếu có phân biệt Lương và Giáo thì tín đồ Tin Lành cũng thuộc vào loại “Lương” rồi..

Sau gần 100 năm truyền đạo Tin Lành mà chẳng thấy con chiên hay Mục sư nào “**tử vì đạo**” Tin Lành cả. Chỉ vì một lý do đơn giản là các Mục sư Tin Lành không bao giờ dính dáng đến chính trị, hoặc mượn tay nhà cầm quyền để rao giảng lời Chúa dạy cả.

Cùng đi rao giảng lời Chúa dạy mà một bên đến với nhiều “ngộ nhận” (hay “chính” nhận ?), còn một bên đến thật êm đềm và được đồng bào Việt Nam đón nhận vào đại thể văn hóa của dân tộc !

Ý tưởng biến Thiên Chúa giáo thành tôn giáo của chính quyền đã manh nha từ thời Pháp thuộc trong chính phủ và giới tăng lữ của nhà nước bảo hộ Pháp và trong cả những linh mục bản xứ đã quên mình là người Việt Nam. Vào những năm thánh cuối cùng của chế độ Thực dân, chữ “công giáo” được vài cha phổ biến một cách hạn hẹp trong giáo đồ. Nhà văn Nguyễn Vỹ, trong cuốn bút ký chính trị “Tuấn, Chàng Trai Nước Việt” (trang 132) đã nhận xét rằng: “...*Nhưng uy quyền của Pháp đang mạnh, thế lực Thiên Chúa giáo mà thực dân Pháp coi như công giáo và che chở, kính nể, đang bành trướng khắp nơi* ...” [Xin lưu ý hai chữ “Thiên Chúa giáo” và “công giáo” được dùng chung trong một mệnh đề với 2 nghĩa **khác** nhau. Điều này có nghĩa là cho đến khi ông Nguyễn Vỹ viết tác phẩm này, “Công giáo” **chưa** phải là tên của đạo Catholic]. Lòng các cha thì ao ước “bành trướng khắp nơi” như vậy, nhưng tình hình chính trị lúc đó đã không cho những người linh mục này biến Thiên Chúa giáo thành một thứ quốc giáo hay “công” giáo. Giác ngộ này phải đợi đến mấy mươi năm sau, khi người em ruột của vị Giám mục nhiều tham vọng Ngô Đình Thục là ông Ngô Đình Diệm lên nắm quyền ở miền Nam !

Ai cũng biết dùng chữ “Công giáo” trong ngôn ngữ Việt Nam thì có ít nhất ba điều không ổn:

■ Để gọi một tôn giáo, người Việt (hay đa số mọi quốc gia trên thế giới) dùng **tên người sáng lập** ra tôn giáo hay triết lý của tôn giáo đó mà gọi như Phật giáo (Buddha, Buddhism), Khổng giáo (Confucius, Confucianism), Lão giáo (Lao Tsu, Taoism); hoặc lấy **tên của dân tộc, sắc dân** đã khai sinh ra tôn giáo đó để đặt tên như Ấn giáo (India, Hinduism), Hồi giáo (Muslim, Islam), Do Thái giáo (Jews, Judaism), Anh giáo (English, Anglican), v.v... Và cũng theo nguyên tắc đó mà người Việt (hay đa số mọi quốc gia trên thế giới) đã gọi đạo Catholics là đạo Gia-Tô (Giêsu, Jesus), hay Cơ Đốc (Chris), hoặc đạo Chúa..

Trước thập niên 50, người Việt đã **không gọi** Catholics là “*Công*” giáo vì không có một vị giáo chủ sáng lập nào tên là “Công” hay một dân tộc nào tên là “Công” cả. Chữ “Công giáo” chỉ xuất hiện, như đã chứng minh bằng một số văn bản ở trên, từ khi có chế độ Ngô Đình Diệm.

■ Ngày nay, thế hệ trẻ Việt Nam sẽ liên tưởng rằng *công giáo* là công bình, công minh, bác ái. Điều này thật là buồn cười vì những người có căn bản Hán Việt đều hiểu rằng trong danh từ kép *công bình* thì chữ Bình là **chính nghĩa**, chữ Công chỉ là **bổ nghĩa** (liên hệ đến chính quyền). Cũng vậy, trong danh từ kép *công minh* thì từ Minh (sáng suốt) là chính, cũng như *bác ái* đến từ chữ Ái (là yêu). Do đó, nếu chữ công giáo là công bình, công minh thì tại sao lại không dùng nghĩa chính (bình, minh), gọi đạo này là *Bình giáo* hay *Minh giáo*, mà lại dùng chữ bổ nghĩa (công) để gọi là *Công giáo* ?

■ Ngoài ra, hai chữ Giáo và Đạo trong tiếng Việt được dùng để gọi một tôn giáo như ta vẫn gọi Khổng giáo là đạo Khổng, Hồi giáo là đạo Hồi, Phật giáo là đạo Phật, v.v... Như vậy, từ nay, gọi Công giáo là ... *đạo Công* chắc cũng không sai !

Những người đề xướng ra danh từ “Công giáo” chắc có thừa thông minh để hiểu những nghịch lý, sai lầm và bất cập này nhưng vẫn miễn cưỡng hoặc ngoan cố làm vì quyết định đổi từ “Cơ-Đốc giáo” sang được chữ “Công giáo” là bước đầu trong tham vọng biến lời Chúa dạy thành lời của Cesar, biến tổng thống Ngô Đình Diệm thành vua Constantin (vị hoàng đế đã quốc giáo hóa đạo Giê-su cho đế quốc La Mã).

Song song với việc đổi tên đạo, đảng Cần Lao của Công giáo cũng được khai sinh để hỗ trợ cho chính quyền. Cơ sở đảng Cần Lao từ trung ương đến địa phương đều nằm dưới quyền lãnh đạo hoặc cổ vũ của các Giám mục, các Linh mục. Đảng Cần Lao độc quyền chống Cộng và độc quyền trị nước nên các đảng quốc gia khác như Việt Nam Quốc Dân đảng, Duy Dân, Đại Việt, Dân Xã, ... đều bị đàn áp vì việc “chống Cộng” đã có Cần Lao lo rồi.

Đảng viên Cần Lao phải là người có đạo Công giáo. Những chức vụ quan trọng trong bộ máy công quyền phải do đảng viên Cần Lao nắm giữ. Ở nhiều địa phương, nhất là ở miền Trung, tân đảng viên Cần Lao khi gia nhập đảng phải đọc lời thề có câu: “...*Thề tiêu diệt Phật giáo Ma quỷ và các đảng phái Quốc gia...*” (theo tạp chí *Thức Tỉnh* số 115, 116, Los Angeles). Sau khi chế độ Diệm bị lật đổ, đảng Cần Lao mà một thời hét ra lửa với những đoàn mật vụ hung hiểm, đã hoàn toàn tan rã vì quyền lợi của những người gia nhập đảng không còn nữa. Sau năm 1975, tại hải ngoại, một nhóm tàn dư đảng viên cũ cố làm sống lại đảng này bằng cách bóp méo lịch sử, nhưng nỗ lực này chỉ tạo thêm phản ứng bất lợi cho họ mà thôi. (Xem thái độ hung hãn của Matthew Tran, Việt sĩ, Nguyễn Phúc Liên, Chu Tất Tiến... trên các forum thì rõ!- BBT)

Ngày hôm nay, nếu có ai hỏi về hai chữ “công giáo”, các cha sẽ giảng nghĩa khác đi⁸ vì các cha không còn thế lực chính quyền nữa. Nhưng ở thời Ngô Đình Diệm, dùng chữ Công giáo thay cho Cơ-Đốc giáo, các cha muốn cho quần chúng Việt Nam biết rằng tôn giáo này được chính quyền hỗ trợ như một quốc giáo. Đó là các thông điệp vừa ngầm vừa tỏ gửi đến cho giới trí thức Việt Nam thời đó. Cái lợi thứ hai về truyền đạo là đối với người dân ít học, thấp cổ bé miệng, thì hai tiếng “công giáo” kèm với hình ảnh của đảng Cần Lao đã tạo cho người đi giảng lời Chúa một thứ quyền lực đe dọa của nhà nước. Lời Linh mục phán là lời của “công” quyền, lệnh của các Cha là chính sách của quốc gia.

Việc đổi tên của một Giáo hội đã được hợp thức hóa và quy mô hóa với sự hậu thuẫn của chính quyền thời đó. Hệ thống tuyên truyền và hệ thống hành chánh của nền Đệ Nhất Cộng hòa được vận dụng tối đa để chính thức hóa danh xưng mới này. Hai chữ “Công giáo” xuất hiện trên công văn của chính phủ, trên sách báo, nhắc đi nhắc lại nhiều lần trên các đài phát thanh với mục đích thấm dần vào đầu trí thức và quần chúng Nam Việt Nam.

Dur luận lúc bấy giờ, nhất là trong tầng lớp trí thức, phản ứng mạnh mẽ. Lịch sử Việt Nam dưới nhiều triều đại, dù có khi đạo Phật đạo Khổng được cả nước, từ vua quan đến sĩ phu đến dân chúng, sùng bái, nhưng các tôn giáo này vẫn chưa bao giờ được gọi là quốc giáo hay đạo của chính quyền. Nay đề cao một tôn giáo (đã thiếu số lại từng làm tay sai cho ngoại bang) lên làm quốc giáo là đi trái với truyền thống dân tộc một cách trắng trợn, nên hai chữ “Công giáo” đã trở thành đề tài phê bình và phiếm luận, công khai có mà âm thầm cũng nhiều, trên mặt báo trong nhiều tháng. Người dân đòi hỏi chính phủ phải tách rời tôn giáo ra khỏi chính trị để tránh sự lũng đoạn chính quyền về sau.

Nhưng một khi mà ông chính phủ cổ thì đeo thánh giá, còn tay thì cầm cán cân CÔNG lý, giữ CÔNG quyền, nắm CÔNG cụ bạo lực (mật vụ, công an, cảnh sát, đảng Cần Lao, Chín Hàm, P42) trong tay, bảo rằng tôn giáo này là “CÔNG giáo” thì cả nước dù có bất đồng ý kiến cũng phải chịu cảnh “con kiền mà kiền củ khoai” !

⁸ Bấy giờ, chữ “công” được giải thích là công cộng trong cái nghĩa “hoàn vũ” (universal). Nhưng điều này cũng không ổn vì *hoàn vũ* chỉ là một trong ba thuộc tính của Giáo hội Công giáo (hai thuộc tính kia là *Thánh thiện* và *Duy nhất*), tại sao lại chọn thuộc tính “công/hoàn vũ” mà không chọn hai thuộc tính kia vốn cũng có ý nghĩa giá trị hơn nhiều ? Vì vậy, giải thích này chỉ là một lời ngụy biện để lạc dẫn người nghe hầu che dấu một ý đồ tồi tệ trong quá khứ mà thôi.

Bất chấp dư luận báo chí, bất chấp nguyện vọng của quần chúng, chế độ Ngô Đình Diệm và Đảng Cần Lao Công giáo đã cấu kết với Giáo hội Catholic Việt Nam “cả vú lấp miệng em” để áp đặt hai chữ “Công giáo” quái đản và ngược ngạo vào ngôn ngữ Việt Nam.

Để phản đối điều này, những người có ý thức được vấn đề chính danh vẫn dùng danh từ riêng “Thiên Chúa giáo” hay “Cơ Đốc giáo” thay vì “Công giáo” khi nói hoặc viết. Điều này thể hiện rõ ràng nhất ngay trong những sách giáo khoa xuất bản sau ngày chế độ Diệm bị lật đổ. Đến ngày hôm nay, nhiều người vẫn không quen dùng hai chữ “Công giáo” khi nói hoặc viết, mà vẫn dùng chữ đạo Gia Tô, Cơ Đốc, Ki-Tô, hoặc đạo Thiên Chúa.⁹

Ngày nay, hai chữ Công giáo đã mất đi ý nghĩa nguyên thủy mà **những người Thiên Chúa giáo Việt Nam với trái tim La Mã đã áp đặt lên dân tộc Việt Nam.** Chữ Công giáo trở thành một danh từ riêng như bao danh từ riêng khác. Nhưng những danh từ riêng trong tiếng Việt đều có nghĩa riêng đặc thù của nó, còn hai chữ “công giáo” nửa riêng nửa chung, mập mờ vừa công vừa tư, thì có ý nghĩa gì ? Có thể gượng gạo mà giải thích cho các thế hệ trẻ mãi chăng ?

Trình độ dân trí của người Việt Nam cũng được nâng cao, khó có thể mà trông tréo che mắt họ bằng danh từ hoa mỹ nữa. Trào lưu Dân chủ và Nhân bản đang lên cao trên thế giới, liệu những người đầy mặc cảm mang “tội tổ tông” có thể thực hiện được giấc mộng dâng đất nước này cho Chúa Trời (và Đức mẹ) qua bàn tay của Giáo hoàng La Mã không ?

Mục đích ban đầu đã mất ! Hai chữ “công giáo” còn lại gì ngoài việc làm chứng tích cho một thời kỳ đau buồn trong lịch sử ? Còn lại gì ngoài việc nhắc nhở người nghe chính sách tàn bạo của một chế độ Ngô Đình Diệm đã bị dân tộc vất vào sọt rác lịch sử ? Còn lại gì ngoài việc gọi cho những nạn nhân nhớ lại những ngày tháng hải hùng mà họ đang cố quên đi ? Và còn lại gì ngoài việc làm hoen ố lời Chúa dạy – vốn đã bị con người làm hoen ố nhiều rồi – thêm nữa ?

Trăm năm bia đá thì mòn

Ngàn năm bia miệng hãy còn trơ trơ

Ngày nào danh từ “Công giáo” vẫn còn thế chỗ cho danh từ “Thiên Chúa giáo” (hay đạo “Catô La Mã”) thì ngày đó Thiên Chúa chỉ có nghĩa là Công, và các thế hệ tin đồ sau này còn phải gánh chịu bia miệng của cuộc đời do các Cha, trong một phút ngông cuồng và xuân động dưới thời Ngô Đình Diệm, đã gây ra !

Nguyễn Hy Thần

ooo)000(ooo

⁹ Sau 1975, tại hải ngoại, một số người Việt lại dùng nhóm chữ “Catô La Mã” để dịch chữ “Roman Catholic” là danh xưng tiếng Anh được hầu như cả thế giới dùng phổ quát trong mọi lãnh vực để chỉ tôn giáo do Vatican lãnh đạo. Có lẽ danh xưng “Catô La Mã” này, về mặt ngữ nghĩa cũng như thực tiễn, là đúng nhất.

Trầm tư của một tên tội tử hình

Hồ Hữu Tường



Tự - Ngày 29 tháng 8 năm 1957, **tôi bị Toà án Quân sự Sài Gòn lên án tử hình**. Tôi có ký tên xin phá án, mà lòng không tin sẽ được, lại đã tự hẹn nếu không được phá án, thì âu để bị hành quyết cho rồi một đời, mà tôi muốn chấm dứt một cách khéo **hơn là để bị giết mờ ám**, nơi một chốn hẻo lánh nào đó, rồi tên tuổi thêm trầm luân trong một cái biển phi báng vô biên. Song lẽ, sự tự hẹn ấy được bè bạn ở nước ngoài hay được. Nên chi, sau ngày **bị bác đơn xin phá án**, ngày 31 tháng Chạp năm ấy, ông Albert Camus, thay mặt cho bè bạn nói tiếng Pháp, bà R. Fischer, thay mặt cho bè bạn nói tiếng Anh, ông Nguyễn Ngọc Bích, thay mặt cho người Việt ở hải ngoại, đánh điện cho tôi, ân cần khuyên tôi nên ký tên xin ân xá để cho họ tiện bề vận động xin phóng thích cho tôi. Nể tình họ, tôi đã ký tên.

Gần năm năm đã qua, **mặc dầu các bè bạn này không ngớt kêu gào, tôi vẫn đội trên đầu bản án tử hình**, và trong mấy năm này, trước khi đi ngủ, đêm nào tôi cũng tự hỏi: “*Ngày mai phải chăng là mình phải đứng trước toán lính hành quyết?*” Sống trong tâm trạng phập phồng nọ, những trầm tư của một tên tội tử hình, bị tử thần uốn nắn chiều hướng rất nhiều, chẳng khác nào tia sáng bị chạy gần một khối thu hút khổng lồ vậy. Phương chi, tôi còn mắc một cơn bệnh trầm kha, kéo dài từ tháng 4 năm 1959 đến tháng 9 năm 1961, mà đến nay, tháng 6 năm 1962, thời hồi xuân vẫn chưa dứt. Trong điều kiện ấy, những trang sau này phỏng có giá trị nào chẳng?

Tuy vậy, tôi không ngại ngừng mà đăng chúng nó ra, trước để làm một bức thư cảm ơn chung cho những ai, rải rác trong bốn phương trời, hoặc danh tiếng lẫy lừng như A. Camus hay Nehru, hoặc tên tuổi còn trong bóng như sinh viên và học sinh, sau để đặt một vấn đề mà tôi tin rằng là vấn đề trọng đại hơn hết của nửa thế kỷ sau của thế kỷ hai mươi. Tôi muốn nói đến sự đại nhất thống tôn giáo, triết học, khoa học và chánh trị.

Hơn hai ngàn năm trăm năm trước đây, khi khoa học chưa phát sanh và sự hiểu biết của loài người chỉ còn thô sơ, khi chánh trị còn là cái luân lý của các tiểu quốc vương đối với nhau và đối với thần dân, đã có người, tôi muốn nói đến Thích Ca Mâu Ni, đem tôn giáo và triết học mà thống nhất lại, thành ra Phật pháp còn truyền đến bây giờ. Hơn trăm năm trước đây, Marx đem triết học của nước Đức thời ấy, dung hoà với kinh tế học của Anh và xã hội chủ nghĩa của nước Pháp mà đắp nền cho một cái văn minh mới, văn minh chánh uỷ, hiện nay đang chi phối cả tí người. Rồi, do một sự ngẫu ngộ của lịch sử, sáu trăm triệu dân Trung Hoa, đương sùng bái đạo Phật đây, lại phải tôn thờ một lý tưởng mới, mà Thánh hơn là Marx, Engels, Lénine, Staline và Mao Trạch Đông... Hai nguồn văn minh này, của đạo Phật và của chủ nghĩa cộng sản, cả hai đều có xu hướng xa thơ, sau khi gặp gỡ nhau trên đất Trung Hoa, sẽ ai thắng, ai bại, hay sẽ tổng hợp nhau thành ra một cái gì mới mẻ?

Về một mặt khác, khoa học, phát sanh ở Hy Lạp vài thế kỷ sau Phật pháp, từ đây vạch một con đường càng lâu càng rộng thênh thang và ngày nay không biết biên giới nào cả. Vào những buổi đầu, nó còn phải tùy thuộc vào tôn giáo. Vài thế kỷ này, nó **gỡ được cái ách ấy**, nhưng lại bị trói vào những tùy thuộc mới của chánh trị. Nó sẽ cởi được những tùy thuộc mới này chẳng, hay sẽ hạ mình làm cái máy cho kẻ mạnh thế vận

theo ý muốn? Vài mươi năm nay, Phật pháp vừa bỏ vôi bỏ qua các xứ Tây phương, Anh, Đức, Pháp, Mỹ, Úc... Đụng chạm với khoa học của các xứ này, tôn giáo ấy sẽ ra sao, hay cũng sẽ bị khoa học bài bác, cũng như các giáo điều khác, trước kia?

Nói đến sự đại nhất thống tôn giáo, triết học, khoa học và chánh trị, mà **chỉ** đề cập đến Phật pháp, ấy *không phải* là một sự thiên lệch. Các giáo điều khác **không nhận chịu một sự sửa lại, vaincre ou périr** [1]. Hình như là giáo điều căn bản của các giáo điều. Đặt cái pháp của mình dưới sự dắt dẫn của trí tuệ. Phật pháp lấy sự sửa lại làm căn bản, và khi bảo rằng sau này Maitreya giáng thế làm vị Phật tương lai, để chỉnh lại cái pháp cũ, phải chăng là Thích Ca Mâu Ni dặn trước tin đồ mình nên dọn mình đón rước một cuộc sửa lại vĩ đại? Tôi bái phục cái tinh thần cải tiến canh tân ấy cũng như tôi bái phục điều mà trong khoa học, từ Copernic, Galilée, Képler, Newton và nhất là đầu thế kỷ XX, mỗi danh nhân đều đánh dấu cho một cuộc cách mạng trong tư tưởng. Cái tinh thần chung ấy phải chăng là **miếng đất dung hoà Phật pháp và khoa học**? Tôi tin rằng trong mấy năm gần đây sẽ có câu trả lời thoả đáng cho câu hỏi trên đây.

Một ngàn năm trăm năm trước Thích Ca Mâu Ni, triết học của Ấn Độ đã phồn thịnh lắm rồi và dọn đường cho sự thống nhất cái triết học ấy với sự hiểu biết, dưới dấu hiệu của trí tuệ, để thành Phật pháp. Cái triết học của Tây phương, lập ra từ thời Socrate, và bắt đầu phồn thịnh từ Bacon, sẽ nhờ một Maitreya mà thống nhất với khoa học, cũng dưới dấu hiệu của trí tuệ, ắt một tôn giáo mới ra đời, một tôn giáo không dựa vào tín ngưỡng và cuồng tín mà bắt nguồn nơi từ tâm, do trí tuệ soi sáng. Ba viên đá lớn, là tôn giáo, triết học và khoa học, đã nhờ trí tuệ mà xây liền với nhau được, thì cái mộng lớn kia, cái mộng đại nhất thống, gần thành vậy.

Chỉ còn viên đá chót: chánh trị. Từ muôn thuở, chánh trị thay đổi sát theo người làm và lịch sử đẩy đẩy những cái xảy ra bất ngờ, cũng như những cái hiển nhiên tránh không nổi. Đầu thế kỷ này, có mấy ai đoán trước được sự trỗi dậy của Á châu và Phi châu, cũng như những cố gắng đầu có thể ngăn nổi chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ hai nổ bùng ra? Và mặc dầu bắt nguồn nơi chung hệ thống của Marx, chánh trị của Lénine, của Trotsky, của Staline, của Khrouchev, của Mao Trạch Đông đâu có liên tục với nhau! Thuyết tiền định, thịnh hành ở phương Đông, phải chăng căn cứ nơi sự vô định của chánh trị? Và từ khi, trong sách Cộng hoà, Platon ước mong những hiền triết cầm quyền, hơn hai ngàn năm qua, trên khắp địa cầu, đã đếm được bao nhiêu người như thế ấy? Thế mà, lúc này hơn lúc nào cả, thế giới của chúng ta đòi hỏi những nhà cầm quyền hiền triết. Sự phân hoá thế giới thành hai khối tương phản nhau, cả đôi bên đều nắm những khí giới tàn sát rất kinh khủng, đang đe dọa nhân loại bằng sự phá hoại vô chừng, có thể kéo lùi lịch sử năm mươi thế kỷ là ít. Sự khôn ngoan của đôi bên liệu có thể ngăn nổi một cuộc chiến tranh thế giới thứ ba chăng? Nhìn theo tầm mắt của cái mộng đại nhất thống, liệu chánh trị có chịu đem viên đá của mình mà xây chung, cùng với tôn giáo, triết học và khoa học, cái lâu đài của ngày mai soi sáng bởi trí tuệ chăng? Hay chánh trị vẫn kiêu căng, vẫn bắt tôn giáo, triết học và khoa học làm nô lệ cho mình, và vẫn chỉ nghe tiếng gọi của bản năng và nhiệt tình?

Trong năm năm, lúc bình cũng như lúc mạnh, đầu óc tôi bị mấy vấn đề ấy ám ảnh, tôi nghĩ cách viết ra mấy bài trầm tư này. Chính tôi lấy làm lạ hơn ai hết sao một tên tội tử hình, số phận đặt nằm bên cạnh cái chết, lại không nghĩ về cái chết, mà lại lo chuyện của người sống. Mà lo nghĩ về chuyện của người khác, không lúc nào lòng tôi được yên nghỉ, cho đến đổi lắm khi, tôi tự ví là một damné [2]. Đương đợi sự giải thoát của mình. Mà sự giải thoát này, tôi tin rằng khi đăng tập sách này để hỏi những ai suy nghĩ trong bốn phương trời, tôi sẽ đón rước được những lời chỉ giáo.

Côn Sơn, tháng Sáu năm 1962

* *

*

Tái bút đúng ba năm sau

Khởi viết vào đầu tháng Sáu 1962, mỗi tháng được một bài, đến tháng Mười Hai năm ấy, tôi viết đến bài thứ năm. Nhưng tưởng có thể tiếp tục như vậy mãi, không dè cuối năm 1962, chúng tôi bị xét phòng.

Sách, mấy chục số *Esprit* của ông Domenach gởi cho, mấy chục số *Preuves* do bộ biên tập này tặng, ba bản thảo của ba bộ trường thiên tiểu thuyết đã viết xong, một quyển tự thuật, hai quyển tiểu luận, bị dồn vào một cần xé cắt vào kho... để cúng dường cho bọn mỗi làm thực phẩm. **Còn những cái viết lỡ dở, thì bị gom gởi lên ban quản đốc.** Nhờ vậy mà, khi Ngô Đình Diệm bị hạ, mớ tài liệu này được trả lại. Những bài “Trầm tư”, nhờ vậy mà sống sót.

Gởi về nhà trước khi tôi bước chân ra khỏi Chí Hoà, tạp chí *Bách Khoa* lần lượt cho đăng ra. Tôi không hài lòng lắm. Những bài tôi viết, dựa vào mớ kiến thức tôi đã có năm 1954, vào tù có đọc chi thêm, chi cho khỏi là lỗi thời? Nay ông giám đốc nhà xuất bản *Lá Bối* ngó ý cho in ra thành tập, tôi càng không hài lòng hơn nữa.

Song nghĩ cho kỹ, tại sao có cái tự ái như vậy?

Công chúng muốn hiểu tâm trạng của **một người tội tử hình, nằm trong bốn vách, chẳng biết chi xảy ra ngoài đời, bình hoạn liên miên, tử thần lảng vảng mãi bên cạnh.** Thì thành thật cho công chúng hiểu.

Còn việc nói trúng hay trật, ai nữ, mình là kẻ có đủ sách vở để học mỗi ngày, ai nữ tranh hơn thua với một kẻ, chỉ có ký ức leo lét của tên tội tử hình ốm đau nhắc nhở?

Sài Gòn, tháng Sáu 1965

[Source: *Talawas* – 7/2008]

Tiểu sử:

Ông sinh tại làng Thường Thạnh, tỉnh [Cần Thơ](#).

Năm [1926](#), Hồ Hữu Tường sang [Pháp](#) học tại trường Đại học [Marseille](#) và nộp luận án thi Cao học Toán tại Đại học [Lyon](#). Tại Pháp ông kết bạn và tham gia hoạt động chính trị với những nhà ái quốc lưu vong như [Nguyễn Thế Truyền](#), [Phan Văn Trường](#), [Nguyễn Văn Tao](#), [Ta Thu Thâu](#), [Phan Văn Hùm](#), [Phan Văn Chánh](#) v.v... và gia nhập [Đệ Tứ Quốc tế](#).

Năm [1930](#), Hồ Hữu Tường được giao làm chủ nhiệm báo bí mật tên là Tiền Quân. Thành viên của ban biên tập là những chính khách sau này như Tạ Thu Thâu, Hồ Văn Ngà, Phan Văn Chánh, Huỳnh Văn Phương, Lê Bá Cang... Báo chưa phát hành số đầu thì ban biên tập bị bắt vì tổ chức cuộc biểu tình ngày [22 tháng 5](#)

năm 1930 trước điện [Élysée](#) (dinh Tổng Thống Pháp) để xin giảm án cho các liệt sĩ trong cuộc [Khởi nghĩa Yên Bái](#) bị kết tội tử hình. Cả nhóm bị trục xuất về Việt Nam, ngoại trừ Phan Văn Hùm và Hồ Hữu Tường trốn thoát sang [Bi](#). Sau đó ông về nước.

Tháng 11 năm [1932](#), Hồ Hữu Tường bị Pháp bắt vì phụ trách tạp chí lý luận chính trị bí mật *Tháng Mười* (theo xu hướng Trotsky chỉ trích hoạt động của đảng Cộng Sản Đông Dương), đến ngày [1 tháng 5](#) năm [1933](#) bị xử án treo ba năm. Sau đó ông được mời gia nhập ban biên tập của nhật báo *Công Luận* và tuần báo *Đồng Nai*. Năm [1936](#), Hồ Hữu Tường xuất bản tạp chí *Thường trực Cách mạng*, một tạp chí bí mật duy nhất trong nước được in bằng chữ in. Tạp chí này được dùng làm công cụ đối lập với Đảng Cộng sản Đông Dương. Cũng trong thời gian này ông bỏ nhóm La Lutte và cho xuất bản một tuần báo tiếng Pháp tên là *Le Militant* (Chiến sĩ), công khai công kích [chủ nghĩa Stalin](#). Cùng với Đào Hưng Long ông cho ra tờ *Thầy Thợ* cổ xúy đường lối Đệ tứ Quốc tế.



Tháng 6 năm [1939](#), ông tuyên bố từ bỏ Đệ Tứ và [chủ nghĩa Mác](#). Ngày [29 tháng 9](#) năm [1939](#), chính phủ thuộc địa mở chiến dịch tổng đàn áp, bắt hết những đảng phái đối lập. Đến cuối năm [1940](#) Hồ Hữu Tường bị đày ra [Côn Đảo](#) cùng với các nhà cách mạng chống Pháp khác như Nguyễn An Ninh, Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu.... Năm [1944](#), ông được trả tự do. Trong thời gian ở tù, Hồ Hữu Tường đã hình thành một hệ thống tư tưởng mới: chủ nghĩa dân tộc, không lệ thuộc Tây, Tàu, Nga, Mỹ. Ông tuyên bố: "Tôi trở về con đường dân tộc; tôi cho rằng việc giai cấp vô sản giải phóng nhân loại là một huyền thoại lớn của thế kỷ 19 và tiềm năng cách mạng của giai cấp vô sản ở châu Âu và Bắc Mỹ là một huyền thoại lớn của thế kỷ 20."

Năm [1945](#), Hồ Hữu Tường ra Bắc. Trong thời gian này ông viết *Xã hội học nhập môn*, chống lại phép biện chứng và một loạt sách chính trị, kinh tế khác như: *Muốn hiểu chánh trị*, *Kinh tế học*, *Kinh tế chánh trị nhập môn*, *Tương lai kinh tế Việt Nam*, *Vấn đề dân tộc*, *Tương lai văn hóa Việt Nam*...

Năm [1946](#), Hồ Hữu Tường được mời tham dự [hội nghị Đà Lat](#) với tư cách cố vấn trong phái đoàn Việt Nam. Sau đó, ông tham gia soạn chương trình sách giáo khoa bằng tiếng Việt cho bậc trung học cho bộ Giáo Dục [Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa](#).

Năm [1947](#), Hồ Hữu Tường bị Pháp bắt trong lúc tản cư về [Hải Dương](#). Sau đó ông trở về [Sài Gòn](#) viết văn, làm báo. Năm 1948, Hồ Hữu Tường hợp tác với báo *Sài Gòn Mới* và bắt đầu viết tiểu thuyết *Phi Lạc sang Tàu*. Năm [1953](#), Hồ Hữu Tường đưa ra giải pháp Trung lập chế (Neutrality).

Năm [1954](#), ông sang dự [hội nghị Genève](#), ra sức vận động cho giải pháp trung lập Việt Nam nhưng không thành công.

Tháng 3 năm 1955, Hồ Hữu Tường bị bắt vì làm cố vấn cho Mặt Trận Thống Nhất ([Cao Đài](#), [Hòa Hảo](#), [Bình Xuyên](#)) chống lại chính quyền [Ngô Đình Diệm](#).

Năm [1957](#), Hồ Hữu Tường bị kết án tử hình, nhưng nhờ [Albert Camus](#) và những trí thức khác như [thủ tướng Ấn Độ Nehru](#) viết thư can thiệp nên *chỉ* bị đày ra Côn Đảo. Ngày [31 tháng 1](#) năm [1964](#) (sau khi

chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ) Hồ Hữu Tường được trả tự do. Ra tù, ông viết bài cho tờ *Ánh Sáng* và đưa ra giải pháp Siêu lập: đề nghị Liên Hiệp Quốc hóa miền Nam Việt Nam.

Năm [1965](#), ông làm Phó Viện Trưởng [Viện Đại học Vạn Hạnh](#) và vào ban biên tập tuần báo *Hòa đồng Tôn giáo*.

Năm [1967](#), Hồ Hữu Tường trúng cử dân biểu đối lập trong Hạ Viện [Việt Nam Cộng Hòa](#), thời gian này ông tham gia viết bài cho các tờ báo: *Tiếng Nói Dân tộc*, *Quyết Tiến*, *Đuốc Nhà Nam*, *Tin Sáng*, *Sài gòn Mới*, *Điện Tín* v.v...

Sau [sự kiện 30 tháng 4, 1975](#), ông bị bắt đưa đi học tập cải tạo. Năm 1980, được trả tự do và ít lâu sau mất vào ngày [26 tháng 6](#) năm [1980](#) tại [Sài Gòn](#).

[Source: Wikipedia.org]

Tác phẩm:

- **Chính trị, kinh tế, triết học:**

1. Xã hội học nhập môn (Minh Đức, 1945)
2. Kinh tế học và kinh tế chánh trị nhập môn (Tân Việt, 1945)
3. Tương lai kinh tế Việt-nam (Hàn Thuyên, 1945)
4. Phong kiến là gì? (Minh Đức, 1946)
5. Vấn đề dân tộc (Minh Đức, 1946)
6. Muốn tìm hiểu chánh trị (Minh Đức, 1946)
7. Tương lai văn hóa Việt-nam (Minh Đức, 1946, Huệ Minh, 1965).

- **Văn học sử:**

1. Lịch sử văn chương Việt-nam (quyển 1) (Lê Lợi, 1950).

- **Văn phạm:**

1. Phép nói và viết hỏi ngã (1950)
2. Em học tiếng mẹ (1950)
3. Em tập đọc (1951).

- **Dịch:**

1. Tam quốc chí (quyển 1, 1951)

- **Truyện:**

1. Bộ Một thuở ngàn năm (truyện trào phúng chính trị) gồm có: Phi Lạc sang Tàu (Sống Chung, 1949), Phi Lạc náo Hoa Kỳ (Vannay, Paris, 1955), Tiểu Phi Lạc náo Sài Gòn (Nam Cường, 1966), Diễm Hồng xuất giá (Nam Cường, 1966).
 2. Bộ Hồn bướm mơ hoa (tiểu thuyết lịch sử xã hội, miền Hậu Giang) gồm 4 tập: Mai Thoại Dung, Tam nhơn đồng hành, Ông thầy Quảng, Bữa lưới người (Nam Cường, 1966).
 3. Bộ Gái nước Nam làm gì? (tiểu thuyết tranh đấu chống Pháp) gồm Thu Hương và Chị Tập (Sống Chung, 1949).
 4. Nỗi lòng thằng Hiệp (Lê Lợi, 1949).
 5. Kế thế (tiểu thuyết dã sử) (Huệ Minh, 1964).
 6. Bộ Thuộc trường sanh gồm 3 tập: Xây mộng, Phúc đức và Vẹn nguyên (Huệ Minh, 1964). Hoa đình cầm trận (tiếp theo Thuộc trường sanh).
 7. Người Mỹ ưu tư (tác giả xuất bản, Paris, 1968)
- **Tiểu luận:** Những kỹ thuật căn bản của nghề làm báo (in tại Paris, 1951, Hòa Đồng, 1965), Trầm tư của một tên tội tử hình (Lá Bối, 1965), Luận lâm I (Huệ Minh, 1965), Nói tại Phú Xuân (những bài tham luận đọc tại Đại Học Huế) (Huệ Minh, 1965).
 - **Truyện ngắn, tạp văn:** Quả trứng thần (1952), Kể chuyện (Huệ Minh, 1965), Nợ tình thần (Huệ Minh, 1965).
 - **Tự truyện và hồi ký:** Thằng Thuộc con nhà nông (An Tiêm, 1966), 41 năm làm báo (Trí Đăng, Đông Nam Á tái bản tại Paris, 1984), Un fétu de paille dans la tourmente (Paris, 1969, chưa in).

[Source: Wikipedia.org]

)00(0000)00(

Ông Diễm dung dưỡng gián điệp Việt Cộng nhưng lại triệt hạ ba lực lượng chống Cộng

Cao Thế Dung

... Bộ Quốc Phòng do Trần Trung Dung, Bộ trưởng Phụ Tá, chủ trương tổ chức "đốt lon Pháp" là một sai lầm, một hành động "trẻ con". Hậu quả là đã gây nên một "tai họa ngoại giao": Pháp đoạn tuyệt mọi liên hệ về tình báo với chính phủ VNCH. Hàng trăm cán bộ tình báo của Cộng sản xâm nhập vào cả An Ninh

Quân Đội, Báo Chí, Cảnh Sát Công An và kể cả đảng Cần Lao do hậu quả Pháp đã đem tất cả hồ sơ mật về nước.

Điển hình như nhóm Đông Nam Á Vụ của Cộng sản về đầu thú Pháp ở Hà Nội năm 1952. Pháp dùng làm gián điệp đôi; năm 1955 nhóm này đã len lỏi vào nhiều lĩnh vực hoạt động ở Miền Nam, vào cả ngành an ninh tình báo của chính phủ Ngô Đình Diệm. Điển hình như nhóm Ca Dao, nhóm Phan Nghị (Ký giả) và nhiều nhóm khác trong đó có Phạm Xuân Ân- lúc ấy còn là một cán bộ cấp thấp nhưng đã là nhân viên tình báo 2 mang làm cho Phòng Nhì Pháp từ năm 1950.

Cử Nguyễn Ngọc Lễ làm Tổng Giám Đốc Công An là một sai lầm khác tai hại nghiêm trọng. Lễ xuất thân hạ sĩ quan Binh đoàn Pháp, bản chất võ biền và lỗ mãng. Lễ không biết gì về tình báo. Lúc Lễ về tiếp nhận Tổng Nha thì bao nhiêu hồ sơ mật đã biến mất, một trong mấy tay lành nghề tình báo thì Lễ không dùng, Bùi văn Nhu vốn là " con cưng " của Mật Thám và Phòng Nhì Pháp, Nhu được Cộng Sản khéo léo móc nối từ năm 1956 dưới thời Nguyễn Ngọc Lễ. Những tay giỏi nghề từ Miền Bắc vào Nam thì bị đẩy đi tỉnh xa hoặc không được dùng. Một lỗ hổng lớn trong ngành an ninh tình báo từ lúc Lễ làm Tổng Giám Đốc kéo dài cho đến thời Phạm Xuân Chiêu, một tướng lãnh duy nhất người Bắc thuộc Quốc Dân Đảng, có học, con cháu lớp Văn Thân Cách Mạng, nhưng ông tướng này không chuyên nghề trong lúc mặt trận tình báo phải là ưu tiên hàng đầu.

Tình báo Cộng sản xâm nhập từ lỗ hổng to lớn trong suốt 3, 4 năm. Đầu não của Ngân Hàng Việt Nam lại là một ổ tình báo Cộng sản, một tay kế toán thân tín của Nguyễn Cao Thắng là tình báo Cộng sản, 2 tên "nội dịch" trong văn phòng "Cố Vấn chỉ đạo Miền Trung Ngô Đình Cẩn" lại là tình báo sau được đồng hóa làm trung sĩ Địa Phương Quân rồi biệt phái làm cho tướng Lê Văn Nghiêm lúc ông Nghiêm làm Tư lệnh Quân Khu I.

Hệ thống phát hành sách báo trước Genève 54, Phòng Nhì Pháp kiểm soát khá chặt chẽ nhờ " nghệ thuật " phóng tài hóa thu nhân tâm nhưng đầu năm 1955, những tay Cộng sản làm " chỉ điểm 2 mang " cho Pháp, được rảnh tay và họ thực sự nắm ngành phát hành cũng như ngành cải lương, từ soạn giả đến anh kéo màn sân khấu.

Mặt trận tình báo đã mở ra từ sau Genève 54, chính phủ Ngô Đình Diệm đã bắt lực mặt trận này cho đến 2,3 năm sau. Chính vì vậy, chính quyền đã không biết rõ những ai với cái đuôi dài sau nhóm Nguyễn Hữu Thọ, Mã thị Chu, Huỳnh Tấn Phát và Nguyễn văn Hiếu. lẽ tự nhiên cái đuôi sau mấy tay mặt nổi này mới quan trọng.

Huỳnh văn Trọng trước hết là một đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng gia nhập Đảng năm 1945 tại Hà Nội, sau bỏ Đảng và làm cho Phòng Phản Gián Pháp từ năm 1950. Cuối năm 1954, Trọng ở lại Sài Gòn, Cộng sản móc nối với Trọng vào thời gian này cũng như Đinh văn Đệ, Trần Ngọc Châu, Phạm Ngọc Thảo, đều là dân tình báo được Cộng sản cài vào chính quyền Miền Nam một cách tinh vi.

Theo giới tình báo, sau Genève 54, Cộng sản đã để lại ở Sài Gòn 50 triệu (hồi suất lúc ấy là 35 đồng ăn một Mỹ kim) để tiếp tục gây dựng cơ sở kinh tài để kinh tài nuôi tình báo. Vì sai lầm của Việt Nam Cộng Hòa đã không thu dụng được giới chỉ điểm 2 mang và chuyên viên tình báo của Phòng Nhì Pháp nên Cộng sản nhờ sẵn tiền đã kết nạp được giới này. Cộng sản không kết nạp vào Đảng mà đem vào các cơ sở kinh doanh của tư nhân và Đảng qua " tư nhân " góp vốn như hãng tàu chuyên chở Nguyễn văn Bửu và kể cả OPV của Nguyễn Cao Thắng sau này, nhất là cơ sở kinh doanh của nhóm Nguyễn Trung Thành và Ngân Hàng Việt Nam mà Nguyễn văn Diệm là điển hình. Diệm đã từng cộng tác với Pháp trước 1954 đồng thời hoạt động cho Cộng sản .

Một sai lầm khác nghiêm trọng của chính quyền Ngô Đình Diệm là làm mất đi 3 tiềm lực chống Cộng vô giá : Ở Miền Trung, Việt Nam Quốc Dân Đảng cầm súng chống lại chính quyền; ở Miền Nam, Cao Đài một phần bất hợp tác rút ra bùng trong hoàn cảnh bất đắc dĩ phải hợp tác với Cộng sản, một phần quan trọng khác, chủ lực là lực lượng Cao Đài Liên Minh Trình Minh Thế tuy đã về hợp tác với chính quyền nhưng từ đầu năm 1956, lực lượng này bị phân tán và đem ra Miền Trung, cuối cùng tan rã cả một binh đoàn thiện chiến về lối đánh du kích, đã quen với vùng rừng núi Tây Ninh ; ở miền Tây, lực lượng Hòa Hảo Lê Quang Vinh bị quân chính phủ đánh tan. ngày 13.4.1956, Liên Đoàn Bảo An Trần Quốc Tuấn bắt được Ba Cụt, được thưởng 1 triệu đồng; gần ba tháng sau, ngày 6.7.1956 toàn lên án tử hình Ba Cụt . Vị tướng 32 tuổi đầy mưu trí và yêu nước này đã bị hành quyết vào ngày 13.7.1956, gây nên sự căm phẫn sâu xa trong tập thể gần 3 triệu tín đồ Hòa Hảo ở Miền Tây.



Tướng Lê Quang Vinh (Ba Cụt) bị xử án tử hình

Chính quyền có thể loại Trần văn Soái, Lâm Thành Nguyên, nhưng loại lực lượng Hòa Hảo Lê Quang Vinh không những là sai lầm nghiêm trọng mà còn là một tội đối với lịch sử. Riêng lực lượng Hòa Hảo Nguyễn Giác Ngô được coi là một lực lượng quốc gia thuần túy chống cả Pháp lẫn Cộng, có kỷ luật nghiêm minh, với trên 2000 quân đã quen với địa hình địa vật Miền Tây và lối đánh du kích và chống du kích thì cũng như lực lượng Trình Minh Thế, bị phân tán đem ra Miền Trung, cuối cùng bị tan rã. Nếu chính quyền duy trì được hai lực lượng này thì tình trạng ở Miền Tây và Miền Đông đã không bị du kích Cộng sản tái hoạt động làm ung thối ngay giữa năm 1957 là năm cực thịnh của chế độ Ngô Đình Diệm.

Mất lực lượng võ trang Trình Minh Thế là một thiệt hại to lớn; với trên 2500 quân, năm 1952, lực lượng yêu nước này đã mở rộng địa bàn hoạt động khắp Miền Đông và lan tới Miền Tây, phát triển lối đánh du kích và đặc công. Lúc nghe tin tướng Thế bị bắn chết tại trận, theo Lansdale , người đang ngồi nói chuyện với ông Diệm , thì ông Thủ tướng bàng hoàng và chảy nước mắt.

Lansdale nói với Shaplen : " Đây là lần duy nhất mà tôi thấy ông bộc lộ tình cảm ".

Nhưng chỉ một năm sau, lực lượng của tướng Thế bị chia cắt, đẩy ra khỏi Miền Đông và đưa lên Cao nguyên hoặc ra giới tuyến.

Miền Trung đen tối hơn, lực lượng Đại Việt võ trang ly khai ở Ba lòng. Quảng Nam, Quảng Ngãi là hai tỉnh với trên 2000 đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng võ trang lại ly khai, lập chiến khu chống lại chính quyền. Năm 1956, Việt Nam Quốc Dân Đảng trở về hợp tác, tuy nhiên, chỉ một thời gian ngắn lại bị chính quyền đàn áp. Qua phong trào nhân dân tố Cộng, chính đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng lại bị phong

trào này chụp mũ là Cộng sản. Thật vậy, phong trào tố Cộng từ năm 1956 đã trở thành đen tối ở Miền Trung. **Hàng vạn người bị bắt nhưng đa số là lương dân vô tội, hoặc đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng hoặc bị trả thù cá nhân.**

Phong trào tố Cộng trở thành cơn bão tố ở nông thôn nhất là từ Phú Yên trở ra. Sau 10 tháng phát động phong trào, chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên bố là đã đưa về với chính nghĩa Quốc Gia được 100 ngàn cựu cán bộ Việt Minh và đã tiêu diệt được ảnh hưởng của Cộng sản trong 9 năm trước.

Thực tế không phải vậy. Cán bộ Cộng sản đã len lỏi vào phong trào và xâm nhập ngay từ văn phòng Bộ trưởng Thông Tin Trần Chánh Thành để lèo lái phong trào tố Cộng, mô phỏng y như cách thức Cộng sản tổ địa chủ và trí phú ở Miền Bắc.

Tổng thư ký Bộ Thông Tin là cán bộ Cộng sản nằm vùng, tức Trần Thúc Linh, sau này với cái dù thâm phán, Trần Thúc Linh tiếp tục hoạt động cho Cộng sản cho đến năm 1975. Do đó, phong trào tố Cộng với kết quả trái ngược hẳn lại, chỉ đẩy lương dân về phía Cộng sản, giới Quốc Gia thì trở thành thù địch của chính quyền. Điển hình như ở Phú Yên, hàng trăm người thuộc Đại Việt Quốc Dân Đảng đã bị bắt bị tra tấn và giam cầm, các em và cháu của lãnh tụ Trương Tử Anh đã bị đánh đập tàn tệ, bị bỏ tù chung với Cộng sản đến sau năm 1963.

Năm 1957, Cộng sản vẫn còn yếu, nên dù nỗ lực thế nào Cộng sản vẫn không gây được một phong trào nhân dân đứng lên đòi Tổng tuyển cử sau khi Ngô Đình Diệm bác bỏ. Trước đây nông thôn chỉ biết có Hồ Chí Minh, nay thì Ngô Đình Diệm thay thế và triệt để chống Cộng. Hàng trăm ngàn cán bộ Việt Minh đã thực tâm hồi chánh và cộng tác với chính quyền song từ phong trào chống Cộng lại loại bỏ các thành phần đảng phái Quốc Gia, Cao Đài, Hòa Hảo.

Chính quyền Ngô Đình Diệm **mất quần chúng ở cả nông thôn lẫn thành thị.** Hàng trăm đảng viên Đại Việt, Duy Dân, Việt Nam Quốc Dân Đảng đã bị đem nhốt chung với Cộng sản, hồ sơ cá nhân biến thành hồ sơ Cộng sản trong khi một số cán bộ Cộng sản trá hình đầu thú lại được trọng dụng và chính thành phần này đã "chỉ điểm" cho chính quyền bắt lương dân hay giới quốc gia chống Cộng mà chúng chụp mũ cho là Cộng sản. Từ năm 1957, những Phạm Ngọc Thảo, Phạm Xuân Ẩn, Cao Dao đã thành công trong công tác nằm vùng trong ngành tình báo của chính quyền Ngô Đình Diệm từ cơ sở thượng tầng đến tỉnh và quận.

Sai lầm nghiêm trọng khác của chính quyền Ngô Đình Diệm là ngày 5.10. 1955, nghe lời tướng Cao Đài Nguyễn Thành Phương, đã đem quân xâm nhập Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh tước khí giới đạo Hộ Vệ Quân của Hộ Pháp Phạm Công Tắc, lại **cho báo chí của chính quyền và kể cả đài phát thanh bôi nhọ Phạm Công Tắc như một người dâm ô, Việt gian tay sai Pháp.** Hộ Pháp Phạm Công Tắc phải lưu vong qua Nam Vang, ít nhất 3 hệ phái lớn của Cao Đài đã liên minh với Cộng sản trong giai đoạn CÙNG ĐƯỜNG mà theo Douglas Pike thì 10 trong 11 giáo phái đã theo Cộng sản, chỉ còn một hệ phái cộng tác với chính quyền để bảo vệ Tòa Thánh Tây Ninh.



Hộ Pháp Phạm Công Tắc và đội Hộ Vệ quân tại Tòa thánh Cao Đài ở Tây Ninh

Chế độ Ngô Đình Diệm đã dùng luật pháp và Tòa án để trị dân và đặc biệt dùng Tòa án để chống Cộng sản song chính lại là cách làm cho Cộng sản tạo được cơ hội tuyên truyền và lấy lòng dân trong khi đối với các đảng phái đối lập thì Tòa án lại trở thành công cụ đàn áp " đập đổ những kẻ chống đối chế độ bất cứ bằng hình thức nào.

Còn các cơ quan ngôn luận dù có muốn vươn mình lên để nói tiếng nói tự do cũng không được. Họ bị ràng buộc mọi mặt . **Muốn sống thì phải chiều ý nhà cầm quyền** (Hồi ký Trần Tương).

Muốn chống Cộng thì phải làm y như Cộng, đó là chủ trương hết sức sai lầm của Bộ Thông Tin dưới thời Trần Chánh Thành và Trần Thúc Linh. Suy tôn Ngô Tổng Thông như kiểu Cộng sản suy tôn Bác Hồ đã làm cho ông Tổng Thông trở thành hình ảnh nhảm chán.

Giai đoạn 1946-1952, nghĩa là trước vụ Cộng sản đầu tổ, Hồ Chí Minh đã rất thành công khi đi vào lòng quần chúng ở mọi giới, nhất là giới trẻ. Ông Hồ đi vào quần chúng bằng hai chữ " Bác Hồ ", đơn giản với đôi dép quai râu, chiếc quần nâu rộng ống, nhiều khi xắn cao quá gối..

Ông Diệm đã không thành công khi đi vào quần chúng, nhất là quần chúng nông thôn, với một bộ đồ lớn trắng tinh, tay cầm chiếc ba-tông hoặc ngồi trong xe lướt nhanh trên đường phố trông vắng với từng đoàn xe hộ tống. Đường Công Lý có lúc phải gián đoạn 3, 4 giờ để dẹp đường chờ đoàn xe Tổng Thống từ Tân Sơn Nhất về Dinh.

Đầu năm 1957, Cộng sản bắt đầu phản công bằng chiến dịch ám sát các viên chức xã ấp và cự kháng chiến trở về hợp tác với chính quyền . Con số chính quyền qua Bộ Thông Tin đưa ra vào dịp kỷ niệm lễ Song Thất 7.7.1954 là 42.760 người đã bị Cộng sản ám sát, thủ tiêu dưới nhiều hình thức khác sau Hiệp Định Genève, song đây là con số không có bằng cứ khả tín. Ước lượng từ một tỉnh tân lập như Kiến Phong thì con số cán bộ xã ấp và cự kháng chiến bị Cộng sản sát hại đã lên rất cao.

Hàng trăm điệp viên hữu hạng của Cộng sản từ Bắc được gửi vào Nam sau Hiệp Định Genève. Số điệp viên này thuộc Phòng Đông Nam Á Vụ và Phán Gián, hầu hết đã có kinh nghiệm hoạt động nội thành, chia nhau xâm nhập qua nhiều đường gầy thuộc nhiều lãnh vực. Phan Nghị thì hành nghề ký giả sau len lỏi vào làm cho tờ *Ngôn Luận* và *Chính Luận* (sau 1963); Vũ Ngọc Nhạ len lỏi vào Công Giáo phía Linh Mục Hoàng Quỳnh; Nguyễn văn Lương, giáo viên tư thực ở Nam Định là kẻ đã móc nối Vũ Hân (1964) cùng Vũ Hạnh xuất bản tạp chí *Tin Văn* và sau bí mật cộng tác với Thế Nguyên, tạp chí *Trình Bày* . Cao Dao nổi kết với Phạm Xuân Ân ...

Về tình báo, cao cấp nhất cài trong chính quyền thì trao cho Phạm Ngọc Thảo với một ám số đặc biệt và luôn luôn thay đổi. Phạm Ngọc Thảo bây giờ đã về đầu thú chính quyền Ngô Đình Diệm cùng với nhóm Kiều Công Cung và được **Giám Mục Ngô Đình Thục đỡ đầu vì Thảo và Cung là Công giáo thuộc địa phận Vĩnh Long**. Thảo được đồng hóa với cấp Trung Tá và làm việc trực tiếp với văn phòng Cố Vấn Chính Trị Ngô Đình Nhu...

Vào giữa năm 1958, Xứ ủy Nam Bộ quyết định thành lập Bộ Tư Lệnh Miền Đông, khởi đầu với 4 đại đội, một đại đội đặc công với 75 đội viên; Liên đại đội C-1000 hoạt động tại Tây Ninh, nơi không còn bóng dáng Cao Đài nên lực lượng Miền "tự tung tự tác". Bộ Tư Lệnh Miền thành lập khu B tức Dương Minh Châu thuộc tỉnh Tây Ninh, chiến khu A từ Mã Đà đến Bù Cháp, Thủ Dầu Một.

Ngày 10-8-1958, Liên đại đội tỉnh Tây Ninh (từ đây gọi là Việt Cộng) tấn công quận Dầu Tiếng. Theo tài liệu của Việt Cộng, trận này " diệt 200 tên, bắt 30 tên, thu 200 súng tự động, sau đó đánh lui một tiểu đoàn đến tiếp viện cho Dầu Tiếng ". Theo tài liệu Việt Nam Cộng Hòa (từ đây gọi là Nam Việt Nam), " quận Dầu Tiếng tuy bị đánh bất ngờ trong lúc cả nước đang thanh bình song đã chống trả kịch liệt với quân số 67 Bảo An và Dân Vệ, Việt Cộng để lại 17 xác. Cuộc truy lùng vào mấy ngày kế tiếp, bắt được 4 cán binh Việt Cộng bị thương nằm điều trị trong ba nhà phu đồn điền cao su.

Ngày 20-10-1958, đại đội đặc công Việt Cộng từ chiến khu D tấn công trụ sở phái bộ Quân Sự Mỹ (MAAG) ở Biên Hòa, mở màn cho các trận đặc công kế tiếp. Biệt Động Đội và Đặc Công là binh chủng thuần phục của Việt Minh trước đây. ...

Cao Thế Dung

[Source: *Việt Nam Ba Mươi Năm Máu Lửa*, trang 480-497, 1991]

Hình và Tựa trích đoạn này là của GDOL

)((OOOO)(

Tuyên ngôn của 18 Nhân vật thuộc nhóm “Tự Do Tiến Bộ” gửi Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, Sài Gòn 1960

Thưa Tổng thống,

Chúng tôi ký tên dưới đây, đại diện cho một nhóm đồng bào, nhân vật và trí thức tên tuổi thuộc mọi xu hướng, nhóm những người thiện chí nhận thấy rằng đối diện với sự trầm trọng của tình hình chính trị hiện nay, chúng tôi không thể cứ bàng quan với những thực tế của nước ta.

Vì vậy, chúng tôi chính thức gửi đến Tổng thống hôm nay lời kêu gọi, với mục đích phơi bày với Tổng thống tất cả sự thật trong niềm hy vọng là chính quyền sẽ lưu tâm để gấp rút thay đổi chính sách, hầu cứu vãn tình hình hiện nay để đưa quốc dân ra khỏi cơn nguy biến.

Chúng ta hãy nhìn lại dĩ vãng thời Tổng thống còn ở nước ngoài. Đã 8, 9 năm qua, dân tộc Việt Nam trải qua nhiều thử thách do chiến tranh mang lại; từ sự độ hộ của Pháp đến việc chiếm đóng của Nhật, từ cách mạng cho đến kháng chiến, từ việc Cộng Sản núp sau chiêu bài quốc gia để gạt gẫm cho đến nền độc lập giả tạo che dấu nền thực dân, từ kinh hoàng này đến kinh hoàng khác, hy sinh liên tục - nói tóm lại từ hứa hẹn này đến hứa hẹn khác, cuối cùng cho đến khi niềm hy vọng kết thúc bằng một sự thất vọng chua cay.

Vì vậy, khi Tổng thống sắp sửa hồi hương, toàn dân đã nuôi mỗi hy vọng là dưới sự lãnh đạo của Tổng thống, toàn dân sẽ lại tìm thấy được nền Hòa bình cần thiết để đem lại ý nghĩa cho cuộc sống, để dựng lại ngôi nhà đã bị phá hủy, để đặt lại được cái cày trên những mảnh đất từng bị bỏ hoang. Nhân dân hy vọng rằng không còn bị bắt buộc buổi sáng hoan hô một chế độ, buổi chiều hoan hô một chế độ khác, không còn là con mồi cho sự tàn bạo và áp lực của một phe phái nào, không còn bị đối xử như cu-li, không còn một nền độc quyền nào thao túng, không còn bị sự cướp bóc của công chức tham nhũng và độc đoán. Nói tóm lại, nhân dân ước mong được sinh sống trong sự an ninh, dưới một thể chế sẽ đem lại cho họ một chút công lý và tự do. Toàn dân nghĩ rằng Tổng thống sẽ là con người của thời thế và sẽ đáp ứng được nguyện vọng của họ.

Lúc Tổng thống mới về nước thì tình trạng quốc gia như thế đó. Hiệp ước Genève năm 1954 chấm dứt cuộc chiến và sự tàn phá của chiến tranh. Quân đội viễn chinh Pháp tuân tự rút đi và nền độc lập cho miền Nam Việt Nam trở thành một sự thật. Ngoài ra, nước nhà còn được sự khích lệ tinh thần và được hưởng sự viện trợ đáng kể của thế giới tự do. Với nhiều yếu tố chính trị thuận lợi như thế thêm vào những điều kiện địa dư may mắn có được đất đai màu mỡ về nông lâm sản và thặng dư về hải sản, đáng lẽ miền Nam Việt Nam đã phải đủ sức để bắt đầu đi đến thắng lợi cuối cùng trong cuộc chiến đấu với miền Bắc, để có thể thỏa mãn được ý dân và đưa đất nước đến hy vọng, tự do và hạnh phúc. Ngày này, sáu năm sau, sau khi hưởng được nhiều lợi điểm không thể chối cãi đến như thế, Chính phủ đã làm được những gì? Chính phủ đã đưa miền Nam đi về đâu? Những ước vọng tha thiết nào của nhân dân đã được thành tựu?

Chúng ta thử tổng kết tình hình một cách khách quan, không xu nịnh mà cũng không buộc tội sai lầm, theo đúng đường hướng xây dựng mà chính Tổng thống vẫn hay nói đến với ước vọng là Chính phủ sẽ thay đổi chính sách để tự đưa mình ra khỏi một tình trạng hết sức hiểm nghèo cho sự sinh tồn của quốc gia.

VỀ CHÍNH TRỊ

Mặc dù chế độ ngoại lai do thực dân tạo ra và che chở đã bị lật đổ và nhiều phe nhóm từng đàn áp nhân dân đã bị triệt hạ, dân chúng vẫn chưa tìm thấy được một cuộc sống khá hơn hay có nhiều tự do hơn dưới chế độ Cộng Hòa do Tổng thống thành lập. Một hiến pháp đã được lập ra nhưng **chỉ có hình thức**. Và Quốc hội tuy có đầy nhưng những cuộc thảo luận luôn luôn được diễn ra chỉ **theo đường hướng của chính quyền**. Và những cuộc **bầu cử phản dân chủ**. Toàn là những phương pháp và “trò hề” bất chước các chế độ Cộng Sản độc tài và lẽ tất nhiên là không thể đem ra để so sánh với miền Bắc được.

Những vụ **bắt bớ liên tục tiếp diễn** làm cho nhà giam và khám đường đầy đến tận nóc như hiện nay đang xảy ra; dư luận quần chúng và báo chí phải câm lặng. Cũng thế, **ý dân bị khinh nhục và chà đạp trong những cuộc đầu phiếu** (ví dụ trường hợp xảy ra trong cuộc bầu cử nhiệm kỳ 2 mới đây). Tất cả những điều này đã gây ra sự nản chí và bất mãn của dân chúng.

Các chính đảng và giáo phái đã bị loại bỏ. Thay vào đây là các “Nhóm” và “Phong trào”. Nhưng sự thay thế này chỉ đem đến **những điều áp bức mới** cho dân chúng mà không che chở được cho dân chúng của các giáo phái từ trước vẫn là những vùng tử địa của Cộng Sản thì nay không những đã mất hết an ninh (cho người Quốc gia) mà còn trở thành những đại lộ cho du kích Việt Cộng mà tình trạng chung như thế xảy ra khắp nơi.

Đây là chứng cứ cho thấy rằng các giáo phái tuy nhỏ nhoi không đáng kể đã là những thành phần chống Cộng hữu hiệu. Việc **triệt hạ các giáo phái** đã mở lối cho Việt Cộng và vô tình dọn đường cho kẻ thù, trong khi một chính sách thực tế và uyển chuyển hơn đã có thể liên kết họ về chung thành một khối để tiếp sức cho trận tuyến chống Cộng.

Ngày nay, nhân dân muốn được tự do. Đáng lẽ Tổng thống nên mở rộng chế độ, khuyến khích nền dân chủ, **bảo đảm các quyền công dân** tối thiểu và **công nhận đối lập** hầu dân chúng được nói lên tiếng nói của mình mà không sợ hãi để dẹp được sự bất mãn và căm thù, vì đối với dân chúng, thể đối lập là lý do độc nhất cho họ tồn tại. Khi Tổng thống thực hiện xong được những điều này thì nhân dân miền Nam Việt Nam có thể đứng của mình đối với miền Bắc mà nhận ra được giá trị của một nền tự do thật sự và một nền dân chủ chân chính. Chỉ đến lúc đó dân chúng mới sẽ nỗ lực và hy sinh tối đa để bảo vệ sự tự do và nền dân chủ ấy.

VỀ CHÍNH QUYỀN

Lãnh thổ thu hẹp lại, số công chức lại tăng lên mà việc quản trị lại không chạy. Ấy là vì chính quyền giống như Cộng Sản, đã để cho **các đoàn thể chính trị (của chính quyền) kiểm soát người dân**, tách rời nhóm ưu tư ra khỏi hạ tầng và gieo rắc sự nghi ngờ giữa những kẻ liên hệ với “đoàn thể” và những người “ngoài đoàn thể”. Thực quyền không còn ở trong tay của những người đáng lý có trách nhiệm của “gia đình”, nơi từ đó các mệnh lệnh được truyền ra. Điều này làm cho guồng máy hành chánh bị chậm lại, làm tê liệt mọi sáng kiến và làm nản lòng mọi người có thiện chí. Đồng thời, không một tháng nào trôi qua mà báo chí không đăng đầy những **chuyện hối lộ không thể che dấu được, những chuyện này trở thành một chuỗi dài những giao dịch phi pháp hằng triệu bạc**.

Guồng máy hành chánh, vốn đã bị đình trệ bấy giờ hầu như hoàn toàn trở nên tê liệt. Nền hành chánh cần được cải tổ gấp rút. Những người có khả năng phải được đặt đúng vào những chức vụ từ trên xuống dưới, hệ thống hành chánh và kỷ luật phải được tái lập, quyền lực và trách nhiệm phải đi đôi với nhau; sự hữu hiệu, sáng kiến, lòng ngay thẳng và tính cần kiệm phải là những tiêu chuẩn để dùng vào việc thăng thưởng, khả năng nghề nghiệp phải được tôn trọng. Phải loại trừ **tình trạng ban phát ân huệ bằng vào những liên hệ gia đình hay phe phái**. Những kẻ buôn bán quyền hành, tham nhũng và lạm dụng quyền thế phải bị trừng trị.

Có như thế thì mọi chuyện vẫn còn có thể cứu vãn được, nhân phẩm còn có thể phục hồi, và có thể dựng lại niềm tin vào một chính quyền thành thật và công bình.

VỀ QUÂN ĐỘI

Quân đội viễn chinh đã ra khỏi nước và một quân đội Cộng Hòa đã được thành lập; nhờ vào viện trợ Hoa Kỳ quân đội này đã được trang bị với quân trang quân cụ tối tân. Tuy nhiên ngay cả trong lực lượng thanh niên kiêu hãnh như Quân đội Việt Nam - nơi mà đáng lý tinh thần danh dự phải được vun xới, gồm những kẻ mà bầu nhiệt huyết và những cánh tay phải được tận dụng vào việc bảo vệ quốc gia, nơi mà đáng lẽ phải vắng bóng đầu óc phe phái - thì tinh thần “Phong trào Cách mạng Quốc gia” hoặc tinh thần “Nhân vị” đã **chia rẽ những kẻ cùng chung một đơn vị, gây ngờ vực giữa những bạn đồng ngũ** đồng cấp và lấy “*sự trung thành với một đảng để từng phục thù quảng những kẻ lãnh đạo*

đảng” làm tiêu chuẩn thăng thưởng. Điều này đã tạo ra những điều kiện cực kỳ nguy hiểm, như trong vụ vừa xảy ra ở Tây Ninh. (Bernard Fall ghi chú: Vụ sư đoàn 21 bị Việt Cộng tấn công đầu năm 1960).

Nhiệm vụ của quân đội, rường cột của việc bảo vệ quê hương, là chặn đứng những cuộc ngoại xâm và tiêu diệt các phong trào nổi loạn. Quân đội chỉ phục vụ quốc gia và không nên để cho một phe nhóm hay đảng phái nào lợi dụng. Việc cải tổ toàn diện quân đội là một điều cần thiết. Đầu óc phe phái và sự trung thành với một đảng phải được loại bỏ; tinh thần quân đội phải được tái phục hồi cho mạnh lên, phải tạo ra một truyền thống cao đẹp về niềm hãnh diện quốc gia; và tinh thần chiến đấu, lương tâm nghề nghiệp và lòng can trường phải là những tiêu chuẩn dùng trong việc thăng thưởng. Phải khuyến khích binh sĩ biết kính trọng cấp trên và phải khuyến khích sĩ quan phải biết yêu thương binh sĩ. Phải loại bỏ lòng ngờ vực, ganh tỵ và đố kỵ giữa những kẻ đồng đội, đồng ngũ.

Có như thế, gặp thời nguy biến quốc gia sẽ có được một quân đội hào hùng thúc đẩy bởi một tinh thần và có cùng một lý tưởng: bảo vệ cho cái sở hữu chúng ta: quê hương Việt Nam.

VỀ KINH TẾ VÀ XÃ HỘI

Một xứ sở giàu có và phì nhiêu với thực phẩm dư thừa, một ngân sách không cần phải đối phó với những chi phí Quốc phòng, (chi phí Quốc phòng của miền Nam Việt Nam do kinh viện và quân viện của Hoa Kỳ đài thọ: ghi nhận thêm của Bernard Fall) những ngân khoản bồi thường chiến tranh lớn lao, mức lời cao đẻ ra từ công khổ phiếu quốc gia, một chương trình ngoại viện khổng lồ, một thị trường bành trướng và đủ sức nhận vốn đầu tư của ngoại quốc. Đó là nhiều điều kiện thuận lợi có thể biến Việt Nam thành một quốc gia sản xuất cao và thịnh vượng. Thế mà hiện nay nhiều **người không có việc để làm, không có nhà để ở và không có tiền bạc**. Gạo nhiều nhưng bán không được, các tiệm đầy hàng mà hàng hóa lại không di chuyển - **nguồn lợi nằm trong tay những kẻ đầu cơ, dùng phe nhóm, đoàn thể của chính quyền để che dấu việc buôn bán độc quyền** đem lợi về cho một thiểu số tư nhân. Trong lúc đó, hàng ngàn dân bị huy động đi làm việc cực nhọc, bị ép buộc phải rời bỏ công ăn việc làm, nhà cửa gia đình của mình để tham gia vào công tác xây dựng những “Khu Dinh Điền” **tuy đồ sộ nhưng vô ích**. Điều này làm họ mỗi mết và mất thiện cảm với chính quyền càng làm cho **mối bất mãn thêm trầm trọng và tạo một môi trường lý tưởng cho công tác tuyên truyền của địch**.

Kinh tế là nền móng của xã hội và lòng dân là yếu tố sống còn của chế độ. Chính quyền phải phá tan mọi chướng ngại cản trở việc mở mang kinh tế. Phải hủy bỏ sự độc quyền và đầu cơ dưới mọi hình thức; phải tạo môi trường thuận tiện cho việc đầu tư đến từ phía các quốc gia thân hữu cũng như từ chính nhân dân của ta; phải khuyến khích kinh doanh thương mại, khuếch trương kỹ nghệ và tạo công ăn việc làm để giảm thiểu tình trạng thất nghiệp. Đồng thời, chính quyền phải **chấm dứt sự bóc lột con người** dưới mọi hình thức trong các công trường lao động của những “Khu Dinh Điền”.

Có thể nền kinh tế mới lại phát triển, người dân mới tìm lại được cuộc sống an bình và mới được thụ hưởng đời sống của mình, xã hội mới được tái thiết trong một bầu không khí tự do và dân chủ.

Thưa Tổng thống, có lẽ đây là **lần đầu tiên** Tổng thống mới được nghe lời phê bình gắt gao và khó chịu ngược lại với ý muốn của Tổng thống. Tuy nhiên, thưa Tổng thống, những lời trình bày ở đây là sự thật hoàn toàn, một sự thật cay đắng nặng nề mà Tổng thống chưa bao giờ biết được vì dù vô tình hay chủ ý, một khoảng trống quanh Tổng thống đã được tạo ra và chính vì cái địa vị cao cả của Tổng thống mà không ai để cho Tổng thống nhận ra được thời kỳ nghiêm trọng khi mà sự thật sẽ tràn tới như những **làn sóng cảm hờn không cưỡng nổi, sự cảm hờn của nhân dân đã từ rất lâu phải nhận chịu sự đau khổ khủng khiếp** đến một lúc sẽ vùng lên bẻ gãy những ràng buộc từng cột chặt mình, đè mình xuống. Làn sóng này sẽ quét sạch sự ô nhục và bất công vốn bao quanh người dân đã áp bức họ.

Vì chúng tôi hoàn toàn thành thật không muốn thấy Quê Cha Đất Tổ phải trải chịu những ngày tháng hiềm nghèo đó nên chúng tôi - không kể đến những hậu quả do hành động của chúng tôi sẽ mang lại cho chúng tôi - hôm nay gióng lên tiếng chuông báo động trước mỗi nguy cơ cấp thiết đang đe dọa chính quyền.

Cho đến nay, chúng tôi đã giữ im lặng và để cho chính quyền mặc ý hành động. Nhưng bây giờ đã đến lúc khẩn thiết, chúng tôi cảm thấy rằng bốn phạm của chúng tôi - và trong lúc nước nhà gặp cảnh rối loạn thì ngay cả những kẻ hèn kém nhất cũng phải chia xẻ bốn phạm này - là phải nói lên sự thật, thức tỉnh dư luận, báo động với nhân dân, và liên kết những kẻ đối lập, để cho thấy lối thoát.

Chúng tôi thỉnh cầu chính quyền gấp thay đổi chính sách để cứu vãn tình thế, bảo vệ chế độ Cộng Hòa và bảo vệ sự sống còn của quốc gia. Chúng tôi giữ vững niềm hy vọng là dân tộc Việt Nam sẽ có một tương lai sáng lạn để được hưởng thanh bình và thịnh vượng trong Tự Do và Tiến Bộ.



Thủ tướng Trần văn Hương và Quốc trưởng Phan khắc Sửu (1965)

Trân trọng

1. Trần Văn Văn (quê Nam phần, Tam giáo) Bằng Cao học Thương mại, cựu Bộ trưởng Kinh tế và Kế hoạch.

2. Phan Khắc Sửu (quê Nam Phần, Cao Đài) Kỹ sư Canh Nông, cựu Bộ trưởng Canh Nông.

3. Trần Văn Hương (quê Nam phần, Tam giáo) Giáo sư Trung học, cựu Đô trưởng Sài Gòn-Chợ Lớn.

4. Nguyễn Lưu Viên (quê Nam phần, Tam giáo) Bác sĩ Y khoa, cựu Cao ủy Di Cư.

5. Huỳnh Kim Hữu (quê Nam phần, Tam giáo, một lãnh tụ thuộc nhóm Tinh Thần) Bác sĩ Y khoa, cựu Bộ trưởng Y tế.

6. Phan Huy Quát (quê Trung phần, Tam giáo, một lãnh tụ thuộc đảng Đại Việt) cựu Bộ trưởng Quốc phòng và Giáo Dục.

7. Trần Văn Lý (quê Trung phần, Thiên Chúa giáo, cựu đồng chí của Tổng thống Diệm trong phong trào Cường Đê) cựu Thủ hiến Trung-Việt.

8. Nguyễn Tiến Hỷ (quê Bắc phần, Tam giáo, một lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng) Bác sĩ Y khoa.

9. Trần Văn Đỗ (quê Nam phần, Tam giáo, lãnh tụ nhóm Tinh Thần, nhóm đã ủng hộ lập trường chính trị của ông Diệm vào mấy năm trước khi ông Diệm cầm quyền). Bác sĩ Y khoa. Cựu Bộ trưởng Ngoại giao và Trưởng phái đoàn Việt Nam tại Hòa Hội Genève năm 1954.

10. Lê Ngọc Chấn (quê Bắc phần, Tam giáo, một lãnh tụ của Việt Nam Quốc Dân Đảng) luật sư, cựu Bộ trưởng Quốc phòng.

11. Lê Quang Luật (quê Bắc phần, Thiên Chúa giáo, lãnh tụ Phong trào Liên hiệp Dân chúng ủng hộ ông Ngô Đình Diệm khi ông Diệm còn ở hải ngoại) Luật sư, nhà báo, cựu đại diện Chính phủ tại Bắc Việt sau khi Hiệp ước Genève ra đời, lãnh đạo việc đưa 800.000 dân di cư vào Nam, và cựu Bộ trưởng Thông tin.

12. Lương Trọng Tường (quê Nam phần, Hòa Hảo) Kỹ sư công chánh, cựu Thứ trưởng Kinh tế Quốc gia.

13. Nguyễn Tăng Nguyên (quê Trung phần, Phật giáo, một lãnh tụ thuộc nhóm Tinh Thần, một sáng lập viên Đảng Cần Lao Nhân Vị) Bác sĩ Y khoa, cựu Bộ trưởng Lao Động và Thanh Niên.

14. Phạm Hữu Chương (quê Bắc phần, Tam giáo) Bác sĩ Y khoa, cựu Bộ trưởng Y tế và Công tác Xã hội.

15. Trần Văn Tuyên (quê Bắc phần, Tam giáo, một lãnh tụ của VNQDD) Luật sư, cựu Bộ trưởng Thông tin và Tuyên truyền.

16. Tạ Chương Phùng (quê Trung phần, Tam giáo, cựu đồng chí của ông Diệm trong phong trào Cường Để) Tú tài Hán học, cựu Tỉnh trưởng Bình Định.

17. Trần Lê Chắt (quê Bắc phần, Tam giáo) Tiến sĩ Hán học.

18. Hồ Văn Vui (quê Nam phần) Linh mục, cựu Cha sở một họ đạo thuộc địa phận Sài Gòn và hiện nay là Cha sở tại Tha La, Tây Ninh.

Ngày 26 tháng 4 năm 1960

* Trích, dịch từ “*The Two Vietnam*” của Bernard Fall, phụ bản II trang 435-441-Hoa Kỳ 1967.

* Phần trong ngoặc đơn là do tác giả thêm vào để làm nổi bật tính chất đại diện rộng rãi của nhóm tác giả bản Tuyên Ngôn này.

[Source: <http://www.giaodiemonline.com/2008/vnmlqht/phulucd.htm>]

00 XXXX 00

Đảng Cần Lao

Tổng hợp của

Lê Xuân Nhuận

I. CẦN LAO LÀ GÌ?

Từ-ngữ “Cần Lao” là do tay sai thực-dân Pháp bộ-hạ của Quốc-Xã Đức đặt ra.

Nguyên Thống-Chế Philippe Pétain của Pháp (một anh-hùng trận-mạc từ thời Đệ Nhất Thế-Chiến), sau khi quân Pháp bị quân Quốc-Xã Đức đánh bại tại mặt trận vào tháng 6 năm 1940, đã được quốc-hội Pháp bầu làm Quốc-Trưởng, để đối-phó với tình-hình Quốc-Xã Đức đang tiến chiếm thủ-đô Paris. Nhưng ông lại đầu hàng Đức, tự biến chính-quyền của mình thành bù-nhìn cho Quốc-Xã Đức của Adolf Hitler (Phe Pétain tự-hào là nhờ có ông đứng ra hợp-tác với Đức, thủ-đô Paris của Pháp mới khỏi bị phi pháo tan-tàn).

Chế-độ Pétain sửa đổi khẩu-hiệu của Cộng-Hòa Pháp-Quốc (République Française) nguyên là “Tự Do – Bình Đẳng – Bác Ái” (Liberté – Égalité – Fraternité) thành ra “*Cần Lao – Gia Đình – Tổ Quốc*” (Travail – Famille – Patrie).

Tiếng Pháp “Travail” (tiếng Anh là Labor) được bồi bút dịch ra tiếng Việt là “Cần Lao” (thay vì “Lao Động”). Cần Lao là khẩu-hiệu số 1 trong chương-trình “Cách-Mạng Quốc-Gia” (Révolution Nationale) của Pétain.

Do đó, “Cần Lao” là một từ-ngữ Việt do thực-dân Pháp nô-lệ của Quốc-Xã Đức đặt ra.

Tại Việt-Nam, bọn đồ-đệ văn-hóa của thực-dân Pháp nô-lệ Đức đã có sáng-kiến bắt-buộc mọi người đi xem xi-nê đều phải đứng nghiêm chào cờ, chiêm-ngưỡng ảnh của Thống-Chế Pétain, trong lúc nhạc trôi bài “suy tôn” ông ta, trước khi phim được chiếu lên. Thanh-niên, sinh-viên, và học-sinh đều phải học thuộc lòng mấy bài thơ phổ nhạc ca-tụng Pétain, tí như:

Debout, belle jeunesse! Voici l'heure d'agir

Et voici la promesse de toujours obéir!

(Thanh-niên, hãy đứng lên! Đây là giờ hành-động!

Và đây là lời hứa: hãy luôn luôn vâng lời !)

Sinh-viên học-sinh mỗi khi hội-hợp, diễn-hành, phải hát các bài hát ấy. Công-chức, dân-chúng nói chung, phải học-tập các “huấn-từ (lời nói)” của Pétain, cũng như phải thuộc lòng bài thơ Đường-luật tiếng Việt ca-tụng Pétain như sau:

Con thuyền nguy-biến lúc phong-ba

Đứng mũi chịu sào rước Cự ra

Thời-thế dờ-dang trăm nỗi khó

Giang-sơn trông-cậy một ông già

Tám tuần đầu bạc pha sương tuyết

Một tấm lòng son nặng quốc-gia

“Lời nói Ma San” ghi chép đó

Đọc thì phải hiểu, hỏi dân ta!

“Lời nói Ma San” (“Les Paroles du Maréchal”) là những lời huấn-thị và hiểu-dụ của Thống-Chế Pétain (mà thực-dân vong-quốc Pháp muốn sánh với “Khổng-Tử viết”), và Sở Thông-Tin Pháp in thành từng tập sách nhỏ phổ-biến khắp nơi, với mục-đích khuyến-dụ mọi người hãy luyện đức “vâng lời” - chỉ vâng lời của Thống-Chế Pháp tay sai của Quốc-Xã Đức mà thôi.

Phe nhóm họ Ngô đã chọn **dùng một từ-ngữ con đẻ của thực-dân** cháu chắt của đế-quốc Quốc-Xã Đức, để gọi giới tinh-hoa của phe nhóm họ Ngô là “*Đảng Cần Lao*” (“Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng

Đảng”), cũng như rập khuôn chương-trình “Révolution Nationale” của Pháp-gian mà lập ra “*Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia*” dưới thời Đệ-Nhất Cộng-Hòa!

Họ cũng học đòi “suy tôn” lãnh-tụ, từ chào cờ, chiêm-ngưỡng ảnh, trối nhạc tán-dương “Pháp-gian” Pétain, đến tuyên-truyền học-tập tuân lời Thống-Chế ngự trước kia, biến thành lớp-lang chào cờ, chiêm-ngưỡng ảnh lãnh-tụ, trối nhạc ca-tụng, đồng-ca suy-tôn, và học-tập “đạo-đức cách-mạng” của Ngô Chí-Sĩ (rồi Ngô Tổng-Thống) sau này. (Riêng về bài hát “Suy tôn Ngô Tổng Thống” thì có 2 bài khác nhau, một của Miền Nam, một của Miền Trung; nên khi có các nhân-vật Miền Nam ra Huế “chầu Cậu” (Ngô Đình Cẩn), hát chung với các “đồng-chí” Miền Trung, thì cả hai phe rán hát thật to, lấn át lẫn nhau để mong được “Cậu” chú ý, tạo ra cảnh “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược” lộn-xộn vô cùng).

Như thế tức là “bài-trừ tàn-tích thực-dân” mà lại “noi gương thực-dân”.

II. GIẤY KHAI SINH CỦA ĐẢNG CẦN LAO

(tài-liệu của Chính Đạo trong “Việt Nam Niên Biểu” Tập B)

Nghị định số 116-KNV/CT ngày 2-9-1954

Nghị-định cho phép thành-lập **CẦN-LAO NHÂN-VỊ CÁCH-MẠNG ĐẢNG**

SỐ 116-KNV/CT

THỦ-TƯỚNG CHÍNH-PHỦ,
TỔNG-TRƯỞNG BỘ NỘI-VU,

Chiếu Dự số 1 ngày 1 tháng 7 đ.l. 1949 về chức và điều-hành các cơ-quan công-quyền Việt-Nam;

Chiếu Dự số 2 ngày 1 tháng 7 đ.l. 1949 ấn-định quy-chế các công-sở Việt-Nam;

Chiếu Dự số 10 ngày 6 tháng 8 đ.l. 1950 ấn-định quy-chế các hiệp-hội;

Chiếu Sắc-lệnh số 43-CP ngày 6 tháng 7 đ.l. 1954 ấn-định thành-phần Chính-Phủ Việt-Nam;

Chiếu-đơn của Ban Trị-Sự lâm-thời của hội « CẦN-LAO-NHÂN-VỊ CÁCH-MẠNG ĐẢNG »;

NGHỊ-ĐỊNH:

Điều thứ nhất. — Hội « CẦN-LAO-NHÂN-VỊ CÁCH-MẠNG ĐẢNG » có trụ-sở tại Saigon và điều-lệ được kiến-thị ngày 25 tháng 8 đ.l. 1954 số 63-BNV/VP/BT, được phép hoạt-động tại Việt-Nam trong phạm-vi luật-lệ của Dự số 10 ngày 6 tháng 8 đ.l. 1950 ấn-định quy-chế các hiệp-hội.

Điều thứ nhì. — Quý ông Đại-Biểu Chánh-Phủ ở Bắc, Trung và Nam-Việt chịu nhiệm-vụ, thi hành nghị-định này.

Saigon, ngày 2 tháng 9 đ.l. năm 1954

T.U.N. Thủ-Tướng Chánh-Phủ

Tổng-Trưởng Bộ Nội-Vu và Bộ Quốc-Phóng :

Bộ-Trưởng Bộ Nội-Vu,

Ký tên : NGUYỄN-NGỌC-THƠ

Phụ-Bản :

Đồng-Lý Văn-Phóng

Ký tên : QUÁCH-TÔNG-ĐỨC

Sao y bản chính

Giám-Độc Nha Chánh-Trị Sự-Vụ

Ký tên : NGUYỄN-VĂN-LỄ

Độc-Phủ-Sứ C.E.

(đóng dấu)

III. ĐẢNG CẦN LAO TRƯỚC CÔNG LUẬN

3-1 Theo ký-giả TÚ GÀN

(Lữ Giang, Nguyễn Cần):

“... Các tài liệu đã được giải mã gần đây cho thấy dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa, chính Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã khuyến cáo và hướng dẫn chính phủ Ngô Đình Diệm truất phế Bảo Đại “một cách hợp pháp” và thành lập một chế độ độc đảng như Trung Hoa Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch ở Đài Loan để chống Cộng hữu hiệu. Ông Ngô Đình Nhu đã cho lập một đảng tương tự như thế và lấy tên là Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng. Bản dự thảo Điều Lệ của đảng này đã được dịch ra tiếng Anh và gửi cho Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ xem trước khi đưa ra áp dụng. Nhưng vì hoàn cảnh của Việt Nam lúc đó đang ở trong cái thế “trên đe dưới búa” và “năm cha bảy mẹ”, nên ông Nhu không thể tổ chức một đảng mạnh như Trung Hoa Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch, thành ra đầu voi đuôi chuột!... .”

(Trích từ bài viết “Lại chuyện Anh Hai” của Tú Gàn – Lu Giang <lugiang2003@yahoo.com>)

“... (Dược sĩ) Nguyễn Cao Thắng được giao cho đứng tên sang lại hãng dược phẩm OPV của Pháp và làm chủ hãng này. Đây là một cơ sở kinh tài quan trọng của Đảng Cần Lao”

(Trích từ email nhan đề “Những Bí Ẩn Đằng Sau” của Lữ Giang <lugiang2003@yahoo.com> phổ-biến trên diễn-dàn liên-mạng ngày Thu, 13 Mar 2008 09:57:04 -0700 PDT)

“... Tướng Lansdale, người cố vấn hình thành các toán chiến đấu dân sự cho miền Nam, rất thất vọng về chuyện lập cái chế độ độc đảng này. Nhưng ông Reinhardt, Đại Sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam Cộng Hòa (1955 – 1957), đã nhỏ nhẹ nói với Tướng Lansdale: “một quyết định về chính sách của Hoa Kỳ đã được định rồi (a U.S. policy decision had been made)”. Về sau, trong bản phúc trình ngày 17.1.1961, Tướng Lansdale có ghi rõ: “Đảng Cần Lao không phải là ý kiến của nhà Ngô; “trước tiên nó được đề xướng bởi Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ” để loại bỏ cộng sản ra khỏi đất nước (the CLP was not their idea; “it was originally promoted by the U.S. State Department” to rid the country of communists).

Đại Sứ Elbridge Durbrow, người thay thế Đại Sứ Reinhardt, cũng đã mô tả rõ: “Tổ chức Cần Lao đã gần như theo mô thức của một đảng Cộng Sản, với các chi bộ, cán bộ, v.v., và cũng có thể so sánh với Quốc Dân Đảng của Trung Hoa.”

Nhưng ông Diệm, ông Nhu và ông Cần không có khả năng xây dựng tại miền Nam một đảng giống Trung Hoa Quốc Dân Đảng được. Trái lại, một số tay chân bệ hạ đã lợi dụng tổ chức này để lộng hành và tranh giành nhau quyền lợi... gây xáo trộn trong quân đội... .”

(Trích từ bài viết “*Trả lại sự thật cho lịch sử*” – Saigon Nhỏ ngày 26.10.2007)

3-2 Theo Luật-Sư HOÀNG DUY HÙNG

(nhà hoạt-động chính-trị, cộng-đồng Houston, Texas):

“... Đảng Cần Lao vừa mới được thành-lập và nó vẫn còn quá non trẻ so với các đảng quốc-gia khác như Đại Việt và Quốc-Dân Đảng. Các đảng ấy đã có một quá-trình dài hoạt-động cách-mạng rồi, nhiều người trong họ đã hy-sinh cho chính-nghĩa và nền độc-lập của tổ-quốc. Các đảng ấy không có may-mắn cầm nắm quyền-lực trong chính-phủ; do đó, họ không thể phát-triển hoạt-động của họ dễ-dàng như Đảng Cần-Lao; và, đương-nhiên, nếu các lãnh-tụ Đảng Cần-Lao không đối-xử với họ một cách khôn-ngoa và tế-nghị, thì sự bất-mãn sẽ nổ bùng dễ-dàng. Thí-dụ, vào năm 1959, bác-sĩ Phan Quang Đán và ông Nguyễn Trần đã được dân bầu vào Quốc Hội với tỷ-lệ phiếu đạt được rất lớn. Vì một lý-do nào đó, Nhu và vợ ông ấy đã cố gắng loại-trừ hai nhân-vật này ra khỏi chính-quyền. Từ đó, không có bao nhiêu đảng-viên của các đảng-phái quốc-gia khác muốn hợp-tác với chính-quyền Diệm.

Diệm bổ-nhiệm bác-sĩ Trần Kim Tuyền làm Giám-Đốc Sở Nghiên-Cứu Chính-Trị và Xã-Hội. Trong thực-tế, sở này là một cơ-quan tình-báo nhắm mục-đích giúp Diệm và Đảng Cần-Lao củng-cố thế-lực trong chính-quyền. Đối với nhiều người, cơ-quan tình-báo này là một sở “khủng-bố”, vì đã lạm-quyền bắt-bớ và giam-cầm người dân mà không buộc tội gì cả. Nhiều lãnh-tụ chính-trị đã bị cơ-quan tình-báo này bắt-bớ và bí-mật giam-cầm suốt nhiều năm trời, tỉ như Hà Thúc Ký, là Thủ-Lãnh của Đại-Việt Cách-Mạng-Đảng, Phạm Thái, là một trong các lãnh-tụ của Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng. Các lãnh-tụ chính-trị khác thì bị bí-mật thủ-tiêu, như trong trường-hợp ông Nguyễn Bảo Toàn. Cảnh-trạng đó càng thảm-hại hơn, khi, vào ngày 6 tháng 5 năm 1959, Tổng-Thống Diệm ban-hành một loạt các đạo Luật gọi là Luật 10/59 cho phép bắt giam bất cứ kẻ nào bị nghi là cộng-sản mà không cần thủ-tục chính-thức buộc tội. Các đạo luật này đã gây bất-bình cho các nhà hoạt-động nhân-quyền khắp nơi trên thế-giới. Dựa vào các đạo luật này, một số đảng-viên Đảng Cần-Lao cũng đã trả thù các kẻ thù của mình bằng cách gián-dị cáo buộc họ là “nghi-can cộng-sản”. Hơn nữa, trong nhiều trường-hợp, cộng-sản đã đứng đằng sau giựt dây và kích-động quần-chúng, đặc-biệt là Phật-Tử, đứng lên chống-đối chính-quyền Diệm, do tính cứng-rắn của ông cũng như do các hành-động bất-lương của đám thuộc-hạ của ông.

Đảng Cần Lao là nòng cốt của chính-quyền Diệm. Đảng này mới được thành-lập. Nó chưa có đủ thì-giờ để đào-tạo và thử-nghiệm đảng-viên. Vì đảng là đảng cầm quyền nên nhiều người xin vào đảng vì quyền-lợi cá-nhân hơn là vì lý-tưởng. Họ luôn luôn nịnh-hót Diệm để được Diệm tin-cậy và tín-cần, họ bịt mắt không cho Diệm thấy biết tính-chất thật-sự của nhiều sự-khiến để có quyết-định đúng-đắn. Vì kết-quả này, sau khi Tổng-Thống Diệm chết đi, đảng đã chấm dứt hoạt-động... ”

(Trích và phỏng dịch từ “*A Common Quest For Vietnam's Future, a brief of Vietnam War, the First and Second Republic of Vietnam*” [Cùng Tìm Tương Lai cho Việt Nam, tóm lược Chiến Tranh Việt Nam, hai nền Đệ-Nhất và Đệ-Nhị Cộng-Hòa] của Hoàng Duy Hùng)

3-3 Theo Giáo-Sur CAO THỂ DUNG

(nhà văn, nhà hoạt-động chính-trị):

... “Về Quân đội, một sai lầm khác của chế độ Miền Nam là đã đem đảng Cần Lao vào Quân Đội... ”

... Khi một cấp ủy Hạ sĩ quan Đảng ủy trong đơn vị chỉ đạo cấp Tá thì quân đội tất bị xáo trộn, mất tôn thống quân giai. Hơn nữa, đảng chỉ là đảng chính quyền nên đảng trở thành nấc thang công danh cho một số thành phần cơ hội.

Từ đầu năm 1957, đã có bất mãn trong quân đội, một phần lớn do sự hiện diện của đảng Cần Lao với một Quân Ủy gồm 6 người mà cả 6 người đều không có kinh nghiệm trong quân đội... ”

Tuy nhiên, một số sĩ quan, nhất là cấp Tá muốn tiến thân đã vào đảng tạo nên tình trạng kéo bè kéo cánh trong quân đội, kết quả lại thành thứ “gian nhân hiệp đảng” dưới thời Nguyễn Văn Châu làm Giám Đốc Tâm Lý Chiến, cấp Trung Tá làm Quân Ủy Trưởng (sau 1963, Châu theo Cộng Sản hoạt động trong Hội Việt Kiều yêu nước ở Paris)... ”

... Gia nhập đảng Cần Lao dưới chế độ như Việt Nam Cộng Hòa không có gì đáng trách hay là điều đáng hổ thẹn hoặc là điều không tốt song, cái cung cách và ý đồ của người gia nhập đảng... mới là điều đáng xấu hổ.

Đảng chỉ còn là thứ đảng “lên lon”. Thật vậy, nhờ ở trong đảng và biết luôn cúi tâng bốc nên một Thái Quang Hoàng đầu năm 1954 là Đại úy, năm 1956 đã là Thiếu tướng, năm 1958, Trung tướng. Lê Quang Tung xuất thân khóa 4 Thủ Đức, đầu năm 1963 đã lên Đại tá, 8 năm lên 6 cấp... Trần Ngọc Tám, đầu năm 1954 là Đại úy, đầu năm 1958 đã là Thiếu tướng chỉ nhờ có chân trong đảng và là con tinh thần của Giám mục Ngô Đình Thục.

Trong khi Đại tá Linh Quang Viên, cựu đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, giáo quan trường Lục Quân Yên Bái (1945-1946), Đại tá từ đầu năm 1954, Tư lệnh Đệ IV Quân Khu, đeo lon Đại tá cho đến sau đảo chính 1963. Nhiều người bạn cùng khóa với tác giả đeo lon Trung úy 9 năm; Đại tá Nguyễn Văn Thành, khóa I Nam Định, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 6 – Sư đoàn 2 từ năm 1959, không vào đảng Cần Lao nên đeo lon Đại úy 9 năm, 7 năm làm Trung đoàn trưởng và kể cả thành phần ưu tú nhiệt tình ủng hộ chế độ như Đại úy Khiếu Hữu Diêu, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 3 Nhảy Dù... trong khi chỉ một thiểu số (rất ít) thăng cấp quá nhanh dù không bao giờ đi đánh trận hoặc lại là sĩ quan thiếu khả năng.

... Tiếng súng đảo chính 11.11.1960 vừa nổ thì cột trụ của chế độ đã bỏ trốn như trường hợp Nguyễn Văn Châu, Quân ủy Trưởng Đảng Cần Lao trong Quân Đội chạy trốn vào nhà dòng Chúa Cứu Thế đường Kỳ Đồng. Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Công An, tướng Nguyễn Văn Là bỏ trốn sớm nhất đến trưa 12.11.60 mới vào Dinh trình diện Tổng Thống... .

... Từ lúc tổ chức đảng Cần Lao trong quân đội, cái lễ binh cách đã mất. Một Nguyễn Văn Châu, cấp Trung tá, một con người rất tầm thường mà làm đến Quân Ủy Trưởng Quân Ủy Trung Ương trong Quân Đội thì đây là nghịch thường trong khi quân đội Cộng Sản Bắc Việt, Quân Ủy Trưởng là một Đại tướng, Chủ nhiệm Tổng Cục Chính Trị là một Thượng tướng, cả hai đều là Ủy viên Bộ Chính Trị... .”

(Trích từ cuốn sách “*Việt Nam Ba Mươi Năm Máu Lửa*” của Cao Thế Dung, xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1991 – trang 528-534)

3-4 Theo Tướng Mỹ Edward G. Lansdale

(Cố-vấn, đỡ đầu cho nhân-vật Ngô Đình Diệm):

... “Càng ngày càng có nhiều người đã đến tìm tôi để xin can thiệp, vì thân nhân của họ bị các đảng viên Cần Lao võ trang đầy mình nửa đêm tới gõ cửa và bắt đi. Thân nhân của những người này là viên chức của chính phủ, không thích vô đảng phái phục vụ cá nhân, đã từ chối không tham gia đảng Cần Lao. Các nhân viên chánh quyền đều bị ép phải gia nhập đảng Cần Lao. Đảng Cần Lao được tổ chức mau chóng trong mọi cơ quan dân sự và quân sự... .

... Nếu đảng Cần Lao được ông Nhu tổ chức như một cơ cấu chính trị bí mật khắp trong chính phủ, dùng Công An Mật do ông Nhu kiểm soát để loại trừ đối lập, thì đảng Cần Lao sẽ khiến cho các đảng phái quốc gia khác rút vào phạm vi hoạt động bí mật để khỏi bị tiêu diệt... .”

(Trích từ cuốn sách “*Tôi làm quân sự cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm*”, do LT dịch sang tiếng Việt, ấn hành tại Hoa Kỳ năm 1972 – trang 235-36)

3-5 Theo Ông NGUYỄN VĂN MINH

(Cựu đại úy biệt phái văn phòng Cố Vấn Ngô Đình Cẩn):

... “Đến đầu năm 1954 Đảng bắt đầu phát triển mạnh, đặc biệt là trong hàng ngũ Quân Đội tại miền Trung. Cố Trung Tá Nguyễn Văn Châu, khi ấy là Trung Ủy thuộc Phòng Quân Nhu Quân Khu II, người được Linh Mục Lê Sương Huệ tiến cử làm liên lạc viên cho ông Ngô Đình Cẩn, thời gian ông bị ông Hồ chí Minh quản thúc tại Hà Nội (1946), được ông Ngô Đình Cẩn, với tư cách Bí Thư của Đảng, giao nhiệm vụ tổ chức đảng trong Quân Đội.

Đảng được tổ chức theo hệ thống, trên hết là Trung Ương Đảng, kế đến là:
Phía Dân Sự: Liên Khu, Khu, Tỉnh, Quận và Chi Bộ.
Phía Quân Sự: Quân Ủy, Khu, Sư, Liên Chi, Chi Bộ và Tổ.

Phía Quân Sự, một cuộc họp Đại Biểu Đảng trong toàn quân được tổ chức tại Nha Trang vào hạ bán niên 1955, do Trung Tá Đỗ Mậu khi ấy là Chỉ Huy Trưởng Phân Khu Duyên Hải phụ trách. Tại Đại Hội này, một Quân Ủy đã được thành lập với tên gọi là Quân Ủy Lê Lợi. Đại Hội cũng bầu ra Ban Chấp Hành đầu tiên của Quân Ủy Lê Lợi với Bí Thư là Tướng Lê Văn Nghiêm, bí danh Minh Sơn. Ông Ngô Đình Nhu, từ Sài Gòn ra dự buổi họp bề mặc với tư cách Tổng Bí Thư, chấp nhận thành phần Ban Chấp Hành Quân Ủy và chứng kiến lễ huyết thệ tuyệt đối trung thành với Lãnh Tụ Ngô Đình Diệm và Đảng của tất cả các đảng viên tham dự cuộc họp. Năm 1957, khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm ra lệnh cấm mọi sinh hoạt chính trị trong Quân Đội, Quân Ủy Đảng Cần Lao đã được ngưng trang dưới bí số B5 (Ban 5).



Tướng Lê văn Nghiêm

THỰC TRẠNG: Trong những năm đầu (1954-1960) đảng sinh hoạt đều đặn, nội dung sinh hoạt tương đối có chất lượng về các mặt xây dựng cán bộ, cơ sở đảng và chính quyền. Nhưng từ năm 1961, sinh hoạt của đảng mỗi ngày mỗi lỏng lẻo, rời rạc. Sở dĩ xảy ra tình trạng này là vì:

1. Từ khi được thành lập đến khi nắm được chính quyền là một thời gian quá ngắn. Hầu hết cán bộ, đảng viên chưa học hỏi kinh nghiệm sinh hoạt đảng phái, chưa từng trải những khó khăn, gian nguy trong tranh đấu.
2. Ngay sau khi Lãnh Tụ Ngô Đình Diệm vừa nắm chính quyền, các vị lãnh đạo cũng như cán bộ, đảng viên mọi cấp đã bị công tác đối phó với những khó khăn thời cuộc cuốn hút hết thời gian. Công tác huấn luyện, đào tạo cán bộ không được thực hiện đúng quy định và yêu cầu.
3. Trong thời gian tình hình đất nước nổi lên quá nhiều khó khăn (1954-1956), một phần chi phối bởi nhu cầu đối phó với tình hình, phần khác cũng do một số cán bộ mắc bệnh chủ quan, thiếu thận trọng. Nên việc kết nạp đảng viên thường căn cứ vào cấp bậc, chức vụ hoặc tình cảm mà bỏ qua nguyên tắc điều tra lập trường, thử thách đạo đức trong một thời gian cần thiết, trước khi chính thức kết nạp.

Tình trạng kết nạp đảng viên lệ thuộc vào tình hình và phần nào thiếu thận trọng trên đây đã tạo cơ hội cho một số bọn “thời cơ chủ nghĩa” lọt được vào đảng với mục đích bảo vệ quyền lợi cá nhân hơn là lý tưởng. Sau khi lọt được vào Đảng, để củng cố uy thế, mưu lợi cá nhân, nhóm này thường khoa trương “nhân hiệu” Cần Lao và để tỏ ra là một đảng viên trung thành, họ hay có những hành động thiếu ý thức đối với các đảng phái khác và những người có tư tưởng không đồng nhất với chính quyền. Hành động của nhóm người này

cộng với tác phong của chú ngựa chớ sắc phong Thành Hoàng về làng của một vài cán bộ được Tổng Thống Diệm tín nhiệm, đã góp phần không nhỏ vào việc tạo ra nguyên nhân làm cho một số người bất mãn với chế độ. Đồng thời làm cho người bàng quan lầm tưởng rằng Tổng Thống Diệm dùng Đảng Cần Lao không chế chính quyền. Vì thực ra, tuy được tôn là Lãnh Tụ của Đảng, nhưng ông Diệm hoàn toàn không biết gì đến Đảng Cần Lao. Từ ngày đầu trong cuộc đời tranh đấu của ông, ông luôn giữ lập trường phải đứng trên các đảng phái để đoàn kết được toàn lực quốc gia. Ông không dành một đặc quyền nào cho đảng viên Đảng Cần Lao. Chính vì thế mà số đảng viên vào đảng vì lợi và danh đã trở lại giết ông vì ông không thỏa mãn sự thèm khát danh và lợi của họ.

4. Thêm vào những yếu tố trên đây, lệnh cấm mọi sinh hoạt chính trị trong Quân Đội của Tổng Thống Diệm đã ảnh hưởng quá mạnh trên các tổ chức và sinh hoạt của đảng. Do lệnh này (1957), Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia trong Quân Đội phải giải tán, các cơ sở sinh hoạt Đảng Cần Lao ở mọi cấp trong Quân Đội đều phải ngưng trệ. Vốn vào tình trạng này, nhiều cơ sở đảng đã dần dần lơ là hẳn với nhiệm vụ sinh hoạt bồi dưỡng tinh thần cán bộ.

Riêng về tình trạng phân hóa của Đảng Cần Lao tại miền Nam, có dư luận cho rằng ông Ngô Đình Cẩn gây ra tình trạng này. Vì muốn mở rộng ảnh hưởng vào miền Nam, ông Cẩn đã lập một Đảng Cần Lao riêng chống lại Đảng Cần Lao của ông Nhu. Sở dĩ có dư luận này là vì vào khoảng năm 1958-1959, ông Cẩn có chấp thuận cho ông Phan Ngọc Các tổ chức thu nhận đảng viên cho Đảng Cần Lao tại miền Nam. Nhưng không phải để chống lại ông Nhu. Đó là điều tôi biết chắc chắn. Vì khi ông Cẩn sai tôi đưa ông Phan Ngọc Các đến giới thiệu với các ông Mai Ngọc Dục Tỉnh Trưởng Long An, Trương Hữu Diệp Tỉnh Trưởng Mỹ Tho, Lương Duy Ủy Tỉnh Trưởng Vĩnh Bình, là những đảng viên Cần Lao được chuyển từ miền Trung vào, ông đã căn dặn tôi lưu ý các vị này rằng, các cơ sở ông Phan Ngọc Các tổ chức được, đều phải sinh hoạt trong hệ thống Tỉnh Đảng Bộ địa phương. Khi đã được sự chấp thuận của ông Cẩn và được giới thiệu với một số địa phương rồi, ông Các tự xưng là đại diện cho ông Cẩn tại miền Nam làm nhiều việc tai tiếng cho ông Cẩn và chế độ. Đó chỉ là hậu quả của phương pháp làm việc NGĂN CÁCH của ông Cẩn, vì không ai kiểm soát được ông Các để ngăn chặn những hành động bất chính của ông ta.

Trước tình trạng trên đây của Đảng Cần Lao, đầu tháng 7. 1961, ông Ngô Đình Nhu ra Huế ở lại mười ngày. Sau đó, tôi được biết có kế hoạch tổng cải tổ và thành lập một Đảng Cần Lao mới, cấp tiến và chặt chẽ hơn. Tại miền Trung và Cao Nguyên Trung Phần, đã tiến hành ngay cuộc rà soát lại tình trạng nội bộ Đảng, để sẵn sàng thực hiện kế hoạch. Nhưng rồi tình hình biến chuyển quá nhanh, kế hoạch này đã không thực hiện được... ”

(Trích từ cuốn sách “*Dòng họ Ngô Đình, Ước Mơ Chưa Đạt*” của Nguyễn Văn Minh)

LÊ XUÂN NHUẬN

3-6 Theo Thiếu Tướng (Hoành Linh) Đỗ Mậu - Hồi ký “*Việt Nam máu lửa Quê hương tôi*”, Chương 8, ấn bản 1993, Nhà Xuất bản Văn Nghệ, California, Hoa Kỳ.

Tuy hợp tác với ông Ngô Đình Diệm từ năm 1942 với tư cách một chiến hữu, một cán bộ vào hàng kỳ cựu nhất, nhưng quả thật tôi cũng không nắm vững tiến trình thành lập và phát triển của Đảng Cần Lao. Tôi chỉ biết rằng vào đầu mùa Thu năm 1955, nhân kỷ niệm năm thứ nhất ngày chấp chánh của ông Diệm, tôi được Tòa đại biểu Chính phủ Trung Việt mời ra Huế diễn thuyết tại rạp Morin về đề tài “Chí sĩ Ngô Đình Diệm với chính nghĩa quốc gia”, và sau đó tôi được ông Ngô Đình Cẩn mời đến nhà ở Phú Cam để tuyên thệ gia nhập Đảng Cần Lao. Một bàn thờ tổ quốc để làm lễ tuyên thệ được thiết lập tại phòng

khách ngôi nhà chính của anh em ông Diệm, ngay trước bàn thờ có tượng Chúa Giê-su, có đảng kỳ, chân dung ông Diệm, một cây gươm và chiếc lư hương đồng trang trí cho bàn thờ. Về đảng kỳ, tôi không còn nhớ hình dáng, màu sắc, nhưng tôi còn nhớ mãi ba lời thề gồm có: “Trung thành với Tổ quốc, trung thành với lãnh tụ Ngô Đình Diệm, và trung thành với Đảng Cần Lao Nhân Vị”. Ông Ngô Đình Cần mặc áo lương đen, bịt khăn đóng đứng cạnh bàn thờ đại diện cho lãnh tụ giơ tay cao chấp nhận lời thề. Trước và sau đó cũng đã có rất đông nhân vật cao cấp trong và ngoài chính quyền tuyên thệ vào đảng tại đây và đều do ông Cần đại diện lãnh tụ chấp nhận lời thề. Trong số các sĩ quan vào đảng Cần Lao tại Huế nghe nói có Tướng Lê Văn Nghiêm, Đại tá Tôn Thất Đình, Tôn Thất Xứng, Nguyễn Vinh, Phùng Ngọc Trung v.v...

Độ vài tháng sau thì chính ông Nhu ra Nha Trang chủ tọa buổi họp thành lập “Quân ủy Cần Lao” trong quân đội như tôi đã kể trong một chương trước. Tôi lại nghe nói vào cuối năm 1955 thì Trung ương Đảng Cần Lao Nhân Vị được thành lập do ông Nhu giữ chức Tổng Bí thư đảng. Ủy viên Trung ương đảng gồm có các ông Trần Trung Dung, Lý Trung Dung, Hà Đức Minh, Trần Quốc Bửu, Võ Như Nguyễn, Lê Văn Đồng (hai ông Nguyễn và Đồng hiện có mặt tại hải ngoại).

Vào khoảng đầu năm 1956, một Trung Tâm Nhân Vị được thiết lập tại Vĩnh Long, vốn là giáo phận của Giám mục Ngô Đình Thục, do chính ông ta và một số linh mục phụ trách quản lý cũng như giảng huấn. Công chức quân nhân phải lần lượt đi thụ huấn lớp Nhân Vị ở Vĩnh Long này.

Vào những năm đầu của chế độ Diệm (khoảng 1956, 57) tại miền Nam, đi đâu cũng nghe người ta nói đến thuyết Nhân Vị như ông Chu Bằng Lĩnh đã kể lại:

Chúng ta hẳn chưa quên đã có một thời kỳ vàng son của thuyết “Nhân Vị”, thời kỳ vững chãi của chế độ Ngô Đình Diệm. Vào thời kỳ này, nói tới thuyết Nhân Vị là nói tới một cái “một chính trị” của thời đại. Bất kỳ ở đâu cũng nói tới hai chữ “Nhân Vị”. Người ta làm như nếu không hiểu biết thuyết Nhân Vị thì không chống Cộng, cứu nước được. Lại nữa ở Vĩnh Long, ông giám mục Ngô Đình Thục mở ra một Trung tâm huấn luyện cán bộ suốt lượt từ cấp Bộ trưởng trở xuống về Nhân Vị. Chỉ có những người đã có mảnh bằng Nhân Vị ở đây ra mới có cảm tưởng là nhân vị của mình từ nay tạm yên ổn với cơ quan mật vụ của chế độ. Rồi những Giám Đốc, Chủ sự nào đó đã đi học “Nhân Vị” Vĩnh Long về đều lên mặt hãnh diện cả, ra điều ta đã là cán bộ gạo cội của chế độ rồi [\[11\]](#).

Đúng như ông Chu Bằng Lĩnh đã viết, thuyết Nhân Vị và Đảng Cần Lao ra đời được dư luận bàn tán mĩa mai, chỉ trích ồn ào một thời gian rồi thuyết chìm dần vào bóng tối quên lãng, không còn ai nhắc nhở đến nữa, còn Đảng Cần Lao Nhân Vị thì biến thể để trở thành đảng “Cần Lao Công giáo”, gây thống khổ điêu linh cho nhân dân miền Nam, và tạo môi trường thuận lợi cho Cộng sản bành trướng.

Một trong những lý do chính yếu nhất khiến cho thuyết Nhân Vị bị chỉ trích mạnh mẽ là tại Trung tâm huấn luyện Vĩnh Long cũng như trong các buổi thuyết trình ở các địa phương, người ta chỉ được nghe các linh mục giảng dạy gần như hoàn toàn về giáo lý Thiên Chúa giáo mà thôi. Các học viên cảm thấy bị chế độ “lừa” đem về Vĩnh Long để bị thuyết phục theo Công giáo. Đó là những dấu hiệu công khai đầu tiên của chế độ Diệm trong chính sách kỳ thị tôn giáo và trong ý đồ Công giáo hóa miền Nam Việt Nam sau này.

Lý do quan trọng khác khiến cho đảng Cần Lao Nhân Vị bị mĩa mai, chỉ trích là vì hầu hết những kẻ gia nhập Đảng đều không phải để theo đuổi và sống chết cho một lý tưởng cách mạng mà chỉ vì muốn cúi mình theo sức mạnh của chế độ để được mau thăng quan tiến chức, chỉ vì muốn được hưởng những đặc

quyền đặc lợi do chế độ ban bố. Từ đó, dư luận mỉa mai đảng Cần Lao là đảng “Cao Lân” hay đảng Cần Lao Nhân Vị là đảng “Cần câu Ngân vị”. Nhưng điều làm cho nhân dân căm thù uất hận chế độ và đảng Cần Lao hơn cả là chủ trương chà đạp nhân vị người dân một cách có hệ thống của cấp lãnh đạo chính quyền và của các đảng viên Cần Lao. Phê bình thuyết Nhân Vị của ông Ngô Đình Nhu, giáo sư Buttinger đã viết:

“Cái thuyết giả tạo Nhân Vị đó không bao giờ trở thành được một chủ nghĩa chính trị chân chính, tự do, nhân bản. Chủ thuyết này chỉ có thể được người ta theo đuổi một cách trung thành nếu giới thanh niên trí thức và tất cả các đảng phái chống Cộng được tham dự tự do vào đời sống chính trị của quốc gia” [\[12\]](#).

Tuy nhiên vào những năm đầu của chế độ Diệm, tai họa do đảng Cần Lao Nhân Vị gây ra cho nhân dân miền Nam chưa đến độ khủng khiếp và trắng trợn như từ khi đảng Cần Lao Nhân Vị biến thể thành đảng “Cần Lao Công giáo”. Tôi xin mở đầu ngoặc ở đây để xác định rõ ràng rằng tôi không chủ quan và nhắm mắt tổng quát hóa hiện tượng đó, nghĩa là tôi không nói đến toàn thể người Công giáo tại miền Nam là “Cần Lao Công giáo”; bởi vì đã có rất nhiều người Công giáo tại miền Nam từng xả thân chống đối hoặc đứng ngoài không ủng hộ chế độ Ngô Đình Diệm, hơn nữa còn có nhiều người Công giáo lại là nạn nhân đau thương của chế độ Ngô Đình Diệm là khác. Thật vậy, trước hết, đa số những người Công giáo Nam phần (Nam Kỳ cũ) (dĩ nhiên ngoại trừ một số rất hiếm hoi các linh mục và giáo dân theo Giám mục Ngô Đình Thục) đã quyết định không ủng hộ ông Diệm. Việc này chính Chu Bằng Lĩnh (trong tác phẩm “*Cần Lao Nhân Vị Đáng*”) và Jean Lacouture (trong tác phẩm “*Le Vietnam entre deux Paix*”, Paris Vle, 1965) đã nói rõ. Thứ hai là một số hàng giáo phẩm và nhân vật chính trị Công giáo Trung, Nam, Bắc đã chống đối hoặc bất hợp tác với chế độ Ngô Đình Diệm và đảng Cần Lao mà tôi biết được như các Đức cha Lê Hữu Từ, Đức cha Nguyễn Văn Hiền, các linh mục Quỳnh, Cửa, Vui, Dũng (đó là chưa kể các linh mục trong nhóm Đường Sống), các nhân sĩ, chính khách tên tuổi như các ông Lê Quang Luật, Trần Văn Lý, Nguyễn Tôn Hoàn, Trần Điền, Trần Trọng Sanh, Trương Văn Huế, Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung, Mai Ngọc Liệu... Ngay chính Giám mục Nguyễn Văn Bình, trong suốt thời kỳ cai quản giáo phận Sài Gòn, vẫn ở vị thế độc lập không chạy theo quỹ chế độ.

Đó là chưa kể rất nhiều người Công giáo ban đầu theo ông Diệm nhưng rồi phản tỉnh trở thành đối lập với chế độ mà điển hình là ông Phan Xứng và Nguyễn Thái, cựu Tổng Giám đốc Việt Tân xã. Ông Nguyễn Thái là một nhà trí thức trẻ tuổi đã hoạt động đặc lực cho ông Diệm thời ông Diệm còn ở Mỹ. Ông Thái thuộc dòng dõi họ Nguyễn Hữu Bài có liên hệ thân tình với anh em ông Diệm, thế mà phải bỏ chế độ ông Diệm lưu vong ra nước ngoài để viết sách phổ biến cùng thế giới lên án chế độ. (Hiện ông Nguyễn Thái ở California). Nói tóm lại chỉ có đại đa số người Công giáo miền Bắc và Liên khu Tư di cư và người Công giáo miền Trung là theo chế độ Diệm để trở thành “Cần Lao Công giáo”.

Tại sao lại có tình trạng biến thể từ “Cần Lao Nhân Vị” ra “Cần Lao Công giáo” đó ? Theo dõi tiến trình hình thành của Đảng Cần Lao, ta thấy gồm 3 giai đoạn:

Giai đoạn một bắt đầu vào năm 1953 khi ông Ngô Đình Nhu bí mật khai sinh ra đảng “Cần Lao Nhân Vị” mà đa số cấp lãnh đạo trung ương đều là những người không Công giáo như các ông Trần Văn Đỗ, Huỳnh Kim Hữu, Trần Chánh Thành... Có lẽ lúc bấy giờ ông Nhu chỉ có ý định thành lập một tổ chức theo công thức các đảng “Dân chủ Xã hội Thiên Chúa giáo” Âu châu, nhưng với một chủ trương kết nạp những người không Công giáo vào đảng vì ông Nhu biết rằng lịch sử Giáo hội Việt Nam và chính Công giáo Việt Nam đã từng bị mang tiếng làm tay sai cho Tây, cũng như biết rằng trong khối Công giáo Việt Nam không có những nhân vật chính trị cách mạng tên tuổi. Một yếu tố khá quan trọng khác nữa là lúc bấy

giờ, ông Nhu chủ trương lập Đảng đề ủng hộ cho một Ngô Đình Diệm sẽ về làm Thủ tướng dưới chế độ quân chủ đại nghị của Quốc trưởng Bảo Đại mà thôi, chứ chưa hề có ý nghĩ truất phế vua Bảo Đại. Nói cách khác ông Nhu chỉ nghĩ đến hình thức một Đảng Dân chủ Thiên Chúa giáo đấu tranh nghị trường để cầm quyền kiểu Tây Đức với lãnh tụ như Adenauer làm Thủ tướng.

Giai đoạn hai kể từ năm 1955, khi ông Diệm đã về chấp chánh và củng cố được quyền lực thì hai ông Nhu, Cần chính thức tổ chức đảng Cần Lao Nhân Vị với chủ trương lấy những tín đồ Công giáo làm chủ lực nòng cốt, nhưng vẫn tiếp tục thu nạp và san sẻ quyền hành không quan trọng với những người khác tôn giáo để trình bày một bộ mặt chính trị đoàn kết, dù lúc bấy giờ số mạng của Quốc trưởng Bảo Đại đã được định đoạt và các đảng phái đã bị tiêu diệt. Sở dĩ lấy thành phần Công giáo làm chủ lực là vì sau cuộc di cư năm 1954, hầu hết người Công giáo miền Bắc và miền Trung đã là hậu thuẫn vững chắc cho chế độ Diệm rồi. Và sở dĩ chưa quyết liệt Công giáo hóa toàn bộ đảng là vì chế độ còn gặp nhiều khó khăn trong công cuộc kiến thiết quốc gia và guồng máy chính quyền còn yếu ớt, đòi hỏi sự đóng góp của nhiều trí thức, nhiều chuyên viên, nhất là nhiều sĩ quan cao cấp trong quân đội mà đại đa số là tín đồ của các tôn giáo khác.

Giai đoạn ba bắt đầu vào cuối năm 1957 khi anh em ông Diệm tin tưởng rằng chế độ của họ đã thực sự vững vàng rồi, và họ phải có một chủ lực thuần nhất sắt đá, hoàn toàn trung kiên để đi đến việc “Công giáo hóa” miền Nam là mục đích tối hậu của nhà Ngô - do đó mà Đảng Cần Lao Nhân Vị biến thành đảng “Cần Lao Công giáo”, lấy tôn giáo như yếu tố ưu tiên và độc nhất làm cơ sở cho mọi chính sách, nhất là chính sách nhân sự, nên đảng viên gồm toàn là những tu sĩ và giáo dân. Cũng từ đó, những đảng viên Cần Lao Nhân Vị không Công giáo bắt đầu bỏ đảng, không còn liên hệ gì nữa như các ông Võ Như Nguyễn, Tôn Thất Xứng, Lê Văn Nghiêm... và tôi. Những nhân vật từng cộng tác với chế độ Diệm vào thời khó khăn lúc đầu như bác sĩ Huỳnh Kim Hữu, Trần Văn Đỗ, Nguyễn Tăng Nguyên cũng xa lánh rồi chống đối nhà Ngô (bác sĩ Đỗ sau này gia nhập nhóm Caravelle, ra tuyên ngôn chống đối chính sách độc tài của chế độ Diệm).

Phân tích về quá trình ba giai đoạn phong trào của Đảng Cần Lao Công giáo như đã nói ở trên, ta thấy nổi bật lên 2 điểm rất rõ ràng: Thứ nhất là ngay từ đầu, ông Ngô Đình Nhu đã lấy triết lý Duy Linh của **Kitô giáo làm cốt tủy cho chủ đạo và chủ thuyết** của đảng, cũng như lấy hình thái tổ chức của một lực lượng chính trị Thiên Chúa giáo Tây phương làm khuôn mẫu tổ chức, mà bộ phận ngoại vi rõ ràng nhất là Tổng Liên đoàn Lao động Công giáo trong giai đoạn một. Điểm thứ hai thuộc về sách lược, là đề tiến đến mục đích tối hậu “Công giáo hóa Việt Nam”, con đường duy nhất là nắm chặt và **sử dụng quyền chính như một vũ khí truyền giáo** ở giai đoạn ba.

Thật ra, thành lập một đảng chính trị với một chủ đạo phát xuất từ một triết lý tôn giáo không có gì là sai lầm và xấu xa, nếu không muốn nói là một điều nên làm vì tôn giáo nào, ở phần tinh túy nhất của nó, cũng tìm cách giải thoát và thăng hoa con người cả. Nhưng nó chỉ trở nên độc hại ghê gớm khi đảng đó cho tôn giáo của mình ngôi vị độc tôn bằng phương sách đàn áp hủy diệt các tôn giáo khác (trên mặt nhân văn) và độc tài khống chế sinh hoạt của quốc gia (trên mặt chính trị). Vì điều đó chỉ làm hủy hoại sinh lực của dân tộc, tiêu hủy khả năng phát triển của quốc gia và kéo tổ quốc ra khỏi đà tiến hóa của thời đại để trở về thời quân chủ độc tài phong kiến mà thôi. Đó là điều Cộng sản Việt Nam đang làm và sẽ thất bại như anh em Diệm, Nhu, Cần đã từng thất bại.

Đảng Cần Lao Nhân Vị, vì tham vọng độc tôn của nó, đã biến thành đảng “Cần Lao Công giáo” và trao cho một số chức sắc trong hàng giáo phẩm những đặc quyền chính trị siêu chính phủ. Điển hình rõ ràng nhất là trường hợp của giám mục Phạm Ngọc Chi và một số các linh mục khác, chỉ nhờ chiếc áo chùng

đen, bỗng trở thành những vị lãnh chúa, điều động các đảng viên Cần Lao Công giáo đem áp bức, khổ nhục trải khắp miền Nam Việt Nam, mà đặc biệt là tại miền Trung và Cao Nguyên Trung phần.

Giám mục Phạm Ngọc Chi là ai ? Thời toàn dân kháng Pháp (1946-1954), ông là một giám mục đã đưa cả giáo phận Bùi Chu làm công cụ cho quân đội viễn chinh Pháp (trái hẳn với chủ trương quốc gia của giám mục Lê Hữu Từ ở Phát Diệm). Khi quân Pháp rút lui bỏ vùng Nam Bắc Việt, Phạm Ngọc Chi đã dẫn 3 linh mục đến Nam Định quỳ xuống trước mặt đại tá Vanuxem để xin họ ở lại đừng bỏ đi. Phạm Ngọc Chi tuy theo Tây nhưng còn theo tiền nữa nên cũng đã bị cả tướng De Lattre De Tassigny (trong *Historia* số 25) và Bảo Đại (trong “*Le Dragon d’Annam*”) mô tả là tay làm áp phe chuyên nghiệp. Khi mới di cư vào Nam, Phạm Ngọc Chi mưu đồ thành lập “Tập đoàn Công dân” (một đảng chính trị gồm toàn người Công giáo) nhưng bị anh em ông Diệm, trong chủ trương “độc đảng”, bắt buộc “Tập đoàn Công dân phải giải tán nên từ đó giám mục Phạm Ngọc Chi gia nhập đảng Cần Lao và được Ngô Đình Cẩn cho đứng chung làm đồng chủ tịch. Phạm Ngọc Chi đã từng đi Mỹ tuyên truyền cho đảng “Cần Lao Công giáo” và được giới Thiên Chúa giáo Mỹ giúp đỡ tiền bạc rất nhiều và cũng chính giám mục Phạm Ngọc Chi đã vận động thành lập toà lãnh sự Mỹ tại Huế. Sau khi chế độ Diệm bị lật đổ, ngôi sao Phạm Ngọc Chi bị lu mờ một thời gian nhưng rồi cũng trở lại với địa vị lãnh chúa dưới chế độ Nguyễn Văn Thiệu như William J. Lederer đã mô tả trong “*Our Own Worst Enemy*”.

Vào những năm vàng son của chế độ Diệm, tuy nhân dân đã sống dưới chế độ hà khắc độc tài rồi, nhưng từ khi đảng “Cần Lao Nhân Vị” biến thành đảng “Cần Lao Công giáo” thì dân miền Nam mới thực sự sống trong cảnh địa ngục trần gian như ông Lê Quân, một giáo sư Đại học Huế, đã viết:

Sự xây dựng một chủ thuyết chính trị để chống Cộng không phải là một điều sai, trái lại nó là điều cần thiết nữa là đảng khác. Tuy nhiên vấn đề là chủ thuyết đó phải được đặt trên căn bản nào. Một chủ thuyết không đặt trên tinh thần dân tộc mà lại không chế tinh thần quốc gia và đời sống chính trị của con người như thế thì chỉ tạo nên một “giấc mộng hải hùng” chứ đừng nói đến việc chống Cộng [\[13\]](#).

Là giấc mộng hải hùng vì Đảng Cần Lao (cũng như tất cả các tổ chức chìm khác của anh em ông Diệm) đều biến thành những tổ chức không chế và kiểm soát nhân dân theo kiểu Cộng sản như Stanley Karnow đã nói. Là giấc mộng hải hùng vì “nơi nào có ảnh hưởng của **Cần Lao thì ở đó tinh thần của quân đội và nhân dân bị suy sụp và khả năng bị tiêu tan**” [\[14\]](#). Là giấc mộng hải hùng vì lời thề sắt đá của đảng viên “Cần Lao Công giáo” khác hẳn với lời thề của đảng viên “Cần Lao Nhân Vị” là : (1) Tiêu diệt Cộng sản vô thần, (2) Tiêu diệt các đảng phái quốc gia “phản loạn”, và (3) Tiêu diệt Phật giáo “ma quỷ” để làm sáng danh Chúa và để ủng hộ lãnh tụ Ngô Đình Diệm [\[15\]](#).

Trong 8, 9 năm trời ngự trị trên đất nước quê hương, chế độ Ngô Đình Diệm và Đảng Cần Lao Công giáo đã đưa ra nhiều chính sách hà khắc, nhiều biện pháp thất nhân tâm mà nhiều tài liệu đã đề cập đến rồi. Ở đây tôi xin đề cập một phần chính sách “Công giáo hóa” bộ máy chính quyền song song với sách lược “Công giáo hóa nhân dân”. (Tôi sẽ đề cập thêm chính sách “Công giáo hóa miền Nam” trong Chương XV, “Biến cố Phật giáo 1963”).

Khi mới cầm chính quyền, vì còn gặp nhiều khó khăn chống đối, vì còn bỡ ngỡ trước tình thế phức tạp của đất nước, anh em ông Diệm còn sử dụng nhân sự không Công giáo trong các cơ cấu chính quyền và quân đội, nhưng dần dần khi chế độ đã vững vàng, họ mới bắt đầu đặt những người Công giáo vào thế chỗ những người của tôn giáo khác, bắt đầu từ những cơ quan quan trọng trước.



Linh mục làm lễ rửa tội cho **Ngô Đình Cần** trước giờ ra pháp trường.

Ví dụ như trong Lực lượng Đặc biệt, họ đặt các sĩ quan Lê Quang Tung, Lê Quang Triệu, Trần Hữu Kính; trong Công An, họ đặt hai phụ tá là Dương Văn Hiếu và Nguyễn Văn Hay (dưới quyền đại tá Nguyễn Văn Y). Chính Dương Văn Hiếu mới là nhân vật cốt cán trong ngành công an vì y phụ trách Công tác Đặc biệt, nghĩa là phụ trách việc tình báo, phản gián, bắt người, giết người, tiêu diệt đối lập. Trong Bộ Quốc phòng thì có cháu rể là ông Trần Trung Dung và Tổng giám đốc nha Hành Ngân kế Bộ Quốc phòng là ông Nguyễn Đình Cần (Bí thư Cần Lao ở Sài Gòn) để phụ trách làm kinh tài cho nhà Ngô; Nha Nhân viên thì họ đặt Trung tá Kỳ Quang Liêm thay Đại tá Đinh Sơn Thung. Trong Quốc hội thì chủ tịch luôn luôn là một nhân vật Công giáo, đa số dân biểu đều là người Công giáo. Đứng đầu tổ chức kinh tài trung ương là dân biểu Nguyễn Cao Thăng, người Công giáo Phú Cam, đặc trách về ngành thuốc O.P.V. thao túng việc xuất nhập cảng thuốc Tây. Ngành dân vệ thì do Trung tá Trần Thanh Chiêu chỉ huy, một người Công giáo Quảng Nam đã phạm lỗi lầm chiến thuật khiến cho sư đoàn 13 bị Việt Cộng đánh cho thảm bại tại Tây Ninh.

Cho đến đầu năm 1963, tất cả Tỉnh trưởng, Thị trưởng miền Trung và miền Cao Nguyên đều nằm trong tay người Công giáo Bắc và Trung, trừ Thị trưởng Đà Lạt là ông Trần Văn Phước, Tỉnh trưởng Thừa Thiên là ông Nguyễn Văn Đăng và Tỉnh trưởng Phú Yên là thiếu tá Dương Thái Đồng.

Thiếu tá Dương Thái Đồng (hiện ở Mỹ) do chính tôi đề cử với Tổng thống Diệm. Đồng là một sĩ quan ưu tú, có trình độ văn hóa cao, xuất thân từ trường Võ bị và đã từng tu nghiệp tại Mỹ. Đồng có kinh nghiệm chiến đấu đa diện tại chiến trường Bắc Việt trước 1954, và từng chỉ huy các đơn vị Pháo binh chiến đấu ở miền Nam. Khi Đồng đi nhận chức Tỉnh trưởng, ông ta có nhã ý đến chào tôi. Tôi khuyên Đồng phải giữ đúng phong cách “Cần, Kiệm, Liêm, Chính” của một vị Tỉnh trưởng. Tôi cho Đồng biết ở Phú Yên có hai thế lực rất mạnh, một thế lực nổi của chính quyền là nhóm Cần Lao do linh mục Tô Đình Sơn lãnh đạo làm mưa làm gió ở tỉnh này, và một lực lượng bí mật đối lập với chính quyền là lực lượng Đại Việt của cụ Trương Bội Hoàng. Thế mà chỉ mới nhận chức độ vài tháng, chưa phạm lỗi lầm gì, Đồng đã bị nhóm Cần Lao Tô Đình Sơn vận động với Tổng thống Diệm và ông Ngô Đình Cần hạ tâng công tác chuyển đi nơi khác. Thay thế Đồng là Trung tá Nguyễn Hoài. Kinh nghiệm của Hoài là Trưởng phòng Tài chính cho Nha Tổng giám đốc Bảo an, Hoài chưa hề tác chiến và chỉ có bằng tiểu học, nhưng vì Hoài là người Công giáo, có em làm linh mục nên được Cần Lao nâng đỡ.

Về chức Tỉnh trưởng Thừa Thiên và Thị trưởng Thành phố Huế, đã có lần ông Diệm bổ nhiệm ông Nguyễn Đình Cẩn giữ chức vụ quan trọng đó. Thừa Thiên và Huế là Thủ đô văn hóa của miền Trung, có nhiều nhân sĩ, trí thức, khoa bảng lại là nơi mà dân số có hơn 90% theo Phật giáo ông Cẩn lại là người Công giáo, nguyên chỉ là một thư ký tòa Sứ thời Pháp thuộc, cho nên đã phạm một số lỗi lầm bị dân chúng Huế bất hợp tác. Do đó mà chính quyền đành phải thay thế ông Nguyễn Đình Cẩn bằng một Tỉnh trưởng theo đạo Phật là ông Nguyễn Văn Đăng. Và vì Tỉnh trưởng là người theo đạo Phật cho nên nhà Ngô mới đặt một Phó Tỉnh trưởng Nội An là Đặng Sĩ người đã có thành tích chống Phật giáo hung hãn tại Quảng Trị lúc y còn làm Trung đoàn trưởng ở sư đoàn I dưới quyền Đại tá Tôn Thất Xứng (hiện ở Canada). Biến cố Phật giáo tháng 5 năm 1963 xảy ra, Thiếu tá Nguyễn Mậu, người Công giáo quê tỉnh Khánh Hòa, được Tổng thống cử thay thế Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Đăng để đàn áp Phật giáo. Nói tóm lại, cho đến năm 1963, trừ Thị trưởng Đà Lạt là người theo Phật giáo, tất cả Tỉnh, Thị trưởng tại miền Trung và Cao Nguyên đều là tín đồ Công giáo.

Tại Nam phần, vì sự hiện diện phức tạp của nhiều tôn giáo như Cao Đài, Hòa Hòa, Phật giáo, Phật giáo nguyên thủy... và đời sống tín ngưỡng có mức độ nồng nàn sôi nổi một cách thần bí của những Đạo Dừa, Đạo Khăn Trắng, Bà Chúa, Ông Đồng... cho nên chính quyền Ngô Đình Diệm còn dè dặt trong chính sách Công giáo hóa bộ máy cai trị. Tuy nhiên ông Diệm cũng đã bổ nhiệm một số Tỉnh trưởng Công giáo ở những tỉnh, quận như Gia Định, Bình Tuy, Định Tường, Phước Long, Long Khánh, Kiến Hòa, Phước Thành, Vĩnh Long v.v...

Tại Đô thành Sài Gòn-Chợ Lớn, vì đã có ông Diệm và bộ máy Cần Lao Công giáo Trung ương ở đó nên không gấp gáp có một Đô trưởng Công giáo. Tuy nhiên đa số những Quận trưởng cảnh sát đều là người Công giáo và vị Phó Đô trưởng kiêm thủ lãnh Thanh niên Cộng Hòa Đô thành là Trung tá Nguyễn



Văn Phước thì không những là một tín đồ Công giáo ngoan đạo mà còn sinh đẻ tại Thừa Thiên.

Tướng Huỳnh văn Cao

Về phía quân đội thì khi ông Diệm mới chấp chánh, chỉ có một mình tướng Trần văn Minh là người Công giáo, ngay cả số sĩ quan cấp tá theo Công giáo cũng như lá mùa thu, cho nên anh em ông Diệm đã phải thăng cấp thật mau và đặt những chức vụ quan trọng vào tay những sĩ quan Công giáo như tướng Huỳnh Văn Cao, các sĩ quan cấp tá như Nguyễn Bảo Trị, Lâm Văn Phát, Trần Thanh Chiêu, Bùi Đình Đạm, Trần Văn Trung, Trần Ngọc Huyền, Nguyễn Văn Châu, Kỳ Quang Liêm, Nguyễn Ngọc Khôi, Lê Quang

Trọng, Nguyễn Thế Như, Huỳnh Công Tịnh, Nguyễn Văn Thiệu, Ngô Du v.v... những sĩ quan được đặc cách thăng thưởng mau nhất trong quân đội Việt Nam Cộng hòa, mà mau nhất là tướng Huỳnh Văn Cao và Lê Quang Tung. Tướng Nguyễn Khánh thời làm Tham mưu trưởng đã có lần đề nghị cất chức tư lệnh quân đoàn 4 của tướng Huỳnh Văn Cao vì lý do thiếu khả năng, nhưng không được vì anh em ông Diệm hết sức tín nhiệm và che chở cho ông Huỳnh Văn Cao. Theo tôi biết thì anh em ông Diệm muốn “thôi” Huỳnh Văn Cao lên thật mau để trong tương lai Cao nắm chức Tổng Tham mưu trưởng quân đội thay tướng Lê Văn Tỵ. Họ đã dám đưa những sĩ quan bất tài, suốt thời gian tại ngũ chưa từng chỉ huy đơn vị tiểu đoàn để giữ chức vụ sư đoàn trưởng như trường hợp Trần Thanh Chiêu và Bùi Đình Đạm chẳng hạn, thì việc đưa ông Huỳnh Văn Cao giữ chức Tổng Tham mưu trưởng quân lực là việc không thể không xảy ra. Chưa kể những yếu tố khác, chỉ với chính sách Công giáo hóa Quân đội mà thôi đã gây bất mãn cho hàng ngũ sĩ quan, cho nên những binh biến do chính quân nhân tổ chức đã liên tiếp xảy ra từ 1960 đến 1963.

Dựa vào thiếu số 10% Công giáo để thao túng và áp bức đại khối dân tộc tự căn bản đã là một sai lầm trầm trọng, đã là một chính sách thất nhân tâm có khác gì Cộng sản ngày nay dựa vào 1 triệu đảng viên để thống trị hơn 50 triệu dân Việt Nam, có khác gì thời thực dân chỉ có 5, 7 ông Tây mà cai trị toàn dân cả tỉnh. Huống gì cái thiếu số đó lại là **thiếu số nặng đầu óc phe phái, hẹp hòi, giáo điều và mang rất nhiều mặc cảm tội lỗi**, cái tội lỗi lịch sử đã theo Tây phản dân hại nước khiến cho các nhà cách mạng phải kêu gọi toàn dân rằng:

Sự đấu tranh thực tiễn của nòi giống trên lịch sử mấy chục năm trời có chứng cứ sắt máu, phải tỏ rõ cho chúng ta, người sau, biết cái gian nan, khốn khổ, nhọc nhằn, sỉ nhục, thảm họa của sự vật lộn sống còn chung trong một lúc tự động tổng động viên của toàn dân phản Pháp xâm lược và **phản Gia Tô**, phản Việt gian trên tất cả cái nhộn nhịp cảm động, uất ức của toàn dân vì binh, toàn địa vì phòng, toàn tài vì dụng [\[16\]](#).

Rõ ràng như thế nhưng ngoan cố không chịu chấp nhận và hối cải, cái thiếu số đó đã trút tất cả những ần ức tâm lý trên sinh mạng đồng bào bằng thái độ bệnh hoạn qua các chính sách áp bức độc tài.

Vì thế suốt chín mươi năm nhà Ngô và Đảng Cần Lao ngự trị tại miền Nam, ngoại trừ một thiếu số thống trị với tất cả đặc quyền đặc lợi, còn thì nhân dân đã phải sống khổ nhục sợ hãi không khác gì nhân dân miền Bắc đã phải sống dưới chế độ Cộng sản của Hồ Chí Minh.

Đầu năm 1971, trước cuộc hồi sinh của những phần tử Cần Lao để lũng đoạn chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, ông Chu Bằng Lĩnh viết tác phẩm “*Đảng Cần Lao*” để lên án chế độ Diệm. Ông Chu Bằng Lĩnh là ký giả kỳ cựu, người Bắc di cư, là một nhà văn, nhà báo, từng theo dõi hoạt động chính trị, nắm vững tình hình Việt Nam ngay từ thời Pháp thuộc. Lúc ông Diệm mới về nước cầm quyền, phần vì được trang bị tinh thần chống Cộng, phần vì tưởng lầm ông Diệm là người chân thành yêu nước nên ông đã cùng với một nhóm nhà văn, nhà báo tên tuổi như Tam Lang, Hiếu Chân, Như Phong, Vũ Khắc Khoan... thành lập nhóm Tự Do để ủng hộ cho ông Diệm và đã liên hệ khá chặt chẽ với bác sĩ Trần Kim Tuyến. Không ngờ càng ngày chế độ Diệm và Đảng Cần Lao càng đi sâu vào con đường tội lỗi để đến nỗi ngay cả những nhân vật trong nhóm Tự Do kẻ thì xa lánh chế độ, kẻ thì bị bắt giam.

Chúng ta hãy nghe một lời oán trách Cần Lao của nhà văn Chu Bằng Lĩnh:

Một giai đoạn đẫm máu tiếp theo đó! Nhân danh Cần Lao, biết bao vụ trả thù, trả oán đã được thực hiện, bao nhiêu sinh mạng người dân vô tội đã bị chết oan và thảm khóc. Và sau một năm trời triệt để

“tiêu diệt phản loạn” (đảng phái quốc gia), các cán bộ lãnh đạo miền Trung lại báo cáo lên ông Cần “bọn phản loạn đã rút vào ẩn nấp hết, xin chỉ thị hành động”, và chỉ thị của Cần được ban xuống từ trên chiếc sập gụ to lớn, trước cơi trầu đang nhai lèm bèm: “Tiêu diệt cho hết bọn ma quỷ” (Ngô Đình Cần ám chỉ bọn ma quỷ là những người theo đạo Phật) và giai đoạn đổ máu lại được tiếp diễn, lần này thảm khốc và ác liệt gấp chục lần trước. Lần này những vụ tàn sát tập thể đã xảy ra, nhân danh Cần Lao diệt trừ Cộng Sản nằm vùng.

Mỗi thâm thù máu lệ giữa một số đảng phái quốc gia và tôn giáo miền Trung với chế độ nhà Ngô khởi sự từ đó. Trong lúc Cần vẫn ngồi chễm chệ trên chiếc sập gụ nhai trầu và ra lệnh cho nhóm tay chân, thì dân miền Trung cũng đã ý thức được rõ rệt thế nào là “Đảng Cần Lao” và “ai” thực sự lãnh đạo tất cả các cuộc tàn sát khủng khiếp nhân danh ông Cựu và nhân danh chống Cộng.

Gieo gió gặt bão, các vụ tàn sát hồi tết Mậu Thân vừa qua cũng chỉ là sự “trả quả” của cuộc tàn sát nhân danh Cần Lao trước đây. Ngồi tại Dinh Độc Lập, Ngô Đình Diệm có ngờ đâu em mình đã nhân danh Cần Lao mà nhúng tay vào máu khủng khiếp đến thế...[\[17\]](#).

Cái giấc mộng hải hùng do đảng Cần Lao Công giáo của chế độ Ngô Đình Diệm gây ra không chỉ làm kinh khiếp những người lương dân khi đất nước chưa rơi vào tay Cộng sản Hà Nội, mà 20 năm sau vẫn còn đeo đuổi, ám ảnh mãi những người lưu vong nơi xứ người sau 1975. Biết bao nhiêu người đã viết về thảm họa dân tộc dưới chế độ Diệm, ở đây tôi xin nhắc lại một đoạn trong “bản án” kết tội chế độ Ngô Đình Diệm của chiến sĩ cách mạng miền Trung là ông Lê Nguyên Long, một chứng nhân của thời đại:

... Trong suốt 9 năm ông Diệm cầm quyền, thời gian đó ở nông thôn, cơ quan nào cũng có thể bắt người. Công an bắt người, Xã trưởng bắt người, Quận trưởng bắt người, An ninh Quân đội bắt người, và cả Phong trào Cách mạng Quốc gia (ra đời từ nhà Ngô) cũng bắt người rồi giao cho công an trừng trị. Nhưng ghê gớm nhất là “Đoàn mật vụ miền Trung” do Ngô Đình Cần đỡ đầu. Đó là đoàn hung thần toàn quyền sinh sát. Đoàn có quyền đi khắp nơi, đến đâu địa phương phải tiếp rước chu đáo. Đoàn cần bắt ai thì giao cho công an đi bắt, bất kỳ đêm ngày. Nếu nạn nhân bị tra tấn chết thì quận trưởng và công an phải lập biên bản hợp thức hóa sự chết. Và bị bắt không cần phải có chứng cứ, chỉ cần bị nghi chống chính phủ là bị bắt (tại Long Beach, California, có đồng hương từ ngày vào đất Mỹ đến nay vẫn nằm bẹp ở nhà vì bệnh cũ tái phát, hậu quả sự tra tấn tàn độc của mật vụ Diệm).

Cộng Sản độc quyền ái quốc, ai khác mình là phản động, Việt gian, thì ông Diệm cũng độc quyền chống Cộng, ai khác mình là Cộng sản, phải giết ! Đã biết bao người chống Cộng, đã từng bị Cộng sản giam cầm, đến khi ông Diệm cầm quyền thì hồ sơ của họ lại trở thành là những người hoạt động cho Cộng Sản ! Biết bao đảng viên Quốc dân Đảng, Đại Việt, Duy Dân một sớm một chiều hồ sơ của họ biến thành Cộng Sản, di hại cho tới mãi sau khi ông Diệm đổ. Cộng sản có chủ thuyết Mác-Xít, giai cấp đấu tranh thì ông Diệm cũng răn năn ra cái chủ thuyết Nhân Vị nhưng hoàn toàn vô vị (vô vị vì ngoài tay chân ông Diệm ra, toàn dân có ai để ý hoặc tìm hiểu thuyết Nhân Vị là gì đâu?). Có thể nói rằng, trừ chế độ Cộng sản ra chưa có một chế độ quốc gia nào ở Việt Nam đàn áp, thủ tiêu, áp sát, bắt cóc, tra tấn, cầm tù hàng vạn người quốc gia cũng như tu sĩ các tôn giáo như thời Diệm. Trừ Cộng sản ra chưa có chế độ nào thẳng tay đàn áp đối lập để củng cố địa vị như chế độ Diệm, chưa có một chế độ nào phản dân chủ và khinh thị, lợi dụng nhân dân làm cái bung xung như chế độ Diệm... Tất cả những ai chỉ ở Thủ đô hoặc các thành phố lớn khó lòng thấy rõ chính sách gian ác, hành động bất nhân, phản dân hại nước của chế độ Diệm mà phải quan sát ở các quận, tỉnh, nông thôn (90%) lãnh thổ toàn quốc mới thấy rõ tội ác tay chân nhà Ngô mà một thời đã có người nói “Trúc Nam Sơn không thể chép hết tội, nước muôn sông không thể rửa hết nợ”...[\[18\]](#).

Khai sinh, nuôi dưỡng và thúc đẩy một lớp người nhắm mắt chạy theo quyền uy vào con đường tội lỗi qua Đảng Cần Lao vẫn chưa phải là cái tội lớn nhất của chế độ Diệm. Cái tội lớn nhất là đã vì sự độc tôn, độc tài, kiêu ngạo của mình mà làm suy nhược và di hại sinh lực của dân tộc, một sinh lực đã được thử thách và trui luyện từ bao nhiêu thế hệ của tiền nhân, một sinh lực tối cần thiết cho giai đoạn trực diện với kẻ thù Cộng sản.

Sinh lực dân tộc bị chấn động nguy hiểm nhất qua hai chính sách quyết liệt của chế độ Ngô Đình Diệm là **gây mâu thuẫn tôn giáo** và **tiêu diệt các đảng phái quốc gia** mà biểu hiện rõ ràng nhất là "... hậu quả sai lầm của chế độ Diệm là một xấu tướng tá lên nắm quyền chính trị và các tôn giáo thì sát phạt nhau..." [19].

Gây mâu thuẫn tôn giáo là phá hoại cái sức mạnh "dung để hóa, hóa để hòa," vốn là sức mạnh truyền thống đã giúp dân tộc vượt thắng mọi cuộc xâm lăng văn hóa và nhân văn của các đế quốc. Tiêu diệt các đảng phái quốc gia là phá hoại quyết tâm đề kháng và tiềm lực đấu tranh của các lực lượng dân tộc yêu nước không Cộng sản. Cho nên, vì nắm lấy độc quyền tôn giáo và độc quyền chính trị, nhà Ngô khi nằm xuống đã để lại một hậu quả lâu dài và sâu sắc, hậu quả đã làm cho miền Nam kiệt quệ ý chí và sức mạnh để đương đầu với Cộng Sản. Sau chế độ độc tài Ngô Đình Diệm là chế độ quân phiệt Nguyễn Văn Thiệu, một chế độ Diệm không Diệm, vì cũng lại do một số "Cần Lao Công giáo" cũ lên lời tránh né để ẩn náu trong chính quyền và khuynh loát sức mạnh Quốc gia. **Miền Nam thua Cộng sản năm 1975 cũng chỉ là kết quả tất yếu cuối cùng của một chuỗi hệ quả dây chuyền mà đầu mối tác hại là sự thành hình của một tổ chức ma quái tên là "Cần Lao Nhân Vị".**

Nhìn lại lịch sử với nhiều tiếc nuối và ân hận, ta thấy rằng nếu anh em ông Diệm chủ trương hòa đồng mọi tôn giáo và hợp tác các đảng phái, thực hiện một cuộc đại đoàn kết quốc gia như thời nhà Trần thì chắc chắn quân Cộng Sản Bắc Việt đã phải chịu số phận như quân Mông Cổ xưa kia rồi. Cho nên trong sự tiếc nuối và ân hận đó, tôi muốn khơi lại một ít sự kiện lịch sử về số phận các đảng từng có công với quê hương dân tộc mà bị anh em ông Diệm tiêu diệt.

Từ trước khi anh em ông Diệm nắm chính quyền vào năm 1954, chúng ta đã có những đảng cách mạng như *Việt Nam Quốc Dân Đảng* của anh hùng Nguyễn Thái Học, *Đại Việt Quốc Dân Đảng* của nhà cách mạng Trương Tử Anh, *Đại Việt Duy Dân Đảng* của thiên tài triết học Lý Đông A, *Việt Nam Dân Chủ Xã hội Đảng* của Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ, *Việt Nam Phục Quốc Đảng* của Cao Đài được lãnh đạo bởi các chiến sĩ Phạm Công Tắc, Nguyễn Văn Sâm và Trần Quang Vinh, *Việt Nam Cách mạng Đồng Minh hội* của Chí sĩ Nguyễn Hải Thần, *Đại Việt Quốc Xã Đảng* của lãnh tụ Nguyễn Xuân Tiếu, *Đại Việt Dân Chính* của văn hào Nhất Linh Nguyễn Tường Tam... Và trong khi anh em ông Diệm còn làm quan, làm công chức cho chế độ bảo hộ Pháp, cho Nam triều mục nát để vinh thân phì gia thì các đảng cách mạng nói trên đã anh dũng xả thân chiến đấu chống thực dân xâm lăng. Từ năm 1945-46, khi anh em ông Diệm ẩn náu, trốn tránh ở Sài Gòn, Huế, Đà Lạt, và Vĩnh Long trong những vùng an ninh do quân đội Pháp chiếm đóng, hoặc từ năm 1950, khi anh em ông Diệm đi ra nước ngoài cầu cạnh ngoại bang ủng hộ cho về nước cầm chính quyền, thì các đảng cách mạng nói trên lại phải đương đầu thêm với một kẻ thù nữa là Cộng Sản. Biết bao nhiêu chiến sĩ của các đảng cách mạng đó đã bị Cộng Sản tiêu diệt, đã hy sinh cho chính nghĩa dân tộc: Lãnh tụ Lý Đông A đã hy sinh khi còn cầm quân chống lại Việt Minh tại Hòa Bình (Bắc Việt), lãnh tụ Trương Tử Anh bị Việt Minh sát hại ngay tại Hà Nội, lãnh tụ Huỳnh Phú Sổ bị lừa giết ngay tại miền Tây Nam phần, lãnh tụ Nguyễn Văn Sâm bị thủ tiêu ngay tại Tây Ninh, các lãnh tụ Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh của Việt Quốc, cụ Nguyễn Hải Thần, ông Tạ Nguyên Minh của Việt Cách và nhiều đồng chí của họ đã phải lưu vong qua Tàu tìm phương thế phục quốc... Thế mà khi có quyền lực trong tay, anh em

ông Diệm không nghĩ đến lòng yêu nước, quyết tâm hy sinh, sự nghiệp đấu tranh cao cả của những nhà ái quốc đó, mà lại đang tâm đàn áp, khủng bố, giam cầm, sát hại những đồng chí, đảng viên của họ, đang tâm tiêu diệt những tổ chức đang nối tiếp sự nghiệp cách mạng to lớn của tiền nhân.

Vì mù quáng và hẹp hòi chỉ cho tập đoàn của mình là lực lượng chống Cộng duy nhất, chế độ Diệm đã tiêu diệt các đảng phái. Vì độc tài và độc tôn, không muốn san sẻ quyền làm chủ đất nước với bất cứ một ai, chế độ Diệm đã tiêu diệt các đảng phái. Vì chỉ biết nương dựa vào ngoại bang mà không thêm đếm xỉa đến sức mạnh siêu việt của nhân dân, chế độ Diệm đã tiêu diệt các đảng phái. Và cuối cùng, vì không nắm vững truyền thống dựng nước và quy luật giữ nước của cha ông, chế độ Diệm đã tiêu diệt các đảng phái.

Vì không nhân nghĩa và thiếu cả liêm sỉ, anh em ông Diệm quên mất cái thời họ đã phải nương nhờ và vay mượn uy thế của các đảng phái để gây tên tuổi cho mình như năm 1946 tại Hội nghị Đoàn Kết ở Sài Gòn. Anh em ông Diệm cũng quên mất công lao của anh em Việt Quốc, tiêu biểu bởi các ông Nguyễn Chữ, Phạm Đình Nghi, Lê Trung Chi... tại Huế và Nam Ngãi đã chia sẻ gian lao với họ trong lúc còn gặp chống đối khó khăn vào những năm 1954-1955. Anh em ông Diệm cũng không thêm nhớ đến cái ơn giúp đỡ của lãnh tụ Nguyễn Xuân Tiểu thời ông Diệm đang còn là cá chậu chim lồng, đau ốm, khổ sở trong tay Việt Minh lúc bị giam cầm tại vùng núi rừng Việt Bắc.

Họ lấy lý do một số giáo phái và đảng phái đã chống đối họ để tiêu diệt những đoàn thể đó! Vậy thử hỏi đảng Duy Dân, đảng Việt Cách và nhiều đoàn thể khác đã phạm phải những lỗi lầm gì mà nhà Ngô cũng giam cầm các lãnh tụ và cán bộ của Đảng Duy Dân. Hỏi ai là người quốc gia yêu nước, chống Cộng mà không đau lòng khi thấy các ông Phạm Thành Giang, Hà Thế Ruyệt, Tạ Chí Diệp, Tô Văn và vô số đảng viên Quốc gia bị nhà Ngô bắt giam chung tại trại cải tạo Tam Hiệp (Biên Hòa), cùng khảm với cán bộ Cộng Sản vào năm 1956, mà lại còn bị cán bộ Cần Lao đốt nát giáo dục chính trị (hai ông Ruyệt và Tô Văn hiện sống ở Mỹ).

Nếu gọi hành động nói lên nguyên vọng đích thực của quần chúng là chống đối, nếu gọi phê phán các chính sách sai lầm của Chính phủ là chống đối, nếu gọi đòi hỏi chính quyền sinh hoạt tự do và dân chủ là chống đối, nếu gọi chủ trương một sách lược chống Cộng không giống với sách lược của Chính phủ là chống đối, nếu gọi lời kêu gọi một cuộc cách mạng xã hội để tránh bất công và trong sạch hóa sinh hoạt quốc gia là chống đối thì chế độ đã mất hết đạo đức chính trị cũng như chức năng quản trị, và quốc gia đã đến hồi mạt vận rồi.

Tuy quái đản nhưng có thật, miền Nam trong 9 năm cai trị của chế độ Ngô Đình Diệm đã gọi những hoạt động chính đáng và khẩn thiết đó là “chống đối” cho nên quốc gia mới suy vi. Và nhân dân nói riêng, các đảng phái nói chung, chỉ còn 4 chọn lựa: hoặc không sáng suốt thì bị đẩy về phía kẻ thù Cộng Sản, hoặc thiếu kiên trì thì ngậm đắng nuốt cay tê liệt theo chính quyền, hoặc giàu quyết tâm thì âm thầm chống đối, hoặc không dẫn được phần uất thì tự hủy.

Ngày 7 tháng 7 năm 1963, văn hào mà cũng là chiến sĩ cách mạng Nhất Linh Nguyễn Tường Tam uống thuốc độc tự vẫn để phản đối chế độ độc tài Ngô Đình Diệm. Trước khi tự hủy, ông không quên gởi lại lời trần trối đầy máu lệ với quốc dân, đồng bào:

“Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xử cả. Việc đem các đảng phái quốc gia xử trị là việc làm mất nước vào tay Cộng Sản. Tôi tự hủy mình cũng như Hòa thượng Quảng Đức tự thiêu là để cảnh cáo những ai chà đạp mọi thứ tự do”.

Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, một lãnh tụ của Đảng Đại Việt cũ, trong một cuộc phỏng vấn của báo Người Việt về “Nguyên nhân gây nên sự sụp đổ làm mất Việt Nam” đã trả lời vì Ngô Đình Diệm đã tiêu diệt hết các lực lượng đảng phái và giáo phái [20].

Hai nhận định trên đây, một được bùng lên trong thực tế sôi bỏng và khản thiết của người đã xả thân đấu tranh và ngay trước giờ phút trang trọng, quyết liệt để chấm dứt đời mình; một được thăng hoa qua những thăng trầm chính trị gần 20 năm sau mà bây giờ đang suy gẫm về thân phận mất nước để đấu tranh phục quốc. Cả hai, tuy một thì dự phóng về tương lai và một thì suy nghiệm về quá khứ, đều nói lên một sự thực, và cả hai đều biến sự thực đó thành ra một quy luật chính xác là chính chủ trương độc tài, độc đảng, tiêu diệt tôn giáo và đảng phái quốc gia của anh em ông Diệm và của đảng Cần Lao Công giáo đã là nguyên nhân sâu xa nhất và chính yếu nhất làm cho miền Nam Việt Nam tự do suy nhược và cuối cùng rơi vào tay Cộng Sản vào năm 1975.

Cước chú:

- [11] Chu Bằng Lĩnh, *Cần Lao Cách Mạng Đảng*, tr. 565.
- [12] Joseph Buttinger, *Vietnam A Political History*, tr. 439.
- [13] Lê Quân, *Những Xuyên Tạc và Ngộ Nhận về Phật giáo Việt Nam*, Tạp chí Khai Phóng (số 6), tr. 46, 47.
- [14] Robert Shaplen, *The Lost Revolution*, tr. 137.
- [15] Chu Bằng Lĩnh, *Cần Lao Cách Mạng Đảng*, tr. 322 và 408.
- [16] Lý Đông A, *Chu Tri Lục*, tr. 109.
- [17] Chu Bằng Lĩnh, *Cần Lao Cách Mạng Đảng*, tr. 314, 315.
- [18] Lê Nguyên Long, *Bất Đắc Dĩ Khơi Đống Tro Tàn*, tạp chí Khai Phóng (số 7), tr. 38, 45.
- [19] Đào Sĩ Phu, bài: *Cái Chết Của Việt Nam và Cái Nhìn Về Tương Lai Thế Giới*, trong nguyệt san Nhân Bản (số 16), tr. 8, 9.
- [20] Tuần báo *Người Việt* (số 10/bộ mới).

000 XXX 000

Đảng Cần Lao Nhân Vị và Các Tổ chức Ngoại vi

Trần Văn Đôn

Trích trong "*Việt Nam Nhân Chứng*" (trang 141-144)

Hồi ký của Trung Tướng Trần Văn Đôn

Quyền Tổng Tham Mưu Trưởng QĐVNCH / 1963

Tổng Tư Lệnh QĐVNCH kiêm Tổng Trưởng Quốc Phòng / 1963-1964

Thượng Nghị Sĩ VNCH / 1967

Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Quốc Phòng Chính quyền VNCH 1974 - 1975

Ông Ngô Đình Diệm khi ổn định được tình thế thì nắm toàn quyền mà không phân quyền cho Tư Pháp và Quốc Hội. Trong Quốc Hội thì ông bà Ngô Đình Nhu và một số người thân tín mà họ đưa vào bằng đường lối bầu cử gian lận nắm then chốt lèo lái. Tư Pháp thì bổ nhiệm những người dễ sai biểu. Hành Pháp, Tư Pháp, Lập Pháp ở trong tay, vì vậy càng ngày Ngô Đình Diệm càng ngày trở thành độc tài đảng trị.

Ngày 17 tháng 4 năm 1955, trước Quốc Hội Lập Hiến, Ngô Đình Diệm trình bày chính sách Nhân Vị mà Ngô Đình Nhu học được từ triết lý Nhân vị của E.Mounier .

Ông Ngô Đình Nhu muốn cho đảng Cần Lao Nhân Vị là đảng duy nhất của quốc gia, ông lý luận rằng chính quyền phải dựa trên một đảng chính trị mạnh, và đảng này phải có một triết lý phù hợp tinh thần tôn trọng giá trị con người, mỗi con người được coi như một huyền nhiệm tối thượng không thể thay thế được gọi là nhân vị. Để đối đầu với lý thuyết Cộng Sản vốn không coi mỗi con người có giá trị do đó không có nhân vị, lý thuyết Nhân Vị trên nguyên tắc là lý thuyết tốt, tiếc rằng khi khai triển để trở thành căn bản cho sự hoạt động của một đảng phái có những vấn đề thực tế của nó mà ông Ngô Đình Nhu và các cộng tác viên của ông không vượt qua được .

Đảng Cần Lao Nhân Vị đang từ là một lý thuyết chống Cộng đã biến thành một phương tiện để được vào hành ngũ những người nắm chánh quyền . Để trực tiếp nắm vững đảng, anh em Ngô Đình Diệm dùng những cán bộ là các nhân viên cao cấp và người thân tín. Những cán bộ này được hưởng nhiều quyền lợi. Thời đó có một nguyên tắc truyền miệng mà những người muốn có quyền hành đều cố gắng đạt cho được, đó là nguyên tắc phải có ba chữ C đứng đầu, nghĩa là phải :

- Cần Lao,
- Công Giáo,
- Centre VietNam (tức là người miền Trung).

Cần Lao Nhân Vị kiểm soát luôn Quân Đội qua Đại Tá Lê Quang Tung, chỉ huy trưởng Lực Lượng Đặc Biệt dưới quyền trực tiếp của Ngô Đình Nhu. Cán bộ Cần Lao kiểm soát tất cả các tổ chức kinh tế của chính phủ. Cần Lao có một Lữ đoàn quan sát viên và liên lạc viên : Nửa dân sự, nửa quân sự gồm 35.000 đảng viên trực thuộc thẳng Ngô Đình Nhu. Cảnh sát bí mật, thường được gọi là Mật vụ hoạt động song song với các cơ quan tương đương chính quyền, nhưng cán bộ Cần Lao, nhưng cán bộ Cần Lao không báo cáo theo hệ thống chính quyền mà báo cáo thẳng với trung ương nên không ai biết người có trách nhiệm.

Rất nhiều nơi các Tỉnh trưởng, Quận trưởng, Ty trưởng sợ cán bộ Cần Lao, dân chúng lại càng sợ Cần Lao hơn nữa, vì vậy mà họ lộng hành tác oai tác quái.

Cán bộ của Đảng Cần Lao Nhân Vị được tổ chức theo từng tổ, một tổ từ 5 đến 25 đảng viên, sinh hoạt ngay tại cơ quan làm việc của mình. Đảng viên trong tổ gặp nhau hằng ngày.

Tổ chức Đảng Cần Lao Nhân Vị hầu như có mặt trong khắp các cơ quan song song với tổ chức hành chánh từ thị xã đến trung ương với đảng viên hầu hết là các ông công chức từ cao cấp trên trung ương xuống đến các cấp thấp ở các thị xã.

Về mặt nhân dân, ông Ngô Đình Cẩn tổ chức Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia.

Cũng theo hệ thống Trung ương xuống đến ấp, phường. Lãnh đạo phong trào là ông Ngô Đình Cẩn và các viên chức cao cấp " 3 C " ở trung ương. Tại các địa phương thì các công chức địa phương, đa số ban chấp hành là công chức " 3 C "; ngoài ra kết nạp thêm vài người uy tín địa phương vào ban chấp hành cho có vẻ đoàn thể của dân. Nhiệm vụ của Phong Trào là tuyên truyền và cho cán bộ đoàn viên học tập chính trị. Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia tổ chức sâu rộng đến xã, phường, kết nạp hầu hết những người tương đối có chút kiến thức. Họ mời đến họp và đưa đơn cho gia nhập. Không ai dám từ chối vì sợ nghi ngờ thiên cộng sản, hay chống đối chính quyền.

Chẳng bao lâu tổng số đoàn viên Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia lên quá cao. Thấy số đoàn viên quá đông đảo, trung ương nảy sinh ý sắp xếp hàng ngũ nhân dân, lựa tùy số tuổi phân hạng : thanh niên, thanh nữ, thiếu niên, thiếu nữ, phụ lão... Bốn đoàn thể trẻ gồm Thanh niên, Thanh nữ, Thiếu niên và Thiếu nữ mặc đồng phục mỗi khi làm lễ hoặc diễn hành, và tùy theo hệ thống hành chánh mà đặt danh xưng. Thí dụ ở quận thì gọi Quận đoàn. Thành phố hay thị xã thì gọi là Thành đoàn. Các đoàn thể thanh niên này chỉ sinh hoạt một thời gian ngắn rồi biến sang Thanh niên, Thanh nữ Cộng Hòa với đồng phục duy nhất : Bộ âu phục màu xanh nước biển.

Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia khởi xướng năm 1955 có 10.000 đoàn viên. Năm 1956 đã lên đến 1.000 000 đoàn viên, và năm 1963 lên đến 2.000 000 đoàn viên. Ngoài ra còn chưa kể đến hàng triệu đoàn viên Thanh niên, Thanh nữ Cộng Hòa, mấy trăm ngàn đoàn viên Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới bao gồm Thanh nữ bán quân sự do bà Ngô Đình Nhu lãnh đạo.

Sau Thanh niên Thanh nữ Cộng Hòa năm 1961, bà Nhu cho ra đời Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới.

Chủ tịch ở trung ương là bà Nhu, còn các ủy viên trung ương hầu hết là vợ của các Bộ trưởng, Tướng lãnh, Hiệu trưởng các trường nữ trung học ...Chủ tịch Phong Trào Liên Đới ở tỉnh phải là vợ của Tỉnh trưởng, nếu ông Tỉnh trưởng để vợ ở hẳn Sài Gòn thì vợ của Phó Tỉnh trưởng thay, cũng như vợ các Trưởng ty, các sĩ quan cấp tá, các chánh án. v.v....đều nằm vào ủy viên tỉnh, đôi khi mới có một vài phụ nữ, thanh nữ uy tín ở địa phương "được mời" vào thành phần ban chấp hành.

Trong Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới có các ủy viên phụ trách các ngành như:

- Ủy viên Tư pháp
- Ủy viên Gia đình binh sĩ
- Ủy viên Y tế
- Ủy viên Học chánh
- Ủy viên Xã hội
- Ủy viên Thanh nữ bán quân sự, v.v...

Các ban kia sinh hoạt có lệ, mỗi tháng làm một vài công việc thăm viếng giúp đỡ đại khái để có việc báo cáo công tác.

Riêng Thanh nữ bán quân sự là một tiểu ban mà bà Ngô Đình Nhu chú trọng nhất và nhân số đông nhất của Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới. Chính bà Nhu nhờ tôi soạn thảo kế hoạch tổ chức và huấn luyện về Thanh nữ bán quân sự võ trang này.

Thanh nữ Bán quân sự đa số do Thanh nữ Cộng hòa chuyển sang. Một số chính cán bộ từ các tỉnh cho vào Sài Gòn thụ huấn quân sự, về huấn luyện lại tại địa phương. Các nữ cán bộ này có lãnh lương của quốc gia. Thật ra tiếng Thanh nữ bán quân sự đông đảo rầm rộ, hình ảnh trên báo chí, nhất là tạp chí "Thế giới Tự

do", ai cũng tưởng là đông đảo quy mô lắm, nhưng kỳ thật mỗi tỉnh cử 5,7 nữ cán bộ về tập cơ bản thao diễn cho Thanh nữ, nữ công chức và nữ sinh các trường trung học để thao diễn trong cuộc lễ. Mỗi khóa huấn luyện quân sự cho Thanh nữ (kỳ thật đa số là nữ công chức và nữ sinh), mỗi đoàn viên lên xạ trường tập bắn vài phát phát. Hình ảnh được chụp đăng lên báo chí thật là xôm, nhưng thực chất chỉ là những hình ảnh trình diễn, tuyên truyền.

Vì vậy nên ngày đảo chánh 1.11.1963, các Thanh niên, Thanh nữ Cộng hòa, đoàn viên Phong trào Cách mạng Quốc gia này chờ cách mạng thành công mà ra đường vui mừng công kênh chiến sĩ cách mạng đã lật đổ Thủ lãnh của họ.

Trung tướng **Trần Văn Đôn**

000)00(000

Vài vụ Thủ tiêu nổi tiếng dưới Chế độ Ngô Đình Diệm

Posted: Tháng Năm 18, 2010

by Virtual Archivist in [Chứng từ](#), [Nghiên cứu](#), [Sử liệu](#), [Tài liệu](#)



Nguyễn Bảo Toàn (ở giữa mang kiếng).

Như đã nói, những người mang tâm trạng hoài Ngô [rất thích nhắc đến số tiền ba triệu đồng Việt Nam mà Mỹ đã giao cho các tướng đảo chánh Ngô Đình Diệm](#) năm 1963. Mới đây trong mục phản hồi trên diễn đàn Talawas, ông Nguyen Mai Linh lại moi ra việc này khi ông ta bàn về ba mươi đồng bạc mà Judas đã nhận:

“Giá trị của ba mươi đồng bạc, vào thời đó, chắc cũng có thể tương đương với [ba triệu đồng Việt Nam thời 1963, sử dụng để các tướng lãnh chia nhau](#), về khoản thù lao sau đảo chánh từ tay Lucien Conein, để bán đứng và giết chết vị tổng thống VNCH Ngô Đình Diệm.”

Điều mà Nguyen Mai Linh hình như không muốn nói đến là việc chính người Mỹ đã từng phải bỏ ra hàng triệu dollars để “hộ giá” cho Ngô Đình Diệm trong giai đoạn 1954-1955. Xem [Nguyễn Kỳ Phong](#):

“Theo ước lượng, SMM [Saigon Military Mission, nhóm tình báo của tướng Edward Lansdale] [bỏ ra 12 triệu dollars mua chuộc đổi lập](#), trong đó có 3 triệu 6 cho tướng Nguyễn Thành Phương và 3 triệu cho Trần Văn Soái... Năm 1979, Lansdale gửi thư cho Viện Quân Sử Hoa Kỳ chối về chuyện mua chuộc quân đội đổi lập. Tuy nhiên nhiều sử liệu sau này cho thấy Lansdale không nói thật hết những gì đã xảy ra.”

Những người như Nguyen Mai Linh cũng thường nói đi nói lại về cái chết của ông Diệm. Nhưng [điều mà họ không hoặc rất ít khi muốn nhắc đến](#) là việc những chính khách đổi lập như **Tạ Chí Diệp**, **Nguyễn Bảo Toàn** và **Vũ Tam Anh** đã bị **thủ tiêu** trong gian đoạn cuối cùng của chế độ Ngô Đình Diệm. Các vụ thủ tiêu này cho thấy rằng đến năm 1963 thì môi trường chính trị tại Miền Nam Việt Nam đã bị **lưu manh hóa** một cách trầm trọng. Do đó, việc chính ông Diệm lại cũng bị cự thủ hạ của mình sát hại thật ra không phải là một chuyện quá bất ngờ.

Trên kệ sách của Virtual Archivist hiện giờ có hai tác phẩm bàn về những vụ thủ tiêu thường bị người có cảm tình với chế độ Ngô Đình Diệm bỏ quên. Xem:

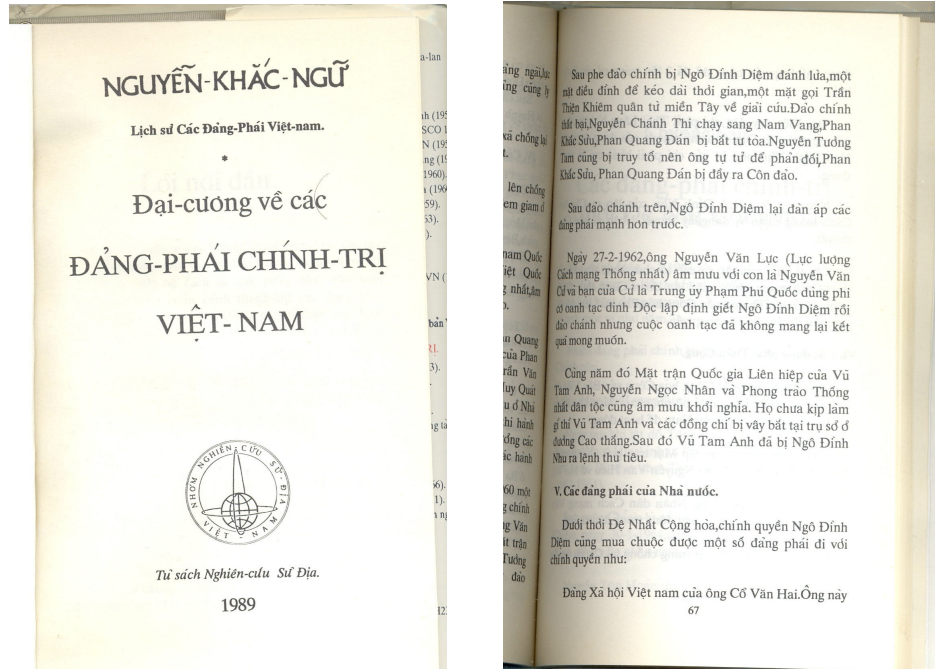
A/ Nguyễn Khắc Ngữ, [Đại Cương Về Các Đảng Phái Chính Trị Việt Nam](#), Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa Việt Nam, 1989, [trang 67](#)..:

[“Sau phe đảo chánh bị Ngô Đình Diệm lừa, một mặt điều đình để kéo dài thời gian, một mặt gọi quân Trần Thiện Khiêm từ miền Tây về giải cứu. Đảo chính thất bại, **Nguyễn Chánh Thi** chạy sang Nam Vang, Phan Khắc Sửu, Phan Quang Đán bị bắt tư tòa. **Nguyễn Tường Tam** cũng bị truy tố nên ông tự tử để phản đối, **Phan Khắc Sửu, Phan Quang Đán** bị **đày ra Côn Đảo**.”

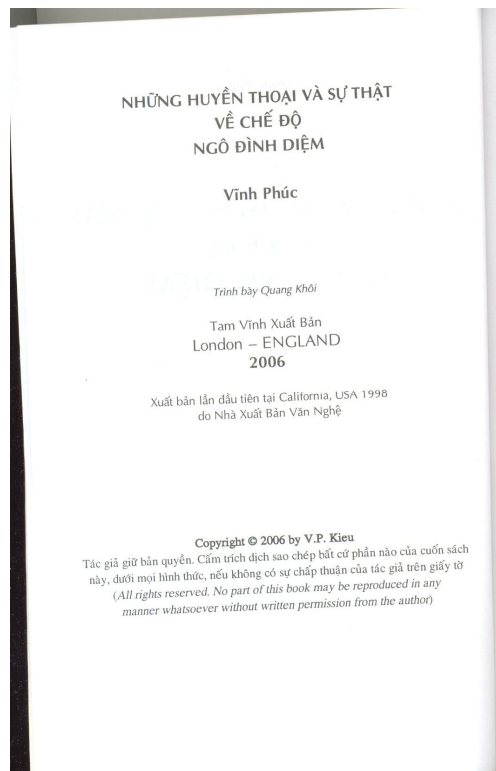
Sau đảo chánh trên, Ngô Đình Diệm lại đàn áp các đảng phái mạnh hơn trước.

Ngày 27-2-1962, ông **Nguyễn Văn Lực** (*Lực lượng Cách mạng Thống Nhất*) âm mưu với con là **Nguyễn Văn Cử** và bạn của Cử là Trung úy **Phạm Phú Quốc** dùng phi cơ oanh tạc dinh Độc Lập định giết Ngô Đình Diệm rồi đảo chánh nhưng cuộc oanh tạc đã không mang lại kết quả mong muốn.

Cùng năm đó, *Mặt trận Quốc gia Liên hiệp* của **Vũ Tam Anh**, **Nguyễn Ngọc Nhân**, và *Phong trào Thống nhất Dân tộc* cũng âm mưu khởi nghĩa. Họ chưa kịp làm gì thì Vũ Tam Anh và các đồng chí bị vây bắt ở trụ sở ở đường Cao Thắng. Sau đó, **Vũ Tam Anh đã bị Ngô Đình Nhu ra lệnh thủ tiêu.**”]



B/ Vĩnh Phúc, [một người có khuynh hướng bảo chữa cho chế độ Diệm] [Những Huyền Thoại Và Sự Thật Về Chế Độ Ngô Đình Diệm](#), Nhà Xuất Bản Tam Vĩnh, London, 2006, trang [256](#), [257](#), [258](#) và [259](#).



không vào tòa Đại sứ THQG" thì tại sao ông Vương Tử Kiên phải nhờ linh mục De Jaeger đi gặp ông Diệm để thu xếp? – ghi chú của người viết).

Trường Hợp Các Ông Tạ Chí Diệm, Nguyễn Bảo Toàn, Hồ Hán Sơn, Vũ Tam Anh

Dù ai có muốn bênh vực anh em ông Diệm tới đâu cũng không thể chối cãi được sự kiện chế độ đã đàn áp và thủ tiêu đối lập. Đây là một vết nhơ khó lột tẩy đã làm mất hết giá trị những việc làm tốt đẹp – nếu có – của nhà Ngô.

Những người đứng ở tư thế đối kháng với anh em ông Diệm đã cực lực lên án hành động này. Ông Hà Thúc Ký bảo rằng có những đảng viên Đại Việt của ông đã bỏ mình vì bị tra tấn, hay bị thủ tiêu ở ngoài Trung. Tuy nhiên, những người thân cận với chế độ cho rằng đàn áp đối lập thì có, nhưng giết người, thủ tiêu đối lập, không phải là chủ trương hay bản chất của hai ông Diệm-Nhu. Họ nêu ra những thí dụ như chính những kẻ đã ám sát hụt anh em ông Diệm mà còn không bị thủ tiêu, thì không thể nào có chuyện ông Diệm, hay ông Nhu ra lệnh giết người. Đó là những trường hợp Hà Minh Trí (kẻ đã dùng súng tiểu liên bắn vào ông Diệm trên Ban Mê Thuật nhưng may cho ông Diệm là đạn kẹt), Phạm Phú Quốc (một trong hai phi công bỏ bom dinh Độc Lập), hay ông Hà Thúc Ký. Hồi đó, mật vụ đề nghị với ông Nhu thủ tiêu Trí bằng cách đẩy từ lầu cao xuống cho chết rồi đổ cho là do tai nạn. Nhưng ông Nhu gạt đi, bảo

cứ giam lại. Hình như tất cả các vụ thủ tiêu đối lập đều chỉ xảy ra vào thời gian chế độ sắp sụp đổ, tức là lúc anh em ông Diệm gặp nhiều lúng túng khó khăn nhất, gần như không có lối thoát. Đó cũng là thời gian ông Trần Kim Tuyến đã bị cho ra rìa và đám mật vụ công an lộng hành mà không có ai tìm cách che chở cho nạn nhân của bọn này. Đó là thời gian đại tá Nguyễn Văn Y làm Tổng giám đốc Cảnh sát Công an, đại tá Nguyễn Văn Hay và Dương Văn Hiếu là hai Phó Tổng Giám đốc. Có lập luận cho rằng một số người chết oan vì đám mật vụ, công an muốn tăng công với ông Diệm, đã tự ý hành động.

Còn một ý kiến nữa, bảo rằng những vụ thủ tiêu đối lập xảy ra vì hiểu lầm. Ý kiến này xuất phát từ phía những người rất gần cận với anh em ông Diệm. Họ bảo vì ông Diệm hay nổi nóng, và mỗi khi như vậy, ông hay có thói quen quát lên "Đem mà thủ tiêu nó đi!", hay "Đem mà giết nó đi!" (Như trường hợp bác sĩ Tuyến được lệnh "thủ tiêu" ông Hà Thúc Ký chẳng hạn). Gặp trường hợp những người nhận lệnh, hay nghe quát là Nguyễn Văn Y, Dương Văn Hiếu, hay bất cứ ai khác vốn rất sợ ông Diệm, thì hẩn mệnh lệnh được thi hành ngay, và có người chết oan! Thế nhưng, chẳng lẽ ông Tổng thống hay nổi giận mà "quát" chết người như vậy sao? Nếu chẳng may bị rui ro một lần thì ông phải dè dặt những lần khác chứ. Có lẽ đâu lại nổi trận lôi đình, vô tình "quát" chết đến mấy người?

Tuy nhiên, về sự nổi nóng của ông Diệm, ông Quách Tông Đức, vốn là một công chức gương mẫu, đã gần

ông Diệm trong nhiều năm, thường phải vào báo cáo công việc hàng ngày, bảo rằng ông Diệm cũng có lúc nóng giận quát tháo. Nhưng ông Tổng thống dịu lại ngay. Và bao giờ ông cũng ra lệnh trong lúc đã bình tĩnh lại rồi. Theo ông Quách Tòng Đức, ông Diệm rất thận trọng trong lời lẽ ra lệnh, chứ không có chuyện nổi nóng mà quát tháo bừa bãi (*Xin xem phần phỏng vấn ông Quách Tòng Đức*). Vậy sự thật nằm ở đâu?

Các ông Hoàng Bá Vinh, Trần Kim Tuyến và Cao Xuân Vỹ đều nói rằng Tạ Chí Diệp (về sau đổi tên thành Nguyễn Phan Châu, cháu kêu cụ Tạ Chương Phùng bằng bác) là bạn họ. Ông Tạ Chí Diệp bị bắt khoảng đầu năm 1963 rồi bị thủ tiêu trong thời gian có cuộc khủng hoảng Phật giáo. Theo ông Hoàng Bá Vinh, hồi ông Diệm mới về cầm quyền, rất thân với cụ Tạ Chương Phùng. Ông Diệm đi đâu cũng mời cụ TCP đi theo. Nhưng rồi sau không hiểu có bất đồng gì đó mà hai bên xa cách, rồi trở thành đối nghịch nhau, và có lần Tạ Chí Diệp tâm sự với Hoàng Bá Vinh rằng ông ta sẽ “ra khu” (?).

Trước khi phải rời Việt Nam đi Ai Cập, ông Tuyến có nhờ ông Cao Xuân Vỹ hỏi ông Nhu xem có biết cơ quan nào bắt Tạ Chí Diệp không, vì lúc đó ông Tuyến đã mất chức Giám Đốc Sở NCCTXH/PTT, và hết còn liên lạc được với ông Nhu. Mỗi lần ông Vỹ đề cập đến tên Tạ Chí Diệp thì ông Nhu gạt đi, như thể không muốn nghe nhắc tới. Có lần khác, ông Nhu bảo “accident”! Nên ông Vỹ không dám hỏi nữa.

Về sau Nguyễn Văn Hay cho ông Cao Xuân Vỹ biết là “lầm”. Đại tá Hay (hay ai?) vào trình hồ sơ cho ông Diệm. Ông Diệm phê “*Thanh toán cho xong!*”. Tội bộ hạ tưởng “*Thanh toán*” là đem giết. Thế là những người như Nguyễn Bảo Toàn, Tạ Chí Diệp chết oan (?). Bọn ra tay là Khuu Văn Hai và đàn em. Còn về ông Hồ Hán Sơn, bác sĩ Tuyến cho rằng do các phe của Cao Đài diệt nhau.

Ngoài ra, có hai chính khách bị giam lâu, có lẽ vì những lý do riêng, chứ không có yếu tố công khai nào để buộc tội họ. Đó là các ông Trần Văn Tuyên và Lê Ngọc Chấn. Bác sĩ Tuyến bảo rằng ông Chấn bị trừ, vì thời gian ông Ngô Đình Diệm mới về làm Thủ tướng, đặt ông Chấn làm Tổng trưởng Quốc phòng. Nhưng khi Nguyễn Văn Hinh mưu định lật đổ Thủ tướng Diệm, ông Chấn lại có vẻ lừng khừng, hoặc đứng về phe với tướng Hinh. Còn luật sư Trần Văn Tuyên thì hình như có một đôi lần tỏ ra (hay có lời nói) làm như ông có rất nhiều thế lực, ảnh hưởng chính trị. Phải chăng vì lẽ đó mà ông bị ông Nhu để tâm, coi là một đối thủ nguy hiểm cần phải triệt hạ (?).



Virtual Archivist phóng ảnh và đưa những trang sách đó lên mạng để giúp những kẻ mang tâm trạng hoài Ngô nói trên nhớ đến việc này khi họ khơi lại đồng tro tàn của thời ông Diệm.

[Source: <http://virtualarchivist.wordpress.com/2010/05/18/nh%E1%BB%AFng-v%E1%BB%A5-th%E1%BB%A7-tieu-d%E1%BB%9Bc-b%E1%BB%9B-ch%E1%BB%BF-d%E1%BB%99-ngo-dinh-di%E1%BB%87m/>]

Tổng Giám mục Ngô Đình Thục (1897 – 1984) : Thần quyền với Thế quyền

O.V.V.



Tổng Giám mục
Pierre Martin Ngô Đình Thục

Tổng Giám mục Ngô Đình Thục có tên thánh **Pierre Martin**, sinh ngày 6-10-1897 tại **Phủ Cam**, Huế. Thuở thiếu thời, Ngô Đình Thục đã được gia đình cho theo học tại trường tư thục Pellerin. Năm 12 tuổi (1909), Ngô Đình Thục đã vào học ở Tiểu chủng viện An Ninh (Quảng Trị) rồi tới tháng 9/1917, vào học ở Đại chủng viện **Phú Xuân** thuộc Giáo phận Huế. Có lẽ ngay từ khi đó giới giáo chức cao cấp ở Huế cũng như gia đình họ Ngô đã nhận ra thiên hướng có thể ăn nên làm ra trên con đường tu hành của Ngô Đình Thục nên Chánh xứ Phủ Cam khi đó là Eugène Marie Joseph Allys (thường gọi là **Cố Lý**, 1852-1936) tháng 11/1919 đã gửi cậu giáo sinh họ Ngô đi du học Trường Truyền giáo Rome. “Con ông cháu cha” nên Ngô Đình Thục ngay ở Rome cũng rất được chăm bẵm.

Cuối năm 1922, Thượng thư **Nguyễn Hữu Bài**, bạn đồng liêu của **Ngô Đình Khả**, cũng là một người Công giáo, sau khi tháp tùng vua Khải Định du ngoạn sang Pháp “như một món hàng thuộc địa và có thể trưng bày ở Hội chợ” (chữ dùng của Nguyễn ái Quốc) đã đến thành Rome. Sẵn quan hệ cũ, Nguyễn Hữu Bài đã mang theo cậu giáo sinh Ngô Đình Thục vào yết kiến Đức Giáo hoàng **Piô XI**. Sự việc này đã có tác động tốt đến hoàn lộ sau này của Ngô Đình Thục.



Gia đình Ngô Đình Khả

Cũng trong năm đó, Ngô Đình Thục đã có được bằng Tiến sĩ Triết học. Ngày 20/12/1925, Ngô Đình Thục đã được phong chức linh mục rồi đi dạy ở Đại học Sorbonne ở Paris, Pháp. Năm 1926, Ngô Đình Thục lấy được bằng Tiến sĩ Thần học và năm 1927 có thêm Tiến sĩ Giáo luật ở Đại học Appolinaire... Tiếp theo, **Ngô Đình Thục** qua Pháp học tại Institut Catholique de Paris từ tháng 10/1927 đến tháng 6/1929 và đỗ Cử nhân Văn chương.

Trở về Việt Nam năm **1929**, Ngô Đình Thục khi đó còn là linh mục, làm giáo sư dòng Thánh Tâm ở Phường Đúc (Trường An) Huế, từ tháng 11/1929. Đến tháng 9/1931, Giám mục **Alexandre Chabanon** (Giáo, 1873-1936) đã bổ nhiệm Ngô Đình Thục làm giáo sư Đại Chung viện Phú Xuân, Huế.

Tháng 10/1933, Ngô Đình Thục trở thành Giám đốc **Trường Thiên Hựu** (Providence), một trường tư thục Công giáo tại Huế. Năm 1935, ông ta còn kiêm luôn cả chức Chủ nhiệm báo **Sacerdos Indosinensis...** Năm 1938, Ngô Đình Thục được thụ phong Giám mục Giám quản tông Toà Giáo phận **Vĩnh Long...** Từ thời điểm đó cho tới cuối những năm 50 của thế kỷ trước, Ngô Đình Thục mặc dù chỉ ở **Vĩnh Long** nhưng đã tham gia khá tích cực vào các cuộc vận động hành lang cho sự ra đời của một chế độ riêng của gia tộc Ngô Đình.

Linh mục Ngô Đình Thục có ảnh hưởng mạnh mẽ tới **Ngô Đình Diệm** cũng như những người em khác trong gia tộc **Ngô Đình**. Chính nhà tu này đã có vai trò rất quan trọng trong việc thiết kế những mối quan hệ hữu hảo với phương Tây thông qua Hồng y Giáo chủ Spellman để cuối cùng Washington đã chọn Ngô Đình Diệm làm **con bài chống Cộng chủ đạo** ở Việt Nam sau khi quân đội viễn chinh Pháp phải thua chạy khỏi đây sau trận Điện Biên Phủ. Cũng chính Ngô Đình Thục đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình lôi Ngô Đình Diệm từ sân sau của chính trường Sài Gòn để giúp ông thu được 95% (?) số phiếu ủng hộ của các cử tri miền Nam trong cuộc trưng cầu ý dân giả hiệu ngày 23/10/1955 và nhờ thế, Ngô Đình Diệm đã qua mặt được vua **Bảo Đại** tiến tới ngôi Tổng thống.

Một khi em đã làm “vua” thế sự thì anh cũng dễ dàng hơn trong những thắng tiến ở nhà thờ. Ngày 24/11/1960, Ngô Đình Thục đã được bổ nhiệm làm Tổng giám mục Giáo phận Huế. Và ông ta đã tận dụng tới đa ảnh hưởng của ông em Tổng thống để triển khai đủ loại hoạt động kinh tế (thí dụ như khai thác lâm sản, mua thương xá Tax, làm chủ nhà sách **Albert Portail...**), để kiếm lời bạc tỷ. Thậm chí đã có lúc Ngô Đình Thục dùng lính bộ binh và cả xe bọc thép thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và vận chuyển cho các vụ **khai thác gỗ rừng** trong các tỉnh Biên Hoà, Long Khánh, lấy vật liệu của công và nhân viên chính quyền để xây

cư xá Vĩnh Long, tổ chức lễ Ngân khánh (25 năm ngày Ngô Đình Thục được Vatican phong làm Giám mục) cưỡng ép công chức cao cấp và thương gia nộp tiền...



Một vị linh mục ở Sài Gòn thời đó tên là **Trần Tam Tĩnh** đã thuật lại việc tổ chức mừng lễ Ngân khánh trong quyển biên khảo Thập giá và lưỡi gươm (Nhà xuất bản **Sud-Est Asie**, Paris, 1978): “Từ tháng 3/1963, một uỷ ban ngân khánh đã được thành lập do chủ tịch quốc hội là chủ tịch với nhiều vị bộ trưởng và nhân vật tên tuổi làm uỷ viên. Người ta tổ chức tại Sài Gòn một bữa tiệc mà mỗi thực khách phải đóng 5.000 đồng. Người ta muốn biến lễ Ngân khánh này thành quốc lễ”.

Cách hành xử như thế của Ngô Đình Thục hiển nhiên là đã gây nên nhiều bẽ bối trong dư luận nhưng Ngô Đình Diệm vẫn cứ đoan chắc rằng ông anh mình không làm điều gì sai quấy vì số tiền kiếm ra dường như đã được dùng vào việc nuôi sống **Trường Đại học Đà Lạt** do chính Ngô Đình Thục lập ra cũng như để đáp ứng các nhu cầu khác của nhà thờ. Thật nực cười!

Không chỉ trục lợi kinh tế mà Tổng Giám mục Ngô Đình Thục còn tạo nên những lý do chính trị tai hại đối với chế độ Diệm – Nhu. Nhiều nguồn tư liệu còn lại tới hôm nay cho rằng, Ngô Đình Thục khi ở trên đỉnh cao danh vọng tôn giáo đã bị hoang tưởng về quyền lực của mình cũng như của gia tộc mình và đã đánh đồng thần quyền với thế quyền. Là anh của Tổng thống Diệm, Ngô Đình Thục nghĩ rằng ông ta, như linh mục **Trần Tam Tĩnh** nhận xét “*đã hoá thành trí não tuyệt vời của chế độ. Người ta tìm đến ông để xin xỏ ân huệ, đặc quyền. Giám mục làm như là hiện thân của giáo hội, cũng như ông em là hiện thân của Nhà nước...*”.

Một nhân chứng khác ở thời đó đã ghi chép lại về thời miền Nam nằm dưới sự trị vì của chế độ gia đình trị của dòng họ Ngô Đình như sau: “Các linh mục thuộc tập đoàn Ngô Đình Diệm đã ra sức thao túng, bóc lột, cướp tài sản của dân chúng. Có những linh mục bắt các quận trưởng phải nộp tiền bạc, để làm cái này, làm cái kia, nếu ai không tuân lệnh, họ sẽ báo cáo xấu lên tổng thống mà bị mất chức hoặc bị ngồi tù. Vì muốn Ngô Đình Thục **được làm Hồng y**, vây cánh Ngô Đình Diệm đã dùng mọi thủ đoạn để gia tăng giáo dân,

trong đó có việc cưỡng bách sĩ quan, binh sĩ và dân chúng theo Thiên Chúa giáo, ai không theo bị chúng vu khống là cộng sản rồi bắt bỏ tù. Họ khủng bố **Cao Đài, Hoà Hảo**, tận diệt **Quốc dân đảng** và **Đại Việt...**“.

Viên sĩ quan dù cao cấp về sau trở thành tướng nổi loạn **Nguyễn Chánh Thi** đã nhận xét về sự lộng hành của một số linh mục thời Diệm – Nhu: “Cứ hầu như mỗi một tỉnh của miền Nam, nhất là tại miền Trung, có một linh mục có quyền sinh sát trong tay mà chả ai dă động đến, vì đằng sau họ là sức mạnh chính quyền. Họ còn lộng hành hơn là nhận đơn kiện cáo của con chiên, rồi phê vào đơn, đưa đến tỉnh trưởng hay quận trưởng, bảo phải xử theo ý của linh mục A, linh mục B, không thì mất chức. Một số linh mục dưới chế độ Ngô Đình Diệm, họ sống như các ông vua của một xứ xưa kia!...”.

Cũng theo linh mục Trần Tam Tỉnh, đáp lại các lời chỉ trích, giám mục Thục nói với ICI, tạp chí Công giáo số 15/4/1963, rằng “Trên bàn giấy của tôi chồng chất cả lô đơn xin tôi can thiệp cho họ ơn này, ơn nọ, khổ thay thường chỉ là thể tục. Tôi không thể dừng dừng được trước lời kêu gọi của họ! ở vào địa vị của tôi các ông sẽ xử sự như thế nào?”. Giả dối đến thế là cùng!

Tổng Giám mục Ngô Đình Thục cũng là một người mang nặng tư tưởng **phân biệt tôn giáo**. Thậm chí không ít người ở miền Nam khi đó còn cho rằng, Tổng giám mục Ngô Đình Thục đã nuôi tham vọng **Công giáo hoá toàn bộ cái gọi là nền đệ nhất cộng hoà**. Chính những lùm xùm xung quanh lễ Ngân khánh năm 1963 đã châm ngòi lửa cho những biến cố Phật giáo, gây nên mối nguy hiểm chí tử đối với chế độ tay sai này của Mỹ ở Sài Gòn. Mọi sự quá mù ra mưa tới mức Vatican cũng lên án chính phủ Diệm – Nhu và quyết định rút Tổng Giám mục Ngô Đình Thục ra khỏi Việt Nam.

Nhận thức được hiểm hoạ này, Washington đã không khoan tay thúc thủ và quyết định gây sức ép để loại bỏ Ngô Đình Thục ra khỏi trung tâm quyền lực ở Sài Gòn. Ngày 20/8/1963, Nhà Trắng đưa **Cabot Lodge** sang làm đại sứ ở Sài Gòn với những chỉ thị mang tính thần thánh hằn trước đây... Giờ cáo chung đã điểm đối với quyền lực chính trị của gia tộc Ngô Đình. Trước đó khoảng 6 năm (1957), tại cố đô Huế đã xảy ra một điềm xấu: **sét đánh trúng ngôi mộ của ông Ngô Đình Khả**, từng được xây cất rất kỹ lưỡng bởi một lực lượng công binh tinh nhuệ nhất của chế độ Sài Gòn bằng những vật liệu có chất lượng tốt nhất...

Tháng 9/1963, Ngô Đình Thục rời Sài Gòn tới Vatican để tìm cách vớt vát uy tín cho chế độ Diệm – Nhu trên trường quốc tế (cũng là đúng ý Mỹ muốn ông ta đi cho “khuất mắt trông coi”). Tuy nhiên, mọi sự đã muộn màng. Bản thân Ngô Đình Thục cũng **bị Vatican tước bỏ chức vụ tôn giáo**.

Cuộc đảo chính ngày 1/11/1963 đã kết liễu tính mạng của anh em Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn... Ngô Đình Thục đành phải sống tha phương trong cảnh khá là bần hàn và mãi tới sau năm 1975, mới được Vatican cho phục chức. Thế rồi Tổng Giám mục Ngô Đình Thục về hưu ở Mỹ và phải sống tại một Viện dưỡng lão Công giáo thuộc tiểu bang Missouri cho tới khi trút hơi thở cuối cùng ngày 13/12/1984.

<http://ongvove.wordpress.com/2009/11/06/t%E1%BB%95ng-giam-m%E1%BB%A5c-ng%E1%BB%A5c-1897-1984-dao-va-doi/>

Chín Hầm, địa ngục trần gian thời Ngô Đình Diệm

Ngô Diệm

Chúng tôi đã được biết đến “địa ngục trần gian Chín Hầm” qua báo chí và nghĩ: Có lẽ nó không khủng khiếp như những địa ngục Sơn La, Hỏa Lò (thời Pháp thuộc), Côn Đảo, Phú Quốc (thời ngụy quyền Sài Gòn), như chúng tôi đã từng mục kích. Bởi, dù sao, nó cũng chỉ là nhà ngục địa phương! Nhưng, khi đến khu di tích lịch sử Chín Hầm, chúng tôi thật sự bất ngờ trước sự tàn bạo, quái đản của bọn cai ngục ở đây.



Nhà Tưởng niệm - Tượng đài Bất khuất
tại Khu Di tích Lịch sử Chín Hầm

Khu di tích nằm về phía tây nam, cách thành phố Huế 6 cây số. *Nhà tưởng niệm-Tượng đài Bất khuất* được xây dựng ngay cổng vào khu tù ngục trước. Ở đây, ngoài bản đồ, sa bàn chỉ dẫn bao quát còn lưu giữ nhiều tư liệu, hiện vật quý về quá trình hình thành, xây dựng khu tù ngục quái gở Chín Hầm; những tội ác cực kỳ man rợ của Ngô Đình Cẩn và thuộc hạ do chính những nhân chứng sống sót từ ngục tù này kể lại; những tấm gương kiên trung, bất khuất của đồng bào, chiến sĩ bị giam hãm đầy đọa v.v..

Địa ngục này là sản phẩm tội lỗi của Ngô Đình Cẩn. Y là em trai Ngô Đình Diệm, con thứ tám của Ngô Đình Khả. Tên thường gọi ở nhà của y là cậu Út - Út Cẩn. Trong sáu anh em trai nhà họ Ngô, Ngô Đình Cẩn là người ít học nhất, tính tình lại thất thường. Trong khi anh em bươn chải làm chính trị, y thúc thủ ở lại quê trông nom hương hỏa, phụng dưỡng mẹ già, sống cuộc đời của tên cường hào địa phương.

Khi Ngô Đình Diệm làm Tổng thống của cái gọi là “Việt Nam cộng hòa”, tính chất lưu manh, cường bạo của Ngô Đình Cẩn được dịp bùng phát. Y tự xưng là lãnh chúa miền Trung, điên cuồng đàn áp những người cách mạng, yêu nước; những người khác chính kiến, tôn giáo; cướp bóc trắng trợn tài sản của nhân dân... Khét tiếng tàn bạo nhất trong bộ máy của Ngô Đình Cẩn là mạng lưới mật vụ tình báo. Dưới trướng chúng có hàng loạt lò giam giữ tra tấn như: Lao xá Ty công an, trại Tòa khâm, trại Thừa Phủ, nhà tù Long Thọ, trại đồn Mang Cá nhỏ... Đỉnh điểm tội ác là khu biệt giam Chín Hầm.

Khu Chín Hàm nằm trên một ngọn đồi thông xa dân cư. Nguyên trước đây là kho chôn cất vũ khí của người Pháp. Tám kho và một lô cốt bột gác xây cất vào lòng núi, rải rác quanh đồi. Tường kho bằng bê tông cốt thép dày hơn 40cm. Căn hầm lớn nhất có diện tích 85m², căn nhỏ nhất 41m². Ngô Đình Cẩn cho sửa lại các căn hầm này làm trại giam. Cấu trúc bề ngoài căn hầm không thay đổi, chúng chỉ gia cố lại cửa thép, lưới sắt nắp hầm. Trừ hầm số 5, các hầm khác ngăn thành xà lim nhỏ. Theo lời kể của nhân chứng, các căn hầm này khi trời mưa, nước ngập đến thắt lưng; ngày nắng, nóng hầm hấp như trong lò than; trời rét, lạnh cắt da cắt thịt. Người bị giam sống chung với chuột, dòi, muỗi mòng...

Mỗi căn hầm là một ngôi mộ chôn những người sống đúng cả nghĩa bóng và nghĩa đen.

- Các căn hầm số 1, số 6, số 7, số 8 giam giữ những tù nhân chúng gọi là cộng sản, Việt cộng nằm vùng.
- Căn số 3 giam cầm những công thương gia giàu có; chúng vu oan cho họ, bắt giữ tra tấn, buộc gia đình phải bỏ tiền, vàng ra chuộc thân.
- Căn số 3, 4 nhốt những người đối lập, những quan chức sĩ quan của chính quyền đương nhiệm không tuân theo lệnh Ngô Đình Cẩn.
- Căn số 5 giam giữ các Tăng Ni, Phật tử, học sinh sinh viên phản kháng chế độ độc tài gia đình trị họ Ngô. Căn này không ngăn thành xà lim, có thời điểm, chúng dồn hàng trăm người vào đây, đến nỗi họ chỉ có thể đứng sấp lợp với nhau. Vì thế, nhiều người đã chết vì ngộp thở.
- Căn số 9 là bột gác đồng thời cũng là nơi tra tấn, khảo cung những người chúng cho là có tội. Khi chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ, nhân dân đã phản nộ kéo đến phá tan thành khu biệt giam, lùng bắt Ngô Đình Cẩn và chân tay của y.

Ngày nay, các căn hầm chỉ còn lưu lại các bức tường bê tông cốt thép để làm chứng tích tội ác. Ban quản lý khu di tích lịch sử đã dựng lại nguyên dạng căn hầm số 8 để người đời có thể hình dung phần nào tội ác “trời không dung, đất không tha” của tập đoàn phản động Diệm-Nhu-Cẩn.

Cánh cửa sắt nặng hàng tấn của căn hầm mở ra, đồng chí trưởng ban quản lý khuyên chúng tôi chờ một lúc để không khí oi nồng trong căn hầm thoát bớt. Hầm có diện tích 72m², một lối đi ở giữa rộng chừng 1m, hai bên là dãy xà lim, mỗi xà lim y như chiếc quan tài, chiều dài 1,8m, rộng 0,8m; một tấm ván lót sàn, một chiếc xô tôn nhỏ để đi vệ sinh cùng dây xích, cùm kẹp. Cả căn hầm chỉ có một lỗ thông hơi hình vuông, mỗi bề hơn 20cm. Trong các xà lim có hình nhân với đủ kiểu hành hạ như khi họ bị giam cầm: Nằm quy úp mặt xuống sàn, đứng khom lưng, ngồi kẹp giữa hai gối, treo lơ lửng...

Chúng tôi chỉ vào hầm quan sát khoảng mười lăm phút mà tay chân bủn rủn, đầu óc như muốn vỡ tung, đủ biết sức chịu đựng của các chiến sĩ bị giam giữ ở đây thật phi thường.

Ông Nguyễn Văn Thành-người Hà Nội, một cựu tù Côn Đảo khi đến Chín Hàm đã thốt lên: “Bản thân tôi đã đối mặt với kẻ thù gần 11 năm ở các địa ngục: Bạch Đằng 3-Chí Hòa rồi chuồng cọp, hầm đá Côn Đảo, nhưng tôi phải rung mình trước sự tàn bạo cùng cực của kẻ thù đối với đồng bào, đồng chí, đồng đội của tôi ở khu biệt giam Chín Hàm này!”.

Đốt nén hương trầm nghiêng mình trước anh linh của đồng bào, chiến sĩ đã ngã xuống ở Chín Hàm, chúng tôi lòng tự nhủ lòng cố gắng sống sao cho xứng đáng với sự hy sinh cao cả và vô giá ấy.

NGÔ DIỆP

nguồn: <http://www.qdnd.vn/QDNDSite/vi-VN/89/70/83/83/83/80983/Default.aspx>

000 XX 000

Những điều ít biết về tử ngục Chín Hầm

Nguyễn Phương

Địa ngục trần gian

Từ năm 1954, khi mà chế độ độc tài gia đình trị họ Ngô với những chiến dịch “tổ cộng”, “diệt cộng”, với phương châm “giết nhằm còn hơn bỏ sót” và những phương thức tàn bạo khác, đàn áp phong trào cách mạng miền Nam, thì nơi này trở thành một địa ngục trần gian, một khu vực cấm dân cư không được đến gần.



Tàn tích nhà tù Chín Hầm còn được lưu giữ tại Huế

Tại đây, bạo chúa Ngô Đình Cẩn đã cải tạo những hầm giam thành những chuồng cọp, giam giữ những người cộng sản, học sinh sinh viên, Phật tử và những người chống đối khác.

Nhà báo Dương Phước Thu, Hội Nhà báo tỉnh Thừa Thiên Huế, cho biết: “Hàng nghìn người yêu nước chống lại chế độ thực dân, đế quốc xâm lược đã bị giam cầm và chết ở chốn tù lao này”. Cũng theo ông, năm 1954, Chín Hầm là trung tâm giam giữ nhiều chiến sĩ cách mạng. Mỹ, Ngụy đã đưa đến đây những người tù cộng sản mà chúng đã bao lần tra tấn, mua chuộc dọa dẫm nhưng không ăn thua, về đây để chịu số phận tử tù.

Mỗi ngày người tù chỉ được ăn hai bữa, cơm lẫn với mắm thối hoặc rau muống già, giờ ăn phụ thuộc vào người phục vụ, có thể cách nhau ba giờ hoặc từ sáng đến tối mới được ăn lại. Bên cạnh đó, với những đòn tra tấn dã man như đánh vào chỗ hiểm, đóng người trên tường, dùng dao sắc xẻo từng miếng thịt hay bắt tù nhân phải thức suốt đêm, tất cả những cái đó làm cho người tù nhân không chết ngay mà kéo dài sự sống trong muôn vàn đau khổ. Với những cực hình như vậy, chúng muốn những người cộng sản phải chuyển hướng, những người chống đối phải khuất phục.

Nỗi đau còn nhức nhối

"Mỗi hầm có một lỗ thông hơi nhỏ, ban ngày thì ánh sáng lờ mờ, trời mưa nước thấm giọt trên đầu tù nhân lạnh buốt, trời nắng trong hầm như cái nồi rang. Tù nhân không được ra ngoài đi vệ sinh, tất cả đều đi trong thùng một tuần mới có người đi đổ", đại tá Nam Trung (tên thật là Nguyễn Minh Vân), Cục tình báo, Bộ Quốc phòng, một trong ba người còn sống sau ngày Chính quyền Ngô Đình Diệm sụp đổ năm 1963, nhớ lại về tù ngục Chín Hầm.

Ông Đặng Mậu Tựu, Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật tỉnh Thừa Thiên - Huế, thành viên Hội đồng nghệ thuật tỉnh, cho biết: "Hầm số 7 và hầm số 8 là hai hầm điển hình nhất trong hệ thống 9 hầm, đây là nơi giam cầm nhiều chiến sĩ cộng sản chủ chốt của phong trào cách mạng miền Nam, do đó Ngô Đình Cẩn và tay chân đã tập trung nhiều công sức nghiên cứu, cải tạo thành những ô xà lim kiểu chuồng cọp, mỗi ngăn chỉ vừa một người xung quanh đào sâu xuống sàn, không thể thoát nước ra ngoài. Hầm chỉ có một ô cửa sắt nhỏ để bọn cai ngục thả cơm xuống cho người tù. Người bị giam ở hai hầm này như sống trong nhà mồ quanh năm không có ánh sáng".

Trong địa ngục trần gian đó, những chiến sĩ cách mạng vẫn giữ một lòng trung kiên với Đảng, với lý tưởng cách mạng, nỗ lực vượt qua những thiếu thốn về vật chất, những đày ải, hà khắc tàn bạo để sống, để mong ngày trở về với đội ngũ. Ở trong tù, đại tá Nguyễn Minh Vân đã làm tập thơ "Sống trong mồ" với hơn ba nghìn câu thơ, với những hình tượng văn học rất hiện thực của nhà tù Chín hầm như sau:

*Các anh: Những người hầm thế kỷ hai mươi
Như người cổ sơ trần trụi giữa hang dơi
Các anh ở: Hai thước chuồng lạnh hơn hốc đá
Ngày thiếu ánh mặt trời đêm không ánh lửa
Các anh thở rít mùi phân/Nằm trên ván trét bùn
Đánh nhau với chuột/Bạn cùng để giun
Các anh ăn: Cơm sổng trộn dầu hôi mắm tanh mùi thịt rữa
Các anh uống: Nước khe nước lá
Quần áo các anh là giẻ rách tả tơi
Lộ rõ hình tù bụng hở lưng phơi
Tắm thân gầy nghìn ngày không tắm rửa
"Ghét đóng thành chai/Râu rậm dài tua tua
Tóc rối xù xuống vai"*

Với những giá trị tố cáo tội ác của một nhà tù điển hình của đế quốc Mỹ và tay sai đối với các chiến sĩ cách mạng, các tầng lớp nhân dân, cũng như tinh thần của người cộng sản trước kẻ thù tàn bạo, năm 1993, Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) đã có quyết định công nhận Di tích lịch sử lưu niệm tội ác Chín Hầm là di tích quốc gia.

[Source: <http://www.sachhiem.net/LICHSU/NgoDiep.php>]



*Những bức tượng tái hiện sinh động cảnh tù ngục,
tra tấn tại nhà tù Chín Hàm.*

3.000 câu thơ còn rướm máu

Ông Nguyễn Bôn, Phó tổng giám đốc công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang, nhớ lại: “Năm 1963, khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ, quân đảo chính đến nhà ngục này thì chỉ còn lại ba tù nhân, trong đó có ông Nguyễn Minh Vân, Cục Tình báo, Bộ Quốc phòng. Ông bị cực hình ở Chín Hàm từ tháng 11/1961 đến tháng 11/1963. Trong thời gian này, ông đã sáng tác và học thuộc lòng 3.000 câu thơ nói lên những ngày bị cực hình trong khu biệt giam Chín Hàm trong nỗi đau chứa đầy máu và nước mắt”.

3.000 câu thơ viết từ cỗi chết đã được bí mật chuyển ra Hà Nội và in vào cuối năm 1973 với tên tác giả Nguyễn Dân Trung. Tập thơ đã được dịch ra nhiều thứ tiếng và in trên các báo văn học của Âu Mỹ.

Giờ đây, mỗi khi thăm lại Chín Hàm, hình dung lại những tư thế chết khác nhau trong địa ngục trần gian, tố cáo tội ác dã man, chồng chất của bọn đế quốc, người xem vẫn không khỏi hãi hùng.

Nguyễn Phương

000)00(000

Trường hợp Phan Lạc Tuyên

Phan Lạc Giang Đông

(Trích từ "Nhìn lại Biến cố 11/11/1960", 1997, Văn Hóa, USA)

[Chứng từ của Phan Lạc Giang Đông: Một em bé 6 tuổi phải theo mẹ vào tù vì cha nó tham gia đảo chánh ...](#)



Khi cuộc đảo chính 11-11-1960 không thành, người anh ruột tôi là Phan Lạc Tuyên chạy sang Campuchia. Và, kể từ ngày này, toàn bộ gia đình, đại gia đình tôi thay đổi.

Trước 1960, anh Tuyên phục vụ tại trường Đại Học Quân Sự, phụ trách tờ đặc san *Đại Học Quân Sự* và nhà ở Phú Nhuận (căn nhà của Quân đội cấp). Vào đầu 1960, khi Binh chủng Biệt Động Quân được thành lập, anh tình nguyện sang và giữ chức vụ Chỉ Huy Phó kiêm Tham Mưu Trưởng Liên đội Biệt Động Quân/Quân Khu Thủ Đức. Anh dọn nhà về ở chung với thầy mẹ tôi tại xứ đạo Thái Hòa, Ngã Ba Ông Tạ, Quận Tân Bình, Sài Gòn.

Gia đình đang sống yên ổn. Thầy tôi làm Trác Họa Sư ở Cảng Bình Đông, và cụ viết cho Bán Nguyệt San *Bách Khoa*. Khi đó cụ cũng là Cố vấn cho Hội Nghiên Cứu Dịch Học. Mẹ tôi, người mẹ suốt đời tận tụy cho chồng con. Còn tôi, lúc này đang đi học, và năm 1960, tôi đang theo lớp Trác Họa (học cùng lớp với Thế Nguyên, nhà văn) tại Sài Gòn. Tôi là con út, và anh Tuyên là anh Cả trong nhà.

Tôi nhớ, lúc đó, vào khoảng giữa năm 1960, anh Tuyên hay đi hành quân ở Tây Ninh, thỉnh thoảng ghé xe Jeep về nhà thăm và người tài xế tâm phúc là Trung sĩ Nhất Thước. Tôi cũng được nghe ông Cụ và anh Tuyên thường ngồi nói chuyện lâu, mỗi khi anh về thăm nhà. Có lần, anh được gọi vào trình diện TT Ngô Đình Diệm rất bất ngờ và sau lần gặp đó, anh chuẩn bị đi làm Tỉnh

trưởng tỉnh Bình Dương. Tôi nghe đầu công việc đang tiến hành.

Thế rồi, vào nửa đêm 11-11-1960, ở nhà mọi người nghe súng nổ rất nhiều, cha tôi gọi tôi và nói: Chắc có biến ảnh ạ. Tôi không rõ việc gì, sau đó thì đài phát thanh cho biết là quân đội đã đứng lên đập đổ chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm.

Đồng bào Sài Gòn náo nức hẳn lên, xử đạo tôi đang ở thì im lìm, trông chờ, gia đình tôi chưa biết gì cả, vì khi ra đường, lên trung tâm thủ đô hay ghé lại vườn Tao Đàn, Dinh Độc Lập thì chỉ thấy những quân nhân thuộc binh chủng Nhảy Dù đang bao vây dinh và bố trí ở các yếu điểm trong thành phố.

Suốt ngày 11-11-1960, cho đến khuya, cả nhà tôi nghe ngóng, trông chờ tin ảnh Tuyền. Tuyệt nhiên không hay biết gì.

Cho đến sáng 12-11-1960, chị Tuyền và tôi cùng ông cụ thân sinh đi hỏi thăm, lên Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân (tôi nhớ ở Phú Lâm) gặp Thiếu tá Lữ Đình Sơn.

Sơn tiếp gia đình tôi tại văn phòng. Sơn nói với ông cụ thân sinh, giọng lạnh nhạt:

- Tuyền đi theo Cộng sản rồi. Đi vào sáng sớm hôm nay cùng TSI Thức. Thôi, cụ đi về.

Tôi thoáng thấy cha tôi hơi bàng hoàng. Chị Tuyền ôm mặt khóc. Chúng tôi trở về nhà vào buổi trưa 12-11. Mọi người chưa kịp ăn cơm thì ngoài cổng đã có ba, bốn

nhân viên An ninh Quân Đội đến. Người đi đầu hỏi ông cụ tôi:

- Cụ là cha của Phan Lạc Tuyên?

- Vâng, tôi.

- Còn vợ Phan Lạc Tuyên đâu?

Chị Tuyên đang ở nhà trong chạy ra:

- Tôi ạ.

Người đi đầu giao thẻ cho ông cụ tôi xem, nói:

- Tôi được lệnh bắt vợ ông Tuyên. Chúng tôi là nhân viên An ninh Quân Đội.

Chị Tuyên chỉ kịp mang theo ít quần áo và dẫn cháu Phan Quốc Hưng (lúc đó 6 tuổi) đi theo những nhân viên an ninh ra xe về Sở An Ninh Quân Đội.

Ông cụ thân sinh bảo tôi:

- Thầy chưa rõ thế nào, song anh Tuyên không thể theo Cộng sản được, tính thế phức tạp lắm.

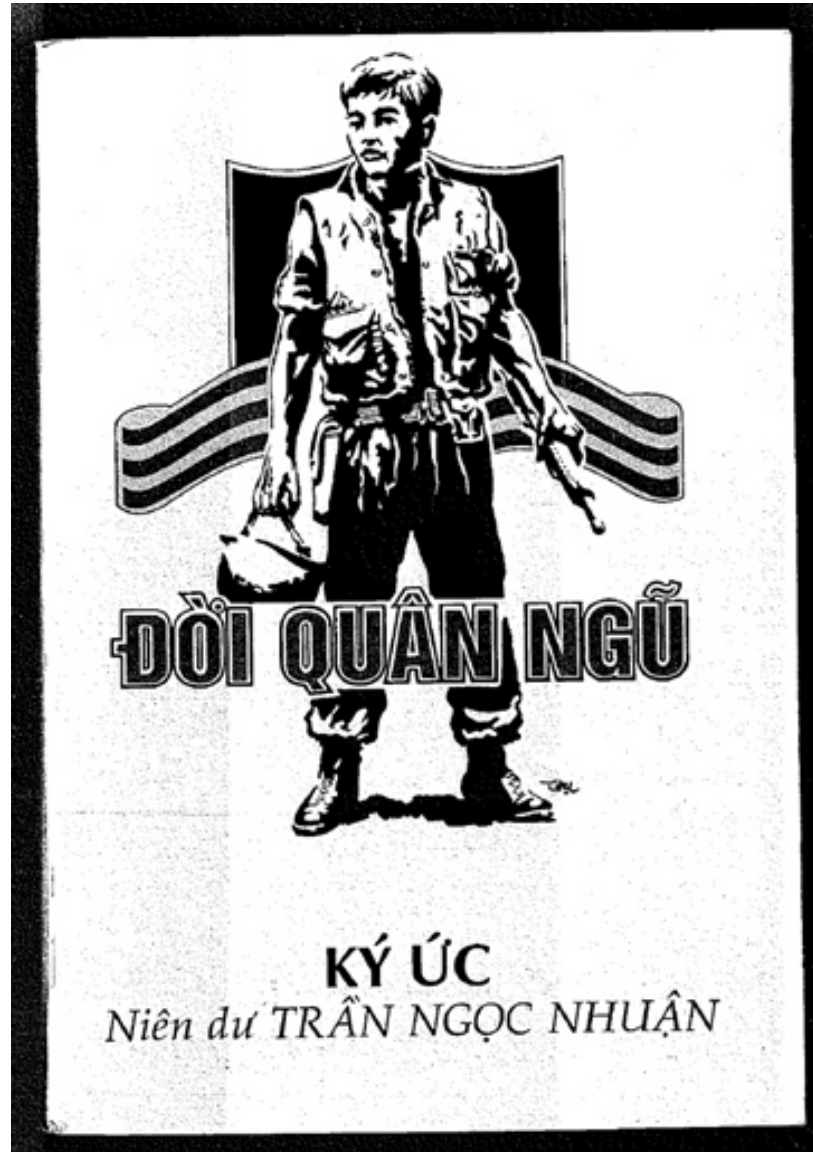
Tôi chỉ biết nghe và im lặng.

Gia đình tôi, kể từ ngày này hoàn toàn không còn được yên nữa. Khu xứ đạo Thái Hòa (xứ đạo của đồng bào Bắc di cư vào Nam), mọi người ở lối xóm đã có thái độ khác trước. Mỗi tối, khoảng từ bảy, tám giờ thì một số người, không biết từ nhà nào đã ném gạch, đá lên mái nhà (bằng tole) của gia đình, ông cụ thân sinh tôi rất buồn và gặp thẳng Linh mục xứ đạo để nói về việc này, song, không giải quyết được. Việc họ ném như thế kéo dài cho đến khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ thì chấm dứt.

Vợ của Sĩ quan vụ Binh biến 1960

bị An ninh của Diệt xâm phạm tình dục

Niên Dư Trần Ngọc Nhuận, Đại Tá
(Trích từ “Đời Quân Ngủ”, 1992, Xuân Thu, USA)



thoát được ra ngoại quốc như Trung Tá Vương Văn Đông, các Thiếu Tá Lợi, Liễu các Tiểu Đoàn Trưởng Nhảy Dù, Biệt Động Quân. Một số còn lại bị bắt giam như các Thiếu Tá Phan Trọng Chinh, Đại Úy Nguyễn Văn Thừa và hầu hết các Chính trị gia hoặc lãnh tụ đảng phái tham gia, kể cả các người theo phe đảo chính giờ thứ 25.

Các đơn vị có công dẹp đảo chánh đều được tưởng thưởng và thăng cấp.

Trung Tá Cao Văn Viên, Tham Mưu trưởng Tham Mưu Biệt Bộ Phu Tổng Thống được cử giữ chức Tư Lệnh Liên Đoàn Nhảy Dù thay Đại Tá Nguyễn Chánh Thi, bốn tầu sang Cao Miên.

Trường Đại Học Quân Sự, nơi xuất sứ mầm mống cuộc đảo chánh được di chuyển lên Đà Lạt.

Các chức vụ khác cũng được thay đổi và chính phủ đã sắp đặt để đưa những sĩ quan tin cậy nắm giữ những vai trò trọng yếu trong Quân Đội. Nhiều sĩ quan, mặc dầu không liên hệ gì đến phe đảo chánh bị theo dõi và điều tra. Nạn phe phái, chạy chọt được bành trướng trong quân đội gây mầm mống bất mãn.

Thân nhân, vợ con của các Sĩ quan cầm đầu đảo chánh được các cơ quan an ninh chiếu cố đặc biệt. Tất cả các phu nhân sĩ quan thuộc phe đảo chánh đều bị bắt giữ ngoại trừ trường hợp vợ của Trung Tá Đông có quốc tịch Pháp được Tòa Đại Sứ Pháp che chở và vợ của Thiếu Tá Lợi trốn được sang Cao Miên với chồng.

Một chính sách cực kỳ thâm độc và tàn ác đã được các nhân viên an ninh áp dụng cho các bà vợ vô tội này.

Họ đã bị bao vây kinh tế như trường hợp chị Phan Lạc Tuyên, mà tôi đã có dịp viết trong phần đầu và trong bài “Những anh hùng không tên tuổi” (Xin xem phụ lục)

Dĩ man nhất là họ đã trở nên nạn nhân của những cuộc trả thù bỉ ổi. Họ đã bị cho thuốc kích thích hoặc đầy, dọa thể xác để cuối cùng phải thất tiết với chồng và, mấy năm sau, không còn được xum họp hạnh phúc với chồng con nữa.

Tôi viết lên mấy dòng này để bào chữa cho các bà chị, các bà vợ bạn bè đã bị tủi nhục mà không được ai hiểu cho hoàn cảnh bị xô đẩy và bắt buộc của họ.

Tôi cũng biết rằng, chính sách báo thù bỉ ổi đó đã không được Tổng Thống Diệm hay cả bào đệ là ông Ngô Đình Nhu biết đến. Tôi cũng không nghĩ rằng đó là chủ trương của các cấp chỉ huy an ninh có thẩm quyền. Tôi thiết nghĩ, và tôi mong rằng, tôi nghĩ đúng, là chủ trương báo thù bỉ ổi này chỉ thuộc phần hành cấp dưới muốn mua lòng Thượng cấp. Thế thôi.

Sau cuộc đảo chánh 11-11-60 này, vì tình bạn với Phan Lạc Tuyên mà tôi cũng bị theo dõi và có lần bị Thiếu Tá Đỗ Huệ và bạn tôi là Đại Úy Ứng ở Nha An Ninh Quân Đội đến “thăm viếng” tại văn phòng và thư phòng của tôi tại nhà.

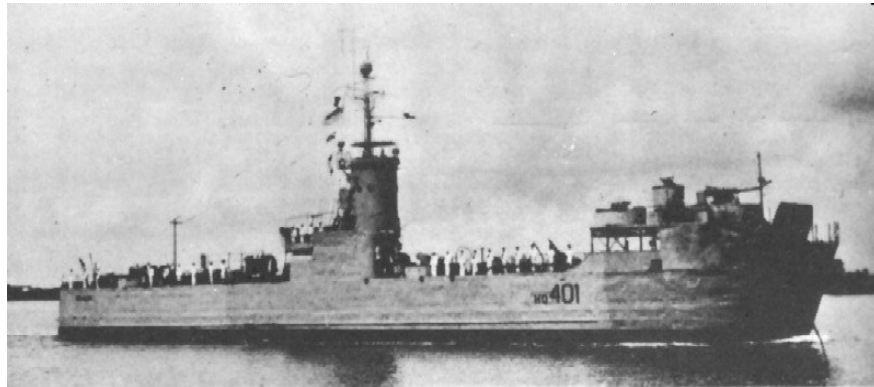
Tôi rất bức mình và tức giận, nhưng đã ở trong chế độ mà Tự Do không được bảo đảm coi trọng thì biết trách ai. Mãi đến 2 năm sau, năm 1962, lúc được Tổng Thống ký nghị định cho đi du hành quan sát các cơ sở Tình Báo Hoa Kỳ cùng với Đại Tá Đỗ Mậu, Tổng Giám Đốc Nha An Ninh Quân Đội; tôi mới được ông cho mời vào hỏi chuyện và bạch hóa hồ sơ, không còn bị theo dõi.

Một điển hình tàn ác của nhà Ngô

Võ Văn Sáu

Ngày 5-10-1963, chiếc Hải vận hạm Hàn Giang HQ-401 do Hạm trưởng HQ Đại úy Nguyễn Văn Hớn và Hạm phó HQ Trung úy Lê Thành Uyển chỉ huy, rời cảng Sài Gòn lên đường ra Côn Sơn, trên tàu có chở theo 216 tù nhân chánh trị trong vụ đảo chánh hụt 11-11-1960. Về phía Quân đội chúng tôi thấy có một số chiến sĩ Dù như : Th/tá Phan Trọng Chinh, Tr/úy Nguyễn Vũ Từ Thức, Tr/úy Nguyễn Bá Mạnh Hùng, Đ/úy Nguyễn Văn Thừa, Đ/úy Nguyễn Thành Chấn... Còn phía dân sự có cụ Phan Khắc Sửu, Bác sĩ Phan Quang Đán, ông Vũ Hồng Khanh, ông Bùi Lượng, ông Phan Bá Cầm, Giáo sư Trần Tương, Võ sư Phạm Lợi...

Vào khoảng nửa đêm bỗng có một chiếc máy bay lạ xuất hiện bay vòng trên đầu chiến hạm và chiếu đèn pha xuống tàu. Hạm trưởng bèn ra lệnh báo động phòng không. Nhưng máy bay lạ chỉ bay vòng có 2 lần rồi bay luôn..



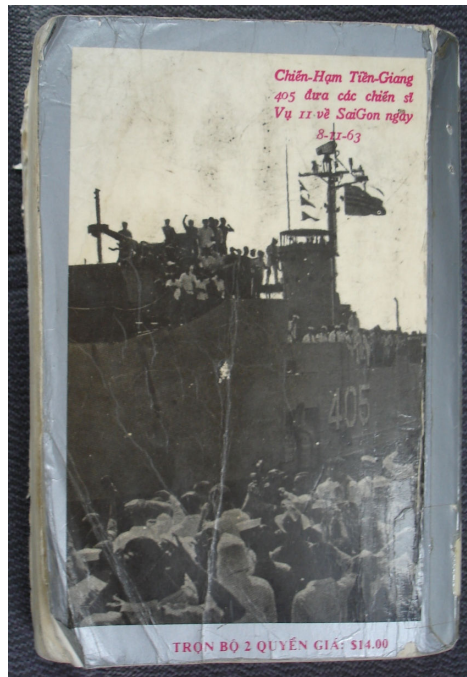
Hải Vận hạm Hàn Giang HQ 401

Sau ngày 1-11-1963 có một số anh em Quân đội trong vụ 11-11-1960 chạy thoát qua Nam Vang, đứng đầu là đại tá Nguyễn Chánh Thi, trong đó có đại úy Phi công Huỳnh Minh Đường, trở về Sài Gòn. Đại úy phi công Huỳnh Minh Đường mới tiết lộ cho biết, ngày 5-10-1963, Phủ Tổng Thống chỉ thị cho cấp trên của ông, trao cho ông một bức mật thư bảo đưa lại cho tôi, dặn khi nào máy bay cất cánh hãy mở ra đọc.

Khi bay lên xong, ông mở ra thì đó là lệnh phải ném bom chiếc tàu HO 401 đang trên đường ra Phú Quốc. Thi hành xong sẽ được thưởng MỘT TRIỆU đồng và thăng một cấp. Nhưng khi ông bay vòng trên đầu chiến hạm thấy chở toàn tù, anh biết ngay đó là các anh em Nhảy Dù và các nhà chánh trị vừa bị kêu án. Nên ông quyết định không ném bom, trở về thì cũng chết nên ông quyết định bay thẳng qua Nam Vang xin tị nạn.

Sau 1975, Đại úy Huỳnh Minh Đường (đúng ra là Huỳnh Ngọc Đường) định cư tại thành phố Seattle cùng với vợ và 2 con. Ông mất vào khoảng năm 2001.

Giáo sư Trần Tương thuật lại vụ này phần đầu trong sách *Biến cố 11-11-1960* của ông. Có điều ông ghi nhầm, thay vì HQ 401 ông ghi là HQ 403.



Đông đảo đồng bào thủ đô chào đón Chiến hạm Tiền Giang 405 đưa các chiến sĩ vụ Bình biên 11-11-1960 từ nhà tù Côn Sơn về lại Sài Gòn ngày 8-11-1963

Qua chuyện này chúng ta càng thấy rõ bộ mặt đạo đức giả đáng ghê tởm của bè lũ Cần Lao nhà Ngô, thật vô cùng tàn ác dã man còn hơn cả loài súc vật. Đã bỏ tù các chiến sĩ Dù và các nhà chánh trị đối lập, đày ra Côn Đảo... nhưng vẫn chưa thoả lòng, còn cho phi công thả bom đánh chìm tàu Hải Quân Việt Nam, giết các tù chánh trị và giết luôn cả thủy thủ đoàn HQ 401, trong đó có chính tôi (Võ Văn Sáu) lúc đó đang phục vụ trên HQ 401 dưới quyền của Hạm trưởng Nguyễn Văn Hớn (ông Hớn hiện ở Oregon).

Có lẽ nhà Ngô định đổ tội cho “phi cơ lạ” đã đánh chìm tàu HQ 401. Phi cơ lạ đó có thể là của Cam Bốt hay Cộng sản, và ai nữa ? Không quân Mỹ chẳng ? Với chủ đích gì ?

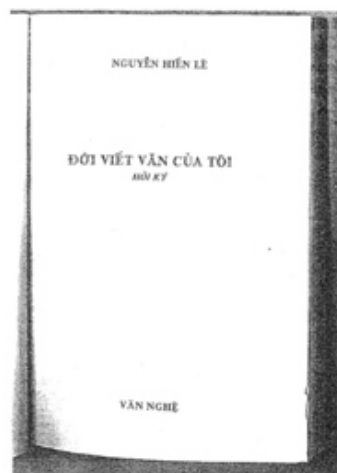
Võ Văn Sáu / **GÓP GIÓ**

[From: Gop gio <gopgionews@yahoo.com>
Subject: Re: [GoiDan] Vụ thăm sát Đại Tá Hồ Tấn Quyền
To: lugiang2003@yahoo.com, GoiDan@yahooogroups.com
Cc: Date: Thursday, October 14, 2010, 7:00 PM]

)((OOO))(

Dạy sử dưới thời Diệm

Nguyễn Hiến Lê



(1912 – 1984)

....Điều may thứ nhì là một cơ hội tốt để tôi thực hiện một điểm trong chương trình mở mang kiến thức thanh niên. Từ mấy năm trước tôi đã mua được mấy cuốn *Histoire Universelle* của Wells, *Histoire de l'Humanité* của H. Van Loon đọc rất hấp dẫn, tôi tính sẽ dịch hoặc tóm tắt. Đầu niên khóa 1954-1955, trong chương trình Trung học Đệ nhất cấp có thêm môn Lịch sử Thế giới dạy trong bốn năm. Ông Thiên Giang lúc đó dạy Sử các lớp đệ Lục đệ Ngũ. Tôi bàn với ông soạn chung bộ Sử Thế giới càng sớm càng tốt cho học sinh có sách học, khỏi phải chép “cua” (cours). Ông đồng ý. Chúng tôi phân công: tôi viết cuốn đầu và cuốn cuối cho lớp đệ Thất và đệ Tứ, ông viết hai cuốn giữa cho lớp đệ Lục và đệ Ngũ. Chúng tôi bỏ hết công việc khác, viết trong 6 tháng xong. Tôi bỏ vốn ra in. Năm 1955, in xong trước kì tựu trường tháng chín. Bộ đó khá chạy, sau tôi nhường cho nhà Khai Trí tái bản.

Một chuyện đáng ghi là vì bộ đó mà năm 1956 bị một độc giả ở Cần Thơ mạt sát là “*đầu óc đầy rác rưởi*” chỉ vì chúng tôi nhắc qua đến thuyết của Darwin về nguồn gốc loài người. **Chẳng cần nói ai cũng biết độc giả đó là một tín đồ Công giáo.**

Sau, một **Linh mục ở Trung yêu cầu Bộ Giáo dục cấm bán và tịch thu** hết bộ đó vì trong cuốn II viết về thời Trung cổ tôi có nói đến **sự bê bối của một vài Giáo hoàng**. Bộ phải một viên bí thư có bằng cấp cử nhân tiếp xúc với tôi. Ông này nhã nhặn khen tôi viết sử có nhiệt tâm cho nên đọc hấp dẫn như đọc bộ sử Pháp của Michelet, rồi nhận rằng sách của tôi được Bộ Thông tin cho phép in lại nộp bản rồi thì không có lí gì tịch thu cấm bán được, chỉ có thể ra thông cáo cho các trường đừng dùng thôi; cho nên ông ta chỉ yêu cầu tôi bôi đen vài hàng trên hai bản để ông ta đem về nộp Bộ, và Bộ sẽ trả lời Linh mục nào đó, còn bán thì tôi cứ bán, không ngại gì cả. Tôi chiều lòng ông ta. Ông ta lại hỏi lớp mẫu giáo của tôi đã được phép của Bộ chưa. Tôi đáp: Đơn nộp cả năm rồi, giấy tờ đủ cả, tôi đã nhắc Sở giáo dục thành phố mà người ta cứ làm thỉnh, không cho phép mà cũng không cấm. Ông ta chỉ gật đầu.

Hồi đó, bộ *Lịch sử Thế giới* của tôi chỉ còn một số ít. Tôi hỏi các nhà phát hành, được biết có lệnh cấm ngoài Trung dùng nó, trong Nam thì không. Chỉ ít tháng sau bộ đó bán hết, tôi không tái bản. [NDD mới cầm quyền mấy năm mà] **Công giáo thời đó lên chân như vậy**. Nghe nói một ông tỉnh trưởng miền Tây **không dám cho Hội Phật giáo cất chùa** trong thị xã và bảo: “*Công giáo cất nhà thờ, bây giờ Phật giáo cũng xin cất chùa, bộ các người muốn kinh với Công giáo hả ?*”

Một hôm, bà láng giềng của tôi cho hay: “*Ít lâu nay tôi thấy ngày nào cũng có một hai người ngồi ở quán cà phê bên kia đường nhìn về phía nhà thầy và nhà tôi như rình cái gì. Hôm qua một người vào nhà hỏi tôi: ‘Ông Lê ở nhà bên lúc này đi đâu mà không thấy ?’ Tôi đáp: ‘Ông ấy đau nằm ở trong phòng chứ đi đâu. Thấy cứ vô mà hỏi’. Rồi họ bỏ đi*”.

Vậy là mật vụ rình tôi mà tôi không biết. Vì tôi là công chức thời Pháp mà tản cư lâu quá, về lại không hợp tác với chính phủ Diệm, hay vì bộ *Lịch sử Thế giới* mà họ theo dõi như vậy ? Có lẽ vì cả hai.

Hơn một chục năm sau, một giáo sư ở Huế vô thăm tôi, hỏi: “Tại sao hồi đó ông không làm đơn trình bày rằng ông đã dùng sách nào để viết về các Giáo hoàng thời Trung cổ rồi xin cho bộ sử của ông được dùng trong các trường ?”. Tôi đáp: “Không khi nào tôi làm việc xin xỏ đó”. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, giáo sư đó lại thăm tôi nữa, và bảo: “Tôi phục tư cách của ông từ thời đó” ...

Nguyễn Hiến Lê

Đời Viết Văn Của Tôi - Hồi Ký (trang 99 đến 101)

Văn Nghệ xuất bản 1986

[Hình và Tựa đề trích đoạn này là của giaodiemonline]

ooo XXXX ooo

Chuyện Thể thao thời Ngô Đình Diệm

Huyền Vũ

[Trích đoạn từ Hồi-ký **TÔI LÀM KÝ-GIẢ THỂ-THAO** của **HUYỀN VŨ**
do Tác giả tự xuất bản. Virginia, U.S.A. – 1988]

Lời giới thiệu - Tên tuổi sáng chói của tác-giả Huyền Vũ, một trong số những ký-giả thể-thao hiếm hoi với uy-tín nghề nghiệp lâu đời trên toàn miền Nam trong hơn hai mươi năm của hai nền Cộng-Hoà từ 1954 đến 1975, là một yếu tố vững mạnh mà không ai có thể nghi ngờ tính trung-thực của hồi-ký này. Hơn nữa, sự kiện ông theo đạo Công giáo (như trang đầu sách có lời: “*Hướng về quê-hương Kính dâng MẸ VIỆT-NAM THÂN-YÊU Trong vòng tay che chở của MẸ MARIA ON-PHƯỚC MUÔN TRÙNG*”) càng làm cho những chỉ trích chế độ Ngô Đình Diệm trong sách này phải được coi như những nhận xét vô tư, rất đáng tin cậy. Đặc-biệt là những nhận xét về **những lạm quyền của ông đảng viên cao-cấp đảng Cần Lao Cao-Xuân-Vỹ** trong bốn chương 8, 12, 15 và 18 dưới đây đã được in ra trong sách này, xuất bản năm 1988, khi ông

Cao Xuân Vỹ còn sống mạnh khỏe tại miền Nam California mà không có một phản ứng nào, chứng tỏ còn rõ ràng hơn giá trị của những trang hồi ký này của tác giả Huyền Vũ.

Rõ rệt hơn nữa là bài nói chuyện của ký giả Phạm Trần trong buổi ra mắt sách của tác-giả Huyền Vũ, đã được đăng lại trong Nhật báo Người Việt, đã nói về “*Sự ngay thẳng và công-bình của một thể-thảo-gia*” đây “*tinh-thần thượng-võ*” khi phải viết về tư-cách thô-bạo của một “*tổng-giám-đốc thanh-niên thuộc đảng Cần-lao nhân-vị.*”

Nét chữ in đậm (bold) trong bốn chương này là do người trích-dẫn nhấn mạnh nhằm giúp độc-giả dễ-dàng thấy rõ tính-chất lạm-quyền của nhân-viên cao cấp và uy-thế tốt bụng của đảng Cần-Lao trong thời Đệ Nhất Cộng-Hoà. - **Tựa và nhấn mạnh trong trích đoạn này là của GD.**

Chương VIII: CAO XUÂN VỸ, ÔNG LÀ AI? (Trang 41)

Dưới thời Tổng-thống Ngô- Đình-Diệm, ngành thể-thao Việt-Nam (miền Nam) thêm một lần đổi người lãnh-đạo.

Cơ-quan cao-cấp đặc-trách về thể-thao lúc ấy ở cấp Tổng-Nha. Ghé Tổng-giám-đốc Thanh-niên và Thể-thao khuyết người một thời-gian. Có tin đồn vị tân Tổng-giám-đốc sẽ là cháu cụ Diệm, từ cao-nguyên miền Trung về.

Về sau, người được cử giữ ghé Tổng-giám-đốc Thanh-niên và Thể-thao là ông Cao-Xuân-Vỹ. Không hiểu ông Vỹ có là cháu cụ Diệm chăng, **nhưng theo truyền-thống “gia-đình-trị” thì nếu không phải là người có liên-hệ gần, xa đến “gia-đình ông cụ” thì rất ít hy-vọng được giao cho ngành “tương-lai của nước nhà” này.** Người ta biết, ông Vỹ ngoài việc là “**người miền Trung**” còn có vai vế lớn trong **đảng Cần-Lao nhân-vị của ông cố-vấn Ngô-Đình-Nhu**, đang đang cầm quyền. Ông Vỹ là một sĩ-quan thuộc ngành Bảo-An.

...
Thời cụ Diệm là thời tác oai, tác phúc của đảng Cần-Lao. Người nào không thuộc đảng ta đừng mong được chỗ tốt và lâu dài bất cứ trong lãnh-vực nào. Ngay cả quân-đội là nơi được huênh-hoang là cầm làm chánh-trị, các cấp chỉ-huy cũng tìm cách chạy-chọt vào để được vững-vàng và mau thăng cấp. **Do đó có những quân-nhân tuy cấp bậc nhỏ song tuổi đảng nhiều hơn, đã được cấp chỉ-huy nể-nang rất mực. Điều này đã phản ảnh gần như đúng-dẫn đường-lối của đảng cộng-sản.**

Ông Ngô-Đình-Nhu, em ruột cụ Diệm, là chỏm-bu của đảng cầm quyền này nên được rất nhiều người nể-sợ. Thậm-chí cấp tướng lãnh có người khi viết thư cho ông “Cố Nhu” (ông Nhu là cố-vấn của cụ Diệm) đã xưng bằng “con”. Tác-phong tướng tá mà như vậy cũng đáng tội-nghiệp.

Không hiểu có phải ông Nhu móm ý (học đòi làm Hít-Le) hay do “sáng kiến” của ông Vỹ mà đã có việc thành-lập thanh-niên và thanh-nữ Cộng-Hòa. Và người ta nghĩ rằng ngày nào đó sẽ dùng hậu-thuần này để ông NHU sẽ từ số HAI lên số MỘT và như vậy “Đệ-nhất phu-nhân” thời ấy (không phải là bà Diệm – vì cụ Diệm không có vợ - mà là một bà Nhu đầy tham-vọng) sẽ chánh-thức là “Đệ-nhất phu-nhân”. **Điều này được xác-định trong một đoạn của bài “Cuộc đảo-chính 1-11-63” của giáo-sư Tăng-Xuân-An** đăng trong tập-san Lửa-Việt:

“Sau vụ tấn-công chùa Xá-Lợi, có tin đồn ông Nhu sẽ đảo-chánh lên nắm chính-quyền để thực-hiện một chính-sách danh-thếp, cương-quyết hơn. Tại vài công-sở, chân-dung ông Diệm được thay thế bằng chân-dung ông Nhu.

Ngày 1-9, vài ngàn Thanh-niên cộng-hoà biểu-tình tại công-trường Lê-Lợi, ủng-hộ chánh-phủ và lên án sự Tranh-đấu của Phật-giáo. Ông Ngô-Đình-Nhu với bộ đồng-phục màu xanh (thủ-lãnh Thanh-niên

cộng-hoà) lên diễn-đàn hô-hào anh em sẵn-sàng hy-sinh cho tổ-quốc và làm rạng danh cho đoàn-thể. Trong suốt bài diễn-văn ông Nhu không nhắc tới tên Tổng-thống Diệm lần nào.”

Nói đến thanh niên là người ta nghĩ đến chỗ đứng trong lịch-sử của “Thanh-niên áo đen” của Ý phát-xít dưới thời Mussolini, “Thanh-niên áo nâu” của Đức Quốc-Xã, dưới thời Hitler. Và ở ta, dưới thời đệ nhất cộng-hoà có Thanh-niên đồng-phục xanh của “Thanh-niên cộng-hoà.”

...

Lịch sử cho thấy hai đoàn sơ-mi đen của Mussolini và nâu của Hitler đã giúp nhiều trong việc nắm và củng-cố chánh-quyền của hai nhà độc-tài phát-xít và Quốc-xã. Ngược lại, **đoàn đồng-phục xanh Thanh-niên Cộng-Hoà đã không giúp được gì trong việc củng-cố chế-độ của nền đệ nhất cộng-hoà.**

...

Đã không có lý-tưởng nào cho đoàn Thanh-niên Cộng-Hoà. Huống chi họ không thể “Hy-sinh cho tổ-quốc” khi chống lại sự tranh-đấu của đồng-bào Phật-tử. Về thực-tế, cả hai đoàn sơ-mi đen và nâu đều được yểm-trợ và tài-trợ. Thanh-niên Cộng-hoà **bị bắt-buộc gia-nhập** từ hàng-ngũ tiểu-công-chức lại phải tự-túc mọi mặt, trích ra từ đồng lương quá kém của họ vốn dĩ đã không nuôi nổi gia-đình. Những cảm-ngôn, mỹ-từ không làm no được dạ dày, ấm được tấm thân, dĩ-nhiên họ không thể hy-sinh trọn-vẹn theo lời kêu gọi sông được.

...

Ông Võ không muốn người khác trái ý ông. Lúc ấy chúng tôi phải cái đại là hay nói thẳng, nghĩ rằng thể-thao không có gì phải quanh-co. Mà đã nói thẳng là trái ý ông Võ. ... Vì thẳng thắn, chúng tôi đã đi ngược lại. Tổng-cuộc nào theo ý Tổng-nha mà làm sai nguyên-tắc là chúng tôi thẳng-thừng chỉ-trích để thể-thao đi đúng đường lối của thể-thao (tinh-thần thượng-võ) nhắm mục-đích cải-tiến.

Thẳng-thắn mà nói, thời ấy, ký-giả bị ông Võ ghét nhứt là chúng tôi và chủ-tịch tổng-cuộc bị ông Võ “trù” là anh Đinh-Văn-Ngọc bên bóng bàn. Nói đến Đinh-Văn-Ngọc phải kể anh là người rất say mê thể-thao (nghệ làm bầu tức là diu-dắt thể-thao) và đã từng sạt nghiệp vì thể-thao, nhứt là bóng-bàn, bởi phải cung-ứng cho các đòi-hỏi tuyển-thủ thuộc bộ môn anh quán-xuyến.

Anh Ngọc bị ông Võ ghét vì đã không thi-hành những chỉ-thị độc-đoán, phản thể-thao của ông ta.



Ông Cao xuân Võ

Với vai-vế trong đảng cầm-quyền, ông Cao-Xuân-Vỹ muốn áp-đặt thế nào và những gì trong ngành thanh-niên và thể-thao tùy thích. Nếu dùng quyền-hành ấy mà làm lợi cho thể-thao quốc-gia là điều thật quý-hoá. Nhưng dùng quyền-hành ấy để thỏa-mãn tự-ái cá-nhân thì quả là chuyện không tốt-đẹp tí nào. Rất tiếc ông Vỹ lại đã chọn điều sau.

Đã nắm được các Tổng-cuộc, lo nghĩ khác của ông Vỹ là là các ký-giả thể-thao, những chiếc loa thông-tin cho đại-chúng. Ông Vỹ **muốn các ký-giả thể-thao phải về-hòa**, nói tốt cho những quyết-định về thanh-niên và thể-thao của ông. Nhưng một số các ký-giả thể-thao đã không chịu bẻ cong ngòi viết, chỉ nói lên sự thật và những nhận-xét đúng theo lương-tâm chức nghiệp.

Chúng tôi là một trong số các ký giả không được ông Vỹ ưa thích, nói khác đi là bị “trù-ghét”. Báo có người đọc, người không, nhưng đài phát-thanh được rất nhiều người nghe trong khắp nước. Các chương-trình phát-thanh về thể-thao của chúng tôi được nhiều người theo-dõi, do đó rất có ảnh-hưởng. Điều này càng làm cho ông Vỹ không thích gì chúng tôi.

Tổng-cuộc túc-cầu lúc ấy do ông Nguyễn-Phước-Vọng làm chủ-tịch liên-tiếp trong nhiều năm. Vì niên-kỷ và những hiểu-biết sâu-rộng về thể-thao, như là túc-cầu nên ông Vọng được anh-em trong giới thể-thao gọi bằng “Anh Hai”. Ông cũng là Chủ-tịch của Ủy-hội Thể-Vận quốc-gia Việt-Nam, hội-viên của Ủy-hội Thể-Vận quốc-tế.

Tổng-cuộc túc-cầu còn có anh Tổng-thư-ký Nguyễn-Hữu-Lượng, người có căn-bản tốt về hiểu-biết và học-vấn. Cả hai ông Vọng và Lượng đều không thể nào chịu mù-tối khuât-phục các lệnh-lạc của ông Vỹ, bởi thế đã có sự ngầm chống-đối nhau giữa Tổng-nha và Tổng-cuộc túc-cầu. Sự chống đối âm thầm ấy chỉ chờ dịp là bùng nổ, như là về phía Tổng-nha, cơ-quan đang nắm cả quyền-uy về thể-thao.

Ông Vỹ biết muốn “búng” anh Hai Vọng cần phải có đủ yếu-tố và thời-gian để tránh giao-động trong giới thể-thao vì uy-tín của địch-thủ. Ông cũng biết trong bất cứ tổ-chức nào, vai trò Tổng-thư-ký cũng rất quan-trọng vì phải quán-xuyến cả các việc về hành-chánh. Trong ban chấp-hành của tổng-cuộc túc-cầu, anh tổng-thư-ký Nguyễn-Hữu-Lượng dĩ-nhiên dự phần rất quan-trọng. Bởi thế ông Vỹ quay mũi dùi sang tấn-công anh Lượng trước. Có lẽ ông nghĩ rằng “cặp bài trùng” Vọng-Lượng mà mất đi một sẽ trở nên què-quặt, dễ cho ông chi-phối hơn.

Và dịp tốt ấy đến: tổng-cuộc túc-cầu bầu lại ban quản-trị cho mùa mới. Các hội hội-viên đều cử đại-diện tham-dự. Ký-giả thể-thao của các nhật và tuần-báo cũng có mặt. Điểm làm mọi người ngạc-nhiên là lúc gần tới giờ đầu-phiếu ông Vỹ xuất-hiện. Mọi người đều lấy làm lạ. Vì cho đến lúc ấy, chưa bao giờ ông Tổng-Giám-đốc Thanh-niên có mặt ở buổi bầu ban quản-trị tổng-cuộc. Người ta nghĩ là có biến-chuyển bất-thường sẽ xảy ra.

Bầu chủ-tịch, anh Hai Vọng đắc-cử như mọi người tiên-đoán. Đến chức-vị Tổng-thư-ký, anh Lượng đắc-cử. Như chỉ chờ có thế, ông Vỹ lên tiếng can-thiệp, phản-đối việc đắc-cử của anh Lượng. Ông không muốn anh Lượng ở trong ban chấp-hành của tổng-cuộc túc-cầu nữa. Và không chờ-đợi câu hỏi - nếu có chỉ là từ phía của báo-chí - ông Vỹ nêu nguyên-nhân: Vì lý-do chính trị!

Về ngạc-nhiên và chán-nản hiện rõ trên mặt mọi người. Không ai có một lời nào chống lại vì **ai cũng biết thời ấy đụng đầu vào đá chỉ có mang họa vào thân**. Ông Cao-Xuân-Vỹ đã hài-lòng: Anh Nguyễn-Hữu-Lượng không được còn là Tổng-thư-ký của Tổng-cuộc túc-cầu nữa.

Hôm ấy là chúa-nhật. Buổi tối có chương-trình thể-thao hằng tuần của chúng tôi trên đài. Trong phần tin-tức chúng tôi đã trung-thực loan tin anh Lượng đã bị ông Vỹ loại khỏi Tổng-cuộc túc-cầu vì “*Lý-do chính-trị*”.

Lỗi loan-báo tin-tức trung-thực ấy – đúng theo lương-tâm chức-nghệp của một ký-giả - không ngờ đã tạo công-phần nơi ông Vỹ. Có lẽ “thượng-cấp” của ông trong đảng cầm quyền đã không hài-lòng với

“Lý-do chính-trị” áp-dụng trong địa-hạt thể-thao được loan đi trên các làn sóng điện của đài nên ông Vỹ có ngay phản-ứng.

Lúc ấy ông Bửu-Thọ làm Tổng-giám-đốc đài phát-thanh Saigon. Tuy cùng ngang chức “Tổng” như nhau song ông Vỹ đã lấy quyền-uy trong “Đảng” làm áp-lực với ông Thọ để gây khó-dễ cho chúng tôi. “Khó dễ” ấy là ép ông Thọ **buộc chúng tôi hằng tuần phải gửi bài quan-điểm về thể-thao của chúng tôi cho ông xem trước khi phát-thanh.**

Phần phát-thanh hằng tuần của chúng tôi, ngoài tin-tức, phóng-sự còn có phần quan-điểm rất được thính-giả theo dõi vì thẳng -thẳng và xây-dựng. Chúng tôi thường dùng bài quan-điểm để mở -xé những hành-động độc-tài của Tổng-nha đối với các Tổng-cuộc, cũng như những bất công của Tổng-cuộc đối với lực-sĩ theo đường lối của Tổng-nha.. Ông Vỹ có hai dụng-ý:

1) Kiểm-duyet trước để phần quan-điểm của chúng tôi không còn bất-lợi đối với Tổng-Nha.

2) Thỉnh-thoảng chậm trả lại phần quan-điểm để chúng tôi bị bối-rối, không kịp có bài để trám lỗ trống. Không có phần quan-điểm để uy-tín của chúng tôi sụt-giảm đối với thính-giả trong nước.

Bực mình với áp-lực của ông Vỹ; ông Bửu Thọ đã phản-nàn với chúng tôi: - Chú chọc họ làm gì!? Phê-bình làm chi. Cứ loan tin và trực-tiếp truyền-thanh là đủ rồi.

Vài hôm sau ông Vỹ cho mời chúng tôi vào Tổng-Nha, lúc ấy được đặt tại tòa thị-sảnh cũ của Chợ-Lớn. Đầu-tiên chúng tôi có ý-định không đến, vì ông Vỹ không có quyền-hành gì đối với chúng tôi cả. Nhưng rồi vì muốn biết ông Vỹ có mưu-tính gì nên chúng tôi đã đến.

Thời ấy Tổng-Nha Thanh-niên oai-vệ lắm. Tổng-Nha có một ban an-ninh. Người đặc-trách ban an-ninh này là một Trung -Tá từ quân-đội biệt-phái qua: Trung-tá Nguyễn-Văn-Bông. Trung-tá Bông không hiểu từ đâu đã có hõn-danh là “Bông Lừa” (từ ngày còn trong quân-đội Pháp), vóc dáng to lớn, là một đấu-thủ túc-cầu và cũng là người Việt duy-nhất trong đội bóng câu-dục (rugby) của quân-đội Pháp.

Trung-tá Bông người Thủ-Dầu-Một (Bình-Dương) là người cởi-mở và vui-tánh. Nhưng **một Trung-tá mà đặc-trách an-ninh cho một Tổng-nha như Tổng-nha Thanh-niên cho thấy Tổng-nha này quyền-uy đến mức nào.** Quyền-uy đó đã thể-hiện ở hôm Trung-tá Bông bị Việt-Cộng phục-kích, chết trên trục-lộ Dầu-Giây – DaLat, được truy-thăng Đại-tá và xác được quàn tại thính-đường của vận-động-trường Cộng-Hoà. Đêm ấy vài bạn ký-giả chúng tôi vào để phúng-điếu kẻ quá-cổ. Có việc, từ xa ông Vỹ đưa tay ngoắc gọi, Đại-tá Đinh-Sơn-Thung (giám-đốc nha Nhân-viên bộ Quốc-phòng) ôm chiếc nón-kết vội-vã chạy lại, thay vì bước đi.

Rõ-ràng quyền-uy của ông Vỹ khá lớn đối cả với cấp bậc Đại-tá. Đó mới thật là vì “Lý-do Chính-trị”.

Vì là người được mời nên chúng tôi được ông Vỹ tiếp ngay, không phải đợi chờ. Nhìn nét mặt chúng tôi biết là ông Vỹ đang cố nén cơn giận xuống. Không cần mở đầu, ông Vỹ đi thẳng vào đề:

- Tại sao loan tin ông Lượng bị loại, anh lại bảo là “vì lý-do chính-trị”?

Hiểu ngay nguyên-nhân vì sao được mời chúng tôi đáp:

- Chúng tôi chỉ loan về những gì đã xảy ra. Danh-từ “Lý-do chính-trị” là danh-từ ông đã dùng chứ đâu phải của chính tôi.

Biết không thể bắt-bẻ được về việc kể trên, ông Vỹ gay-gắt:

- Hay anh ý mình là sĩ-quan. Anh nên nhớ không phải chỉ có một mình anh là sĩ quan đâu nhé.

Chúng tôi hiểu vì sao ông Vỹ lại nói câu này. Có lẽ ông muốn “dần mặt” chúng tôi với cái “lon” bên Bảo-An-Đoàn của ông. Chúng tôi có nghe **ông Vỹ thuộc Bảo-an-đoàn miền Trung, nhờ vai-vế bên Cần-Lao nên được đưa về làm Tổng-giám-đốc Thanh-niên.**

Cuộc đối-thoại không kéo dài vì không có gì khác để mà kéo dài. Chúng tôi biết, cay-cú lắm thế nào ông Vỹ cũng tìm cách để phục hận.

Về vấn-đề ông Võ muốn kiểm-duyet phần quan-điểm trong các chương-trình phát-thanh, chúng tôi đã có cách. Biết **ông Võ dựa vào quyền-uy của đảng Cần-Lao mà làm một việc vô-lý, vượt ngoài quyền-hạn của ông**, chúng tôi tạm ngưng không viết phần quan-điểm nữa. Thay vào đó chúng tôi biến phần quan-điểm thành những thiên phóng-sự hằng-tuần để nói lên quan-điểm của chính mình. Hình-thức tuy có khác đi, ý-nghĩa vẫn như cũ. Không có phần quan-điểm, ông Võ không làm thế nào kiểm-duyet được quan-điểm của chúng tôi dưới một hình-thức khác.

Chương XV: ẢNH-HƯỞNG CỦA ĐẢO-CHÁNH (Trang 120)

Vận-mệnh một quốc-gia nối liền các khía-cạnh của đời sống. Biến-chuyển về chánh-trị ảnh-hưởng sâu rộng đến các phương-diện khác.

Cuộc đảo-chánh bất-thành năm 1960 (11-11-60) đã ảnh-hưởng đến thể-thao miền Nam Việt-Nam. Được biết hôm sau ngày đảo-chánh, dân chúng đã trưng biểu-ngữ kéo nhau đến trước dinh Độc-Lập biểu-tình rầm rộ ủng-hộ “cách-mạng” và làm áp-lực với chánh-phủ Diệm. Trong số này, về Thể-thao có Nhu-Đạo do võ-sư Phạm-Lợi hướng-dẫn. Đấu-thủ bóng-bàn tên-tuổi Mai-Văn-Hoà (nhân-viên của Tổng-nha Thanh-niên) cũng rất hăng-hải, âm ỉ reo mừng “Cách-mạng thành-công.”

Đội phòng-vệ phủ Tổng-thống xả súng bắn vào đám biểu-tình. Có người chết và võ-sư Phạm-Lợi là một trong số những người bị thương.

Lúc ấy anh Đinh-Văn-Ngọc, chủ-tịch tổng-cuộc bóng-bàn là chủ-nhiệm nhật-báo *Tin Mới*. Báo này công-khai ủng hộ “cách-mạng.”

Đảo-chánh bất thành, phe đối-địch với chánh-phủ dĩ-nhiên phải lãnh hậu-quả. Chánh-phủ lo phần của chánh-phủ. Thể-thao cũng lo phần của thể-thao.

Anh Đinh-Văn-Ngọc là chủ-tịch tổng-cuộc bóng-bàn vừa là chủ-nhiệm TIN MỚI, nhật-báo ủng-hộ “cách-mạng” được nghĩ đến trước tiên. Huống chi anh Ngọc cũng là người thường chống đối lịnh-lạc độc-tài của Tổng-nha Thanh-niên nên ông Võ nghĩ ngay đến việc giải-tán tổng-cuộc bóng-bàn, cho người xử-lý và trưng-trị báo TIN MỚI. Lối trưng-trị này đã không kém phần thâm-hậu là dùng bóng-bàn “đập” lại bóng-bàn. **Ông Võ cho Mai-Văn-Hoà lãnh một ê-kíp đến đập phá toà-soạn và nhà in báo TIN MỚI. Vậy là người vừa âm-ỉ reo mừng “Cách-mạng thành-công” nay lại đập phá cơ-quan ngôn-luận ủng-hộ “cách-mạng”.** Phải chăng Mai-Văn-Hoà muốn lấy “công” khoả-lấp “tội” của mình!?

Mai-Văn-Chất và Mai-Văn-Hoà là hai anh em ruột, bắt đầu sự-nghiệp bóng-bàn tại tỉnh Kompongcham (Cao-Miên). Chất và Hoà sống với người anh bà con là ông Nguyễn-Bá-Linh, thơ-ký tại tòa án Kompongcham.

Vào cuối thập-niên 30, đầu thập-niên 40, Chất và Hoà nổi tiếng về đánh đôi nhưng Hoà lại xuất-sắc hơn về đánh đơn. Về sau Chất và Hoà theo gia-đình người anh bà con về Saigon.

Bị “bay” chức chủ-tịch tổng-cuộc, toà-soạn và nhà in TIN MỚI bị đập phá, anh Ngọc không lo bằng khi nghĩ đến những hậu quả nặng nề khác tiếp theo, nên nghe theo lời khuyên của người quen là ông Võ-Văn-Hải, bí-thư của cụ Diệm, đi “ẩn-dật”. Và mãi đến cuối năm 1963, khi “cách mạng” thật sự thành công (1-11-63) anh Ngọc mới trở về với làng bóng-bàn. Sau ngày “cách-mạng” anh Ngọc gặp lại ông Võ tại Tổng-nha cảnh-sát khi đi thăm những khuôn mặt mới ở các trại giam.

Chương XVIII: LẠI GẶP OAN GIA (Trang 127)

... Một biến-cổ khá tàn-bạo và nhục-nhả đã diễn ra trên sân Cộng-Hoà trong trận cầu quốc-tế tranh giải Quốc-Khánh giữa Thái-Lan và Việt-Nam. Ở Sài-Gòn bất cứ trận quốc-tế nào cũng thu hút đông-đảo khán-giả. Khán-giả choán chật các khán-đài, lớp trong, lớp ngoài, choán kín cả rìa sân cỏ.

Trận đấu đang ngang ngửa và sôi-động, bỗng đấu-thủ Thái là Yangyong chơi xấu cố-ý đốn ngã một đấu-thủ Việt-Nam. Nổi bất-bình của khán-giả vì binh tuyến-thủ nhà lên đến cao-độ. Một số khán-giả ngồi ở rìa sân cỏ không dẫn được tánh nóng, vẩy đánh Yangyong. Hỗn-loạn diễn ra, trận đấu phải ngưng lại. Yangyong nghĩ đến chỗ thoát thân an-toàn nhứt là khán-đài trung-ương nên chạy lên ẩn núp. Không may cho anh ta là gặp ngay ông Tổng-Giám-độc Thanh-niên và Thể-thao Cao-Xuân-Vỹ ngồi ở hàng ghế danh-dự đầu. Phản-ứng của tinh-thần binh vực đấu-thủ nhà đã khiến ông Vỹ không nghĩ đến chức-vị của mình nên khi Yangyong vừa ló lên khỏi cầu thang là ông Tổng-giám-độc Vỹ **đạp chun giày vào mặt** Yangyong khiến anh này ngã trở bật xuống sân cỏ.

Khán giả trên khán-đài trung-ương và chung quanh đều thấy rõ cử-chỉ thô-bạo kém thể-thao của người cầm đầu ngành thanh-niên và thể-thao một nước. Trong lúc theo-dõi từng biến-chuyển trên sân cho phần trực-tiếp truyền-thanh, đến đây, trong một giây, chúng tôi khựng lại, rồi vì không thể đưa điểm đen ấy lên làn sóng điện, chúng tôi không nỡ nói rõ người đạp Yangyong là ông Cao-Xuân-Vỹ mà chỉ nói “*Một khán giả*” trên khán-đài danh-dự đã đạp vào mặt Yangyong làm anh này bật ngã trở lại.

...
Dưới thời đệ-nhất cộng-hoà tuy tiếng là cấm các cấp quân nhân làm chính-trị, song **những ai gia-nhập và hoạt động cho đảng Cần-Lao hoặc Phong-trào Cách-mạng Quốc-gia đều được cất nhắc, mau thăng cấp, bất-chấp khả-năng và kinh-nghiệm chuyên-môn.**

Tướng Khiêm thuộc đảng Cần-lao và dĩ-nhiên vào vai đàn em của ông Vỹ. Điều này tạo môi-trường để ông Vỹ chuẩn-bị con bảo nôi để nhổ cái gai trong mắt ông là chúng tôi. Trong lúc đó chúng tôi vẫn ngây-thơ không nghĩ đến hậu-quả, cứ thấy sai-quấy là lẫn-xả vào bình-kích.

Là Tổng-giám-độc Thanh-niên và Thể-thao, ông Vỹ nắm cả các ngành thể-thao dân-sự. Nhưng ông muôn **nuơng quyền-uy của đảng cầm quyền** điều-khiển luôn các ngành thể-thao quân-đội. Ông Vỹ buộc các ngành thể-thao quân-đội khi gia-nhập các Tổng-cuộc dân-sự - để tranh vô-địch - phải lấy tên dân-sự. Ví-dụ Tổng-tham-muru không được lấy tên là Tổng-Tham-Muru nên T.T.M. phải lấy tên dân-sự là Trần-Hung-Đạo. Sự-kiện này đã làm cho nhà lãnh-đạo các ngành thể-thao quân-đội bức-tức.

Ký-giả thể-thao HUYỀN VŨ

XXX)000(XXX

Báo chí thời Ngô Đình Diệm

Vũ Bằng

[Trích từ “BỐN MƯƠI NĂM NÓI LÁO” - Cơ sở Xuất Bản Sống Mới – Sài Gòn – 1969 (Trang 204 – 263)]

Lời Giới thiệu - Những ai đã đọc “Miếng Ngon Hà Nội”, “Thương Nhớ Mười Hai”, “Bốn Mươi Năm Nói Láo”, “Miếng Lạ Miền Nam”, ... thì sẽ không cần phải đọc lời giới thiệu một nhà văn, nhà báo đã được sự nể trọng của các bạn đồng nghề, đồng nghiệp danh tiếng như Nguyễn Tuân, Thượng Sĩ, Lãng Nhân, Phùng Tất Đắc, Vũ Trọng Phụng, ... về tài hoa văn chương cũng như về tư cách làm người của Vũ Bằng từ những năm trước Đệ Nhị Thế Chiến.

Đặc biệt về tác phẩm “Bốn Mươi Năm Nói Láo”, kể từ ngày được xuất bản cách đây hơn 40 năm, đã được coi như **một hồi ký rất có giá trị văn học, sử học** về một giai đoạn văn chương, báo chí Việt Nam của một nhà văn lớn, một nhà báo trung thực, yêu nước thương nòi. Khi được hỏi ý kiến về việc tuyển chọn tác phẩm để xuất bản một “Tuyển Tập Vũ Bằng”, nhà văn Tô Hoài đã phát biểu: “Những tác phẩm văn học nào tìm thấy, nên in cả, không phải chọn. Đơn giản vì Vũ Bằng là nhà văn lớn.”

Thời kỳ những năm 1960 dưới chế độ Ngô Đình Diệm là thời kỳ viết văn, làm báo năng động nhất của Vũ Bằng. Nghĩa là thời kỳ ông đi sâu, nhìn sát vào thực tế xã hội miền Nam để từ đó, sau này, với cái nhìn tinh tế và sâu sắc hiếm có, ông đã viết hồi ký này với tất cả tấm lòng đầy tình dân tộc. Những trích đoạn dưới đây sẽ đưa độc giả vào một giai đoạn lịch sử cực kỳ sôi động mà may mắn thay chúng ta đã có được Vũ Bằng để làm một nhân chứng đích đáng để tin cậy. - Tựa của Trích đoạn này là của GD



Vũ Bằng

TỪ “HOÀ BÌNH” ĐẾN “DÂN CHÚNG”

(Trang 205)

... Như thường lệ, vào dịp hai mươi ba Tết năm ấy, trong mục “Thiên hạ sự”, tôi có viết một bài *tếu* nói về việc đốt vàng mã và nhân dịp có kể lại câu hát cũ:

Ba mươi tết, tết lại ba mươi,
Vợ thằng Ngô đốt vàng cho chú khách,
Một tay cầm cái dù rách
Một tay xách cái chăn bông
Em đứng bờ sông

*Em trông sang nước người:
“Hồi chú chiếc ơi là chú chiếc ơi”
Một tay em cầm quan tiền,
Một tay em xách thừng bù nhìn
Quan tiền nặng thì quan tiền chìm
Bù nhìn nhẹ thì bù nhìn nổi,
Ồi ai ơi, của nặng hơn người ...*

Ai ngờ chỉ có thế mà sanh ra to chuyện. Bộ Thông tin - hồi ấy do ông Trần Chánh Thành điều khiển – cho chữ “*thằng Ngổ*” đó là nói sỗ ông Ngô Đình Diệm, nhờ Công An điều tra và làm lung tung lên một đạo, tưởng chừng như là sắp tận thế đến nơi.

...
Bây giờ, mỗi khi nói đến chế độ kiểm duyệt, tôi hay đem hai sự việc (“thằng Ngổ” và “chó Nhựt”) trên kia ra so sánh và buồn cười không chịu được. Nhưng biết làm sao, ở một nước có tổng thống, có hiến pháp như mình, có bao nhiêu quốc gia thừa nhận, luật pháp không phải là trò đùa, chống đối lại chỉ là chơi với lửa. Hầu hết các báo đều hiền như con cừu. Gan lắm thì im lặng, không công kích, không nói bóng nói gió một câu đến chính quyền; còn lại bao nhiêu báo khác thì a dua, nịnh bợ không tiếc lời; hơn thế, lại còn tiếc là sao chữ Việt mình nghèo quá, để cho mình không đủ chữ để mà nịnh cho thực đã ... Vì thế, ta thấy có ông nhà báo xin đến ngâm thơ cho tổng thống nghe; có ông đề nghị lập tượng tổng thống ở chợ Bình Tây và có ông được tổng thống tiếp kiến về viết bài ca tụng tổng thống, ví tổng thống với mặt trời ở trong dinh Độc Lập.

Thực ra, các nhà báo ấy viết ra như thế, in lên như thế, nhưng ở thâm tâm thì một số lớn chửi thảm tổng thống, song cái việc phải nịnh thì cứ nịnh, nịnh bất cứ ai, miễn có lợi thì thôi, nếu đại đột mà đã kích Ngài thì *chỉ có mà ... ăn sắn*. Nghĩa là **nhà báo chống đối chẳng trước thì sau cũng bị lâm vào mấy cái thế sau đây: báo bị đóng cửa; chủ nhiệm, quản lý ... bị đưa đi bí mật ban đêm; nếu không thế thì một ngày đẹp trời nào đó tự nhiên cũng bị ghép vào tội gá bạc, tống tiền, đồ gái vị thành niên hay đi lừa đảo, đưa ra toà, gia sản bị tịch biên, có bao nhiêu vốn liếng đi tiêu hết.**

Lúc ấy sau ba lần thắng Bình Xuyên và áp dụng biện pháp mạnh đối với các giáo phái, thắng lợi, Ngô Đình Diệm bắt đầu có lòng có cánh, ra mặt chống Bảo Đại, không đi Pháp để trình với Quốc trưởng về các biến cố ở nước nhà, nhưng **ở lì trong nước tập làm độc tài cò, đưa họ hàng lên nắm hết các chức vụ quan trọng. Ông Trần Văn Chương**, thân phụ bà Ngô Đình Nhu, được đưa lên chức Quốc vụ khanh. Các cuộc tranh giành quyền thế, và cũng là những cuộc thanh toán, bắt đầu diễn ra trong dinh Độc Lập. Từ một nội trợ giặt áo, nấu cơm, tắm rửa cho con, bà Nhu thành một nhân vật của nhà Ngô và bà đã nhờ cái *séch-áp-pin* (sex-appeal) thuyết phục các lãnh tụ quân sự và các cố vấn và ngoại giao Mỹ ở Sài Gòn. Nhưng đồng thời giúp ích cho họ Ngô Đình, bà không quên nghĩ đến cho gia đình bà trước: mẹ bà, **bà Trần Văn Chương**, lên như điều; ông Chương làm đại sứ ở Hoa Thịnh Đốn; **Nguyễn Hữu Châu**, em rể của bà, cũng có tiếng là người tình cũ, làm bộ trưởng tại phủ tổng thống, em ruột Trần Văn Chương là **Trần Văn Độ** được tôn lên làm ngoại trưởng; con trai của ông Chương là **Trần Văn Khiêm** làm giám đốc báo chí, rồi được bổ làm giám đốc Mật vụ. **Việc thay đổi bộ máy cầm quyền từ 1954 đến 1956 nhắm mục đích dành quyền của bà Chương về cho bà Nhu.** Nói một cách khác, ngay trong gia đình Trần Văn đã có sự tranh giành quyền thế, mà giữa họ Trần Văn và họ Ngô Đình lại cũng có sự tranh giành nữa; nhưng tựu trung **Việt Nam lúc bấy giờ là một quốc gia cảnh sát do hai gia đình quan lại Trần Văn và Ngô Đình nắm hết quyền hành.** Gia đình Trần Văn tương đối còn trung thành phần nào với tập tục cổ truyền của nhà vua Bảo Đại, chớ họ Ngô Đình thì trắng trợn ly khai với chế độ cũ và nuôi cái mộng lập một triều đại mới: **triều đại Ngô Đình.**

Cố nhiên muốn thực hiện mộng đó, phải tàn ác diệt trừ những cá nhân, đoàn thể chống đối, mà cá nhân và đoàn thể chống đối lúc ấy là **những người gốc ở miền Bắc và miền Nam chỉ muốn nhà Ngô giữ lời đã hứa là tổ chức một cuộc bầu cử để họ có thể bầu người đại diện của họ lên lo việc nước.** Theo những người có tiếng là chống đối này, **ông Diệm là một lính nhảy dù do Mỹ thả từ trên trời xuống và không có rễ ở dưới đất.** Đứng trước sự chỉ trích hỗn xược đó, ông Nhu và vợ đặt ở các văn phòng các đường phố một số mật báo viên, có nhiệm vụ báo cáo những phần tử chỉ trích chánh phủ; ngoài ra theo dõi hành động của các tờ báo khác, hồ thấy viết một câu nào xa xôi, xách mé bóng gió thì đóng cửa vĩnh viễn, còn **ký giả nào bướng bỉnh, không quy phục thì chụp cái nón cối Cộng sản lên đầu,** cho xuống hầm tối để không bao giờ lên được đất liền nữa, hoặc có lên được cũng mù loà, què quặt, bán thân bắt toại.

Không khí làng báo lúc ấy thực đìu hiu, tẻ lạnh. Mỗi buổi sáng, người làm báo nhận được **những cú điện thoại** cho biết phải tránh những tin gì không được nói, những lời tuyên bố nào của ông Diệm, bà Nhu phải làm to; thậm chí lại có khi buộc phải đưa câu nói này của bà Nhu lên làm *vo-dét* tám cột, diễn văn kia của ông Diệm năm cột và kèm theo thật nhiều tranh ảnh.

...
Tôi yên lặng ngồi viết sách cho nhà xuất bản “Phạm Văn Tươi”, “Thế Giới”, và nghe thấy từ dưới đường vọng lên những tiếng chuyển động khác thường: đó là tiếng oán than của những cuồng hòng bị bóp nghẹt lẫn với tiếng cười của trai gái đủ đờn trong ánh đèn màu, **tiếng nguyện rửa não nề của dân chúng tắt thở vì chế độ tự do bị nhà Ngô bóp chết.** Các giáo phái, các chánh đảng, các tầng lớp nhân dân **nghĩ phải làm một cái gì, nếu không thì quá trễ,** nhưng, thay vì đoàn kết để chống lại nhà Ngô thì họ lại chia rẽ, kinh chống nhau. Các chánh đảng không thể thống nhất trong một mặt trận chung, vì thế vợ chồng ông Nhu càng đắc thế và càng áp dụng hữu hiệu nhiều chiến thuật “chia để trị”. Báo chí cúi đầu theo răm rắp, suy tôn Ngô tổng thống. Vào chiều bóng, rạp hát, phải chào cờ và đứng nghiêm nghe nhạc trời bài “*Toàn dân Việt Nam biết ơn Ngô tổng thống – Ngô tổng thống, Ngô tổng thống ... muôn năm*” **cho đến khi lá cờ vàng sọc đỏ mờ dần cùng với cái hình ông lùn mập,** mới có quyền ngồi xuống để xem “đượt” Âu Châu nhảy *tuyệt*. **Báo cam như hén. Không có một ký giả nào dám lên tiếng phản đối anh em nhà Ngô, dù là phản đối xa xôi.** Phải đợi mãi đến năm 1960, cơn sốt mới bùng lên: đại tá Nguyễn Chánh Thi, trung tá Vương Văn Đông, cùng một số sỹ quan đem quân vây dinh Độc Lập và đòi Ngô Đình Diệm rút lui. Ngô Đình Diệm trao quyền cho những tướng lãnh để lập chính phủ khác, nhưng sau nhờ các sư đoàn 7 ở Biên Hoà và sư đoàn 21 ở Mỹ Tho về ứng cứu kịp thời, Ngô Đình Diệm thoát chết: Đại tá Nguyễn Chánh Thi và trung tá Vương Văn Đông rời khỏi Việt Nam, Ngô Đình Diệm lại phệnh phà phệnh phạo tuyên bố hỗn xược *không chê được*, và cố nhiên Quốc Hội lại ngỏ lời trung thành, các đoàn thể lại biểu tình ủng hộ và lũ cây cáo hèn nhát đi với cách mạng lại quay về thần phục nhà Ngô.

Lúc ấy, tôi đang làm “Dân Chúng”. Tôi còn nhớ bầu không khí nẩy lửa đó, **ai cũng hằng say muốn thấy Ngô Đình Diệm và công ty, bị chết đâm chết chém..** Cứ đăng hết những tin tức đảo chánh lúc đó, không thêm bớt, thì độc giả cũng đã *khóai tí* lắm rồi, khỏi cần bình luận; nhưng đa số nhân viên “Dân Chúng” dè dặt không dám đăng thật rõ, có ý muốn “trông và chờ”, một phần vì sợ cho tính mạng tờ báo sau này nêu cuộc đảo chánh không thành và mặt khác thì anh em không dám quyết định một thái độ dứt khoát vì lẽ khi ấy giám đốc tờ “Dân Chúng” là ông Mạc Kinh Trần Thế Xương, lại không có mặt ở Việt Nam. Tô Văn và Cát Hữu thấy Phi Vân tỏ ra sợ sệt, chửi ầm cả lên, nhưng rút lại báo “Dân Chúng” tương đối lúc ấy “hiền lành” và mỗi khi có tin gì bất lợi cho Ngô Đình Diệm thì viết một giọng hoài nghi, đánh dấu hỏi, chớ không dám quả quyết như mấy tờ báo khác.

...
Bây giờ, nói đến chuyện hiệp thương, hoà hội là thường, nhưng có ai đã sống sát với thời cuộc lúc đó đều thấy rằng đưa vấn đề ấy ra làm tám cột, kéo dài hàng tháng phải là “trì” lắm. **Nhất là đối với Ngô Đình Diệm là một thứ người có thành kiến, lý lợm, thì sự việc ấy lại càng đáng kể lắm,** vì Diệm

không thích cái gì thì không muốn cho ai nói tới. Trái lại, dân chúng chán ngấy chế độ tự do dân chủ nguy tạo của Diệm, lại muốn hiệp thương hai miền Nam Bắc, nên loạt bài của “Dân Chúng” ra đời thì độc giả tìm đọc “không chịu được”, nhất là họ lại không biết – vì chánh quyền giấu kín lắm - bức thư của Phạm Văn Đồng gửi cho Ngô Đình Diệm, nên cho rằng việc báo “Dân Chúng” đề cập đến vấn đề hiệp thương Nam Bắc là một hành động can đảm và sáng suốt. Thế là báo “Dân Chúng” *một phát* hồi lại như thường. Lúc ấy đi lại chật chội với nhau có Trần Tế Xương, Bùi Anh Tuấn và tôi, các bạn bè ở ngoài phần nhiều không giao thiệp công khai, một phần vì sợ mặt vụ của Ngô Đình Diệm theo dõi và chơi vố gì xấu chẳng.

...
Nhưng báo hay cũng như người đẹp: Không để cho người ta thấy bạc đầu. Sau vụ đảo chánh 1960, Ngô Đình Diệm không chết, nhưng lại chết từ báo tương đối e dè nhất, cân nhắc nhất, khi tường thuật các biến cố xảy ra. Tôi và mấy người bạn đang ngồi ở trên lầu vừa đánh phé, vừa ôn lại mấy ngày sôi nổi vừa qua, thì hàng chục xe ô tô nhà binh và Cảnh Sát đến khám xét nhà báo, đập phá máy in, tung hê các ô chữ ra đường, rồi lấy giấy tờ, máy chữ, bút máy, bình mực, búp bê, nón *một săng*, áo mưa ... lấy hết, đem đi. Nhà báo thì khóa ba khóa, niêm phong cẩn thận, sau khi để cho các người ở trong toà báo vừa kịp khoác cái sơ mi, đi ra ngoài. Một vài tờ báo khác cũng lâm vào trường hợp như chúng tôi lúc đó. Anh em “Dân Chúng” tản mác mỗi người mỗi ngả. Cố nhiên là trong bọn có một vài người vì vấn đề cơm áo, vợ con, ngấm đi với bọn mặt vụ *còm* để xin tha tội “treo cổ” – vì ở đâu cũng có bích chương viết tay đòi treo cổ người này, bắn chết người kia – nhưng đa số thì lì lợm, ăn xong ngồi đánh phé và loan báo cho nhau biết bọn chánh khách, quân nhân nào đã xé hàng rào cách mạng, chạy vào dinh Độc Lập, bọn nào đã làm hư cuộc đảo chánh và đã khốc lóc như trẻ con lúc bị trói ở trường bay Tân Sơn Nhất và không quên theo dõi hành động của Nhu Diệm cùng bè tôi nhấm cùng cố địa vị, uy tín, đồng thời sẽ đối phó với những người tham gia cuộc đảo chánh ra sao.

SAU KHI ÔNG NGÔ ĐÌNH DIỆM THOÁT CHẾT LẦN THỨ NHẤT (Trang 218)

Saigon, sau ngày đảo chánh hụt 1-11-60, lần lần trở lại bộ mặt bình thường. Những báo đăng những tin bất lợi cho ông Ngô Đình Diệm trong cuộc đảo chánh *lo sốt vó*. Lúc ấy, những người có công với các ông Diệm và Nhu giả thử muốn phá nhà báo nào, cho ký giả nào đi *mò tôm* cũng cứ được đi, nhưng họ đã khôn khéo không nghĩ tới việc đối phó mà chỉ lo củng cố địa vị cho ông Diệm. Nhất cử, nhất động lúc ấy là thận trọng. Ngoài mấy tờ báo đóng cửa, chính phủ không cho ra thêm một tờ báo nào hết, trừ ba người có thể chắc chắn là không phản bội, hơn thế lại có công lao không ít thì nhiều với họ Ngô hay bác sĩ Trần Kim Tuyến: ông Huỳnh Thành Vĩ được phép xuất bản tờ “Đồng Nai”, Ngô Quân tờ “Saigon Mai” và Trung tá Châu (Giám đốc Nha Chiến tranh Tâm lý) tờ “Tiếng Dân”.

... thật ra báo cũng chẳng có gì đọc được, nếu không đề cao luật gia đình của bà Nhu thì lại đăng tin chiến sự: hành quân Bình Tây tại U Minh Hạ, hành quân ở Củ Chi, hành quân Lam Sơn II, hành quân ở Cao Lãnh, hành quân ở Mỹ An ... Một đồng hành quân, giết không còn một mống Việt Cộng – ông Ngô Đình Diệm tuyên bố Việt Cộng chết hết rồi – hay tường thuật bốn năm cột báo bà Nhu đi thăm Phụ nữ Liên đới, vì phong trào này vừa được thừa nhận là một hội công ích do sắc lệnh 84/NV; ông Nhu đi thăm Sihanouk vì có tin Sihanouk tuyên bố thừa nhận Trung Cộng, cả về phương diện pháp lý; hoặc Liên Đoàn Công Chức Cách Mạng Quốc Gia kịch liệt lên án những người thân Pháp, yêu cầu chánh phủ chấm dứt nhiệm vụ của công chức điều khiển từ Chủ sự, nếu không từ bỏ quốc tịch Pháp.

Ồi chao ngán quá, ngán đến nỗi không buồn xem hình nữa, không buồn đọc bài nữa, dù là những bài tối quan trọng như bài tường thuật lễ **cử tuần khánh thọ bà mẹ ông Ngô Đình Diệm ở Huế có nhiều đại diện các đoàn thể và rất đông cao cấp trong chánh quyền về chúc mừng “thái tử”, mà bộ Nội vụ lại tổ chức một lễ tạ ơn tại Vương Cung Thánh Đường.**

...

Tự sĩ trước những cảm nghĩ long bông như thế, các anh em và tôi quyết định làm tờ “Tiếng Dân” của Trung tá Châu thành một tờ báo “sạch” cũng như “bom nguyên tử sạch”, bom nguyên tử không có quá nhiều phóng xạ làm ô nhiễm bầu không khí của thế giới tự do. Sau này, nghĩ lại thì quả lúc đó tôi khùng, vì cái “tri” và cái “hành” của tôi ngay lúc gặp Trần Thiện Phúc, đại diện gián tiếp của Trung tá Châu, đã mâu thuẫn với nhau rồi. Định làm một tờ báo sạch mà cư xử không sạch tí nào: tôi đặt điều kiện báo phải đưa cho anh em toà soạn một tháng lương để ngồi suy nghĩ về cách làm ăn; nhưng cái đó không quan hệ lắm bằng mâu thuẫn dưới đây: **làm một tờ báo cho Trung tá Châu ủng hộ Ngô Đình Diệm mà lại nói chuyện “sạch” thì có khác gì nói chuyện “giây thừng ở trong nhà có người thất cổ?...”**

Tờ “Tiếng Dân” gặp sự bê bối ngay từ lúc ra số 1, vì mỗi phe có một số người của riêng mình, mà cũng ngay từ lúc mới quảng cáo, ở Huế, đã có **con cháu của cụ Huỳnh Thúc Kháng bắn tin là không thể đem bôi nhọ tên một tờ báo đã có hoi lừng danh ở Huế.** Nói như vậy, tức là tờ “Tiếng Dân” đã mang tiếng là báo của nhà Ngô ít nhiều rồi; vì thế chúng tôi phải hết sức tìm cách né tránh, viết lách thế nào để cho thiên hạ đỡ chửi là quân liếm gót. Dù biết rằng báo này có hai mục tiêu, một là suy tôn Ngô Đình Diệm, thần thánh hoá ông ta (vì ông ta đã mất uy tín rất nhiều sau cuộc đảo chánh 1960) và hai là đối phó với những liên danh chống đối ông trong cuộc tranh cử Tổng Thống nhiệm kỳ I I vào đầu năm 1961, chúng tôi cố ý làm ra mặt dó dẩn, toàn bàn về vấn đề nông thôn và đăng những tin tức cố tránh đụng chạm đến Nhu và Diệm, không đá kích những người đảo chánh Diệm mà cũng chẳng hề đụng chạm đến những liên danh II và III mà ngay từ tháng giêng 1961, chúng tôi đã biết có ai, tuy là các liên danh ấy chưa tiết lộ ra bên ngoài. Đó là liên danh Nguyễn Đình Quát - Nguyễn Thành Phương và liên danh Hồ Nhựt Tân - Nguyễn Thế Truyền, ấy là không kể nhiều liên danh khác hoặc trừ trừ không quyết định ra vì biết sẽ bị gian lận, mất công vô ích, hoặc bị Nhu Diệm cho người đến mua chuộc, tổng ít tiền lẻ để đừng ra ứng cử làm gì cho quần chân.

Lúc ấy, Mỹ còn nuôi hy vọng ăn đứt Việt Nam, dù cách gì đi nữa thì Diệm cũng vẫn ngồi vững ở ghế Tổng Thống như thường; ai cũng biết như vậy, kể cả Nguyễn Đình Quát; nhưng đã chót cười lên lưng cọt rồi, Quát cứ phải liều, dù phải trả mắc tiền: Quát chửi Diệm đã sướng miệng và kể từ lúc bấy giờ về trước, có lẽ không có ai dám *khi quân* chửi Diệm đau như thế, và hơn nữa lại công khai dám công bố ở rạp Thống Nhất một ý kiến mà cũng từ trước cho tới lúc đó không ai dám hé môi nói ra lời: ông hứa nếu đắc cử sẽ điều đình ngưng bắn, tái lập hoà bình ở Việt Nam! Tất cả những tin tức liên quan đến cuộc vận động bầu cử Tổng Thống, chúng tôi cho vào một mục ở cuối trang nhất, không lấy gì làm long trọng... Phần chính của báo là đề cao Phật Giáo ngay giữa lúc Công Giáo đang *lên hương*, bọn Nhu Diệm làm chúa tể, Đức cha Nguyễn Văn Bình làm lễ nhậm chức Tổng giám mục ở Saigon mà Ngô Đình Cần thì bắt đầu ngấm ngấm chơi tăng ni, phật tử ở Huế. Chúng tôi đánh một trận hoả mù làm cho không ai hiểu đường lối của báo ra sao, nhắm mục đích là nếu có một số độc giả cố định rồi thì quay về làm tin tức và chú tâm mổ xẻ, cứ xét các vấn đề thời sự, nhưng không thể được. Riêng tôi thấy rằng làm báo ở dưới một chính thể độc tài độc đoán, thì dù muốn xoay sở thế nào, bịp bợm thế nào cũng vẫn không thể thoát khỏi được ra ngoài quỹ đạo của chế độ và cuối cùng độc giả cũng biết ai ngay, ai gian. Báo nào mới ra đời cũng la hét ghê gớm lắm: nào dám nói, dám làm, dám chửi; nào phục vụ nhân dân, đứng hẳn về phía đối lập, đòi công bằng xã hội, tranh đấu cho đồng bào có cơm no áo ấm; nào quét sạch thói tha, nhơ bẩn, dám làm, dám chết... **nhưng rút**

cục trong một chính thể độc tài, nô lệ, dân chủ ngụy tạo như chính thể nhà Ngô, chẳng có một tờ báo nào thoát được ra ngoài quỹ đạo của chế độ Ngô Đình Diệm.

Sau cuộc đảo chánh hụt Ngô Đình Diệm, đa số dân chúng đều tỏ ý tiếc rẻ sao trung tá **Đông không giết phắt Diệm đi lại cứ hội đàm vớ vẩn với Diệm làm gì**, bàn tính chuyện chia đôi Saigon làm gì để cho ông ta lật lại được thế cờ, trở lại *sống phây phây*, ra ứng cử tổng thống nhiệm kỳ II. Do đó người dân lúc ấy theo sát thời cuộc để xem Mỹ đối phó ra sao, phe cách mạng còn làm gì nữa không, và Ngô Đình Diệm sẽ gầy hay là cứ sống nhàn như thế mãi. Người ta lại càng tò mò muốn biết Ngô Đình Diệm, sau vụ sống sót này, có thay đổi thái độ đi không.

Ngay từ cuối năm Tý, đã có tin Diệm cải tổ chánh phủ. Thường thường nghe thấy tin cải tổ, người dân không để ý, vì họ cho là nội các nào cũng “hầm bà làng” giống như nhau, nhưng đặc biệt lần này họ chú ý nghe ngóng xem Diệm cải tổ ra sao, vì họ tin rằng cuộc đảo chánh vừa qua ít ra cũng mở mắt cho Diệm và Diệm cũng đỡ độc tài như trước. Báo “Saigon Mai” đã nắm lấy cơ hội đưa ra những tin sốt dẻo lượm lặt được ở các nơi “có thẩm quyền” : một số chính khách, nhân sĩ nhóm họp để bàn việc lập Nghị Hội Đại Đoàn Kết toàn dân chống Cộng, có bác sĩ Phan Huy Quát, bác sĩ Lý Trung Dung, Đặng Văn Sung v.v... bà Ngô Đình Nhu đi các tỉnh cổ võ cho phong trào Phụ Nữ Liên Đối và Phụ Nữ Bán Quân Sự; các chính khách hầu hạ dưới trướng Diệm đang bí mật liên minh các đảng phái để đúc lại thành một đảng chánh quyền do ông Ngô Đình Nhu điều khiển.

ĐÀN ÁP PHẬT GIÁO: BẢO GIỚI KHÔNG HO HE MỘT TIẾNG

(Trang 238)

Hai năm 1962 và 1963 là hai năm xui xẻo nhất của Ngô Đình Diệm. Dinh Độc Lập bị hai phi cơ Việt Nam ném bom và bắn phá làm hư phía tay trái, gây tổn thất nặng cho tư thất của cố vấn Ngô Đình Nhu, và phòng giấy của bộ trưởng Nguyễn Đình Thuần. Trong khi bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ vẫn gia công tuyên bố tình hình Việt Nam vẫn vững; trong khi nhà Ngô làm ra bộ *phớt tỉnh* và tiếp tục đàn áp các nhà ái quốc tiến bộ, thì kinh tế trong nước bắt đầu suy sụp: gạo tăng giá, thịt heo khan tăng từ 30 lên 50 đồng một ký mỡ, từ 60 lên 90 đồng một ký nạc, dân chúng bắt đầu thấy reo neo; nhưng toàn dân, không phân biệt giai cấp, phải góp tiền để tái thiết dinh Độc lập. Số Kiến Thiết từ 1.600.000 in tăng lên 3 triệu.



Gia đình Ngô Đình

Báo chí không lúc nào ngưng suy tôn Ngô tổng thống. Mọi việc đều trơn tru, êm đẹp. **Nếu không có Ngô tổng thống thì toàn dân chết không còn một mống. Muôn năm, muôn năm.** Hơn 300 căn nhà cháy ở Xóm Chiếu; 100 nóc nhà khác bị kéo sập; không ngày nào không bắt được những tên châm lửa đốt nhà. Một ngàn rưởi căn nhà cháy rụi ở đường Trần Quốc Toản; 30 nhà khác ra tro ở đường Trương Minh Giảng; lại ba vụ khác nữa gây thiệt hại không nhỏ ở Khánh Hội; đó là nhờ ơn đức của Ngô Đình Diệm nữa. Muôn năm, muôn năm. Nhưng báo chí bắt đầu tăng cường muôn năm, muôn năm Ngô Đình Diệm dữ dội nhất từ lúc cảnh sát hạ cờ Phật Giáo ở Huế nhân ngày Phật Đản, các lực lượng an ninh giải tán các cuộc tụ họp của Phật Giáo ở Huế cũng như ở Saigon.

Một phái đoàn gồm sáu thượng toạ và đại đức yết kiến Ngô Đình Diệm đưa ra **năm nguyện vọng**: bãi bỏ lệnh cấm treo cờ Phật Giáo; cho Phật Giáo hưởng chế độ ngang hàng với các hội truyền giáo Thiên Chúa; chấm dứt khủng bố và bắt bớ Phật tử; để Tăng ni và Phật tử tự do truyền đạo và hành đạo; bồi thường cho các gia đình nạn nhân và trừng trị những nhân viên có lỗi làm đổ máu.

Cuộc tranh chấp bắt đầu căng từ đó. Nay, Phật tử biểu tình ở Huế. Có xô xát. Một số lớn bị thương. Mai, Phật tử biểu tình ở Saigon. Hơi cay xịt ra tứ tung làm cho dân chúng sung cả mắt. Một, ruộng bắt các chùa chiền, cảnh sát cho biết là bắt được nhiều lựu đạn và súng ống. Thế rồi, trước một số đông tăng ni, tại ngã tư đường Lê Văn Duyệt – Phan Đình Phùng, Thượng Toạ Thích Quảng Đức tự thiêu bằng dầu xăng. Cả thế giới rung động. Có nhiều người khóc. **Lòng căm thù oán trách Ngô Đình Diệm bay cao thấu trời. Việt Nam Cộng Hòa, như nhà có tang**, một mặt phải lo chống Cộng, một mặt phải đối phó với cao trào Phật Giáo mỗi ngày một căng hơn: Ngô Đình Diệm gửi thông điệp kêu gọi dân chúng bình tĩnh. Paulus Hiếu – cũng nhận là họ Ngô - thề bán sống bán chết không tuyên bố điều gì vu khống hay công kích Phật Giáo; Nguyễn Ngọc Thơ mời Hoà Thượng Thích Tịnh Khiết tới họp với Ủy Ban liên bộ, nhưng tất cả đều vô ích.

Tăng ni biểu tình trước nhà đại sứ Hoa Kỳ. Phật tử, đại đức thi đua tự thiêu ở khắp nơi. Sự công phần tràn lan khắp nước. Phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ bù đầu – tuy đầu sôi - về việc lập ủy ban hỗn hợp để thi hành thông cáo chung. **Bà Ngô Đình Nhu chửi bớ là Trần Văn Chương, vì đại sứ Chương đã trách bà “thiếu lễ độ” đối với Phật Giáo.** Lệnh giới nghiêm được ban hành. Các chùa Xá Lợi, Ấn Quang, Kỳ Viên Tự bị khám xét. Máu Phật tử đổ khắp nơi. Hội Đồng Chính Phủ họp lúc gần sáng. Saigon và Gia Định cũng thi hành lệnh giới nghiêm, cấm đi lại ban đêm từ 9 giờ đến 5 giờ sáng. **Nhà họ Ngô khát máu tiếp tục thi hành chính sách cường hào ác bá, giết kỳ hết những người phản đối họ.** Trong khi đó thì có tin Việt Cộng sắp tràn ngập thủ đô, Ngô Đình Diệm đặt thiếu tướng Tôn Thất Đính làm tổng trấn Saigon – Gia Định và giao cho quân đội bảo vệ an ninh, trật tự, **Phật tử nào biểu tình, trí thức nào chống đối cho phơ tuốt.** May cho bố bà Nhu là Trần Văn Chương không bị *phơ*, mà chỉ bị dứt nhiệm vụ đại sứ thôi.

Trong suốt một thời gian kéo dài từ tháng 5 năm 1963 cho đến tháng 11 cùng năm đó, tràn đầy máu lửa và nước mắt, **tàn sát Phật tử không khác gì phát xít Đức tàn sát người Do Thái** trong thế chiến thứ nhì, **không có một tờ báo chánh thức nào dám ho he một lời can ngăn - chớ đừng nói cảnh cáo hay đả kích – Ngô Đình Diệm và gia đình ông ta.** Được lệnh của cố vấn Ngô Đình Nhu, Tổng giám đốc Thông Tin mỗi ngày ra một chỉ thị cho các báo. Báo nào báo nấy theo răm rắp, nhưng cũng chưa yên; đến lúc đưa kiểm duyệt, lại thay đổi ý kiến, có tin cấm lại cho ra, có tin không nói đến, tới giờ cuối cùng lại cấm. Báo nào báo nấy cứ điên lên, không biết phải làm ăn ra thế nào. Lúc ấy, tôi là tổng thư ký của nhật báo “Báo Mới” do Huỳnh Tấn Phấn đứng ra làm, mà *mãng xét* thì của Văn Giang. Lúc chưa ra, báo này nhắm làm việc về áp chiến lược, mở một mục đặc biệt về áp, vì Nhu cho đó là quốc sách, bao nhiêu tiền đổ dồn cả về việc xây dựng áp. Tiền tái thiết dinh Độc Lập thu được 19 triệu, thì bỏ vào áp chiến lược 10 triệu, quỹ

chống Cộng thu được 30 triệu, đem dùng hết cả vào việc áp. Dù đã được chỉ thị riêng rồi, “Báo Mới” cũng bị xoá lện xoá xuống vì những tin Phật Giáo, nói xấu chính phủ không được mà nói tốt cũng không được nữa.

Rút cục, người làm báo phải tự hỏi không biết nhà Ngô muốn gì, muốn sống hay muốn tự tử. Lập ra ủy ban liên bộ, ủy ban liên phái, ra thông cáo chung, **cấm đăng**; Thượng tọa Thích Thiện Minh gửi thư cho Ngô Đình Diệm vì thông cáo chung chưa được thi hành, **cấm đăng**; nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam ủng hộ ngục tù để phản đối chính sách độc tài, đàn áp Phật Giáo của Ngô Đình Diệm, cấm đăng; tăng ni và Phật tử biểu tình ở trước nhà đại sứ Hoa Kỳ, trước chùa Giác Minh, bị đánh đập tàn nhẫn, bị bắn, bị giết, bị giam, lại có nơi bị xe tăng nghiền nát ra, **cấm đăng**; ni cô Diệu Quang, đại đức Thích Tiêu Diêu, Thích Quảng Hương, Thích Thanh Tuệ và hàng trăm đại đức, ni cô khác tự thiêu hoặc bị đâm, chém, bắt cóc mang đi mất xác, **cấm đăng**. Về sau, thông bạch của nhà chùa gửi đến báo (đăng trả tiền) mời Phật tử đến chùa lễ Phật, kiểm duyệt cũng bắt **phải bỏ**; Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu xuống tóc, **bỏ**; phái đoàn tăng ni và báo giới tới thăm Hoà Thượng Thích Tịnh Khiết, **bỏ**; sinh viên, học sinh biểu tình ở chợ Bến Thành, Quách Thị Trang bị bắn nát đầu, 1300 người bị trói giật cánh khuỷu, đưa xuống trại huấn luyện Quang Trung, **bỏ luôn**. Có tin ở ngoài phố Ngô Đình Nhu muốn điên, chích nha phiến trắng cả ngày đêm trong khi vợ gia công gia sức hiệu triệu Phụ Nữ Bán Quân Sự khoá III và lên án những vụ tranh đấu về tôn giáo: báo chí tuyệt đối **không được nói tới**, kể gì những tin mà dân chúng ai cũng nói tới như: ảnh Ngô Đình Diệm bị tháo gỡ ở vài nơi công sở và thay bằng ảnh cổ vấn Tổng lãnh tụ Thanh Niên Cộng Hoà: Nhu sắp đảo chính, lên cầm quyền để thi hành một chánh sách độc tài danh thép hơn; bà Nhu tới La Mã bị nhiều người đón đường phản đối, qua Ba Lê bị ném trứng thối vào đầu, qua Hoa Kỳ diễn thuyết phủ nhận sự đàn áp Phật Giáo, không được Tổng thống Kennedy tiếp kiến. Trần Văn Chương công kích chính sách Ngô Đình Diệm; Diệm Nhu tung tin sẽ phá toà đại sứ Mỹ, ám sát nhân viên ngoại giao Mỹ và cả đại sứ Cabot



Lodge.

Ngô Đình Diệm, Cabot Lodge, Ngô Đình Nhu

Tất cả những tin tức liên quan đến vấn đề tàn sát Phật tử, đàn áp Phật Giáo, kể cả **những mảnh lời bí ối mà vợ chồng Nhu đưa ra để “mua” phái đoàn điều tra về vụ Phật Giáo do Liên Hiệp Quốc cử sang** (chụp hình các thành viên của phái đoàn L.H.Q. đang mua dâm trong những ngày làm việc ở Sài Gòn - LND), nhà báo có thể đem ra viết mười năm không hết, khả dĩ **làm cho thế giới biết suy nghĩ phải khóc ròng trước những khổ ải đắng cay của dân tộc Việt Nam**, nhưng rút cục không có một tờ báo chính thức nào dám viết, vì Nhu, Diệm và tất cả các tay sai của họ lúc nào cũng sẵn sàng cho nhà báo phản đối xuống hầm kín hay bắn một phát vào đầu, cán xe hơi, bịt mắt đem đi rồi đâm hàng trăm nhát, chắt thành một đồng, cho xuống bè thả ra sông. Nhưng...

Xã hội ta lúc đó y như thể nước đại dương: bên trên thì êm ả, nhưng sóng ngầm bủa giăng ở dưới. **Trong khi dân chúng rên siết trong máu lửa và nước mắt: trong khi bọn Nhu Diệm giết hết, đốt hết những cái gì liên quan đến Phật Giáo; trong khi bọn tay sai của Nhu Diệm thừa nước đục thả câu, ăn cướp công khai cả vật chất lẫn tinh thần người dân,** thì chính ở bên trong các báo chính thức xuất bản, và cả ở ngoài làng báo, một số lớn bọn người “nói láo ăn tiền” vẫn bí mật hoạt động chống Nhu Diệm và kết hợp các từng lớp nhân dân để chờ một ngày quyết định. Mà khí giới của họ vẫn là ngòi bút! Ngòi bút cùn, nhưng có tác động vô song là động viên được tinh thần bất khuất của người Việt Nam đứng giờ, đứng khắc thì vươn lên, không sợ chết, không sợ gian khổ, không sợ vũ khí tối tân và khoa học nhất.

Hoà mình với Phật tử, sinh viên, học sinh, các người “nói láo ăn tiền” đó không uống *uýt ky* nhưng uống nước lạnh, không ở nhà lầu nhưng chiu vào những ổ chuột, không ăn đồ ăn Pháp nhưng ăn cơm nguội, muối mè và nhiều khi nhịn đói để làm báo lậu, **những truyền đơn, những cuốn sách bỏ túi để phát đi trong quảng đại quần chúng, hô hào dân chúng nổi lên chống độc tài, áp bức, tranh thủ tự do, dân chủ thực sự.** Ông lái buôn no đủ, ông bộ trưởng, giám đốc thừa tiêu, ông tích trữ đầu cơ, có mèo chó, vợ con phê phỡn, một hôm, tự nhiên thấy người làm bưu điện gửi tới một bao thư: giở ra coi thì là báo lậu. Có khi báo lậu, truyền đơn, sách bỏ túi, chui qua kẽ cửa vào trong nhà cô nữ sinh; có khi ông công chức đến sở vừa mở hộp bàn ra để lấy sổ sách ra làm việc thì đã thấy lù lù một tập, lại cũng có khi nhận hàng ở máy bay về, mở hộp ra thì đã có một đồng truyền đơn báo lậu. Mật vụ Dương Văn Hiếu, quả đã trải một thời gian điều đứng, bắt “phiên loạn” không thể nào xuê: chưa xong bọn này đã đến bọn kia thoả mạ và **kêu gọi lật Ngô Đình Diệm để mau chấm dứt Phật nạn và chặn đứng cuộc tàn sát dã man, vô đạo.**

Tôi không biết có bao nhiêu báo lậu, truyền đơn, sách bỏ túi tung ra thời ấy, nhưng tôi nhớ trong số đó có mấy tờ viết vô cùng thống thiết: đó là tờ “Vạc Dầu”, tờ “Nhị Thập Bát Tú”, tờ “Tin Tức Phật Giáo”, còn sách thì phổ biến rộng rãi nhất là loại “Những Vấn Đề Cấp Thiết” xuất bản “vào giờ giới nghiêm”. Vì nghề nghiệp, tôi được biết một vài người bạn trẻ đứng ra làm những tờ báo đó. Phần nhiều những báo ấy viết bài ở một chỗ, thuê nhà để sửa chữa ở một chỗ, chia nhau đánh máy ở nhiều chỗ khác nhau rồi quay *ronéo* ở những chỗ thay đổi luôn luôn, không bọn nào biết bọn nào. Cố nhiên làm báo như thế thì không hòng có một xu dính túi, nhiều khi lại phải bỏ tiền của mình ra là khác; nhưng **các ký giả, sinh viên, học sinh, Phật tử làm việc say sưa, mê mết, làm việc như điên, người thường trông thấy phát ón lên, vì không hiểu tại sao con người lại có thể có sức sống tuyệt vời đến thế.**

NGÔ ĐÌNH DIỆM BỊ GIẾT, MUÔN NĂM NGÔ ĐÌNH DIỆM

(Trang 247)

Hiện giờ, chưa ai biết rõ là phe quân nhân cách mạng nổi lên đảo chánh Ngô Đình Diệm lần thứ ba có nghiên cứu về tâm lý của người dân trước khi tiến đánh dinh Độc lập hay không, nhưng **có một điều chắc chắn là tình thế lúc đó đã chín mùi và dân chúng đã thấy cách gì cũng phải hạ ngay Ngô Đình Diệm.** Phe cách mạng được dân chúng ủng hộ và làm hậu thuẫn nên đã thành công rực rỡ; nhưng sửa soạn được tâm lý quần chúng như thế, **muốn nói gì thì nói, muốn bài bác thế nào thì bài bác, ai cũng phải nhận rằng báo chí đã tiên phong trong công việc chuẩn bị cách mạng, triệt hạ Ngô gia để mở đầu cho một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên tự do, dân chủ - dù lúc đầu chỉ là một thứ tự do, dân chủ đi tập tậ tểnh.**

Như trên kia đã nói, báo lậu không ngớt kêu gọi dân chúng nổi lên chống Diệm. Cuối năm 1963, lúc nào xe thiết giáp cũng nằm ụ trước dinh Độc Lập và Gia Long, đề phòng các cuộc biểu tình. Ngô Đình

Diệm, vừa tiễn Đô đốc Harry D. Felt, tổng tư lệnh tại Thái Bình Dương, được một lát, chưa kịp ăn cơm, thì tiếng súng nổ ran ở nhiều nơi trong Đô Thành. Quân đội rầm rộ chiếm đóng Tổng Nha Cảnh Sát, đài Phát thanh, nha Truyền Tin, bộ Nội Vụ... Các lực lượng tấn công gồm một đội pháo binh 105, tiểu đoàn 1 và tiểu đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến, các đội khác chuyển từ Biên Hoà, Thủ Đức, Long An, Bình Dương. Sầm tối hôm ấy, quân cách mạng tấn công mạnh vào thành Cộng Hoà: nhiều sinh viên Phật Tử được phóng thích. Lệnh giới nghiêm được ban hành trên toàn quốc. Hôm sau, dinh Gia Long bị chiếm; có tin Nhu Diệm tự tử, nhưng thực ra thì họ trốn về nhà thờ Cha Tam ở Chợ lớn và buổi trưa hôm ấy, có tin Nhu Diệm đã bị hạ sát thê thảm trong chiếc xe buýt bùng từ nhà thờ Cha Tam về Saigon.

Người ta muốn biết ai đã giết Diệm Nhu, nhưng không ai biết đích xác; dù sao **Diệm Nhu chết đi thì đại đa số dân chúng cũng mừng. Có người tế con heo; có người lập bàn thờ cảm tạ trời đất**; còn thì hầu hết nhà nào cũng làm tiệc, rủ bè bạn, thân thích đến để nhậu nhẹt cho “phi chí tang bồng”.

Một vài tờ báo nổi tiếng trung thành với Nhu Diệm, hay làm tay sai cho “con khi đột” Lê Quang Tung, chỉ huy Lực Lượng Đặc Biệt, tự động đóng cửa; chủ nhiệm, quản lý, chủ bút, trốn luôn; còn đa số bị bịt mắt, bung miệng lâu ngày, bây giờ tha hồ nói hươu, nói vượn, chạy theo Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng và chánh phủ lâm thời, và đá những “cú hậu” rất hăng vào hai cái xác chết thối ra là xác Nhu và Diệm. Bộ trưởng Thông Tin lúc ấy, Thiếu tướng Trần Tử Oai, bị các hồ sơ dè nặng chiu cả đầu cả cổ, không biết phải đối xử với các báo thân Diệm và chống Diệm ra sao, đành phải vừa làm việc vừa nghe ngóng. Trong khi ấy thì báo được phép xuất bản như năm; những tờ bị Nhu Diệm đóng cửa cũng tục bản; nhiều ông không hề biết báo chí ra gì, thấy làm báo “hay hay”, cũng gửi đơn xin phép ra một tờ chơi cho hả, thành thử chưa bao giờ ở đây người ta lại thấy sự cạnh tranh gay gắt đến thế, mà nghề ký giả lại được mua chuộc và chiều đãi đến như thế.

...
(Trang 253) Không thoát được công lệ lúc đó để làm cho báo chạy, báo “Dân Chúng” cũng có những bài *to tổ bố* chửi chế độ Ngô gia và đánh đập *ra rít* bọn mật vụ của chế độ cũ như Dương Văn Hiếu, Lê Quang Tung, Cao Xuân Vỹ, ... Một phần các tài liệu dùng để viết rút tĩa ở **cuốn “Nhật ký” của Ngô Đình Lệ Thủy** (con gái đầu lòng của ông bà Ngô Đình Nhu), đã lượm được trong lúc đánh phá dinh Độc Lập, trong đó có nhiều sự việc mà người ngoài không biết, đại khái vụ vợ chồng Ngô Đình Nhu lên nghỉ ở Ban Mê Thuộc bàn về việc làm “săng ta” Mỹ; vụ mẹ Nhu cáo đau bụng, bắt con gái đi dự tiệc “làm quen” với đại sứ Nolting; **vụ “mua chuộc” phái đoàn điều tra về Phật Giáo do Liên Hiệp Quốc cử sang liên quan tới Phụ Nữ Liên Đối và Phụ Nữ Bán Quân Sự ra sao**; vụ Ngô Đình Lệ Thủy thi tú tài trong đó có sự xếp đặt, bợ đỡ của các giám khảo như thế nào ... Tất cả những tài liệu đó, do chính tay Ngô Đình Lệ Thủy ghi lại trong một cuốn nhật ký đây, “Dân Chúng” đem ra khai thác. Đến vụ Ngô Đình Lệ Thủy thi tú tài, chúng tôi kêu đích danh một người vẫn tự nhận là quốc gia chính cống (có khi lại tự nhận là đệ tứ) làm giáo sư đại học, đặt thành vấn đề chất vấn, thì viên giáo sư ấy không trả lời, ...

...
(Trang 263) ... nhiều người tuyên bố liên hiệp với MTGPMN (Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam) là tự sát, không bao giờ nhìn nhận Mặt trận là một tổ chức hợp pháp, nhưng rồi cũng mật đàm với Mặt trận; thiếu tướng Kỳ thề không bao giờ ngồi chung một bàn với Cộng sản nhưng rồi cũng cùng họp bàn tròn ở hội nghị Ba Lê; **bất cứ ai nói chuyện hoà bình cũng bị kể như là thân cộng** và cần bắt nhốt hoặc đưa sang bên kia vĩ tuyến, nhưng rồi, **theo tờ báo chính thức của Công-giáo ở La-Mã đầu năm 1968, tờ *Observatore Romano*, Toà thánh dự định gửi một phái đoàn qua Hà-nội vận động hoà bình**, trong khi Dean Rusk tuyên bố sẵn sàng nói chuyện hoà bình với Bắc Việt, nếu Cộng sản ngưng tấn công thủy quân lục chiến Hoa Kỳ.

Trích từ sách “**BỐN MƯƠI NĂM ‘NÓI LÁO’**” của **VŨ BẰNG**

Cơ sở Xuất Bản Sống Mới – Sài Gòn – 1969 (Trang 204 – 263)

Bắt đầu viết tháng Giêng năm 1967. Sửa lại, viết thêm năm 1968-1969 và xong vào ngày Phật Đản 2513 tức 30 tháng 5 dương lịch 1969.

[Nguồn tài liệu: http://www.sachhiem.net/THOISU_CT/ChuV/VuBang.php]

000)000(000

Tôi không hề chủ trương hợp tác với ông Diệm

Phan Quang Đán

Tôi vừa đọc xong bài “*Nhận Diện Một Chiến Sĩ Quốc Gia, Bác Sĩ Phan Quang Đán*” do ông Cửu Long viết trong báo Tia Sáng số 22, ngày 15/12/1987. Ông Cửu Long biết rõ nội bộ của Cần Lao Nhân Vị, nên những sự việc của ông trình bày có một giá trị đặc biệt về sử liệu, giúp độc giả **thấy rõ mặt trái** của nền Đệ Nhất Cộng Hoà.

Đứng vào vị trí của ông thì mới có thể tường thuật chi tiết hoạt động bí mật của tôi ở Thái Lan trong những năm 1950-51 nhằm tổ chức chiến khu ở Cam-Bốt và ở Lào. Ở Lào Quốc lúc bấy giờ chúng tôi hợp tác với Hoàng Thân Phetsarath, bào huynh của Hoàng Thân Souvana Phouma về sau làm Thủ Tướng Lào quốc. Nhưng gặp nhiều nghịch cảnh nên công việc không thành tựu.

Nhưng có mấy điều cần được đính chính.

Thứ nhất là về đoạn trích ở sách *Bên Giòng Lịch Sử* của Linh Mục Cao Văn Luận. Tôi với Linh Mục Cao Văn Luận cùng học ở Trường Dòng Pellerin ở Huế những năm 1931-34. Về sau ra Hà-nội học thi tú tài, có gặp nhau vài lần. Mùa hè 1953, tôi đi viếng thăm các bệnh viện và cơ sở Y Tế tình cờ gặp Linh Mục, Linh Mục có cho tôi biết là ông Diệm và Nhu có đọc quyển *Volonté Vietnamiennne* tôi xuất bản ở Thụy Sĩ năm 1951, và cả hai ông cũng như ông Linh Mục đều công nhận là chương trình Đảng Cộng Hòa Việt Nam trình bày trong sách này rất chí lý. Nhưng tôi không hề tỏ ý khuyên ông Diệm về nước chấp chánh, và cũng **không hề nói rằng tôi sẵn sàng hợp tác** nếu được mời.



Tôi vốn biết ông Diệm từ hồi ông còn ở Quảng Nam, trong những năm ông Ngô Đình Khôi còn làm Tổng Đốc. Tôi cũng quen biết hai ông Nhu và Luyện. Tôi làm cố vấn Chính Trị cho Cựu Hoàng Bảo Đại từ năm 1946 đến tháng 3, 1949 và giữ chức Tổng Trưởng Thông Tin một thời gian. Sau khi chiến cuộc Việt Nam bùng nổ ngày 19/12/1946, tôi đang làm bác sĩ ở Thị Lập Độ Từ Y Viện Thượng Hải, từ chức để về Hương Cảng gặp Cựu Hoàng, và nói với Cựu Hoàng đã đến lúc cần mở Mặt Trận Chính Trị và Ngoại Giao để tranh thủ Thống Nhất và Độc Lập cho quốc gia Việt Nam, và dùng căn bản chính nghĩa này để chống cộng sản. Điều cần nhất là Cựu Hoàng cần tranh thủ được Thống Nhất và Độc Lập thực sự rồi mới nên trở về Việt Nam. Chính tôi thảo văn thư trình Cựu Hoàng ký để tôi đích thân về Saigon mời những nhân vật quốc gia có uy tín ít nhiều ra gặp Cựu Hoàng, như quý ông Ngô Đình Diệm, Trần Văn Lý, Phan Khắc Sửu, v.v.. và tôi trao thư cho ông Diệm ở Dòng Cứu Thế Saigon. Nhưng tôi đề nghị Cựu Hoàng nên mời Thiếu Tướng Nguyễn Văn Xuân làm Thủ Tướng Chính Phủ Trung Ương Toàn Quốc để dẹp bỏ Nam Kỳ Quốc. Tôi nhận chức Tổng Trưởng Bộ Thông Tin cốt là đề lên tiếng đòi Thống Nhất và Độc Lập, nhưng công việc chính yếu lúc bấy giờ là điều đình với người Pháp ở Hương Cảng, Saigon, Genève ở Thụy Sĩ, Paris và Cannes. Sau 2 năm điều đình, tôi thấy người Pháp chỉ muốn tái lập chế độ thuộc địa cũ, và công nhận cho Việt Nam quyền tự trị hành chánh mà thôi. Tôi phản đối Hiệp-Định Auriol-Bảo Đại ngày 9 tháng 3, 1949, không dự lễ ký kết Hiệp Định này, nhưng chiều hôm ấy, tiễn đưa Cựu Hoàng về Cannes và nói rằng Cựu Hoàng đã bước vào con đường thất bại và sẽ đưa lại những hậu quả tai hại cho cả nước. Từ đó, tôi tự thấy bắt buộc phải đứng ra chống đối, mặc dầu trong thâm tâm tôi vẫn giữ cảm tình riêng biệt, vì tôi phải nói rằng Cựu Hoàng tuy thiếu tinh thần tranh đấu nhưng là một người có tinh thần cởi mở lại rất hiền từ.

Đối với ông Diệm, lúc bấy giờ thường giới thiệu tôi với các chính giới Pháp và Mỹ như là một người bạn chí thân, tôi biết rõ **gia đình ông không phải là một gia đình cách mạng, lại nặng về tình thần quan lại, phong kiến**, nên tôi không bao giờ nghĩ đến việc hợp tác.

Sau khi Hiệp Định Bảo Đại-Auriol được ký kết, tôi không liên lạc với Cựu Hoàng nữa, và nhiều lần được Cựu Hoàng mời giữ chức vụ Tổng Trưởng Nội Vụ và Quốc Phòng, tôi tự vấn lương tâm thấy không thể nào nhận lời được. Tôi gửi kèm theo đây tin tôi từ chối chức Tổng Trưởng Nội Vụ đăng ở báo Le

Monde ngày 10-11/7/1949 và thư của Hoàng Thân Bửu Lộc viết ngày 29/12 /1949 báo tin là Cựu Hoàng mời tôi giữ chức Tổng Trưởng Quốc Phòng.

Trong thời gian này, ông Diệm vẫn tìm cách liên lạc với Cựu Hoàng và vận động với các chính giới Pháp và Mỹ để được Cựu Hoàng mời làm Thủ Tướng. Cựu Hoàng biết rõ **ông Diệm không phải là người có chung thủy, lại nặng óc gia đình trị**. Nhưng ông Diệm vẫn ráo riết vận động.

Tháng 8, năm 1950, ông Diệm sang Nhật để viếng thăm Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, và thấy rõ Nhật Bản không còn lưu ý gì đến Kỳ Ngoại Hầu và cũng không lưu ý gì đến Việt Nam. Nhưng ở Nhật Bản, ông Diệm gặp Wesley Fishel, một giảng viên trường Đại Học Tiểu Bang Michigan. Wesley Fishel khuyên ông Diệm nên sang Hoa Kỳ. Ông Diệm sang ở Hoa Kỳ từ 1951 đến tháng 5 năm 1953, và thường tá túc ở Maryknoll College, Lakewood, Tiểu Bang New Jersey. Tôi với ông thỉnh thoảng gặp nhau và trao đổi thư tín. Tháng 5, 1953, trước khi ông lên đường sang Bỉ và Pháp, ông có điện thoại từ giả tôi và mong sẽ có dịp tái ngộ.

Trong những năm ở Hoa Kỳ, tôi viết báo, đi diễn thuyết vận động dư luận ủng hộ Việt Nam Thống Nhất và Độc Lập. Và tôi liên tục liên lạc chặt chẽ với các phong trào kháng chiến quốc gia Tunisie, Maroc và Algérie. Cuối năm 1954, tôi ghé Ai Cập thành lập với các phong trào này Mặt Trận Chống Thực Dân Pháp và tiếp xúc với chánh phủ Nasser và Liên Hiệp Các Quốc Gia Á-Rập. Sau đó chúng tôi đi viếng các quốc gia Á-Châu vận động chống thực dân Pháp và đòi độc lập hoàn toàn cho các quốc gia bị Pháp đô hộ.

Sau khi được cử làm Thủ Tướng, ông Diệm mời tôi tham gia nội các để phụ trách các công tác xã hội, và đặc biệt là việc cứu trợ và định cư đồng bào từ Bắc Việt lúc bấy giờ dồn dập vào Nam. Tôi gởi kèm theo đây điện tín của ông Luyện, bào đệ của ông Diệm đánh từ Pháp ngày 19/8/1954 và điện tín của ông Diệm đánh từ Saigon ngày 22/8/54. Tôi phúc đáp là tôi sắp về Saigon và sẽ lấy làm hân hạnh gặp lại ông.

Ngày 2 tháng 9, 1955, tôi từ Phi Luật Tân về đến Saigon thì có ông Võ Văn Hải, bí thư của Thủ Tướng Diệm ra phi trường Tân Sơn Nhất đón. Sáng sớm hôm sau thì ông Võ Văn Hải đi xe hơi đến thăm tôi và đưa vào Dinh Độc Lập gặp ông Diệm. Chuyện trò kể ra cũng thân mật. Ông Diệm ngỏ ý muốn tôi tham gia nội các, và cho biết tình hình chung trong nước. Tôi lúc bấy giờ đã biết dư luận đồng bào trong nước đã có nhiều giới chống đối ông Diệm, và cứ thực tình nói để ông biết. Tôi đặc biệt khuyên ông hai điều: **chớ có xem quốc gia là của riêng gia đình**, anh em, bà con, ai có sở trường nào cứ dùng vào công việc tương đương, thí dụ ông Nhu thì nên cứ để làm Giám Đốc Thư Viện Quốc Gia, đừng có thiết lập gia đình trị, và **cần giữ thể thống cho Cựu Hoàng**, mặc dầu chính thể cộng hoà hay quân chủ lập hiến cũng vậy. Còn tôi, vì đã chống Cựu Hoàng nên không thể tham gia nội các được. Tôi sẽ hợp tác bằng cách tổ chức đối lập hợp pháp xây dựng.

Cuộc trao đổi ý kiến kéo dài 4 tiếng đồng hồ. Trong khi ông Diệm đang tiếp kiến tôi, thì ông Võ Văn Hải vào cho biết là có một vị Bộ Trưởng muốn vào trình một việc có tính cách khẩn cấp. Ông Diệm gật đầu. Võ Văn Hải ra khỏi phòng thì tôi thấy vị Bộ Trưởng rón rén bước vào. Nhưng thay vì đi thẳng từ cửa phòng đến bàn giấy Thủ Tướng, ông ta lại đi ven theo mép tường, thành thử đường dài hơn rất nhiều. Khi vị Bộ Trưởng đến gần bàn giấy, ông Diệm đứng dậy kéo ra một góc phòng. Vị Bộ Trưởng nói nhỏ vài phút thì thấy Thủ Tướng gật đầu, và vị Bộ Trưởng kính cẩn cúi đầu và trịnh trọng rón rén bước ra khỏi phòng. Nhưng thay vì quay lưng để đi ra thì ông ta cứ đi giật lùi từng bước, tôi nhìn theo cứ ngại rằng ông ta sẽ vấp phải mấy cái ché lớn để trang hoàng trong phòng, ché rớt bể thì ông ta có thể bị thương. Đến khi ông ta ra đến cửa phòng, quay lưng đi ra sân tôi mới yên bụng.

Tôi mới hỏi Thủ Tướng vì sao lại chấp nhận cho ông Bộ Trưởng có thái độ lạ lùng như vậy thì ông cười nói: “***Cứ để tụi nó sợ mình như vậy thì dễ trị hơn.***”

Cuộc trao đổi ý kiến tuy có vẻ thân mật, nhưng tôi cảm thấy là khi tôi ngó ý đối lập xây dựng, thì ông Diệm không vui, và sau đó cuộc đàm thoại có phần gượng gạo.

Sau đó, tôi tổ chức khối Dân Chủ Đối Lập, phê bình luật bầu cử, viết báo *Thời Luận*, gửi đơn xin hợp thức hoá Đảng Dân Chủ Tự Do, đồng thời mở lớp dạy Y Tế Dự Phòng đầu tiên ở Đại Học Y Khoa và Trường Cán Sự Y Tế. Khối Đối lập cũng như Đảng Dân Chủ Tự Do **không được hợp thức hoá, tư gia tôi bị đập phá, công an mật vụ theo dõi tôi suốt đêm ngày, báo Thời Luận bị phá nhà in rồi bị đóng cửa. Tôi bị cấm dạy học.** Tháng 8, 1959 tôi ứng cử dân biểu ở Quận Nhì Saigon. Tôi được biết lúc đầu ông Diệm muốn loại tôi không cho ứng cử, nhưng sau vì Phong trào Cách Mạng Quốc Gia và Cần Lao Nhân Vị quả quyết là ở Quận Nhì họ có hơn 40.000 đảng viên, còn tôi thì chẳng ăn thua gì, nên cứ để cho tôi ra ứng cử để bị đại bại cho bõ ghét. Chính quyền khuyến khích rất nhiều người ra ứng cử ở Quận Nhì để chia phiếu đối lập. Có đến 16 ứng cử viên, vì vậy 15 ứng cử viên không phải của chính quyền sẽ chia phiếu của nhau. Còn Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia và Cần Lao Nhân Vị, thêm quân đội ở các nơi chờ về đều dồn phiếu cho ông Phạm Văn Thùng, ứng cử viên chính thức của Tổng Thống, thì cũng như đánh cờ tướng mà đã bỏ con tướng của đối phương vào trong túi rồi, thì làm gì chẳng thắng cuộc. Tôi đắc cử với hơn 35.000 phiếu. Ông Thùng chỉ được ... 5.000 phiếu, còn những ứng cử viên khác chỉ được mỗi người vài chục phiếu, hay vài trăm phiếu mà thôi.

Nhưng tôi bị đưa ra Tòa, Toà tuyên bố **hủy bỏ kết quả bầu cử** vì cho là gian lận, và ngày khai mạc Quốc Hội, căn cứ vào luật bầu cử ghi rõ là mọi ứng cử viên đắc cử có quyền ra Quốc Hội trình bày trường hợp của mình, nếu có khiếu nại, hay án Toà, và sẽ do Quốc Hội định đoạt kết quả cuộc bầu cử có giá trị hay không, tôi lên đường ra Quốc Hội thì bị cảnh sát chặn đường đem về giam ở Ty Cảnh Sát Gia Định đến khi lễ khai mạc Quốc Hội chấm dứt mới thả cho tôi về.

Bây giờ vẫn còn một số ít người ca ngợi ông Diệm là anh hùng dân tộc. Nhưng **chính sách gia đình trị phong kiến** của ông đã đưa gia đình ông đến thảm hại, với **nhiều hậu quả tai hại chung** cho cả đất nước.

Phan Quang Đán

30-12-1987

Trích từ Tạp chí *TIA SÁNG* (Houston, TX) số 23 (1/1988), trang 50.

XXX)(XXX

Giải Tỏa Bí Mật Về Cái Chết Của Tướng Trịnh Minh Thế

(Tập chí GÓP GIÓ, số 112, thứ ba, ngày 7/2/03)



LỜI TÒA SOẠN: Tướng Trịnh Minh Thế, Tư lệnh Lực Lượng Cao Đài Liên Minh bị giết vào lúc 6 giờ chiều ngày 3-5-1955, là một nghi án mà đã có một số tin tức loan khác nhau, như:

1- Về phía chính quyền Ngô Đình Diệm cho biết rằng tướng Trịnh Minh Thế đã trúng một viên đạn vào đầu, khi ông đi trên chiếc xe Jeep chạy trên cầu Tân Thuận, trong khi đang truy quét lực lượng Bình Xuyên.

2- Theo ông Lê Trọng Văn, viết rằng cái chết của tướng Trịnh Minh Thế là do tướng Văn Thành Cao cho đàn em ngồi chung xe Jeep với tướng Thế, hạ sát ông tại cầu Tân Thuận, theo mật lệnh của ông Ngô Đình Nhu.

3- Theo một tài liệu bằng tiếng Pháp do ông Nhị Lang công bố trên báo chí, thủ phạm giết tướng Thế là Thiếu tá Tinh báo Savani của Pháp, trả thù cho tướng Chanson. Thiếu tá Savani từ trên chiếc thuyền nhỏ của Pháp từ dưới sông bắn lên xe tướng Thế.

Nhưng theo tài liệu do ông Trịnh Minh Sơn công bố trên tờ Làng Văn, Canada, số 232 tháng 12-2002, dưới đây, cho biết thân phụ ông - tướng Trịnh Minh Thế đã bị giết tại Dinh Độc Lập rồi đem xác ông chở tới cầu Tân Thuận để đánh lạc hướng.

Rõ ràng đây là một bằng chứng thật CHÍNH XÁC nhứt. Bởi vì là người trong gia đình mới có thể nhìn tận mắt có cả thấy HAI vết đạn bắn rất gần, một vào ót và một vào lỗ tai tướng Thế còn để lại **ám khối** trên vết thương, chứ không phải MỘT phát duy nhứt như tin công bố.

Được biết khi hay tin chồng chết, bà Trịnh Minh Thế đã đến ôm xác chồng và khóc kể **“Ông Nhu đã giết chồng tôi!”**.

Cũng vào thời gian đó có tin ông Nhu đã bí mật cho người tới hăm dọa gia đình tướng Thế buộc phải giữ im lặng. Tướng Thế sẽ được truy thăng Trung tướng, được hưởng một số tiền tử tuất để sinh sống, và các con sẽ được thu vào trường Quốc Gia Nghĩa Tử ăn học tử tế. Phải chăng vì để bảo vệ sự an toàn cho gia đình, bắt buộc gia đình tướng Thế phải giữ bí mật cho tới bây giờ? **GÓP GIÓ**

Giải-tỏa bí mật về cái chết
của tướng Trịnh Minh Thế

Trong mục này, Làng Văn số 231, BC viết rằng: “*Tướng Trịnh Minh Thế tử trận đang khi điều quân tấn công lực lượng Bình-Xuyên bên kia cầu Tân-Thuận, đạn đạo phát xuất từ một giang-thuyền Pháp, do Bình-Xuyên điều khiển. Sau này có tin, tướng Thế bị Savani, sĩ quan Phòng Nhì Pháp ra lệnh ám sát để trả thù cho tướng Chanson.*”

Sau khi báo phát hành, thân nhân của tướng Thế, hiện sinh sống ở Canada, đã gửi thư cho BC, công bố bí mật về cái chết của tướng Thế, nội dung như sau. BC xin đăng tải nguyên văn như một sử liệu:

“Brossard, ngày 12 Nov, 2002

Kính thưa ông Bút Chì

Nhân đọc thấy một độc giả thắc mắc về cái chết của tướng Trịnh Minh Thế, và đã được ông trả lời trong mục giải đáp, Làng Văn số 231.

Tôi xin tự giới thiệu là con trai út của cố Trung tướng Trịnh Minh Thế. Mẹ tôi là quả phụ Nguyễn Thị Kim, hiện đang sinh sống với tôi ở Canada. Nhờ ông Bút Chì đính chánh giùm một bí mật về cái chết của ba tôi, sau 47 năm mà gia đình tôi giữ im lặng.

Sự thật là ba tôi bị ám sát, không chết trận như tin tức và lời đồn đãi

Ba tôi bị ám sát lúc 6 giờ chiều ngày 3 tháng 5, 1955, do 2 viên đạn súng nhỏ, vì vết thương không phá rộng. Viên đạn thứ nhất đi sát vào ót, bắn trở ra miệng, miệng còn ám khói đạn. Viên đạn thứ hai, phát âm huệ, cũng đi sát vào lỗ tai phải, bắn trở ra bể tròng mắt trái, lỗ tai ám khói súng. Điều đó cho thấy, kẻ ra tay là người thân cận, đứng sau lưng hoặc đứng kế bên. Mẹ tôi tin rằng ba tôi bị mưu sát trong dinh Độc Lập, khi về họp tham mưu. Sau đó đưa xác ra mặt trận cầu Tân Thuận và hô lên là tử trận.

Từ ngày mất nước, ở hải ngoại có nhiều giả thuyết được đưa ra, nói về cái chết của ba tôi. Đề tài này thường một số người liên hệ tới cái chết mờ ám của ba tôi, khuê ra, tạo nhiều giả thuyết vô lý, vô căn cứ, ngụy tạo, hoặc đem viết sách hoặc đăng trên báo chí, để cố tình che đậy sự thật, tung hỏa mù đánh lừa dư luận để bưng bít tội ác năm xưa.

Như ông Bút Chì đã thấy, qua nhiều sách báo và tài liệu, tất cả đều nói tướng Thế tử thương vì một viên đạn duy nhất; nhưng gia đình tôi và cả giòng họ Trịnh đều biết là ba tôi chết vì 2 viên đạn được bắn rất gần (đi sát và bóp cò). Chỉ cần chi tiết quan trọng đó thôi cũng đủ để tôi khởi tố công dẫn chứng dài dòng để đả phá các giả thuyết ngụy tạo khác

Sau cùng, để đính chánh trả lời trên báo, ông có thể tóm tắt: “Anh em ông Diệm Nhu ngày về chấp chánh bấp bênh nên đã chiêu dụ tướng Trịnh Minh Thế về họp tác để cùng có địa vị; sau đó chủ mưu hạ sát để trừ hậu họa”

Xin thành thật cảm ơn ông”

Trịnh Minh Sơn

2810 Bourgogne

Brossard, Quebec J4Z 1T5

GÓP Ý CỦA ĐDTB:

Trong cuốn “Phong Trào Kháng Chiến Trịnh Minh Thế” của ông Nhị Lang tên thật là Thái Lâm, xuất bản 1984 nơi trang 328 – 329 viết như sau:

“*Tướng Thế mất đúng 7 giờ chiều ngày mùng 3 tháng 5 năm 1955. Ông bị một viên đạn Carbin duy nhất bắn vào lỗ tai bên phải, xuyên qua mắt trái, trông mắt bay mất. Khỏi đạn còn dính bên tai, chứng tỏ kẻ sát nhân phải đứng gần lắm nên mới chính xác như vậy. Một con mắt còn lại nhắm nghiền, hàm răng giả của ông cũng đã bay đi đâu mất.*”. Điều này chứng tỏ điều **ông Trịnh Minh Sơn đúng**, bố ông bị bắn 2 phát. Đạn đi từ lỗ tai lên mắt viên đạn đó không chạm đến răng được và viên đạn đó không phải là súng Carbin mà là súng lục loại Rouleau. Phát bắn đầu tiên từ sau ót ra miệng bay đi hàm răng giả, Tướng Thế chưa chết, vì chưa vào óc. Người bắn phải cao hơn tướng Thế

* Ký giả Như Phong Lê Văn Tiến phỏng vấn ông Tô Bình Cầm em vợ của Tướng Thế, ông Cầm cho biết rằng: “*Tướng Thế đã bị giết trong dinh Độc Lập, có thể ở dưới tầng hầm (basement), rồi ông Nhu cho đem qua cầu Tân Thuận Ông Cầm quả quyết tướng Thế không có ở trong xe, không lái xe và không đi đến Tân Thuận. Thi thể tướng Thế được đưa tới đó để giả như ông ta chết tại mặt trận.*”

* Ký giả Như Phong Lê Văn Tiến phỏng vấn ông Tạ Thành Long là tùy viên của tướng Thế. Ông Long bác bỏ việc ông có liên hệ đến cái chết của tướng Thế và ám chỉ ông biết ai đứng đằng sau vụ hạ sát này, nhưng từ chối không cho biết chi tiết. Cuộc phỏng vấn này vào ngày 8-8-1999, mà bức thư của cựu trưởng phòng nhì Pháp là Savani đã được tạp chí Việt Nam Hải Ngoại của Luật sư Đinh Thạch Bích phổ biến từ lâu chứng tỏ là tài liệu giả mạo, vì Đại tá Tạ Thành Long không nhắc đến người Pháp giết và còn cho biết ai đứng đằng sau vụ hạ sát

* Phóng Sự - Ký Sự của Tuổi Trẻ Cuối Tuần Online: Phạm Xuân Ân – Tên Người Như Cuộc Đời của Nhà Văn Nguyễn Thị Ngọc Hải, kỳ thứ 8, ngày 25/10/06, Phạm Xuân Ân đã cho biết: “...*Người Sài Gòn ngày đó nhớ những biển lửa từ Tân Thuận đến Xóm Củi, và kể cho nhau nghe cái chết của tướng Cao Đài Trịnh Minh Thế. Thế ở trong Tứ Liên rồi quay ra đi với Diệm. Chính Diệm - Nhu cho người giết Thế ngay chỗ cầu Tân Thuận...*”, click đọc: [PHẠM XUÂN ÂN – TÊN NGƯỜI NHƯ CUỘC ĐỜI - Nguyễn Thị Ngọc Hải](http://www.dongduongthoibao.net/view.php?storyid=336)

* Ông Lê Trọng Văn chưa bao giờ gặp Ông Trịnh Minh Sơn cho đến hiện nay, mong Ông Nguyễn Cần bút hiệu Tú Gàn đừng có viết Cần – viết Gàn nghe ông Tú Tàn, vì Lê Trọng Văn và Trịnh Minh Sơn đang sinh sống tại San Diego và Quebec, Canada

Trích Tạp chí *GÓP GIÓ*, ngày 7/2/03

ĐDTB, ngày 18/12/06

<http://www.dongduongthoibao.net/view.php?storyid=336>

000)()()() (000

**Tại sao Tổng thống Ngô Đình Diệm không cho
tướng tử tội Lê Quang Vinh được chết toàn thân ?
Và ai đã thủ tiêu thân xác của Ông ?**

28.06.2008 | Trịnh Bá Lộc

Tướng Lê Quang Vinh tự Ba Cụt là một anh hùng tạo thời thế xuất thân từ nông dân áo vải, tay lấm chân bùn một tín đồ của Phật Giáo Hoà Hảo.

Vừa 20 tuổi, anh đã chạm phải với cái cảnh tang tóc của một xứ sở đang bị dày xéo xâm lăng của Thực dân Pháp. Lòng quả cảm của một thanh niên đã hun đúc tinh thần yêu nước nồng nhiệt anh quyết tâm thành lập Bộ đội để đánh thực dân Pháp. Suốt 7 năm (1947-1954) những cuộc chiến đấu oai hùng của nghĩa quân vang dội trong các tỉnh Châu đốc, Long Xuyên, Cần Thơ, Sa Đéc làm cho Việt Minh Cộng Sản cũng như quân đội Pháp đều phải khiếp đảm. Vì có một thiên phú, tướng Ba Cụt có khả năng điều quân khiến tướng độc đáo đánh đâu thắng đó. Ngoài ra tướng Ba Cụt có những đặc tính: Tiến quân anh đi trước, quân lui anh đi sau, và đối xử với binh sĩ với cấp trực thuộc như là thân nhân ruột thịt nặng nề giáo dục, nhẹ về hình phạt, nhường cơm sẻ áo với chiến sĩ trong những cơn bị địch bao vây.

Năm 1954, sau khi ký hiệp định Genève, cụ Ngô Đình Diệm về nước chấp chánh, chính ông Ngô Đình Nhu thân hành đến

Ngày 13.7.08 tới đây là ngày Tướng Hòa Hảo Dân Xã đảng Lê Quang Vinh tức Ba Cụt bị hành quyết tại Cần Thơ, 42 năm trước đây. Trong tác phẩm "Về Nguồn", tác giả Tiến sĩ Lâm Lễ Trinh có viết đoạn như sau:

"...Nhưng đã chết một cách bí ẩn trong tù. Nguyên Đại tướng Khánh cho biết đã tìm thấy xác của Nhung treo cổ bằng giây thừng". (Nhưng cũng là người được Dương Văn Minh giao phận sự thủ tiêu xác của Lê Quang Vinh tức Ba Cụt, lãnh tụ Hoà Hảo, sau án tử hình). (Về Nguồn trang 64).

Đối với độc giả 60 hay trẻ hơn, đoạn văn ngắn ngủi trên đây chỉ tạo thêm thắc mắc hơn là đủ kiện lịch sử. May thay, ngày 22.6.2008 vừa qua, ông Hồng Phúc của đài phát thanh (VN) Hải Ngoại tại Hoa Thịnh Đốn có nêu câu hỏi liên quan đến vụ án này với ông Trịnh Bá Lộc, nguyên sĩ quan Tùy viên của Đại tướng Dương Văn Minh từ năm 1958 đến chiều ngày 29.4.1975.

Dưới đây là trích đoạn bài phỏng vấn do ông Trịnh Bá Lộc gửi tới :

Hỏi : Trong vụ án Tướng Lê Quang Vinh, tức Ba Cụt của Hòa Hảo, bị xử tử tại Cần Thơ, cũng có dư luận cho rằng người cận vệ của Đại tướng Minh, lúc bấy giờ là Đại úy Nguyễn Văn Nhung, đã bấm máy của Tướng Ba Cụt ra làm nhiều mảnh, sau khi thi thể ông này đã được chôn cất. Ông có biết chuyện này như thế nào không ?

Trịnh Bá Lộc : Để có được một cái nhìn thuận lý về sự việc, tôi có 3 ý để thưa cùng quý vi: Trước hết là kể sơ lược về quá trình bắt giữ Tướng Lê Quang Vinh, thứ hai là các phiên tòa và bản án của tướng Lê Quang Vinh và cuối cùng là vấn đề thanh toán xác chết.

1. Quá trình bắt giữ Tướng Lê Quang Vinh

Tướng Lê Quang Vinh tức Ba Cụt là lãnh tụ Hoà Hảo Dân Xã đảng đã bị phục kích bắt sống trong khuôn khổ chiến dịch Nguyễn Huệ vào năm 1956. Lúc này tôi chưa phục vụ dưới quyền chỉ huy của Đại tướng Dương Văn Minh. Tôi được biết qua báo chí lúc bấy giờ và theo lời thuật lại của Đại úy Nguyễn Lễ Trí và Đại úy Nhung khi tôi làm việc chung với những người này từ năm 1958. Ông Trí là em rể của bà Dương Văn Minh cũng là thuộc cấp của Đại tướng Minh từ các chiến dịch Hoàng Diệu, Nguyễn Huệ, Thoại Ngọc Hầu. Chức vụ sau cùng của ông Trí là Cục Trưởng cục Xã Hội, hiện ông đang định cư ở California.

Ngoài ra sau này tôi còn được biết thêm một cách chi tiết hơn, khi Đại tướng Minh sang Hoa Kỳ. Mặt khác tôi còn tìm thấy được những tài liệu rất đáng tin cậy được viết rõ ràng trong quyển "1945-1954 Việc Từng Ngày Hai Mươi Năm Qua". Tác giả là Đoàn Thêm.

Sau khi hoàn tất chiến dịch Hoàng Diệu, Thiếu tướng Dương Văn Minh được đề cử giữ chức vụ Tư lệnh chiến dịch Nguyễn Huệ từ ngày 1.1.1956 để đối phó với lực lượng Hoà Hảo, cụ thể là để thu phục các Tướng Lê Quang Vinh tức Ba Cụt và Tướng Trần Văn Soái tức Năm Lửa. Đại úy Trí, thuộc cấp tin cậy của Thiếu tướng Minh lúc bấy giờ, đã gây được sự tin nhiệm đặc biệt với ông Phan Hà, bạn học cũ, của Đại úy Trí. Chỉ sau vài lần trao đổi điều kiện với Đại diện của Thiếu tướng Minh, ông Phan Hà, Cố vấn của Tướng Năm Lửa, đã thuyết phục được bà Trần Văn Soái, nữ danh Lê Thị Gấm, người được biết nhiều với biệt danh Phàn Lê Huệ. Tuy là lãnh tụ của khối quân sự lớn nhất của Hoà Hảo, Tướng Trần Văn Soái lại chịu sự chi phối cứng rắn của phu nhân mình nhất là các vấn đề tài chánh nên ông chấp thuận nhanh chóng những điều kiện do Bộ tư lệnh Chiến dịch đưa ra và được soạn thảo bởi Đại sứ Nguyễn Ngọc Thơ.

Ngày 8.3.1956 tại Cái Vồn, trước Thiếu tướng Dương Văn Minh, Tướng Trần Văn Soái, với 1.056 sĩ quan và 4.600 binh sĩ Hoà Hảo, lần lễ tuyên bố về hợp tác với Chính phủ .

Thu phục xong Trần Văn Soái, Thiếu tướng Minh tiếp đối phó với Tướng Lê Quang Vinh, tức Ba Cụt. Ông cũng rất muốn thu phục Lê Quang Vinh nên đã được sự giúp đỡ của Đại sứ Nguyễn Ngọc Thơ, qua trung gian của ông Giáo Huỳnh Kim Hoàn, là cậu Tư cũng là thầy dạy học của Ba Cụt, tiếp xúc để thỏa hiệp với Ba Cụt nhưng không thành vì sự đòi hỏi quá đáng. Lê Quang Vinh tức Ba Cụt muốn được nhìn nhận là Trung tướng quân đội VNCH, ngang hàng với Trung tướng Lê Văn Ty, Tổng tham mưu trưởng QLVNCH và sắc lệnh công nhận này phải ban hành trước ngày về hợp tác.



Tướng Dương văn Minh

Tôi được Đại tướng Minh cho biết trong thời gian đó, Bộ tư lệnh Chiến Dịch xử dụng tôi đa các đơn vị thuộc quyền, hành quân liên tục dọc theo vùng Thất sơn, Châu Đốc ngăn chặn đường về núi Sam, Thường Phước, thuộc quận Hồng Ngự gần sát biên giới Kampuchia, là cứ địa an toàn của Ba Cụt. Vì chiến thuật tấn công của TT Minh lúc đó là "chặn mất đường về hang của hổ, buộc hổ phải di động liên tục thì chắc chắn hổ phải sa lưới." Các Tiểu khu tại Miền Tây cũng nhận được lệnh của ông mở nhiều cuộc phục kích ngày và đêm trong vùng trách nhiệm của Tiểu khu để náo động tướng Ba Cụt. Đúng như ý muốn của Thiếu tướng Dương Văn Minh, Tướng Lê Quang Vinh phải luôn luôn di động, không thể ở yên một nơi nào, nhất là sau khi Tướng Trần Văn Soái đã quy thuận. Và cuối cùng hổ sa lưới thật:

Ngày 13.4.1956, Tướng Lê Quang Vinh tức Ba Cụt bị một tiểu đội Bảo An phục kích bắt sống tại Chắc Cà Dao cách Long Xuyên 15 cây số cùng với 5 hộ vệ. Trung sĩ Giàu chỉ huy tiểu đội này đã thuật lại rằng, tiểu đội của Ông đang phục kích từ khuya đêm 12 rạng 13.4.56, vào khoảng 6 giờ sáng, Ông thấy một toán người từ một chiếc đò cập bến để bước lên bờ. Ông hô to:

- Ai đó! Đứng lại.

- Đứng bắn! Tôi là Ba Cụt đây! Tôi đầu hàng!

Sau này được báo chí hỏi, Thượng sĩ Giàu nhìn nhận là Ông có cảm giác rung sợ, nếu biết rõ trong toán người đó có Ba Cụt, không hiểu ông có phản ứng ra sao. Ông và Tiểu đội của Ông được thưởng 1 triệu đồng trong một buổi lễ ngày 22.5.1956. Vào thời điểm đó tôi đang thụ huấn tại TVBLQ Dalat, sau khi trừ tiền cơm, chúng tôi lãnh được lỏi hơn 1.200 đồng và 1 tô phở BẰNG chỉ có 5 đồng.

Bộ tư lệnh Chiến dịch liên giải Ba Cụt về Cần Thơ rồi chuyển phạm nhân sang bộ Tư Pháp và bộ Quốc Phòng. Kể từ lúc đó mọi quyết định về Ba Cụt đều thuộc hai bộ này còn Bộ tư lệnh Chiến Dịch của Thiếu tướng Minh chỉ yểm trợ tỉnh Cần Thơ trong việc bảo vệ an ninh khám đường mà thôi.

2. Các phiên tòa và bản án của tướng Lê Quang Vinh

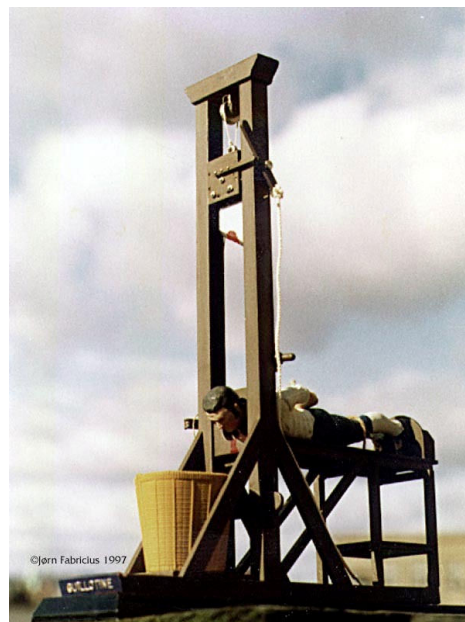
Ngày 11.6.1956: Tòa Sơ thẩm Đại hình họp tại Cần Thơ, với thành phần: Chánh án là ông Huỳnh Hiệp Thành, Đại diện Công tố viện là ông Biện lý Lâm Lễ Trinh, các Luật sư biện hộ bị can là ông Vương Quang Nhường, Lê Ngọc Chân. Tòa tuyên án tử hình theo đề nghị của ông Biện lý Lâm Lễ Trinh.

Bị can chống án:

- 25.6.1956: Toà Thượng thẩm Đại hình họp tại Cần Thơ với thành phần : Chánh án: Lê Văn Thu, Công tố viện: Lê Văn Tuấn, để phúc lại án Lê Quang Vinh và ngày 26.6.56, y án tử hình của toà Sơ Thẩm Đại hình Cần Thơ.
- 3.7.1956: Toà án Quân sự họp tại Cần Thơ để xét về khía cạnh an ninh quốc gia với thành phần Chánh án: Vũ Tiến Tuấn, Ủy viên Chánh phủ: Thiếu tướng Mai Hữu Xuân, và ngày hôm sau, 4.7.1956, tòa tuyên án Lê Quang Vinh: tử hình cộng thêm tước đoạt binh quyền và tịch thu tài sản.
- Tử tội Lê Quang Vinh tự Ba Cụt xin Tổng thống VNCH ân xá.
- Tổng thống Ngô Đình Diệm bác đơn ân xá.
- Luật sư Lê Ngọc Chân thay mặt Lê Quang Vinh xin Tổng thống kiêm Tổng tư lệnh tối cao Q.Đ.V.N.C.H cho tử tội được bị xử bắn theo quân luật thay vì bị hành quyết bằng máy chém.
- Tổng thống Ngô Đình Diệm cũng bác đơn xin này.
- Ngày 13.7.1956. Trung tá Lê Quang Vinh tự Ba Cụt, 32 tuổi, bị hành quyết tại nghĩa địa đường Hòa Bình, Cần Thơ bằng máy chém "guillotine" có từ thời Pháp thuộc, chở từ Sài Gòn xuống, đao thủ phủ là ông Đội Phước.



Tướng Lê Quang Vinh trước Toà Sơ thẩm đại hình Cần Thơ



Máy chém Guillotine từ thời Pháp thuộc

Vấn đề được đặt ra nơi đây:

Việc Luật sư Lê Ngọc Chấn, thay mặt tử tội Lê Quang Vinh, Trung tá Trừ bị quân đội Quốc gia Việt Nam (QGVN) kể từ ngày 14.1.54 dưới thời Thủ tướng Bửu Lộc, yết kiến Tổng thống để xin đặc ân cuối cùng là được xử bắn thay vì bị chém nhưng rồi Ba Cụt vẫn bị chặt đầu! Ai là người có thẩm quyền chuyên quyết theo hiến pháp?

Tôi muốn nói là **có ai đó cứ một mực muốn Ba Cụt phải bị chặt đầu nên mới không ban cho đặc ân bị xử bắn mà đáng lý ra Ba Cụt phải được hưởng, vì tử tội đã từng là một sĩ quan Trung tá trừ bị, và hơn thế nữa là Đại tá giả định?** Tôi xin nhường quyền phán xét lại quý vị.

Cũng cần nói thêm một chi tiết khác: Ngày 17 tháng 3.1965, tất cả 3 bản án của toà án Quân sự và của toà Đại hình bị hủy bỏ do phán quyết của Phòng Tái Thẩm toà Thượng Thẩm Sài Gòn.

- Sau khi hoàn tất vụ án Ba Cụt, **ông Biện lý Lâm Lễ Trinh**, trở về Sài Gòn đảm nhận chức Tham lý, ngang hàng Thứ trưởng, rồi chức Bộ trưởng bộ Nội Vụ (thăng thưởng công lao?) thay thế ông Nguyễn Hữu Châu, từ chức kể từ ngày 5.11.1956.

- Còn Tướng Dương Văn Minh tiếp tục phục vụ tại Miền Tây, chỉ huy chiến dịch Thoại Ngọc hầu (8.6.1956) rồi được kiêm nhiệm thêm Tổng thư ký thường trực Quốc Phòng, trực thuộc Tổng thống phủ, Tư lệnh phân Khu Saigon - Chợ Lớn sau này trở thành Biệt khu thủ đô (29.8.1956). Chiến dịch Thoại Ngọc Hầu chấm dứt ngày 30.10.1956.

3. Vấn đề thanh toán xác chết

Câu hỏi của quý đài có hai chữ "*bầm thây*" Hai chữ này, năm vừa qua, tôi cũng có nghe. Một người bạn của tôi thuật lại trong một dịp gặp gỡ với người từng là cựu Sĩ quan Tuỳ viên của Tổng Thống Ngô Đình Diệm cho đến hết ngày 1.11.1963, trong lúc vui miệng đã kể lại, một hôm, tháp tùng Tổng thống đi kinh lý, người này được Ông Tỉnh trưởng Cần Thơ cho biết là xác Ba Cụt đã bị bầm ra.

Tôi không tận tai nghe được các cuộc đàm thoại này. Nhưng tôi biết chắc chắn vị Tỉnh trưởng Cần Thơ trong thời gian các chiến dịch Nguyễn Huệ và Thoại Ngọc Hầu cũng không ai khác hơn là vị Sĩ quan cao cấp có tên trong câu trả lời số 4. Tiết lộ của ông với sĩ quan Tuỳ viên của Tổng thống chỉ là một hình thức báo cáo lệnh trên đã được thi hành, không phải là thừa gởi. Sau chiến dịch, vị Tỉnh trưởng này được chuyển làm Tỉnh trưởng Phước Tuy một thời gian khá lâu.

Trong sách của bà Trần Thị Hoa tự Phần, phu nhân của Tướng Lê Quang Vinh, hiện định cư ở Houston, có viết ..."*Khi đã chết rồi, thì thể Tướng Lê Quang Vinh còn bị hành hạ, chặt ra nhiều khúc cho tan nát, cho tuyệt diệt. Hành động này có làm cho phía chiến thắng được thêm hả hê thoả mãn trong niềm kiêu hãnh tự hào chút nào không? Đối với phương Đông, đây là một điều bất nhân vô đạo. Phương Đông có truyền thống đạo học, kẻ không theo Phật cũng biết Nho. Không ai nỡ đối xử tàn tệ với người đã chết như thế...*" (trang 229).

Với ý đồ gì mà người lãnh đạo tối cao lại bắt phải thi hành bản án theo đúng kiểu như vậy? Chúng ta hãy đọc trong "Hồi Ký Lê Quang Vinh" trang 228 để có thể tìm câu trả lời: "*chỉ có 90 ngày có lẽ còn ngắn hơn nếu kể từ ngày khởi đầu tổ tụng. Rõ ràng là một cố ý chánh trị, một thái độ vội vã, có tình đặt cho được mục tiêu thật mau lẹ, giống như một kẻ đã có ý định muốn bóp chết địch thủ ngay lập tức, để dứt khoát cho xong*".

Và chúng ta nghĩ sao về sự kiện **tử tội xin được xử bắn thay vì bị chém đứt đầu nhưng Tổng thống đã cương quyết từ chối**. Nếu Tổng Thống đúng là mẫu như ông Lâm Lễ Trinh ca ngợi trong Về Nguồn, trang 88 là "*Tổng Thống Ngô Đình Diệm là một tín đồ công giáo thuần thành, phân biệt tội phước...*" Vậy thì vì

lý do gì ông lại lạnh lùng quyết tâm không cho Ba Cụt được chết toàn thây? Tại sao ông lại muốn công chúng trước pháp trường tận mắt chứng kiến Ba Cụt bị chặt ra làm hai khúc? Rồi theo như hồi ký Tướng Lê Quang Vinh, thì tại sao người lãnh đạo tối cao lại không chỉ thị rõ rệt cho nhân viên thừa hành là phải chiếu theo luật pháp mà **giao ngay xác chết hai mảnh lại cho thân nhân** trước sự chứng kiến của ông Chánh án Huỳnh Hiệp Thành, của Công tố viện Biện lý Lâm Lễ Trinh cũng như của báo chí, của công chúng với biên bản của Thừa phát lại?

Nếu thật sự có việc phi tán xác chết Ba Cụt thì rõ ràng vì có **ai đó đã sợ rằng nơi chôn cất Tướng Lê Quang Vinh** ngày nào đó sẽ trở thành một địa điểm hành hương của tín đồ Hòa Hảo.



Biện lý Lâm Lễ Trinh (tại Mỹ)



Ông Ngô Đình Diệm hôn nhân Hồng y Agagianan (1959)

Vậy thì câu hỏi là:

- Ai là những người sợ nơi chôn cất Tướng Lê Quang Vinh tự Ba Cụt ngày nào đó sẽ trở thành một địa điểm hành hương?

- Và nếu thật sự Thiếu tướng Dương Văn Minh đã chỉ thị cho ông Nhung làm việc này thì ông có lợi gì trong đó? hay chỉ có hại mà thôi?

Ngoài ra nếu muốn phân tích xem cho rõ "có phải Thiếu tướng Dương Văn Minh đã chỉ thị cho ông Nhung băm thây Ba Cụt hay không" thì tôi xin được kể lại gút mắc của tôi về quyển sách Về Nguồn của ông Lâm Lễ Trinh. Bởi vì nếu chúng ta giải tòa được gút mắc này thì đó chính là phần lớn sự thật về việc thủ tiêu xác Ba Cụt.

Có phải Thiếu tướng Dương Văn Minh đã chỉ thị cho ông Nhung băm thây Ba Cụt hay không?

- Khoảng đầu tháng 4 năm 2007, Giao Chỉ phổ biến trên Take2Tango, bài viết "Tác giả Lâm Lễ Trinh tại San Jose Từ Về Nguồn đến Thức Tỉnh..."

Khi đọc xong bài viết này tôi liền gọi một điện thư đến tác giả để yêu cầu Ông giải thích cho thắc mắc của tôi về một đoạn trong tác phẩm của Ông. Đoạn ấy như sau:

..."Nhung đã chết một cách bí ẩn trong tù. Nguyên Đại tướng Khánh cho biết đã tìm thấy xác của Nhung treo cổ bằng giây thừng". (Nhung cũng là người được Dương Văn Minh giao phận sự thủ tiêu xác của Lê Quang Vinh tức Ba Cụt, lãnh tụ Hoà Hảo, sau án tử hình). (Về Nguồn trang 64).

- Ngày 19.4.2007 tôi vừa gửi điện thư đến ông Lâm Lễ Trinh vừa gửi bằng thư "Ưu tiên" của Bưu điện có số chứng nhận đã giao số 0305 1720 0000 5965 4441 (Delivery Confirmation) ngày 21.4.2007 đến tư gia của Ông ở Huntington Beach, CA 92646 lúc 11:08am.

- Đến 13.5.07, không nhận được hồi âm nên tôi công khai hóa điện thư của tôi trên take2tango.

Đại ý tôi đã viết cho ông Trinh như sau:

Một mặt tôi đưa ra những tài liệu nói rằng khi Lê Quang Vinh bị chém thì Công tố viên của toà Đại hình thuộc Bộ Tư Pháp VNCH có trách nhiệm thi hành bản án này. Và khi đó đại diện Bộ Tư Pháp là ông **Biện lý Lâm Lễ Trinh** có trách nhiệm phải chứng kiến và xác nhận tội phạm là đúng thực là Lê Quang Vinh, cũng như ông Trinh phải xác nhận tội phạm thực sự đã bị chặt đầu và đã chết. Theo luật pháp thì Bộ Tư Pháp và ông Biện lý Lâm Lễ Trinh còn phải có trách nhiệm và cũng như có đầy đủ thẩm quyền quyết định một trong 2 việc:

- Hoặc là giao xác chết của tội phạm (Tướng) Lê Quang Vinh lại cho thân nhân để mai táng,
- Hoặc là giữ xác chết hai mảnh, phần đầu và phần mình của (Tướng) Lê Quang Vinh rồi chôn cất tại nơi nào đó.

Mặt khác tôi đã nhắc lại lời ông LLTrinh viết: "Nhưng cũng là người được Dương Văn Minh giao phận sự thủ tiêu xác của Lê Quang Vinh tức Ba Cụt, lãnh tụ Hoà Hảo, sau án tử hình."

Và đã hỏi ông Trinh hai câu:

Câu thứ nhất: Ông là người có quyền quyết định về hậu sự của Lê Quang Vinh cho nên nếu Thiếu tướng Dương Văn Minh đã thủ tiêu xác chết thì chắc chắn ông biết rõ ai đã ra lệnh này cho Thiếu tướng Dương Văn Minh? Bộ Tư Pháp hay Bộ Quốc Phòng? Nên nhớ là lúc bấy giờ Thiếu tướng Dương Văn Minh chỉ là Tư lệnh chiến dịch Thoại Ngọc Hầu thì Thiếu tướng Dương Văn Minh có thẩm quyền gì trong việc hành quyết Tướng Lê Quang Vinh để mà có thể giao phận sự thủ tiêu xác chết cho Đại úy Nhung?

Và *câu hỏi thứ hai* là:

- Sự hiện diện của ông Biện lý Lâm Lễ Trinh và ông Chánh án Huỳnh Hiệp Thành tại pháp trường Cần Thơ đã được phu nhân Tướng Lê Quang Vinh tức Ba Cụt xác nhận nơi trang 231 và 233, quyển Hồi Ký Tướng Lê Quang Vinh.
- Ông **Lâm Lễ Trinh** chính là người có quyền quyết định về số phận xác chết Tướng Lê Quang Vinh cho nên ông phải biết rõ là làm sao Đại úy Nhung có được xác chết để thủ tiêu? Ông Nhung đã không chế ông để cướp đi xác chết hay là chính ông đã giao nó lại cho ông Nhung?
- Nếu là cướp xác thì tại sao ông lại im lặng trước một việc trọng đại như vậy mà không báo cáo lên cho cấp trên? Và im lặng luôn cho đến bây giờ?
- Còn nếu chính ông giao xác chết đó cho ông Nhung thì tại sao ông lại làm như vậy? Vì tuân theo lệnh của thượng cấp hay vì tự ý cá nhân?

Thưa quý vị thư của tôi đã đến tận tay Tiến sĩ Lâm Lễ Trinh nhưng Ông cứ bảo là *không đọc được* và yêu cầu gửi lại. Take2tango lại yêu cầu Ông vào website này để đọc, nhưng tôi vẫn *không thấy Ông trả lời*.

Không bỏ cuộc, tôi đã lái xe đi Houston cách nơi tôi cư ngụ lối 530 miles để tham dự buổi Hội thảo bán sách của Tiến sĩ Trinh tổ chức vào chiều ngày 27.5.07. Trong phần phát biểu ý kiến, tôi đã lập lại những câu hỏi như đã gửi ông hồi tháng Tư, nhưng người điều khiển chương trình đã cắt ngang khi tôi chưa đọc hết các câu hỏi của tôi. Tôi muốn nói rằng ông Lâm Lễ Trinh đã không muốn đọc và cũng không muốn nghe 2 câu hỏi trên của tôi. Tại sao lại như vậy?

Tôi xin nhường câu trả lời lại cho quý thánh giả.

Tôi tin rằng nếu ông Lâm Lễ Trinh chịu thành thật trả lời 2 câu hỏi trên của tôi thì vấn đề ai thủ tiêu và vì sao lại phải thủ tiêu xác Ba Cụt sẽ hoàn toàn được giải đáp. Tôi vẫn còn giữ đoạn video này.

Nhưng tôi nghĩ rằng có lẽ sau khi hành hình Ba Cụt, Ông Biện lý Việt Nam **Francis Lâm Lễ Trinh** cũng muốn học theo Pilate là sai người đem nước đến để Ông rửa tay.

Trịnh Bá Lộc, 28.06.2008

Nguyên sĩ quan Tùy viên của Đại tướng Dương Văn Minh.

[Source: Diễn đàn điện tử VN-Politics@yahoogroups.com Sat, Jun 28, 2008 at 8:11 PM - Nhân mạnh của GDOL]

)()(OOOO)()(

Những Khẳng Định Chết Người

Phạm Tường

Mấy lá thư của mấy thân hữu/dộc giả trong NgD số 162 phản ứng về bài sưu tập Nhân Vật Chí của tôi, phần đề cập tới ông **Ngô Đình Diệm**, thật là món quà đầu năm vô cùng quý giá.

Tôi xin chân thành tri ân tạp chí NgD cũng như quý vị biên thư. Vì thế là bài tôi viết có vinh hạnh được người ghé mắt tới. Chẳng những thế, lại có người mất công chỉ giáo để tôi biết sự sai trái của mình (thường ra ít ai mất công viết khen thưởng lắm, trừ phi để tăng bốc người cùng phe). Nhưng hơn tất cả là giúp tôi cơ hội đề cập tới những điều tôi không bao giờ có dịp, mà thực ra, theo sự suy nghĩ của tôi, là rất cần.

Đó là những điều thiên hạ thường khẳng định, mà nếu không đề cập đến thì rất là nguy hiểm. Người đương thời không để ý tới. Mà người các thế hệ sau cứ yên trí nó là như vậy.

Do đó, tôi xin nói về những việc mà tôi thấy cần lưu tâm trước.

Thú thực, ngay cả trước khi làm việc sưu tập, tôi đã rõ là tôi sẽ chẳng có khả năng thay đổi được sự suy nghĩ của những vị đã sẵn đứng về một phía nào đó. Vậy không đồng ý là chuyện tất nhiên. Đã thế thì chuyện khẳng định làm sao có thể phản bác được. Cho nên vị nào đã có những khẳng định tất sẽ tiếp tục khẳng định, tôi không giám đối thoại. Đây tôi chỉ xin nói chuyện cùng những thân hữu/dộc giả chưa khẳng định một điều gì cũng như những người trẻ sau này không có thiên kiến, thực tâm muốn tìm hiểu vấn đề. Đó là các vị sinh cỡ năm 40, nay cũng ngoài 60 tuổi. Nếu ở ngoài Bắc thì chỉ biết về chế độ cộng sản. Nếu ở trong Nam thì biết về chế độ "quốc gia" (Bảo Đại), hai chế độ cộng hòa. Còn những vị sinh năm 1970, nay đã hơn 30 tuổi, ở trong nước lại cũng chỉ biết về chế độ cộng sản; ở ngoại quốc thì sự biết về Việt Nam chắc chẳng được bao nhiêu. Do đó, cần xét về:

A. Vấn đề dẹp sứ quân

Tiền Ngô Vương (Ngô Quyền, 939-944) đánh đuổi được ngoại xâm, lên ngôi chính thống, truyền ngôi lại cho Ngô Xương Văn. Văn bị cậu ruột là Dương Tam Kha cướp ngôi, sau lấy lại được (sử gọi là Hậu Ngô Vương, 950-965), nhưng đất nước giặc giã (trong đó có Đinh Bộ Lĩnh), vua mang quân đi đánh và bị nỏ của

quân địch phục kích bắn chết. Con người anh khác mẹ (Thiên Sách Vương) là Ngô Xương Xí lên nối ngôi (965-967). Khắp nơi, ai nấy đều chiếm cứ huyện ấp, thôn tính lẫn nhau, dân gọi là sứ quân. Thành ra Ngô Xương Xí rồi cũng chỉ là một trong những sứ quân đó.

Thập nhị sứ quân là hiện tượng tất yếu xảy ra khi sự chính thống không còn, đúng hơn khi uy lực không đủ nữa. Và dĩ nhiên sứ quân nào cũng muốn dẹp các sứ quân khác để làm chúa tể.

Tôi thấy rằng khó mà biết ở vùng họ cai trị, thì dân chúng bị đàn áp đến mức nào, hẳn tùy theo lòng tốt hay ác độc của từng người. Nhưng chắc chắn là ở đâu thì cũng phải đóng góp lương thực, khí giới và lính tráng cho việc tranh giành quyền lực của sứ quân, mà không biết đến lúc nào mới chấm dứt. Và đó là điều mà dân chúng muốn qui về một mối. Ông Đinh Bộ Lĩnh đã làm được việc này, trở thành Vạn Thắng Vương, và thiết lập triều đại nhà Đinh chính thống.

Như thế, mang hai chữ sứ quân để gán cho những tổ chức chống lại ông Diệm khi ông mới về chấp chính thì một là **không hiểu biết gì về lịch sử hoặc là cố tình dùng cái hình ảnh hỗn loạn của lịch sử để gán ghép vào một sự việc hoàn toàn khác hẳn.**

"*Sứ quân*" nói ở đây là chỉ các lực lượng Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên ở miền Nam, Quốc Dân Đảng, Đại Việt ở miền trung, và có thể cả Công giáo Bùi Chu-Phát Diệm (của giám mục Lê Hữu Từ và linh mục Hoàng Quỳnh di cư vào xứ Bình An) và Bến Tre (của tây lai Jean Leroy).

Ngoại trừ Công giáo Bến Tre chỉ thành hình sau khi Pháp trở lại, tất cả các lực lượng kể trên đều hiện diện từ khi còn Pháp, còn Nhật. Họ có thể đi với Nhật. Nhưng họ thành lập để chống Pháp. Họ có khí giới, có quân đội.

Khi Pháp trở lại Nam Bộ, họ đã hào hùng đánh Pháp. Nhất là các tay anh chị Bình Xuyên, đã được hát hò ca tụng: "Bình Xuyên, Bình Xuyên oai hùng ngàn năm..."

Sau đó, bị cộng sản phản bội, tàn sát, họ quay sang quyết liệt chống cộng sản, một tuyệt đối địch thủ. Và cộng tác với Pháp, một tương đối địch thủ, để lấy trợ cấp (tiền bạc) và khí giới. Nhất là để có giang sơn tự trị: Pháp không léo hánh, cộng sản không giám bén mảng.

Tôi không biết các khu tự trị khác. Nhưng tôi biết khu tự trị Bùi Chu-Phát Diệm:

Năm 1941, linh mục Hoàng Quỳnh lập chiến khu ở Rịa (Ninh Bình). Tháng Tám 1945, Việt Nam Công Giáo Cứu Quốc cướp chính quyền phủ Kim Sơn (Phát Diệm, Ninh Bình). Ngày 6-1-1946, giám mục Lê Hữu Từ nhận làm cố vấn tôn giáo cho chính phủ (nguồn tin khả tín cho biết chính giám mục Từ đã xin với Hồ Chí Minh thả ông Diệm, khỏi bị cộng sản quản thúc), rồi tổ chức Tự Vệ Công Giáo Cứu Quốc. Tháng 9, 1947, lập Khu An Toàn Phát Diệm.

Nhờ vậy, nhà cửa ở Bùi Chu-Phát Diệm không căn nào bị cộng sản đốt phá, mà chúng nạy là tiêu thổ kháng chiến để san bằng bình địa như mọi nơi. Phát Diệm trở thành khu tản cư sầm uất nhất suốt thời gian chiến tranh. Cộng sản không giám léo hánh. Pháp không giám hoành hành. Dân chúng đóng góp nhẹ nhàng, sống trong an ninh, ổn cố. Khi cuộc xung đột Cộng Sản-Pháp bùng nổ, ông Nhu cũng chạy về Phát Diệm và được họ dẫn đường về Huế đoàn tụ với gia đình. Thế thì khu tự trị Bùi Chu-Phát Diệm có phải là sứ quân cần dẹp bỏ không?

Cao Đài, Hòa Hảo, Công Giáo Bến Tre tôi thấy dân địa phương nói cũng tương tự. Không có cộng sản, không có thực dân. Sống thoải mái, đêm không cần đóng cửa. Riêng tôi, từ 1952 đến 1954, có xe đồ chạy các đường Tây Ninh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Long Xuyên, Rạch Giá,... (hãng Travina, được các anh chị xe đồ Nghĩa Hiệp-Bình Xuyên rủ rê hợp tác chạy đường Bà Rịa-Vũng Tàu nhưng xin từ chối vì không muốn cưỡi ngựa chung với đức ông). Đường xá hoàn toàn yên ổn. Đồn bót do nghĩa quân các giáo phái canh gác. Chẳng có gì hạch sách, ngoài việc phải cung cấp mỗi ngày mấy tờ báo in tại Sài Gòn.

Riêng cánh ông Ba Cụt, đôi khi có tiếp xúc kể về tình trạng thiếu thốn và yêu cầu yểm trợ.

Thế thì Cao Đài, Hòa Hảo, Công Giáo Bến Tre có phải là sứ quân cần dẹp bỏ hay không?

Bình Xuyên thì khi về hợp tác với chính phủ Bảo Đại (1-8-48) có làm những chuyện thâu sông bạc, mở xóm bình kháng, và khi làm công an xung phong (7-10-54) có vẽ không được dân chúng tán thành (1). Nhưng sông bạc là do ông... thầy tu Thierry d' Argentlieu, cao ủy Pháp ký giấy cho mở, ngay từ đầu cho người Tàu thâu, để lấy thuế chi tiêu cho cơ quan nhà nước. Mỗi ngày 400,000\$. Người Tàu nộp cho Cộng Sản mỗi ngày 500,000\$, thêm tiếp tay cho chúng hoành hành tại Sài Gòn-Chợ Lớn như chỗ không người. Pháp hoàn toàn chịu thua. Nay 1951 Bình Xuyên thâu. Mỗi ngày nộp cho chính phủ 500,000. Cắt đứt 500,000 của cộng sản. Lại tận diệt, cộng sản không còn hó hê tại Chợ Lớn. Tôi không hoan nghênh, ủng hộ gì chuyện đi điểm cờ bạc. Nhưng tửu, sắc, yên, đồ là những điều đi kèm với con người, có thể kể ngay từ khi có con người ở trên trái đất này. Chỉ có thể dùng để nó trở thành xa đọa, kiểm soát được nó, chứ đòi tiêu diệt nó là suy nghĩ của những kẻ mê ngủ. Vậy Bình Xuyên có là sứ quân, tội trạng nặng nề chăng?

Quốc Dân Đảng, Đại Việt lập chiến khu ở miền Trung sau khi di cư thì cũng chỉ là tiếp tục công việc họ vốn làm xưa nay để chống cộng, chống Pháp. Vậy Quốc Dân Đảng và Đại Việt có là sứ quân không?

Đình Bộ Lĩnh ở cái thế một sứ quân, để tận dẹp các sứ quân khác. Ông Diệm ở cái thế gì, ngoài cái thế của Mỹ? **Ông đã từng làm gì cho quốc gia dân tộc, để dẹp các tổ chức đã đóng góp xương máu công lao trong công việc diệt cộng, đuổi Pháp, mang lại cuộc sống an bình cho dân, giành lại đất nước?** Nếu họ có đòi hỏi được tham gia chính quyền, đóng góp trong việc quản trị quốc gia, thì có hợp lý không? Họ đều ủng hộ chính thể Bảo Đại (kể cả phái của giám mục Lê Hữu Từ). Họ đều được ông Bảo Đại chấp nhận. Và họ có hiểu thực trạng cộng sản, tình hình đất nước, tâm tư quần chúng hơn ông Diệm không?

Nhờ các phe phái bảo vệ đất đai, dân chúng, nhờ ông Bảo Đại đấu tranh chính trị mới có chính quyền "quốc gia" (sau còn lại Miền Nam). Không có họ, hẳn Pháp đã phải giao toàn đất nước cho cộng sản. Dẹp họ, **truat phé ông Bảo Đại thì là trung thành hay phản loạn, có công hay có tội?**

Dẹp họ, rồi ra lấy ai chống cộng? Trước kia cộng sản đẩy họ về phía Pháp, thì nay ông Diệm du họ vào cái thế khó lòng thoát khỏi bị cộng sản lợi dụng. Và như thế có phải ông Diệm đã tái diễn lại cái cảnh, nhưng ngược chiều. Cộng sản chúng có đường lối phải diệt tất cả cái gì không theo chúng, không thể nào khác được. Nhưng phía chống cộng mà giữ độc quyền, thì có phải là chính trị, quân sự khôn ngoan hay không? Cho nên, khi làm cái việc "dẹp sứ quân" là đã bắt đầu cái việc dâng Miền Nam cho cộng sản, dù là thiêu khôn ngoan hay vô tình đi nữa. Vì quốc tế Nga nhất định nhuộm đỏ toàn thế giới, trong khi đế quốc Mỹ chỉ lo ngăn chặn mà thôi. Nếu sau này không nhờ Gorbachev bỏ cái việc xích hóa toàn cầu, thì không biết thanh niên Việt Nam còn phải đi đến đâu để làm "nghĩa vụ quốc tế" và đến chừng nào mới là chấm dứt. Làm chính trị mà thiển cận thì hệ quả thật vô lường.

Nói thế thôi, theo tôi **ông Diệm chỉ có thể quan niệm nổi việc địa vị quyền bính của ông, hơn là lo đến quốc gia dân tộc**. Cho nên khi ông Nhu đề nghị bắt tay với cộng sản, chắc là với hi vọng viên vông giữ được quyền bính, địa vị, dĩ nhiên là ông ta nghe liền.

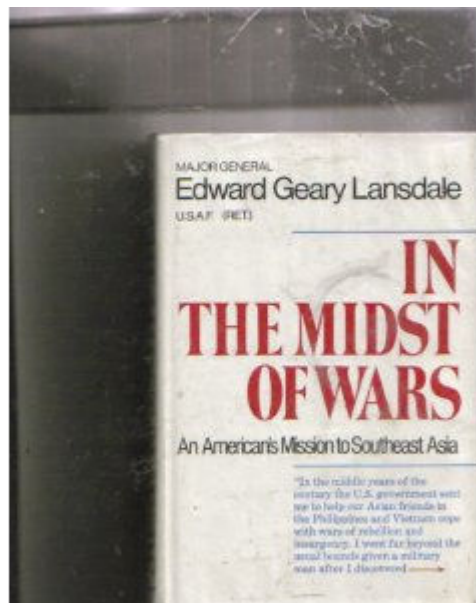
Tôi nghĩ di chúc của ông Nguyễn Tường Tam chính là để chỉ ngay việc làm của Ông Diệm từ lúc "dẹp sứ quân" này chứ không phải chỉ riêng những việc về sau.

Còn Edward Geary Landsdale, sau này lên hàng tướng lãnh và về hưu, viết cuốn In the Midst of War, năm 1972, ông LT dịch sang Việt ngữ là "Tôi làm quân sư cho tổng thống Ngô Đình Diệm" và nhà xuất bản Văn Học cũng xuất bản ngay năm đó, thì có một kết luận:

"Cộng sản chủ động ở khắp nơi, chiêu mộ những người hoạt động chống đối lại chính phủ - một chính phủ đứng vững nhờ Đảng Cần Lao hơn là nhờ sự ủng hộ của nhân dân. Con gió lốc nhân quả sau cùng đã đến

vào tháng 11, 1963, khi phe đối lập bùng lên dữ dội, bắt giam những đảng viên Cần Lao, hạ sát ông Nhu, ông Diệm và một số khác.

Thật đau đớn cho kẻ đã theo dõi giai đoạn lịch sử thê thảm này" (sdd trang 240).



Ông tướng này thật không đủ trí thông minh hay sự lương thiện để mà nhìn ra hay nhận rằng chính phủ ông Diệm chẳng đứng vững nhờ Đảng Cần Lao cũng chẳng có phe đối lập nào bùng lên dữ dội. "Nhân" nào dẫn đến "quả" đó? Đó chỉ là hệ quả tất yếu của sự ông ta cố vắn cho ông Diệm "dẹp sứ quân" khiến ông Diệm còn một mình một chợ, **có ảo tưởng mình là nhất thống sơn hà và hành sử như kẻ nhất thống sơn hà nên đi đến cái chết**. Kẻ giết ông Diệm nếu không là ông Landsdale thì cũng chính là con ăn đây tở của ông ta, chứ làm gì tới "đối lập".

Và lại, cái chết của ông Diệm chẳng là sự đáng ngạc nhiên. Ngày 29-4-1955, ông Bảo Đại tiếp lãnh sự Mỹ Gobson ở Nice đã xác định rằng ông Diệm đang trở thành một *psychopath* (kẻ bệnh tâm thần), sớm muộn sẽ bị giết chết.

...

[Nguồn: <http://nguoidan.com/nd164/khang.htm>]

00)(00

Ngô Đình Diệm và Dollar Mỹ

Posted: Tháng Hai 2, 2010 by **Virtual Archivist**

in [Biên khảo](#), [Chứng từ](#), [Nghiên cứu](#), [Sử liệu](#), [Tài liệu](#)



Những người Việt có cảm tình với chế độ Ngô Đình Diệm thường thích nhắc đi nhắc lại rằng

[“...nhân viên CIA Lou Conein đã chi cho các tướng lãnh chi 3 triệu đồng Việt Nam khi lật đổ chế độ và giết hai anh em Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu! Rất nhiều sách về chính biến 1/11/1963 có đăng lại biên lai nhân tiền của các tướng.”](#)

Điều mà họ ít khi hoặc không bao giờ muốn nhắc đến là việc chính người Mỹ cũng đã từng cấp tiền cho những kẻ có thể lực tại Miền Nam để củng cố vị thế của ông Diệm trong giai đoạn phôi thai của chế độ do ông lãnh đạo. [Và anh em Diệm Nhu không phải không biết và tán đồng điều này]

Trong bài phê bình cuốn *“In the Midst of War”* do tướng E. Lansdale viết, David Chandler cho chúng ta biết một điều lý thú như sau khi Chandler ám chỉ Lansdale đã thiếu thành thật: [“In ‘The Two Vietnams’, Bernard Fall quotes Lansdale as saying that over 8 millions dollars went to the sect leaders in ‘back pay’ to purchase their loyalty to Diem; in ‘In the Midst of War’, no money changes hands.”](#) [Trong tác phẩm *“The Two Vietnams”*, Bernard Fall trích lại lời của Lansdale nói rằng hơn 8 triệu Mỹ kim đã được dấu diếm trao lại cho các lãnh đạo giáo phái để mua chuộc lòng trung thành với Diệm của họ; [nhưng] trong tác phẩm *“In the Midst of War”* [của Lansdale], thì Lansdale lại không đề cập gì đến vụ trao tiền này cả]

[Nguyễn Kỳ Phong](#) cũng có nói đến việc này. Xem Nguyễn Kỳ Phong, *“Vũng Lầy của Bạch Ốc”*, Tiếng Quê Hương, 2006, trang 120 và túc chú 115 ở trang 120-121: [“Theo ước lượng, SMM \[nhóm tình báo của Lansdale\] bỏ ra 12 triệu dollars mua chuộc đối lập, trong đó có 3 triệu 6 cho tướng Nguyễn Thành Phương và 3 triệu cho Trần Văn Soái...Năm 1979, Lansdale gửi thư cho Viện Quân Sử Hoa Kỳ chối về chuyện mua chuộc quân đội đối lập. Tuy nhiên nhiều sử liệu sau này cho thấy Lansdale không nói thật hết những gì đã xảy ra.”](#)

Câu hỏi cần đặt ra: Liệu chế độ Ngô Đình Diệm có thể vượt qua giai đoạn phôi thai đầy nguy hiểm của nó hay không, nếu không có người Mỹ chi tiền mua lòng trung thành của những thành phần có thể lực tại miền Nam lúc đó? [Source: <http://virtualarchivist.wordpress.com/2010/02/02/ngo-dinh-di-e1%bb%87m-va-dollar-m-e1%bb%b9/>]

ooo XXXX ooo

Nhân vật [Việt Nam] nào đã từng nhận tiền của CIA ?

Ngô Đình Nhu và Đặng Văn Quang

TIME / Bobby Ghosh

Những nguồn tin cho rằng em trai của Tổng thống Hamid Karzai tại Afghanistan đã từng làm việc cho CIA (*Central Intelligence Agency*: Cục Trung ương Tình báo Mỹ) nhắc chúng ta nhớ đến một danh sách dài những “tài sản quý” (assets) lỗi lạc và không lỗi lạc của CIA trên thế giới.

Trong số đó có sáu người đặc biệt:

- 1- **John Roselli**: Một trùm Mafia được CIA “thuê” vào đầu thập niên 1960’ để ám sát Fidel Castro. Năm 1976, đến phiên ông ta bị ám sát, xác dẫu trong một thùng dầu trôi ngoài bờ tỉnh Miami.
- 2- **Thubten Jigme Norbu**: Anh trưởng của Đức Dalai Latma, nhận tài trợ của CIA để trang bị vũ khí cho du kích quân Tây Tạng chống lại quân chiếm đóng Trung Quốc.
- 3- **Vua Hussein** của nước **Jordan**: CIA thừa kế việc trả tiền cho vị vua này vào năm 1957 từ các đồng nghiệp Anh. Mỗi năm, vua Hussein nhận một triệu Mỹ kim cho đến năm 1977 thì bị Tổng thống Mỹ Carter chấm dứt.
- 4- **Manuel Noriega**: Liên hệ từ thập niên 50’ và bắt đầu nhận tiền từ thập niên 70’, vị tướng độc tài Panama này cho phép Mỹ dùng nước mình làm xuất phát điểm giúp phiến quân Nicaragua chống lại chính phủ tả khuynh Sandinista. Để trả ơn, CIA làm ngơ cho ông Noriega duy trì một “chế độ ăn cắp thuốc phiện” (narco-kleptocracy). Nhưng sau đó, vì mâu thuẫn, Mỹ xâm chiếm Panama vào năm 1989 và bắt ông Noriega đem về cầm tù ở Miami.
- 5- **Ngô Đình Nhu**: Em ruột và Cố vấn của Ngô Đình Diệm (xem chi tiết ở dưới)
- 6- **Tướng Đặng Văn Quang**: Cố vấn Quân sự của Nguyễn Văn Thiệu (xem chi tiết ở dưới)

HOME U.S. POLITICS WORLD BUSINESS TECHLAND HEALTH SCIENCE ARTS TRAVEL PHOTOS VIDEO SPECIALS MAGAZINE NEWSFEED

TIME IN PARTNERSHIP WITH **ON** **Specials**

SEARCH TIME.COM

Subscribe to Time » Give a Gift »

ADD TIME NEWS MOBILE APPS NEWSLETTERS

Special Reports • Best Websites • Worst Cars • Time 100 • Time 100 Roundtable • Design 100 • Best Inventions
Best TV Shows • Top 10 • All-TIME 100

THE PACIFIC NOW AVAILABLE ON DVD AND BLU-RAY™ BUY NOW

Who's Who on the CIA Payroll

Allegations that Afghan President Hamid Karzai's brother worked for the CIA are a reminder of a long list of distinguished and not-so-distinguished assets

Full List

CIA RECRUITS

1. A Brief History of CIA Assets
2. John Roselli
3. Ngo Dinh Nhu
4. General Dan Van Quang
5. Thubten Jigme Norbu
6. King Hussein of Jordan
7. Manuel Noriega

Latest Lists More Lists »

Lists by Topic **Lists: United States**

[<http://www.time.com/time/specials/packages/completelist/0,29569,1933053,00.html>]

TIME IN PARTNERSHIP WITH **ON** **Specials**

SEARCH TIME.COM

Special Reports • Best Websites • Worst Cars • Time 100 • Time 100 Roundtable • D Best TV Shows • Top 10 • All-TIME 100

Who's Who on the CIA Payroll

Allegations that Afghan President Hamid Karzai's brother worked for the CIA are a long list of distinguished and not-so-distinguished assets

Story All Best and Worst Lists

Ngo Dinh Nhu
By BOBBY GHOSH / WASHINGTON Wednesday, Oct. 28, 2009 3 of 7 | View All

WE CAN Get the **FIELD** TO EVOLVING

Like Ahmed Wali Karzai, Nhu was the much reviled brother of an unpopular President, Diem. (He had two other brothers: one was an Archbishop, and the other ruled the central provinces of South Vietnam.) The CIA is alleged to have helped Nhu set up the Vietnamese special forces, which were dedicated mainly to preserving the brothers' rule. Known by their acronym ARVN, these forces built a reputation for torture, repression (especially against the country's Buddhists) and corruption. In time, the U.S. came to regard Nhu as a liability to American interests in South Vietnam and cut off aid to the ARVN. Nhu and Diem were assassinated in the 1963 coup that had the tacit support of the U.S.

LARRY BURROWS / TIME LIFE / GETTY

PRINT EMAIL ALL MORE dream machine

Ngô Đình Nhu – do Bobby Ghosh/Washington biên tập
Thứ Tư, 28 tháng 10 năm 2009.

Cũng như ông Ahmed Wali Karzai [ở Afghanistan], Nhu là người em bị nguyên rủa khá nhiều của một vị tổng thống mất lòng dân, ông Diệm. (Nhu có thêm hai người anh em nữa: một làm Tổng Giám mục, và một cai quản những tỉnh miền Trung của Nam Việt Nam). CIA bị cho là đã giúp Nhu thành lập Lực lượng Đặc biệt của Việt Nam, chủ yếu dùng để duy trì nền cai trị của các anh em [nhà Ngô]. Được biết với tên tắt ARVN [/SF], những lực lượng này nổi tiếng về tra tấn, đàn áp (đặc biệt chống lại Phật giáo đồ trong nước) và tham nhũng. Theo thời gian, nước Mỹ thấy Nhu là một món nợ cho quyền lợi của Mỹ tại Nam Việt Nam nên đã cắt nguồn viện trợ. Nhu và Diệm bị ám sát vào năm 1963 với sự hỗ trợ ngầm của chính phủ Mỹ.

[http://www.time.com/time/specials/packages/article/0,28804,1933053_1933052_1933044,00.html]

HOME U.S. POLITICS WORLD BUSINESS TECHLAND HEALTH SCIENCE ARTS TRAVEL

TIME ON
Specials
Special Reports • Best Websites • Worst Cars • Time 100 • Time 100 Roundtable • D
Best TV Shows • Top 10 • All-Time 100

100th electric

Who's Who on the CIA Payroll

Allegations that Afghan President Hamid Karzai's brother worked for the CIA are a long list of distinguished and not-so-distinguished assets

Story All Best and Worst Lists

General Dan Van Quang

By BOBBY GHOSH / WASHINGTON Wednesday, Oct. 28, 2009 4 of 7 | View All



There are parallels with **Ahmed Wali Karzai** here too. Quang, special military adviser to President Nguyen Van Thieu, was widely believed to have been a heroin trafficker. This led to considerable friction between the CIA, which valued Quang as an asset, and the U.S. military, which saw him as a crook. Quang moved to the U.S. after the fall of Saigon; after a trip to Canada in 1975, he was barred from returning to the U.S. until 1989, when the State Department cleared him of all drug charges.

See the top 10 Secret Service code names.

LARRY BURROWS / TIME LIFE / GETTY

Đặng Văn Quang – do Bobby Ghosh/Washington biên tập
Thứ Tư, 28 tháng 10 năm 2009.

Ở đây cũng có những điểm tương đồng với Ahmed Wali Karzai [của Afghanistan], tướng Quang, Cố vấn Quân sự đặc biệt cho Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, được rất nhiều giới cho rằng là một người buôn thuốc phiện lậu.

Điều này đã tạo ra xích mích giữa một bên là CIA vốn đánh giá tướng Quang như một món hàng quý, và một bên là giới chức quân sự Mỹ, vốn xem ông ta như một kẻ lừa đảo. Tướng Quang đi Mỹ sau khi Sài Gòn sụp đổ; sau một chuyến đi Canada vào năm 1975, ông ta bị cấm trở lại Mỹ cho đến năm 1989, Bộ Ngoại giao Mỹ giữ sạch cho ông hết tất cả những cáo buộc về thuốc phiện.

http://www.time.com/time/specials/packages/article/0,28804,1933053_1933052_1933045,00.html

000)000(000

Đại học Huế tranh đấu chống Chế độ cũ

Qua hai giờ nói chuyện với Giáo sư **Lê Tuyên**
Tập chí *BÁCH KHOA* (số 171 & 172 ngày 15/2 & 1/3/1964)

Nguyễn Ngu Í

L.T.S. Ông Lê Tuyên là một trong những người đầu tiên đã từ ngoại quốc về để cùng linh mục Cao Văn Luận xây dựng viện Đại học Huế. Ông phụ trách môn Việt văn, đồng thời cũng là tác giả quyển “*Chinh phụ ngâm, tâm thức lãng mạn của kẻ lưu đầy*”, một tập thơ và có chân trong nhóm Bút Việt.

Ông là một trong những vị giáo sư hưởng ứng phong trào giáo sư và sinh viên Đại học chống chế độ cũ (Ngô Đình Diệm). Cuộc đàm thoại sau đây giữa bạn Nguyễn Ngu Í (của báo Bách Khoa) và ông Lê Tuyên, như dịp ông vô Sài Gòn để họp Hội đồng Nhân sĩ, sẽ trình bày cùng bạn đọc những nét chính của cuộc tranh đấu nói trên.

Lần đầu gặp anh ở nhà một người bạn chúng tôi không ngờ người vui vẻ bắt tay mình là người mình muốn gặp. Tôi chờ đợi một thân thể gầy gò, hay một gương mặt xanh xao, hoặc đôi mắt lơ đãng, mệt mỏi: hơn hai tháng trường nằm trong bàn tay sắt của công an mật vụ Ngô Đình Diệm, một trong những người đã từng hướng dẫn phong trào giáo sư Đại học và sinh viên, học sinh Huế chống lại chế độ cũ đang hồi hăng máu, mà vẫn giữ được cái vẻ thư sinh với sắc diện hồng hào, ánh mắt vui cười sau gương trắng, thì quả là một điều ngạc nhiên thích thú. Mặc dầu hai tháng đã trôi qua . . .



TT Diệm, LM Luận tại Đại học Huế

Như đoán được ý nghĩ tôi, anh mở lời trước:

- Tôi bị mất tự do bảy mươi ba ngày, nhưng không bị tra tấn, nên nay mới được như thế này.
- Nhưng mà tinh thần anh, họ nào có dễ yên đâu!

Anh cười lặng lẽ. Tôi tiếp:

- Lắm khi thể xác mình bị xác xơ, nhưng rồi sức khỏe hồi phục dễ dàng; còn như tinh thần bị dày vò, nhiều lúc bên ngoài có vẻ như chẳng sao đâu, mà bên trong mình vẫn chưa được bình thường. “Chắc anh hiện ở trong tình trạng đó.”

Anh xác nhận bằng một cái gật đầu nhẹ.

- Tôi thấy con người tôi chưa được bình thường như trước, tuy tôi được về với gia đình, với xã hội đã trên hai tháng.

- Cũng trên hai tháng nay, anh em chúng tôi muốn tiếp xúc thân mật với anh, để nhờ anh mà hiểu đầu đuôi phong trào giáo sư, sinh viên Đại học Huế chống đối với chánh phủ trước. Vì nếu sinh viên và học sinh Sài Gòn tiếp tục và kết thúc phong trào chống lại bạo quyền, thì cái danh dự giương cao lá cờ chống đối, vốn là phần sinh viên và học sinh Huế, trong đó có thể nói các anh em giáo sư Đại học là linh hồn. Cách tổ chức, những kinh nghiệm cùng các biến cố từ ngày phong trào nhen nhúm đến khi bị đàn áp, rã tan ... chúng tôi nghĩ rằng người Việt nào cũng muốn biết. Vẫn biết anh là người trong cuộc, nói ra làm sao tránh khỏi cái “tôi”, điều người trí thức nào cũng kị. Nhưng nếu người trong cuộc mãi giữ im lặng, thì dư luận ắt là phải nghe tiếng nói của người ngoài cuộc, thế nào cũng thiếu sót, nếu chẳng phải sai lầm.

Thấy anh ra chiều nghĩ ngợi, tôi lại tiếp:

- Hẳn anh cũng thấy, chúng ta đang ở trong một thời kì chưa ổn định. Bây giờ chúng ta ngồi đây, thông thả chuyện trò; ai biết ngày mai sẽ dành cho chúng ta những cái bất ngờ gì. Vả lại, chúng ta từng khó chịu – và lắm khi tủi hổ – phải tìm hiểu những gì xảy ra ở nước mình, hay cách mình mấy bước, qua đài phát thanh, qua báo chí, qua bản tin nước ngoài! Chẳng lẽ anh lại nỡ để chúng tôi phải chờ người ngoại quốc cho biết sự thật về vụ này, khi nào họ muốn!

Tới đây, anh vòng tay ôm lấy hai đầu gối, chậm rãi nói:

- Các anh hiểu cho. Sở dĩ tôi lần lữa, là vì tôi đã hành động với một số anh em. Cần hội ý với nhau trước để xét xem có nên hay không. Nếu anh em thấy lúc này có thể nói, thì tôi có tiếc gì với Bách Khoa.

Thế là đành phải chờ anh vào hộp (1) khóa sau vậy.

Lần này, thì anh “được phép” nói. Và chính tôi lại lúng túng, không biết nên hỏi về giáo sư trước hay về sinh viên trước! Anh thì sẵn sàng “chịu đựng”. May sao một câu hỏi ôn thỏa vụt đến:

- Chẳng hay cuộc tranh đấu của giáo sư và của sinh viên xảy ra đồng thời hay nó ... so le?
- Đồng thời, và bên trong, có cả một chương trình hành động.
- Hai bên chắc có một sự lãnh đạo chung?
- Lãnh đạo chung thì không có, nhưng hai bên thường liên lạc với nhau để biết phải làm gì và để hành động ăn khớp với nhau.
- Phong trào nổi dậy như cuộc đàn áp tín đồ Phật giáo trong ngày Phật Đản (2), song âm ỉ từ lâu ?
- Âm ỉ thì chẳng riêng gì viện Đại học Huế. Anh nhớ lại không khí trong nước lúc bấy giờ, đâu cũng ngột thở. Cốc nước đã đầy, vụ đàn áp trắng trợn và vô nhon đạo trên kia là giọt nước cuối cùng làm cho nước phải tràn ra. Chúng tôi ở ngay tại chỗ, thấy tận mắt, nghe tận tai, nên công phần trước. Tôi có thể nói rằng, ngày lịch sử ấy tại Huế, quần chúng thế nào, thì sinh viên, giáo sư thế ấy!
- Nghĩa là máu nóng sôi lên, và không còn sợ gì nữa?

Anh mỉm cười rồi nói:

- Tôi xin kể lại đầu đuôi. Chiều ngày 7 tháng 5 - tức 14 tháng 4 ta – tôi đang dùng cơm với cha Luận, thì nghe tin Chánh phủ ra lệnh cấm treo cờ Phật trong dịp Phật đản. Tôi rất đỗi ngạc nhiên, linh tính báo có điều gì khác thường; cha Luận cũng sững sốt. Đến 9 giờ tối, thì lại được tin ông tỉnh trưởng Thừa Thiên nhượng bộ và mai – ngày Phật đản – chùa chiền, nhà cửa của Phật giáo đồ được treo cờ. Ai nấy tưởng thế là yên. Nào ngờ sáng hôm sau, sự thật lại khác. Thế là dân chúng tự động biểu tình, rồi cuộc biểu tình biến thành mết tình. Những gì đã xảy ra trong ngày Phật đản, hẳn các anh đã rõ, báo chí đã thuật lại, nhất là thiên hồi ký của thượng tọa Thích Trí Quang. Tôi chỉ kể đôi chi tiết nhỏ anh nghe. Đêm rằm ấy, 9 giờ quân đội xịt nước rồi bắn vào đám đông đang tụ tập trước đài phát thanh. Ông tỉnh trưởng đã đích thân ra (vì lúc bấy giờ, ông và thượng tọa Thích Trí Quang đang ở trong đài) yêu cầu ngưng xịt nước và ngưng bắn, bộ đội chẳng thêm đếm xỉa ...

- Như thế là đã có lệnh trên rồi. Nhưng ai ra lệnh ấy ? Ông Cần, ông Thục ? Hay ông Nhu, ông Diệm ?
 - Đến giờ, tôi cũng chưa biết rõ. Đạn bắn qua trường Đại học, đối diện với đài phát thanh, làm bể mấy tấm cửa gương, hiện nay vẫn còn để làm chứng. Sáng lại, xe đạp và guốc, giép vút bỏ ở trước đài phát thanh nhiều đến nỗi Chánh quyền phải cho mấy xe cam nhông đến để thu dọn.
 - Sáng hôm sau, anh có đến thăm ông Luận ?
 - Có. Lúc 7 giờ. Bàn về vụ rắc rối đêm qua, cha cho là do Việt cộng liệng plastic gây nên. Nhưng đến trưa, thì theo tin riêng của phái bộ quân sự Hoa Kỳ cho biết, họ đã lượm được những quai lựu đạn, đã đục tường đài phát thanh để lấy đạn bắn ghim vào đó, những thứ ấy là loại vũ khí do Hoa Kỳ viện trợ. Bởi vậy họ điện về tòa đại sứ ở Sài Gòn xác nhận rằng chính những quân nhân được điều động để đàn áp cuộc biểu tình đến đó đã gây ra cuộc đổ máu, chứ chẳng phải Cộng sản. Họ lại nhấn mạnh thứ lựu đạn đưa ra sử dụng là lựu đạn tự vệ, chứ không phải lựu đạn tấn công.
 - Có gì khác nhau giữa hai thứ lựu đạn ấy ?
 - Lựu đạn tự vệ mạnh hơn lựu đạn tấn công.
- Im lặng một hồi tôi mới hỏi tiếp:
- Thái độ đầu tiên của các anh chắc là dè dặt.
 - Phải nói là rất dè dặt. Vì thấy Chánh quyền chưa tỏ gì gọi là nhượng bộ. Khiến đại úy Minh báo cáo về văn phòng ông cố vấn Chánh trị, đại khái: “*Tại trí thức Huế không có phản ứng gì cả*”.
 - Nhưng lúc đó, các anh nghĩ sao ?

- Chúng tôi bàn riêng với nhau: lần này, Chánh quyền không giải quyết ổn thỏa thì Chánh phủ chết đến nơi. Đòi đi vài người có trách nhiệm trong vụ này; trừng trị nặng vài người gây cuộc đổ máu. Đừng để kéo dài. Dân chúng sẽ phản ứng mạnh, thì tức nước vỡ bờ. Đa số đồng bào dù không phải là Phật tử, nhưng không bằng lòng Chánh phủ từ lâu, nay gặp dịp, tất nhiên họ sẽ đứng vào một mặt trận với các Phật tử để tranh đấu

...

- Tôi nhớ dường như lúc gay cấn nhất, ông Cao Văn Luận đi Mỹ thì phải..



LM Cao văn Luận (thứ 2, từ phải)

Anh gật đầu:

- Cha từ già Huế đứng vào hôm có cuộc biểu tình vĩ đại của Phật giáo. Có trên bảy vạn người. Đó là ngày thứ sáu, 10 tháng 5.

- Thế thì ai trông nom viện Đại học khi ông viện trưởng vắng mặt ?

- Anh Lê Văn xử lý thường vụ, nhưng lúc cha Luận đi, anh Văn đang bận việc ở Sài Gòn, nên cha nhờ anh Lê Văn Diệm, khoa trưởng Văn khoa, coi giùm công việc trường. Cha Viện trưởng đi hôm trước thì hôm sau chúng tôi được giấy mời đến chùa Từ Đàm vào lúc 6 giờ chiều hôm ấy để nghe trình bày đơn phượng về vụ đáng tiếc vừa xảy ra. Giấy mời từng người nên chúng tôi dễ định đoạt. Ai muốn đi thì đi, ai không muốn đi thì tùy.

- Thế thì như thế giới, giới giáo sư các anh cũng chia làm hai phe !

- Phe đã “dấn thân” (engagé) thì mượn công xa, xe của Viện, mà đi, để tỏ rằng việc mình làm tỏ rõ như ban ngày; còn phe ngần ngại thì ở nhà hay đi cửa Thuận nghỉ mát !

- Phe này có nhiều không anh ?

- Độ mười người.

- Buổi trình bày đơn phượng ở chùa Từ Đàm ngày 11 tháng 5 ấy, có dân chúng không ?

- Không. Chỉ có giáo sư, học sinh và sinh viên.

- Chắc là Thượng tọa Thích Trí Quang đứng lên trình bày.

- Phải. Ông giải thích năm nguyện vọng, và cho rằng Phật giáo đòi hỏi như thế chẳng có gì là quá đáng. Cử tọa đồng ý cho rằng đòi hỏi như vậy là điều chánh đáng.

- Chắc là sau đó, tên các anh em đi dự bị ghi vào sổ đen.

- Chẳng những thế, mà sau đó ông Cần cho gọi một anh, trách: lên đó làm chi để Phật giáo họ lợi dụng sự có mặt của các giáo sư Đại học mà tuyên truyền. Anh bạn nọ trả lời trôi chảy: bởi có giấy mời chứ nào tự động; vả lại, chính quyền cũng chẳng cấm người đến nghe. Nhưng tình hình mỗi ngày mỗi nghiêm trọng. Chính phủ chưa có dấu gì là nhượng bộ, mà có vẻ “hoãn binh”.

Anh ngưng nói, nhớ một điều gì:

- Tôi muốn nói với anh: trước kia, anh em giáo sư Đại học Huế đã chặn đứng tại ngưỡng cửa Đại học những gì của vợ chồng Nhu. Bất cứ tổ chức gì định lợi dụng giáo sư, sinh viên, là chúng tôi tìm mọi cách “mời” nó ra xa. Như tổ chức “*Thanh niên Cộng hòa*” là một, tổ chức “*Phụ nữ bán quân sự*” là hai, và “*Tổng hội giáo giới*” là ba.

- Nhưng còn trại Giáo dục ở Suối Lò Ô vào khoảng tháng sáu ?

- Lúc đầu, chúng tôi định phản đối trại ấy một cách thụ động: Không tham dự. Nhưng vài anh em ngại không đi tức là ra mặt chống đối rồi, thì càng bị để ý, chỉ bằng một số ở nhà một số đi. Như thế, Chánh quyền chẳng bắt bẻ vào đâu được. Đi để nghe ngóng, để hiểu thái độ anh em ở Sài Gòn, cũng có cái lợi. Ý kiến này được chấp thuận. Một số lớn đi Lò Ô, một số nhỏ ở lại Huế.

- Anh ở lại ?

- Tự nhiên là tôi ở lại. Tôi cần có mặt ở Huế hơn là ở Lò Ô. Và chính trong thời gian các bạn dự trại, ở Huế có cuộc biểu tình tuần hành lớn. Và chính trong cuộc biểu tình, người ta thấy xuất hiện đoàn sinh viên Phật tử. Và đoàn sinh viên này gởi bản kiến nghị đầu tiên cho Tổng thống, yêu cầu thực thi bản thông cáo chung. Chánh quyền có ý làm khó dễ viện Đại học về vụ này, chúng tôi phản đối ngay, vì họ đi biểu tình, họ viết kiến nghị, không phải với tư cách sinh viên suông mà là với danh nghĩa sinh viên Phật tử, một việc làm không còn thuộc phạm vi viện Đại học.

Khi cuộc biểu tình vừa xảy ra, tôi có đánh điện vào anh em ở Suối Lò Ô nên anh em đã có thái độ sẵn. Bởi vậy, trong một buổi họp, khi một vị theo phe chánh quyền yêu cầu tất cả giáo sư Đại học thông qua một bản tuyên ngôn đã được soạn sẵn lên án hành động của sinh viên Huế thì một giáo sư Huế lập tức đứng lên phản đối là anh em ở xa, không thể biết việc làm của sinh viên ngoài ấy đúng hay là sai, mà vội lên án được. Lập trường của anh em giáo sư ở Huế được đa số bạn đồng nghiệp ở Sài Gòn ủng hộ. Khi bỏ phiếu để lấy quyết định của hội nghị, tuy thắng “phe địch” có hai lá thăm, nhưng anh em Huế cũng tự hào rằng mình đã thắng trong ván đầu,

Không khí nặng nề càng đè nặng lên Huế. Chùa chiền bị canh gác. Ai lên chùa Từ Đàm đều bị khám xét.

Trọn tháng bảy, chúng tôi chỉ liên lạc với nhau để nhận định cho rõ ràng tình hình hầu có một quyết định hành động. Chúng tôi phải tỏ ra hết sức thận trọng; những con mắt của Công an Mật vụ đã hướng về phía chúng tôi.

Nhưng bước qua tháng tám là phong trào bột phát.

Sinh viên Phật tử bắt đầu lên tiếng than phiền: “Thời thế như thế này mà các thầy còn ngồi yên”.

Tôi cười:

- May mà họ mới trách móc nhẹ nhẽu chứ chưa nặng lời mạt sát !

- Ấy cũng nhờ họ hiểu chúng tôi. Anh em chúng tôi đã ôn tồn nói với họ: “Không phải các thầy lãnh đạm thờ ơ. Nhưng các em là Phật tử, còn các thầy không phải người theo đạo Phật hết. Các thầy ở Đại học, các thầy chờ một sự kiện đặc biệt liên quan với Đại học, các thầy sẽ lên tiếng. Mà sự kiện kia thế nào cũng xảy ra. Chẳng phải các thầy trốn trách nhiệm. Nhưng giờ các thầy chưa điềm ...” Nói thế, song thấy các học sinh sinh viên bị bắt bớ, bị tra tấn, mà vẫn âm thầm hoạt động, chúng tôi cũng thấy khó chịu. Ngày nào chúng tôi cũng họp. Chúng tôi có đặt vấn đề với cha Luận. Cha Luận thì chủ trương ôn hòa: ta không làm thì thiên hạ cũng làm; chế độ này không thể tồn tại lâu; chúng ta làm gì bây giờ cũng sẽ bị đối phương chúng ta - Cộng sản - lợi dụng để khai thác. Nhóm đầu nào không chịu. Họ thấy cần tỏ thái độ mình ngay.

Ngày 14 tháng 8, nhân một chú tiểu chùa Phước Duyên tự thiêu (đêm 12 rạng 13), chúng tôi họp bàn với nhau, đặt vấn đề: nói thẳng với linh mục viện trưởng. Rồi vụ một người thợ mộc chùa Từ Đàm bị ám sát bí mật ...

Tôi ngắt lời anh:

- Chúng tôi ở trong này chưa biết việc này. Chẳng hay người thợ mộc ấy có làm gì ...
- Người thợ ấy lãnh việc treo biểu ngữ cho nhà chùa. Một khuya nọ, có người kêu cửa, anh ra là bị bắn chết.
- Và chẳng tìm ra thủ phạm !
- Chúng tôi xét rằng mình không thể kéo dài thái độ chờ đợi nữa. Bên chánh quyền ngày càng nghi ngờ, mà bên sinh viên đã bắt đầu lộ vẻ khinh khi. Tôi với anh Trường bèn đến nhà riêng cha viện trưởng xin từ chức. Cha không nhận, buồn ra mặt, yêu cầu chúng tôi đợi ít ngày, vì từ chức ngay bây giờ không lợi.

Thì ngày hôm sau, 15 tháng 8, nhân lễ Đức Bà, học sinh và sinh viên biểu tình. Chính quyền thả chó dữ đàn áp, có cuộc xô xát, và một số sinh viên bị bắt. Tình trạng căng thẳng quá rồi. Ngay chiều hôm đó, sinh viên Phật tử cử một phái đoàn đến yết kiến linh mục viện trưởng với hai yêu sách:

- 1- Cha viện trưởng và giáo sư Đại học phải tỏ rõ thái độ của người trí thức.
- 2- Cha viện trưởng và các khoa trưởng can thiệp ngay với chánh quyền để các sinh viên bị bắt được trả lại tự do.

Về yêu sách thứ nhì, nếu không được chấp thuận, thì ngay chiều hôm sau, sẽ có một sinh viên tự thiêu trước viện hay trước chùa Diệu Đế.

- Thế linh mục Luận đối phó ra sao ?
- Cha đã rơi lệ. Vì con người Đạo và con người Đời xung đột quyết liệt trong cha, không thể dung hòa được nữa. Cha triệu tập hội đồng khoa trưởng và giám đốc lại. Chúng tôi tường thuật những sự việc đã xảy ra và sau cùng cha Viện trưởng nhận lãnh trách nhiệm can thiệp với chánh quyền để trả lại tự do cho tất cả sinh viên Phật tử bị bắt giam.

Trong khi đó, Phật giáo càng tranh đấu mãnh liệt – trong sự bất bạo động. 4 giờ rưỡi khuya ngày 16 tháng 8, chùa Từ Đàm đã chuẩn bị xong cho đại đức Thích Tiêu Diêu châm ngòi lửa vào người. Chánh quyền đối phó bằng cách thiết quân luật vào lúc 6 giờ sáng. Xe tăng ở ngã tư đường, rào thép gai đầy đó.

- Thế các anh cũng đối phó chớ ?
- May thay, cơ hội đến đúng lúc. Sáng ngày ấy, có cuộc thi về Văn chương Việt Nam do tôi chịu trách nhiệm. Tôi nhấn bảo sinh viên đừng thi vì sinh viên ở ngoại ô không đến được, thi là gây thêm một sự bất công. Tôi bèn nhờ cha Luận điện thoại cho ông đại biểu Chánh phủ xin phép hoãn cuộc thi. Tự nhiên là người thay mặt chánh quyền này cho phép ngay.
- Lúc ấy vào khoảng 8 giờ, chúng tôi – 5 anh em - họp nhau ở ngoài hành lang ...
- Sao các anh không họp ở trong phòng lại đứng ở ngoài hành lang ?
- Vì chúng tôi được biết An ninh quân đội đã móc thêm dây đặc biệt vào điện thoại ở viện, nói gì ở phòng họp đều bị người ta biết cả !

Chúng tôi cũng đồng ý ở điểm chánh quyền họ Ngô đã để lộ bộ mặt tàn bạo, vô ơn đạo của họ rồi, thì chẳng nên chần chờ gì nữa. Người sống tay không, họ cho xe tăng cán bừa lên, liệng lựu đạn át-xít vào đám học sinh sinh viên; người chết tự thiêu, họ cướp xác chôn vùi ở đâu không ai biết, hoặc xin họ cái hòm để chôn cho kíp, họ cũng không cho. **Tàn bạo với người sống, vô ơn đạo với người chết. Không thể tiếp tay cho một chế độ phi nhân như thế.**

Nhưng muốn tranh đấu có hiệu quả nhiều, phải làm một người dân thường; chớ còn bị ràng buộc bởi những chức tước, địa vị, thì vương bận lắm. Phải cùng nhau xin từ chức ngay. Nhưng sau đó, ông tổng thư ký viện Đại học cho hay linh mục viện trưởng vừa đi Đà Nẵng, ông không có quyền nhận sự từ chức của chúng tôi, vậy chúng tôi hãy chờ cha Luận sẽ về ngay chiều hôm ấy. Chúng tôi liền yêu cầu ông tổng thư ký ghi vào nhật ký của viện để làm bằng, rằng vào ngày đó, giờ đó, chúng tôi có đến xin viện trưởng từ chức.

Chiều hôm đó, ông bộ trưởng bộ Quốc gia Giáo dục ra Huế cùng với ông Trần Hữu Thế, tân viện trưởng. Hai ông ở Sài Gòn ra lúc 5 giờ thì 7 giờ, cha Luận hay tin mình bị cách chức, nhờ ông Thế báo tin riêng nên anh Hanh, khoa trưởng Khoa học, cũng biết. Nhưng vì lúc đó nhằm giờ thiết quân luật, anh chỉ có thể cho những người ở cùng một khu với anh hay được thôi.

Hôm sau, 17 tháng 8 lúc 6 giờ, tôi được anh Nguyễn Văn Thạch cho biết tin. Chúng tôi kéo đến nhà cha Luận. Được biết 9 giờ làm lễ bàn giao, chúng tôi vội vã họp nhau lại ở nhà anh bác sĩ Quyển để phác họa chương trình sẽ cho “bom nổ” cùng một lúc: cha Luận vừa hết nhiệm vụ là chúng tôi lần lượt từ chức, để anh cao niên nhất mở đầu, rồi theo thứ tự tuổi lớn nhỏ. Cần cho ngoại quốc biết tin sốt dẻo này ngay. Anh em giao tôi việc thảo thông cáo. Tôi thảo xong đọc lên, anh em đồng ý, bèn đánh máy rồi cho người mang trao cho đài VOA, Associated Press và UPI.

- Xin anh cho biết nội dung bản thông cáo ấy.

- Chúng tôi xin từ chức khoa trưởng, giáo sư Đại học vì bị ba xúc động liên tiếp: Chánh phủ đàn áp Phật giáo - Chánh phủ không thực thi bản cam kết với Phật giáo - Chánh phủ cách chức viện trưởng Cao Văn Luận.

- Thế “âm mưu” của các anh có được hai ông Trình, Thế biết trước buổi họp không ?

- Không. Tất cả khoa trưởng, giáo sư đều đủ mặt. Ông Trình nói ít lời, đọc sắc lệnh bỏ ông Thế đảm nhiệm chức viện trưởng thay cha Luận. Rồi cha Luận đứng lên nói rằng cha sung sướng mà thấy ngày mong đợi đã đến vì vai trò người viện trưởng rất quan trọng, nặng nề, nhất là viện Đại học Huế đang ở thời xây dựng. Cha là người tu hành, không thể kéo dài công việc ngoài đời mãi được. Hơn nữa, không khi nào cha cho mình là người không thể thay thế được. Và cha đọc một câu của Valéry: “Les cimetières sont remplis de gens irremplaçables” (3).

Cha Luận nói tiếp: cha nghĩ rằng Văn Hóa lúc nào cũng trường tồn, nhưng đôi khi nó bị Chánh trị lãnh đạo. Vậy, muốn làm việc đắc lực cho Văn hóa lúc này đây, người lãnh đạo viện Đại học phải là người có cái “*thế*” chánh trị. Tưởng không ai hơn ông tân viện trưởng. Ông Trần Hữu Thế là người “có *thế*” hơn ai hết: ông có cái thế của Tổng thống tức là cái thế của Chánh phủ; lại có cái thế của tổng giám mục Huế tức là cái thế của mấy trăm ngàn giáo dân. Từ trung ương đến địa phương, từ đời qua đạo, thì chắc rằng viện Đại học Huế sẽ có một tương lai vô cùng tốt đẹp, và hơn hẳn quá khứ đi rồi ...

- Hẳn là mặt ông Thế lúc đó xám xịt ?

- Anh đoán sai. Mặt ông ấy xanh ngắt. Rồi cha cảm ơn các vị giáo sư và yêu cầu chúng tôi cộng tác với tân viện trưởng như đã cộng tác với cha.

- Đến phiên ông Thế, chắc ông cũng tìm cách “trả đũa” ông Luận ?

- Đại khái ông Thế cho biết ông đã cố gắng xây dựng Đại học Huế ngay từ khi ông còn làm bộ trưởng. Bằng cách tỏ ra rất dễ dãi về mặt hành chánh, để cho cha Luận mọi sự tự do hành động, lắm khi cha Luận trực tiếp với Tổng thống mà không qua ông, theo hệ thống dưới trên, nhưng ông không lấy thế làm buồn, hiểu rằng cha Luận sợ dĩ làm thế vì quá thiết tha với viện, muốn cho công việc được mau chóng. Ông chỉ đảm nhiệm chức vụ này trong một thời gian thôi, trong giai đoạn chuyển tiếp vì ông phải trở về với chức vụ đại sứ tại Phi Luật Tân của ông.

- Ông tân viện trưởng dứt lời chắc cử tọa vỗ tay như thường lệ.

- Không ai vỗ tay cả.

- Cả ông bộ trưởng ?

- Cả ông bộ trưởng cũng không buồn vỗ tay.

Ông Thế vừa ngồi xuống trong im lặng thì bác sĩ Lê Khắc Quyển, người lớn tuổi nhất, khoa trưởng Y khoa, đứng lên xin từ chức. Nhưng trái với bản thông cáo gởi cho các đài ngoại quốc, anh chỉ nói: vì xúc động bởi

việc cách chức cha Luận. Rồi đến anh Bùi Tường Huân, khoa trưởng Luật khoa, anh Tôn Thất Hanh, khoa trưởng Khoa học, anh Nguyễn Văn Trường, giám đốc ban Khoa học Đại học Sư phạm.

Anh Lê Văn Diễm thấy anh em đồng lòng như thế bèn tìm một lối ra khác là xin ông bộ trưởng cho du học ngoại quốc một năm ! Đến tôi, tôi đưa ra hai lẽ: một là vì tôi là học trò của cha Luận, cha Luận gọi về công tác tôi mới về; hai là ở trong tình trạng này, tôi ở lại đây không làm được gì.

Đến đây, ông Trình không cho ai nói nữa, viện lý do: đây là lễ bàn giao giữa hai ông tân và cựu viện trưởng. Các giáo sư có muốn từ chức xin nói sau với ông viện trưởng mới.

- Thế ông đại biểu chánh phủ chẳng nói gì sao ?

- Sao lại không, anh. Ông Khương nói với tôi về hăm dọa tể nhị. Ông bảo rằng chúng tôi không vì quyền lợi cá nhân mà về Huế (Huế kém quyền rũ, quyền lợi vật chất không nhiều), thì khi đưa ý kiến từ chức hẳn là chúng tôi muốn xa Huế lâu dài vậy.

- Tôi hiểu lời hăm dọa tể nhị ấy rồi. Muốn xa Huế lâu dài tức là muốn bị đày ra miền quan tái như chàng Giang Châu tư mã đời Đường, hay muốn bị nhốt dưới một hầm bí mật nào của cậu Cẩn. Chắc anh cũng có lời gì với vị đại diện chánh quyền ấy ?

- Có, nhưng mà thẳng thắn hiền lành. Anh Nguyễn Hữu Trí đáp lại: chúng tôi về Huế là để phục vụ cho viện Đại học Huế, nay xét không thể phục vụ được như ý thì xin từ chức. Chớ ở lại mà chẳng làm được gì thì chẳng hóa ra phụ người mà cũng phụ mình. Còn như phải xa Huế là việc đã đành.

Ông Trình vội vàng tuyên bố bế mạc buổi lễ bàn giao.

Chúng tôi đưa bản thông cáo cho một số anh em, được 27 người ký; sau đó, số người lên đến 45. Một phái đoàn được cử đến tòa lãnh sự Mỹ để cho hay rằng công việc đã xong xuôi. Ở đây, họ đã dịch tờ thông cáo của chúng tôi rồi, và hỏi chúng tôi có định rút lại đơn từ chức không. Chúng tôi trả lời không, chỉ trừ khi nào chánh phủ giải quyết êm đẹp với Phật giáo, sinh viên, cha Luận.

Ngay sau đó, vào lúc 10 giờ 10 phút, ông Thế nhờ anh đưa lên thăm chùa Từ Đàm. Gặp lúc dân chúng lên chiêm ngưỡng Xá Lợi của đại đức Tiêu Diêu, người đông như thóc. Ông Thế mất tinh thần. Trờ về, lại được nghe bản thông cáo của chúng tôi. Ông thấy mình bị cô lập nên lên về Sài Gòn tức khắc (lúc 10g.30)

Ngay hôm đó, lúc 11 giờ, chúng tôi đến thăm cha Luận. Cha cho biết sắp đi Đà Nẵng để rồi đi Sài Gòn. Chúng tôi khuyên cha hãy ở lại Đà Nẵng để chúng tôi tiện bề liên lạc, có gì thì bàn tính với nhau trước khi định thái độ.

Chiều ngày 17, sinh viên biểu tình. Chúng tôi có đưa ý cho anh em tách cuộc tranh đấu này ra ngoài cuộc tranh đấu Phật giáo. Anh chị em biểu tình là để phản đối Chính phủ cách chức cha Luận, do đó đa số giáo sư phải từ chức. Mục đích là để yêu cầu cha Luận và các giáo sư ở lại. Tuyệt nhiên không nói gì đến vấn đề Phật giáo cả.

- Như thế là các anh đặt Chính phủ đứng trước hai vấn đề rắc rối cả hai !

- Có phải thế không anh. Gộp lại một thì ít thì yếu. Tách ra làm hai: sinh viên Phật tử tranh đấu để bảo vệ Phật pháp, tất cả sinh viên tranh đấu để giữ lại viện trưởng và giáo sư - thì làm khó dễ Chánh quyền thêm !

Hai giờ chiều, ông Trình cho mời chúng tôi tới, yêu cầu rút đơn từ chức.

- Ông bộ trưởng yêu cầu các anh chung một lần hay riêng từng người ?

- Riêng từng người. Nhưng không phải ông gặp chúng tôi hết, một số được ông tiếp, còn anh Trường và tôi thì lại “bị” ông đại biểu chánh phủ ngó ý muốn gặp.

- Tiếp hai anh một lượt ?

- Không, anh ạ. Ông ta chỉ mới ngó ý muốn gặp riêng từng người. Chúng tôi phản đối. Ông bộ trưởng là cấp trên trực tiếp, ông muốn tiếp từng người cái đó tùy ông; còn ông đại biểu chánh phủ là người thay mặt chánh quyền tiếp người này trước rồi đến người kia, ai biết ông sẽ dờ dẫm với một người chống đối mà

ông định mua chuộc hay dọa dẫm, không ai làm chứng. Nên chúng tôi đưa điều kiện mời hai người một lần chúng tôi mới chịu.

- Nhưng ông ta không chịu ?

Anh mỉm cười, và mắt anh mơ màng sau kính trắng như để nhớ lại cảnh và người hôm ấy.

- Trong lúc ấy, hơn ngàn sinh viên kéo đến nhà cha Luận thì cha Luận đã đi Đà Nẵng trước đó năm phút. Lúc bấy giờ là hai giờ rưỡi. Đoàn sinh viên đi xuống tòa đại biểu để trình kiến nghị cho ông bộ trưởng, cuộc biểu tình này được ông tỉnh trưởng Nguyễn Văn Hà cho phép. Ông Trình coi mời không êm, gọi máy bay ở Đà Nẵng ra Huế rước ông về Sài Gòn gấp. Máy bay ra nhưng sinh viên đã vây chặt tòa đại biểu, ông đành chịu kết.

Ông đại biểu Chánh phủ cho mời một phái đoàn sinh viên vô, nhưng sinh viên không chịu, họ yêu cầu hoặc cho họ vô hết hoặc ông bộ trưởng ra. Ông bộ trưởng đành nhượng bộ. Họ lễ phép trình bày nguyện vọng và trình bản kiến nghị đệ lên Tổng thống.

Trong bản kiến nghị *“toàn thể sinh viên thuộc các phân khoa viện Đại học Huế, họp tại trường Đại học Khoa học lúc 14 giờ ngày 17-8-1963”* yêu cầu Tổng thống thu hồi lệnh bãi chức viện trưởng của linh mục Cao Văn Luận và tìm mọi phương sách để các khoa trưởng và giáo sư đã từ chức đảm nhận lại chức vụ của mình - cũng trong bản kiến nghị này, các sinh viên *“quyết định bãi khóa cho tới khi nguyện vọng trên đây được thỏa mãn”*.

Đưa kiến nghị xong, họ về cầu Tràng Tiền định diễn hành sang phố nhưng bị Cảnh sát Chiến đấu bao vây nên phải tập trung lại trong tòa Khâm sứ cũ và giải tán tại đó.

Bốn giờ, chúng tôi họp đề vận động anh em từ chức, nhưng có bảy anh chẳng khứng.

- Anh cho biết nhân viên giảng huấn của viện được bao nhiêu người ?

- Được từ 52 đến 55 người mà có 45 người ký vào đơn xin từ chức.

- Như thế số người đứng ngoài cuộc tranh đấu không là bao.

- Nhưng chúng tôi muốn không có một bạn nào đứng riêng nên cố vận động với anh em Đại học Văn khoa: chưa có một chữ ký nào của anh em này cả. Các anh ấy hẹn ngày mai, để tối suy nghĩ lại và ra về. Những bạn đã xin từ chức ở lại bàn với nhau nên đặt kế hoạch hẳn hoi. Đã ra mặt chống đối Chánh quyền - dù là tiêu cực đi nữa - thì cần phải có quỹ tranh đấu. Mỗi anh em góp một số tiền để thành lập quỹ. Chớ còn dùng phương tiện của Chánh phủ (như đánh máy, quay rô-nê-ô) thì danh bất chánh mất. Rồi chúng tôi chia tay, hẹn họp lại sáng mai, chủ nhật 18-8.

Trước khi họp, bác sĩ Quyền cho hay ông Cần khi được biết cha Luận bị cách chức, có thốt một câu: *“tụi nó đập trên đầu tôi mà đi”* !

Trong phiên họp sáng 18-8 này tại Đại học Sư phạm, chúng tôi quyết định đánh điện cho ông bộ trưởng cho hay vẫn giữ lập trường. Chúng tôi cũng đánh điện cho hai viện Đại học Sài Gòn và Đà Lạt, báo tin việc chúng tôi từ chức chớ chưa kêu gọi các bạn đồng nghiệp hai nơi này ủng hộ. Rồi chúng tôi thảo một bức thư ngỏ cho toàn thể giáo chức Tiểu, Trung và Đại học toàn quốc. Đến chiều thì bức thư ấy được anh em giáo chức duyệt y và đồng ý gởi đi. Trong thư có những đoạn nguyên văn như sau:

... Tình trạng sinh viên của viện Đại học Huế càng ngày càng trầm trọng vì tinh thần của họ luôn luôn bị căng thẳng bởi tất cả lực lượng quân sự hay võ trang, bấy lâu nay chỉ biết thẳng tay đàn áp chứ không quan tâm đến sự thực thi bản Thông cáo chung giữa Phật giáo và Chánh phủ. Hầu hết sinh viên đều là Phật tử, và họ đã gánh chịu một cách thâm hậu quả tàn khốc của những vụ đàn áp đến nỗi ngày 15-8-63 vừa qua, một phái đoàn Nam Nữ Sinh viên đã đến yết kiến linh mục Viện trưởng, kêu gọi lòng nhân đạo của Người để ra tay cứu vớt cho họ. Một giàn củi đã được dựng lên tại chùa Diệu Đế và họ đau đớn tuyên bố sẽ hỏa thiêu và bãi khóa. Linh mục Viện trưởng đã xúc động rơi lệ trước buổi tiếp kiến đó, nhưng người chưa kịp

làm gì thì đã bị cách chức và sinh viên phản uất biểu tình chiều 17-8 trước tòa Đại biểu Chánh phủ, trao cho ông Bộ trưởng Quốc gia Giáo dục một bản kiến nghị để đệ trình Tổng thống. Họ cũng long trọng xác định lại vấn đề bãi khóa và hòa thiêu làm cho chúng tôi vô cùng đau đớn vì nhận thấy rằng vấn đề càng ngày càng thêm trầm trọng, không những chỉ ở phạm vi tín ngưỡng mà còn lan tràn sang cả địa hạt giáo huấn, gây cho những giáo chức có trách nhiệm những khó khăn mà tự cá nhân mình cũng như cả Đại học hợp ại cũng không hề nào giải quyết được.

... Vì thế chúng tôi thiết tha kêu gọi sự sáng suốt giúp đỡ của quý vị Khoa trưởng các phân khoa Đại học, các vị Giám đốc các trường Cao đẳng, các vị Hiệu trưởng các trường Trung, Tiểu học toàn quốc, sự đoàn kết huynh đệ chân thành về mọi phương diện của tất cả các bạn đồng nghiệp giáo chức, để cùng nhau tìm ra một giải pháp ổn định cho tình thế mà giáo dục cũng như xã hội đã bị lâm nguy suốt ba tháng rưỡi.

Chúng tôi được tin mai ông Thế ra, bèn làm cho xong một việc chưa kết liễu, đó là một vận động lấy chữ kí của anh em Văn khoa. mãi đến 9 giờ tối mà các bạn ấy vẫn không chịu kí. Chúng tôi hết sức buồn, buồn vì nói hết nước bọt thì ít mà buồn vì thấy anh em không chịu “dấn thân”: có tới hai cơ đề mà chẳng thể đứng bằng quan: nếu không xúc động vì Phật giáo bị đàn áp dã man thì cũng xúc động vì linh mục viện trưởng bị cách chức vô lối. Sau cùng, các bạn ấy bảo “Đề rồi chúng tôi làm riêng”. Thôi thế cũng được. Miễn là anh em rồi cũng có làm một cái gì hơn là mãi thờ ơ ...

- Nhưng sau rốt “một cái gì” ấy có không ?

Anh thờ dài và gương mặt tươi trẻ của anh bỗng tối lại:

- Rốt lại chẳng có gì cả. Đáng buồn hơn nữa là các bạn ấy cho là bản văn chúng tôi đã kí và mời các anh cùng kí vốn kém ôn hòa, để các anh sẽ thảo một bản khác ôn hòa hơn. Nhưng bản văn từ chức soạn vào chiều 17-8-1963 là chính do đề nghị của các anh em ấy.

Xin nhắc lại rằng bản văn từ chức này khác với Bản Thông cáo của chúng tôi do đài VOA loan đi. Bản văn này chỉ nói đến tình hình của Viện Đại học mà thôi, còn bản Thông cáo gửi đài VOA nêu rõ 3 lý do từ chức của các Khoa trưởng, Giám đốc học vụ và nhân viên giáo huấn Y khoa, Luật khoa, Khoa học, Sư phạm trong viện Đại học Huế: - Xúc động trước hai vụ hòa thiêu và cướp xác tại Huế, trước sự đàn áp bắt bớ Phật tử và sinh viên Phật giáo, - Xúc động trước sự thờ ơ của chánh phủ kéo dài đến 3 tháng rưỡi mà không đem lại giải pháp nào để ổn định tình thế, - Xúc động trước sự thay thế linh mục viện trưởng.

Sáng ngày 19, ông tỉnh trưởng Thừa Thiên cho hay rằng công an đã được lệnh bố trí để kịp thời ngăn chặn những cuộc biểu tình của sinh viên. Vì hôm nay là ngày kỷ niệm cách mạng tháng 8 nên công an có thể nhân dịp sinh viên biểu tình mà buộc tội những người đi biểu tình là Việt Cộng – tin này ông Tỉnh trưởng mật báo cho tôi để kịp đề phòng, ngăn giữ đừng cho sinh viên mắc mưu họ mà biểu tình hôm đó.

Chúng tôi bèn về sân viện Đại học chờ ông Thế. Chính trong lúc chờ đợi này chúng tôi nhận được tờ Tuyên cáo của viện Hán học, lời lẽ còn hăng hơn chúng tôi nhiều.

Nói tới đây, anh đưa cho tôi coi bản “tuyên cáo” in ronéo của “*Giảng viên Viện Hán học Huế*” đề ngày 17/8/63, nội dung tán đồng quan điểm của các khoa trưởng và giáo sư các phân khoa Đại học Huế, phản đối những lời tuyên bố của những nhân vật không có trách nhiệm đã gây hoang mang trong dân chúng, phản đối những hành động che dấu sự thật, xúc động trước sự tranh đấu bất bạo động của Phật giáo đồ, bất bình vì sự bãi chức linh mục viện trưởng Cao Văn Luận cũng là Giám đốc viện Hán học Huế.

Do đó, toàn thể giảng viên Viện Hán học tuyên bố nghỉ việc giảng dạy. Người ta đọc được những tên ký dưới Tuyên cáo như sau: Võ Như Nguyễn, Nguyễn Duy Bột, Hà Ngải, Nguyễn Hưng Giáo, Hồ Đắc Định, Cao Hữu Hoành, Phan Chí Chương, Nguyễn Hữu Châu-Phan, Cao Xuân Duẩn, Phan Văn Dật, Châu Văn Liệu, Nguyễn Văn Dương, Nguyễn Doãn Thám, Trương Xuân Trục, bà Nguyễn Thị Trang (tức bà Nguyễn Hữu Trí), La Hoài, Vĩnh Quyền, Nguyễn văn Kháng.

- Hẳn là ở viện Hán học mọi người đều kí vào tuyên ngôn “nấy lửa” này ?

- Tiếc thay, có hai người không kí. Chúng tôi bèn gửi bản Thông cáo của chúng tôi, bản tuyên ngôn này, cùng bức Thư ngỏ với giáo chức toàn quốc đã quay ronéo vào Sài Gòn, nhờ một bà Mĩ mang đi. Trưa hôm ấy thì chùa Xá Lợi phát thanh hai tài liệu đó.

Chúng tôi cấp tốc thành lập một ủy ban gồm 5 người lấy tên là Ủy ban Liên lạc Giáo chức với 5 tiểu ban sau đây ra đời: ấn loát, liên lạc, chính trị, ngoại giao và phụ trách sinh viên.

Xong, chúng tôi nhờ người giữ công văn ghi đơn từ chức của chúng tôi vào sổ, kèm theo thông cáo của chúng tôi và tuyên ngôn của viện Hán học.

Lúc 11 giờ, bác sĩ Quyên đọc cho sinh viên và chúng tôi nghe bức điện tín của đại sứ Trần Văn Chương (thân phụ bà Nhu) gửi linh mục Cao Văn Luận. Đây là một bức điện tín công khai ủng hộ lập trường của viện Đại học và phỉ báng chính quyền Ngô Đình Diệm:

TÉLÉGRAMME

Washington, le 18-8-1963

Révérend Père CAO VAN LUÂN, University Hue

Veillez recevoir l'expression de ma sincère sympathie (stop). Vous aurez rendu un grand service au pays et au gouvernement en contribuant à montrer que la dignité humaine est le plus respectable des biens et que les forces morales triomphent toujours au Vietnam comme au treizième siècle et comme en 1954 et 1955 -
Trần Văn Chương.

(Dịch: Hoa Thanh Đôn, ngày 18-8-1963)

Linh mục Cao văn Luận, Đại học Huế

Xin nhận cảm tình chân thành của tôi (stop). Ngài đã giúp ích nhiều cho xứ sở và cho chính phủ bằng cách giúp cho thấy rằng phẩm giá con người là tài sản đáng kính trọng nhất và những lực lượng đạo đức luôn luôn đắc thắng ở nước Việt, cũng như ở thế kỉ thứ mười ba và cũng như ở những năm 1954 và 1955 - Trần Văn Chương).

11 giờ 15 phút, ông Thế tới. Tất cả sinh viên đều đứng im lặng trong sân tòa viện trưởng. Ông Thế tưởng đầu sinh viên đến chào mừng viện trưởng mới, nên rất vui vẻ, song chưa biết nên có thái độ như thế nào. Sau đó ông vào văn phòng và ngỏ lời với toàn thể giáo chức, nhưng khi ông chấm dứt thì cả một sự im lặng đáp lại với ông. Trong sự im lặng nặng nề, anh niên trưởng Quyên bước ra đưa đơn từ chức của chúng tôi và liền sau đó chúng tôi rút lui. Một đoàn đại diện sinh viên liền vào văn phòng viện trưởng và đưa bức Tâm thư. Trong thư này, sinh viên rất mực tán dương ông ... đại sứ (họ không gọi là viện trưởng !). Yêu cầu ông dùng tất cả uy tín đề đạt lên chánh phủ sự thiết tha của toàn thể sinh viên Huế được thấy cha Luận về làm viện trưởng trở lại. Trong khi ông Thế xem thư thì tất cả sinh viên đều ngồi ngoài nắng và tuyệt đối giữ im lặng.

Trong bức tâm thư của sinh viên Đại học Huế gửi giáo sư Trần Hữu Thế có những đoạn sau đây:

... Sự thay thế chức vụ viện trưởng của linh mục Cao Văn Luận đã gây xúc động lớn trong toàn thể sinh viên chúng tôi. Chúng tôi buộc phải tranh đấu để mong Chính phủ hiểu thấu nguyện vọng sâu thẳm của chúng tôi để linh mục Cao Văn Luận có thể phục hồi lại chức vụ viện trưởng.

Đây là một cuộc tranh đấu chính đáng, đầy nghĩa khí mà một người trí thức như Giáo sư hẳn không bao giờ phủ nhận.

Vậy để cuộc tranh đấu của chúng tôi khỏi gặp thêm trở ngại khó xử, chúng tôi tha thiết kính mong giáo sư từ chối chức vụ Viện trưởng của viện Đại học Huế.

- Nhưng rồi ông Thế phải phá tan sự im lặng ấy chứ ?

- Chớ còn ai làm việc ấy. Ông chỉ nói một câu: “Tôi xin nhận thư này và tôi sẽ chuyển lên cấp trên”. Rồi ngại sinh viên có thể xúc phạm đến người ông, ông định chuồn ngỏ sau. Nhưng anh Hồ, tổng thư ký, cản

không cho, khuyên ông nên đi ngõ trước để giữ thể diện viện trưởng. Ông đành phải làm theo, sinh viên bèn rẽ ra, để đường cho ông đi. Chừng ấy, họ mới vỗ tay.

Chúng tôi giải tán ra về, anh em sinh viên cũng thế. Chúng tôi về cùng một xe để bàn tiếp công việc phải làm. Ai cũng đồng ý mỗi ngày phải làm một cái gì mới để dồn chánh quyền vào cái thế bị động, luôn luôn phải đối phó không thì thua họ mất. Biểu tình là hành động cuối cùng và quyết liệt một mất một còn, phải để dành cho đúng lúc. Còn bây giờ thì quyết định một cuộc họp báo tại viện vào chiều thứ ba 20-8. Và mời ngay cha Luận về Huế để cha có thể tránh được những áp bức của chánh quyền.

Nếu mời không được thì yêu cầu cha đừng kí vào cứ giấy tờ chi, vì e vô tình cha cản trở cuộc tranh đấu của chúng tôi khi bị áp lực của các “*bề trên tôn giáo*” chẳng hạn.

Phải đẩy phong trào lan xuống giới giáo sư Trung học để khỏi bị cô lập hóa. Và vận động liên với hai trường Trung học Quốc học và Đồng Khánh, rồi đến các trường Trung học khác để sao mỗi ngày mỗi trường tung ra một bản tuyên ngôn.

Chúng tôi phải phân công việc cho mỗi tiểu ban họp riêng, làm việc riêng, và đến 17 giờ chiều ấy cùng đến trường Y khoa để họp.

- Các anh làm ráo riết thế chẳng lẽ ông Thế lại ngồi im đợi ?
- Ông cũng làm phần ông chứ. Ông cho mời riêng chúng tôi và yêu cầu rút chữ kí. Nhưng không một ai chịu cả.

Đến 5 giờ chiều, chúng tôi được tin Sài Gòn có cuộc tuyệt thực vĩ đại ở chùa Xá Lợi, sinh viên và học sinh có tham dự đông đảo. Chùa lại có phát thanh những bài công kích ông bà Nhu. Chúng tôi định cử người vào Sài Gòn để bàn cách tranh đấu sao cho thống nhất giữa Sài Gòn và Huế. Vì thế nào, với cái đà này, tăng ni, sinh viên, học sinh, giáo sư cũng phải cùng xuống đường. Và chừng ấy, là một còn một mất.

- Thái độ của người Mĩ ở Huế ra sao anh ?

Anh đưa hai bàn tay ra nhưng chỉ nói:

- Đương nhiên những người có trách nhiệm tại Huế tán thành và giúp đỡ để phổ biến mau chóng việc làm của chúng tôi. Nhưng trên cương vị chính trị và ngoại giao, họ vẫn chính thức thừa nhận Chánh phủ Ngô Đình Diệm là chánh phủ có thẩm quyền hiện hữu.

- Còn Phật giáo ?

- Phật giáo thì rất đổi hoan nghinh. Chúng tôi tạo thêm cho họ yếu tố để đẩy mạnh cuộc tranh đấu bảo vệ Phật pháp.

Chiều thứ hai 19, sau buổi họp chung tại Đại học Y khoa của Ủy ban liên lạc, chúng tôi ra một bản thông cáo tóm tắt những việc đã làm, và xác nhận chúng tôi không bao giờ rút lại chữ kí. Bản thông cáo này, người trong nước không hay, nhưng tin lãnh sự Mĩ được biết.

Sáng thứ ba, chúng tôi họp khoáng đại hội nghị tại viện, hay tin cha Luận đã trả lời một bức thư ông Thực. Ông đại diện Chánh phủ chụp lại phần “Tái bút” gởi qua viện.

- Anh còn nhớ đoạn “Tái bút” ấy nói gì mà ông đại biểu Chánh phủ miền Trung lợi dụng nó ...

- Nguyên văn thì tôi không nhớ, nhưng đại ý cha Luận nói với ông Thực dầu Tổng thống có yêu cầu, cha vẫn không trở về làm viện trưởng lại.

Chúng tôi lật ngược thế cờ. Vì nhận xét thấy cha Luận viết có mấy dòng mà sai chánh tả, sai văn phạm nhiều quá trái hẳn với mọi khi. Chúng tôi kết luận rằng cha viết thư này dưới một áp lực nào đó, khiến cha mất hẳn bình tĩnh. Vậy thì đoạn “Tái bút” này vô giá trị.

- Còn anh em sinh viên ?

- Hai anh chánh phó đoàn trưởng, Thơ và Giàu, luôn luôn liên lạc với chúng tôi. Anh em họp tại Morin, lập quỹ tranh đấu được vài ngàn. Rồi in truyền đơn, phát; viết biểu ngữ, căng; tối lại thì viết khẩu hiệu ở vách tường, công an đem vòi lại quét thì anh em lại viết.

Phần chúng tôi trù liệu một cuộc họp báo nên dự định cho người vô Đà Nẵng mời cha Luận về - đi bằng xe lửa để ít ai để ý. Có người tin cho chúng tôi biết vài sinh viên bị bắt. Anh em sinh viên và chúng tôi quyết định nếu Chánh quyền khủng bố mạnh thì giáo sư và sinh viên phải biểu tình.

Anh em sinh viên còn quyết liệt hơn: hễ một giáo sư ban nào bị bắt thì có ngay một sinh viên ban ấy tự thiêu để phản đối. Và đã có bảy sinh viên ở bảy phân khoa tình nguyện hy sinh.

- Thật là một tiết lộ bất ngờ ! Chúng tôi ở Sài Gòn rất ít ai biết điều này.

- Chúng tôi lại được biết trong khoảng từ 21 đến 23 Sài Gòn sẽ có cuộc biểu tình lớn. Huế sẵn sàng ủng hộ. Chúng tôi còn nghe tin Chánh quyền dự định bắt anh Lê Khắc Quyền và tôi, vì họ cho rằng mất hai chúng tôi thì phong trào tranh đấu của giới giáo sư và sinh viên sẽ tan ngay.

- Biết thế, các anh có định lánh mặt chẳng ?

- Việc bị bắt chúng tôi có nghĩ đến, còn việc lánh mặt thì không. Trốn tránh lẩn núp là cho việc làm của mình sai bậy; hơn thế nữa, đối với học trò và bạn bè của mình là một sự phản bội.

Thấy tôi không hỏi gì thêm mà có chiều tư lự, anh ngược nhìn tôi bằng đôi mắt.

- Anh làm tôi nhớ lại một bạn khác, bạn thân với Nhất Linh. Anh bạn này có nói với tôi nhân cùng bàn về cái chết của Nhất Linh: “Anh Nhất Linh quan niệm rằng người lãnh đạo có bốn phận đi trước quần chúng, và khi cần phải chết trước quần chúng chứ không phải quan niệm như Cộng sản. Người Cộng sản quan niệm rằng nếu cần thì hi sinh quần chúng để bảo vệ cấp lãnh đạo, và cấp lãnh đạo có bốn phận đi sau quần chúng, và có gì nguy thì lẩn tránh ngay để chờ cơ hội thuận tiện; quần chúng lúc nào cũng có sẵn có hao hụt cũng chẳng sao, còn một người lãnh đạo phải mất nhiều công phu và thời giờ để đào tạo, và lắm khi mất một người lãnh đạo là thiệt hại cho cả một phong trào ... »

- Chúng tôi có thái độ như thế quyết không lẩn tránh, vì nghĩ đó là thái độ phải chăng của người trí thức. Và (anh mỉm cười) xin anh chờ xem chúng tôi là những “nhà cách mạng” hay những “lãnh tụ một phong trào quần chúng” mà phê phán.

Mình đi xa câu chuyện rồi ! Chúng tôi họp đến một giờ mới chia tay. Qua một giờ rưỡi chúng tôi liên lạc được với nữ Trung học Đồng Khánh, được tin là đến 5 giờ Đồng Khánh sẽ có bản tuyên ngôn. Thế là ngày 20, chúng tôi có một cái gì “mới” rồi. Ngày 21 sẽ đến phiên nam Trung học Quốc học. Chúng tôi hăng hái hơn, chia nhau vận động các giáo sư các trường tư, các cựu sinh viên Đại học Sư phạm để họ hưởng ứng phong trào mà lần lượt tung ra những bản tuyên ngôn. Thắng lợi chót của chúng tôi về mặt này là lúc 14g.30, anh em giáo sư Cao đẳng Mĩ thuật đồng ý với chúng tôi về nguyên tắc tranh đấu, trong đó có anh giám đốc Mai La Phương. Chúng tôi sắp đặt chương trình hành động cho những ngày 21, 22 và 23.

Hai giờ chiều, chúng tôi về nhà hàng Morin thì biết được ông Thế bắt đầu mở cuộc phản công. Ông vừa ra Thông cáo số 1 cho hay từ đây các giáo sư muốn họp phải có phép.

Ba giờ, thông cáo ấy đến tay chúng tôi. Đại ý là các khoa trường và giáo sư hay Tổng hội Sinh viên muốn sử dụng các phòng họp và giảng đường phải xin phép trước tòa viện trưởng. Những cuộc họp báo hay thảo luận về tôn giáo, chính trị phải xin phép thêm ông thị trưởng thành phố Huế.

Nhưng trong phạm vi viện Đại học, chúng tôi còn có quyền họp tại phòng giáo sư. Độ ba chục anh em chúng tôi đã họp tại đây và đối phó lại thông cáo số 1 của ông tân viện trưởng bằng Thông cáo 2, cho rằng ông này đã hành động trái với truyền thống Đại học, vốn tự trị, tự do.

THÔNG CÁO SỐ 2

Các Khoa trưởng và Giám đốc ký tên sau đây cực lực phản đối việc ông Trần Hữu Thế vừa ra Thông cáo số 1 ngày 20 tháng 8 năm 1963 cho biết rằng: “Những cuộc hội họp trong các phân khoa Đại học phải được Tòa Viện trưởng cho phép”

Điều khoản trên của thông cáo này không dựa trên một văn bản pháp lý nào và trái với tinh thần Tự do và Tự trị của các phân khoa Đại học từ trước đến nay.

Huế, ngày 20 tháng 8 năm 1963

Các Khoa trưởng Đại học Y khoa, Luật khoa, Khoa học: Lê Khắc Quyến, Bùi Tường Huân, Tôn Thất Hanh.

Các Giám đốc Học vụ Đại học Sư phạm: Nguyễn Văn Trường, Lê Tuyên

- Và thông cáo 2 này, các anh cũng đưa cho tòa lãnh sự Mỹ như thông cáo 1 ?

Anh gật đầu.

- Chúng tôi định cho chụp hình lại để gửi các cơ quan ngoại quốc khác, và hủy bản chánh. Nhưng hiệu làm “photocopie” lại thối thác bảo để mai mới làm.

- Các anh có ngờ rằng hiệu này đã được lệnh trên “dạy” làm thế chẳng ?

Lúc đó thì không ngờ nhưng sau này, nhớ lại thì nghi có bàn tay chánh quyền trong đó. Bởi “ngày mai”, hôm sau, có nghĩa là chẳng bao giờ. Phần ông Thế, ông vội vã cho ra thông cáo số 2 để “trấn an” sinh viên và dư luận. Nội dung thông cáo số 2 cho hay “những chứng chỉ Đại học khóa hai sẽ tiếp tục thi và ngày tựu trường sẽ định sau khi thi xong. Đặc biệt là các thông cáo số 1 và số 2 của ông viện trưởng Thế đều có sao gửi “Thiếu tướng Tư lệnh quân khu I” cả.

- Anh em sinh viên hẳn ngày ấy cũng hoạt động mạnh để “trả lời” lại ông tân viện trưởng ?

- Mạnh hơn bao giờ hết. Và cả hai phe !

- Hai phe ?

- Có gì mà anh lấy làm lạ. Một phe chống áp bức, bạo tàn, thì viết lại thông cáo của chúng tôi đem đi dán khắp phố phường. Nhóm bị mua chuộc thì hoặc viết lên thông cáo kia hai chữ “Đả đảo” to tướng, hoặc đi rải truyền đơn chống lại thầy, chống lại bạn.

- Những phần tử này chỉ chống lại các anh hay có còn làm gì khác ?

- Làm gì thì chưa thấy nhưng nói thì rõ ràng lắm. Họ dọa ... bằng chữ rằng chúng tôi là bọn phản dân, phản nước, không sớm quay về với chánh nghĩa quốc gia thì họ sẽ đâm lủng ruột, họ sẽ chặt đầu. Họ đã hăm dọa ngay trên đài phát thanh bằng cách chỉ tên những giáo sư đã hướng dẫn sinh viên biểu tình và cho là phản động.

Không khí căng thẳng hơn lúc nào hết nên chúng tôi sắp đặt cho người vào Đà Nẵng mời cha Luận về Huế ngay.

- Còn như trường hợp linh mục không thể về hay không muốn về ?

- Thì cha dùng kíp vào bất cứ giấy tờ gì.

- Bởi vì ...

- Bởi vì cha thì rất thực thà. Mà họ thì rất điêu ngoa.

Nhưng rồi ba giờ đêm ấy chùa chiền bị tấn công. Nhà tôi ở trên đường đi đến chùa nên tôi nghe rõ cả tiếng mõ, tiếng chuông, tiếng kêu cầu cứu. Đồng bào ở quanh chùa bèn đánh mõ đánh thùng thiếc để báo nguy. Đợt xung phong đầu, cảnh sát chiến đấu bị thanh niên sinh viên học sinh và các đạo hữu trong chùa dùng gậy, củi đập lui. Lúc ấy họ chưa được lệnh bắn. Nhưng rồi tiếng súng đầu tiên nổ. Em anh Trí đi xe vêlô lại báo tin nhà anh Trí đã bị bắt cóc, rồi hỏi hỏi đáp xe đến các nhà anh khác.

- Anh có ý nghĩ thoát thân chẳng ?

- Ngay lúc đó thì có. Tôi nghĩ đến tòa Lãnh sự Mỹ, ở cách nhà tôi độ 200 thước. Nhưng rồi xét lại, tôi trốn không có lợi. Chỉ thoát được thân mình. Đã làm thì chịu trách nhiệm. Mười lăm phút sau khi em anh Trí báo tin, thì nhà tôi bị bao vây. Chúng kêu mở cửa. Lúc ấy là 4 giờ sáng. Tôi không cho mở, cố ý để họ mất thì giờ và buộc họ dùng bạo lực. Họ phá cửa trước không được họ phá cửa sau. Trong lúc đó tôi lo hủy gấp một số tài liệu bằng cách xé ra và nuốt vào bụng, và thu dấu một số tài liệu khác. Lúc họ vô nhà, tôi đứng ở trên lầu lắng tai nghe. Họ vào phòng mấy đứa con tôi và bật đèn hỏi tôi. E họ đánh đập chúng, tôi lên tiếng hỏi họ muốn gì.

Tôi cười:

- Thì họ muốn gì anh dư biết rồi kia mà ...
 - Ấy đó, mà họ hỏi lại tôi” Đây có phải nhà ông Lê Trọng Vinh không ?”
 - Thế là họ lộn nhà. Nhưng tốp tìm anh họ lại đi đâu ?
 - Sau, hỏi ra, thì tốp đó về làng tìm tôi ở Kê Vạn. Họ tưởng tôi không đại gì ở ngay giữa Huế.
 - Rồi họ bỏ đi ?
 - Không. Họ đòi tôi đưa thẻ căn cước. Họ xuống lầu nói với xếp họ đây không phải nhà Lê Trọng Vinh mà là nhà Lê Tuyên. Người này “À” lên, “Lê Tuyên cũng có tên trong sổ !”.
- Ông ta mời tôi xuống. Tôi lúc đó mặc đồ bị da ma, xin trở lên lầu thay đồ thì ông ta lắc đầu, bảo cấp trên mời tôi đến hỏi chuyện riêng một chút rồi về. Họ đưa tôi đến nha cảnh sát. Tôi là người thứ sáu được Chánh quyền “mời đến hỏi chuyện riêng”
- Anh có thể cho biết năm người đến trước ?
 - Ba bạn đồng nghiệp: Trí, Trường, Nam; một giáo sư trường Quốc học và ông hiệu trưởng trường tư thực Bồ Đề.
 - Chưa có anh Quyến ?
 - Mãi đến 8 giờ, anh Quyến mới bị bắt.
 - Về vụ anh bác sĩ Quyến bị bắt, tôi có biết một anh bạn cũng bác sĩ rất khổ tâm về vụ này. Tiện đây, tôi xin kể lại cho anh nghe.

Người bạn của tôi còn trẻ, ở ngoại quốc về không bao lâu. Anh được bổ làm giám đốc một bệnh viện nọ ở lục tỉnh. Khi hay tin người bạn đồng nghiệp ở Huế bị Chánh quyền bắt ngang rồi tổng giam chẳng đưa ra tòa án xét xử, anh rất đỗi bất bình, và vì còn trẻ, vì về nước chẳng lâu, anh trông ngóng các bậc đàn anh, giám đốc các bệnh viện trong toàn quốc lên tiếng phản đối vụ bắt giam trái phép này để tỏ tình liên đới, và anh tưởng thế nào rồi các bậc ấy sẽ có đơn từ chức, thì hạng đàn em như anh sẽ sẵn sàng để trả chức. Nhưng uổng công anh ngóng trông và dò hỏi. “Sống chết mặc ... mày !”. Anh không thể làm gì hơn là bực dọc với mình và khinh các “bậc đàn anh” ấy. Anh âm ức nói với tôi sau đó một tháng: “Anh tưởng tượng nếu giám đốc tất cả bệnh viện trong nước đều từ chức một lượt để phản đối chuyện anh Quyến thì cuộc đời chắc chẳng êm ror như thế này, và “họ” cũng bớt khinh bọn trí thức chuyên việc “cứu nhơn độ thế”.

- Anh Quyến biết được việc này chắc anh được an ủi nhiều lắm. Chính tôi sau này rất buồn cho cái giới trí thức nước nhà, trong đó có mình ! Cọng sản họ khinh, họ Ngô xem rẻ, rồi đến lớp trẻ xem thường là đáng lắm. Không dám lãnh trách nhiệm, chẳng dám có sáng kiến, cứ đùn trách nhiệm cho cấp trên, cứ tưởng mình khôn ngoan thận trọng nhưng thật ra nhút nhát và hèn nhát hơn ai !
- Chắc ngoài anh em trong giáo giới, còn các tăng ni, sinh viên, học sinh ?
- ... và Hướng đạo nữa. Chiều, thêm một số ít đồng bào.
- Số người bị bắt ngày 21 ấy chắc là đông lắm.
- Tôi phỏng độ **ngàn người**. Họ nhốt vào hội trường của nha cảnh sát, vốn chứa ngày thường được ba trăm người là nhiều.
- Nhốt chung như thế, các anh lúc ấy có hiểu lí do cuộc bắt bớ này chẳng ?

- Chưa một ai hiểu. Chỉ phỏng đoán có lẽ là một vụ Saint Barthélemy mới, mà nạn nhân không phải là người theo đạo Phản Thệ (Tin Lành) mà là Phật giáo đồ. Chúng tôi bàn với nhau: nhất định không rút đơn từ chức. Nhưng nếu Chánh phủ giải quyết trong vòng danh dự đôi bên, trưng dụng chúng tôi thì chúng tôi làm việc lại.

- Các anh bắt đầu ... bị quan chưa ?

- Trái lại là khác. Trọn ngày 21, chúng tôi lạc quan, mà ai bị bắt cũng lạc quan như chúng tôi. Hẳn là Sài Gòn đã xảy ra gì quyết liệt nên ở đây họ mới dùng biện pháp thất nhân tâm này. Mà nếu chưa có gì xảy ra hôm nay thì cũng có cái gì xảy ra ngày mai ngày mốt: phải bắn phá chùa chiền, bắt bớ sư vãi trí thức sinh viên như thế nì, là **báo hiệu cơn giã chết của chế độ**. Riêng chúng tôi thì nghĩ: mình thất một trận đánh nhưng rồi mình thắng cả trận giặc.



BS Lê khắc Quyền

Trưa hôm sau - thứ năm 22-8 - người ta mời anh Quyền đi. Năm phút sau, đến phiên tôi. Tôi theo người dắt đi vô một hành lang tối om. Một người cảnh sát chiến đầu chờ sẵn, dí súng lục vào bụng tôi và bảo tôi cởi quần áo ra. Tôi bảo tôi không có mặc đồ lót. Anh ta cau mặt rồi giữ áo quần cùng gương trắng, anh ta ra lệnh vô một cái phòng. Tôi vừa để chân vào xà lim thì anh ta to tiếng chửi ...

- Anh ta chửi có chút gì ... văn chương không ?

- Văn chương thì không, mà tục tằn cũng không nốt. Chỉ có điều trắng trợn.

- Vậy xin anh lập lại ... Cũng là một tài liệu !

- “Tài liệu” này có hai đoạn. Đoạn đầu, thông thường; Đoạn sau, thật là bất ngờ. Bất ngờ đối với tôi. Tôi xin lập lại:

“Đồ Việt gian, đồ phản động, đồ Cộng sản ! Tụi bây thắng thì tụi bây cắt cổ tụi tau, còn tụi tau thắng thì tụi tau cắt cổ tụi bây !”

Rồi hán đóng sầm cửa xà lim, khóa và niêm lại. Khoảng một giờ sau, họ mang cho tôi một cái thùng sắt Tây sét rỉ để tôi đi ngoài.

- Anh bị nhốt xà lim mấy ngày ?

- Năm tuần

- Com nước ra sao, anh ?

- Ngày hai đĩa cơm nửa chín nửa sống với một ít xì dầu.

- Anh ăn được chứ ?

- Lần đầu, tôi đành chịu. Nhưng rồi cố nhắm mắt. Còn nước thì họ cho mỗi ngày một chai, thứ chai xa xỉ đó, để dùng trọn ngày trong một lúc cho đủ mọi thứ, uống, rửa tay, rửa mặt, v.v... Xuýt nữa tôi quên, họ có để cho tôi đôi dép Nhật để đi. Tôi không đi mà dùng chúng để gói đầu. Nền xi măng lâu đời bề vụn, nằm khó chịu vô cùng. Chẳng dám lẫm vì lẫm thì rách da.

- Trong 5 tuần xà lim ấy, chắc anh không giữ một kỉ niệm nào êm ả cả ?

Mất anh chớp chớp:

- Có, anh à. Đời thỉnh thoảng cũng dành cho mình đôi cái bất ngờ sung sướng đến có lúc mình ngỡ mắt ngỡ tai. Đêm thứ ba, phiên gác vừa đổi, tôi nghe có tiếng gõ cửa. Tôi thức mà làm thỉnh. Có tiếng gọi khe khẽ: “Thầy ! Thầy ...”, rồi một miếng giấy khá lớn được chuôi vào dưới khe cửa. “Em là một Phật tử đây thầy; thầy lấy giấy này để lót lưng cho đỡ đau đỡ lạnh. Đến 5 giờ sáng đổi phiên gác, em gõ cửa, thầy chuôi miếng giấy ra cho em kéo chúng nó bắt gặp thì chết thầy chết em”. Và, sau đó, hễ tới phiên gác của người lính Phật tử mà tôi không biết tên biết mặt là lưng tôi được “sướng” mấy giờ.

Chúng tôi bị bắt sáng thứ tư 21-8, thì đến chủ nhật 25-8 họ tha gần hết, còn có 5 người trong ban chỉ đạo; các anh Trường, Hanh, Huân, Quyến và tôi, cùng với anh Võ Như Nguyễn thuộc viện Hán học. Anh Nguyễn lãnh đạo phong trào ở viện này.

- Bốn anh kia cũng bị nhốt xà lim như anh ?

- Chỉ có mình anh Quyến và tôi vì chỉ có hai xà lim. Ba anh kia được nằm ghế bố có mùng.

- Còn các anh chỉ đạo anh chị em sinh viên ?

- Ba anh Giàu, Thơ, Bính thì vẫn bị giam cạnh đấy.

- Ngày đầu, đêm đầu nằm xà lim, chắc anh khổ sở lắm ?

- Khổ sở và mất hết tinh thần. Vì hoàn cảnh thay đổi quá đột ngột và quá khác. Nhưng rồi cái gì cũng quen đi, và nói như ai đó, con người là con vật dễ thích nghi với hoàn cảnh nhất. Đến ngày thứ sáu thấy bớt khó chịu nhiều, qua ngày thứ bảy thì thấy như thường.

Tôi nhìn anh chăm chú và hỏi:

- Đố anh biết tại sao ngày thứ bảy anh chẳng thấy khó chịu ?

Anh đẩy gọng kính, nhìn lại tôi. Tôi nói vì Đức Chúa Trời tạo ra cái thế giới này trong sáu ngày thôi. Qua ngày thứ bảy, Ngài bèn xoa tay mà đi nghỉ vậy ! Anh cười.

Tôi hỏi:

- Anh có tìm được cách gì để giết thì giờ không ?

- Được hai cách. Một là gỡ những miếng xi măng vụn dính vào người, hai là hát ngẫu nhiên ...

- Mấy ngày sau họ mới thăm vấn anh ?

- Năm ngày sau. Buồn cười một nỗi là những kẻ thăm vấn tội trạng lại là cán bộ Việt Minh cũ.

Có gì lạ đâu anh. Sau khi phụng thờ một chế độ hết sức duy vật thì họ lại phụng sự một chính thể cực kỳ ... duy linh ! Những cái cực đoan rồi sẽ đụng nhau ! Chắc họ hỏi anh về đêm ?

- Đúng vậy. Từ 9 giờ tối đến 4 giờ sáng. Họ thường dựng đứng tôi trong khoảng ấy. Như tôi đã nói với anh, tôi không bị tra tấn, họ nói tôi rất ư lịch sự.

- Và những khi đó, họ cho anh ...

- Phải, họ cho tôi mặc quần áo, đưa gương cho tôi mang đằng hoàng.

Họ hỏi khéo léo lắm, định dồn chúng tôi phải nhận ba điều này: có liên lạc với Phật giáo; có liên lạc với tòa lãnh sự Mỹ; định từ chức trước lúc cha Luận bị cách chức. Mục đích của họ là cố gài tôi gián tiếp nhận để đưa tôi ra tòa án Quân sự. Nhưng tôi trước sau vẫn trả lời: Không.

- Họ hỏi anh từ ...

- Từ 20-8 đến 20-10. À, có lúc họ hỏi tôi luôn ba đêm liền. Một là một. Có khi họ cho nghỉ vài đêm rồi kêu hỏi lại. Sau, Sài Gòn có gọi một phái đoàn ra hỏi nữa.

- Như thế, những lúc quá mệt, anh có khi nào trả lời cho rồi để về ngủ cho khỏe !
- Không khi nào. Vì mình biết họ cố ý hỏi mình trong lúc nửa tỉnh nửa mê, làm cho tinh thần mình căng thẳng tốt độ để mình không làm chủ được mình nên tôi hết sức giữ vững tinh thần. Không là không.
- Thế thì kết quả ...
- Kết quả là họ đánh cần mình khai ra sao. Họ **tự tiện dựng đứng hồ sơ mình** để đi đến kết luận: mình đã chống đối và khuynh đảo Chính phủ thì Tòa án Quân sự ! Và là Tòa án Quân sự Mặt trận nghĩa là không có quyền có luật sư, không có kháng cáo, bản án được thi hành ngay.
- Mấy anh kia có ai cũng một cảnh đoạn trường như anh không ?
- Có. Đó là Thượng tọa Thích Trí Thủ, bác sĩ Lê Khắc Quyến, anh Võ Như Nguyễn (ở viện Hán học) và hai anh sinh viên Võ Văn Thơ và Hoàng Văn Giàu.
- Sao anh biết họ dựng đứng hồ sơ anh và các người anh vừa kể ? Vì các anh chưa bị tòa án Quân sự xử.
- Tôi biết vì chính mắt tôi thấy những tài liệu buộc tội ấy. Họ có đốt đi nhưng còn sót.

Tôi xin kể tiếp. Đến tuần thứ năm tôi bị ho ra máu, họ bèn đưa tôi ra ở ngoài. Tôi xin đi bệnh viện họ không cho. Hai bác sĩ đến khám tôi đều yêu cầu ông giám đốc cho tôi đến bệnh viện để rồi kiếng. Ông giám đốc không cho là không cho. Ông ta yêu cầu cho tôi thuốc solucamphre mà không cho phép nói ra ngoài là tôi đau bệnh chi, chắc là sợ người ta bảo tôi vì bị giam mà ho ra máu.

- Anh có làm bạn với con rệp con muỗi nào trong thời ở xà lim không ?

- ...

- Tôi có vài người bạn cũng bị nhốt xà lim như anh, cũng trong vụ chống chế độ cũ vừa qua. Các anh ấy bảo lần đầu trong đời phải chịu cảnh cô độc hoảng sợ vô cùng, Cho nên bất cứ có sự sống nào hiện diện là các anh bám ngay. Và chính do nhu cầu quá cần thiết này mà các anh làm chủ được phản ứng đập liền rệp, muỗi hút máu mình. Các anh sung sướng để chúng tha hồ hút máu các anh. Nuôi chúng sống để thấy ngoài mình còn có một sinh vật đại diện cho sự sống trong cái cảnh địa ngục giữa trần gian ấy. Tôi lại đi xa đề mất !

À, anh vẫn bị nhốt ở nhà Cảnh sát cho tới ngày đảo chánh thành công ?

- Ngày phái đoàn Liên Hiệp Quốc ra Huế để điều tra - tức là ngày thứ tư 30 tháng 10 - họ đưa tôi đến Cơ quan đặc biệt Phản gián, chung quanh chôn mìn sẵn và bố trí như một pháo đài. Tối đây, tôi thấy hai anh Nguyễn, anh Quyến, và bất ngờ hơn hết là sau hai năm mất tăm dạng, anh Dương Kỳ ngồi ung dung gọt cà rốt !

Họ dặn chúng tôi phải nói với phái đoàn Liên Hiệp Quốc là chúng tôi bị giam ở đây là vì có tội với Chánh phủ. Phái đoàn có hỏi tội gì thì trả lời không được biết. Điều quan trọng là nói *không có kì thị tôn giáo* ở nước Việt.

Nhưng khi họ đưa anh Bính (còn là tổng thư kí đoàn sinh viên Phật tử) gặp phái đoàn thì anh Bính nói toạc ra tất cả sự thật. Vì thế họ miễn cho chúng tôi màn kịch ấy.

Rồi 8 giờ rưỡi ngày 2 tháng 11, họ cho gọi anh Lê Mộng Đào, anh Võ Văn Thơ, chị Cẩm Hà (một nữ sinh) và tôi. Thiếu tá giám đốc nhân danh Hội đồng Quân nhân Cách mạng cảm ơn chúng tôi đã tích cực tham gia vào việc lật đổ chế độ thối nát và bạo tàn của họ Ngô Đình, và xin trả lại tự do cho chúng tôi. Chúng tôi nghe vậy mà chẳng hiểu ắt giáp gì.

Tôi lững thững về Đại học Sư phạm, tức Morin cũ.

- Sao anh không về nhà trước ?

- Vì nhà tôi ở xa. Tối viện, thấy sinh viên đã tụ họp sẵn để đi rước chúng tôi. Chừng ấy tôi mới biết đầu đuôi tự sự. Được biết còn các anh Quyến, Nguyễn, Giàu, Bính chưa được thả, anh chị em sinh viên bèn kéo đi đón.

Anh thở dài như trút xong một gánh nặng.

- Thế là anh mất tự do tất cả là ...

- ... 73 ngày.
- Trong 73 ngày giam cầm ấy, có ngày nào anh cảm thấy xót xa nhất ?
- Đó là ngày chủ nhật 25-8, ngày tôi được nghe một bạn đồng nghiệp từng sát cánh đấu tranh với mình nói qua đài phát thanh tố cáo mình là một tên lưu manh trí thức. Tôi cũng có biết vài bạn yếu bóng vía, có vài hành động phản bội, tôi chỉ buồn thôi chứ không có xót xa tận đáy lòng như khi nghe anh bạn kia buộc tội qua làn sóng điện. Nhất là họ mở ra-đô cho mình nghe từ 6 giờ sáng đến 10 giờ tối, mục đích để khủng bố tinh thần mình.
- Ra rồi, anh có nghe gì về việc đưa anh ra tòa án Quân sự ?
- Có sắc lệnh kí từ lâu để mở những tòa án quân sự đặc biệt, nhưng chưa có vùng chiến thuật nào mở. Nếu không có cuộc đảo chánh ngày 1 tháng 11 năm rồi thì tôi sẽ “được” tòa án Quân sự xử vào ngày 6 tháng 11. Mà như anh biết, bị đưa ra tòa này thì hoặc được tha bổng hoặc bị xử tử. Tội của tôi, thật ra, thì chỉ có một là không đưa kiểm duyệt ấn phẩm trước khi phổ biến, một tội về mặt hộ. Nhưng mà khi người ta không muốn mình sống thì không có tội gì cũng phải chết, huống chi là có một tội.

Vụ đưa ra tòa án Quân sự ngày 6 là thời bình. Chớ vào đêm thứ sáu mùng 1, lúc 22 giờ - sau khi tiếng súng cách mạng nổ được 8 tiếng rưỡi đồng hồ, thì tại dinh ông Cẩn, Hội đồng Quân sự đã họp và lên án xử tử anh Quyến, anh Nguyên, một số sinh viên (Giàu, Thơ, Bính) và tôi. Gặp thời “loạn”, người ta có thể hành quyết chúng tôi lúc nào cũng được. Nhưng một giờ sau, tướng Đỗ Cao Trí tuyên bố đứng bên phe cách mạng, ra lệnh ngưng thi hành tất cả mệnh lệnh của chánh phủ cũ ...

- Thế là mạng anh lớn lắm !

Anh cười nhẹ, cúi nhìn lòng bàn tay trái.

- Được tự do, anh vui. Nhưng hẳn sau đó, anh cũng được nghe thấy vài điều buồn.

Anh im lặng một hồi.

- Tôi xin kể vài trường hợp điển hình.

Trước hết, về cá nhân.

Chúng tôi có được tờ truyền đơn từ Genève gởi về cho biết Chánh phủ Ngô Đình Diệm sẽ bị lật đổ và ông Bửu Hội sẽ đứng ra lập chánh phủ mới. Bửu Hội là dân Huế, lại là Phật tử, lại có truyền đơn kia nên khi ông ta về Huế trong hai ngày, anh Quyến đã gặp Bửu Hội để nói rõ sự thật về vụ đàn áp Phật giáo ở Huế cho ông ta biết, cùng những dự định của nhóm chúng tôi để mong ông giúp đỡ về mặt tinh thần.

Anh Quyến mời nhà bác học này về nhà đãi cơm và giải bày tất cả những thống khổ của một nhóm người có học. Chẳng dè về Sài Gòn, ông ta **mách lại với ông Nhu** tất cả !

- Có bằng chứng gì về sự phản bội lịch sử trí thức này không ?

- Chính một nhân vật trong chính phủ cũ – xin anh miễn cho tôi việc nói tên vị này – đã nói lại với chúng tôi. Và đã thêm: “Bửu Hội nó bán đứng anh em lấy 80.000 đô-la qua Tây ăn hút, tương thế cũng quá lắm rồi. Nào ngờ nó còn mặt dạn mày dày đi New York nói láo nói khoét nữa. Tôi không ngờ nó lại hèn đến thế !”

- Còn trường hợp cá nhân nào nữa không anh ?

- Còn. An ninh quân đội có bắt được một số tài liệu của chúng tôi. Họ đem ra nghiên cứu. Một nhân viên reo lên: “Thằng cha Tuyên tới số rồi ! Phen này nó chạy đâu cho khỏi chết. Giọng của nó đây này. Tao còn lạ gì, tao học với nó mấy năm !”

- Ai nói lại với anh ?

- Em tôi. Nó làm chung một chỗ với người học trò cũ nọ. Tôi kể tiếp: Một sinh viên ở Đại học Sư phạm dán truyền đơn xin thả tôi, bị bắt bị tra điện. Nay chưa trở lại bình thường ...

- Anh cho biết đôi trường hợp tập thể.

- Một phái đoàn của bộ Giáo dục và giáo sư Đại học Sài Gòn ra Huế ngày 25-8-63 (ông Trình và ông Thới cầm đầu), lên án thái độ chúng tôi, bắt anh em làm kiến nghị dâng lên Tổng thống, gián tiếp buộc tội chúng tôi.

- Tôi còn nhớ kiến nghị này, trong đó có đoạn bắt hủ: “... *nhớ ơn cao dày của Tổng thống*”

- Giáo sư Đại học Sài Gòn làm chúng tôi thất vọng đến ê chề. Họ không có một phản ứng gì khi chúng tôi từ chức, khi chúng tôi bị bắt. Tuy vậy, chúng tôi còn hiểu họ. Chớ họ chẳng một lời gì tỏ tình thông cảm khi chúng tôi được tự do – sau khi chế độ họ Ngô bị lật đổ - thì quả là chúng tôi không hiểu họ nổi. Có khi chúng tôi nghĩ: “Nếu giáo sư Đại học Sài Gòn mà lên tiếng ủng hộ lập trường của chúng tôi thì biết đâu...”. Thú thật với anh, lúc mới về tôi tính phớt qua ..., nhưng càng lâu lại càng thấy khó chịu, nhưng mà muốn sống thì phải quên ..

- Anh làm tôi nhớ lời một người bạn ở viễn phương: “Tôi có thể tha thứ nhưng tôi không thể quên”. Nhưng sau cơn “mưa gió” hẳn giờ anh có gì khác trước trong cuộc sống ?

- Tôi trở nên dè dặt trong việc giao tế. và tôi hạn chế sự giao thiệp. Trước kia tôi cởi mở, giờ đây tôi giữ gìn. Đó là một kinh nghiệm, theo anh, hay hay dở ?

Tôi không trả lời anh, nâng tách nước trà bây giờ nguội như nước lạnh:

- Giờ, chúng ta có thể uống nước.

12 tháng chạp, Quý Mão 64

Nguyễn Ngu Í

Ghi chú

(1) Anh có chân trong Hội đồng Nhân sĩ

(2) Rằm tháng 4 năm Quý Mão (nhằm ngày thứ tư, 8 tháng 5 năm 1963)

(3) “Nghĩa địa đầy những kẻ cho mình không ai thay thế được”

00 XXXX 00

Gia đình Sử gia Tạ Chí Đại Trường và Chế độ Ngô Đình Diệm

Posted: Tháng Tám 26, 2009 by **Virtual Archivist** in [Biên khảo](#), [Tài liệu](#)

Nhân thấy trên [diễn đàn Talawas](#) vừa có [đăng một bài viết về Tạ Chí Đại Trường](#), nên xin ghi thêm tại đây vài chi tiết về thân thế của vị sử gia này.

Ông là con trai của cụ Tạ Chương Phùng, một vị Cử Nhân Hán học và cựu Tỉnh Trưởng tỉnh Bình Định. Năm 1960, [ông Phùng là một trong 18 người thuộc nhóm Caravelle đã ký tên vào Bản Tuyên Cáo](#) yêu cầu Tổng Thống Ngô Đình Diệm “*khẩn cấp thay đổi chính sách, ban hành các quyền tự do dân chủ để cứu vãn tình thế và đưa đất nước ra khỏi cơn nguy biến.*”

Tạ Chí Đại Trường còn có một người anh họ tên là **Tạ Chí Diệp, bị thủ tiêu thời giòng họ Ngô Đình thế thiên hành đạo tại Miền Nam**. Ông Diệp vốn là một người hoạt động chính trị ủng hộ giải pháp Ngô Đình Diệm, nhưng khi Ngô Triều đã vững nền thịnh trị, thì ông này lại bị mất tích. Gia đình ông, theo [một bài phóng sự được đăng trên Người Việt Online](#), chỉ “*tìm được chiếc xe gắn máy cũ kỹ của ông nằm chơ vơ cạnh một khu sinh lầy ở phía Nam Sài Gòn. Đó là di tích cuối cùng của Tạ Chí Diệp theo lời của cựu Đại sứ Bùi Diễm.*”



Tạ Chí Diệp

Việc Tạ Chí Đại Trường có thân nhân hoạt động chống chế độ Ngô Đình Diệm không có nghĩa ông ta là người viết sử không đáng tin khi ông bàn về chế độ này. Trong cuốn [Sử Việt, Đọc Vài Quyển](#), được xuất bản tại Hoa Kỳ năm 2004, Tạ Chí Đại Trường có nhận định rằng khối người làm nòng cốt cho chế độ Ngô Đình Diệm là một khối [“kiêu dân”](#). Nguyên văn: “...*với Công giáo di cư ít nhiều gì cũng là kiêu dân...*”

Chúng ta có quyền xem đây là một nhận định khả tín, vì nó đã được xác nhận bởi:

(A) hai bài nghiên cứu do Giáo Sư Nguyễn Thế Anh chấp bút:

1. [“L’Engagement Politique du Bouddhisme au Sud-Vietnam dans les Années 1960”](#), trong: Alain Forest et al (dir.), [Bouddhismes et Sociétés Asiatiques: Clergés, Sociétés et Pouvoirs](#), L’Harmattan, Paris, 1990, tr. 111-124.

2. [“Le Sangha bouddhiste et la société vietnamienne d’aujourd’hui”](#), được đăng trên trang nhà VIET NAM Infos.

và

(B) hai tài liệu nguyên bản được hình thành trước ngày 8 tháng 5 năm 1963:

1. [Informations Catholiques Internationales, “L’Église au Sud-Vietnam”, 15 Mars 1963, tr. 17-26;](#)
2. [“The Buddhist Movement in Vietnam and its Difficulties with the Present Government” \[April 1961\], một tài liệu đang được lưu trữ tại Văn Khố Chiến Tranh Việt Nam ở bên Texas.](#)

Cách đây trên 2000 năm về trước, Khoái Thông nói với Hàn Tín một câu chỉ có 4 chữ mà bây giờ người ta còn nhắc đến, vì ông ta nói đúng, nói hay. Trong một thiên khảo luận dày trên 500 trang, Tạ Chí Đại Trường chỉ dùng có vồn vẹn 12 chữ để nhắc đến vai trò của khối người đứng sau chế độ Ngô Đình Diệm, nhưng vì nhận định của ông rất chính xác nên chúng ta phải suy ngẫm ý nghĩa của chúng để mong tìm hiểu được nguyên nhân đưa đến sự sụp đổ của chế độ này.

[Source: <http://virtualarchivist.wordpress.com/page/2/>]

xxx)000(xxx

Nhớ về Nhất Linh

Nguyễn Hữu Phiêm

Cách đây đúng 47 năm, ngày 7 tháng 7 năm 1963, nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã uống độc dược quyền sinh tại Sài Gòn để phản đối chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm đàn áp đối lập chính trị và bức hại Phật giáo Việt Nam. Ông chọn ngày 7 tháng 7 vì 24 tiếng đồng hồ sau đó, ông không chấp nhận bị mang ra tòa án (8-7-1963) để xử tội chống đối Ngô triều (*Nhà Ngô có bốn gian hùng; Diệm ngu, Nhu ác, Cẩn khùng, Thực điên* – Thi ca Trào phúng miền Trung), và cũng là ngày “Song Thất” mà chính quyền kỷ niệm ngày ông Diệm sau “*bao nhiêu năm từng lê gót nơi quê người*”, bắt đầu về Việt Nam làm Thủ tướng cho vua Bảo Đại.

Trong chúc thư để lại cho gia đình và bạn bè chiến hữu, ông viết:

Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xử cả. Sự việc đem các đảng phái quốc gia đối lập ra xét xử là một trọng tội đối với quốc gia, chỉ đưa đất nước rơi vào tay Cộng Sản. Vì thế tôi tự hủy mình cũng như Hòa Thượng Thích Quảng Đức đã tự thiêu là để cảnh cáo những ai chà đạp mọi thứ tự do.

Ký tên: Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, ngày 7 tháng 7 năm 1963.”



Nhất Linh và Đồng Hồ tại Sài Gòn, khoảng 1960

Hiện nay, tại hải ngoại, những “sử gia” hoài Ngô dư đảng cần lao loại Tú Gàn Nguyễn Càn, cựu bộ trưởng Nội vụ Lâm Lễ Trinh, Nguyễn Văn Lục (em Nguyễn Văn Trung), Nguyễn Hữu Duệ... đang cố tình đánh bóng lại sự nghiệp của ông Ngô Đình Diệm, câu ruột của Hồng y Nguyễn Văn Thuận, để làm biểu tượng chính trị hầu tập trung lực lượng Công giáo chống Cộng, và để chuẩn bị cho Vatican phong thánh trong tương lai. Trong quá trình “đánh bóng” đó, những ai đã từng chống lại Ngô Đình Diệm và chế độ của ông ta đều bị lên “giàn hỏa lịch sử” để thiêu đốt hết. Phật giáo là một trường hợp. Nhất Linh là một trường hợp khác, mà điển hình là bài viết của [Nguyễn Văn Lục bôi bác Nhất Linh bị bệnh tâm thần](#) nhằm ngụy biện rằng đầu óc Nhất Linh vốn bất thường từ lâu, có ý định tự tử từ 10 năm trước chứ chẳng phải vào năm 1963 để lên án chế độ Ngô Đình Diệm gì cả.

Nhân dịp kỷ niệm 47 năm ngày mất của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, chúng tôi xin đăng lại bài viết của bác sĩ Nguyễn Hữu Phiêm, người quen biết với ông đã lâu và cũng là bác sĩ gia đình trước và trong năm 1963 đó tại Sài Gòn, để tưởng nhớ đến một ngôi sao sáng của văn học Việt Nam, một người dân xã thân vì dân tộc, và để xem bùn dơ của các “sử gia” Công giáo hoài Ngô có vấy bẩn được hoa sen Nhất Linh hay không. Ngoài ra, chúng tôi cũng thêm một bài viết của ông Khúc Hà Linh đăng trên nhật báo *Tiền Phong* (trong nước) để biết người trong nước, vào thời điểm 2008, nghĩ gì về Nhất Linh, và các câu đối của cố thi sĩ Vũ Hoàng Chương ai điều người bạn hiền – **nh/gdol**

* * *

Người ta đã viết và nói nhiều về Nhất Linh trong khi anh còn sinh thời cũng như sau khi anh mất.

Viết hoặc tổ chức những buổi nói chuyện để đề cao một chiến sĩ cách mạng quốc gia đã noi gương Thượng toạ Thích Quảng Đức, tự huỷ mình để chống lại một chế độ bạo tàn, để “cảnh tỉnh những con người ác, làm đèn soi sáng nẻo vô minh”, hoặc đề đề cao một văn hào lỗi lạc, “một ngôi sao Bắc đẩu trong nền văn hoá Việt Nam”, suốt đời chỉ biết phụng sự văn hoá, vì theo Nhất Linh, chỉ có *văn mới làm cho đời người đẹp hơn và đáng sống mà thôi*.

Cũng có khi viết hay nói về Nhất Linh cốt để tự đề cao mình lên, và theo tôi, cái đó cũng không lấy gì làm lạ, vì như văn hào Duhamel đã viết: “Khi một người có danh tiếng nằm xuống thì có biết bao nhiêu người tự nhận là bạn thân của người đó xuất hiện”.

Nói cho đúng ra, Nhất Linh có rất nhiều bạn – ngoài một số đông độc giả mến tài anh qua những tác phẩm của anh – vì ai đã gặp anh không thể không quý anh được. Nhưng trong mấy năm gần đây, nhất là từ sau ngày đảo chính hệt 1-11-1960, anh bị chính quyền Ngô Đình Diệm lòng bắt, nhiều người xa lánh anh, cũng như anh, không muốn cho ai vì mình mà phải liên lụy, cũng chỉ lui tới nhà một thiểu số bạn, rất thân của anh, trong đó có kẻ viết bài này.

Có người cho rằng, dù cho có giao du với Nhất Linh thì đã sao, nhất là trong trường hợp tôi, vốn quen biết

anh từ lâu, lại là thầy thuốc của gia đình anh nữa; nhưng theo tôi, phải sống dưới chế độ độc tài, như chế độ họ Ngô, mới thấy rằng người dân không có quyền gì hết đã đành, lại không có cả cái quyền chơi với bạn nữa, nhất là khi người bạn đó lại đứng về phe đối lập như Nhất Linh. Nếu không tất sẽ bị khủng bố, và nếu là một công chức, sẽ bị sa thải, “nồi cơm sẽ bị bể” như ta nói. Điều bi đát này, chính tôi đã được tai nghe một cựu công chức cao cấp của Ngô triều thuật lại.

Ở đây, tôi chỉ ghi những gì tôi biết về Nhất Linh trong những giờ phút cuối cùng của anh. Trước hết, tôi dám quả quyết là Nhất Linh đã sắp đặt, ít nhất là một tuần lễ trước, cái chết của mình. Bằng có là ngày 30-6-1963, anh tới dự buổi họp của Trung tâm Văn Bút mà trước đó anh là chủ tịch, không phải vì văn hoá, mà chỉ cốt để gặp mặt một lần chót các văn hữu của anh trước khi bước sang bên kia thế giới.

Riêng một cử chỉ, “mối tình chân thành” đó cũng đủ cho chúng ta quý mến Nhất Linh rồi.

Ở Trung tâm Văn bút ra, Nhất Linh có ghé lại thăm tôi, nhưng tiếc rằng hôm ấy tôi đi vắng.

Chủ nhật sau, nhằm ngày 7-7-1963, Nhất Linh lại tới vào buổi sáng hồi 10 giờ. Tôi đang ngồi trong phòng ăn bỗng anh lặng lẽ đi vào. Vẫn con người dong dong cao ấy, vẫn vầng trán rộng và thông minh ấy, với đôi mắt tuy tinh anh, sáng quắc nhưng đượm một vẻ buồn khó tả. Phải chăng, tôi nghĩ bụng, anh buồn vì ngày mai anh sẽ phải ra toà để toà xử về vụ đảo chính ngày 11-11-1960?

Anh mặc rất đơn giản, không khác gì mọi bận anh lại thăm tôi: sơ-mi trắng dài tay, hờ cổ, quần tây màu xanh thẫm, và chân đi giày – vẫn đôi giày duy nhất ấy – cũ kỹ đến nỗi không nhận được ra màu gì nữa. Nhất Linh lười mặc lẫn lười ăn, lười uống... thuốc; trái lại, anh rất chăm làm việc, nhất là chăm đọc, chăm viết. Chẳng thế mà chỉ trong có ba tháng trời, trong khi anh lười trôn, mà anh còn viết, viết một mạch xong ba cuốn *Dòng sông Thanh Thủy*, rồi lại vẽ, lại sửa bản thảo trước khi đưa in...

Cho hay, khi đời sống nội tâm của con người ta dồi dào, phong phú thì tất cả những gì thuộc về ngoại vật, đều không đáng kể. Đó là trường hợp của Nhất Linh.

Như trên vừa nói, Nhất Linh lại thăm tôi vào buổi sáng hôm 7-7-1963. Anh giờ tay bắt tôi. Chúng tôi im lặng nhìn nhau. Tôi đợi anh ngồi xuống ghế mới cất tiếng hỏi thăm về sức khoẻ của anh. Anh khẽ gật đầu, và hai mắt chớp chớp như mọi bận.

Tôi ngập ngừng đề cập tới việc hôm sau anh ra toà thì anh lạnh lùng nói:

"Ông Diệm đã bảo xếp việc này đi rồi không hiểu tại sao lại còn moi ra."

Tôi nói để cho anh yên lòng:

"Chắc chỉ để khủng bố tinh thần các anh mà thôi."

Rồi tôi nói một câu tiếng Pháp: "*Leurs jours sont comptés*" (Ngày tàn của chúng cũng đến nơi rồi).

Vợ tôi đứng gần đấy hỏi anh:

"Mai ra toà anh sẽ khai ra sao?"

"Chị cứ yên trí, anh đáp, tôi sẽ không nói gì hết, y như ông giáo sư ở trong phim *Jugement à Nuremberg* khi ra toà ấy."

"Không sao đâu, chiều mai chúng tôi sẽ xuống thăm anh."

"Anh chị lại không gặp tôi đâu."

Thú thật, khi nghe Nhất Linh nói câu đó, với một giọng bình thản vô cùng, tôi chỉ có thể đoán được rằng, có lẽ hơn ai hết, anh biết rõ tội trạng (!) của anh, yên trí sau phiên toà anh sẽ bị kết án, chứ tôi không ngờ rằng anh nói với ẩn ý là anh sẽ quyên sinh, không chịu để cho toà xử.

Đang lúc tôi còn phân vân không biết nói gì với anh thì vợ tôi nói:

"Dẫu có thể nào thì chúng tôi vẫn luôn nhớ tới anh, vẫn coi anh như người anh cả."

Câu chuyện giữa anh và vợ chồng tôi, đáng lẽ còn kéo dài, nhưng thấy tôi có khách, anh vội đứng lên và nói rất nhỏ nhẹ:

"Tôi đến để từ biệt anh chị."

Khi ấy vào khoảng 11 giờ. Chúng tôi tiễn anh ra cửa, và hai chúng tôi còn đứng trên vỉa hè để đợi tắc-xi trên 10 phút, lặng lẽ cầm tay nhau, không ai nói với ai một câu, mỗi người có một ý nghĩ riêng, mỗi người có một nỗi buồn càn cảnh bên lòng. Nhưng thú thật là khi ấy, tuyệt nhiên trên nét mặt của Nhất Linh, tôi không hề nhận thấy một dấu hiệu nhỏ nào cho biết chỉ trong vài tiếng đồng hồ nữa, anh sẽ xa lánh cõi trần, xa tất cả mọi người thân yêu của anh để đi vào lịch sử.

Tôi có thể nói tôi là người bạn cuối cùng mà anh đã hạ cố lại thăm trước khi mất.

Ngay buổi chiều hôm ấy – vào khoảng 5 giờ – chúng tôi, có lẽ do linh tính thì phải, đang bàn nhau xuống An Đông thăm anh, bỗng có anh bạn của Nhất Linh và của tôi, anh K. xông xộc chạy vào, với nét mặt hốt hải. Tôi đoán là có việc chẳng lành đã xảy ra cho anh Tam. Quả nhiên, anh bạn đó tới để báo tin anh Nhất Linh đã quyên sinh và hiện đang mê man, anh yêu cầu tôi xuống gấp.

Mười phút sau thì chúng tôi tới An Đông. Gặp chị Nhất Linh ở dưới nhà, tôi không kịp chào hỏi, cứ cắm đầu chạy thẳng lên thang.

Thoáng nhìn nét mặt và nghe hơi thở của anh, rồi bắt mạch, tôi biết ngay là anh đã quyên sinh với thuốc ngủ, mặc dầu lục lọi chung quanh chỗ anh nằm không tìm thấy một viên hay một ống thuốc nào. Khi người ta đã cố tình tự vẫn thì không khi nào để lại một vết tích gì và không chết bằng cách này thì cũng chết bằng cách khác, đó là cảm nghĩ của tôi khi đứng trước Nhất Linh.

Tuy nhiên tôi vẫn phải làm phận sự của người thầy thuốc, vẫn phải chích cho anh một mũi thuốc hồi sinh, rồi cấp giấy giới thiệu với Bệnh viện Grall để anh được vào nằm điều trị.

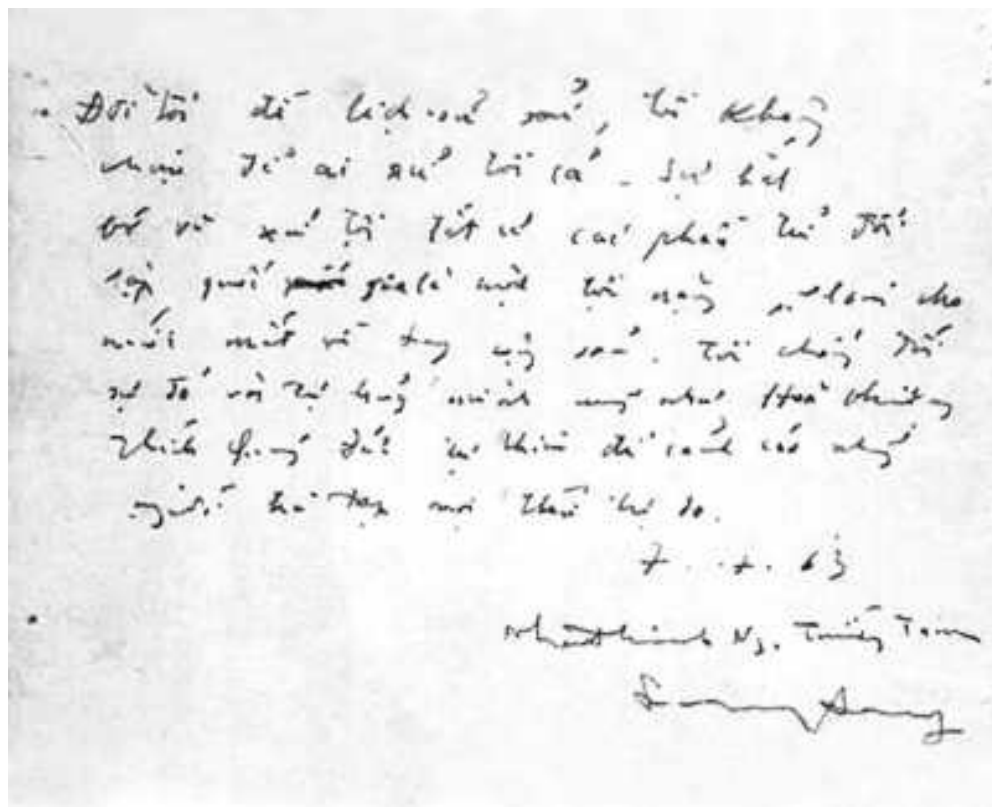
15 phút sau tôi cũng tới bệnh viện, vừa lúc bác sĩ thường trực đến. Chúng tôi thảo luận với nhau một hồi về

bệnh tình, có vẻ trầm trọng của bạn tôi.

Đồng nghiệp của tôi lắc đầu thất vọng, và nói: “*C’est foutu!*”.

Ông ta toan cho đưa anh xuống “Nhà xác”, nhưng thấy tôi khẩn khoản quá ông đành ưng thuận cho lên nằm trên phòng bệnh để “còn nước còn tát”.

Mặc dầu có bao sự tận tâm săn sóc, Nhất Linh cũng trút hơi thở cuối cùng trong đêm hôm đó. Anh đã được toại nguyện, đã được chết ngày 7-7-1963 là ngày “song thất” của kẻ đã phản dân hại nước.



Đời tôi đi lệch quá rồi, tôi không
muốn đi ai nữa tôi cần sự bình
thản và sự yên tĩnh để cái phần tôi đã
tặng lại cho quốc gia một lần nữa, để làm cho
nước này trở nên yên ổn. Tôi không thể
vẫn sống và chờ đợi như thế này được. Tôi không
thích sống nữa. Tôi không thể sống nữa
giữa hai tay một thời đại đen.

7.7.63
Nhất Linh N.S. Tuyết Tâm
[Signature]

Trong suốt thời gian nằm trong bệnh viện, anh vẫn mê man không lúc nào tỉnh cả.

Tâm trạng của tôi, vừa là bạn, vừa là thầy thuốc của anh, tối hôm đó, thật rối bời bời, và vô cùng phức tạp. Một mặt, tôi cầu chúc cho anh được tai qua nạn khỏi, mặt khác, lại lo ngại, lo ngại lỡ ra anh sống, biết đâu mình chẳng đắc tội với anh vì đã làm trái với chí nguyện của anh chỉ mong được chết để chống lại những kẻ “chà đạp lên mọi thứ tự do”.

Nào chỉ có những ý nghĩ vẩn vơ ấy mà thôi! Trong khi anh mê man, nằm thoi thóp trên giường bệnh, chúng tôi – mấy con anh Nhất Linh và một anh bạn – bàn tính với nhau để giấu tờ di chúc chính trị do chính tay Nhất Linh viết làm hai bản, rồi trao cho phóng viên của hai tờ tuần báo *Time* và *Newsweek*, theo lời trối trăng của anh.

Tôi còn nhớ mãi cuộc thảo luận tối hôm đó ở ngoài hành lang bệnh viện, đối diện với gian buồng bệnh của

anh, chung quanh bản di chúc quan trọng đó. Chúng tôi nhất định không để lọt mảnh giấy học trò kia vào tay nhà chức trách. Tôi căn dặn mọi người là nếu họ có hỏi tra thì chỉ đưa ra hai tờ di chúc: một gửi cho bạn bè thân thuộc, và một gửi cho chị Nhất Linh.

Trong tờ di chúc thứ nhất vắn vắn có mỗi một dòng:

Vĩnh biệt tất cả mọi người thân yêu.

Tờ di chúc thứ hai, gửi cho chị Nhất Linh, cũng chỉ vắn tắt hai dòng:

Mình,

Mối tình của đôi ta đẹp để lắm rồi. Mình không còn mong muốn gì hơn nữa.

Ở đây tôi thấy cần ghi là chính bà Nhất Linh cũng không rõ nội dung của tờ di chúc chồng gửi cho mình, vì sau khi được tin Nhất Linh từ trần, nhà chức trách đã tịch thu hết các giấy tờ – trừ bản di chúc chính trị nói trên – và không chịu trả cho thân nhân anh. Cho đến mãi hai tháng sau ngày đảo chính 1-11-1963 mới đòi lại được.

Cũng trong cái đêm lịch sử ấy, chúng tôi bàn nhau để loan tin Nhất Linh tự vẫn cho các bạn đồng chí của anh, hôm sau phải ra toà, ngõ hầu gây một xúc động lớn tại toà án.

Quả nhiên sáng hôm sau 8-7-1963, tin Nhất Linh tự huỷ mình để chống lại chính quyền lan đi rất mau khác nào một vết thuốc súng, khiến cho dư luận các giới, nhất là giới trí thức, sinh viên, xô xao, bàn tán, và ngay cả chính quyền cũng phải sững sốt hoang mang.

Bản án của Nhất Linh đương nhiên bị huỷ bỏ, còn đối với các chính trị phạm sắp bị xử, toà có một thái độ bất ngờ. Đáng khen, theo lời tường thuật của một ông bạn tôi cũng bị đưa ra xử hôm đó, là cử chỉ can đảm của ông Phan Khắc Sửu, đã đứng ra xin toà cho một phút để mặc niệm Nhất Linh. Dĩ nhiên là toà không cho phép, nhưng không vì thế mà không có phút mặc niệm kia.

Chả bù cho thái độ trái ngược hẳn của một chính khách, thường được nhiều người coi như một nhà cách mạng, khi nghe thấy một số đồng phạm nhân đề nghị đeo băng đen để tang Nhất Linh, bèn từ chối đầy đủ và thốt lên câu nói bất hủ này:

“Thôi mà, bày vẽ để tang làm gì họ lại phết thêm cho vài năm tù nữa chả bỏ.”

Nghĩ mà buồn và thương hại thay cho những hạng người thường vỗ ngực là đồng chí của Nhất Linh.

Cái chết của Nhất Linh đã gây nhiều bối rối cho chính quyền Ngô Đình Diệm, nhất là cho vợ chồng Ngô Đình Nhu, lòng lộn lên như con thú dữ. Chúng sợ người sống đã đành, chúng sợ và thù ghét cả người chết nữa, những người chết cồng kềnh (les morts encombrants) như chúng tôi nói.

Trước kia chúng sợ cái chết của Thượng toạ Thích Quảng Đức, ngày nay chúng sợ cái chết của Nhất Linh, không những vì Nhất Linh là một chiến sĩ cách mạng quốc gia có rất nhiều uy tín ở trong nước cũng như ở ngoại quốc, mà lại còn là một văn hào có tên tuổi, được giới thanh niên, trí thức mến chuộng.

Tôi dám nói, không sợ nói ngoa, là từ lúc Nhất Linh nằm xuống cho tới khi đưa anh về nơi an nghỉ cuối cùng ở Nghĩa trang Gò Vấp, chính quyền Ngô Đình Diệm đã mất ăn mất ngủ, và tìm mọi cách để phá.

Bằng cứ là ngay sau khi anh mất, họ ra lệnh làm một cuộc phẫu nghiệm tử thi (autopsie), mặc dầu không có sự ưng thuận của gia đình.

Tất cả là 12 người có mặt trong buổi phẫu nghiệm ngay hôm 9-7-1963, tại nhà xác của Bệnh viện Grall: 7 bác sĩ, trong đó có một bác sĩ giải phẫu ngoại khoa của Grall, hai nhân viên Sở Giáo nghiệm, một viên phó cảnh sát, hai biện lý và phó biện lý của Toà án Sài Gòn.

Dưới đây là kết luận của bản phúc trình pháp y về cuộc phẫu nghiệm đó:

“Với những phương pháp khám nghiệm thông thường tại chỗ, không thấy thi hài có triệu chứng nào có thể giải thích cái chết mau chóng của Nguyễn Tường Tam, cần chờ xem kết quả việc tìm kiếm do các phòng và viện giáo nghiệm”.

Nào chỉ có phẫu nghiệm tử thi mà thôi! Theo lời của một người trong gia đình anh, có lần chúng toan cướp cả xác của anh, định đem ra khỏi Grall, nhưng ban giám đốc bệnh viện không chịu.

Riêng về phần tôi, cũng vào buổi sáng hôm thứ ba 9-7-1963, chính quyền cử một nhân viên công lực tới nhà để hỏi tôi những chi tiết về cái chết của Nguyễn Tường Tam, trong trường hợp nào tôi quen anh v.v...

Sau đó ít lâu, lại một nhân viên khác của Sở Giáo nghiệm tới tìm tôi ở Viện Pasteur để hỏi xem có biết ông Nguyễn Tường Tam đã dùng thuốc gì để quyền sinh không.

Tôi không trả lời thẳng câu hỏi của người ấy mà chỉ cho biết là ông Tam, hồi trẻ, đậu cử nhân khoa học, và như vậy, ông thông thạo hơn ai hết về các chất hoá học. Huống hồ, ông lại còn là một nhà văn, và từng đọc rất nhiều truyện trinh thám (mỗi lần Nhất Linh đi qua đại lộ Lê Lợi là anh khuân hàng chục cuốn sách trinh thám, và anh đọc ngẫu nhiên trong một đêm là hết), nhất là đã từng viết trong tác phẩm cuối cùng là *Dòng sông Thanh Thủy*, cả một chương về một vụ đầu độc. Như thế thì tôi, mặc dù là thầy thuốc, làm sao mà biết được ông đã dùng thuốc gì để quyền sinh?

Sự thật là như thế!

Sau này, theo bản phúc trình của một phòng thí nghiệm công gửi cho Toà án Sài Gòn, tôi mới rõ là người ta đã tìm thấy ở trong máu, trong bao tử, và trong nước tiểu rất nhiều chất thuốc ngủ, loại *véronal*.

Nhất Linh đã mua và tích trữ thuốc này từ bao giờ, ngay đến những người thân thích của anh cũng không hay biết.

Nhưng gay go nhất là việc định ngày để cất đám Nhất Linh.

Gia đình anh xin phép đưa vào buổi sáng chủ nhật, nhưng chính quyền một mực từ chối, cái đó dễ hiểu, vì họ sợ đưa đám ngày nghỉ, thiên hạ sẽ đi dự rất đông.

Xin phép đưa chiều thứ bảy, họ cũng từ chối nốt, vì chiều thứ bảy, cũng là ngày nghỉ của các công sở. Họ

chỉ ưng thuận, hoặc sáng thứ bảy, đúng 8 giờ rưỡi, hoặc sáng thứ hai. Đành phải bằng lòng sáng thứ bảy vậy.

Lại còn một điều này nữa khiến cho chị Nhất Linh băn khoăn rất nhiều là việc làm lễ cầu siêu cho anh ở chùa Xá Lợi.

Kẻ bàn ra người tán vào, phần đông không muốn làm lễ ở Xá Lợi, vì đạo ấy như mọi người đều rõ, chùa Xá Lợi dưới con mắt của chính quyền Ngô Đình Diệm, khác nào một cái gai trước mắt họ, là nơi công khai chống lại họ thì làm lễ tại đó, tức là khiêu khích họ.

Tôi còn nhớ mãi nét mặt rầu rầu của chị Nhất Linh buổi trưa hôm thứ tư 10-7-1963 đó, và vì thấy chị buồn thảm quá nên tôi đã không ngần ngại đứng về phe chị để yêu cầu cho bằng được nhà chức trách cho phép làm lễ cầu siêu ở chùa Xá Lợi. Tôi bảo với chị:

"Nếu họ từ chối thì chị cứ viện lý do tôn giáo ra họ phải chịu. Quả nhiên Bộ Nội vụ và Toà Đô sảnh Sài Gòn – sau khi xin chỉ thị của phủ Tổng thống – bằng lòng cho làm lễ cầu siêu tại chùa Xá Lợi."

Nhưng chúng ta còn lạ gì chính quyền Ngô Đình Diệm, luôn luôn có thái độ ngoan cố, tuy rằng cho phép đấy nhưng cho phép miễn cưỡng, cho phép để che mắt thế gian, để tỏ ra mình dân chủ, tôn trọng tự do tín ngưỡng, nhưng kỳ thực vẫn tìm đủ mọi cách để ngăn cản.

Tôi tuy là người ngoại cuộc, nhưng trong việc này tôi đã có đủ bằng chứng về những cuộc vận động hoặc áp lực của chính quyền để cho buổi lễ cầu siêu kia không thể thực hiện theo yêu mến của gia đình Nhất Linh được.

Tôi còn nhớ buổi chiều hôm thứ sáu 12-7-1963, hai vợ chồng tôi sắp sửa vào Grill để dự lễ khâm liệm cho anh bỗng có ba nhân viên công lực quận Ba, nhân danh ông Đô trưởng và ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ đến tìm tôi để yêu cầu tôi can thiệp với bà Nhất Linh đừng làm lễ cầu siêu ở chùa Xá Lợi.

Tôi trả lời họ rằng tôi không có tư cách gì cả để can thiệp, vì đối với gia đình ông Nhất Linh, tôi chỉ là bạn mà thôi. Nhưng mấy người đó cho biết là bà Nhất Linh "chỉ nghe lời bác sĩ, và bác sĩ chỉ nói cho một tiếng là được".

Tôi đánh trống lảng và lại còn nửa đùa nửa thật bảo họ:

"Thì các ông cứ việc ra lệnh cấm cho rồi hà tất phải cho phép."

"Chính phủ đâu có cấm tự do tín ngưỡng."

Những điều dự đoán của tôi thật quả không sai.

"Tôi không hiểu tại sao các ông lại không muốn cho tang quyến làm lễ cầu siêu ở chùa Xá Lợi? Gia đình ông Tam, theo chỗ tôi biết, vốn theo đạo Phật từ lâu, bà cụ thân sinh ông ta, xưa kia vẫn là một vị tu hành, và sau khi mất đi vẫn đề thờ tại đấy thì nay đến lượt ông Tam, làm lễ cầu siêu ở Xá Lợi tôi nghĩ đó là một việc rất thường vậy."

"Chúng tôi được tin mật cho biết Việt cộng định khủng bố, nên có bốn phận phải giữ gìn an ninh trật tự."

Họ đã viện ra lý do đó thì còn biết nói năng gì nữa? Để chấm dứt tôi hứa sẽ can thiệp với bà Nhất Linh, nhưng được hay không, tôi không dám chắc.

Khi vợ chồng tôi tới Grall thì lễ nhập quan đã cử hành xong rồi, chúng tôi rất tiếc và ân hận vô cùng.

Tại Grall, tôi lại được chứng kiến một vụ can thiệp nữa không ngoài mục đích trên.

Trong hai vị sứ giả của Bộ Nội vụ và Toà Đô sảnh Sài Gòn cử đi để điều đình, có một bạn đồng nghiệp của tôi. Có lẽ vì là chỗ bạn đồng nghiệp mà mặc dầu chưa được quen biết nên tôi mới hỏi ông ta bằng một câu tiếng Pháp:

"Pourquoi vous faites ce métier?" (Tại sao ông đi làm cái nghề này?)

Bạn đồng nghiệp của tôi hơi bẽn lễn đáp:

"Thiên lôi chỉ đâu đánh đấy, biết sao?"

Nghĩ tới những con người trí thức mà phải vì cơm áo sống dưới chế độ của nhà Ngô cũng thương hại thật.

Tôi cho ông ta hay chị Nhất Linh bởi quá thương chồng, nên đã mấy phen ngất xiu, và nếu ông cứ trở lại vấn đề đó nữa, bà ta có mệnh hệ nào thì ông sẽ phải chịu trách nhiệm.

Chị Nhất Linh nghe nói thể càng được thể khóc to hơn, và ông bác sĩ nọ – nói cho đúng ra cũng là người biết điều, và nhất là có nhiều cảm tình đối với Nhất Linh – đành phải rút lui, sau khi đã ngỏ lời xin lỗi tang quyến.

Ở Grall về – vào khoảng 10 giờ khuya – tôi đã thấy 2 nhân viên khác của Toà Đô sảnh và quận Nhất, trong đó có một bạn đồng nghiệp (lại một bạn đồng nghiệp), đang đợi tôi ở trước cửa nhà. Họ tìm tôi cũng không ngoài mục đích nhờ tôi can thiệp bà Nhất Linh về buổi lễ cầu siêu, “muốn làm ở đâu cũng được, miễn đừng làm ở chùa Xá Lợi”, nghe vẫn với một luận điệu như trên tôi trả lời tôi không có thẩm quyền để định đoạt. Cùng lắm là tôi sẽ yêu cầu với tang gia rút ngắn thời gian hành lễ ở chùa Xá Lợi mà thôi.

Hồi 11 giờ đêm tôi trở lại Grall thì gặp một tốp khác. Và lần này thì họ dọa nạt chứ không van lơn nữa.

"Chúng tôi vừa được tin Việt cộng sẽ khủng bố đám tang Nhất Linh, vậy tốt hơn hết là thay đổi lộ trình."

Rồi như để phân trần với mọi người, họ nói:

"Chúng tôi xin nói là Việt cộng định khủng bố chứ không phải là chính quyền đâu."

Có người trong tang quyến cất tiếng hỏi:

"Nếu là Việt cộng thì ở đâu mà chúng không khủng bố được, hà tất cứ phải ở chùa Xá Lợi?"

Cuộc vận động của mấy tai sai Nhu – Diệm, mặc dầu kéo dài gần tới ba giờ sáng, đã hoàn toàn thất bại.

Ở đây tôi cũng cần nói là trong suốt thời gian linh cửu của anh Nhất Linh quàn tại nhà xác, có ít ra hàng chục công an, mật vụ ngày đêm túc trực để theo dõi từng người tới viếng. Có khi họ còn hỏi thẻ kiểm tra, tra khảo lý lịch, đe dọa dẫn vào bót nữa, nhất là đối với các thanh niên, học sinh, sinh viên. Giới này được chính quyền đề ý nhiều hơn hết hôm thứ bảy 13-7-1963, ngày đưa đám Nhất Linh.

Trên các ngã đường đưa tới bệnh viện Grall đều có rất nhiều cảnh binh, công an canh gác, chặn đường không cho vào bệnh viện, hoặc xua đuổi những ai lảng vảng gần đây.

Đã đến lúc chính quyền Ngô Đình Diệm bỏ rơi mặt nạ! Nhưng mặc dầu có rất nhiều công an, mật vụ ở chung quanh đám táng, chúng cũng không cấm nổi tang quyến treo ngay trên tường của căn nhà xác, và sau này đặt trên nóc xe tang, bức trướng thật to, viết chữ trắng trên nền đen, do các đồng chí của Nhất Linh kính điều.

Nguyên văn bức trướng đó như sau:

Kính điều lãnh tụ Nhất Linh Nguyễn Tường Tam

*Thương thay đổi lập quốc gia
Mất cả tự do trong mấy lúc
Đối với thiêu thân Quảng Đức
Nơi gương cảnh cáo giữa nghìn thu.*

*Các anh em đồng chí
7-7-1963*

Thật chẳng khác nào một roi vọt vào mặt chính quyền vậy.

Công an và mật vụ của Nhu – Diệm nhiều thật đấy, nhưng chúng đâu có ngăn nổi các anh em sinh viên khiêng linh cửu Nhất Linh, từ nhà xác ra tận xe tang. Mấy bạn đó vừa khiêng vừa sụt sùi khóc, khiến mọi người đứng gần đấy cũng mũi lòng rơi lệ theo. Có người khóc Nhất Linh để thương tiếc một chiến sĩ quốc gia chống cộng, suốt đời tranh đấu cho tự do, dân chủ thể mà lại bị những kẻ đội lốt quốc gia bức tử. Hoặc khóc một văn hào đã có công lớn trong nền văn học nước nhà mà đến khi nằm xuống không được chính quyền ngỏ một lời phân ưu. Hoặc khóc một con người tài hoa, mặc dầu sống trong thử thách mà vẫn giữ một tâm hồn nghệ sĩ, và còn giữ cho đến khi nhắm mắt.

Thật thế! Không có một tâm hồn nghệ sĩ như Nhất Linh mà trước khi từ giã cõi đời, đôi mắt mỗi lúc một mờ dần, còn nói được một câu: “*Bầu trời hôm nay đẹp quá nhỉ!*” thì thiết tưởng, trong thiên hạ ít có người nghệ sĩ như anh.

.....
Đoàn xe tang đi qua các đường Mạc Đĩnh Chi, Phan Đình Phùng, Bà Huyện Thanh Quan, để rồi ghé lại chùa Xá Lợi vào hồi 10 giờ 45.

Đám tang thật là đơn giản, nhưng vô cùng ảm đạm, trang nghiêm. Khi khởi hành từ bệnh viện Grall, số người tham dự còn thừa thớt, nhưng dần dần mỗi lúc một đông. Phần nhiều là thanh niên, học sinh, sinh viên, giới trí thức. Có rất đông phóng viên, ký giả ngoại quốc, nam có, nữ có, có mặt trong đám táng để chụp ảnh hoặc để quay phim. Họ chịu khó biên chép tất cả những câu viết trên các đôi trướng rồi nhờ người dịch sang tiếng Anh. Họ lại còn ghi âm tất cả những lời khóc than kể lể của chị Nhất Linh.

Như vậy đủ rõ cái chết của văn hào Nhất Linh đã gây một tiếng vang lớn, không riêng gì ở Việt Nam mà ở cả trên thế giới nữa.

Tại chùa Xá Lợi, ngoài một số đông đồng bào đã túc trực từ sáng sớm – trong đó dĩ nhiên có cả công an, mật vụ của Nhu – Diệm – còn có khoảng 200 tăng ni có mặt để cầu siêu cho Nhất Linh.

Giữa cảnh khói hương nghi ngút, chùa Xá Lợi cất lên ba hồi chuông trống, rồi thì những tiếng tụng niệm vang lên. Trong khi ấy, ở trước cửa chùa có nhiều thanh niên, sinh viên phát băng tang cho mọi người, kể cả người của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Lễ cầu siêu cử hành không đầy 15 phút như đã ấn định từ trước, rồi đoàn xe tang từ từ chuyển bánh, theo sau có 3 chiếc xe đồ lớn chở những người đi tiễn đưa.

Đoàn xe tiến về đường Phan Thanh Giản, rẽ sang đường Hai Bà Trưng rồi chạy về Gò Vấp. Có hàng trăm chiếc xe, xe đạp lẫn xe gắn máy, trên mỗi xe có hai người, phần đông là thanh niên, học sinh, sinh viên, có cả ký giả ngoại quốc nữa, băng băng đi theo sau, hoặc đi trước, hoặc ở hai bên xe tang. Ngay cả trên nóc xe hơi cũng có người nữa. Hàng phố, từ đường Hai Bà Trưng trở đi, đổ xô ra xem. Một điều đáng ghi nhận là từ chùa Xá Lợi trở đi, không có một ngã tư nào là không có nhân viên công lực đứng, không phải để giữ an ninh trật tự, mà trái lại, để cô tình cắt quãng đoàn xe tang, làm sao cho số người tham dự đừng đông đảo.

Và khi tới nghĩa trang Gò Vấp, liếc nhìn chung quanh, ai nấy đều có một cảm giác nặng nề, ghê rợn, dường như bao phủ bởi một bầu sát khí đặng đặng: chỗ này một tốp người vận quân phục, chỗ kia một tốp, với súng trường, súng lục, tiểu liên, lựu đạn... Tôi tự hỏi, chẳng hay họ chuẩn bị như vậy để bảo vệ ai, hoặc để giết ai ở một nơi hoang vu, tĩnh mịch và tôn nghiêm này?

Họ đề phòng Việt cộng khủng bố chắc? Phải ngây thơ lắm mới tin được, mặc dầu trong khi hạ huyết người ta đã phao tin bắt được quả tang một gã – phu xe xích lô – trong người dắt một trái lựu đạn.

Còn một điểm này nữa thiết tưởng cũng cần ghi lại, là trên con đường về, trời nắng chang chang và xa tắp có một số người đi đưa đám – trong đó có kẻ viết bài này và một ông bạn già, ký giả Nguyễn Đắc Lộc – được một phen cuốc bộ, vì gặp chiếc xe nào, tắc-xi hay xe gắn máy, tài xế cũng lắc đầu lia lịa, rồi mắt trước mắt sau, như muốn bảo cho mọi người hiểu: đã có lệnh trên, cấm chở những ai đi dự đám táng của Nguyễn Tường Tam.

Người ta bảo Nhất Linh đã chết. Riêng tôi, đứng trước cái chết cao cả của anh, chết để cảnh cáo những người “chà đạp lên mọi thứ tự do”, chết để chống lại bạo quyền, chết với niềm hy vọng sự hy sinh của mình sẽ đem lại tự do cho người khác, như vậy là anh đã biết chết, đã chết thật đúng lúc, mặc dầu anh không biết sống, nghĩa là theo tôi, sống như thiên hạ, một cách tầm thường, hoặc sống cũng như chết, rồi khi đứng trước cái chết thì sợ sệt, hoặc chết nhưng chết một cách nhục nhã thảm thương.

Ở trên tôi vừa nói đời sống nội tâm, đời sống tinh thần của Nhất Linh rất phong phú.

Nhất Linh thường tâm sự với tôi: Ở đời anh ghét nhất là sự giả dối, lừa lọc, xảo trá và phản bội. Và suốt đời anh không có một chiếc xe hơi.

Nhất Linh trong sạch. Điều đó ai cũng trông thấy rõ. Ở thời buổi này, muốn xét người nào trong sạch, yêu nước thương nòi hoặc quốc gia hay không, phải chờ cho người ấy vào trong chính quyền đã, rồi nhìn nếp sống của họ sau khi rũ áo ra về. Hoặc chờ cho người đó nằm xuống, hình hài thể xác trở về nơi cát bụi hãy hay.

Nhất Linh đã tham chính và Nhất Linh nay đã ra người thiên cổ. Bởi vậy tôi có thể nói một cách chắc chắn rằng anh là một người thiết tha yêu nước, đang đứng ngang hàng với những anh hùng dân tộc của chúng ta, như Trần Bình Trọng, Hoàng Diệu, Nguyễn Thái Học v.v.... Anh cũng là một người trong sạch hiếm có. Anh không có xe hơi, nhà lầu, nhưng nói cho đúng ra, anh có một căn nhà gỗ thô sơ – có lẽ bây giờ đã hoang phế – do chính tay anh cất lấy, ở bên bờ suối Đa-mê, cách Đà Lạt 30 cây số, trong một khu rừng hẻo lánh, có nhiều cây cỏ, nhất là nhiều lan để anh ngắm và tìm cảm hứng để viết văn. Phí tổn để xây cất căn nhà đó cả thảy là 20 đồng bạc, tiền mua danh.

Tôi vừa nói ở trên là Nhất Linh sống rất giản dị, từ cái ăn đến cái mặc. Tôi còn nhớ trong những năm 60-61, sau ngày đảo chính hụt và oanh tạc Dinh Độc Lập, tôi lại thăm anh vào bữa ăn, tôi thấy anh chỉ ăn có lưng chén cơm với hai miếng đậu kho, có lần một đĩa nouille, anh và trong ba phút là xong, rồi anh lên giường ngủ.

Trái lại, mỗi khi được tin có một biến chuyển nào đó, có thể làm thay đổi cục diện, chấm dứt chế độ bạo tàn thì đôi mắt anh sáng quắc lên, bao nhiêu bệnh não của anh – mà chúng tôi thường bảo là *bệnh giá-cách* – đều tiêu tan hết, và khi ấy anh cười nói rất vui, ăn uống ngon lành lắm.

Nhất Linh không những là một chiến sĩ quốc gia, anh còn là một văn hào lỗi lạc nữa. Về điểm này, các văn hữu của anh có nhiều thẩm quyền hơn tôi đã phán xét. Riêng về phần tôi ở đây chỉ muốn ôn lại một vài kỷ niệm nhỏ giữa Nhất Linh và tôi trên lĩnh vực văn hoá.

Trước hết tôi cần nói là không có một lĩnh vực nào mà anh không thành công, và thành công rực rỡ nếu như anh muốn, dù là làm chính trị, hay viết văn, hay vẽ, hay chơi âm nhạc, hay chơi lan, hay làm báo... Anh chuyên về thứ nào thì anh say mê thứ đó, đến quên ăn quên ngủ.

Không những chỉ say mê mà thôi, anh dốc hết cả tâm trí vào việc anh làm, và anh làm rất chu đáo. Khi anh viết được một trang nào hay, hoặc tìm ra được một chữ nào, và chỉ có chữ ấy là đúng thôi, anh thích thú vô cùng, anh sung sướng hơn bắt được một báu vật. Có lần anh bảo tôi: “Khi tôi dịch cuốn *Les Hauts de Hurle Vent*, tôi tìm mãi mấy ngày mấy đêm mới ra câu: *Đỉnh gió hú*”.

Tôi còn nhớ bạn tôi dịch một truyện trinh thám của Conan Doyle, nhan đề: *La bande mouchetée* (tức con rắn), tôi tìm mãi không biết dịch là gì. Anh nghĩ một lúc rồi bảo: *Chiếc giải đốm hoa*. Tôi cho câu dịch đó thật tài tình.

Khi anh viết cuốn *Dòng sông Thanh Thủy* (hồi đó anh lẩn trốn ở đường Trần Hưng Đạo) anh biên giấy nhờ một anh bạn của chúng tôi chuyển lại cho tôi để hỏi có mỗi một câu về một danh từ y học, đủ rõ anh thận trọng như thế nào trước khi hạ bút.

Đáng phục nhất là trong suốt thời gian anh bị chính quyền Ngô Đình Diệm lùng bắt, anh phải lẩn trốn hết nơi này đến nơi khác, lấy ngày làm đêm, đêm làm ngày mà anh vẫn còn có can đảm để viết văn, để phác họa

ra cả một chương trình: xuất bản sách để các bạn trẻ đọc, để giáo dục quần chúng, để phổ biến tất cả những gì cao đẹp của loài người, của vũ trụ. Bởi theo anh, “đã đến lúc loài người phải gỡ sổ soát lại vốn tư tưởng quá khứ để định hướng đi tương lai, tìm chân lý là kim chỉ nam cho người đời giữa biển sóng gió”.

Hiện giờ, khi viết mấy dòng này, trước mặt tôi còn có một xấp thư – những mảnh giấy học trò – của Nhất Linh gửi cho tôi hồi anh đang bị chính quyền lùng bắt, chữ viết nhỏ li ti, yêu cầu tôi cho anh những tài liệu cần thiết về: danh nhân thế giới, tình sử đông tây, kỳ quan vũ trụ, giáo dục phổ thông, chính trị, khoa học v.v....

Những loại sách bỏ túi – 27 loại cả thấy – đó, anh định bán với một giá rất rẻ, và in đẹp, nhằm mục đích nâng cao đời sống tinh thần của mọi tầng lớp người trong xã hội, vì anh cho rằng “văn làm cho đời người đẹp hơn và đáng sống”.

Thật là cả một chương trình vĩ đại, đáng khen mặc dầu chưa thực hiện được, chứng tỏ sự nhiệt tâm của Nhất Linh trước tiền đồ của dân tộc, trước trạng huống phức tạp và đảo lộn của xã hội ngày nay.

*

Trên đây là một vài nét về nếp sống cùng những hoạt động của Nhất Linh trên địa hạt chính trị xã hội văn hoá, đủ khiến cho ai nấy phải ngậm ngùi trước sự hy sinh cao cả của anh.

Nhưng điều khiến cho một số bạn thân của Nhất Linh tiếc thương anh hơn cả là tính tình hồn hậu và thủy chung của anh đối với bạn, nhất là trong những lúc khó khăn, hoạn nạn.

Tôi còn nhớ Tết năm Tân Sửu, vào sáng hôm mùng hai, và trong khi anh lần trốn, xa gia đình thân yêu, mà anh còn ngồi vẽ một bức tranh – bó hoa oeillet – để tặng tôi, với hai câu thơ, câu đầu là:

“Tặng ai mười đoá hoa xuân”

khiến tôi cảm động vô cùng.

Tôi dám chắc, đối với một số đồng bạn thân của anh, anh cũng có những cử chỉ tế nhị và đẹp như thế.

Lại còn một điểm nữa khiến cho tôi quý Nhất Linh, là cách cư xử của anh đối với mẹ già và gia đình nhỏ của anh.



Đám tang Nhất Linh đến trước chùa Xá Lợi

Tôi còn nhớ hồi sinh thời của bà cụ thân sinh ra anh, thường gọi là “Cụ Cẩm Giàng”, mỗi lần tôi lại thăm bệnh cho cụ, cụ móc túi ra cho tôi xem một mẩu giấy nhỏ – nhỏ vừa bằng lòng bàn tay – trên có ghi mấy dòng chữ Nhất Linh gửi cho mẹ, báo tin cho cụ biết cuốn tiểu thuyết này hay tiểu thuyết nọ đã xuất bản rồi, để cho cụ mừng.

Cảm động nhất là hôm cụ đưa cho tôi xem cuốn *Dòng sông Thanh Thủy* khi vừa mới in xong anh gửi tặng cụ, cụ mệt không đọc được, nhưng lúc nào cụ cũng khư khư ôm trong lòng, không muốn rời ra.

Nhất Linh thường nói với tôi:

“Gia đình tôi đông anh em, nhưng mẹ tôi chỉ thương và nể có tôi thôi. Tôi bảo gì mẹ tôi cũng nghe, nhưng... trăm tội ở đâu cũng đều đổ cả lên đầu tôi, chỉ có tôi là bị rầy la nhiều nhất.”

Hôm cụ mất anh bị mệt và... cũng đang bị chính quyền để ý nên không đưa cụ tới nơi an nghỉ cuối cùng được, anh rất đổi khổ tâm.

Nhất Linh có một đời sống đẹp như vậy, thế mà sau khi anh mất đi có kẻ dám công khai bôi nhọ anh, nào bảo anh “hút thuốc phiện, nghiện rượu, không có chút công lao gì đối với nền văn học Việt Nam”, nào “phản đảng, phản dân tộc, phản cả gia đình nữa”... [1] thì đủ rõ giữa Nhất Linh và đối lập đương nắm chính quyền của anh, ai là quân tử, ai là tiểu nhân?

Thật thế! Nhất Linh, ngay cả đối với kẻ thù, lúc nào cũng đàng hoàng, quân tử. Mỗi khi nói tới Hồ Chí Minh hay Ngô Đình Diệm, hay vợ chồng Ngô Đình Nhu, tôi chưa từng nghe thấy anh có một lời nói nặng, một câu nào bất lịch sự cả.

Cái chết của Nhất Linh không những là một thiệt thòi rất lớn cho quốc gia, nhất là trong giai đoạn này, đã mất một chiến sĩ vừa có tài lại có đức, vừa là một cái tang chung cho nền văn học nước nhà, lại còn gieo vào trong lòng của các bạn hữu cũng như gia đình đầm ấm của anh, biết bao niềm thương xót khôn nguôi với thời gian được.

Riêng về phần tôi, mỗi bận nhớ tới anh rồi nhìn chung quanh mình chỉ thấy toàn những kẻ tranh giành nhau trên con đường danh lợi, những kẻ lừa thầy phản bạn, tôi cảm thấy có một khoảng trống mông mênh, kinh khủng. Và tôi chợt nhớ câu thơ bất hủ của thi hào Lamartine, tôi xin mượn câu thơ đó để nói lên nỗi lòng của tôi đối với Nhất Linh:

“Thiếu mỗi một người và tất cả đều là hoang vắng”.

(Un seul être vous manque et tout est dépeuplé).

Nguyễn Hữu Phiếm

[1]Lời tuyên bố của Ngô Đình Nhu trong buổi họp Tổng đoàn Thanh niên Cộng hoà ngày 18-7-1963

Nguồn: *Chân dung Nhất Linh*. Tập hồi ký của Bùi Khánh Đản, Nguyễn Hữu Phiếm, Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Tường Thiết, Thế Uyên, Tường Hùng và Tuyết Hương. Mầu bìa của Văn Thanh. Do tập san *Văn* xuất bản lần thứ nhất. In xong tại nhà in riêng của nhà xuất bản ngày 25-6-1966. Bản điện tử do talawas thực hiện.

[Source: <http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=13311&rb=08>]

Tạp chí Văn

Hoài niệm Nhất Linh

Nhớ khi ném bút, quên tin tưởng

Lửa đốt rừng hoang, tôi với anh.

(Bùi Khánh Đản, “Khóc bạn”)

Xung quanh cái chết của nhà văn Nhất Linh, 45 năm trước

Khúc Hà Linh



Nhà văn Nhất Linh, tên thật là Nguyễn Tường Tam, cử nhân khoa học Pháp, chủ sếp nhóm văn chương Tự lực Văn đoàn những năm ba mươi, bốn mươi thế kỷ trước.

Nhất Linh còn là đại biểu Quốc hội khóa I, là Bộ trưởng ngoại giao trong Chính phủ Liên hiệp kháng chiến,... thế nhưng ông từ chức và lưu vong.

Nhắc tới Nhất Linh, nhà thơ **Tú Mỡ** nói rằng đó là người vừa đáng yêu vừa đáng tiếc. Ông viết **“Điều đáng tiếc là sau kháng chiến, anh đã theo bè lũ Ngô Đình Diệm vào Nam để rồi bị bè lũ ấy chèn ép, cắt mất nguồn sống đến nỗi uất ức phải tự tử”**.

Vậy vì sao mà Nhất Linh tự quyên sinh?

Với tấm thẻ căn cước số F 13108 do Phủ thủ hiến Bắc Việt cấp ngày 19/2/1951 tại Hà Nội, ghi rõ: “Nguyễn Tường Tam, nghề nghiệp văn sĩ, nơi sinh tổng Ngọc Trục, Cẩm Giàng, Hải Dương, con ông Nguyễn Tường Nhu và bà Lê Thị Sâm...”, khoảng mùa xuân năm 1951, nhà văn Nhất Linh từ Hà Nội vào Sài Gòn cư trú.

Ở đây ông cho in lại các tác phẩm cũ và viết tác phẩm mới. Thời gian này vợ con ông cũng đã di cư vào Nam. Bà Nhất Linh (tức Phạm Thị Nguyên) mua một căn gác trong chung cư số 39 đường chợ An Đông, Chợ Lớn để lấy chỗ ở và buôn bán.

Sang năm 1955, ông lên Đà Lạt, lấy thú vui là chơi hoa phong lan. Năm 1958 Nhất Linh về ở luôn Sài Gòn hoạt động văn hóa. Ông là vị Chủ tịch đầu tiên của Văn Bút Việt Nam (về sau là cổ vấn).

Bấy giờ **chính quyền Ngô Đình Diệm ra sức tìm diệt người kháng chiến cũ**. Luật 10/59 ra đời đã giết hại bao nhiêu thường dân vô tội, với phương châm là **thà giết nhầm còn hơn bỏ sót**. Nhất Linh cùng các nhà hoạt động khác thành lập mặt trận Quốc dân đoàn kết, ủng hộ cuộc đảo chính của đại tá Nguyễn Chánh Thi và Trung tá Vương Văn Đông.

Cuộc đảo chính tháng 11 năm 1960 thất bại, hầu hết những người liên can bị bắt. Chính quyền Diệm nhân cơ hội này cho bắt giam các nhân sĩ, lãnh tụ đảng phái, giáo phái khác... chỉ mình Nhất Linh được quản thúc tại gia hơn hai năm rưỡi. Ngày 5 tháng 7 – 1963 Tòa án quân sự đặc biệt Sài Gòn có trát đòi ông có mặt lúc

7giờ30 ngày 8/7/1963, tại Tòa thượng thẩm, số nhà 131 đường Công Lý Sài Gòn, và để nghe xét xử tội “xâm phạm an ninh Quốc gia”. Ngày 6/7/1963, người chiến binh Nguyễn Văn Nam đã tổng đạt lệnh này tới tận tay ông.

Trong hồi ký “*Nhất Linh – cha tôi*” của Nguyễn Tường Thiết phát hành tại Sài Gòn năm 1964, những ngày cuối cùng của Nhất Linh được kể lại như sau:

“... Buổi sáng ngày 7/7/1963, Nhất Linh đi thật sớm. Ông mở ngăn kéo, lấy mấy tập sách, tập bản thảo những tác phẩm cuối cùng, gói vào một tờ nhật báo. Các con đoán có lẽ ông đi họp ở đâu vì cũng đúng vào Chủ nhật tuần trước, tức 30/6 ông đã tới dự phiên họp đặc biệt của nhóm Bút Việt.

Khoảng gần 10 giờ Nhất Linh về. Ông không thay quần áo ngay như mọi lần, cứ để nguyên quần áo tây ngồi xuống ghế xích đu, bên cạnh người con trai. Điều thuốc lá rung rung ở trên đầu hai ngón tay, ông mở bìa, rót vào cốc nhỏ ra dáng suy nghĩ. Một sấp ronéo để trước mặt ông.

Đó là bản cáo trạng khá dày, trong đó có những lời kết tội như “phản quốc”, “xâm phạm an ninh quốc gia”. Trong suốt hơn một giờ, Nhất Linh vẫn giữ im lặng, suy nghĩ. Khoảng 11 giờ, với vẻ thảnh thơi, ông thay quần áo ngủ, rồi dặn người con trai Nguyễn Tường Thiết: “Chiều nay con lại luật sư Chính lấy hết các giấy bác sĩ về. Biết địa chỉ không?”.

Con trai nói: “Con đoán họ chẳng làm gì cậu đâu, nếu họ muốn bỏ tù thì họ đã bắt tù lâu rồi. Việc này họ đem ra xử cho có lẽ, rồi kết mình vô tội để hạ nhục chơi. Và lại nếu có ra Côn Đảo thì cũng chả sao, chỉ làm giàu thêm cuộc đời tranh đấu của cậu. Cứ coi như là một dịp đi nghỉ mát”.

Nhất Linh đáp lại: “Cậu chẳng sợ kết quả ngày mai ra sao vì ở nhà hay ở tù thì cũng mất tự do như nhau. Có điều bức nhất là họ lấy tư cách gì mà lại đem xét xử những người quốc gia đối lập rồi gán cho họ tội phản quốc”.

Nhất Linh đã chủ ý cho độc được vào rượu uống. Khi gia đình phát hiện ra thì đã muộn: Cuối phòng, vẫn trên cái ghế xích đu, ông gục đầu hơi ngoẹo về phía vai phải, một cánh tay buông lỏng thả xuống sàn nhà. Dáng điệu ấy thoạt trông thì khổ sở nhưng nhìn lên gương mặt thì tuyệt nhiên không một nét đau đớn. Ông như người ngủ gục.

Gương mặt êm ả, bình thản. Để ý lắm mới thấy một ít nước bọt rỉ ra ở khóe mép... Thân thể ông mềm, trong túi có một tờ giấy, đó là Di ngôn. Ông đã viết hai bản di chúc, một để trong túi áo ngực, một tờ dặn đưa cho bác sĩ Đặng Văn Sung, nhờ ông ấy chuyển ra ngoại quốc.

Nhất Linh đã ra đi ở tuổi 58 để lại di chúc: “*Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xử tôi cả. Sự bất bớ và xử tội tất cả các phần tử đối lập quốc gia là một tội nặng... Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình cũng như Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do. 7/7/1963 Nhất Linh Nguyễn Tường Tam*”.

Theo Thế Uyên trong bài “*Người bác*” (TLVĐ trong tiến trình văn học dân tộc – NXB VHNT, năm 2000), đám tang ông có nhiều cảnh sát chiến đấu và mật vụ đi lẫn trong những người đưa đám. Đoàn đưa tang đầu tiên là một vòng hoa lớn, sau là một người mang ảnh Nguyễn Thái Học, tiếp theo là tám ảnh chụp lại hình Nhất Linh do Nguyễn Gia Trí vẽ.

Nhà thơ Vũ Hoàng Chương viếng Nhất Linh đôi câu đối:

*Người quay tơ, đôi bạn, tối tắm, anh phải sống chứ sao đoạn tuyệt
Đời mưa gió, lạnh lùng, bướm trắng, buổi chiều vàng đâu chỉ nắng thu.*

Trừ bốn chữ “chứ sao, đâu chỉ” ra, còn là tên tác phẩm của ông.

Ngày 8/7/1963 phiên tòa bắt đầu xét xử. Trong số những can phạm, có người nào đó đã xé một chiếc áo đen làm thành từng mảnh chia cho mọi người, đeo cánh tay trái làm băng tang Nhất Linh, khiến cho chủ tọa phiên tòa ngớ ngàng.

“Ủy viên chính phủ”, trung tá Lê Nguyên Phu tòa án quân sự đặc biệt (người ký trát đòi Nhất Linh ra tòa) nói: “Bọn Quốc dân đảng để tang Nguyễn Tường Tam”. Thực ra theo Trương Bảo Sơn, hôm đó gần ba chục chính trị phạm có mặt tại phiên tòa đều đeo băng tang, chỉ trừ Phan Quang Đán. Kết thúc phiên tòa, mỗi bị cáo bị kết án 5 năm tù đầy ra Côn Đảo.

Thi hài Nhất Linh được an táng tại nghĩa trang Giác Minh, sau được hỏa thiêu di cốt, gửi bình tro tại chùa Kim Cương đường Trần Quang Diệu, quận 3, Sài Gòn.

Trước khi mất khoảng mấy giờ đồng hồ, Nhất Linh còn trò chuyện với con trai, khi người con gợi ý cha viết hồi ký, Nhất Linh đã bộc lộ: “Cậu cũng có ý định viết ba quyển. Cuộc đời làm báo của Nhất Linh, cuộc đời làm cách mạng của Nguyễn Tường Tam và quyển thứ ba cậu viết về hoa phong lan”.

Ngoài di chúc gồm 71 từ nói rằng cuộc đời ông để lịch sử xử, ông còn dành cho người vợ một lời tuyệt mệnh, với 20 từ rất cô đọng:

“Mình, Mối tình của đôi ta hàng bao năm đẹp dễ lắm rồi, không... mong ước gì hơn nữa. Anh, Nhất Linh 7/7/1963”.

Ấy vậy mà đã 45 năm.

[Source: <http://www.tienphong.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=124894&ChannelID=13>]

Tưởng niệm Nhất Linh 7.7.1963 – 7.7.2008

Nguyễn Tường Tâm

*Than ôi! Đời chính trị lông hồng gieo núi Thái, ngẩng đầu lên sấm sét vẫn chưa nguôi;
Việc văn chương một tác để ngàn thu, ngoảnh mặt lại đá vàng sao khỏi thẹn.*

(Trích [bài truy điệu Nhất Linh của thi sĩ Vũ Hoàng Chương \[1\]](#))

Đám tang văn hào Nhất Linh diễn ra tại Sài Gòn vào sáng thứ Bảy, ngày 13.7.1963 và lễ truy điệu ông diễn ra bốn tháng sau ngày cách mạng 1.11.1963 lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, tại sân vận động Tao Đàn Sài Gòn.

Những bức ảnh trong bài này được chụp bởi nhiếp ảnh gia nổi tiếng Mạnh Đan và cũng là những bức ảnh trải qua những năm tháng trôi nổi như cuộc đời của ông Nhất Linh. Sau 30.4.1975, để thoát khỏi chính sách của nhà nước truy lùng tiêu hủy sách báo và văn hoá phẩm miền Nam, người con dâu của ông Nhất Linh đã phải chôn giấu bộ ảnh dưới làng quê Thủ Đức của bà. Sau đó bà đã cẩn thận lén photocopy làm nhiều bản để trao cho nhiều thân nhân, bạn bè cùng cất giữ. Riêng trường hợp của tôi, gần mười năm sau, khi đi tù cải tạo xã hội chủ nghĩa trở về, đã được bà trao một bộ copy. Năm năm sau, 1989, tôi đào thoát trong một cuộc vượt biên duy nhất cùng gia đình mà thành công tại Đông Hà, Quảng Trị, bộ ảnh bị bỏ lại cùng toàn gia sản. Lúc đó mạng người còn khó bảo trọng nữa là!

Mười lăm năm sau (2004), khi người vượt biên đã được nhà nước đổi danh xưng từ những “tên phản bội tổ quốc” thành những “khúc ruột xa ngàn dặm”, trở về lại nơi đã đào thoát một cách mạo hiểm trước đó, người viết đã phải cảm ơn cô Trần Thị Lan, em vợ, khi cô trao lại những tấm ảnh này kèm theo những lời đáng kính trọng: “Khi anh chị và các cháu ra đi, mọi người chỉ chú ý di chuyển gấp những tài sản còn lại ra khỏi nhà của anh chị để khỏi bị tịch thu cùng với căn nhà, chẳng ai biết và chú ý tới những tấm ảnh này. Nhưng em biết, với anh, những tấm ảnh này là quý hơn tất cả, nên em cất đi, đợi ngày anh về đưa lại.” Ôi sao chỉ là những tấm ảnh thôi mà cũng phải lao đao lận đận theo vận nước nổi trôi mãi 29 năm trời!

Ngày mùng 7 tháng 7 năm 1963, cương quyết phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã uống thuốc độc tử tự tại Sài Gòn.

Ông đã để lại chúc thư nổi tiếng được các hãng thông tấn ngoại quốc truyền đi khắp thế giới, “*Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xử tôi cả. Sự bất bớ, xử tội tất cả các phần tử đối lập quốc gia là một tội nặng sẽ làm cho nước mất về tay cộng sản. Tôi phản đối sự đó. Và cũng như Hoà thượng Thích Quảng Đức, tôi tự huỷ mình để phản đối những ai chà đạp lên mọi thứ tự do.*” Nội dung bản chúc thư của ông ngày nay cũng vẫn còn phù hợp với tình hình đất nước.

Mặc dù có sự ngăn cản mạnh mẽ của công an, mật vụ, đám tang Nhất Linh vẫn có cả ngàn thanh niên, sinh viên, học sinh, văn nghệ sĩ, trí thức cùng đồng bào tham dự.

Bác sĩ [Nguyễn Hữu Phiêm](#), người bạn thân và cũng là bác sĩ riêng của Nhất Linh đã thuật, “*Ở đây tôi cũng cần nói là trong suốt thời gian linh cữu của anh Nhất Linh nằm tại nhà xác, có ít ra hàng chục công an, mật vụ ngày đêm túc trực để theo dõi từng người tới viếng. Có khi họ còn hỏi thẻ kiểm tra, tra khảo lý lịch, đe dọa dẫn vào bót nữa, nhất là đối với các thanh niên, học sinh, sinh viên. Giới này được chính quyền để ý nhiều hơn hết hôm thứ Bảy 13-7-1963, ngày đưa đám Nhất Linh.*

Trên các ngã đường đưa tới bệnh viện Grall đều có rất nhiều cảnh binh, công an canh gác, chặn đường không cho vào bệnh viện, hoặc xua đuổi những ai lảng vảng gần đây.

Gia đình anh xin phép đưa vào buổi sáng chủ nhật, nhưng chính quyền một mực từ chối, cái đó dễ hiểu, vì họ sợ đưa đám ngày nghỉ, thiên hạ sẽ đi dự rất đông.

Xin phép đưa chiều thứ Bảy, họ cũng từ chối nốt, vì chiều thứ Bảy, cũng là ngày nghỉ của các công sở. Họ chỉ ưng thuận, hoặc sáng thứ Bảy, đúng 8 giờ rưỡi, hoặc sáng thứ Hai. Đành phải bằng lòng sáng thứ Bảy vậy.

Đám tang thật là đơn giản, nhưng vô cùng ảm đạm, trang nghiêm. Khi khởi hành từ bệnh viện Grall, số người tham dự còn thưa thớt, nhưng dần dần mỗi lúc một đông. Phần nhiều là thanh niên, học sinh, sinh viên, giới trí thức. Có rất đông phóng viên, ký giả ngoại quốc, nam có, nữ có, có mặt trong đám tang để chụp ảnh hoặc để quay phim. Họ chịu khó biên chép tất cả những câu viết trên các đối trướng rồi nhờ người dịch sang tiếng Anh. Họ lại còn ghi âm tất cả những lời khóc than kể lể của chị Nhất Linh.

Như vậy đủ rõ cái chết của văn hào Nhất Linh đã gây một tiếng vang lớn, không riêng gì ở Việt Nam mà ở cả trên thế giới nữa.” [\[2\]](#)



Ảnh chụp sinh viên các trường đại học tại Sài Gòn đã không sợ công an, mật vụ, tự động khiêng quan tài Nhất Linh từ trong nhà xác bệnh viện Grall



ra trước sân để chuẩn bị di quan.

Lễ di

quan trước nhà xác, trong sân bệnh viện Grall.

Nguyễn Tường Quí và Nguyễn Tường Đăng (con của nhà văn Thạch Lam) đang khiêng vòng



hoa.

Gia quyến đang cùng đồng bào đi sau

linh cữu nhà văn Nhất Linh. Người đàn ông đứng thứ nhất đội khăn tang là con trai ông Nhất Linh. Người thanh niên trẻ, gầy, đứng kế đó, đầu đội khăn tang, là người viết. Thiếu nữ đội khăn tang, đứng sau lưng người viết, cách một người đàn ông, là ca sĩ Từ Dung, vợ cũ của nhạc sĩ Từ Công Phụng. Cạnh Từ Dung là một thiếu nữ khác cũng đội khăn tang, nhưng cạnh thiếu nữ đội khăn tang đó là một bà đầu quần khăn tang lẫn với lọn tóc (chứ không đội khăn) là bà quả phụ của nhà văn Hoàng



Đạo. Đám tang đang di chuyển trên con đường sau lưng bệnh viện Grall. Trên mui xe là băng kính viếng của các đồng chí cách mạng chống Pháp, chống cộng của ông có nội dung: **“Thương thay đổi lập Quốc gia, Mất cả tự do trong mấy lúc. Đối với thiêu thân Quảng Đức, Noi gương cảnh cáo giữa nghìn thu.”** Người đàn ông mặc áo tang đi ngay sau xe tang là nhà văn Duy Lam, cháu gọi Nhất Linh bằng cậu



ruột. Vòng hoa kính viếng ông Nhất Linh của các đồng chí Việt Nam Quốc dân Đảng của ông. Dòng chữ phía trên: **Nguyễn Thái Học 17-6-1930.** Dòng chữ dưới: **Nguyễn Tường Tam 7-7-1963.**

Vượt mọi sự ngăn cấm và dọa nạt của công an, mật vụ, đoàn người tham dự tự động tìm kiếm và chia nhau những băng tang. Nhiều giọt nước mắt đã nhỏ xuống thương tiếc cho một văn hào đã có nhiều công lao đóng góp cho văn hoá dân tộc. Bác sĩ [Nguyễn Hữu Phiếm](#) tường thuật, “*Tại chùa Xá Lợi, ngoài một số đông đồng bào đã túc trực từ sáng sớm – trong đó dĩ nhiên có cả công an, mật vụ của Nhu – Diệm – còn có khoảng 200 tăng ni có mặt để cầu siêu cho Nhất Linh.*

Giữa cảnh khói hương nghi ngút, chùa Xá Lợi cất lên ba hồi chuông trống, rồi thì những tiếng tụng niệm vang lên. Trong khi ấy, ở trước cửa chùa có nhiều thanh niên, sinh viên phát băng tang cho mọi người, kể cả người của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Lễ cầu siêu cử hành không đầy 15 phút như đã ấn định từ trước, rồi đoàn xe tang từ từ chuyển bánh.” [3]



Không báo chí, đài phát thanh nào được loan báo lộ trình đám tang, nhưng dân chúng vẫn tìm hiểu biết trước và đứng chờ đông đảo trước chùa Xá Lợi. Ở phía xa là xe tang đang chạy tới. Ngay trước ngôi bảo tháp của chùa Xá Lợi, đứng dưới đường trước đám đông, quay lưng lại, là một nhân viên cảnh sát đang canh chừng địa điểm làm lễ



tang.

Các phóng viên quốc tế chen lẫn trong đám đông đưa tiễn Nhất Linh. Trước giờ hạ huyệt, nhà văn Nhật Tiến, thuộc thành phần văn nghệ sĩ trí thức trẻ, Linh mục Thanh Lăng, đại diện Trung tâm Văn bút Việt Nam, và Bác sĩ Nguyễn Tiến Hỷ, đại diện chính giới đã đọc những bài điều văn tiễn biệt văn hào Nhất Linh với những lời lẽ bi ai, thống thiết, đầy thương cảm, nhưng cũng thật hào hùng.

Bốn tháng sau ngày cách mạng 1.11.1963, lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, các đoàn thể và nhân dân đã tự động làm lễ truy điệu ông Nhất Linh tại sân vận động Tao Đàn (lúc đó chưa có sân vận động Thống Nhất)



Các nữ sinh đang chào đón quan khách



và đồng bào tới tham dự lễ truy điệu.

Bức ảnh chân dung Nhất Linh là phóng họa từ tác phẩm của họa sĩ Nguyễn Gia Trí, bạn thân và cũng là đồng chí



của ông từ thời Tự lực Văn đoàn.

Nghi lễ

truy điệu theo Phật giáo đang được cử hành.

Sau lưng vị cao tăng là biểu ngữ của học sinh hai trường trung học dạy theo chương trình Pháp nổi tiếng tại Sài Gòn: trường nam sinh Jean Jacques Rousseau (nay là trường Lê Quý Đôn) và trường nữ sinh Marie Curie.



Linh mục Thanh Lăng đại diện Trung tâm Văn bút Việt Nam đọc diễn văn.

Sau lưng linh mục là biểu ngữ của
Việt Nam Quốc dân Đảng Đệ nhị Khu.

Dưới đây là nhiều hình ảnh cho thấy lòng thương mến Nhất Linh của hàng ngàn học sinh các trường trung học Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định tham dự lễ truy điệu, giương cao các biểu ngữ ca ngợi ông như: “Nguyễn Tường Tam bất diệt”; “Thương nhớ Nhất Linh Nguyễn Tường Tam”...





Những nữ sinh
thơ ngây đang đổi mắt sâu xa vắng như thương nhớ một hình bóng thân thuộc vừa mới ra đi: Nhất



Linh!

Những cặp mắt đắm chiều, những

gương mặt u sầu –

Nhất Linh không còn nữa - nhưng dường như

ông còn sống mãi trong lòng dân tộc.

“Phải nhiều đời mới có một Nhất Linh thành lập nổi một văn đoàn *Tự lực*, nuôi sống – về tinh thần – được hai tờ *Phong hoá*, *Ngày nay*”. ([Nguyễn Mạnh Côn](#), tác giả cuốn *Đem tâm tình viết lịch sử*). [\[4\]](#)

© 2008 talawas

[\[1\]](#) Văn số 156, ngày 15 tháng 6 năm 1970, talawas 9.6. 2008

[\[2\]](#) *Chân dung Nhất Linh*. Tập hồi ký của Bùi Khánh Đản, Nguyễn Hữu Phiêm, Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Tường Thiết, Thê Uyên, Tường Hùng và Tuyết Hương. Do tập san *Văn* xuất bản xuất bản ngày 25.6.1966. talawas 5.6.2008.

[\[3\]](#) Sách đã dẫn.

[\[4\]](#) Sách đã dẫn

Ai điều Nhất Linh – Nguyễn Tường Tam Vũ Hoàng Chương

- **Câu đối thứ nhất**

Sổ thập niên bút mặc thành danh, nhất khả đoạn nhị khả tuyệt, nhi tam bất hủ.

Song thất dạ vân tiêu lạc phượng, tiền phong hoá hậu văn hoá, ư trung lập ngôn.

Tạm dịch lấy ý :

Từ năm ba mươi ba (1933) bút mực đã thành danh, tuy bút có thể đoạn mực có thể tuyệt, mà văn danh kia bất hủ.

Giữa ngày tháng bảy (7-7-1963) trời mây vừa rớt phượng, nhưng trước có phong hoá sau có văn hoá, đủ rồi phượng ấy lập ngôn.

- **Câu đối thứ hai**

Người quay tơ đôi bạn tối tăm, anh phải sống chứ sao đoạn tuyệt?

Đời mưa gió lạnh lòng bướm trắng, buổi chiều vàng đâu nhĩ nắng thu?

Ghi chú: Trừ bốn chữ in đứng, tất cả những chữ khác đều ứng vào nhan đề tác phẩm của Nhất Linh.

- **Câu đối thứ ba**

Đời nay mấy mặt tiên tri, thế đó: nửa thương nửa giận!

Văn bút hai ta cố vấn, giờ đây: một mất một còn!

(Sài Gòn, 11-7-1963)

*

Bài văn truy điệu Nhất Linh

Vũ Hoàng Chương

Than ôi! Đời chính trị lông hồng gieo núi Thái, ngẩng đầu lên sấm sét vẫn chưa nguôi; việc văn chương một tác để ngàn thu, ngoảnh mặt lại đá vàng sao khỏi thẹn.

Muốn gào to hồn phách anh linh; để vọng khắp giang sơn tam biển.

Nhớ xưa tiên sinh: Chào đời khi gió nổi Đông du; mài thép dưới trăng mờ Thế chiến.

Nghiep truyền gia giáo, thưở nhập môn từng đất Bắc vui quê; vai nặng quốc thù, bước du học lại trời Tây

vượt biển.

Rèn chí đấu tranh; đua tài hùng biện.

Chí khí ngày kia một kiên cường; tài năng ấy càng thêm phát triển.

Bao năm xuất ngoại, đã lưu tâm tại chỗ, từng mưu lừa chước dối thực dân; một sớm hồi hương, lại ngửa mắt trông ra, cả tấn kịch trò hề phong kiến.

Thi văn đoàn Tự lực thế tất phải xung phong; mà tuần báo Ngày nay phải kịp thời xuất hiện.

Vì dân vì nước đẩy mạnh phong trào; có chí có gan thiếu gì phương tiện.

Nào hia với hốt, phá cho tan trò hoạn lộ thanh vân; nay cấp mai bằng, cười đến tỉnh lũ thư sinh bạch diện.

Từ đó tiên sinh: Lấy văn đàn làm nơi bá tánh, cờ phát dọc ngang; giữa chính trường cao giọng lập ngôn, bút mài sắc bén.

Làm sống lại tinh thần Yên Bái, nửa bước không lùi; cuốn ào lên tâm huyết Quốc dân, một dòng thẳng tiến.

Bôn ba nơi hải ngoại, Hàng Châu, Quỳ Châu, Liễu Châu; đối lập mọi cường quyền, chống Pháp, chống Cộng, chống Diêm.

Ai hay: Gió gọi chưa lên; giờ nghe đã điểm.

Giữa cao trào Phật giáo, để hoằng dương chính pháp, lừa từ bi vừa thượng toạ thiêu thân; nêu đại nghĩa Nho gia, nhằm cảnh cáo độc tài, chén tân khổ cũng tiên sinh tuyên chiến.

Sét ngang tai, bạo lực thấy ghê hồn: Trời cúi mặt, không gian chờ nẩy điện.

Lừa-Cách-Mạng dâng về thư tuyệt mạng, thôi rồi tay lãnh tụ! Khắp các giới: thức giả, bình dân, sinh viên, đồng chí, cùng dạt dào tim vỡ máu sôi; Người-Quay-Tơ đành bỏ trống guồng tơ, đâu nữa mặt kinh luân? Cả bốn phương: Cà Mau, Thuận Hoá, Bến Hải, Nam Quan, nghe giục giã sông đời núi chuyển.

Nhưng đau đón thay: Phút hạ huyết súng giương vây kín, muôn dòng châu đứt nối chưa tròn; buổi cầu siêu hương khói âm thầm, bao tiếng khóc dở dang còn nghẹn.

Cho nên hôm nay: Mừng quốc gia vừa khắc bạo trừ hung; đẹp hy vọng sẽ hà thanh hải yến.

Dân chúng thủ đô hướng về tiên sinh: Lễ Truy điệu mở đầu năm dương lịch, chạnh tưởng còn đâu bãi bể, đốt hương lòng toả khắp mười phương; vườn Tao Đàn rung hết đợt âm giai, trông ra ngọn cỏ lá cây, hoà nước mắt vẩy quanh một chén.

Mong cảm tới tiên sinh: Dám nề chi u hiển.

Hỡi ơi: Tổ Đoạn-tuyệt thành hồ đoạn tịch, mộng dẫu chơi vui nửa cuộc, sử còn thơm danh liệt sĩ Tường Tam; Phụng Nhất Linh hề thiên nhất phương, lầu tuy ngơ gác bên sông, gió vẫn nổi tiếng văn hào họ

Nguyễn.

(Sài Gòn, 5-1-1964)

Nguồn: *Văn*. Tập san Văn chương – Tư tưởng – Nghệ thuật. Năm thứ Bảy, số 156, ra ngày 15 tháng 6 năm 1970. Toà soạn và trị sự: 38, Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn. ĐT: 23.595. Tập san xuất bản do nghị định số 64/BTT/NĐ, ngày 4-12-1963. Bìa 1 số này: Chân dung Nhất Linh, vẽ bởi Nguyễn Gia Trí. Chi phiếu đề tên ông Nguyễn Đình Vượng (chủ nhiệm kiêm chủ bút). Thư từ, bản thảo đề tên ông Trần Phong Giao (thư ký toà soạn). Giao thiệp trực tiếp ông Gia Tuấn (phụ tá thư ký toà soạn). In tại nhà in riêng của báo Văn. Quản lý: cô Nguyễn Thị Tuấn. Giá 280đ. [Chúng tôi nhập liệu nguyên văn từ trang 1 đến trang 78, tập san này dày 125 trang, có bỏ một vài bản tin rao vặt, quảng cáo sách]. Bản điện tử do talawas thực hiện.

Xxx OOO xxX

Tổng thống Diệm và Quân đội Mỹ

Ngô Đắc Triết

Mỗi năm cứ vào khoảng đầu tháng 11 thì lại thấy xuất hiện trên báo chí hải ngoại một số bài viết về biên cố lịch sử 1/11/1963. Hiển nhiên, ngày này đánh dấu một khúc quanh quan-trọng của lịch-sử Việt-Nam (VN) cận đại. Trong khi đa số những ngày lịch sử khác thường được nhắc đến để xây dựng tình yêu nước (ngày giỗ tổ Hùng Vương, Hai Bà Trưng, v.v.) thì ngày 1/11/1963 được nhắc đến để làm hiện rõ cái hố chia rẽ triền miên giữa những người theo “*Ngô chí sĩ*” và những người chống “*gia đình trị*”.

Phân tích nguyên nhân của ngày lịch sử này, do đó, đã luôn luôn là một tiến trình phân chia giới nghiên cứu chính trị VN làm hai phe đối nghịch. Một cách tổng quát, phe này nói nguyên nhân đến từ lòng dân quá chán ghét chế độ Ngô Đình Diệm dùng Cần lao Công giáo để áp đặt một chế độ độc tài gia đình trị và phe kia nói nguyên nhân đến từ thái độ yêu nước của Tổng thống Ngô Đình Diệm chống chiến lược đổ thêm quân của người Mỹ nên bị họ tổ chức lật đổ.

Vì vậy bài này sẽ gồm phần thứ nhất nói ngắn gọn về yếu tố VN của nguyên nhân “*chế độ mất lòng dân*” rất rõ ràng không cần phải giải thích nhiều. Phần thứ hai phải nói dài hơn về yếu tố ngoại bang vì đây là nỗi đau nhức của những người “*ủng hộ tinh thần Ngô Đình Diệm*” mà bài này, cố gắng chứng minh rõ rệt một lần cuối cùng, giúp họ thấy được sự thật là ông Diệm chẳng những đã không chống mà còn xin thêm quân ngoại

bang vào VN. Để cho mỗi năm đến tháng 11, họ không phải vi phạm vào Điều Răn thứ chín của Chúa: “Con không được làm chứng dối chống lại đồng loại. (Xh 20,16). . . *Nhưng hễ có thì phải nói có, không thì phải nói không. Thêm thắt điều gì là do ác quỷ.* (Mt, 33)” như Cao Văn Luận, Cao Thế Dung, Tú Gàn Nguyễn Cần, Nguyễn văn Chức đã và đang bị ác quỷ dẫn dắt.

Hãy bắt đầu bằng yếu tố VN qua bốn lãnh vực :

1. Quần chúng :

Sự ủng hộ của nhân dân dĩ nhiên là chủ yếu để chính quyền được tồn tại. Trong một chế độ dân chủ, thật hay giả, sự ủng hộ này có thể phân biệt được là tự phát hoặc ép buộc qua những cuộc bầu cử. Theo bài giảng “Luật Hiến Pháp và Chính Trị Học” cho sinh-viên năm thứ nhất Luật khoa của Giáo sư Nguyễn văn Bông, trong cuộc Trưng cầu dân ý tháng 10/1955 để ông Diệm được lên làm Quốc trưởng, kết quả có 5,721,735 phiếu thuận (hơn 98%) trong tổng số 5,828,907 người dân đi bầu. Tháng 4/1961, trong cuộc bầu cử Tổng thống nhiệm kỳ hai, ông Diệm không chứng tỏ là một học trò giỏi về thực tế của khái niệm dân chủ đã thắng với tỷ số 89% (5,997,972 trên tổng số 6,723,720). Hai kết quả này thua 100% của ông Saddam Hussein không xa bao nhiêu. Nếu những người “ủng hộ tinh thần Ngô Đình Diệm” không đỏ mặt khi đọc hai kết quả bầu cử này thì họ không nên và không cần đọc tiếp bài này nữa.

2. Thành phần chính trị :

Gồm các lực lượng đối lập và ủng hộ chính quyền. Trong lực lượng ủng hộ, đảng Cần Lao độc quyền tổ chức bao trùm cả hai môi trường dân sự và quân sự trên toàn quốc làm cho tính độc tài của chế độ trở nên không thể chối cãi như tình trạng độc đảng của các chế độ Cộng sản. Ai cũng biết không có đối lập thật sự thì không thể có dân chủ thực sự. Vì vậy mà trong lực lượng đối lập, hai trường hợp tiêu biểu là ông Nhất Linh của Việt Nam Quốc Dân Đảng đã phải uống thuốc độc tự tử, và ông Nguyễn Bảo Toàn của lực lượng Hòa Hảo đã bị chính quyền thủ tiêu (chi tiết trong sách “*Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*” của Hoàng Linh Đỗ Mậu, 1986) là những dấu chỉ của một chính sách đàn áp đảng phái tàn bạo như các cuộc Thánh chiến của các Giáo hoàng Gia-tô La mã.

3. Thành phần tôn giáo:

Về phương diện pháp lý, chính quyền ông Diệm đã độc lập được 9 năm mà vẫn giữ nguyên đạo dụ số 10 của thực dân Tây để lại coi Phật giáo như một hội đá banh. Vì vậy mà một trong 5 nguyên vọng của Phật giáo gửi cho chính phủ Diệm trong tháng 5/1963 là “*được bình quyền với Ki-tô giáo*”. Một đạo mang niềm tin của gần 90% dân mà lại xin được bình quyền với một đạo của gần 10% dân! Về thực tế, sự kiện đạo của thiểu số Ki-tô là tôn giáo duy nhất (gồm hai nhánh Gia-tô La mã và Tin Lành) có tuyên úy trong quân-đội đã đủ để nói về chính sách đàn áp tôn giáo của “Ngô chí sĩ”.

4. Thành phần quân đội:

Quân đội VNCH có gốc rễ từ quân đội Pháp. Đại đa số những sĩ quan lãnh đạo đều đã có kinh nghiệm với chế độ thuộc địa. Những kinh nghiệm này cộng với truyền thống kỷ luật của quân đội mà họ đã theo đuổi từ thời trai trẻ đã tạo trong họ một trống vắng về ý thức chính trị sâu sắc. Do đó, những hành động, phản ứng hay quyết định của họ có tính cách bản năng, nặng về cảm tính và chú trọng đến hiệu quả thực tiễn. Điều này được chứng nghiệm năm 1954 qua sự ủng hộ vô điều kiện của họ đối với chính khách Ngô Đình Diệm,

sự đối kháng của họ đối với thực dân Pháp và sự ly khai của họ đối với Cộng sản tính của lực lượng Việt Minh. Chín năm sau, quân đội đã thấy rất rõ, từ vị thế quân nhân của họ, sự thiếu hiệu quả của chế độ qua sự tăng trưởng của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, sự phản bội của một chế độ chống Cộng mà đi đêm với Cộng (cũng như những tờ báo Bolsa hiện nay hô hào chống Cộng mà vẫn đăng quảng cáo gửi tiền về VN). Và bản năng của quân đội đã bùng vỡ khi vợ con, bạn bè họ bài khóa, đi biểu tình trên toàn quốc trong mùa Hè năm 1963.

Trong khuôn khổ yếu tố VN, kết quả của tình trạng chín mùi này là người quân nhân trong một lực lượng đã chuẩn bị, chỉ cần 24 tiếng đồng hồ để lật đổ một chính quyền mà họ thấy rõ là không còn giá trị, một chính quyền đã mất lòng dân. Nếu nói rằng một ông Đại Tá lật đổ chính phủ vì không được lên Tướng thì vừa coi thường chính phủ đó vừa coi thường quân đội đó. Phải nhìn thấy sự kháng cự duy nhất và rất ngắn ngủi của Lữ đoàn Phòng vệ Phủ Tổng thống và sự im lặng tuyệt đối của đảng Cần lao, Thanh niên/ nữ Cộng hòa, Công an, Cảnh sát, ... trên toàn miền Nam trong ngày 1/11/1963 mới thấy được sự quan trọng của yếu tố lòng dân trong khi phân tích nguyên nhân của ngày lịch sử này.

* * *

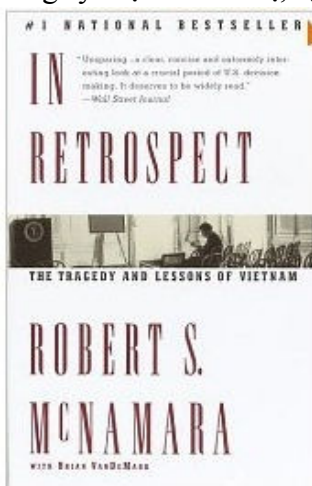
Bên cạnh yếu tố Việt Nam, yếu tố ngoại bang trở nên tương đối đơn giản và khẳng định hơn vì nhân chứng và tài liệu thì đầy đủ và dễ phối kiểm và, do đó, giúp chúng ta có thể suy luận một cách khách quan hơn.

Những tài liệu, sách báo, hồi ký xuất bản từ năm 1963 ở Mỹ đã cho thấy rõ ràng mối liên hệ chặt chẽ giữa nước này và ông Diệm. Trong một bài, đã được đăng trên nhật báo Người Việt ở Westminster, California ngày 9 tháng 11/1996, tác giả Lương Minh Sơn đã đúc kết các chứng liệu ngoại quốc để trình bày một cách súc tích và chính xác sự đúng chỗ, đúng lúc và đúng người của ông Diệm khi ông được chính quyền Mỹ và Vatican đưa về VN.

Trong khuôn khổ của bài này, vấn đề chỉ cần giới hạn trong câu hỏi: Tại sao người Mỹ đưa ông Diệm về năm 1954 rồi 9 năm sau lại muốn lật đổ?

Có phải ý của người Mỹ đã thay đổi? Câu trả lời, trong trường hợp VN, tất nhiên là: Không. Vì từ 1954 đến 1963, người Mỹ chỉ có một ý là chống Cộng sản. (Thật ra thì chính sách đối ngoại của Mỹ đặt cơ sở trên sách lược ngăn chặn Cộng sản đã bắt đầu từ bài báo năm 1947 của George Kennan cho đến 1989 khi Nga Sô-viết sụp đổ và Trung Cộng bắt đầu chạy theo kinh tế thị trường). Mục tiêu không thay đổi thì có thể là đường lối đã thay đổi. Đây là chỗ đưa đến lập luận sở đắc của những người mang “tinh thần Ngô Đình Diệm” : *“Đồng minh Mỹ trở nên đế quốc, muốn đem quân chiến đấu vào để thao túng chủ quyền của VN mà chống Cộng theo kiểu Mỹ, Tổng thống Diệm muốn bảo toàn độc lập quốc gia nên chống lại âm mưu này và đã phải trả giá bằng chính mạng sống và chính quyền của ông.”*

Bằng lý luận chính trị, lập luận này không đứng vững trong bối cảnh của nước Mỹ có một Tổng thống bị thất bại nặng nề ngay từ đầu nhiệm kỳ trong phiêu lưu quân sự ở Vịnh Con Heo (tháng 4/1961) để mưu lật đổ Fidel Castro của Cuba. Ông Kennedy dĩ nhiên là không muốn phiêu lưu vào một thất bại lật đổ Ngô Đình Diệm ở một xứ VN xa xôi vào cuối nhiệm kỳ (tháng 11/1963) khi cuộc chuẩn bị bầu cử cho nhiệm kỳ hai đã bắt đầu.



Cụ thể hơn, bài này sẽ chứng minh ông Diệm chẳng những không chống mà còn xin thêm quân Mỹ và Tàu, (vâng, quân Tàu, kẻ thù truyền kiếp của dân tộc Việt) đổ vào VN. Qua tài liệu mật của Bộ Quốc Phòng Mỹ và tài liệu công khai của Phòng Báo chí Tòa Bạch ốc, lập luận này lại càng mất thêm giá trị để được xưng đáng gọi là một lập luận chính trị. Cựu Bộ trưởng McNamara đã dùng tài liệu mật của Bộ Quốc Phòng để tiết lộ những chi tiết sau đây trong hồi ký “*In Retrospect*” (Ed. Random House, NY, 1995) của ông :

1). “(Ngoại Trưởng) Dean Rusk và các cố vấn của ông ta cũng đi đến kết luận như (của tôi) vậy. Ngày 11/11 (năm 1961) ông ta và tôi, sau khi suy nghĩ và thảo luận thêm, cùng gửi một văn thư liên bộ (Ngoại Giao và Quốc Phòng) cho Tổng thống để can ngăn việc gửi quân chiến đấu sang VN theo đề nghị của Walt (Rostow) và Tướng Max (well Taylor). . . . Chiều hôm ấy, TT Kennedy đã đem cả hai văn thư đó ra giữa buổi họp tại Tòa Bạch ốc. Ông nói rõ rằng ông không muốn cam kết một cách vô điều kiện sẽ giữ cho miền Nam Việt Nam khỏi bị sụp đổ và **tuyệt đối không chấp nhận việc gửi quân tác chiến Mỹ sang VN.**” [Tr. 39]

2). Trong bản tường trình mật lên Tổng thống, sau chuyến viếng thăm VN (tháng 9/1963), Bộ trưởng McNamara đã có những đề nghị sau đây (trong an ninh tình báo, những đề nghị mật trong giới lãnh đạo cao cấp loại này được coi như là những ý định thật của một chính phủ) :

“Thành lập một chương trình để huấn luyện người Việt Nam **đến cuối năm 1965** có thể thay thế quân nhân Mỹ trong các nhiệm vụ thiết yếu. *Vào thời điểm đó, một số lớn nhân viên Mỹ có thể được rút về nước.*” . .

Theo chương trình huấn luyện (quân đội) Việt Nam để từ từ thay thế (quân đội Mỹ) trong các nhiệm vụ quân sự, Bộ Quốc Phòng nên **tuyên bố sớm kế hoạch đang được chuẩn bị để rút 1,000 quân Mỹ vào cuối năm 1963.**” [Tr. 78]

3). Thông báo của Phòng Báo Chí Tòa Bạch ốc ngày 2 tháng 10, 1963 :

“Cuối cùng tổng thống đồng ý, và Tham vụ Báo chí Pierre Salinger đã đưa ra bản thông báo sau buổi họp. Bản thông báo này có đoạn như sau : Bộ trưởng McNamara và Tướng Taylor. . . báo cáo rằng chương trình huấn luyện của Mỹ tại VN sẽ tiến triển đến mức **1,000 quân nhân Mỹ đang đóng tại Nam Việt Nam sẽ có thể được rút về vào cuối năm nay.**” [Tr. 80]

4). Trong một lá thư được nhật báo *The New York Times* đăng ngày 14 tháng 9/1995 để trả lời một độc giả, ông McNamara đã tổng kết như sau :

“. . . Tôi tin rằng các tài liệu đã chứng tỏ là Tổng thống Kennedy, chẳng những đã không trừ tính một kế hoạch leo thang nào, mà còn quyết định - và tuyên bố công khai ngày 2 tháng 10, 1963 - rằng Mỹ dự tính rút quân đội ra (khỏi Việt Nam) vào cuối năm 1965 và bước đầu tiên là rút 1,000 (trong tổng số 16 ngàn quân) vào cuối năm 1963.”

5). Mới nhất là bản tin ngày 23 tháng 12, 1997 của *Associated Press* trích từ hồ sơ dày hơn 800 trang của văn phòng Tổng tham mưu Liên quân Mỹ (Joint Chiefs of Staff) tiết lộ “*Tổng thống Diệm đã dấu diếm những báo cáo chiến trường cho thấy cuộc chiến đã diễn tiến một cách bất lợi cho Nam Việt Nam*” (“Diem had been hiding reports from the field that showed the war was going badly for the South Vietnamese”). Mặt khác, “*vài tuần trước khi bị ám sát, TT Kennedy đã muốn các lãnh đạo quân sự lập cho ông một kế hoạch rút quân Mỹ khỏi Việt Nam sau cuộc bầu cử 1964*” (“weeks before his assassination President

Kennedy wanted his military leaders to draw up contingency plans for a U.S. withdrawal from Vietnam after the 1964 presidential election.”).

Bên kia những tiết lộ rõ rệt này về ý đồ của người Mỹ thì “*Hồ sơ Mật của Ngũ Giác Đài*” (“The Pentagon Papers”, Ed. Bantam Books Inc., 1971) lại cho thấy chính ông Diệm đã có ý đồ... xin thêm **quân tác chiến Mỹ và Tàu vào Việt Nam**, từ năm 1961!

“Điện văn của Tòa Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn gửi bộ Ngoại Giao ngày 13 tháng 10, 1961 về những yêu cầu của ông Nguyễn Đình Thuần, Bộ trưởng Quốc Phòng của Nam Việt Nam...

Trong buổi họp ngày 13/10/1961 Thuần đã yêu cầu :

1. Gửi thêm các phi đoàn khu trục AD6...
2. Gửi phi công dân sự Mỹ...
3. ***Gửi quân Mỹ tác chiến*** hoặc quân Mỹ “cố vấn tác chiến” cho quân VNCH. Một phần quân số này sẽ đóng gần vĩ tuyến 17 để quân VNCH được rảnh tay chống quân du kích ở miền cao nguyên ...
4. ***Xin được biết phản ứng của Mỹ đối với đề nghị (của ông Diệm) xin Trung Hoa Quốc gia gửi một sư đoàn quân tác chiến vào khu vực hành quân ở vùng Tây Nam***

(Bộ trưởng Thuần) nói ông Diệm, dựa trên tình hình Lào, sự xâm nhập (của quân đội Bắc Việt) và sự lưu tâm của TT Kennedy khi gửi Tướng Taylor qua thăm VN, đã yêu cầu Mỹ hãy duyệt gấp những yêu cầu trên.” [Tr. 40]

* * *

Tất cả những tài liệu trên đây đã tự nó nói lên hai sự thật đơn giản :

- 1. Tổng thống Diệm không thể “chống Mỹ đổ thêm quân”, vì cho đến ngày lịch sử 1/11/1963 chính quyền Mỹ không có ý đổ thêm quân vào Việt Nam mà ngược lại còn dự tính - và tuyên bố công khai - sẽ rút quân kể từ cuối năm 1963.
- 2. Từ năm 1961, Tổng thống Diệm đã cầu viện quân ngoại bang (Mỹ và Tàu) vào Việt Nam.

Nguyên nhân của một biến cố lịch sử làm sụp đổ một chế độ dài 9 năm phải đến từ nhiều yếu tố. Không thể lý luận một cách ngu muội là tất cả đều do Mỹ và những người chống ông Diệm (từ Nhất Linh đến Thích Trí Quang đến Trần Kim Tuyến đến Dương Văn Minh) đều bị CIA mua chuộc. Qua những chứng liệu rõ rệt trên đây, một độc giả thông minh tối thiểu và không cuồng tín vì tôn giáo sẽ thấy nguyên nhân của ngày 1/11/1963 đến từ cả hai yếu tố **bên trong** và **bên ngoài** Việt Nam. Với một người có tinh thần dân tộc thì sẽ nhận ra ngay yếu tố Việt Nam mới là tối quan trọng, yếu tố lòng dân Việt Nam mới là chủ yếu. Với loại người được truyền giáo để trở thành phi dân tộc và vọng ngoại thì dĩ nhiên chỉ có thể thấy được yếu tố ngoại bang.

Nếu những người này đã có can đảm đọc đến đây và đã được “mặc khải” thì xin hãy chôn đi cái huyền thoại TT Diệm “chết vì chống Mỹ” sau khi đọc điều số 4 trong lá thư của Bộ trưởng Thuần ở trên rằng “*Xin được*

biết phản ứng của Mỹ đối với đề nghị (của ông Diệm) xin Trung Hoa Quốc gia gửi một sư đoàn quân tác chiến vào khu vực hành quân ở vùng Tây Nam...". Được như vậy, vào tháng 11 mỗi năm, quý vị hoài Ngô khỏi phải day dứt vì mặc cảm phạm tội mà đi mua nhang đèn làm lễ tưởng niệm “tinh thần” “*xin-được-biết-phản-ứng-của-Mỹ*” của Ngô chí sĩ, và chúa Ki-tô khỏi phải nhọc công lập lại Điều răn thứ Chín cho những tên ma đầu loại Cao Văn Luận, Cao Thế Dung (Hà Nhân Văn, Hà Nhân!!), Nguyễn văn Chức, Tú Gàn Nguyễn Cần.

Ngô Đắc Triết (Montréal) 3.11.2002

*** Nhân đọc bài “*Tổng Thống Diệm và Quân Đội Mỹ*”
của tác gia Ngô Đắc Triết, tôi cũng xin có đôi lời góp ý.**

Lý Dương Nhiên

Cách đây mấy tuần lễ, bình luận gia nổi tiếng Trần Bình Nam có cho phổ biến loạt bài “CIA Và Các Ông Tướng” trong đó tác giả có đề cập đến chi tiết “Tổng Thống Diệm phản đối việc quân đội Mỹ đổ bộ vào Việt Nam” phổ biến trên website Đàn Chim Việt. Liên sau đó, ông Phan Đức Minh cũng cho phổ biến trên Đàn Chim Việt loạt bài “Nhớ Ngày 1/11/1963” trong đó ông có cho biết Tổng Thống Diệm có ra thăm Quân Đoàn I ở Đà Nẵng vào năm 1960 và có nói chuyện với các sĩ quan. Trong buổi đó, Tổng Thống Diệm cũng cho biết “ông chống việc quân đội Mỹ đổ bộ vào Việt Nam.”

Nhân dịp có bài viết của ông Phan Đức Minh, ông Nguyễn Tường Tâm, cháu của nhà văn Nhất Linh, có bài Góp Ý ở dưới bài viết trên đây với đại ý như sau:

- 1.- Buổi nói chuyện của Tổng Thống Diệm có thật không? Xin ông cho biết một vài chi tiết để chứng thực.
- 2.- Xin ông Phan Đức Minh cho tài liệu về việc Tổng Thống Diệm chống việc quân Mỹ đổ bộ vào Việt Nam.

Đồng thời, ông (Nguyễn Tường Tâm) cũng cho biết ông có yêu cầu ông Trần Bình Nam cho ông tài liệu đó, nhưng ông Trần Bình Nam đã thành thật trả lời rằng không thể cung cấp tài liệu đó cho tôi được.

Xin góp ý như sau:

1.- Buổi nói chuyện của Tổng Thống Diệm với các sĩ quan Quân Đoàn I vào năm 1960 ở Đà Nẵng là **hoàn toàn không có** vì rằng từ ngày 1/1/1960 đến ngày 31/12/1960, Tổng Thống Diệm không hề đi Đà Nẵng. Xin đọc (1) sách *Hai Mươi Năm Qua 1945-1964 – Việc Từng Ngày* (Los Alamitos, CA: Xuân Thu – không đề năm) của tác giả Đoàn Thêm. (Cụ Đoàn Thêm làm việc trong văn phòng Tổng Thống Diệm), và (2) *Việt Nam Niên Biểu 1939-1975* Tập I-C: 1955-1963 (Houston TX: Văn Hóa, 2000) của tác giả Chính Đạo.

2.- Giáo-sư Nguyễn Mạnh Quang và Tiến-sĩ Vũ Ngự Chiêu cũng đã cố gắng đi các thư viện truy tầm mà cũng không tìm ra một văn kiện nào đề cập đến Việc Tổng Thống Diệm chống quân đội Mỹ đổ bộ vào Việt Nam và việc Mỹ xin Tổng Thống Diệm sử dụng hải cảng Cam Ranh, nhưng bị ông Diệm từ chối.

Trong lúc đi tìm tài liệu lịch sử nói về Việt Nam trong thời cận và hiện đại, Tiến-sĩ Vũ Ngự Chiêu bắt gặp được mấy tờ phúc trình của Đại-sứ Pháp Lalouette gửi về chính quyền Pháp, trong đó có nói việc ông Diệm cho Đại-sứ Pháp biết rõ là Cuộc Chiến Việt Nam hiện nay trên thực tế đã giống như Cuộc Chiến Triều Tiên trước đây và *“Ít nữa cho tới ngày 7/11/1961, (miền Nam Việt Nam) không những muốn đón nhận quân chiến đấu Mỹ và các nước bạn, mà còn tuyên bố đại đa số dân miền Nam tán thành (welcome) việc này (quân đội Mỹ đến Việt Nam.)”*. Sự kiện này được sách sử ghi lại rõ ràng như sau:

“Tư liệu trong kho Cambodge-Laos-Vietnam ghi nhận Ngô Đình Diệm ít nữa cho tới ngày 7/11/1961, không những muốn đón nhận quân chiến đấu Mỹ và các nước bạn, mà còn tuyên bố đại đa số dân miền Nam tán thành (welcome) việc này. Như thế, những lời tuyên bố chống Mỹ vào năm 1963 của vợ chồng Ngô Đình Nhu chỉ nhằm vào các cố vấn quân sự Mỹ sau khi Ngô Đình Nhu đã bí mật gặp nhiều đại diện Cộng Sản...” Vũ Ngự Chiêu, Các Vua Cuối Nhà Nguyễn (Thiên Mệnh Đại Pháp) 1884-1945 – Tập 3 (Houston, TX: Văn Hóa, 2000), tr 1038.

Ngoài sự kiện lịch sử trên đây,, lại còn có nhiều kiện khác như:

a.- Ngày 11/11/1960, Tổng Thống Diệm Nhờ Linh-mục Raymond de Jaegher, người Bỉ, quốc tịch Mỹ, xin với Đại-sứ Mỹ Elbridge Durbrow cho Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đổ bộ vào Sài Gòn để bảo vệ công dân Mỹ và kiểm soát phi trường Tân Sơn Nhất. Sự kiện này được sách Việt Nam Niên Biểu 1939-1975 Tập I-C 1939-1975 ghi lại rõ ràng như sau:

“Thứ Sáu 11/11/1960... 13G30: Durbrow báo cáo Đại-tá Thi đang thương thuyết tại Dinh Độc Lập. Thi đã bắt giữ Đại-Tướng Tỵ và Trung Tướng Thái Quang Hoàng (Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô) làm con tin. Trên đài phát thanh, Thi khẳng định lập trường chống Cộng.

Vẫn theo Durbrow, Diệm từng nhờ Raymond de Jaegher, một linh mục người Bỉ, đại diện Hội Thái Bình Dương Tự Do, Vùng Viễn Đông – yêu cầu Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đổ bộ để bảo vệ công dân Mỹ và kiểm soát phi trường Tân-sơn-nhất. Durbrow tin rằng điều này không thể được. Cho tới 13G30, vẫn chưa có Mỹ kiều nào bị tổn hại. (FRUS, 1958-1960: I:633-4).” Chính Đạo, Việt Nam Niên Biểu 1939-1975 Tập I-C 1939-1975 (Houston, TX: Văn Hóa 2000), tr. 186.

b.- Ngày 29/9/1961: Diệm gặp Đô Đốc Harry D. Felt, Đại Sư Nolting, đề nghị ký một hiệp ước phòng thủ chung với Mỹ. Chính Đạo, Sdd., tr. 229.

c.- Ngày 20/10/1961: Taylor hội thảo với Diệm lần đầu tiên. Diệm đề nghị một hiệp ước hỗ tương phòng thủ, gia tăng quân số Việt Nam Cộng Hòa và không yểm của Mỹ.

d.- Ngày 27/10/1961: Taylor hội thảo với Diệm lần thứ hai:

“Đề nghị đưa bộ binh Mỹ vào miền Nam Việt Nam dưới danh nghĩa là cứu lụt. Theo Taylor, Diệm rất tán thành.” Chính Đạo, Sdd.,tr. 231.

NHẬN XÉT: Đã cương quyết chống việc quân đội Mỹ vào Việt Nam để bảo vệ chủ quyền, thì TẠI SAO lại còn mời Mỹ vào Việt Nam để làm gì?

Một khi đã ký một thỏa hiệp phòng thủ chung với Mỹ thì đương nhiên là quân đội Mỹ phải trú đóng ở trên lãnh thổ Việt Nam giống như quân đội Mỹ đóng ở Đại Hàn vậy.

ĐỀ NGHỊ: Mong rằng ông Trần Bình Nam, Phan Đức Minh và các ông đã từng đưa ra lập luận nói rằng Tổng Thống Ngô Đình Diệm chống lại việc chính quyền Mỹ muốn đưa quân vào Việt Nam cho nên mới bị Mỹ thuê người giết ông Diệm, hãy lên tiếng làm sáng tỏ vấn đề này để cho các ông khỏi mang tiếng là những người NÓI LÁO và PHẠM SỬ.

Mong lắm thay!

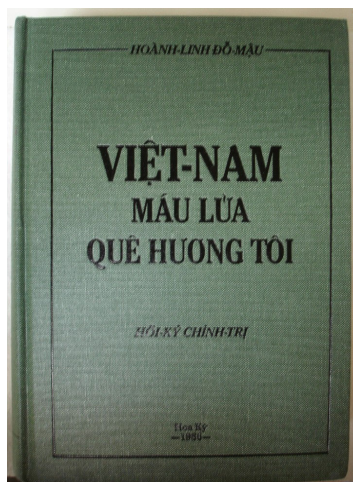
Lý Dương Nhiên

(<http://www.sachhiem.net/LICHSU/N/NgoDacTriet.php>)

)0(000)0(

Từ đồng minh với Mỹ đến thỏa hiệp với Cộng

Hoàn Linh Đỗ Mậu



*Trong bối cảnh chính trị, quân sự và ngoại giao đặc thù của Việt Nam vào những năm đầu thập niên 1960s, khi những nhà lãnh đạo miền Nam tìm cách thỏa hiệp với Hà Nội thì đó có phải là một quyết định chính trị đúng đắn, sáng suốt và đặt lợi ích của miền Nam nói riêng, của dân tộc nói chung, lên trên hết không ? Bài viết dưới đây, trích từ chương 16 của tác phẩm **Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi** (Hoàn Linh Đỗ Mậu, nhà xuất bản Văn Nghệ, 1993), là một mô tả, phân tích để trả lời cho câu hỏi đó. GDOL*

Trong lúc biến cố Phật giáo đang sôi nổi thì trong giới chính trị và tình báo tại Thủ đô Sài Gòn có hai vấn đề cũng được thảo luận và theo dõi gần như công khai. Đó là nguồn tin về những vận động của chính quyền Nhu-Diệm nhằm thỏa hiệp với Cộng Sản Hà Nội và những tin tức về các cuộc đảo chánh có thể xảy ra.

Sài Gòn như lên cơn sốt mùa hè với những tin đồn phóng đại, những giả thuyết đầy mâu thuẫn và những vận động ngầm sôi nổi. Đề tài về âm mưu thỏa hiệp với Hà Nội là đề tài nóng bỏng nhất vì không những nó liên hệ đến chế độ Diệm mà còn trực tiếp tạo nhiều hệ quả lớn lao cho vận mệnh của miền Nam Tự Do.

Sau cách mạng 1-11-1963, các bí mật từ từ lộ ra qua các tài liệu Việt Nam và quốc tế, những nhân chứng trong cuộc cũng từ từ tiết lộ những sự kiện cụ thể để ta có thể nghiêm túc trình bày lại diễn tiến của âm mưu này, cũng như để ta có thể chín chắn suy nghiệm về biến cố mà hai anh em Nhu-Diệm đang từ theo Mỹ đến chống Mỹ và đang từ chống Cộng đến thỏa hiệp với Cộng.

Âm mưu thỏa hiệp với chính quyền Cộng Sản Hà Nội của chế độ Diệm là một trong những động cơ quan trọng, nếu không muốn nói là động cơ thúc đẩy nhất, thúc đẩy quân đội cùng với toàn dân đứng lên làm cuộc cách mạng 1-11-63, để ngăn chặn và trừng phạt dòng họ Ngô Đình. Chính âm mưu này đã là nguyên động lực làm cho nhiều tổ chức chống chế độ có thể đoàn kết hợp tác với nhau mà không ngại ngừng, và đến khi tiếng súng cách mạng phát khởi thì các đoàn thể quần chúng và nhân dân cả nước cũng đều một lòng yểm trợ cho cuộc cách mạng lật đổ Ngô triều thành công.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến quyết định thay đổi lập trường và chính sách chống Cộng của hai anh em ông Ngô Đình Diệm nhưng tựu trung có thể gồm lại trong bốn điểm chính: *thứ nhất* là sự chống đối càng lúc càng quyết liệt của nhân dân và các lực lượng chính trị đối lập tại miền Nam; *thứ hai* là áp lực càng lúc càng nặng nề của lực lượng chính trị võ trang của kẻ thù Cộng Sản; *thứ ba* là sự căng thẳng trong mối bang giao Việt-Mỹ mà những đổ vỡ có thể mang đến các di hại trầm trọng; và *thứ tư*, quan trọng nhất, là bản chất thủ đoạn cũng như tính chủ quan của ông Ngô Đình Nhu. Nếu chỉ có một, hay hai, hay cả ba nguyên nhân mà thôi thì chưa chắc hai ông Diệm-Nhu đã thỏa hiệp với Cộng Sản, nhưng vì bốn nguyên nhân vừa khách quan vừa chủ quan này đã, chập chập nhưng chắc chắn, cùng phối hợp với nhau nên đã đánh bật lập trường chống Cộng của anh em Ngô Đình, dù từ lâu mỗi thù giết anh ruột đã bắt gốc rễ vào tâm trí họ, và dù **sự nghiệp chính trị của họ được xây dựng trên quyết tâm chống Cộng của quân dân miền Nam.**

-o0o-

Thật vậy, như tôi đã trình bày trong hai chương 11 và 12, cao trào chống đối của quân dân miền Nam trước chính sách độc tài và đàn áp các lực lượng quốc gia của chính quyền Ngô Đình Diệm càng lúc càng gia tăng với bản cáo trạng lên án chế độ của nhóm Caravelle, với hoạt động đối kháng của Mặt Trận Đoàn Kết do ông Nguyễn Tường Tam chủ xướng, của đảng Tự Do Dân Chủ do ông Phan Quang Đán thúc đẩy, của Liên Minh Dân Chủ do nhóm các ông Phan Bá Cầm, Xuân Tùng, Hoàng Cơ Thụy lãnh đạo,... và hai cuộc binh biến táo bạo cũng như quyết liệt của binh chủng Nhảy Dù và vụ ném bom dinh Độc Lập. Đó là chưa nói đến những cá nhân hoặc đoàn thể trước kia đã từng cộng tác, ủng hộ và nhiều khi hy sinh cả đời người cho hoạt động chính trị của hai ông Nhu-Diệm thì kể từ năm 1960 trở đi, cũng đã công khai lên án chế độ và bày tỏ thái độ chống đối gia đình họ Ngô. Và đó cũng chưa kể đến sự công phần của quần chúng mà điển hình là cuộc vận động cách mạng của Phật giáo bắt đầu lan rộng và biến thành những hình thức đề kháng chế độ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

Những hoạt động chống đối đó đáng lẽ phải được nghiên cứu sâu sắc và truy tầm nguyên nhân để rút ra những bài học tích cực hầu xây dựng dân chủ và sửa sai chế độ thì hai ông Nhu-Diệm lại xem đó như những khiêu khích phản loạn cần phải diệt trừ cho tuyệt hậu họa. **Họ đã xem hành động đối lập của các lực lượng quốc gia như hành động của kẻ thù tối nguy hiểm** vì chính đối lập mới thực sự đe dọa đến

quyền hành và danh vọng của họ, quyền lợi và mạng sống của họ. Họ lo lắng suy nghĩ và dành nhiều phương tiện cũng như nhân sự của quốc gia để lo đối phó với những thành phần đối lập quốc gia còn hơn cả đối phó với kẻ thù Cộng Sản. Nhưng như tôi đã trình bày và lịch sử giai đoạn đó đã chứng minh, chế độ càng đàn áp thì sự chống đối càng gia tăng. Gia tăng trên cả hai mặt mức độ cũng như số lượng đến nỗi đã dùng đến cả vũ lực (vụ ném bom) vốn là hình thức cao nhất và dứt khoát nhất của mọi cuộc đấu tranh.

Tình trạng lớn mạnh của đối lập đó, trong những năm từ 1960 trở đi, tuy chưa trực tiếp và tức thì đe dọa chế độ, nhưng hai ông Nhu–Diệm cũng đã phải nhận rằng nếu tình trạng đó kéo dài thì chính các lực lượng chính trị đối lập đó, chứ không ai khác, trong tương lai sẽ đập tan chế độ và uy quyền của họ. Nhận định đó, khi biến cố Phật giáo xảy ra vào năm 1963 và nhất là khi những áp lực của người Mỹ trở thành nặng nề hơn, mới trở thành một yếu tố tác động lên quyết định thỏa hiệp với Cộng Sản Hà Nội để hoặc là dùng Cộng Sản như một phụ lực tiêu diệt đối lập, hoặc dùng Cộng Sản như một mối đe dọa để làm *chantage* lực lượng đối lập. Kế hoạch hai mặt đó, hai ông Nhu–Diệm nghĩ rằng nếu không làm tê liệt được quyết tâm thì ít nhất cũng tiêu diệt được khả năng chống đối của người quốc gia.

Cho nên chính sự thất bại và bế tắc trong chính sách đàn áp đối lập cuối cùng đã là nguyên nhân sâu sắc nhất nhưng lại ảm tàng nhất đẩy hai ông Diệm–Nhu vào vòng tay Cộng Sản để mong bảo đảm danh vọng và quyền lợi cho họ.

Đó là nguyên nhân thứ nhất.

Nguyên nhân thứ hai là sự trưởng thành của lực lượng chính trị quân sự Cộng Sản, một kẻ thù khác, đang rõ ràng công khai thách thức tư cách chủ nhân miền Nam của chính quyền Ngô Đình Diệm và đánh phá sức mạnh đã bắt đầu lung lay của chế độ. Sự ra đời của Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam là cao điểm chính trị của Việt Cộng sau khi đã làm ung thối tình hình thôn quê miền Nam mà những áp chiến lược, những khu trù mật, những khu dinh điền, những chính sách quân phân ruộng đất, những chiến dịch tổ Cộng... đã tạo ra những phản tác dụng cho Việt Cộng khai thác và bành trướng.

Mặt khác, sự ra đời của Mặt Trận cũng chính thức hóa sự lệ thuộc của nó vào hậu phương lớn Bắc Việt trên cả hai mặt chính trị lẫn quân sự, cho thấy Mặt Trận chính là một bộ phận của Hà Nội và đánh Mặt Trận là trực tiếp đánh Hà Nội. Trên mặt thuần túy quân sự, sự ra đời của Mặt Trận đã cho phép họ thu nhận nhiều yểm trợ khí cụ hơn cũng như kết nạp được nhiều nhân lực hơn, ngay tại miền Nam, để thành lập những đơn vị chiến đấu lớn. Thất bại nặng nề của Sư đoàn 13 tại Tây Ninh cuối năm 1960 đã là dấu hiệu đầu tiên của sự lớn mạnh đó của Mặt Trận.

Hai ông Diệm–Nhu lẽ tất nhiên đã không xem Việt Cộng như những lực lượng phiến loạn địa phương kiểu các giáo phái Bình Xuyên, Cao Đài, Hòa Hảo mà họ đã từng dẹp yên được, lại càng không xem đó như những lực lượng vũ trang quốc gia đối lập kiểu chiến khu Ba Lòng của Đại Việt hay chiến khu Nam Ngãi của VNQDD mà họ đã từng tàn bạo tiêu diệt một cách dễ dàng. Hai ông Diệm–Nhu đã từng thấy được tính cách trường kỳ dai dẳng của Việt Minh thời chiến tranh Pháp–Việt, cũng như bắt đầu thoáng thấy được sự vô hiệu của những chiến lược chống Cộng của họ từ nhiều năm qua, thì hẳn họ cũng hiểu hơn ai hết là **thời gian không đứng về phía họ, nghĩa là trong cuộc chiến này, càng về dài thì địch càng mạnh họ càng yếu**. Cũng như càng về dài thì ngôi vị, danh vọng, quyền lực, và ngay cả mạng sống của họ càng bị đe dọa mà thôi.

Cho nên thay vì nhường quyền lãnh đạo quốc gia cho lực lượng chống Cộng khác, hoặc cải tổ chính quyền và thay đổi chính sách để đáp ứng hữu hiệu hơn với sự đe dọa đó thì hai ông Nhu–Diệm, sau này, khi cùng một lúc bị những áp lực khác đè nặng, đã như con đà điều chui đầu xuống cát, tìm cách đầu hàng bằng sự thỏa hiệp với kẻ thù.

Trước khi trình bày *nguyên nhân thứ ba*, nguyên nhân mà tôi gọi là sự căng thẳng trong mối bang giao Việt–Mỹ vào những năm đầu của thập niên 1960 khiến anh em Diệm–Nhu đã đi đến quyết định thỏa hiệp với Cộng Sản, tôi xin được rất thực tế nêu lên một số biến cố lịch sử để, qua đó, cụ thể phân tách một khía cạnh rất đặc thù về chính sách ngoại giao của Mỹ đối với các đồng minh trong sách lược chống Cộng toàn cầu của họ.

Lịch sử bang giao quốc tế từ thời xa xưa lúc các quốc gia bắt đầu thành hình cho đến hiện đại, khi mà thế lưỡng cực Tư Bản – Cộng Sản càng lúc càng gay gắt, đã cho thấy không thiếu những trường hợp một quốc gia này yêu cầu một quốc gia khác đem quân đến giúp. Lời “yêu cầu” đó có thể thật hay là giả, chính đáng hay không, hợp với công pháp quốc tế hay không, là tùy bản chất của sự liên hệ giữa hai quốc gia. Cũng vậy, “giúp” đó là thật hay giả, nguy trang xâm lăng hay thật sự yểm trợ, là tùy tình trạng của biến cố đó.



TT Eisenhower đón TT Ngô Đình Diệm

Hoa Kỳ không những là một cường quốc, mà còn là một cường quốc lãnh đạo một khối để trực đối với một khối khác, nên lại càng bị lôi cuốn vào những tranh chấp tuy cục bộ nhưng lại ảnh hưởng đến tương quan lực lượng Tư Bản – Cộng Sản. Do đó mà tuy mới 200 năm lập quốc, Hoa Kỳ đã nhiều lần phải dính dự vào các biến cố nội bộ của các quốc gia thân hữu mà Hoa Kỳ xem là đồng minh. Những dính dự đó hầu hết là để yểm trợ. Và dù những yểm trợ đó có lúc bắt nguồn từ quyền lợi của nước Mỹ, cũng đã có lúc vụng về gây tai hại nhiều hơn là đem đến ích lợi, nhưng nói chung thì những yểm trợ đó phản ánh **đức tính hào hiệp và vị tha của một dân tộc mà tôn giáo đã là một trong những nguyên ủy lập quốc**, mà những lý tưởng về Tự Do, Dân Chủ, Nhân Quyền đã là những sức mạnh duy trì sự cao cả của dân tộc họ. Đức tính hào hiệp và những lý tưởng lập quốc đó đã chảy xuyên dòng lịch sử ngoại giao của Hoa Kỳ như một thứ cốt

tủy, dù phần thể hiện của nó là các chính sách ngoại giao, có thay đổi theo thời đại hay theo từng nhiệm kỳ của mỗi vị Tổng thống. Chúng đã thuộc về căn cước văn hóa của dân tộc Hoa Kỳ. Hay nói như Coral Bell, một nhà nghiên cứu Úc, thì:

“Đạo đức và tinh thần thượng tôn pháp luật là hai tuyến lõi trung ương của nền ngoại giao Hoa Kỳ kể từ khi quốc gia này ý thức được vai trò cường quốc của mình” [\[1\]](#).

Thật vậy, Hoa Kỳ đã hai lần đưa quân đội vào nước Pháp giúp giải thoát nước này khỏi gót giày xâm lăng của quân phiệt Đức. Sau thế chiến thứ hai, Hoa Kỳ lại thực hiện kế hoạch viện trợ Marshall để giúp Pháp tái thiết xứ sở và nhất là giúp các lực lượng dân chủ Pháp đánh bại mưu toan cướp chính quyền của đảng Cộng Sản Pháp, lực lượng mạnh nhất lúc bấy giờ, mạnh đến nỗi đã đánh bật vị anh hùng cứu quốc De Gaulle ra khỏi chính quyền năm 1946.

Cũng vậy, tháng 6 năm 1950, Hoa Kỳ gọi quân qua Thái Bình Dương giúp Nam Hàn chống lại cuộc xâm lăng của Bắc Hàn và Trung Cộng. Trong những ngày đầu của trận chiến, tướng MacArthur đã khuyên Tổng thống Lý Thừa Vãn bỏ thủ đô Hán Thành rút về miền cực Nam để bảo toàn lực lượng mà vị Tổng thống này vì tự ái dân tộc đã không chịu nghe theo. Đến khi Bắc quân đánh xuống như thế chẻ tre, ông mới rút về Phú San, để từ đó cùng với quân lực Mỹ của tướng MacArthur phản công đuổi quân thù ra khỏi vĩ tuyến thứ 38. Sau khi hòa bình vẫn hồi, nhận rõ áp lực nặng nề vẫn đe dọa đất nước, Tổng thống Lý Thừa Vãn đã yêu cầu quân Mỹ ở lại để bảo vệ biên giới phương Bắc, đồng thời thực thi một nền tự do dân chủ có trách nhiệm để tạo những nền móng chính trị cho nền độc lập và cho những phát triển kinh tế lẫy lừng sau này.

Cũng tại Á Châu và gần gũi với Việt Nam hơn, Phi Luật Tân đã bị Hoa Kỳ chiếm đóng trong và sau đại chiến thứ hai. Nhưng trong khi các nước Á Phi khác phải đổ rất nhiều xương máu và tốn rất nhiều thời gian để giành lại độc lập thì ngược lại, Phi Luật Tân đã được Hoa Kỳ hào hiệp trao trả chủ quyền đất nước ngày 4 tháng 7 năm 1946, khác hẳn với chính sách duy trì chế độ thuộc địa của các đế quốc thực dân khác như Bỉ (ở Congo), Pháp (ở Việt Nam, Algérie), Hòa Lan (ở Nam Dương).

Để bảo vệ nền độc lập trong trường hợp bị Trung Cộng xâm lăng và để tỏ thiện chí cho mối giao hảo hầu mở đầu những bang giao kinh tế tốt đẹp sau này, Phi Luật Tân đã nhượng cho Hoa Kỳ thuê (Cession and Bail) hai căn cứ quân sự lớn là Clark Air Base và Subic Bay mà số ngoại tệ thu nhận được từ hai căn cứ này đã đóng góp rất nhiều vào việc phục hưng nền kinh tế hậu chiến của Phi Luật Tân. Trong suốt các thập niên 1950 và 60, Hoa Kỳ đã giúp Phi Luật Tân tối đa trên cả hai mặt kinh tế lẫn chính trị để trở thành một trung tâm vận động của vùng Đông Nam Á mà điển hình là các định chế kinh tế, quân sự liên vùng như ADB Asia Development Bank (Ngân Hàng Phát Triển Á Châu), SEATO Southeast Asia Treaty Organization (Tổ chức Minh Ước Liên Phòng Đông Nam Á) đều đặt trụ sở hoặc bộ chỉ huy trung ương tại Manila.

Một trường hợp đặc biệt khác mà tôi muốn đề cập ở đây như một bài học lịch sử là trường hợp của Nhật Bản. Trong đệ nhị thế chiến, Hoa Kỳ đã từng tiến đánh và nhiều khi chiếm đóng các đảo của Nhật tại Thái Bình Dương để trừng phạt quốc gia này đã tấn công Trân Châu Cảng và hợp tác với Đức Quốc Xã của Hitler.

Sau sự tàn phá khủng khiếp của hai quả bom nguyên tử tại Hiroshima và Nagasaki, ngày 2 tháng 9 năm 1945, trên soái hạm Missouri, đại diện Nhật hoàng ký văn kiện đầu hàng vô điều kiện trước mặt vị Tổng Tư Lệnh Tối Cao của Quân Đội Đồng Minh tại mặt trận Thái Bình Dương là tướng MacArthur. Những Đô đốc, Tướng lĩnh, Sĩ quan thường rất kiêu hãnh của quân đội Thiên Hoàng đã để những giọt nước mắt từ từ rơi xuống ngay cả trước mặt quân thù. Đó là những giọt lệ chân thành và chua xót nhất của kẻ

chiến bại mà đã một thời từng đánh tan hạm đội Nga Hoàng, từng tốc chiến tốc thắng tại Lư Câu Kiều (Trung Hoa), từng tung hoành oanh liệt khắp vùng Đông Nam Á làm bàng hoàng cả thế giới.

Trước đó, ngày 15 tháng 8 năm 1945, Nhật Hoàng Hiro Hito đã ra lệnh chấm dứt cuộc chiến. Tại các mặt trận, quân đội Thiên Hoàng phải hạ súng, rất nhiều sĩ quan Nhật đã dùng gươm tự sát theo truyền thống của một võ sĩ đạo để đền nợ nước, trả ơn vua và bảo vệ danh dự cùng khí phách của một quân nhân. Lá cờ “mặt trời mọc” từ nay vắng bóng trên bốn bể năm châu, chỉ còn trên mấy hòn đảo xứ Phù Tang nghèo nàn đói nát.

Trước nỗi đau khổ nhục nhã vô cùng tận của quân dân, Nhật Hoàng đã thống thiết kêu gọi dân chúng Nhật... *Hãy chịu đựng cái không chịu đựng nổi và hãy đau khổ cái không đau khổ nổi, và hãy hướng về tương lai.* Sau đó Nhật Hoàng cắt một phần đất của Hoàng thành, nơi mà Hoàng gia trải bao đời yêu quý gìn giữ, để tặng lại cho dân chúng như một hành động tạ tội tượng trưng với đồng bào.

Đối với quân đội chiếm đóng Mỹ, toàn thể dân chúng Nhật đều cố nén uất hận và che dấu căm hờn mà tự nhiên đối xử một cách lễ độ. Hễ gặp một Mỹ kiều, dù là thuộc thành phần quân nhân hay dân sự, họ đều nghiêng mình cúi đầu xuống, chấp tay vái chào theo tục lệ của dân Nhật. Họ không để lộ thái độ thù hận, chống đối quá khích. Khi bị áp lực của Mỹ phải ký Hòa Ước An Ninh Hồ Tương San Francisco (1951) mà trong đó có điều khoản bắt Nhật không được tái vũ trang quá giới hạn phòng vệ, chính giới Nhật Bản vẫn cam chịu để đồ dòn hết ngân sách vào sức mạnh kinh tế. Thái độ ẩn nhẫn có vẻ khiếm nhược đó, một phần do lời kêu gọi “tôn trọng kỷ luật đối với kẻ chiến thắng” của nhà vua, một phần là do tính tình khôn ngoan, cẩn trọng, thức thời, và ý thức chính trị sáng suốt của con cháu Thái Dương Thần Nữ. Họ diu dặt nhau, chỉ dẫn nhau trong ý thức “thất bại là mẹ thành công” để xây dựng lại quê hương. Chính nhờ triệt để thể hiện cái ý thức khôn ngoan đó mà người Nhật sớm thu lượm được những kết quả đầu tiên vô cùng to lớn mà ngay cả họ cũng không ngờ tới.

Bài học lịch sử đó của dân tộc Nhật Bản là gì nếu không phải là bài học về sự vận dụng sức mạnh của địch cho sự cường thịnh của chính mình. Và đằng sau bài học đó là một bài học rất lớn khác cho chúng ta về lòng **yêu nước bằng một quan điểm sáng suốt và bằng một tinh thần thực tiễn**, chứ không phải chỉ bằng những xúc động mù quáng của một thứ tự ái dân tộc nhiều lúc rất phản quốc.

Trường hợp của Nhật Bản cũng như trường hợp của Cộng Hòa Liên Bang Đức, một kẻ cựu thù trong Hệ Nhị Thế Chiến, Hoa Kỳ đã biết mau chóng biến thù thành bạn để cùng xây dựng một khối NATO hùng mạnh hầu ngăn chặn sự bành trướng nguy hiểm của Nga Sô. Các nhà lãnh đạo Đức, dù bảo thủ như Adenauer hay chủ xướng Ostpolitik như Willy Brandt, đều biết vận dụng sự yểm trợ của đồng minh lớn Hoa Kỳ để hùng cường hóa đất nước. Và dù quân đội của Mỹ có đóng trên đất Đức, dù hỏa tiễn Pershing II có đặt căn cứ trên lãnh thổ Đức, không ai có thể nói rằng Đức không có chủ quyền, không có độc lập.

Thật trái hẳn với trường hợp của nước ta đã không vận dụng được sức mạnh đó để cứu nước chứ đừng nói đến dựng nước, mà lại còn mất chủ quyền, mất độc lập nữa! Từ thời Đế Nhất Cộng Hòa, ông Diệm đã không làm nổi một Nhật Hoàng Hiro Hito, một De Gaulle, một Lý Thừa Vãn thì làm sao trách được sau này Nguyễn Văn Thiệu không biến miền Nam thành một chư hầu trong quỹ đạo Hoa Kỳ.

Nêu lên một số sự kiện lịch sử trên đây từ Âu qua Á, từ bạn đến thù, tôi chỉ muốn nói rằng sau Thế Chiến thứ Hai, trước mưu đồ bành trướng của Cộng Sản quốc tế, chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ dù là đối đầu (*Confrontation*), ngăn chặn (*Containment*), hay lật ngược (*Rollover*, chữ của tạp chí *Foreign Affairs*), thì cũng đều nhằm đem sức mạnh quân sự, sức mạnh tài lực, sức mạnh kỹ thuật của mình ra mà cứu bạn và xây dựng cho bạn thì mới cứu được mình và mới xây dựng được mình.

Chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ đối với Việt Nam từ sau Hệ Nhị Thế Chiến cũng không nằm ngoài quy luật đó.

Ngay sau Thế chiến thứ nhì, Tổng thống Franklin Roosevelt đã chủ trương yểm trợ cho các phong trào “giải phóng dân tộc” của các quốc gia thuộc địa trong khuôn khổ của phong trào giải thực toàn cầu mà Việt Nam là một thí điểm kiểu mẫu. Ngay trong thời kỳ Nhật chiếm đóng Đông Dương, ngày 22 tháng 8 năm 1945, một phái đoàn Mỹ gồm năm sĩ quan do Thiếu tá Archimede L. Patti cầm đầu đã nhảy dù xuống vùng thượng du Bắc Việt giúp ông Hồ Chí Minh kháng Nhật, và chính phái đoàn Mỹ này đã về Hà Nội dự lễ Độc lập đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Nhưng khi ông Hồ Chí Minh và Việt Minh đề lộ màu sắc Cộng Sản thì phái đoàn Patti được lệnh chấm dứt mọi liên hệ để hồi hương. Cuộc chiến tranh giữa Cộng sản Việt Nam vận dụng dân tộc và thực dân Pháp đội lốt “quốc gia chống Cộng” bắt đầu ngay sau đó. Ngày 29 tháng 12 năm 1947, cựu Đại sứ Hoa Kỳ William Bullit viết trên tờ *Life Magazine* một bài báo gọi trận chiến tranh Đông Dương là “trận chiến tranh buồn thảm nhất” (the saddest war), ông kêu gọi Pháp phải trả độc lập hoàn toàn cho Việt Nam dù là một Việt Nam do Đảng Cộng Sản Đông Dương lãnh đạo.

Lời kêu gọi của William Bullit tuy ngây thơ nhưng phát xuất từ tâm thức “giải phóng dân tộc”, bắt nguồn từ chính cuộc cách mạng lập quốc 1776 giải phóng khỏi ách đô hộ của đế quốc Anh, đã đánh động được dư luận Hoa Kỳ, vì vậy khi Điện Biên Phủ lâm nguy (tháng 5 năm 1954) và khi chính phủ Pháp yêu cầu Hoa Kỳ yểm trợ bằng lực lượng không quân thì Tổng thống Eisenhower và Ngoại trưởng Foster Dulles từ chối. Quan điểm của Ngoại trưởng Dulles lúc bấy giờ là nếu Pháp muốn Hoa Kỳ cứu viện thì phải chịu hai điều kiện: một là phải trả độc lập hoàn toàn cho thành phần quốc gia Việt Nam không Cộng Sản, và hai là Mỹ phải giành lấy trách nhiệm lãnh đạo cuộc chiến tranh Đông Dương. Tuy nhiên, phần vì chính phủ Anh không chấp thuận việc đồng minh tham chiến tại Đông Dương, phần khác vì cả Pháp lẫn khối Cộng Sản đều muốn giải quyết mau chóng vấn đề Việt Nam nên chủ trương của Ngoại trưởng Dulles đã không được thực hiện.

Quy ước của Hội nghị Genève 1954 đã tạm thời chia đôi đất nước tại vĩ tuyến 17. Phản ánh đúng đắn đường lối ngoại giao của mình, Hoa Kỳ can thiệp mạnh mẽ vào vấn đề Đông Dương mà cụ thể là giúp ông Diệm về nước để xây dựng một tiền đồn chống Cộng tại Đông Nam Á. Vì tiền đồn đó, nếu muốn đóng vai trò chống Cộng hữu hiệu thì phải thật sự tự do, dân chủ trên mặt chính trị, và phải thật sự hùng mạnh trên mặt kinh tế và quân sự, nên Hoa Kỳ đã không ngại ngừng dùng mọi kế sách và phương tiện để ủng hộ cho miền Nam, kể cả việc không tôn trọng hai điều khoản quan trọng của hội nghị Genève về vấn đề Tổng Tuyển Cử (năm 1956) và về vấn đề quân đội ngoại nhập. Quân viện và kinh viện Hoa Kỳ đổ vào miền Nam như thác đổ, chuyên viên và phương tiện Hoa Kỳ như một kho tàng bất tận cho nhà cầm quyền miền Nam sử dụng; tiếc thay, anh em ông Diệm đã không biết vận dụng sức mạnh đó để bỏ túi cho sức mạnh cốt lõi của dân tộc hầu chống Cộng cứu nước và phát triển quốc gia. Đã thế, khi không chống nổi Cộng Sản và trước những áp lực chính đáng của Hoa Kỳ đòi cải tiến chế độ, họ lại phản bội cả dân tộc lẫn đồng minh để thỏa hiệp với chính kẻ thù Cộng Sản. Năm 1963 ông Ngô Đình Nhu đã tuyên bố rất rõ ràng:

“Tôi chống Cộng trên quan điểm ý thức hệ, **tôi không phải là người chống Cộng trên quan điểm chính trị hay nhân bản**. Tôi xem những người Cộng Sản như anh em, như những con chiên lạc đàn. Tôi không theo đuổi một cuộc thánh chiến chống lại Cộng Sản vì nước tôi chỉ là một nước nhỏ bé. Chúng tôi chỉ muốn sống trong hòa bình” [\[2\]](#).

Ở đây tôi không bàn đến sự nông cạn trí thức của ông Nhu về ý thức hệ Cộng Sản khi tách phạm trù chính trị và nhân bản ra khỏi ý thức hệ này; tôi cũng không cần bàn đến sự ngây thơ chính trị rất chủ quan của ông Nhu khi cho rằng vì là một nước nhỏ bé nên không chống Cộng, tôi cũng chưa nhắc lại tại sao năm

1955 anh em ông Diệm không chịu thực hiện một quy chế Trung lập Hòa bình cho miền Nam mà nay lại muốn thỏa hiệp với Cộng Sản để được hòa bình, mà tôi chỉ muốn nhấn mạnh đến lập trường của ông Nhu, người lãnh tụ chính trị thực sự của miền Nam tự do, qua chính lược không chống Cộng Sản nữa vì họ là người “anh em”. Trước khi đi sâu vào sự thay đổi đột ngột về lập trường của ông Nhu và sau khi đã nhìn một cách tổng lược và khái quát về chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ đối với các quốc gia thân hữu hoặc đồng minh, đặc biệt là Việt Nam, tôi xin trở lại với nguyên nhân thứ ba là sự căng thẳng trong mối bang giao ruột thịt giữa chính quyền Mỹ và chế độ Ngô Đình Diệm.

Để hiểu thêm về bản chất và cường độ thực sự của tình trạng căng thẳng này, tôi xin được trình bày một số sự kiện liên hệ đến chính sách của các chính quyền Mỹ đối với chế độ Ngô Đình Diệm, một chính sách *đặt nặng tính khuyến cáo xây dựng để chính phủ Diệm sửa sai hầu phát huy chính nghĩa chống Cộng hơn là áp lực độc đoán để tước đoạt chủ quyền của miền Nam*:

- Thứ nhất là sự kiện thay đổi một vị Đại sứ trực tính và nhằm phục vụ cho miền Nam bằng một vị Đại sứ mềm dẻo hơn và chỉ muốn làm hài lòng ông Diệm.

Ngay từ năm 1957, vị Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam là ông Ellridge Durbow đã thấy ông Diệm tiến hành một chính sách độc tài trong việc quản trị miền Nam cũng như đã hành xử một cách quan liêu phong kiến, khiến cho nhân dân bất mãn và làm đình trệ các chương trình phát triển kinh tế, xã hội. Ông Durbow cũng đã thấy được thái độ lộng quyền thất nhân tâm và phản tuyên truyền của bà Nhu, nên đã khuyến cáo ông Diệm nhiều lần. Đặc biệt ông đề nghị giảm bớt các hình thức làm dân bất mãn và tạo cơ hội cho địch tuyên truyền như giảm thiểu đoàn xe hộ tống đông đảo ồn ào, như đừng bắt dân bỏ công ăn việc làm cả ngày để chờ chực đón chào Tổng thống, như không nên ngồi chễm chệ trên ghế bành đặt trên thuyền để sĩ quan lợi nước đẩy thuyền. Ông cũng khuyên nên để bà Nhu ra nước ngoài một thời gian hầu xoa dịu lòng căm phẫn của dân chúng.

Nhưng những lời khuyến cáo của Đại sứ Durbow đã không có hiệu quả nào vì lúc bấy giờ Hoa Thịnh Đốn vẫn còn tin tưởng vào “uy tín và tài năng” của ông Diệm nên không muốn tạo ra những mâu thuẫn cá nhân giữa hai người, làm phương hại đến mối giao hảo đang tốt đẹp giữa hai quốc gia. Đã thế, ông Diệm lại bày tỏ sự bất mãn đối với Hoa Thịnh Đốn về thái độ của Đại sứ Durbow mà ông cho là “hay sinh sự” để Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ làm áp lực ngược lại ông Durbow.

Quan hệ giữa ông Diệm và Đại sứ Durbow càng lúc càng trở nên căng thẳng và lên đến cao điểm sau biến cố ngày 11-11-1960, biến cố mà vì những hằn học cá nhân ông Nhu cứ nhất định cho là do Mỹ chủ xướng và Đại sứ Durbow là người đóng vai trò quan trọng. Dù lúc bấy giờ Hoa Thịnh Đốn đã thấy sự suy sụp của chế độ mà Đại sứ Durbow từng báo trước từ lâu, nhưng vì muốn duy trì mối liên hệ ruột thịt giữa chế độ Diệm và Hoa Kỳ cũng như vì muốn làm hài lòng ông Nhu, Tổng thống Kennedy đã kéo Đại sứ Durbow về nước và cử Đại sứ Nolting qua Sài Gòn thay thế, dù ông này không có nhiều hiểu biết hoặc kinh nghiệm về Việt Nam cũng như về Đông Nam Á.

Đại sứ Nolting là một nhà trí thức hòa nhã, một nhà ngoại giao tế nhị mà Bộ Ngoại Giao đã chỉ thị nên dùng những thái độ mềm mỏng trong khi khuyến cáo chính phủ Diệm để khỏi chạm tự ái của những nhà lãnh đạo miền Nam. Ông Nolting đã thi hành quá chỉ thị của thượng cấp đến độ tại Hoa Thịnh Đốn người ta có cảm tưởng ông ta bị lôi cuốn bởi bà Nhu để trở thành một vị Đại sứ của ông Diệm bên cạnh người Mỹ hơn là một vị Đại sứ của Mỹ tại Sài Gòn [3]. Cảm tưởng đó hẳn không sai lắm vì ông Nhu đã thành công trong việc điều động viên Đại sứ để vận dụng này và đã có lần khen ông Nolting là vị Đại sứ thông minh nhất của Hoa Kỳ tại miền Nam từ trước đến nay.

Mãi cho đến tháng 3 năm 1963, khi cờ gần tàn cuộc, ông Nolting mới bắt đầu “thức tỉnh”, làm cho một đồng nghiệp của ông, Đại sứ Pháp Roger Lalouette, phải chế diễu: “Đại sứ Mỹ Nolting quả thật đang kẹt lắm. Nào là những hiểu lầm giữa ông ta và Bộ Ngoại giao Mỹ, giữa ông ta và các phụ tá, giữa ông ta và

các tướng lãnh Mỹ. Ông Nolting lại đang kẹt với báo chí Mỹ, với gia đình và chính phủ Diệm, với tất cả mọi nhà ngoại giao khác tại Sài Gòn. Tất cả những điều kẹt đó chứng tỏ ông Nolting bắt đầu chớm hiểu” [4].

Sự kiện thay thế ông Durbow bằng ông Nolting này biểu hiện một cách rất rõ ràng rằng Hoa Kỳ sẵn sàng nhượng bộ và làm thỏa mãn anh em ông Diệm dù sự nhượng bộ đó, về dài, có làm suy yếu chính sách ngoại giao của họ tại miền Nam nói riêng và sách lược chống Cộng tại Đông Nam Á nói chung. Ta có thể phê phán người Mỹ thiếu cứng rắn, kém tâm lý, hoặc ta có thể phê phán họ ngây thơ, nhưng có một điều chắc chắn mà ta phải công nhận là họ đã nhượng bộ để làm hài lòng hai ông Diệm—Nhu khi quyết định việc thay đổi nhân sự này.

- Thứ hai là sự kiện người Mỹ đã tìm mọi cách để nâng uy tín ông Diệm lên cao, một uy tín đang bị sụp đổ và đang cần phải xây dựng lại gấp hầu duy trì khả năng chống Cộng của chính quyền miền Nam.

Thật vậy, vừa làm lễ nhậm chức cuối tháng Giêng năm 1961 thì ngày 15 tháng 5, Tổng thống Kennedy đã gọi vị Phó Tổng Thống của mình qua miền Nam để thăm định lại tình hình tại chỗ, một tình hình không mấy lạc quan vì sự gia tăng hoạt động của Việt Cộng và những báo cáo bi quan về các thất bại chính trị của chính quyền miền Nam. Đồng thời Tổng thống Kennedy cũng nhờ ông Johnson trao lại một lá thư riêng cho ông Diệm tái xác định quyết tâm của Hoa Kỳ tiếp tục ủng hộ ông Diệm và yểm trợ nhân dân miền Nam chống Cộng... Lá thư nói rõ rằng Hoa Kỳ chỉ giúp phương tiện và ngân phí mà thôi, còn việc chiến đấu bảo vệ quê hương là do chính nhân dân miền Nam nhận lấy trách nhiệm.

Trong chuyến viếng thăm này, để làm hài lòng bản chất tự tôn và tính kiêu hãnh của vị lãnh đạo miền Nam, ông Johnson khi đến Sài Gòn đã không ngại ngừng công khai ca ngợi “Tổng thống Diệm là Churchill của thập niên này”. Nếu ta so sánh cuộc đời cũng như sự nghiệp chính trị của Thủ tướng Churchill và ông Diệm thì ta sẽ thấy lời đề cao quá lố này chỉ là một lời tuyên bố thuần túy thuộc ngôn ngữ ngoại giao, rất cần thiết nhằm gây lại uy tín cho ông Diệm vốn đã suy sụp quá nhiều, và đồng thời vừa để chứng tỏ cho Cộng Sản cũng như nhân dân miền Nam biết rằng Hoa Kỳ vẫn cương quyết ủng hộ chế độ Ngô Đình Diệm dù những sai lầm và thất bại của chế độ đó.

Lời tuyên bố đó cần thiết đến độ Johnson đã phải dùng một sự so sánh không những sai lầm trên mặt lịch sử mà còn hoàn toàn ngược hẳn với sự đánh giá thâm kín của chính ông ta. Thật vậy, cũng trong chuyến viếng thăm này, khi ngồi trên phi cơ bay thị sát các quân khu và bị ký giả Mỹ chất vấn về lời tuyên bố đó, Phó Tổng thống Johnson đã trả lời: “*Xi ! Diệm là đứa duy nhất mà ta có ở đây*” (Shit ! Diem’s the only boy we’ve got out there”) [5].

Loại ngôn ngữ ngoại giao đầy thủ đoạn chính trị đó, sau này, cũng đã được ông Nixon dùng để khen ông Thiệu là “một trong bốn lãnh tụ tài ba nhất thế giới” tại vườn hoa Tòa Bạch Ốc vào năm 1973. Nhưng điểm khác biệt đáng chú ý là ông Nixon khen ông Thiệu để khuyến khích thi hành hiệp định Paris cho Mỹ có thể giải kết khỏi miền Nam trong “danh dự”, và ông Thiệu *biết* lời khen đó là giả dối, còn ông Johnson khen ông Diệm là để mong tạo uy tín thêm cho ông Diệm hầu cuộc chiến chống Cộng có thể thành công, trong lúc trong thâm tâm thì lại nghĩ khác, nhưng ông Diệm lại *không biết* điều đó. Vì không biết, nghĩa là không phát hiện ra sự giả dối và không thấy uy tín mình đang bị mất nên ông Diệm mới đại dốt tuyên bố trong một bài diễn văn đáp từ Johnson rằng: *Biên giới của Thế giới Tự Do chạy dài từ Alaska đến sông Bến Hải*, tạo cơ hội cho đài phát thanh Hà Nội lợi dụng tuyên truyền về bản chất tay sai của chính quyền miền Nam trong quan hệ Mỹ– Diệm, và đã đập tan cái luận cứ độc lập và dân tộc chống Cộng của chính nghĩa miền Nam trong nhân dân.

Nhưng dù lời tuyên bố của ông Johnson có giả dối thì rõ ràng nó cũng phát xuất từ chính sách của Mỹ muốn cho ông Diệm mạnh thêm và muốn cho miền Nam vững thêm. Một lần nữa, ta có thể phê phán ông Johnson theo chiều hướng nào cũng được, nhưng chắc chắn là lời tuyên bố đó phản ánh chính sách thân thiện và ủng hộ của người Mỹ lúc bấy giờ.

– Sự kiện thứ ba là mặc dầu uy tín và sức mạnh chính trị bắt đầu bị tổn thương sau vụ thất bại tại “Vịnh Con Heo” ở Cuba vào tháng 4 nhưng Tổng thống Kennedy cũng đã theo lời yêu cầu của ông Diệm, tiến hành chiến dịch tăng cường quân nhân tham chiến (ngụy trang dưới hình thức cố vấn quân sự và chuyên viên cứu trợ nạn lụt) tại miền Nam Việt Nam sau chuyên điều nghiên của Tướng Maxwell Taylor và Cố vấn Walt Rostow vào tháng 10 năm 1961. Chiến dịch này đã được ông Diệm và chính quyền Mỹ đồng thuận thi hành một cách tích cực mà sự ra đời của *Bộ Chỉ Huy Yểm Trợ Quân Sự Mỹ* (American Military Assistance Command) vào ngày 6 tháng 2 năm 1962 đã cho phép ông Diệm nhận thêm từ 700 “cố vấn” lên đến 12.000 “cố vấn” vào giữa năm 1962. Nghĩa là **gia tăng 1.700 phần trăm trong vòng 8 tháng !** Sự gia tăng đó mạnh mẽ cả về mặt ý chí lẫn sức mạnh đến nỗi Trưởng phái đoàn Ba Lan trong Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến khi đến Bắc Kinh cũng đã nhận thấy “cấp lãnh đạo Trung Cộng rất lo lắng về sự can thiệp càng lúc càng gia tăng của người Mỹ tại Việt Nam” [6].

Tất cả chiến dịch đó đã được chính quyền Mỹ khôn khéo trốn tránh chính Quốc Hội và báo chí Hoa Kỳ (vốn đang bắt đầu có khuynh hướng chống việc gửi quân nhân Mỹ tham chiến tại ngoại quốc sau vụ thất bại tại Cuba) để mạo hiểm một mặt thỏa mãn lời yêu cầu của chính phủ Diệm, và mặt khác để bảo đảm sự thành công của cuộc chiến chống Cộng tại miền Nam.

Thật vậy, mặc dù trong cuộc thảo luận với Phó Tổng thống Johnson trước đó năm tháng ông Diệm đã không muốn đem quân chiến đấu Mỹ vào miền Nam, nhưng khốn nỗi vào tháng 10, khi tướng Taylor đang trên đường đến Sài Gòn thì Việt Cộng phát động các đợt tấn công dữ dội vào tỉnh lỵ Phước Thành, đốt phá các cơ sở, giết hại cả Tỉnh trưởng lẫn Phó Tỉnh trưởng và rất nhiều binh sĩ, cán bộ, công chức; đồng thời Việt Cộng lại tấn công nhiều quận lỵ của tỉnh Darlac và tung ra nhiều đơn vị lớn đánh phá khắp miền Nam, công hãm các đồn bót chiến lược dọc quốc lộ số 4 và gây thiệt hại nặng nề cho lực lượng Việt Nam Cộng Hòa. Tình hình an ninh suy sụp đó khiến cho ông Diệm sợ hãi một cuộc tổng nổi dậy của Việt Cộng nên ông bèn đưa ra lời tuyên bố chính thức rằng chiến tranh thật sự đã xảy ra tại miền Nam.

Vì không còn giữ ý định chống lại việc quân đội Mỹ tham chiến tại miền Nam nữa nên ông Diệm đã yêu cầu Mỹ đem một số “quân chiến đấu tượng trưng” vào miền Nam và lớn tiếng kêu gọi Hoa Kỳ cùng với Việt Nam Cộng Hòa ký một hiệp ước phòng thủ song phương [7]. Trước lời kêu gọi đó của ông Diệm, và trước tình hình an ninh suy thoái một cách trầm trọng của miền Nam, Bộ Tổng Tham mưu Hoa Kỳ cũng khuyến cáo Tổng thống Mỹ nên gửi quân qua Việt Nam tham chiến. Ý kiến này được Thứ trưởng Quốc phòng William P. Bundy ủng hộ mạnh mẽ vì theo ông Bundy, sách lược “tốc chiến tốc thắng” có thể giúp ông Diệm nhiều may mắn hơn và có thể lật ngược thế cờ. Nhưng vì việc quân đội Mỹ công khai tham chiến tại Việt Nam có thể gây nhiều phức tạp trong nội bộ chính trị Hoa Kỳ cũng như có thể gây các phản ứng quốc tế nguy hiểm, nên Tòa Bạch Ốc bề ngoài đã phải giảm thiểu những thúc giục ồn ào tại cả Sài Gòn lẫn Hoa Thịnh Đốn, bằng cách giả vờ lộ một số tin tức cho nhật báo *New York Times*, tiết lộ rằng “các cấp lãnh đạo ở Ngũ Giác Đài cũng như Đại tướng Taylor đều tỏ ra miễn cưỡng về việc gửi các đơn vị chiến đấu Mỹ sang Đông Nam Á”. Bài báo này đã chặn đứng được những tuyên bố quá lộ liễu của ông Diệm.

Những sự kiện trên đây cho thấy mới giữa năm 1961 mà tình hình chiến sự tại miền Nam đã đến độ nguy ngập như tôi đã trình bày trong một chương trước. Sự kiện trên đây cũng cho thấy ông Diệm đã hoảng sợ, phải yêu cầu Mỹ tăng viện, **kể cả việc đem quân chiến đấu ngoại quốc vào miền Nam** (sự thật lịch sử

này đã bị nhóm Công Giáo Cần Lao bóp méo với luận điệu cho rằng ông Diệm bị Mỹ giết vì không chịu cho quân đội ngoại quốc đóng trên đất nước mình). Sự thật rõ ràng là chẳng những ông Diệm đòi quân Mỹ vào miền Nam, mà còn nhờ Mỹ vận động với Trung Hoa Dân Quốc gửi một sư đoàn qua Việt Nam tham chiến. Tài liệu mật của Ngũ Giác Đài dưới đây tiết lộ một bản mật điện của Tòa Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn gửi về Hoa Thịnh Đốn, trình bày về cuộc thương thảo giữa Đại sứ Nolting và ông Nguyễn Đình Thuần, Bộ trưởng Quốc Phòng kiêm Bộ trưởng Phủ Tổng Thống, cho thấy những bí ẩn đó:

25 Những Đòi Hỏi Vào Năm 1961 Của Nam Việt Nam Về Những Đơn Vị Tác Chiến Hoa Kỳ.

Điện văn từ Tòa đại sứ Mỹ tại Sài Gòn gửi Bộ Ngoại Giao / 13-10-1961 / Về những đòi hỏi của Nguyễn Đình Thuần, Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng của Nam Việt Nam / Bản sao gửi Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Thái Bình Dương và Tòa đại sứ Mỹ tại Bangkok Thailand và Taipei Taiwan / .

Trong buổi họp 13-10 Thuần đã đưa ra những đòi hỏi sau đây:

1. Thêm phi đoàn AD-6 thay vì phi đoàn T-28 như đã dự định và gửi qua càng sớm càng tốt.
2. Yêu cầu cung cấp phi công dân sự Mỹ để lái máy bay trực thăng, và phi cơ C-47 để bay những phi vụ tác chiến.
3. Nhiều đơn vị tác chiến Hoa Kỳ, hoặc những đơn vị gọi là “huấn luyện tác chiến” vào Nam Việt Nam. Một phần để đóng ở phía Bắc gần vĩ tuyến 17 để thay các lực lượng Quân Đội VNCH ở đó phải bận đi chống du kích ở vùng cao nguyên. Và cũng để đóng ở nhiều tỉnh của vùng Cao nguyên Trung Việt.
4. Phản ứng của Hoa Kỳ về dự định của Việt Nam yêu cầu Trung Hoa Quốc Gia gửi một sư đoàn tác chiến cho mặt trận Tây Nam.

Thuần nhắc đến những tập nhật ký lấy được từ những sĩ quan Việt Minh bị giết ở miền Trung, trong đó có tin tức về những dự án và kỹ thuật của Việt Minh. Những tài liệu này đang được phân tích, dịch ra và sẽ được chuyển về (Hoa Kỳ). Thuần nói: ông Diệm, vì thấy hiện tình của Lào, sự xâm nhập (của Việt Minh) vào Nam Việt Nam và việc Tổng thống JFK gửi Taylor (qua Việt Nam), đã yêu cầu Hoa Kỳ xét gấp những đòi hỏi của Nam Việt Nam.

Về việc đòi hỏi gửi những đơn vị huấn luyện tác chiến Mỹ, Nolting hỏi xem ông Diệm có xét kỹ vấn đề chưa vì đã có nhiều chống đối liên tiếp đòi hỏi này. **Thuần xác nhận rằng có, và rằng ông Diệm đã đổi ý kiến (muốn Hoa Kỳ gửi quân qua Việt Nam) vì tình hình càng ngày càng tệ hại hơn.** Thuần muốn **Hoa Kỳ biểu dương lực lượng** gần vĩ tuyến 17 để ngăn ngừa Cộng Sản tấn công, và để thay thế lực lượng VNCH ở đó. Cũng cần **những đơn vị Hoa Kỳ** đóng ở những tỉnh cao nguyên, cho cùng một mục đích: thay thế cho quân lực VNCH ở đó.

Nolting nói (tại sao lại có) những đòi hỏi này ngay sau khi ông Diệm yêu cầu có một thỏa ước của cả hai phe, như vậy có phải ông Diệm muốn thay thế thỏa ước bằng những đòi hỏi trên hay không? Thuần trả lời những đòi hỏi trên (giải quyết vấn đề) nhanh hơn thỏa ước. Rằng việc gửi quân sang sẽ thỏa mãn Nam Việt Nam và thích ứng hơn một thỏa ước. (Về việc thỏa ước này, rõ ràng Thuần chưa suy nghĩ kỹ, cũng như đã chưa bàn với ông Diệm).

Bàn về Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến, Nolting nói rằng Nam Việt Nam trước đây đã coi trọng sự hiện diện của UHQTKSĐC. Thuần đồng ý nhưng nghĩ rằng những đòi hỏi trên không vi phạm vì những đơn vị Hoa Kỳ gửi sang để canh phòng chứ không phải để tác chiến, ngoại trừ khi bị tấn công. Cho nên có thể dùng những đơn vị này mà vẫn giữ được UHQTKSĐC ở Việt Nam. Nolting nói rằng ông nghi ngờ điều này nhưng có thể thử xem (McGarr và tôi lưu ý hai điểm: về những đơn vị dự định cho mục đích huấn luyện chỉ là một sự giả mạo - một cái cớ - chứ không phải mục đích thật. Nếu có gửi những đơn vị Hoa Kỳ thì các đơn vị đó phải đủ mạnh vì chắc chắn Việt Cộng sẽ tấn công).

Về lực lượng Trung Hoa, Thuần nói rằng Tưởng Giới Thạch đã có dấu hiệu muốn giúp đỡ (tôi thấy điều này không chắc). Thuần nói chính phủ Việt Nam không muốn quyết định về việc này nếu không có phản ứng từ Hoa Kỳ. Ý định là dùng khoảng 10 ngàn quân (Trung Hoa) ở phía Tây Nam càng xa vĩ tuyến 17 càng tốt. Thuần nghĩ rằng có lẽ nên đưa quân Trung Hoa vào một cách bí mật, nhưng thấy không được sau khi phân tách lại vấn đề. Nolting nói: ông nghĩ rằng Trung Hoa chắc sẽ muốn một quyền lợi nào đó trong việc này, có thể là phương diện chính trị (giảm bớt áp lực chính trị) nếu gửi quân vào Á Châu lục địa (Nolting nghĩ là chỉ để thử mà thôi).

Vấn đề chắc chắn sẽ được đặt lại với Taylor. Rõ ràng chính phủ Nam Việt Nam không thể để mất cơ hội đòi hỏi viện trợ nhiều hơn vì sự chú ý và lo lắng của chúng ta đã gia tăng. Nhưng tình hình quân sự và tâm lý đã đi đến hồi mà vấn đề phải được xem xét một cách nghiêm chỉnh và nhanh chóng [8].

Sau hai tuần lễ quan sát tại chỗ và thảo luận với các nhà chức trách Việt Nam Cộng Hòa, tướng Taylor đưa ra đề nghị: tăng quân số các cố vấn quân sự Mỹ, tăng cường chuyên viên về máy móc, gia tăng các dụng cụ tối tân cho mọi ngành thuộc quân binh chủng VNCH, đặc biệt là việc tối tân hóa ngành truyền tin, gọi gấp qua miền Nam trực thăng chiến đấu, thiết vận xa M-113 để tạo lưu động tính cho các đơn vị chiến đấu miền Nam, thay thế phi cơ T-28 bằng phi cơ AD-6, và nhiều vũ khí, dụng cụ tối tân khác... Đồng thời với đề nghị trên đây, tướng Taylor cũng “lưu ý riêng” Tổng thống Kennedy là nên gửi qua miền Nam 8 ngàn quân chiến đấu Mỹ, nguy trang thành những đội chuyên viên giúp miền Nam đối phó với trận lụt đang đe dọa vùng châu thổ sông Cửu Long. Những sắp đặt trên đây, theo quan niệm của tướng Taylor, là một sự tham dự giới hạn của Mỹ vào chiến tranh Việt Nam theo tinh thần “*limited partnership*”, nghĩa là “những cố vấn quân sự Mỹ tiến đến gần hơn (nhưng chưa hẳn là) một bộ chỉ huy hành quân trên một chiến trường” [9].

Tài liệu mật của Ngũ Giác Đài trên đây và sự gia tăng nhảy vọt của số lượng “cố vấn” Mỹ tại chiến trường Việt Nam sau đó, không những đã cải chính sự huyền hoang tội nghiệp của những phần tử Cần Lao Công Giáo đang cố bám víu vào cái huyền thoại “Ngô Tổng thống không chịu cho quân Mỹ vào Việt Nam nên bị Mỹ lật”, mà còn làm nổi bật lên một sắc thái đặc thù của liên hệ Mỹ-Việt vào năm 1962 của chính phủ Ngô Đình Diệm: đó là dù ông Diệm có bất lực trong việc chống Cộng, chính phủ Mỹ vẫn yểm trợ, bảo bọc ông Diệm. Và ông Diệm đã công nhận, đã chấp thuận sự bảo bọc đó một cách quá trớn, nhất là trong trường hợp can thiệp lộ liễu của “cố vấn” Mỹ trong những quyết định quân sự, đến nỗi sau này, lúc hồi tưởng lại năm 1961, khi còn làm phóng viên tiền tuyến theo dõi các cuộc hành quân, ký giả Ngô Đình Vận đã viết: “Tôi thấy rõ quân đội trong thời đệ I Cộng Hòa đã không thực sự có được độc lập, có được đầy đủ sự chủ động ngay cả trong lúc giao tranh với địch quân” [10].

Sự yểm trợ và bao che đó lại càng nổi bật hơn nữa trong trận Ấp Bắc mà kết quả thảm bại, dù rất rõ ràng hiển nhiên, đã được ông Diệm và bà Nhu đảo ngược thành chiến thắng và, trong liên hệ thăm thiết Mỹ-Việt lúc bấy giờ, đã được một số nhân vật chủ yếu của chính quyền Kennedy đồng lõa công nhận.

Thật vậy, từ đầu năm 1962, khi các cố vấn quân sự Mỹ và số khí cụ tối tân mới được tăng viện cho miền Nam trong kế hoạch Taylor-Rostow thì quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã thu lượm được một số chiến thắng tại châu thổ sông Cửu Long, và lần đầu tiên đã tiến được vào chiến khu D, rừng U Minh, vốn là những căn cứ bất khả xâm phạm của Việt Cộng. Những chiến thắng thuần túy quân sự đó đã gây phấn khởi cho cả Sài Gòn lẫn Hoa Thịnh Đốn. Để yểm trợ cho mặt trận tuyên truyền tại Hoa Kỳ, ông Diệm đã cho phép Đại Tá Huỳnh Văn Cao, Tư lệnh Sư đoàn 7, diễn hành tại thủ đô Sài Gòn với sự tham dự của một số Dân biểu Quốc hội. Trong lúc đó tại Mỹ, Bộ trưởng Quốc phòng McNamara họp báo tuyên bố miền Nam Việt Nam của ông Diệm đang lật ngược thế cờ.

Nhưng những chiến thắng đó chỉ như bọt sóng bắn lên tung tóe rồi sau đó tan vỡ mất vì ngay cả chỉ trên mặt thuần túy quân sự mà thôi, ưu thế lưu động của hai chiến thuật trực thăng vận và thiết vận xa M-113 đã không được khai thác đúng mức, hơn nữa chúng lại không hiệu dụng trong một trận chiến mà kẻ thù đã khôn khéo phối hợp được các kỹ thuật du kích chiến với những vũ khí tối tân do Nga viện trợ. Nhưng đó vẫn chưa phải là lý do chính khiến cho Việt Cộng dành lại được ưu thế trên chiến trường mà lý do chính là vào những năm đầu thập niên 1960, tinh thần chiến đấu của binh sĩ đã không còn hăng say nữa. Tình cảm bất mãn chế độ, bất mãn cấp lãnh đạo là gia đình ông Ngô Đình Diệm phát xuất từ những sự kiện rất thực tế trước mắt, rất liên hệ trực tiếp đến bản thân của sĩ quan và binh sĩ, đã làm suy giảm rất nhiều tinh thần hăng say và quyết tâm chiến đấu của quân lực.

Giữa năm 1962, hai phi công Quốc và Cử ném bom dinh Độc Lập định giết cả nhà, tức là cả chế độ, của ông Ngô Đình Diệm lại càng nung nấu và càng làm lan rộng sự bất mãn đó. Đầu năm 1963, ba cán bộ Cần Lao Công Giáo của ông Diệm là Tư lệnh Vùng 4 Huỳnh Văn Cao, Tư lệnh Sư Đoàn 7 Bùi Đình Đạm và Thiếu tá Tỉnh trưởng Định Tường Lâm Quang Thơ, với quân số đông hơn, với vũ khí hiện đại hơn, lại hứng chịu thảm bại nhục nhã tại Ấp Bắc trước tiêu đoàn 514 của địch không đến 400 quân. (Xin xem thêm *“The Bright Shining Lie”* của Neil Sheehan. Bản dịch Việt ngữ *“Sự Lừa Dối Hào Nhoáng”* của Nhà Xuất Bản Hồng Lĩnh, 1991).

Thảm bại rõ ràng này không những đã khiến cho tướng Lê Văn Tỵ phải đích thân xuống điều tra tại chỗ mà chính các cố vấn quân sự Mỹ, đặc biệt là Trung Tá John Paul Vann – người phối hợp các phương tiện hỏa lực gồm M-113, trực thăng UH-1A, trực thăng CH-21, các đơn vị quân đội Mỹ trong vùng cho trận Ấp Bắc này – đã phải nhục nhã gọi là *“một thành tích khốn nạn”* vì tướng Cao đã *“chọn lựa tăng cường sự thất bại thay vì nỗ lực để chiến thắng”* (*“A miserable damn performance... They choose to reinforce defeat rather than to try for victory”*) [11].

Báo chí Mỹ tức giận vì sự bất lực của quân đội Việt Nam Cộng Hòa và sự vô hiệu của các chiến cụ viện trợ, đã phanh phui sự thất bại đó và còn quá khích đòi hỏi chính quyền Mỹ phải giành lấy quyền lãnh đạo chiến tranh tại Việt Nam để tiêu diệt Cộng Sản. Thảm bại đã rõ ràng như thế, nhưng để tránh cho cuộc khủng hoảng chính trị tại Sài Gòn khỏi lan rộng thêm vì một thất bại quân sự nặng nề, ông Diệm – và ngay cả bà Nhu, người không có thẩm quyền về các vấn đề quân sự – đã tuyên bố rằng Ấp Bắc là một chiến thắng oai hùng của Sư đoàn 7.

Các nhà lãnh đạo Mỹ, đặc biệt là Bộ trưởng Quốc Phòng McNamara, Đại sứ Nolting, Đại Tướng Tư lệnh Quân Đội Mỹ tại Việt Nam Paul Harkins, đành phải bênh vực ông Diệm bằng cách xác nhận đó là một chiến thắng [12]. Thái độ bùng bít sự thật để tiến hành chính sách – mà trong giai đoạn đó là chính sách ủng hộ *“người hùng”* Ngô Đình Diệm – còn tiếp diễn dài dài sau này suốt cuộc chiến Việt Nam. Ở đây tôi không phân tích về những lợi và hại của thái độ đó, mà tôi chỉ muốn nhấn mạnh rằng qua thái độ đó thì cho đến đầu năm 1963, mối liên hệ giữa các nhà lãnh đạo Mỹ và ông Diệm vẫn rất thắm thiết. Thắm thiết đến độ phải nói láo để bênh vực cho cái thể và cái lực của một con tốt vô dụng vào lúc cờ tàn.

– Sự kiện thứ năm là sự đồng lõa của một số viên chức cao cấp Hoa Kỳ nhằm che dấu những thất bại của quốc sách áp chiến lược hầu bảo vệ ông Diệm. Chương trình Ấp Chiến Lược là do sáng kiến của ông Thompson người Anh, Cố vấn Du Kích chiến của Tòa Bạch Ốc. Chương trình này đã được Tổng thống Kennedy hết lòng yểm trợ và đặt hết hy vọng vào hiệu quả của nó mà sự thành công đã được chứng nghiệm tại Mã Lai dù điều kiện ứng dụng có khác. Khi Mỹ đề nghị thực hiện chương trình này trong mục đích tiêu diệt hạ tầng cơ sở của Việt Cộng tại nông thôn thì bị ông Ngô Đình Nhu bác bỏ. Mỹ phải vận động mãi và đặc biệt phải tăng tài phí lên rất cao ông Nhu mới chấp thuận. Khi tiền viện trợ bắt đầu được tháo khoán, ông Nhu đích thân nắm lấy việc điều khiển thực hiện chương trình và cho áp dụng kế sách riêng của

ông ta theo đường hướng của chủ nghĩa “nhân vị” và đặc biệt để tạo một bộ máy nhân sự trung thành với chế độ [13]. Mà bộ máy trung thành đó có mục đích quyết liệt nhất là gì nếu không phải là nhân danh công cuộc chống Cộng để phát động và thực hiện cho được âm mưu Công giáo hóa nhân dân trong các Ấp Chiến Lược như tôi đã trình bày ở một chương trước.

Nếu công cuộc thực hiện chương trình Ấp Chiến Lược được tiến hành một cách thực tế hơn, nghĩa là dựa trên thực tế chính trị quân sự cũng như thực tế xã hội nhân văn của miền Nam, và nếu được thực hiện bởi một cơ cấu nhân sự trong sạch và vì dân chứ không phải tham nhũng và vì bè phái mà cụ thể là dùng bắt dân đóng góp vật liệu, dùng bắt dân chúng lao động cực nhọc suốt đêm ngày không công, dùng quá cứng rắn trong việc bắt dân dời nhà cửa vườn tược của ông cha họ để lại, nghĩa là dùng làm mất lòng dân quá đáng, thì có lẽ kế hoạch Ấp Chiến Lược cũng đã có thể thu hoạch được phần nào thành quả. Khốn nỗi, chương trình Ấp Chiến Lược lại được chỉ đạo và kiểm soát bởi một Ngô Đình Nhu bệnh hoạn nên mới trở thành một hỏa diệm sơn thù hận chế độ và làm suy yếu luôn sức mạnh chống Cộng ở miền Nam.

Trước sự thất bại và hệ quả nguy hại rõ ràng đó, ông Rufus Phillips, nhân viên cao cấp nhất của Mỹ đặc trách về chương trình Ấp Chiến Lược, đã phải phúc trình trực tiếp với Tổng thống Kennedy để yêu cầu tái xét lại ngay cả sự cần thiết của chương trình này. Nhưng một lần nữa, những nhân vật rường cột của chánh sách Mỹ tại Việt Nam như Ngoại trưởng Rusk, Bộ trưởng McNamara, Đại sứ Nolting, Tướng Harkins, và ngay cả Thứ trưởng Ngoại giao Roger Hillsman (người sau này quyết liệt ủng hộ việc lật đổ chế độ Diệm) vẫn bênh vực ông Diệm và cho rằng chương trình Ấp Chiến Lược đã thành công.

Mặc dầu thái độ của họ phát xuất trước hết từ những động cơ khác như vì quyền lợi của Mỹ, như vì chính sách chống Cộng toàn cầu, như vì muốn giới hạn vai trò của báo chí... nhưng thái độ đó – khi che dấu sự thật và nhận định trái ngược hẳn với chính người trực tiếp phụ trách công tác là ông Rufus Phillips – cũng phát xuất từ ý định nâng đỡ và bao che cho chế độ Ngô Đình Diệm, nếu không muốn nói là bênh vực và chiều thuận chế độ đó.

-o0o-

Nhìn mối bang giao Mỹ-Việt, đặc biệt là liên hệ giữa chế độ Diệm và các cấp lãnh đạo Hoa Kỳ, trong suốt chín, mười năm trời cai trị miền Nam, anh em ông Diệm đã phạm không biết bao nhiêu lỗi lầm trầm trọng, ta thấy dù những lỗi lầm đó đã đưa đất nước từ thanh bình đến rối loạn, từ cảnh an ninh đến tình trạng chiến tranh thật sự, thế mà người Mỹ vẫn một lòng ủng hộ ông Diệm và chế độ của ông ta. Người Mỹ đã chân thành khuyên cáo để anh em ông Diệm sửa sai, khuyên cáo không nổi thì nhượng bộ, chiều lụy, thế mà ngược lại anh em ông Diệm vẫn cứ chê trách chống báng. Mà sự chống báng đó thật ra không phải phát xuất từ thể diện quốc gia (còn gì mà thể diện khi đã được khai sinh và nuôi dưỡng) hay độc lập dân tộc (còn gì mà độc lập khi quân viện và kinh viện đã tràn ngập đất nước) mà **phát xuất từ bản chất phong kiến, quan liêu, tỵ tôn, tỵ đại của anh em dòng họ Ngô Đình.**

Năm sự kiện tiêu biểu mà tôi vừa kể trên kia đã chứng minh thái độ chịu đựng của người Mỹ trước sự ngoan cố của anh em ông Diệm. Lời trình bày của ký giả Robert Shaplen dưới đây còn mô tả rõ hơn nỗi chán chường và khổ tâm của người Mỹ trong việc giao thiệp với những nhà lãnh đạo của miền Nam Việt Nam:



Ngô Đình Nhu

Đến tháng Giêng năm 1962, sau những cuộc thảo luận kéo dài, một bản thông cáo ra đời cho thấy rõ ràng Diệm và Nhu đã thu hoạch tất cả những gì họ muốn về vấn đề tăng viện quân sự và kinh tế, mặc dầu không có dấu hiệu nào cho thấy họ cố ý thật sự thực hiện những cải cách. Đây là khúc quanh cuối cùng trong liên hệ lâu dài và đau đớn giữa chúng ta và Diệm. Những ai trong chúng ta đã từng ở Trung Hoa vào năm 1946 và có theo dõi cố gắng của người Mỹ trong việc lôi kéo Tưởng Giới Thạch chấp nhận thực hiện cải cách thì có thể làm một sự so sánh ở đây. Mỗi lần chúng ta nghĩ rằng chúng ta đang đạt được thành quả với Tưởng Giới Thạch và đang dễ dãi với thành phần cấp tiến của Quốc Dân Đảng, thì vô tình chúng ta đã làm cho thành phần bảo thủ chung quanh Tưởng Giới Thạch có thể thuyết phục ông ta không nên thực hiện bất cứ chương trình cải cách nào mà người Mỹ muốn, bởi vì chúng ta (người Mỹ) đã gián tiếp xác định rằng chúng ta sẽ tiếp tục hỗ trợ cho ông ta trong cuộc chiến chống Cộng Sản. Ở Sài Gòn vào khoảng thời gian thương thảo 1961-1962, Nhu cũng đã giữ vai trò giống như vai trò của thành phần phản động trong Quốc Dân Đảng. Nhu đã nói với Diệm rằng Hoa Kỳ sẽ không bỏ chế độ (Diệm), và do đó không cần phải nghe theo những đòi hỏi cải cách của Mỹ.

Hệ quả của việc để cho Diệm ở vị trí ưu thế này là người Mỹ ở Sài Gòn, một lần nữa lại bị bắt buộc phải lẽ độ trong việc thuyết phục và khuyến cáo. Điều đó cho thấy thế đứng của chúng ta lúc bấy giờ bị yếu hèn, và rồi cuối cùng sẽ không tránh khỏi rối loạn. Chúng ta đã cho người Việt Nam điều kiện để họ lạm dụng ý niệm “chủ quyền”, một người chán nản đã nói như vậy. Bề ngoài thì Tòa đại sứ làm bộ như đang thấy có những tiến bộ tại Việt Nam. Một nhân viên cao cấp khác đã nói với tôi vài tháng sau đó: “Thời gian rất cần thiết, chúng ta chưa sẵn sàng để thấy đứa bé ra khỏi bồn tắm. Tôi hy vọng thấy đứa bé sẽ ăn nhiều hơn từ tuần này qua tuần nọ.” Tuy nhiên, lúc riêng tư, thì hầu hết các nhân viên đều nói rõ sự bất mãn của họ đối với tình trạng đang suy sụp dần. Một nhân viên nữa của Tòa đại sứ đã nói một cách tuyệt vọng rằng: “Chúng ta đã hiến mình quá nhiều cho Diệm rồi, nhưng chúng ta cũng phải giữ thế quân bằng. Có nhiều cách để làm áp lực: một cách là chúng ta có thể chặn lại nhiều chương trình như Diệm-Nhu đã chặn và không cho Diệm-Nhu những gì họ đòi hỏi. Hay nói thẳng với họ: “Các ông không muốn làm như vậy à? Ok, vậy thì chúng tôi cũng sẽ không làm như vậy”. Có thể gọi đó là lối phản kháng tiêu cực, cũng như đó là lối chơi theo kiểu Đông phương xưa, và đã đến lúc chúng ta cũng phải học cách chơi theo kiểu đó” [14].

Ngoài Robert Shaplen đã có nhận định trên, ký giả Karnow còn có ý kiến sâu sắc hơn:

...Trong thời gian đó, Diệm chống lại khuyến cáo của Hoa Kỳ trong việc cải cách chế độ bởi vì Diệm biết rằng Hoa Kỳ cần Diệm để chống Cộng. Như một giới chức Mỹ ở Sài Gòn đã nói: “Diệm là một thứ bù nhìn tự kéo lấy dây” (a puppet who pulled his own strings). Diệm dùng phương tiện Mỹ cho những nhu cầu riêng tư, ông ta không quan tâm nhiều đến một quân đội chống du kích mà lại lo thành lập những đơn vị để bảo vệ ông ta chống lại những người quốc gia đối lập tại Sài Gòn [\[15\]](#).

Những nhận định này nói lên thủ đoạn của anh em ông Diệm lợi dụng chính sách chống Cộng trong chủ thuyết Domino của người Mỹ để thao túng các kế hoạch quân viện và kinh viện, và nhất là để có thể khước từ những khuyến cáo thực thi dân chủ và hiệu dụng hóa khả năng chiến đấu của quân đội Việt Nam Cộng Hòa mà người Mỹ đã nhiều lần thúc giục. Những nhận định đó cũng nói thêm một điểm rất cơ bản khác là cho đến trước khi xảy ra vụ tấn phá chùa chiền vào tháng Tám năm 1963, người Mỹ vẫn tiếp tục “ngâm đắng nuốt cay” chịu đựng chế độ Ngô Đình Diệm, một chế độ đang bị chính nhân dân và quân đội miền Nam căm phẫn, một chế độ đang bị chính giới và công luận Hoa Kỳ lên án.

Phân tích dưới đây của một người bạn Mỹ rất thân của ông Diệm lại trình bày rõ hơn về những thăng trầm trong liên hệ Việt-Mỹ qua suốt gần mười năm đan đứ:

Giải quyết vấn đề dân di cư đã cho thấy sự phối hợp giữa cấp chỉ huy địa phương, tài nguyên quốc gia, và viện trợ của Mỹ có thể làm được việc. Nhưng chính sự thành công trong lãnh vực này lại làm nổi bật lên sự yếu kém về phương thức điều hành của chế độ Diệm trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, hành chánh và quản trị quốc gia.

Sự sống còn của quốc gia được đặt căn bản trên những kế hoạch kinh tế, xã hội, và chính trị nhằm mục đích lôi kéo sự trung thành của nhân dân và làm cho nhân dân quyết tâm bảo vệ chế độ chống lại những cuộc nổi dậy bằng bạo lực. Tuy mức độ ủng hộ của nhân dân đối với Diệm không thể đo lường được dễ dàng, những chắc chắn giữa năm 1955 và 1957, Diệm đã tạo được nhiều tiến bộ. Ngay cả những kẻ chỉ trích chế độ khó tính nhất cũng đã phải nhận rằng, dù ngắn ngủi, Diệm đã hưởng được sự ủng hộ của nhân dân, và điều này chứng tỏ rằng lịch sử đã cho Diệm một cơ hội thực sự.

Nếu mức độ ủng hộ Diệm (ở Việt Nam) không chắc chắn, thì sự ủng hộ ở Hoa Kỳ lại rất vững chãi. Viện trợ của Mỹ rất quan yếu cho Nam Việt Nam đến nỗi có những người Mỹ ở Hoa Kỳ đã xem sự viện trợ này thay thế - chứ không phải là một điều kiện - cho sự ủng hộ của nhân dân Việt Nam. Ngay cả ông Diệm cũng xem điều này như vậy khi ông nhận ra rằng ông đã không lôi kéo được khối quần chúng và khối tri thức Việt Nam ủng hộ ông.

Mặc dù tinh thần quốc gia chống Cộng dưới sự lãnh đạo của ông Diệm có một lúc có vẻ như là một thế lực khả dĩ có thể chống lại được ảnh hưởng của Việt Cộng, nhưng đến 1960 thì rõ ràng Diệm đã không sử dụng viện trợ Mỹ để tranh thủ lòng dân. Nhưng vì sao mà Diệm vẫn thành công trong việc duy trì được sự ủng hộ của Hoa Kỳ trong nhiều năm mặc dù tình trạng suy sụp về sức mạnh chính trị của ông ta đã biểu lộ rõ ràng? Và tại sao rất nhiều người Mỹ, dù biết rõ vấn đề và dù có cái nhìn chính trị tinh tế, lại vẫn cứ tiếp tục bênh vực ông ta trong nhiều năm!

Để hiểu dễ dàng hơn sự tin tưởng kiên cố của những người Mỹ này, ta có thể chia chín năm cai trị của Diệm thành ba giai đoạn. Giai đoạn *Một* kéo dài khoảng một năm, trong đó, ngược lại với mọi dự đoán, Diệm đã thành công trong việc giữ vững vị thế và đặt nền móng cho nền cai trị của ông ta. Sự tin tưởng rằng tất cả đều tốt đẹp và rằng phép lạ đã xảy ra đã đâm rễ trong giai đoạn hai, và sự tin tưởng đó kéo dài không quá hai năm sau đó. Thật vậy mọi nghi ngờ về sự vững chắc của địa vị ông Diệm đã biến mất hoàn toàn sau hai năm đầu tiên của giai đoạn *Hai* này, và mặc dù chế độ bắt đầu để lộ ra những khuynh hướng chính trị

tạo rắc rối cho nền cai trị, nhưng niềm tin về khả năng hành xử theo chiều hướng xây dựng của chế độ vẫn cứ được nẩy sinh và duy trì chính trong giai đoạn này.

Khó nói được giai đoạn *Ba* bắt đầu từ lúc nào. Ở Việt Nam thì sự bất mãn chế độ đã lan rộng vào năm 1957, ở Hoa Kỳ thì những kẻ ngưỡng mộ Diệm hồi trước đã ngưng ủng hộ ông ta sau năm 1960. Tuy nhiên giới chính quyền Mỹ, cho đến khi biến cố Phật giáo xảy ra vào năm 1963 mới lên án sự thất bại của chế độ Diệm.

Sở dĩ có một số người Mỹ lạc quan về Diệm là vì chính những người Mỹ này cần nuôi dưỡng lạc quan cho chính họ. Chỉ có “good news” từ Sài Gòn mới giữ được niềm tin rằng phép lạ tại Việt Nam là thật chứ không phải là một ảo ảnh. Nhu cầu “good news” đã làm cho nhiều quan sát viên chống Cộng mang một cái nhìn hời hợt, hay ít nhất đã bỏ qua những thất bại của Diệm, và sự kiện này đã làm cho những báo cáo về thành quả của Diệm trở thành vô giá trị [16].

Giáo sư Buttinger, được xem như “khai quốc công thần” của chế độ Diệm, rồi giáo sư Fishel, Đại tá Lansdale, Thượng Nghị sĩ Mansfield,... những người vừa là bạn vừa là nhân vật đỡ đầu của ông Diệm trong chính sách Mỹ, từ năm 1960, lần lượt chán nản xa rời ông Diệm trong cái tâm trạng “bỏ thì thương mà vương thì tội”. Ngay Tổng thống Kennedy, từ trước năm 1954 và còn kéo dài sau đó, cũng đã từng triệt để ủng hộ ông Diệm, rồi cuối cùng người ân nhân tối quan trọng đó cũng đã bị ông Diệm phản bội khi ông bắt tay với Cộng Sản Hà Nội.

Phần mà tôi vừa trình bày ở trên về chính sách của người Mỹ đối với các quốc gia nhược tiểu chống Cộng, và đặc biệt đối với chế độ Ngô Đình Diệm, đã nói lên rất rõ ràng rằng cho đến tháng Tám năm 1963 (nghĩa là cho đến ngày ông Nhu cuồng dại tấn công các cơ sở của Phật Giáo Việt Nam), giới lãnh đạo Mỹ chẳng những đã không tạo một áp lực nào phương hại đến sự sinh tồn của chế độ Diệm (ngoài những khuyến cáo xây dựng để củng cố thêm chế độ) mà ngược lại chính anh em ông Diệm đã tạo ra những căng thẳng trong mỗi bang giao bằng thủ đoạn “chantage” nhân danh nhu cầu chống Cộng của người Mỹ.

Mãi cho đến đầu năm 1963, trước cuộc khủng hoảng chính trị trầm trọng tại miền Nam Việt Nam mà hệ quả có thể là sự suy sụp toàn diện sức mạnh chống Cộng của cả nước, và trước những áp lực của quần chúng Hoa Kỳ, của chính giới Hoa Kỳ, của công luận thế giới, của các nước đồng minh, của tòa thánh Vatican,... giới lãnh đạo Mỹ mới bắt đầu áp dụng những biện pháp cứng rắn trong lãnh vực chính trị và viện trợ để vừa làm áp lực vừa giúp đỡ chính quyền miền Nam sửa sai.

Nói chung, về chính trị, người Mỹ đòi chế độ phải tôn trọng và thực thi nguyên tắc phân quyền và chính sách tản quyền để tránh tình trạng trung ương tập quyền đang làm mù quáng và tê liệt khả năng điều hành của dinh Gia Long. Cụ thể là để cho thành phần phân đối lập được tự do sinh hoạt tại nghị trường Quốc hội cũng như trong chính giới, xét lại hệ thống bổ nhiệm nhân sự ở các địa phương để tránh tình trạng lạm dụng quyền hành nhờ có liên hệ đặc biệt với gia đình Tổng thống, các cuộc bầu cử từ trung ương đến địa phương phải thực sự tự do và trong sạch... Lẽ dĩ nhiên những đòi hỏi này chỉ được người Mỹ trình bày dưới hình thức khuyến cáo để tránh tình trạng “can thiệp vào nội tình của nước khác”, ngược hẳn với những biện pháp khác táo bạo và mạnh mẽ hơn trong việc kiểm soát việc sử dụng tài phí viện trợ. Vấn đề kiểm soát tiền viện trợ này không phải chỉ vì chính quyền Mỹ muốn hiệu năng hóa công cuộc chống Cộng mà còn vì muốn biện minh với Quốc hội Hoa Kỳ trong những buổi điều trần về tình trạng tham chiến tại Đông Dương.

Đặc biệt, chính quyền Mỹ muốn được biết về số tiền tài trợ cho Lực Lượng Đặc Biệt, các cơ quan công an, mật vụ, và những mật phí có được sử dụng đúng đắn cho các công tác tình báo chống Cộng không. Đòi hỏi này đã bị ông Nhu xem như là một áp lực của Hoa Kỳ nhằm kiểm soát những bí mật quốc phòng và

đã bị ông quyết liệt từ chối, vì ai cũng biết phần lớn của số tiền đó được chi tiêu để xây dựng bộ máy đàn áp đối lập, xây dựng những tổ chức kinh tài cho anh em ông và cho những hoạt động mờ ám khác.

Trong quân đội, các cố vấn Mỹ tỏ ra khát khe hơn trong việc sử dụng các phương tiện của Hoa Kỳ khi hành quân, và họ cũng tham dự nhiều hơn và trực tiếp hơn vào những trận đụng độ càng lúc càng lớn với quân Việt Cộng. Tình trạng này đã tạo ra nhiều va chạm giữa sĩ quan Việt Nam và sĩ quan cố vấn Mỹ về chiến thuật giao tranh với kẻ thù. Cho nên, trong thời gian đó, đã có những sĩ quan Việt Nam không cần tiếp vận của Mỹ và vì tự ái dân tộc đã sáng tạo ra những chiến thuật tiêu diệt địch oai hùng, nhưng cũng có rất nhiều đơn vị trưởng khác, nhất là các sĩ quan thuộc hệ thống Cần Lao chuyên lạm quyền để thủ lợi, không dám hành quân mà chỉ lui về thế phòng ngự giữ chặt lấy các tỉnh lỵ cho an toàn, và để mặc nông thôn cho Việt Cộng thao túng.

Phân tích những biện pháp chính trị và quân sự, tài chánh và điều hành của Hoa Kỳ, ta có thể nói rằng trước khi xảy ra vụ tấn công các chùa vào tháng 8 năm 1963, người Mỹ đã không tạo ra những áp lực nặng nề nào cả mà chỉ thể hiện những khuyến cáo của mình bằng một số biện pháp rất cụ thể để nâng cao hiệu năng đối đầu với Cộng Sản của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Nhưng ông Ngô Đình Nhu thì không nghĩ như thế. Và dù chính Mỹ đã khai sinh và nuôi dưỡng chế độ Diệm từ năm 1953, dù người Mỹ trong các cơ quan then chốt đã đóng những vai trò quan trọng trong các chính sách từ nhiều năm qua... nhưng đến khi cần chống Mỹ thì ông Nhu lại nêu lên những khuyến cáo và những biện pháp đó làm lý do để cho rằng “bị Mỹ làm áp lực, bị Mỹ chen vào nội tình quốc gia” dù đã 8, 9 năm đề đầu dân tộc nhờ tiền bạc và thế lực của Mỹ.

Đến đây thì *nguyên nhân thứ tư* của quyết định thay đổi lập trường từ thân Mỹ đến chống Mỹ, từ chống Cộng đến thỏa hiệp với Cộng của ông Ngô Đình Nhu bắt đầu thành hình, mà sự thành hình đó bắt nguồn từ chính bản chất nội tại của con người ông ta.

Những bản tính đặc biệt đó của ông Nhu là gì?

Trước hết **ông Nhu là một người Việt có một tâm hồn rất Tây**, thứ Tây trí thức chuộng lý thuyết và đắm chìm trong những lý tưởng đến nỗi quên mất thực tại. Nền giáo dục từ chương nặng nề của Pháp vào thập niên 1930 và 40, cũng như nội dung giảng huấn của trường Chartres đã bủa màn lưới lý thuyết vây kín óc sáng tạo và tính khách quan của người thu nhận. Ông Nhu say sưa đọc sách, càng nhiều càng tốt, mà không biết đối chiếu với thực tại để khai mở một triết lý hành động cho chính mình cũng như cho chính quốc gia sau này. Do đó mà những tác phẩm lý thuyết mà ông Nhu là cha đẻ sau này như Hiến pháp Đệ nhất Cộng Hòa, Thuyết Nhân Vị, v.v... chỉ là một sự chấp vá gượng ép của rất nhiều trào lưu tư tưởng lúc bấy giờ mà chẳng có một nội dung đặc thù nào, lại càng không phù hợp với hiện thực chính trị và xã hội của miền Nam Việt Nam chút nào cả.

Khi về nước phụ trách quản thủ thư viện tại Hà Nội rồi Huế, ông Nhu chỉ là một công bộc của bộ máy cai trị Tây, suy tư và hành xử như Tây chẳng khác một con cá biển sống thoải mái trong nước mặn. Do đó, ta không lạ gì khi thấy ông Nhu chỉ giao du với những thành phần thuộc giai cấp thượng lưu trí thức, và đến khi thành hôn thì cũng lấy con gái một gia đình trưởng giả trong nếp sống phóng đảng của Hà Nội bị Âu hóa. Văn hóa Pháp chi phối mạnh mẽ tâm hồn ông Nhu, mạnh mẽ đến nỗi khi diễn đạt, ông Nhu không dùng nổi tiếng Việt mà phải nhờ tiếng Pháp để nói và viết. Bài “Hội Mùa Xuân tại Hà Nội thời Hậu Lê” (La Fête de Printemps à Hanoi du temps des Lê Postérieurs), cũng như các diễn văn của ông Diệm sau này, ông Nhu đều viết tiếng Pháp và Võ Văn Hải dịch ra Việt văn. Con cái thì chỉ học trường Tây trường Đầm, và trong nhà thì chỉ đối đáp với nhau bằng Pháp ngữ.

Rõ rệt hơn nữa là khi mới có chính quyền, vợ chồng Nhu đã vội chuyển tiền ra ngoại quốc và chỉ chuyển qua Pháp hoặc Thụy Sĩ. Mua sắm nhà cửa thì cũng tại Pháp và Ý, tạo mãi cơ sở kinh doanh dĩ nhiên cũng tại Pháp. Ba lần công du chính thức, ông Nhu đều tìm cách ghé qua Pháp, riêng bà Nhu thì đi Pháp hàng năm, có khi trong một năm đi hai, ba lần. Chỉ năm 1957, ông Ngô Đình Nhu có viếng thăm Hoa Kỳ và đã được Tổng thống Eisenhower tiếp kiến.

Do đó, chính nếp sống Tây hóa, và quan điểm chính trị bị Tây hóa này đã làm cho ông Ngô Đình Nhu, trong sự hỗn loạn của tình hình lúc bấy giờ, đã trở nên **chủ bại trong ý thức và trở về với lập trường khuynh tả của giới trí thức Âu Châu** để chấp nhận chủ nghĩa của Marx như một chủ nghĩa nhân bản về mặt triết lý và là một hệ ý thức thuần lý về mặt sử quan, đến nỗi đã công khai tuyên bố “Tôi không phải là người chống Cộng trên quan điểm chính trị hay nhân bản. Tôi xem những người Cộng Sản như anh em...”

Từ tình cảm thân Tây, phục Tây và trọng Tây trên mặt tư tưởng cũng như nếp sống đó, tâm lý chống Mỹ, khinh Mỹ, ghét Mỹ của ông Nhu chỉ là một hệ luận tất yếu mà thôi. Và ông Nhu bị rơi vào cái vòng nhị nguyên đối đãi của một thứ lựa chọn cứng nhắc: càng trọng Tây thì càng khinh Mỹ, càng chống Mỹ thì càng thân Tây, chứ **không tìm được cho mình một chọn lựa đặc thù nào trên nền tảng dân tộc**, để khỏi vật vờ trong thế tranh hùng ngoại bang Tây-Mỹ.

Ngoài đặc tính nặng lý thuyết (mà là lý thuyết Tây phương) đến độ viển vông này, ông Nhu còn bị bệnh chủ quan của một người tưởng mình quán thông kim cổ, của một người khinh thế ngạo vật, xem trí thức và nhân sĩ miền Nam như cỏ rác. Ông Nhu chủ quan đến độ không nhận ra rằng anh mình được làm Tổng thống trước hết là nhờ Mỹ và tòa thánh La Mã chứ không phải nhờ những vận động chính trị đầy tính thỏa hiệp của ông Nhu tại Sài Gòn. Ông chủ quan đến nỗi không nhận ra rằng sau những năm đầu của chế độ, lòng dân đã bắt đầu dao động và những tình cảm cũng như sự tín nhiệm ban đầu của nhân dân đã bắt đầu biến đổi từ dè dặt đến nghi ngờ, từ nghi ngờ đến chống đối. Ông cũng chủ quan đến nỗi không biết rằng những sách lược và những tổ chức của mình như Ấp Chiến Lược, như Thanh Niên Cộng Hòa, như đảng Cần Lao Công giáo, như Lực Lượng Đặc Biệt, như trại giam P42 không đủ khả năng để chống đỡ cho chế độ đang bị ung thối từ trong cốt lõi. Ông cũng chủ quan đến độ vào những tháng cuối cùng của chế độ, khi biết được tin có những vận động nhằm lật đổ chế độ, ông vẫn đứng đưng xem thường và đánh giá rất thấp âm mưu đảo chánh của các sĩ quan.

Tôi còn nhớ vào dạo đó, trong mấy tuần liên tiếp, cứ mỗi thứ năm từ 9 giờ sáng đến 12 giờ trưa, ông Nhu đến câu lạc bộ Tổng Tham mưu để thuyết trình cho khoảng 50 sĩ quan cấp Tướng và Tá gồm các chỉ huy trưởng và giám đốc nha, sở có mặt tại Sài Gòn. Tự cho mình là trí thức khoa bảng và với uy thế của vị Cố vấn Chính trị em ruột Tổng thống, ông Nhu đã xem các sĩ quan cao cấp đó như những kẻ vô biên không có ý thức chính trị nên ông thao thao bất tuyệt, dùng mọi lý luận để đả kích Phật giáo bằng những lời lẽ hung hăng, công kích sự tham dự quá mức của người Mỹ vào nội tình Việt Nam, đề cao một cách sống sượng các kết quả thống kê của quốc sách Ấp Chiến Lược và úp mở đề cập đến một nước Việt Nam thống nhất trong hòa bình.

Suốt năm trời vì quá lo âu bày mưu tính kế đối phó với Phật giáo và Mỹ nên mặt ông Nhu trông hốc hác, cặp môi đã thâm lại thâm thêm, cặp mắt vốn mờ đục bấy giờ lại bị các quầng đen làm sâu hằn. Ông không biết rằng càng nói càng làm cho hội trường thêm chán ghét và căm thù. Những hứa hẹn cũng như những đe dọa mà ông trình bày bằng một giọng lẽ nhè vì uống quá nhiều rượu whisky, chỉ làm cho hội trường thêm chán nản. Làm sao ông có thể đề cập đến lòng yêu nước và xây dựng quốc gia khi chính ông đang âm mưu thỏa hiệp với Cộng Sản và đang làm ung thối liên hệ đồng minh với một nước bạn chống

Cộng ? Nhưng ông Nhu cũng say sưa nói, và vẫn chủ quan tin rằng mình đang thuyết phục được một hội trường vốn đã biết khá rõ về âm mưu của ông cũng như đang có những vận động đối chọi kịch liệt với ông.

Cái bệnh chủ quan này trước đó đã dẫn ông Nhu vào thế cò tàn mà Hà Nội giăng bẫy và sau này dẫn ông Nhu đến cửa tử của kế hoạch Bravo.

Bản tính thứ ba của ông Nhu là liều lĩnh. Không phải liều lĩnh trong cái nghĩa can đảm, biết trước được những khó khăn mà vẫn làm, nhưng lại là cái nghĩa cuồng tín của một người **làm mà không cần biết hậu quả sẽ xảy ra** cho mình hay cho đất nước như thế nào.

Sự liều lĩnh đó bắt nguồn từ niềm tin có tính cách tín ngưỡng về vai trò lãnh đạo mà “on trên” đã ban cho, từ mặc cảm tự tôn cho mình không bao giờ lầm lẫn và từ ảo tưởng rằng các bộ máy công an, mật vụ, các lực lượng chính trị, tôn giáo và quân sự đã được đảng Cần Lao kiểm soát. Sự liều lĩnh đó cũng bắt nguồn từ bản chất cá nhân của ông Nhu luôn luôn thích bạo động, thích âm mưu, thích khuynh loát, thích thủ đoạn,... và say sưa với những bạo động, âm mưu, khuynh loát, thủ đoạn đó.

Một linh mục người Pháp vốn biết rất rõ về con người của ông Nhu, từ năm 1959, đã nói rằng: “Nhu có đầy đủ khả năng để bắt tay với Cộng Sản. Nhu sẽ thỏa hiệp với Cộng Sản khi nào cảm thấy bị dồn vào chân tường. Nhu là thứ người hành xử hoàn toàn theo chính sách “sau ta là trận đại hồng thủy” (après moi, c’est le deluge) [\[17\]](#). Sau này tính liều lĩnh đó đã thể hiện rõ ràng hơn khi:

... sự chống đối của tướng lãnh, của người Mỹ, và của Phong trào Phật giáo đã không cho Nhu một chọn lựa nào khác hơn để bám lấy chính quyền ngoài cách liều lĩnh thỏa hiệp với Hà Nội. Với Nhu thì không có gì là mất thể diện. Tất cả mọi nhân chứng đều cho thấy nhà mưu sĩ của chế độ, vì sống riêng biệt trong căn phòng bọc gấm và xa rời thực tế nông thôn, cứ tưởng chương trình Ấp Chiến Lược là một thành công. Những phúc trình của các sĩ quan khúm núm và các công chức sợ sệt đã cứ lái nhai (về sự thành công) như thế, còn Việt Cộng thì họ hiểu rằng nếu có thỏa hiệp, chắc chắn họ sẽ có lợi [\[18\]](#).

Vừa chuộng lý thuyết vừa nặng đầu óc chủ quan, lại tính liều lĩnh nên khi bị dồn vào thế đường cùng thì ông Nhu không thể làm gì khác hơn là quay về thỏa hiệp với kẻ thù Cộng Sản, một kẻ thù mà vì đầu óc tiếm nhiệm những lý thuyết khuynh tả Tây phương, ông Nhu đã không thấy nó phi nhân bản và phản tiến hóa, một kẻ thù mà nặng đầu óc chủ quan, ông Nhu đã không đánh giá được một tương quan lực lượng rất bất lợi cho miền Nam, một kẻ thù mà vì tính liều lĩnh thủ đoạn, ông Nhu đã không cần biết những hậu quả gì sẽ xảy ra sau khi thỏa hiệp.

-o0o-

Bốn nguyên nhân mà tôi đề cập ở trên có thể xem như là những *sức đẩy* hăm dọa sự an toàn của chế độ: Nhân dân miền Nam đẩy ông Nhu ra khỏi tư thế lãnh đạo, Việt Cộng đẩy ông Nhu ra khỏi vị trí đại diện chính đáng, chính quyền Mỹ đẩy ông Nhu ra khỏi tác phong độc tôn độc tài, và bản chất chủ quan đẩy ông Nhu ra khỏi những khôn khéo chính trị tối thiểu của một người nắm vận mệnh đất nước. Trước những sức đẩy đó, ông Nhu hạ tay đi thế cò tội ác chót: Thỏa hiệp với Cộng Sản để hóa giải mọi sức đẩy đang làm lung lay chế độ, đang đe dọa sự an toàn của bản thân ông Nhu, của gia tộc Ngô Đình và của bè phái Cần Lao.

Thật vậy, thỏa hiệp được với Hà Nội thì Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam sẽ không còn vai trò để đóng, Mỹ sẽ không có lý do để áp lực, nhân dân miền Nam sẽ không còn tư thế để thay ông Nhu chống Cộng, và riêng cá nhân ông Nhu sẽ kiêu hãnh làm được nhiệm vụ lịch sử hòa hợp với những người “anh em” bên kia. Cũng trong con tính thỏa hiệp liều lĩnh này, ông Nhu tin chắc rằng Mỹ sẽ không bao giờ bỏ miền Nam mà phải trở nên “dễ bảo” hơn để quân bình ảnh hưởng của Cộng Sản; các sức mạnh của ông Nhu

như đảng Cần Lao, Ấp Chiến Lược, khối Công giáo di cư, các bộ phận võ trang trong quân đội, mật vụ, công an,... sẽ đủ tư cách và đủ sức mạnh để thực hiện sách lược thỏa hiệp mà không bị phản bội.

Ông Nhu chủ quan và liều lĩnh tính toán như vậy, nhưng còn ông Diệm thì sao? Lập trường của ông và thái độ của ông như thế nào trong toàn bộ âm mưu thỏa hiệp với Cộng Sản Hà Nội của người em cật ruột?

Ông Diệm là một tín đồ Công giáo có một niềm tin ngưỡng **đậm đà nhưng không sâu sắc**, ông tin tưởng tuyệt đối vào sứ mạng thiêng liêng tiêu diệt Cộng Sản mà ông cho là hiện thân của Satan. **Lập trường chính trị của ông chỉ là một thể hiện tự nhiên những xác tín tôn giáo của ông chứ không phải từ một chứng nghiệm hay nghiên cứu chính trị sâu sắc** về chủ nghĩa Mác-Lê, phong trào Cộng Sản và bối cảnh của dân tộc Việt Nam. Đối với ông Diệm, là người Công giáo thì tự nhiên phải chống Cộng. Và cũng từ đó mà ông quan niệm chắc nịch rằng chỉ có người Công giáo mới chống Cộng thật sự mà thôi. Toàn bộ quan điểm chống Cộng của ông Diệm cũng như đa số những người đồng đạo của ông ta bắt nguồn từ cái **sứ mạng tông đồ tiêu diệt ma quỷ để làm sáng danh Chúa**, hơn là từ những tình cảm hoặc ý thức dân tộc, nhân quyền, bình đẳng, tự do... Vì thế cho nên khi quân đội Pháp trở lại Việt Nam vào năm 1945-46 dưới quyền chỉ huy của một vị tu sĩ là Đô đốc Thierry d' Argenlieu thì hầu hết người Công giáo Việt Nam đều chọn lựa theo ủng hộ đạo quân xâm lược mượn chiêu bài chống Cộng này, chứ không có một chút ngần ngại chính trị nào giữa hai chọn lựa “theo Kháng Chiến chống Tây” hay “theo Tây chống Cộng Sản” như tình trạng khá phổ quát của đa số các bộ phận khác của dân tộc lúc bấy giờ. Đó đó, nhiều đạo Thân binh hợp tác với quân đội viễn chinh Pháp lúc bấy giờ còn được gọi là **Lính Đạo**, và năm 1946, khi lực lượng Công giáo cho phổ biến “**Lá Thư Luân Lưu**” và thành lập “**Liên Đoàn Công giáo Việt Nam**” thì nội dung và động cơ của nó cũng lấy chủ điểm là đặc tính Vô Thần của chủ nghĩa Cộng Sản.

Về mặt chính trị, không những cá nhân ông Diệm có mối thù máu với Cộng Sản đã giết cha con ông Ngô Đình Khôi và giam tù ông tại Thái Nguyên, mà chính sự nghiệp chính trị cũng như những quyền lực và danh vọng của ông đều được xây đắp nhờ chủ trương chống Cộng của ông, do những thế lực chống Cộng Việt Nam cũng như ngoại quốc ủng hộ. Ngày 7 tháng 12 năm 1961, ông Diệm đã gửi cho Tổng thống Kennedy một lá thư dài trình bày tình trạng bi đát của nhân dân miền Nam do Cộng Sản gây ra để kêu gọi vị Tổng thống nước bạn giúp đỡ [\[19\]](#). Lá thư này đã hợp pháp hóa và chính đáng hóa quyết định gửi quân Hoa Kỳ tham chiến tại Việt Nam của Kennedy và củng cố thêm lập trường chống Cộng quyết liệt của ông Diệm lúc bấy giờ. Ngay những tháng cuối cùng của chế độ, lúc ông cho tấn công các cơ sở Phật giáo và đàn áp Tăng Ni thì ông cũng nhân danh sự đe dọa của Cộng Sản để biện minh cho chính sách tàn bạo đó thì tại sao từ cái lập trường thân Mỹ, chống Cộng sắt đá như thế ông lại hoán chuyển tương quan thù bạn để chủ trương đuổi đồng minh Mỹ và bắt tay với kẻ thù Cộng Sản mà nay ông gọi là “anh em”.

Tôi là một cán bộ trung kiên với ông Diệm vì lập trường yêu nước và chống Cộng Sản, thì việc chuyển đổi tư tưởng và lập trường của ông đã tạo cho tôi một nỗi băn khoăn, thắc mắc rất quan yếu. Tôi cứ tự hỏi chủ trương thỏa hiệp với Hà Nội là chính của ông Diệm hay của ông Ngô Đình Nhu. Tôi thật tâm nghi ngờ rằng ông Diệm đã bị ông Nhu thuyết phục lôi kéo vì ông Diệm thiếu quyết đoán mà lại cả nể ông Ngô Đình Nhu. Thật thế, cuộc đời chính trị của ông Diệm đã cho thấy thời làm quan Nam triều ông nổi tiếng là nhờ thái độ “cần kiệm liêm chính” chứ không phải nhờ tài năng trí tuệ, vì mọi chính sách và hoạt động đều đã có quan Tây chỉ bảo. Ông chỉ cần **thi hành đúng đắn đường lối cai trị và chính sách đô hộ của người Pháp là đủ để được thăng quan tiến chức rồi**.

Từ ngày làm Tổng thống, vì thiếu khả năng lãnh đạo, lại mang tính tình bất thường khi nhu khi cương, đầu óc lộn xộn, nên ông đã phải nhờ quá nhiều vào sự giúp sức của anh em, vì vậy sau đó hoàn toàn

bị anh em chi phối điều động. Từ sau biến cố Nhảy Dù cuối năm 1960, người ta thấy tương quan của hai anh em ông Diệm–Nhu trong Phủ Tổng thống không khác gì thời vua Lê chúa Trịnh, dù bề ngoài ông Diệm vẫn cố giữ cái thể thống của một vị nguyên thủ quốc gia. Từ sau cuộc đảo chánh Nhảy Dù, nhất là từ ngày dọn về dinh Gia Long (sau cuộc ném bom dinh Độc Lập), những người trong Dinh thường thấy ông Diệm hàng ngày kẹp hồ sơ xuống văn phòng ông Nhu ở tầng dưới để bàn công việc, tham khảo ý kiến. Người ta có cảm tưởng ông Diệm đã hành xử như một viên chức thừa hành mang hồ sơ đến trình bày công việc với thượng cấp là ông Nhu. Trong biến cố Phật giáo, ông Diệm đóng vai trò của một ông loa để tuyên bố, còn tất cả kế hoạch đối phó với cuộc khủng hoảng đều do ông Ngô Đình Nhu thiết kế và quyết định; mà ông Nhu thì lại vốn là người quá nể vợ, nếu không muốn nói là sợ vợ, như các nhân chứng và tài liệu đã nói rõ. Thành ra trong dinh Tổng thống, nhất là vào những năm cuối cùng, ông Diệm đã biến thành nhân vật thứ ba, nằm dưới quyền hành tuyệt đỉnh của vợ chồng Ngô Đình Nhu.

Để thấy rõ bộ máy lãnh đạo tối cao của chế độ và để xác định đúng vị trí của ông Diệm trong bộ máy này, ta hãy nghe những chứng nhân ngày ngày từng trực tiếp theo dõi và liên hệ gần gũi với bộ máy đó mô tả. Ông Nguyễn Thái, cựu Giám đốc Việt Tân Xã, viết rằng:

Mặc dù là lãnh tụ của chế độ, Ngô Đình Diệm đã không thể và thật sự không quyết định một mình, hoàn toàn độc lập khỏi những trung tâm quyền lực khác trong chế độ được. Ngược lại ông đã bị họ ảnh hưởng, và những quyết định của ông phản ánh không những lối suy nghĩ của ông mà còn của họ nữa. Dù ông Diệm có biết hay không rằng ông đang bị chi phối bởi anh em khác trong gia đình thì ông Diệm vẫn có vẻ như tha thứ, làm ngơ, hay ngay cả nương dựa vào ảnh hưởng đó của họ.

Sự ảnh hưởng lẫn nhau và liên hệ về quyền lực giữa anh em trong hệ thống lãnh đạo của Tổng thống Diệm được gọi là “gia đình trị”. Điều này không thể không chú ý được bởi vì nó là trung tâm guồng máy cai trị đảng sau nền hành chánh của Nam Việt Nam. Cũng như nếu một người không biết gì về cá nhân Ngô Đình Diệm thì người đó không thể hiểu được sự lãnh đạo của Tổng thống Nam Việt Nam, không thể thấy được toàn diện chính cuộc nếu người đó không quan sát gia đình họ Ngô [\[20\]](#).

Ông Đoàn Thêm, Đồng lý Văn phòng Bộ Phủ Tổng Thống, còn đi sâu vào hiện tượng “gia đình trị” một cách rõ ràng hơn:



Gia đình Ngô Đình

Trong mấy anh em gia đình họ Ngô, ông Ngô Đình Nhu là người ảnh hưởng ông Diệm hơn cả. Trong mấy năm đầu, ông Diệm không thấy các em ông có lỗi gì hết. Ông tin rằng mọi sự công kích đều do lòng đố kỵ, do mưu mô ly gián của đối phương.

Đã nhiều lần, ông nói với người chung quanh: *Bà Nhu chịu khó lắm, đau hoài mà cứ gắng làm việc công ích, thiên hạ ác miệng lắm.*

Nhưng rồi ông thấy cả những người chí thân cũng phản đối nhiều hành động của bà. Sự bất hòa giữa bà với ông Cần chẳng hạn, không thể giữ kín. Phải là “chỉ đạo” mới có gan lên án bà trước ông Tổng thống. Ông Diệm hay bị trách là nhu nhược để mặc vợ chồng ông Nhu làm mưa làm gió.

Ông Diệm biết xử trí ra sao? Có thật ông yếu ớt quá không? Tôi muốn biết rõ hai điểm đó.

Vài người thân tín và quyền thuộc đã hiểu được nỗi khổ tâm của ông. Không những ông phân vân giữa tư tưởng riêng tư và dư luận chung, mà ông còn hay bị kẹt giữa những người ruột thịt.

Có bận ông về Huế ngồi phờ rất lâu, mớ tóc đen và dài rớt cả xuống trán và mang tai, ông không nói không rằng chỉ theo thói quen khi ông suy nghĩ nghĩ là dụi tàn thuốc lá, chưa hết nửa điều này đã châm điều khác để dụi nhiều hơn.

Ông muốn trong âm ngoài êm, thì họ cứ lục đục và giận dỗi, người nọ khích bác người kia. Ông thương tất cả, chẳng nỡ bênh ai gạt ai. Ông cần ông Nhu hơn hết, sao mọi người cứ muốn chặt tay ông ?

Nhưng chẳng lẽ ông không dám có phản ứng hay sao? Ông Cần biết tính lưỡng lự của anh đã bảo một người cháu: giục ông Tổng thống mà không khùng bố ông ta tất không được. Khùng bố Tổng thống là nói mạnh, dọa làm bừa nên chưa chịu nghe. Đồng ý hay không, bà Nhu đã biện thuyết quá hùng hồn trước mặt ông.

Ở những trường hợp đó, người phải chứng kiến đã ái ngại cho ông Diệm. Ông không quen mạnh dạn trước phụ nữ lại cả nê vợ yêu của người em quý nhất. Sau hết, ông kém về ngôn ngữ và thiếu tài ứng đối nên chỉ cau mặt, không nghe, không bác, lặng thinh, trong một bầu không khí nặng nề. Rút cuộc, ông chỉ thờ dài, hình như để tự giải thoát, giải thoát bằng tha thứ.

Ông cho là ông rộng lượng chứ không phải là ông chịu đựng. Bởi thế có lần ông khuyên một Bộ trưởng: Thói thường đàn bà người ta hay nhiều lời. Xong thì thôi, mình đàn ông bận tâm làm chi, cho nó yên mà lo việc lớn [21].

Nhưng tất cả vấn đề là nếu “nó” không yên thì sao?

Và “Nó” đã không yên cho nên từ một đất nước thanh bình và một dân tộc đoàn kết thời 1955–56, “Nó” đã đóng góp rất nhiều, quá nhiều, vào việc biến thành một đất nước ly loạn và một dân tộc bị phân hóa vào năm 1962–63. Và đến mấy tháng cuối cùng, khi bị cả dân tộc chống đối, khi bị kẻ thù đe dọa, khi bị đồng minh khuyến cáo, và khi chồng tiến hành kế hoạch thỏa hiệp với quân thù, thì “Nó” còn hống hách tuyên bố: *“Ông Diệm không thể cai trị miền Nam nếu không có chồng tôi. Trái lại chồng tôi có thể cầm quyền lãnh đạo quốc gia dù không có ông Diệm”* [22].

Nói tóm lại, ta thấy ông Diệm tuy chống Cộng nhưng là một thứ **chống Cộng bị điều kiện hóa** chứ không được thúc đẩy và chỉ đạo bởi một cơ sở lý luận vững chắc hoặc được chứng nghiệm bằng một quá trình đấu tranh sống chết. Ông lại là một người hành xử vai trò lãnh đạo nhưng lại **không có tư cách và quyền lực của một nhà lãnh đạo**. Đã thế bản tính ông lại nhu nhược, dễ dãi, nhất là lúc phải đối phó với những vấn đề phức tạp và to lớn. Từ lâu, ông đã tin tưởng tuyệt đối vào ông Ngô Đình Nhu là người em không những ông thương yêu tin phục mà còn nể sợ nữa, đến độ gần như trao toàn quyền lãnh đạo quốc gia cho em. Cho nên trong những năm 1962–63, trước những khủng hoảng dồn dập, mà khủng hoảng nào cũng phức tạp và trầm trọng, trước một tình thế vượt hẳn khả năng lý luận và khả năng đối phó của một người như ông, ông đã an tâm trao hết vận mệnh của chế độ, của miền Nam, vào tay vợ chồng Ngô Đình Nhu.

Ngay cả quyết định quan trọng nhất, và quái dị nhất, là chống Mỹ để thỏa hiệp với Cộng Sản Hà Nội, ông cũng đã bị ông Ngô Đình Nhu thuyết phục dễ dàng. Thái độ phũ tay trước những quyết định sinh tử đó của ông không khác gì thái độ rửa tay để tránh trách nhiệm của viên Thống đốc Pontius Pilate trước khi trao vận mệnh chúa Giê Su cho viên chủ tế Pha-ri-si-ên và lực lượng La Mã đóng đinh Chúa lên thánh giá. Từ đó, ông hoàn toàn bị ông Ngô Đình Nhu điều động và trở thành một con cờ đắc lực cho vợ chồng Nhu trải chiếu đánh ván bài định mệnh với Cộng Sản Hà Nội.

Tôi có thể nói sự chuyển biến lập trường của ông Diệm, từ dao động đến bị động, và từ bị động đến dần thân vào âm mưu đó, chỉ có Võ Văn Hải và tôi là biết được phần nào. Sở dĩ biết vì một phần chúng tôi là những cán bộ quá gần gũi và thân thiết với ông Diệm đến độ vượt qua khỏi tương quan “chỉ huy–thuộc cấp” thông thường, và phần khác là vì chúng tôi có chủ ý để tâm khám phá âm mưu đó mà chúng tôi bắt đầu nghi ngờ từ năm 1960, sau cuộc chinh biến của binh chủng Nhảy Dù. Bác sĩ Trần Kim Tuyên tuy là cộng sự viên số một của ông Nhu trong dinh Độc Lập, có thể biết nhiều về ông Nhu, nhưng đối với ông Diệm thì cũng chỉ ngưng lại ở tương quan “chỉ huy–thuộc cấp” mà thôi.

Ai cũng biết Võ Văn Hải và tôi là hai cán bộ cốt cán của ông Diệm, và sự tồn vong của chế độ cũng như của ông ta gắn liền với số mạng của chúng tôi dù chúng tôi đều bị ông Nhu nghi ngờ, oán ghét, và dù chúng tôi đều căm thù nhóm Công giáo Cần Lao, những kẻ mà chúng tôi cho là làm hại sức mạnh chính trị và uy tín của ông Diệm. Vì thế, chúng tôi cố gắng theo dõi thực sát đường lối và hoạt động chính trị của Phủ Tổng thống, của ông Diệm và của vợ chồng Ngô Đình Nhu, nhất là vợ Nhu, người đàn bà mà Hải và tôi mệnh danh là thứ “Cửu Vỹ Hồ ly tinh Đắc Kỷ”.

Sau cuộc đảo chánh của Nhảy Dù vào cuối năm 1960, tôi cứ thắc mắc tại sao anh em ông Diệm–Nhu cứ kết án người Mỹ đã chủ trương cuộc đảo chánh trong lúc chính nhờ Mỹ một phần mà Vương Văn Đông, người lãnh đạo cuộc binh biến đã tạm ngưng tấn công dinh Độc Lập, tạo cơ hội cho ông Diệm gọi quân về phản công. Tôi lại đã trình bày cho ông Diệm biết có thể nhóm Vương Văn Đông có liên hệ với hệ thống gián điệp Pháp vì từ khi trốn qua Cao Miên, nhóm Vương Văn Đông đã được tình báo của Sihanouk liên lạc và che chở ngay. Cựu Trung tá Trần Đình Lan trong cơ quan gián điệp Pháp cũng từ Paris đến Phnom Penh liên lạc với Vương Văn Đông, trong lúc Nguyễn Chánh Thi thì lại bị chính quyền và quân đội Cao Miên bạc đãi. Việc này bác sĩ Tuyên còn biết rõ chi tiết hơn tôi và đã báo cáo đầy đủ với ông Nhu.

Sự kết án lạ lùng đó đã khiến cho Hải và tôi để tâm theo dõi và tìm hiểu. Rồi những sự kiện khác tiếp tục xảy ra như vụ Đại sứ Pháp Roger Lalouette và ông Nhu trở nên thân thiết hơn, vụ Trưởng phái đoàn Ba Lan trong Ủy hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến Mieczyslaw Maneli được săn đón kỹ càng hơn, vụ công kích người Mỹ càng lúc càng kịch liệt và liên tục hơn. Cho đến đầu năm 1963, khi một phái đoàn Quốc hội Việt Nam Cộng Hòa thăm viếng Pháp thì Hải và tôi không còn nghi ngờ gì nữa. Sau Tết Quý Mão (1963) độ một tháng, tôi và Hải gặp nhau để phối kiểm mọi dữ kiện và duyệt xét toàn bộ những biến chuyển của dinh Gia Long từ hai năm qua, và Hải đã vừa lo lắng vừa buồn rầu kết luận: “Ông Cự và ông Nhu đã thay đổi lập trường rồi anh Mậu ơi. Bây giờ là chống Mỹ, bắt tay Pháp để nói chuyện với Hà Nội ! Chúng ta làm gì đi chứ?”

Làm gì bây giờ? Đó là câu hỏi lớn mà Hải và tôi cứ bị ám ảnh mãi suốt hai mùa Xuân và Hạ của năm 1963. Đó cũng là câu hỏi đã vượt ra khỏi cái liên hệ tình cảm giữa chúng tôi và ông Diệm để được đúng đắn đặt trong cái liên hệ giữa chúng tôi và đất nước. Mùa Thu năm đó, khi tôi lấy quyết định cùng với toàn dân lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm thì tôi biết Hải cũng đã lấy quyết định rồi mà thể hiện rõ ràng nhất là trong ngày Cách mạng 1–11–63, dù ông Diệm khẩn cấp gọi Hải nhiều lần nhưng người bạn hiền của tôi nhất quyết nằm tại nhà, không vào Dinh. Phải nhìn vào tình bạn thâm thiết giữa ông Diệm và cụ Án Võ Vọng, thân phụ của Hải, phải nhìn vào tình thầy trò vô cùng khấn khít giữa ông Diệm và Hải trên 20 năm

trời, và hãy nhớ hành động của Hải trong biển cố Nhảy Dù năm 1960 mới thấy được việc Hải không vào Dinh lúc bấy giờ là đau đớn và quyết liệt như thế nào.

-o0o-

Toàn bộ sách lược thỏa hiệp với Cộng Sản của anh em Nhu–Diệm có thể tóm tắt trong bốn kế hoạch sau đây:

1. Công khai và cụ thể chống Mỹ, nhưng chỉ chống đến một mức độ còn kiểm soát được, để vừa thỏa mãn điều kiện tiên quyết của Hà Nội vừa lại có thể sử dụng được lực lượng của Mỹ như một áp lực với Hà Nội, hoặc nếu cần, có thể quay trở lại tình trạng đồng minh như cũ.

2. Vận động để một số quốc gia, đặc biệt là Pháp, đóng vai trò trung gian và bảo đảm sự thực thi của thỏa hiệp trong và sau khi thỏa hiệp thành hình.

3. Chuẩn bị và tiến hành những biện pháp an ninh và chính trị để kiểm soát các lực lượng quốc gia và quân chúng miền Nam trong trường hợp nổi dậy chống đối thỏa hiệp này.

4. Trực tiếp đối thoại với chính quyền Hà Nội để thương thảo về vấn đề chấm dứt chiến tranh và thống nhất đất nước.

Bốn kế hoạch đó được song song tiến hành và do chính ông Ngô Đình Nhu điều động kiểm soát. Vì tính cách tối mật và tối quan trọng của nó, những nhân sự được chọn lựa thi hành các công tác đã là những thuộc hạ trung tín nhất của ông Nhu, và chỉ biết được từng phần mà không biết được toàn bộ kế hoạch. Trong một vài trường hợp đặc biệt, chính ông Nhu đã đích thân trực tiếp thi hành công tác để bảo toàn bí mật.

Diễn tiến của bốn kế hoạch đó lúc công khai lúc bí mật, lúc thì dồn dập lúc thì bẽ tắc, nhưng một cách thứ lớp thì đã xảy ra như sau:

Từ đầu năm 1960, với tư cách là trưởng nhiệm sở ngoại giao tại Luân Đôn, ông Ngô Đình Luyện đã xin hội kiến với Tổng thống Pháp De Gaulle. Đáng lẽ ông De Gaulle không tiếp nhưng vì ông Luyện còn là bảo đệ của ông Diệm, nên Tổng thống De Gaulle chịu tiếp trong 15 phút với tất cả sự lạnh lùng và qui ước của một cuộc hội kiến ngoại giao. Buổi hội kiến đó nhằm mở đường cho ông Nhu nhưng đã không mang lại kết quả nào vì năm 1961, khi ông Ngô Đình Nhu – trên đường đi dự lễ đăng quang của vua Hassan II tại Maroc – ghé qua Paris để xin gặp Tổng thống De Gaulle thì bị từ chối mà chỉ được Bộ trưởng Ngoại giao Couvre de Murville tiếp kiến và mời ăn cơm. Tham dự buổi tiệc này có các ông Phạm Khắc Hy, Bửu Hội, Đại sứ Pháp Lalouette và ông Etienne Manac, Giám đốc Đông Nam Á Sự Vụ của Bộ Ngoại Giao Pháp (ông này rất thiên về Hà Nội). Tuy cố gắng bày tỏ mọi cảm tình đối với nước Pháp, nhưng ông Nhu đã không thành công trong việc thuyết phục được Couvre de Murville về một chính sách mà nước Pháp có thể đóng một vai trò quan trọng hơn tại Việt Nam.

Nhưng nếu không thành công lớn thì ít ra ông Nhu cũng đã tạo được một mối liên hệ tốt đẹp và hữu ích với Đại sứ Pháp Lalouette để ông này tiếp tục thuyết phục chính quyền “nên can dự vào nội bộ Việt Nam để khuyến khích và giúp đỡ anh em ông Diệm tránh được gọng kềm của Mỹ” (emprise americaine) [\[23\]](#).

Năm 1961 đánh dấu một khúc quanh quan trọng trong chính sách ngoại giao của Pháp đối với Việt Nam và mang lại những kết quả tốt đẹp cho sự kiên nhẫn của Đại sứ Lalouette trong việc liên tục thuyết phục chính phủ mình hãy can thiệp nhiều hơn vào Việt Nam. Thật vậy, thất bại của Mỹ tại Cuba (Vịnh Con

Heo, tháng 4 năm 1961) cho một sự hoà hoãn toàn cầu, hội nghị Genève về vấn đề Lào (tháng 5 năm 1961) để mở đầu cho một chính phủ liên hiệp do Hoàng thân Souvanna Phouma lãnh đạo, Hà Nội đề nghị một loạt các hiệp ước hợp tác văn hóa và kỹ thuật với Paris,... những sự kiện đó đã cho chính phủ Pháp thấy rằng chiều hướng chính trị quốc tế, đặc biệt tại Đông Dương, đã không thuận lợi cho Hoa Kỳ chút nào. Kể không lờ Mỹ ngay thơ vụng về đã thất bại tại Việt Nam để Pháp có thể rửa lại cái hận năm xưa bằng cách đẩy Mỹ ra khỏi Việt Nam hầu nắm lại ưu thế trên vùng đất cựu thuộc địa, mà ảnh hưởng văn hóa cũng như quyền lợi kinh tế vẫn chưa bị phai mờ. Để thực hiện mục tiêu này, trung lập hóa Đông Dương để tiến tới một Việt Nam thống nhất phi liên kết là công thức chính trị của đường lối ngoại giao Pháp.

Bộ ngoại giao Pháp bắt đầu mở những cuộc thăm dò với Hà Nội và Sài Gòn. Bằng cách đi chơi thuyền trên sông Sài Gòn, ông Nhu và Lalouette gặp nhau nhiều lần để giải quyết những khác biệt cuối cùng và để hoạch định những kế hoạch cần thiết cho việc thỏa hiệp giữa hai miền. Trục Sài Gòn–Paris–Hà Nội càng lúc càng được khai thông cho những âm mưu, những dự tính, những thủ đoạn tuôn chảy. Và đến tháng Hai năm 1963, trong khi công luận và chính giới Hoa Kỳ công phần vì sự bất lực của chính sách quân viện Mỹ qua thảm bại Ấp Bắc và sự dối trá của chính phủ Ngô Đình Diệm về kết quả trận đánh này, thì chính phủ Pháp nắm lấy cơ hội đó, chính thức mời một phái đoàn Quốc hội Việt Nam qua thăm Paris.

Sau khi được ông De Gaulle tiếp kiến, phái đoàn Quốc hội do ông Trương Vĩnh Lê cầm đầu, gồm các Dân biểu Hà Như Chi, Nguyễn Hữu Chính, Nguyễn Quốc Hùng, Trần Văn Thọ, đã tỏ ra ngạc nhiên một cách hứng thú (“surprise agréable”) và ca ngợi De Gaulle đã “rất thông cảm với Việt Nam” (très compréhensible à l’égard du Vietnam”).

Cũng vào mùa Xuân năm đó, ông Mieczyslaw Maneli đến Sài Gòn lần thứ nhì để đảm nhiệm chức vụ Trưởng phái đoàn Ba Lan trong Ủy hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến (của Hội nghị Genève 1954).

Ông Maneli là một cán bộ trí thức Thiên Chúa giáo cao cấp của đảng Cộng Sản Ba Lan, có khuynh hướng quốc gia cực đoan và tự do tiến bộ, lại là một người hiểu biết nhiều về vấn đề Việt Nam. Hơn nữa, ông Maneli lại quen biết thân thiết với các lãnh tụ Cộng Sản cao cấp miền Bắc cũng như lại có dịp đi về thường xuyên đường Hà Nội–Sài Gòn nhờ tư cách Trưởng phái đoàn Ba Lan trong Ủy hội Quốc tế, nên khi ông vừa đến Sài Gòn thì Đại sứ Lalouette liên lạc ngay và khuyên nên gặp ông Ngô Đình Nhu [\[24\]](#).

Sau đó, Trưởng phái đoàn Ấn Độ là Đại sứ Goburdhun, rồi vị Đại sứ Ý Đại Lợi Giovanni Orlandi, và ngay cả Khâm mạng Tòa thánh Salvatore d’Asta cũng thúc giục Maneli đến tiếp xúc ngay với Nhu. Tuy biết rằng đang có những vận động quan trọng liên hệ đến nước anh em Dân Chủ Cộng Hòa Bắc Việt, nhưng vì chưa nắm đầy đủ dữ kiện và chỉ thị nên Maneli từ chối: “Tôi đại diện cho một quốc gia không công nhận miền Nam Việt Nam. Theo quy ước của Hiệp Ước Genève thì chính quyền này chỉ có tính cách giao thời, do đó tôi chỉ phải đến chào vị Tổng trưởng Ngoại giao mà thôi... Tuy nhiên vì thực tế chính trị, tôi sẽ vui mừng được gặp ông Nhu với điều kiện là ông ta mời tôi” [\[25\]](#).

Với lời trả lời linh động đó, ba vị Đại sứ Pháp, Ấn và Ý xem như ông Maneli đã đồng ý trên nguyên tắc nên tìm mọi cách để dàn xếp một cuộc gặp gỡ Nhu–Maneli. Họ cũng cho ông Maneli biết rằng họ đã phúc trình đầy đủ với ông Nhu về quá trình liên hệ và tư thế của ông Maneli đối với cấp lãnh đạo Hà Nội, và ông Nhu đã bày tỏ ý muốn gặp ông Maneli (“Nhu himself had expressed interest in meeting me”). Trong hồi ký của ông Maneli, ông thú nhận rằng ông đã không có đầy đủ tin tức về những vận động từ trước cho kế hoạch thỏa hiệp với Hà Nội như ông Nhu, mà chắc chắn trong kế hoạch đó, ông Nhu và hai vị Đại sứ Ấn cũng như Pháp đã có những mưu tính từ lâu. Điều làm cho ông Maneli ngạc nhiên là:

... kế hoạch của Goburdhun nhằm làm trung gian giữa Nam và Bắc Việt Nam là một kết hợp giữa sự ngây thơ và quỷ quyết, giữa sự thiếu thực tiễn và lý thuyết trừu tượng, giữa sự hùng biện và sự phức tạp của vấn đề. Điểm mấu chốt của kế hoạch này là câu nói rất mỉa dân của Nhu: “Tôi cũng chống tư bản”. Còn khi

đề cập đến một chủ nghĩa xã hội thì cả Nhu lẫn Goburdhun đều không xác định nổi một cách rõ ràng, ngoại trừ chủ nghĩa xã hội đó không dựa trên duy vật biện chứng... Lời giải thích của Nhu cũng mơ hồ như lời mà ông ta hằng tuyên bố rằng trên thế giới này, ông ta là người theo chủ nghĩa xã hội chân chính nhất... trong khi vẫn nắm lấy hàng triệu Mỹ kim của ngân khố Mỹ [26].

Còn về phần Đại sứ Pháp Lalouette thì sau hai lần gặp nhau, ông Maneli được biết kế hoạch của Pháp là tìm cách cho hai miền Bắc-Nam thương thảo với nhau để tiến đến trao đổi văn hóa và kinh tế, hầu mở đường cho những thỏa hiệp chính trị sau này. Phần vụ được chia rõ là ông Maneli sẽ đề nghị với Hà Nội mô thức đó trong khi Đại sứ Lalouette sẽ giữ liên hệ với chính phủ Sài Gòn.

Một tuần sau đó, vào cuối tháng Hai, ông Maneli đi Hà Nội và trình bày toàn bộ kế hoạch của Lalouette cho các ông Phạm Văn Đồng và Xuân Thủy thì chỉ sau hai ngày, đã nhận được sự đồng ý của Hà Nội rằng “như lời của Hồ Chủ tịch đã tuyên bố từ lâu, chính phủ sẵn sàng bắt đầu thương thảo bất kỳ lúc nào và bí mật hay công khai cũng được” [27]. Đính kèm với thư trả lời là một danh sách những sản phẩm sẽ được trao đổi giữa hai miền, kể cả đề nghị cùng xuất bản sách chung.

Ông Maneli bay trở về Sài Gòn và báo cáo cho Đại sứ Lalouette biết ý định của Hà Nội khiến ông Lalouette tỏ ra hài lòng. Đặc biệt ông Lalouette cứ cật vấn mãi về thái độ của các ông Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp có thù hằn cá nhân ông Nhu hay không? Khi được biết họ “không thù hằn” mà còn có vẻ “tin tưởng Nhu” (!) ông Lalouette đã phải kêu lên: “Très intéressant! Très important!” Ông Maneli cho rằng câu hỏi đó là do ông Nhu thúc đẩy ông Lalouette hỏi và cảm tưởng của ông là mọi nguyên tắc về thỏa hiệp đã được đồng ý rồi, giai đoạn này chỉ còn là những vấn đề cá nhân mà thôi.

Cũng trong mùa Xuân năm 1963 đó, để yểm trợ cho những vận động của Đại sứ Pháp, vị chủ tịch của Ủy Hội Quốc Tế KSDC là Đại sứ Ấn Độ Goburdhun cũng nhip ngành tiền hành một số công tác khác. Ông ta đã ra Hà Nội thăm ông Hồ Chí Minh nhân dịp đầu Xuân. Và trong buổi nói chuyện đã tỏ ra rất ngạc nhiên nhận thấy Hà Nội đặc biệt chú ý đến tình trạng căng thẳng giữa Mỹ và anh em ông Diệm, nhất là việc “ông Diệm chống lại các áp lực của Mỹ”.

Với điệu bộ “ngây thơ khó ai bắt chước nổi”, ông Hồ Chí Minh đã hỏi Đại sứ Ấn Độ có gì lạ xảy ra tại thủ đô Sài Gòn không, vấn an sức khỏe ông Diệm và tỏ vẻ để tâm đến việc ông Diệm bị Mỹ áp lực. Ông Hồ Chí Minh cũng bày tỏ sự tiếc nuối vì Sài Gòn đã không chịu chấp nhận những đàm phán mà Hà Nội đã nhiều lần đề nghị để tiến tới một thỏa hiệp chung. Khi Đại sứ Ấn từ giả ra về, ông Hồ Chí Minh còn ân cần dặn dò: Khi nào gặp ông Diệm nhờ ông bắt tay họ. Khi kể lại chuyện này cho ông Nhu nghe, ông Nhu tỏ vẻ đặc chí lắm và giải thích cho Đại sứ Ấn Độ biết rằng đó là nhờ sự thành công của quốc sách Ấp Chiến Lược (!) [28].

Lời hỏi thăm này cũng như lời “khen ngợi” ông Diệm là người yêu nước của ông Hồ Chí Minh, mà sau này tàn dư Cần Lao Công Giáo tại hải ngoại thường huyênh hoang sử dụng như một bằng chứng khả tín, thật ra chỉ là hành xử chính trị của ông Hồ Chí Minh nhằm xúi giục ông Diệm cứ tiếp tục kế hoạch đuổi Mỹ ra khỏi miền Nam mà thôi. Cái tội hết theo Tây đến theo Nhật, bây giờ lại làm tay sai bản xứ cho Mỹ và Vatican chống lại dân tộc và tiêu diệt bao nhiêu đảng viên Cộng Sản, làm sao ông Hồ Chí Minh tha thứ để gọi ông Diệm là “người yêu nước” được. Nhưng người Công giáo Việt Nam, vốn tự hào là lực lượng chống Cộng hung hãn nhất và nguyên rủa ông Hồ Chí Minh nhiều nhất, sẽ quên tất cả mà chỉ cần câu nói của ông Hồ Chí Minh rửa mặt cho chủ cũ là được rồi!



Ngô Đình Diệm, Cabot Lodge, Ngô Đình Nhu

Đầu tháng Tư năm 1963, khi mọi dàn xếp cho cuộc gặp gỡ trực tiếp giữa ông Nhu và ông Maneli đã bắt đầu có vẻ cụ thể thì ông Maneli bèn điện về Warsaw để xin chỉ thị. Đồng thời cũng thông báo cho ông Hà Văn Lâu và Đại sứ Nga tại Hà Nội biết. Mấy ngày sau, đại diện của phái đoàn Ba Lan tại Hà Nội thông báo cho ông Maneli biết rằng “các đồng chí Việt Nam rất lưu tâm đến những chi tiết về sự dàn xếp của Nhu, cũng như nội dung cuộc gặp gỡ đó”, đồng thời đích thân ông Hà Văn Lâu trả lời thẳng cho ông Maneli rằng “các đồng chí lãnh đạo yêu cầu được thông báo tức khắc về các diễn tiến, và nếu đồng chí có thể về Hà Nội để hội ý với chúng tôi trước khi gặp Nhu thì rất tốt” [29].

Trong khi đó thì ông Nhu cũng ráo riết hoạt động: nào là gọi giáo sư Bửu Hội (vốn là một phần tử có khuynh hướng thân Cộng đang ở Paris và được ủy làm trung gian để liên lạc với Pháp) về nước nhận chỉ thị trong kế hoạch thỏa hiệp với “những người Điện Biên Phủ” (“les hommes de Dien Bien Phu”), nào là tổ chức một chuyến tham quan chính trị từ Sài Gòn lên Đà Lạt cho ba vị Đại sứ của Ủy Hội Quốc Tế để giới thiệu những thành quả của Ấp Chiến Lược, những thành quả mà chỉ ông Nhu mới mang ảo tưởng có đủ sức mạnh để làm một món hàng trả giá với Hà Nội. (Trong cuộc tham quan này, ông Maneli đã chê bai Ấp Chiến Lược chỉ là trò hề đối với Việt Cộng như đã nói trước kia).

Nhưng hoạt động lớn nhất trong tháng 5 năm 1963 của ông Nhu là nhằm **công khai hóa lập trường chống Mỹ để thỏa mãn điều kiện tiên quyết của Hà Nội**: ngày 12 tháng 5, ông Nhu tuyên bố với Washington Post – nhưng thật ra hướng về Hà Nội mà nói rằng:

“Tôi không nghĩ rằng người Mỹ có khả năng cho chúng tôi những lời khuyên về Chiến tranh Cách mạng. Trong nhiều địa hạt khác như không gian, người Mỹ rất tiến bộ, nhưng còn những vấn đề nhỏ trên mặt đất, tôi nghĩ rằng người Mỹ không giỏi hơn chúng tôi”. Đồng thời trong một cuộc phỏng vấn khác của UPI, Nhu tỏ ý muốn Hoa Kỳ rút một số lớn cố vấn quân sự về nước [30].

Cũng theo George Chaffard thì ông Ngô Đình Nhu đã được sự đồng ý của ông Diệm để cố tình tạo nhiều khó khăn cho người Mỹ trước khi cho phép Mỹ sử dụng chất hóa học để khai quang vùng rừng núi mà Việt Cộng sẽ sử dụng để chuyển quân, hoặc thiết lập các căn cứ xuất quân tấn công quân đội Việt Nam Cộng Hòa.

Kế hoạch khai quang của Mỹ lúc vừa mới phát động đã bị Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đánh giá nguy hiểm nên tố cáo dữ dội. Giáo sư Bửu Hội, người ở trong Phong trào Hòa bình có khuynh hướng thân Cộng (từng gián tiếp chống lại thân mẫu là ni sư Diệu Không trong biến cố Phật giáo 1963) cũng chứng minh hóa chất khai quang là độc hại để yểm trợ cho kế hoạch chống Mỹ của ông Nhu. Ngày 26 tháng 4 năm 1963, Nga Xô yêu cầu Anh Cát Lợi, đồng chủ tịch trong hòa hội Genève, phải để Ủy hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến mở cuộc điều tra, nhưng ngày 18 tháng 5, Anh quốc trả lời là “không phải lúc để mở cuộc điều tra” đó. Nói rõ ra, hai đồng minh Anh và Mỹ cũng như Bộ Tham mưu quân đội Việt Nam Cộng Hòa đều

đồng ý phải có chiến dịch khai quang, nhất là tại các vùng như Chiến khu D, chiến khu Đ, vùng U Minh, v.v... để tiêu diệt Việt Cộng và để làm giảm thiểu thương vong cho binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa. Trong lúc đó thì chỉ vì chủ trương chống Mỹ để làm hài lòng Hà Nội, hai ông Diệm và Nhu đã gián tiếp bênh vực cho lập trường của Nga Sô và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam trong việc chống lại chiến dịch sử dụng thuốc khai quang này. Thái độ anh em ông Diệm càng làm tăng thêm sự nghi ngờ của tôi về việc ông ta cho lệnh các ông Huỳnh Văn Cao, Bùi Đình Đạm và nhiều cấp chỉ huy không được đánh đuổi Việt Cộng khi Việt Cộng tháo lui trong các trận chiến tại đồng bằng sông Cửu Long trong năm 1962, dù trên mặt công khai ông tỏ ra lo sợ binh sĩ sẽ thương vong nhiều.

Không những ồn ào chống Mỹ qua báo chí và bằng vụ “thuốc khai quang”, hai ông Diệm và Nhu còn dùng bộ máy tuyên truyền xám của chế độ để tung ra tin ông Nhu từ chối lời yêu cầu nhượng thuê (cession and bail) quân cảng Cam Ranh. Đó chỉ là một lời đồn ngụy tạo vì tôi biết chắc chắn không có một dự án nào, lúc bấy giờ, về vấn đề đó cả. Cam Ranh là một quân cảng thì hẳn Bộ Tham mưu phải biết về vấn đề đó nhưng tuyệt nhiên các sĩ quan cao cấp đã không bao giờ nghe nói tới. Hơn nữa, các tài liệu khả tín của Bộ Quốc phòng Mỹ, của các cơ quan truyền thông quốc tế, cũng như các sách vở nghiên cứu sau này, đều không hề đề cập đến vấn đề này. Ngay cả các tài liệu của Cộng Sản tôi cũng không thấy họ “đả kích” miền Nam về vấn đề đó. Và lại, lúc bấy giờ, Mỹ chưa chính thức ồ ạt gửi quân tham chiến thì hẳn chưa có nhu cầu sử dụng một căn cứ rộng lớn và lộ liễu như thế. Sau này, dưới thời Nguyễn Văn Thiệu, khi chiến tranh bộc phát lớn và số quân tham chiến đông đảo, nhu cầu tiếp vận và tồn trữ mới được đặt ra và quân đội Mỹ đã thiết lập nhiều căn cứ to lớn, biệt lập; tuy nhiên ngay cả lúc bấy giờ, vấn đề “nhượng thuê” cũng đã không được đề cập đến giữa hai quốc gia cùng tham dự trong một cuộc chiến tranh chống kẻ thù chung.

Vụ Cam Ranh chỉ là một phát súng trong mặt trận chống Mỹ của ông Nhu lúc bấy giờ mà thôi. Một phát súng giả lúc đó nhưng bây giờ, tại hải ngoại, lại được các sử gia hoài Ngô cho là thật, để ngụy biện rằng vì chống Mỹ nên ông Diệm bị Mỹ giết.

Trong khi ông Nhu đại diện cho chính phủ Sài Gòn hung hăng chống Mỹ thì tại Hoa Thịnh Đốn, Tổng thống Kennedy vốn đã bị Quốc Hội và dư luận quần chúng Mỹ công kích về chính sách tại Việt Nam vì những hành động của vợ chồng Nhu, lại càng bị các cộng sự viên áp lực để duyệt xét lại liên hệ với chính quyền Ngô Đình Diệm. Tuy nhiên, đặt ưu tiên chống Cộng lên trên hết và vì còn tin tưởng vào ông Diệm qua những báo cáo của Đại sứ Nolting và một thiểu số sĩ quan Mỹ tại Sài Gòn [31], ông Kennedy vẫn cho tháo khoán 55 triệu Mỹ kim vào ngày 17-5-1963 (nghĩa là 5 ngày sau lời tuyên bố đòi Mỹ rút quân của Nhu trên Washington Post) cho chương trình Ấp Chiến Lược. Mãi cho đến ngày 22 tháng 5, Tổng thống Kennedy mới họp báo để minh định lập trường cho miền Nam và quần chúng Hoa Kỳ biết:

1. Sẽ rút quân đội Mỹ khỏi Việt Nam bất cứ lúc nào, nếu chính phủ Việt Nam yêu cầu. Một ngày sau khi có điều đòi hỏi đó, sẽ cho ngay một số quân về. Nhân mạnh đó là điểm thứ nhất.

2. Hy vọng rằng tình thế Việt Nam sẽ cho phép rút một số quân vào cuối năm nay, song e rằng cuộc chiến đấu còn gay go [32].

Lời tuyên bố dứt khoát và quyết liệt đó đã làm cho ông Nhu lo lắng vì kế hoạch thỏa hiệp của ông Nhu với Cộng Sản Hà Nội mới vào cuối tháng Năm, chưa giải quyết được những vấn đề cụ thể. Vì vậy, chính phủ Sài Gòn đã im lặng không có lời bình luận hoặc tuyên bố gì để trả lời về quyết định này cả. (Mãi cho đến tháng Tám, sau khi bị Hoa Kỳ công khai lên án vụ tấn công chùa chiền, và sau khi đi được sâu hơn vào kế hoạch thỏa hiệp, ông Nhu mới công kích Mỹ trở lại bằng cách kết án CIA đã khuyến khích và yểm trợ Phật giáo, mặc dù ngược lại, trước đó chính ông đã từng tố cáo Phật giáo bị Cộng Sản điều động, và mặc dù chủ nhiệm sở CIA tại Sài Gòn đứng về phe chế độ Diệm). Và lời tuyên bố trên của Tổng thống Kennedy

cũng cho thấy Mỹ không muốn lật đổ chế độ Diệm, sẵn sàng thỏa mãn những đòi hỏi của anh em ông Diệm–Nhu.

Cuối tháng Năm năm 1963, sau vụ cấm treo cờ Phật giáo và bạo động tại Huế, biến cố Phật giáo trở thành một cuộc khủng hoảng lớn cho chế độ Ngô Đình Diệm. Những tin đồn về một cuộc đảo chánh để lật đổ ông Diệm và vợ chồng Nhu càng lúc càng gia tăng và càng công khai.

Ngay cả các quan sát viên của Vatican cũng đã mô tả chế độ này là chế độ thân phương Tây ngu xuẩn nhất... Các quan sát viên này đã tuyên bố một cách công khai mà không cần đến cả sự thận trọng tối thiểu của một nhân viên ngoại giao đoàn... Rõ ràng sự suy tàn của chế độ Diệm đang được đếm từng ngày, và Vatican muốn tách rời mọi liên hệ với chế độ này để khỏi đứng cùng phe với kẻ sắp bị bại trận [\[33\]](#).

Trong tháng Sáu năm 1963, những cuộc tự thiêu của các tăng sĩ Phật giáo và những cuộc biểu tình được lực lượng sinh viên học sinh tham gia đã làm cho tình hình Sài Gòn thêm căng thẳng. Lệnh giới nghiêm và đặt quân đội trong tình trạng báo động khiến cho ông Maneli đã phải gửi bản phúc trình tối mật sau đây cho Toà đại sứ Ba Lan và Nga Sô tại Hà Nội (mà không gửi cho ông Hà Văn Lâu):

Diệm và Nhu tập trung mọi nỗ lực để chống lại người Mỹ và Phong Trào Phật giáo. Các lực lượng mật vụ và công an đã dành nhiều thì giờ để theo dõi các me Mỹ hơn là để theo dõi Việt Cộng... Quân đội không được điều động ra chiến trường và bị hoán chuyển liên tục để đảm bảo an ninh cho gia đình họ Ngô. Việt Cộng hầu như bị quên lãng hẳn (the Viet Cong are practically forgotten)... Mặt trận Giải phóng Miền Nam đã không khai dụng cơ hội này tấn công quân chính phủ vì chính Hà Nội đã chưa muốn lật đổ Diệm và Nhu, Hà Nội cần kéo dài thêm thời gian sống sót của Diệm và Nhu để họ có thể đạt được một thoả hiệp với Hà Nội sau lưng người Mỹ...

Qua những tin tức đặc biệt mà tôi nhận được từ miền Bắc, thì một cuộc thảo luận Ngô-Hồ đã bắt đầu từ lâu rồi với sự giúp đỡ của người Pháp. Như tôi đã phúc trình, Phạm Văn Đồng và Xuân Thuỷ đã thúc giục tôi nên gặp Nhu. Khi được hỏi muốn tôi nhấn gì với Nhu không thì họ trả lời: “Ông có thể cho Nhu biết về lập trường của chúng tôi về vấn đề giao thương và hợp tác, hoà bình và thống nhất. Nhưng có một điểm chắc chắn là người Mỹ phải ra đi. Chỉ trên căn bản chính trị đó thì chúng tôi mới có thể thương thảo bất cứ về điều gì...” Phạm Văn Đồng còn nhấn mạnh rằng Hiệp ước Genève sẽ được dùng làm căn bản pháp lý và chính trị, nghĩa là không được có căn cứ quân sự của ngoại quốc và không có quân đội ngoại nhập.

Khi được hỏi Diệm và Nhu một ngày kia có bị bắt và xét xử trước toà án nhân dân không, Phạm Văn Đồng chỉ trả lời rằng “tất cả mọi vấn đề đều có thể thảo luận. Chúng tôi muốn chấm dứt đánh nhau, thiết lập hoà bình và thống nhất trên một căn bản thật thực tế. Chúng tôi rất thực tế” [\[34\]](#).

Trong khi đó thì vào đầu tháng 7 năm 1963, Đại sứ Lalouette được Tổng thống De Gaulle triệu hồi về Pháp để tham khảo.

Ông Lalouette trình bày cho Tổng thống Pháp biết những lý do khiến chế độ Sài Gòn muốn người Mỹ phải ra đi và tìm kiếm một thoả hiệp với Hà Nội. Muốn giải pháp đó thành công, chế độ Diệm chủ trương nhờ nước Pháp giúp đỡ. Phần trình bày của Đại sứ Lalouette phù hợp với lời trình bày của hai nhân vật Việt Nam (?) với ông Edmond Michelle về cái lợi của Pháp khi được “trở lại” Á Đông. Nhờ hai tiếng chuông đó mà Điện Elyseé chú ý, và vì thế mà Tổng thống Pháp đã quả quyết với ông Lalouette rằng ông đã đọc những báo cáo của ông Đại sứ, và ông đồng ý với sách lược do ông Đại sứ đề nghị. Tổng thống Pháp lập lại quyết định là sẽ làm mọi cách để giúp anh em nhà Ngô “đi con đường thống nhất và độc lập đất nước của họ”. Nước Pháp sẽ chứng tỏ cử chỉ đó khi cơ hội đến” [\[35\]](#).

Tôi còn nhớ rõ khi Đại sứ Lalouette từ Paris về được độ một tuần lễ thì ông Jean Francois Doudinot de la Boissière, đại diện của Pháp tại Hà Nội, lần đầu tiên từ 9 năm qua bay vào Sài Gòn ghé thăm Bộ ngoại giao, rồi vào dinh Gia Long liền. Võ Văn Hải, Nguyễn Đôn Duyệt và tôi theo dõi thật kỹ thì biết như lời Hải nói “ông Cù đã bị vợ chồng Nhu xỏ mũi nhờ Pháp làm trung gian để thỏa hiệp với Hà Nội”.

Ngày 27 tháng 4 năm 1963, trong một công điện mật gửi về Warsaw, Maneli cho biết các đại diện ngoại giao của khối ASEAN đã liên lạc mật thiết với ông và đặc biệt dò xem có thể có trường hợp chính quyền Nhu–Diệm hợp tác với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam để chống Mỹ không. Ông Maneli đã trả lời rằng:

... cuộc khủng hoảng hiện tại là do Mỹ và Diệm đã không tôn trọng Hiệp Ước Genève tổ chức bầu cử, do chính sách khủng bố của chính quyền, do **quyết tâm muốn Công giáo hóa Việt Nam bằng bạo lực (to convert Vietnam to Christianity by force)**, do chính sách kinh tế và xã hội thoái bộ, và cuối cùng là do sự thành công của Mặt Trận [\[36\]](#).

Ngày 14–8–1963, ông Maneli lại gửi một báo cáo về chuyến đi Hà Nội đầu tháng Tám:

Tôi xin nhắc lại lời tuyên bố của cả Hồ Chí Minh lẫn Phạm Văn Đồng: “Mục tiêu và nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng tôi là đuổi Mỹ. Rồi sau đó sẽ tính...” Rõ ràng đã có một sự đồng thuận tối mật (supersecret understanding) giữa Diệm-Nhu và Hà Nội. Nếu chưa có một thỏa hiệp chính thức thì ít nhất đã có một khế ước xã hội (contract social): lúc nào Diệm-Nhu còn chống Mỹ thì Hà Nội còn cho sống [\[37\]](#).

Cùng trong ngày 14 tháng 8 đó, một bản tin của Thông Tấn Xã Pháp (AFP) từ Hà Nội đánh đi đề cập đến một cuộc phỏng vấn ông Hồ Chí Minh của ký giả Cộng Sản Úc Wilfred Burchett trong đó “Hồ Chí Minh tuy công kích chế độ Diệm là sản phẩm của Hoa Kỳ như thường lệ, nhưng lại mập mờ cho rằng chỉ cần sự can thiệp của ngoại quốc chấm dứt là có thể đi đến ngưng bắn giữa Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và chính quyền miền Nam... để tạo điều kiện thương thuyết” [\[38\]](#).

Ngày 25–8–1963, ông Maneli nhận được giấy mời của Tân Bộ Trưởng Ngoại giao Trương Công Cừu tham dự một buổi tiếp tân tại Bộ. Buổi tiếp tân này có mặt cả ông Nhu lẫn Đại sứ Mỹ Cabot Lodge, và đó là lần đầu tiên ông Maneli gặp ông Nhu:

“Tôi đứng chung một nhóm với các Đại sứ thuộc khối Tây Âu và liếc nhìn Nhu. Mỗi lần như thế tôi lại thấy Nhu chăm chăm nhìn tôi. Đại sứ Ý Orlando và Khâm mạng Tòa Thánh Salvatore d’Asta giục tôi nhân cơ hội này mà gặp vị Cố vấn Chính trị của Tổng thống, tôi bèn trả lời sẵn sàng gặp nếu họ dàn xếp. Vị Khâm mạng Tòa sứ bèn đến nói với Nhu một hồi rồi cùng với Orlando, Lalouette và Goburdhun bắt đầu đi chuyển để tạo ra một vòng tròn mà trong đó, “tình cờ thay” Nhu và tôi đứng giữa. Vị Khâm mạng giới thiệu tôi với Nhu và chúng tôi bắt tay nhau” [\[39\]](#).

Vì là buổi gặp mặt bán chính thức trong một buổi tiếp tân công khai nên ông Nhu chỉ đề cập đến vấn đề một cách rất tổng quát. ông Nhu đã mở đầu câu chuyện bằng câu: “Nhu ông biết, Ba Lan là quốc gia được nhiều người Việt Nam biết đến nhất. Dĩ nhiên là sau nước Pháp” khiến cả bốn vị Đại sứ bao quanh đều chung hứng. Sau đó, ông Nhu nhẹ nhàng chuẩn bị cho chủ đề:

“Đất nước chúng tôi chưa bao giờ tự nhận mình là thuộc địa của Pháp dù chúng tôi đã lớn lên trong tinh thần của nền văn hóa Pháp... Bây giờ thì chúng tôi lưu tâm đến hòa bình và chỉ hòa bình mà thôi... Tôi tin rằng UHQT Kiểm Soát Đình Chiến có thể đóng, và cần đóng, một vai trò quan trọng trong việc văn hồi hòa bình tại Việt Nam... Chính phủ Việt Nam mong muốn được hoạt động trong tinh thần của Hiệp Ước Genève (The Vietnamese government wishes to act in keeping with the spirit of the Geneva Accords)” [\[40\]](#).

Sau đó, ông Nhu tỏ ý muốn tiếp tục cuộc thảo luận rất hứng thú với Maneli và cho biết sẵn sàng gặp khi nào ông Maneli muốn. Đại tá An, vị sĩ quan liên lạc, sẽ dàn xếp. Hai ngày sau, Đại tá An gọi điện thoại cho ông Maneli để dàn xếp một cuộc gặp gỡ với ông Nhu lúc 10 giờ sáng ngày 2 tháng 9. Ông Maneli bèn thông báo cho Warsaw, Tòa đại sứ Nga tại Hà Nội, và Bắc Việt biết ngay. Đại sứ Nga tỏ ra rất quan tâm đến buổi gặp mặt này và yêu cầu phúc trình đầy đủ nội dung cuộc gặp gỡ. Riêng ông Hà Văn Lâu thì trả lời liền: “Các đồng chí lãnh đạo đề nghị nên lắng nghe thật kỹ càng và không hứa hẹn điều gì, ngoài việc bày tỏ thiện chí của đồng chí muốn mọi hành động phải nằm **trong khuôn khổ của Hiệp Ước Genève**. Xin gửi gấp chi tiết buổi gặp gỡ ngay sau đó”.

Tối hôm trước buổi gặp gỡ, Đại sứ Lalouette mời ông Maneli đến tư dinh và cho biết tối đó người Mỹ sẽ tổ chức một cuộc đảo chánh Diệm Nhu. Đại sứ Lalouette cũng cho biết đã từng khuyến cáo Đại sứ Hoa Kỳ Cabot Lodge và Đại sứ Đức Von Wentlandt rằng không nên lật đổ ông Diệm, vì ông Diệm là hy vọng cuối cùng để Việt Nam có hòa bình.

“Nếu Diệm và Nhu bị lật thì tất cả kế hoạch của chúng ta nhằm chấm dứt chiến tranh và tiến đến một thỏa hiệp với miền Bắc sẽ ra mây khói... Diệm-Nhu không có gì tốt cả, những hành động của họ mới đây thật là kinh khủng, nhưng bây giờ chúng ta chỉ có họ là chống Mỹ thôi” [41].

Tuy nhiên, tối đó đã không có đảo chánh vì đã không có một cuộc binh biến nào do Mỹ tổ chức, và riêng về phía Việt Nam thì những vận động để lật đổ chế độ Diệm vẫn trong giai đoạn tiến hành nhằm kết hợp thành một lực lượng rộng lớn hơn và chặt chẽ hơn.

Ngày 2 tháng 9, ông Nhu viết một bài trên tờ *Times of Vietnam* tố cáo CIA “âm mưu lật đổ chế độ hợp pháp tại Việt Nam” để công khai và quyết liệt hơn bày tỏ chủ trương chống Mỹ của Diệm-Nhu. Maneli đến gặp ông Nhu lần thứ nhì tại dinh Gia Long trong cái không khí ngột ngạt đó của Sài Gòn. Trước hết ông Nhu trình bày triết lý chính trị của ông một cách rất mơ hồ về bản chất chính trị và tâm linh của cuộc chiến tại Việt Nam, vì theo ông Nhu cuộc chiến không phải chỉ đơn thuần là một cuộc tranh chấp Quốc Cộng. Chủ nghĩa tư bản chỉ có giá trị cho đến thế kỷ thứ 19, sau đó thì không còn dùng được nữa. ông Nhu chấp nhận một số luận đề Mác Xít ngoại trừ duy vật sử quan và vô sản chuyên chính. Theo ông Nhu, sự mâu thuẫn giữa những người theo chủ nghĩa nhân vị tại Sài Gòn và những người Cộng Sản tại Hà Nội không liên hệ gì đến quyền tư hữu trong chủ nghĩa tư bản mà liên hệ đến những giá trị tinh thần, và ông Nhu nhấn mạnh:

Tôi là một người theo biện chứng Hegelian và tôi đồng ý với kết luận của Marx: nhà nước phải biến mất [42].

Sau phần độc thoại mông lung và dài dòng đó, ông Nhu mới bắt đầu đi thẳng vào chủ đề của buổi nói chuyện, là ông Nhu không chống lại việc thương thảo và hợp tác với miền Bắc (“*I am not against negotiations and cooperation with the North*”) và hy vọng với tư cách cũng như nhiệm vụ của một thành viên trong Ủy hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến, ông Maneli có thể đóng một vai trò tích cực.

Sau khi được ông Maneli nhận lời, ông Nhu cho biết hiện nay chưa thuận tiện để trực tiếp gặp cấp lãnh đạo Hà Nội nhưng trong tương lai gần thì mọi sự sẽ dễ dàng hơn. Và buổi gặp mặt chấm dứt ở đó.

Ra khỏi dinh Gia Long, ông Maneli đến gặp Đại sứ Pháp Lalouette ngay, và sau khi kể lại nội dung buổi gặp mặt với ông Nhu, ông Lalouette có vẻ bồn chồn vì không thấy có gì cụ thể. Khi nói đến đoạn triết lý ông Nhu chống chủ nghĩa tư bản, Lalouette đã nhận định: “Nhu vẫn mang ảo tưởng là có thể tiến đến một sự cảm thông với Lodge. Nhu đã không muốn chặt cầu. Nếu Nhu không bỏ ảo tưởng này thì sẽ thất bại. Nhu đã làm một lỗi lầm rất bi thảm...” Đại sứ Lalouette cũng đồng ý với ông Maneli rằng chế độ Diệm bị cả thế giới khinh ghét nhưng “nếu chúng ta muốn tiến đến hòa bình thì không còn giải pháp nào nữa” [43].

Hai ngày sau đó, ông Maneli gửi một báo cáo dài, trình bày mọi chi tiết của buổi gặp gỡ ông Nhu cho Bộ Ngoại Giao Ba Lan, Đại sứ Nga Tovmassian tại Hà Nội và ông Hà Văn Lâu. Nhưng trong khi hai ông Tovmassian và Hà Văn Lâu tỏ ra đặc biệt quan tâm và yêu cầu ông Maneli đi Hà Nội gấp thì Bộ Ngoại giao Ba Lan lại gửi công điện cấm ông Maneli từ đây không được gặp ông Nhu nữa và chấm dứt mọi hoạt động liên hệ đến công tác này [\[44\]](#).

Là người đóng một vai trò quan trọng trong âm mưu thỏa hiệp giữa Sài Gòn và Hà Nội trong chín tháng cuối cùng của chế độ Ngô Đình Diệm, sau này (năm 1971) khi hồi tưởng lại, ông Maneli đã có những nhận định như sau về giai đoạn đó:

- Âm mưu này đã được phát động từ lâu và do chính ông Nhu khởi xướng.
- Pháp và Ấn Độ là hai quốc gia đầu tiên được ông Nhu liên lạc nhờ làm trung gian, sau đó ông Nhu có nhờ sự yểm trợ của Tòa thánh Vatican nữa.
- Các cường quốc liên hệ đến Việt Nam đều chống đối âm mưu này: Nga và Tàu vì muốn cho Mỹ bị sa lầy trong cuộc chiến tại Việt Nam, và Hoa Kỳ vì muốn xây dựng một chế độ chống Cộng tại Đông Nam Á.

- Hà Nội không bị đặt vào cái thế phải thỏa hiệp và lại càng không có lý do để thỏa hiệp với một chế độ chống Cộng và thân Mỹ. Toàn bộ kế hoạch đó chỉ nhằm âm mưu gây mâu thuẫn giữa chế độ Diệm và Mỹ, giữa các lực lượng tại miền Nam để Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam lớn mạnh thêm hầu có thể chiến thắng bằng một giải pháp quân sự.

- Riêng đối với chế độ Ngô Đình Diệm, ông Maneli cho rằng khi tiến hành âm mưu này, các cấp lãnh đạo đã nghĩ đến chính họ nhiều hơn là đến miền Nam. Ba sai lầm lớn là (1) ông Nhu đã không biết gì về Cộng Sản, đặc biệt là giới lãnh đạo Cộng Sản tại Hà Nội; (2) là nhờ Pháp làm trung gian; và cuối cùng là (3) đánh giá sai phản ứng của Mỹ khi “blackmail” quốc gia này. Ngoài ra, theo ông Maneli, ông Nhu đã sống trong ảo tưởng, không biết gì về thực tế của miền Nam mà khuynh hướng và lực lượng chính trị chống Cộng của nhân dân Việt Nam là một sự thật không chối cãi được.

“Cấp lãnh đạo của chế độ Diệm-Nhu đã bị bệnh cận thị nặng nề mà tôi có thể so sánh với căn bệnh của giới lãnh đạo Cộng Sản loại Stalinist” (The leaders of the Diem-Nhu regime suffered from definite myopia which I might compare with the myopia of the Stalinist-type Communist leaders) [\[45\]](#).

Việc ông Maneli bị chấm dứt vai trò liên lạc nếu chỉ là một trở ngại kỹ thuật trong âm mưu thỏa hiệp của chính phủ Sài Gòn, thì riêng đối với ông Nhu nó lại là một dấu hiệu cho thấy sự can dự của các thế lực Nga và Mỹ càng lúc càng mạnh, có thể phá vỡ âm mưu của ông. Vì vậy từ cuối tháng 9 năm 1963, ông dồn hết mọi nỗ lực vào kế hoạch tổ chức một cuộc binh biến để chính thức thay ông Diệm hầu tiến hành những biện pháp sắt đá hơn trong việc kiểm soát các lực lượng chống đối và nhất là hầu có thể chấm dứt những “phá hoại” của người Mỹ.

Kế hoạch đó được gọi là kế hoạch *Bravo* và dự định được tổ chức vào cuối tháng 10, ngay sau ngày Quốc Khánh. Ông Nhu định lấy Lực Lượng Đặc Biệt của Lê Quang Tung làm chủ lực, giả vờ bắt cóc ông Diệm và Nhu đem xuống Vũng Tàu, rồi sau đó điều động một số đơn vị do các sĩ quan Cần Lao Công giáo của Sư đoàn 5 (Biên Hòa) và Sư đoàn 7 (Mỹ Tho) chỉ huy, để phối hợp với một vài lực lượng không tác chiến của các Nha, Sở tại Thủ đô, và Thanh Niên Cộng Hòa, Phụ Nữ Bán Quân Sự. Các lực lượng này sẽ tạo một cuộc đảo chánh giả chống chính phủ không Tổng thống tại Sài Gòn với đòi hỏi “chấm dứt chiến tranh”, “yêu cầu Mỹ về nước”, và “yêu cầu anh em ông Diệm tiếp tục cầm quyền để thực hiện hai nguyện vọng của toàn dân”.

Ông Nhu sẽ giả vờ dùng thể nhân dân để đuổi Mỹ và để thỏa hiệp với Cộng Sản Hà Nội cho có vẻ chính nghĩa. Ông Nhu cũng ra lệnh cho các đảng viên Cần Lao giả vờ hạ ảnh của ông Diệm tại vài nơi công cộng xuống, để lại lợi dụng thể nhân dân mà lên cầm quyền hầu có thể với tư cách là Tổng thống của miền Nam, tự do và toàn quyền đuổi Mỹ để thỏa hiệp với ông Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, vì một phần của kế hoạch ông Nhu phải thông báo cho tướng Tôn Thất Định là người mà ông Nhu tin tưởng và lúc bấy giờ đang là Tổng trấn Sài Gòn Gia Định nắm hết mọi lực lượng an ninh và Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến tại Thủ Đô, nên khi Định quyết định theo lực lượng Cách Mạng thì Định đã tìm cách kéo dài âm mưu đảo chánh của ông Nhu để tiếng súng Cách mạng ngày 1-11-1963 được nổ trước và chấm dứt không những kế hoạch thỏa hiệp với Cộng Sản của ông Nhu, mà còn chấm dứt vĩnh viễn cả chế độ phân bội miền Nam của Diệm-Nhu nữa. Vài ngày sau khi Cách mạng 1-11-1963 thành công, trong một cuộc họp báo, tướng Định tuyên bố rõ ràng về âm mưu bắt tay với Hà Nội do trung gian của Maneli mà chính vị Trưởng phái đoàn Ba Lan đã ghi nhận được. Theo ký giả Karnow trong “*Viet Nam: A History*” (trang 292) thì sau này, bà Nhu còn tiết lộ việc bà ta đã dự định cho hai đứa con của bà ta ra sống tại Hà Nội để làm con tin (fraternal gesture) trong âm mưu thỏa hiệp với Cộng Sản của anh em chồng bà ta.

-o0o-

Suy nghiệm về toàn bộ ý đồ và kế hoạch thỏa hiệp với Cộng Sản của hai anh em Nhu-Diệm trong những năm cuối cùng của chế độ, ta thấy nổi bật lên ba vấn đề quan trọng sau đây:

1. Trước hết là quyết định của ông Nhu thỏa hiệp với Cộng Sản miền Bắc.

Hòa bình và thống nhất đất nước đúng là nguyện vọng tha thiết nhất của toàn dân và phải là nhiệm vụ hàng đầu của mọi chánh phủ miền Nam. **Nhưng không phải Hòa Bình nào cũng được, Thống Nhất dưới chế độ nào cũng được.** Một nền Hòa bình què quặt tạm bợ trong một đất nước thống nhất dưới sự lãnh đạo chuyên chính của đảng Cộng Sản Việt Nam chắc chắn không phải là ước mơ của nhân dân miền Nam, lại càng không phải là mục tiêu của những chánh phủ mà dân chúng miền Nam ủng hộ.

Năm 1954, gần một triệu người miền Bắc di cư vào Nam. Năm 1955, dân chúng bỏ phiếu tín nhiệm chánh phủ Ngô Đình Diệm, và suốt chín năm, quân dân miền Nam đổ xương máu chống lại Cộng Sản, đã là những tuyên ngôn chính trị minh bạch về lập trường chống Cộng của nhân dân miền Nam. Do đó, nếu có thống nhất thì chính Nam quân phải tiến về giải phóng đất Bắc và nếu có hòa bình thì phải là một nền hòa bình sau chiến thắng hoặc sau một cuộc thương thảo mà ta nắm ưu thế. Nhưng với sự đui mù chính trị vì chủ quan và kiêu căng, trong sự quần bách chính trị vì tứ bề thọ địch, ông Nhu đã không thấy những điều đó mới dựa vào những lý thuyết không tưởng và những chủ lực không có thật để định âm mưu thống nhất đất nước bằng ngõ tắt và sống chung hòa bình với kẻ thù.

Ông Nhu lại cũng không biết, không hiểu đúng đắn về Cộng Sản, về lực lượng Cộng Sản quốc tế, về tập đoàn lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam tại miền Bắc. Khi một tổ chức sắt thép như đảng Cộng Sản Việt Nam đã đặt ưu tiên *giải phóng miền Nam* lên trên chính sách tối cần thiết là *xây dựng miền Bắc*, đã hy sinh bao nhiêu xương máu trong 10 năm trời để oanh liệt chiến thắng đạo quân viễn chinh Pháp, chiếm được một nửa nước, đã tin vào chủ nghĩa gọi là bách chiến bách thắng Mác-Lê, đã đặt quyền lợi dân tộc dưới quyền lợi của vô sản quốc tế... thì không có một lý do gì để họ có thể thỏa hiệp và san sẻ đất nước với một chế độ (dù ông Nhu có gọi đó là chế độ xã hội nhân vị!) mà họ đã từng kết án là tay sai của đế quốc Mỹ. Vả lại, tương quan lực lượng chính trị cũng như quân sự lúc bấy giờ đã cho họ những ưu thế mà chỉ cần tiếp tục khai dụng là có thể tiến đến thắng lợi cuối cùng trong một tương lai gần. **Hà Nội chỉ cần Diệm-Nhu đuổi Mỹ là coi như chiếm được miền Nam rồi.**

Ông Nhu đã không thấy được những điều rất cơ bản, rất cốt lõi nhưng cũng rất rõ ràng và rất cụ thể đó nên mới định dâng phần đất tự do còn lại của Việt Nam cho Cộng Sản. May mà tiếng súng cách mạng

của quân đội và nhân dân miền Nam kịp thời đập tan âm mưu này để từ đây cải tạo và vong quốc tị nạn đã không xảy ra từ thập niên 60!

Nếu chế độ Diệm đã tự do dân chủ hơn, nếu chế độ Diệm đã có khả năng quản trị đất nước hơn, và nếu riêng anh em nhà Ngô không độc tài độc tôn, chủ quan mù quáng thì miền Nam hẳn đã đủ cường thịnh để tính chuyện thống nhất đất nước một cách có chủ động, có ưu thế (như những nỗ lực của Nam Hàn, Tây Đức bây giờ), và ông Nhu đã không phải đền tội một cách đích đáng trước dân tộc và lịch sử.

2. Thứ nhì là kế hoạch thỏa hiệp của ông Nhu.

Kế hoạch của ông Nhu chủ yếu lấy bốn sức mạnh sau đây để bảo đảm sự an toàn và thành tựu của nó: **1.** Sự đồng thuận với tập đoàn lãnh đạo Hà Nội về chống Mỹ và về một mô thức xây dựng quốc gia theo chủ nghĩa xã hội. **2.** Sức mạnh nội tại của miền Nam. **3.** Quyết tâm chống Cộng, không bỏ rơi miền Nam của Mỹ. **4.** Sự bảo đảm quốc tế của Pháp và Vatican.

- Về sự đồng thuận với Cộng Sản Hà Nội, ta thấy rõ từ đầu cho đến cuối, Hà Nội đã chẳng một bầy sập và lừa dối cho ông Nhu vào tròng. Ý đồ và hành động của Hà Nội là phải đuổi Mỹ - kẻ thù nguy hiểm nhất - ra khỏi miền Nam và tạo mâu thuẫn không hàn gắn được giữa Nhu-Diệm và nhân dân miền Nam. Một khi Mỹ đi rồi, miền Nam bị xé nát vì mâu thuẫn thì Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam sẽ dư cả sức mạnh chính trị lẫn quân sự để cướp chính quyền với sự yểm trợ mọi mặt của Hà Nội.

Ông Nhu không thấy được chiếc bẫy sập chính trị ghê gớm đó, ông đã mang ảo tưởng về một bản chất dân tộc của người Cộng Sản, mang ảo tưởng về một chủ nghĩa xã hội mơ hồ mà ông nghĩ là cũng phát xuất từ hệ tư tưởng Marx-Hegel, do đó người Cộng Sản có thể chia sẻ quan điểm, nên ông đã mù quáng chui vào chiếc bẫy của chính mình vốn đã nằm gọn trong chiếc bẫy lớn hơn của Cộng Sản Hà Nội.

Ông Nhu cứ tưởng chống Mỹ hung hăng là Hà Nội sẽ hài lòng, cứ tưởng đuổi Mỹ là sẽ được Hà Nội đối xử như người anh em mà không nhớ rằng, dù chỉ trên mặt hình thức mà thôi, Hà Nội vẫn lấy các điều khoản của Hiệp Ước Genève làm cơ sở thỏa hiệp. Mà cơ sở đó là gì nếu không phải là những điều kiện thuận tiện dọn đường cho Hà Nội chiếm lấy miền Nam, một miền Nam không có Mỹ yểm trợ, một miền Nam mà dù ông Nhu có bầu cử gian lận vẫn thất bại trong một cuộc tổng tuyển cử toàn quốc. Nhưng đó chỉ là nói về mặt hình thức vì ai cũng biết rằng từ năm 1956 trở đi, khi ông Diệm được Mỹ giúp vi phạm Hiệp Ước Genève thì Hà Nội chỉ còn một chọn lựa và một chọn lựa mà thôi: giải phóng miền Nam bằng võ lực.

Cho nên sức mạnh thứ nhất của kế hoạch do ông Nhu thiết kế chỉ là một ảo tưởng. Hơn cả một ảo tưởng, nó là một sự trì trệ về ý thức chính trị, một sự bệnh hoạn về khả năng nhận định của ông Nhu, một người được các phần tử Công Giáo Cần Lao muối mặt xưng tụng là Trương Lương của thời đại!

- Về sức mạnh nội tại của miền Nam thì ông Nhu trông cậy vào lực lượng Cần Lao Công Giáo đang điều động các bộ phận khác của dân tộc. Ông Nhu tưởng đảng viên Cần Lao trung kiên với ông vì lý tưởng và đồng đạo, mà không ngờ rằng sự trung kiên đó chỉ được thành hình vì đặc quyền đặc lợi và vì những thủ đoạn bạo quân bạo trị. Ông Nhu tưởng đảng viên Cần Lao nắm được các tổ chức nhân dân như Thanh Niên và Thanh Nữ Cộng Hòa, như Liên Đoàn Công Chức và Hội Phụ Nữ Liên Đới, như quân đội và Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia. Ông Nhu không biết rằng chẳng những đảng viên Cần Lao đã không nắm được các tổ chức đó vì tư cách thối nát và lối hành xử hung thần của chúng, mà dù có nắm được thì tự thân các tổ chức đó cũng không có chức năng của một lực lượng đấu tranh. Các tổ chức của ông Nhu và vợ chỉ có tính cách trang trí cho chế độ một cách phí phạm: công chức thì thụ động, quân đội thì đầy mâu thuẫn và căm phẫn. Đó là chưa nói đến các bộ phận khác của dân tộc như đảng phái, tôn giáo (ngoại trừ Công giáo), trí thức... đều sẵn sàng lật đổ ông Nhu ngay lúc đó chứ đừng nói đợi đến khi ông Nhu thỏa hiệp với Cộng Sản.

Cả miền Nam, ông Nhu chỉ còn đảng Cần Lao Công Giáo, những tổ chức mật vụ, Lực lượng Đặc biệt có võ trang, một vài đơn vị quân đội thuần Công giáo quá khích và một vài họ Đạo ở gần đô thành là

sẵn sàng xả thân không điều kiện cho ông Nhu. Nhưng ông Nhu đã nhìn sức mạnh của nhân lực miền Nam qua cái số lượng ít ỏi đó rồi, trong tháp ngà và với bệnh chủ quan, phóng đại ra thành nhân lực cả nước.

Cũng về sức mạnh nội tại của miền Nam, ông Nhu đã đánh giá nhằm những thành quả của quốc sách Ấp Chiến Lược, của Khu Dinh Điền,... mà không biết rằng những thành quả đó chỉ hời hợt bề ngoài còn bên trong đã bị ruỗng nát vì hệ thống tham nhũng, vì những bất công thối nát. Những kế sách nhắm về nông thôn đó đã bị Việt Cộng vô hiệu hóa, và nông thôn đã bị Việt Cộng kiểm soát từ lâu.

Sức mạnh nội tại của miền Nam, thật sự, nằm trong quyết tâm đấu tranh của nhân dân miền Nam. Đấu tranh chống Cộng Sản để bảo vệ miền Nam tự do, đấu tranh chống thiên nhiên để xây dựng đất nước, đấu tranh chống mọi thách thức để xây dựng một chế độ dân chủ và hữu hiệu. Nhưng chế độ Ngô Đình Diệm đã không tranh thủ được quyết tâm đó của nhân dân lại biến cái quyết tâm đó thành ra quyết tâm chống chế độ. Một quốc gia mà muốn thay đổi Tổng thống, cấp lãnh đạo phải dùng đến thủ đoạn “đảo chánh giả” thì cơ sở pháp lý còn giá trị gì nữa, hiến pháp còn giá trị gì nữa, lòng dân còn giá trị gì nữa!

Cho nên sức mạnh thứ nhì của kế hoạch do ông Nhu thiết kế, đáng lẽ là quyết tâm của toàn dân thì thực sự lại chỉ là một lực lượng mật vụ võ trang và một thiểu số bộ phận thối nát và quá khích. Lấy sức mạnh đó ra để trả giá và bảo đảm cho việc Hà Nội phải thi hành nghiêm chỉnh một thỏa hiệp chưa thành hình thì quả thật ông Nhu đã đến nước liều, đánh ván bài hại dân mà không cần biết đến những hậu quả gì sẽ xảy đến cho nhân dân miền Nam Việt Nam.

- Về suy luận rằng Mỹ chống Cộng nên sẽ không bỏ rơi miền Nam, ta thấy điều đó không phải là ông Nhu hoàn toàn sai lầm. Thật vậy, cho đến cuối tháng 8 năm 1963 (nghĩa là cho đến ngày ông Nhu hung bạo tấn công các chùa chiền và bắt giam các tăng sĩ Phật giáo) dù liên hệ Việt-Mỹ đã trở nên rất căng thẳng vì những hành động và những lời tuyên bố của ông Nhu, dù tình báo Mỹ đã khám phá ra âm mưu của ông Nhu muốn thỏa hiệp với Cộng Sản, chính quyền Kennedy vẫn chưa có ý định ủng hộ một cuộc thay đổi cấp lãnh đạo tại miền Nam Việt Nam.

Nhưng điểm sai lầm căn bản nhất của ông Nhu là đã không nhận định được sự vận hành của một cường quốc. Một cường quốc thì phải đặt chính sách ngoại giao trong một quan điểm toàn cầu và dài hạn. Ngăn chặn Cộng Sản (containment) là triết lý ngoại giao chỉ đạo mọi sách lược của Hoa Kỳ lúc bấy giờ, và giúp Việt Nam trở thành một tiền đồn chống Cộng hay yểm trợ ông Diệm (năm 1953) về nước chống Cộng chỉ là những thể hiện có tính cách chính sách của triết lý ngoại giao đó mà thôi. Cho nên dù chế độ Diệm-Nhu có độc tài, tham nhũng, thì trong quá khứ Mỹ vẫn ủng hộ và sẽ còn ủng hộ mãi cho đến khi Diệm-Nhu không chống Cộng nữa hoặc làm lợi cho Cộng thì Mỹ mới can thiệp, vì làm lợi cho Cộng là đi ngược lại với cái triết lý ngoại giao chỉ đạo đó.

Sự can thiệp đó có thể là chấm dứt tư cách đồng minh, có thể là vận động để thay thế bằng cấp lãnh đạo mới. Ông Nhu không thấy rằng Mỹ giúp *miền Nam* chống Cộng chứ không phải chỉ giúp *riêng một gia đình họ Ngô* chống Cộng, cho nên cứ đinh ninh là có thể làm “chantage” Mỹ được. Ông Nhu cứ tưởng rằng đối với Mỹ thì trong 15 triệu dân miền Nam chỉ có gia đình họ Ngô là có quyết tâm và có khả năng chống Cộng mà thôi nên muốn yêu sách gì cũng được. Và Mỹ đã không giải kết khỏi miền Nam trong năm 1963 đó, nhưng đã bỏ rơi gia đình họ Ngô.

Ông Nhu đã nhận định đúng một nửa, là Mỹ không bỏ rơi miền Nam, nhưng nửa còn lại thì ông đã sai một cách thâm hiểm vì Mỹ sẵn sàng bỏ gia đình họ Ngô để yểm trợ cho một thành phần lãnh đạo mới. Ngoài ra, ông Nhu cũng không thấy rằng dù Hà Nội có thật tâm muốn thỏa hiệp để đuổi Mỹ chẳng nữa thì hai đế quốc Cộng Sản Nga-Tàu vẫn muốn cắm chân Mỹ trong một chiến trường dai dẳng để không những bị tiêu hao uy tín chính trị và khả năng lãnh đạo Khối Tự Do của Mỹ, mà còn làm suy nhược Hà Nội, một chư hầu trong quỹ đạo của họ.

Và lại, dù ông Nhu có thật sự chống Mỹ đi nữa thì đối với cấp lãnh đạo Hà Nội, tư cách tay sai và hành động tay sai của chế độ Ngô Đình Diệm đã là một tư cách không thay đổi được nữa. Chế độ “*Mỹ-Diệm*”, Mặt Trận “*Dân Tộc*” hai từ ngữ đó đã nói lên rõ ràng và dứt khoát sự đánh giá của Cộng Sản Việt Nam đối với chế độ Ngô Đình Diệm. Thế mà ông Nhu vẫn mơ tưởng hão huyền !

- Về sự bảo đảm quốc tế của Pháp và Vatican, ta lại càng thấy rõ ràng hơn tính chủ quan và thiên cận trong con tính chính trị của ông Nhu. Đánh rằng mọi bang giao quốc tế đều đặt trên căn bản lưỡng lợi, nhưng khi nhờ Pháp dính dự vào kế hoạch của mình, ông Nhu quên rằng chính sách của Pháp lấy **toàn bộ Việt Nam** (cả Bắc lẫn Nam) làm đối tượng, còn ông Nhu thì **chỉ lấy miền Nam** làm đối tượng mà thôi. Điều đó có nghĩa là Pháp cũng muốn có những liên hệ tốt với miền Bắc để nếu cần thì hy sinh một số cam kết với miền Nam. Trong âm mưu thỏa hiệp này, Pháp cần Hà Nội hơn cần Sài Gòn, và Pháp cần Hà Nội hơn Hà Nội cần Pháp.

Thật vậy, sau năm 1954, tại miền Nam, Pháp vẫn duy trì được các cơ sở kinh tế, văn hóa và xã hội, trong khi ở miền Bắc hệ quả của cuộc chiến tranh Pháp-Việt vẫn chưa cho phép Pháp đặt được một bộ phận ngoại giao (chứ đừng nói đến văn hóa và kinh tế) vững vàng nào. Đã vậy, để phản ứng lại ảnh hưởng và uy thế của Mỹ tại miền Nam, ta còn thấy Pháp gián tiếp yểm trợ cho miền Bắc: các cơ sở văn hóa, kinh tế, các đồn điền, các dịch vụ thương mại... đều có liên hệ đến hệ thống tình báo của Pháp nhằm yểm trợ cụ thể cho Việt Cộng. Ngoài ra, không những De Gaulle đã yểm trợ cho chính sách chống phá Việt Nam Cộng Hòa của Sihanouk mà ngay tại thủ đô Paris, ông ta đã dành mọi dễ dàng cho đại diện Hà Nội, cho đại diện Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam tự do hoạt động để bôi nhọ chính nghĩa của miền Nam trước công luận quốc tế.

Chính sách của Pháp về Đông Dương đã được Tổng thống De Gaulle công khai tuyên bố vào năm 1962 tại Phnom Penh, lấy Hiệp định Genève 1954 làm căn bản. Hiệp định đó phản ánh đầy đủ lập trường của chính quyền Pháp: đẩy ảnh hưởng Mỹ ra khỏi Việt Nam, thống nhất hai miền bằng tổng tuyển cử, trung lập hóa toàn bán đảo Đông Dương. Ai cũng thấy lập trường đó gián tiếp mở đường cho cấp lãnh đạo Hà Nội trở thành cấp lãnh đạo của toàn nước Việt Nam. Và ai cũng thấy nhờ một quốc gia có lập trường như thế đóng vai trung gian cho một âm mưu thỏa hiệp thì chẳng khác gì mở cửa cho cướp vào nhà. Ta còn nhớ năm 1975, Đại sứ Pháp Merillon đã đóng đúng vai trò của Đại sứ Lalouette của năm 1963, cũng nhận làm trung gian cho hai phe đối nghịch như chính sách của Pháp hơn 10 năm trước, để cuối cùng một số lực lượng của Việt Nam Cộng Hòa và Pháp đều bị Cộng Sản Việt Nam đánh lừa vào phút chót.

Chính sách của Pháp là như thế, ý đồ của Cộng Sản là như thế, cho nên thỏa hiệp với Cộng Sản đã là phản động rồi, lại còn nhờ Pháp làm trung gian nữa thì đúng là ông Nhu vừa phản động vừa xuân động!

Nhưng riêng hành động nhờ Tòa thánh Vatican dính dự vào âm mưu thỏa hiệp với Cộng Sản thì ông Nhu đã tỏ ra có ý thức chính trị. Trước hết về mặt tầm vóc, lực lượng Cộng Sản và Giáo hội Công giáo đều có tính quốc tế, **người đảng viên Cộng Sản và người tín đồ Công giáo đều là những người đặt vấn đề quốc tế trên vấn đề quốc gia**, một bên hướng về Điện Cẩm Linh, một bên hướng về Tòa Thánh La Mã. Thứ hai là Tòa Thánh La Mã không những có giáo quyền mà thế quyền nhiều khi còn mạnh hơn với những ảnh hưởng chính trị và kinh tế toàn cầu. Thứ ba là nhìn lại quá trình lịch sử ngoại giao của Tòa thánh, ta thấy không phải là một mà đã rất nhiều lần, **Tòa Thánh đã sẵn sàng thỏa hiệp với mọi lực lượng, kể cả những lực lượng phản động và phi nhân nhất, miễn là bảo toàn được quyền lợi của Giáo hội hoặc của con chiên**. Không cần phải trở lại quá khứ xa xăm, từ Đệ nhị Thế chiến đến nay, bắt đầu bằng Giáo Hoàng Pie XII thỏa hiệp với Phát xít Đức Hitler và Phát xít Ý Mussolini (mà quốc gia Do Thái hiện nay đang lần lượt phanh phui mọi bí ẩn), cho đến gần đây Giáo Hoàng John Paul II thỏa hiệp với chính quyền Cộng Sản Ba Lan của tướng Jaruzleski để làm tê liệt “Công Đoàn Đoàn Kết” của lãnh tụ Walesa, ta cũng thấy Tòa Thánh La Mã quả thật có chính sách và có khả năng để làm trung gian mọi thỏa hiệp. Trong vụ Ba Lan, “chuyến viếng thăm Ba Lan của Giáo Hoàng và sự rút lui khó hiểu của vị lãnh tụ Công Đoàn Đoàn Kết

Lech Walesa đã làm mờ đi những diễn biến quan trọng... Lời tuyên bố rằng Giáo Hội và chính quyền đang sửa soạn một nền móng để giúp cho nền nông nghiệp Ba Lan là vấn đề mấu chốt. Thật là lạ lùng khó tin khi biết rằng Giáo hội Công giáo La Mã và cấp lãnh đạo Cộng Sản tại vị lại hợp tác với nhau trong lãnh vực sống chết nhất của nền kinh tế Ba Lan [46]. Huống chi vào lúc mà ông Nhu muốn thỏa hiệp với Hà Nội thì Giáo Hoàng Paul VI lại là Giáo hoàng thân Cộng Sản, chắc chắn ông sẽ đứng về phe Cộng Sản chứ không phải đứng về phe miền Nam chống Cộng.

Nhờ một thế lực có cả ba yếu tố: Quốc tế, Chính trị và có truyền thống thỏa hiệp, lại vốn là thế lực đã từng mở đầu cho chế độ, ông Nhu đã tính rất đúng. Tiếc rằng âm mưu của ông không thành hình để xem kết quả đó lợi cho Giáo hội Công giáo hay lợi cho dân tộc Việt Nam? Hay lợi cho Cộng Sản!

3. Những hệ quả của kế hoạch thỏa hiệp với Cộng Sản của ông Nhu.

– Hệ quả đầu tiên là trong hơn một năm trời (kể từ 1963 mà thôi) cấp lãnh đạo miền Nam đã không chống Cộng, đã để 12 tháng trời cho lực lượng Việt Cộng được dễ dàng phát triển. Và cũng trong 12 tháng đó, dĩ nhiên cấp lãnh đạo miền Nam, như một hệ luận tất yếu, phải tiêu diệt ý chí và khả năng chống Cộng của những lực lượng quốc gia chống lại âm mưu này. Mười hai tháng có thể là ngắn trong cuộc chiến Quốc Cộng 30 năm, nhưng 12 tháng của năm 1963 lại có giá trị sinh tử vì chúng nằm trong cơn trở mình nhiều sơ hở nhất của miền Nam.



Đại sứ Cabot Lodge và TT Ngô Đình Diệm

- Hệ quả thứ hai là để lại một ám ảnh sâu sắc và tiêu cực trong mỗi bang giao Việt-Mỹ cho những chính phủ kế tiếp. Đối với người Mỹ, ngoài ấn tượng không tốt về giới lãnh đạo Việt Nam xuyên qua chế độ Ngô Đình Diệm là chế độ mà họ đã đặt nhiều kỳ vọng nhất, từ đó trở đi họ phải luôn luôn xét lại chính sách đồng minh, đến nỗi sự xét lại đó nhiều lúc gây ra những phản ứng quá độ, làm vi phạm đến chủ quyền của miền Nam. Đối với các chính phủ Việt Nam kế tiếp – mà đa số là chính phủ quân nhân – tội ác thỏa hiệp với Cộng Sản của chế độ Diệm-Nhu đã làm cho họ mang mặc cảm và trở thành mù quáng trong sách lược đấu tranh chống Cộng. Chống Cộng đáng lẽ phải là một mắt xích trong toàn bộ chính lược phát triển quốc gia thì lại trở thành cứu cánh cuối cùng.

- Hệ quả chính trị thứ ba là Cộng Sản Hà Nội đã qua kế hoạch này – dù cuối cùng không thực hiện được – đánh giá được đúng đắn hơn những nhược điểm của miền Nam. Từ giai tầng lãnh đạo đến tương quan lãnh tụ quần chúng, từ vai trò của người Mỹ đến bản chất của liên hệ Việt-Mỹ, từ các mâu thuẫn giữa các thành phần nhân dân đến các mâu thuẫn của các lực lượng chính trị tại miền Nam... Sự đánh giá thêm đúng đắn đó đã phần nào giúp họ khai thác được những sơ hở của các lực lượng trong cũng như ngoài chính quyền và giúp họ hoạch định các kế hoạch đánh chiếm miền Nam thêm hiệu dụng sau này.

- Hệ quả cuối cùng, còn kéo dài đến ngày nay, là vì mù quáng và cố chấp bênh vực cho chế độ Ngô Đình Diệm, một số phần tử Cần Lao Công Giáo đã bênh vực luôn cả cái tội ác định dâng miền Nam cho Cộng Sản của ông Ngô Đình Nhu. Hoặc là họ đứng trên một quan điểm nhân bản và quốc gia rất què quặt

và mù mờ để biện minh một cách rất lý thuyết cho hành động của ông Nhu, do đó đã gây hoang mang cho những nỗ lực lật đổ Cộng Sản; hoặc là họ bóp méo lịch sử cho rằng có nhiều nhân vật đảng phái hợp tác với ông Nhu trong kế hoạch này để hóa giải tội ác của ông Nhu, do đó đã gây nghi ngờ và chia rẽ giữa các lực lượng chống Cộng đang cần một sự đoàn kết tại hải ngoại. Cả hai thủ đoạn đó, thật ra, đều phát xuất từ ý đồ “chạy tội cho chủ”, nghĩa là cho quyền lợi phe nhóm của Cần Lao Công Giáo, mà không cần biết đến hậu quả cho dân tộc là gì.

[Source: <http://www.giaodiemonline.com/2008/vnmlqht/chuong16.htm>]

[1] Corall Bell, *From Carter To Reagan*, trong Foreign Affairs, Đặc bản “*American and the World*” (số tháng 1-1985, tr. 491).

[2] Lời tuyên bố của ông Ngô Đình Nhu trong cuộc phỏng vấn của đài truyền hình TV-2 của Pháp được chiếu lại trong chương trình “*Vietnam: A Television History*” của đài PBS, Mỹ năm 1983.

[3] George Chaffard, *Les Deux Guerres du Vietnam*, tr. 299, 300.

[4] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 61.

[5] Stanley Karnow, *Vietnam: A History*, tr. 214.

[6] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 52.

[7] Neil Sheehan, *The Pentagon Papers*, tr. 138, 139-143.

[8] Neil Sheehan, *The Pentagon Papers*, tr. 140, 141.

[9] Stanley Karnow, *Vietnam: A History*, tr. 252.

[10] Ngô Đình Vận, *Hoàn Cảnh Bi Thảm Của Quân Lực VNCH*, trong báo Tin Việt (số 51 ngày 21-1-85), tr. 9.

[11] Terrence Mailand, *The Vietnam Experiences*, tr. 51.

[12] William Hammond, *US Intervention And The Fall Of Diem (Vietnam War)*, tr. 68.

[13] Robert Shaplen, *The Lost Revolution*, tr. 165.

[14] Robert Shaplen, *The Lost Revolution*, tr. 154, 155.

[15] Stanley Karnow, *Vietnam: A History*, tr. 235.

[16] Joseph Buttinger, *Vietnam: A Political History*, tr. 433, 434.

[17] Robert Shaplen, *The Lost Revolution*, tr. 197.

[18] George Chaffard, *Les Deux Guerres du Vietnam*, tr. 310.

[19] Marvin E. Gettleman, *Vietnam History, Documents and Opinions*, tr. 239, 242.

[20] Nguyễn Thái, *Is South Vietnam Viable?*, tr. 175.

[21] Đoàn Thêm, *Những Ngày Chưa Quên*, tr. 111, 112.

[22] Chương trình “*Vietnam: A Television History*”, đài truyền hình PBS, 1983.

[23] George Chaffard, *Les Deux Guerres du Vietnam*, tr. 304.

[24] Năm 1968, Maneli bị chính phủ Cộng Sản Balan trục xuất ra khỏi Đại học Warsaw vì khuynh hướng này và bị đe dọa thủ tiêu nên đã vượt tuyến đến Mỹ tìm tự do. Ở đây, ông được mời dạy môn chính trị học tại Đại học Queens, New York. Năm 1971 ông xuất bản cuốn “*War of The Vanquished*” chỉ trích các chế độ Cộng Sản Nga, Tàu, Ba Lan, Việt Nam và tiết lộ trong hai chương dài vai trò trung gian của ông trong âm mưu thỏa hiệp với Cộng Sản Bắc Việt của ông Ngô Đình Nhu.

[25] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 117.

[26] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 120.

[27] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 121.

[28] George Chaffard, *Les Deux Guerres du Vietnam*, tr. 302.

[29] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 123.

[30] George Chaffard, *Les Deux Guerres du Vietnam*, tr. 302.

[31] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 123.

[32] Đoàn Thêm, *Hai Mươi Năm Qua*, tr. 348.

[33] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 124.

[34] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 127, 128.

[35] George Chaffard, *Les Deux Guerres du Vietnam*, tr. 316.

[36] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 133.

[37] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 134.

[38] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 137.

[39] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 138.

[40] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 139.

[41] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 141, 142.

[42] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 145.

[43] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 151.

[44] Sau này bị Bộ Ngoại Giao Ba Lan phúc trình cho Bí thư đảng Cộng Sản về lỗi lầm của Maneli đã có những hành động phương hại đến chánh sách hòa dịu của Ba Lan với các nước Tây phương và đó cũng là một trong những lý do khiến Maneli bị trục xuất khỏi Đại học Warsaw.

[45] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 150.

[46] Flore Lewis, *Poland's Strange Coalition*, trong New York Times (trích đăng trong nhật báo Fresno Bee ngày 7-7-83).

Ngô Đình Diệm muốn dâng miền Nam Việt Nam cho Cộng sản Bắc Việt

Lê Chân Nhân

Trước khi giã-từ Thế kỷ 20, tôi tưởng chúng ta cũng nên thử tìm giải-đáp cho một thắc-mắc vẫn còn tồn-động từ thập-niên '60 của Thế-Kỷ 20:

1/ Cứ theo nhiều người (trong đó có tôi) thì chúng ta phải đặt chủ-quyền quốc-gia lên trên hết; nói cách khác, vì tinh-thần dân-tộc, chúng ta không chấp-nhận để cho ngoại-bang lấn-lướt quyền quyết-định việc nước của chúng ta. Do đó, việc cố Tổng-Thống Ngô Đình Diệm chống lại Hoa-Kỳ trong dự-định đổ thêm nhiều quân vào VNCH (Mỹ-hoá chiến-tranh Việt-Nam) là một việc đúng.

2/ Cứ theo một số nhân-vật Hoa-Kỳ (trong đó có cựu Bộ-Trưởng Quốc-Phòng McNamara, cựu Ngoại-Trưởng Henry Kissinger) thì Mỹ không nên tán-đồng hay nhúng tay vào việc lật đổ chế-độ Diệm, và họ rất tiếc là Hoa-Kỳ đã làm như thế.

3/ Một số nhân-vật Quốc-Gia thân-Diệm dựa vào các ý-kiến trên của phía Hoa-Kỳ để khẳng-định rằng nếu không có cuộc chính-biến 1-11-1963, nghĩa là nếu cố Tổng-Thống Diệm vẫn còn sống và tiếp-tục lèo-lái công-cuộc chống Cộng của quốc-dân Việt-Nam (bất-chấp thời-lượng nhiệm-kỳ, từ 1955 đến 1975 là 20 năm!), thì Việt-Nam Cộng-Hoà hẳn vẫn còn tồn-tại và phát-triển, giàu-mạnh chứ không sụp-đổ như vào Tháng Tư Đen năm 1975.

4/ Thế nhưng, nếu ta đọc hết và đọc kỹ các ý-kiến của Mỹ chống việc chống Diệm, nghĩa là ước chi Hoa-Kỳ hồi đó không gia-tăng lực-lượng và hoạt-động quân-sự mà cứ để cho ông Diệm trực-tiếp tiếp-xúc với Bắc-Việt để cả hai miền Nam Bắc cùng tự giải-quyết vấn-đề nội-bộ Việt-Nam với nhau, thì ta thấy rằng các nhân-vật Mỹ tên-tuổi kể trên đã lý-luận khác hẳn, về kết-quả của việc ông Diệm bắt tay với Bắc-Việt: Không phải là VNCH vẫn còn đứng vững, mà là **Bắc-Việt “thống-nhất Việt-Nam” (nuốt chửng Miền Nam) sớm hơn**, chiến-tranh Việt-Nam chấm dứt sớm hơn, và, quan-trọng hơn hết là, Mỹ đã có thể tránh được thiệt-hại lớn-lao (về vật-chất là lên đến hơn năm-vạn-tám mạng người, và trăm-tu-tỷ đô-la; và về tinh-thần là ô-danh bại-trận, thay vì “được” ông Diệm yêu-cầu rút ra, rút ra trong danh-dự).

5/ Có một số người vẫn còn tin rằng: nếu để cố Tổng-Thống Ngô Đình Diệm toàn-quyền và tự-lực lo lấy, thì Mỹ đã khỏi tồn-thất như trên, mà Việt-Nam cũng đã thoát được các thảm-cảnh đã xảy ra, nhất là không bị cộng-sản tràn ngập.

Vấn-đề tôi xin đặt ra hôm nay là:

- **Về phía cộng-sản thì họ đã có quyết-tâm và kế-hoạch thôn-tính Miền Nam** (qua việc cài lại cán-bộ nằm vùng tại Miền Nam sau Hiệp-Định Geneva 1954, nhất là qua Nghị Quyết 15 đầu năm 1959 chủ-trương bạo-lực cách-mạng giải-phóng Miền Nam khiến Tổng-Thống Diệm phải ban-hành Luật 10-59, cụ-thể là việc thành-lập "Mặt Trận Giải-Phóng Miền Nam" từ năm 1960) với sự viện-trợ tối-đa của Khối cộng-sản quốc-tế;
- **Về phía Hoa-Kỳ thì họ hẳn thấy chỉ dùng chính-trị, kinh-tế, ngoại-giao... thì vẫn chưa đủ, nên phải dùng đến quân-sự** (đổ thêm quân vào Việt-Nam).
- **Vậy thì, về phía VNCH, nghĩa là về phần cố Tổng-Thống Diệm, -- người đã tin dùng cán-bộ tình-báo chiến-lược Vũ Ngọc Nhạ của Bắc-Việt làm cố-vấn cho mình, cùng với nội-tuyển-viên Phạm Ngọc Thảo được Tổng-Giám-Mục Ngô Đình Thục nhận làm con nuôi -- “chúng ta” làm cách thế nào mà thắng cộng-sản (ít nhất thì cũng còn nguyên, không bị cộng-sản lấn chiếm) khi mà cộng-sản chắc-chắn là quyết tiến lên, Hoa-Kỳ rút ra, phui tay, không còn phối-hợp và yểm-trợ về**

quân-sự, dĩ-nhiên giảm-thiểu nếu không cắt hết viện-trợ kinh-tế và các mặt khác, trong lúc chúng ta không được nước ngoài giúp đỡ (Mỹ mà rút đi thì ai mà chịu nhảy vào?), thua sút Cộng-Sản cả về dân-số, quân-số, vũ-khí, tiếp-liệu, viện-trợ, khả-năng tự-túc, nhất là đoàn-kết và ổn-định nội-tình?

* *
*

Ông Hồ Chí Minh trả lời phái-bộ ngoại giao Ấn-Độ rằng "He is a patriotic man": ông Ngô Đình Diệm là một người yêu nước (Cũng như sau này -- thật không? -- họ Hồ tỏ ý thương tiếc trước cái chết của họ Ngô). Câu nói (khen) của họ Hồ đối với họ Ngô chỉ là một câu nói "chính trị", và "ngoại giao".

Ông Hồ Chí Minh cần (tự) đánh bóng thêm con người của mình, nên phải học đòi nói-năng lịch-sự, nhất là khi nói với một nhà ngoại-giao nước ngoài. (Ngày xưa, bên Tàu, tướng của phe này bắt được tướng của phe kia, đã công-khai khen tài-năng & tiết-thảo của kẻ thù, rồi mới ra lệnh chém đầu!) Quan-trọng hơn hết, ông ấy còn mong thuyết-phục ông Ngô Đình Diệm chịu tổ-chức tổng-tuyển-cử, và xa hơn nữa là chịu "về" với mình, thì không lẽ chê-bại người ta để rồi mình lại sẽ ngồi chung bàn hội-ng nghị, ký chung văn-bản với người ta? hoặc giả mình sẽ thu-dụng người ta làm người hợp-tác với mình?

Câu nói (khen) của ông Hồ Chí Minh về ông Ngô Đình Diệm thật ra là một câu nói cổ ý "giết người".

a) Trước ông Ngô Đình Diệm: vào các năm 1945 và 1946, ông Hồ Chí Minh đã "khen" các ông Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam... nồng-nhiệt đến mức nào để các ông ấy chịu đứng chung vào "Chính-Phủ Liên Hiệp" do ông Hồ Chí Minh làm Chủ Tịch; để rồi sau đó, may mà họ trốn kịp chứ không thì họ cũng đã bị giết cùng với các nạn-nhân khác trong vụ Ôn Như Hầu rồi.

b) Sau ông Ngô Đình Diệm: vào các năm 1973, 1974, và đầu năm 1975, ông Hồ Chí Minh (qua các lãnh-tụ Đảng thừa-kế chủ-trương đường-lối của mình) đã "khen" ông Dương Văn Minh ngon-ngọt đến mức nào (Hà Nội tuyên bố chỉ nói chuyện với ông DVM mà thôi, tức là công-nhận ông này là một "nhà yêu nước") để ông Dương Văn Minh sa vào bẫy, nhận chức Tổng-Thống miền Nam trong tình-hình đã nát bét vô-phương cứu-chữa rồi, tức là giết chết ông ấy, vì đầu-hàng tức là tự-sát (thân-bại danh-liệt, chết cả về mặt tinh-thần).

c) Đối với ông Ngô Đình Diệm: ông Hồ Chí Minh biết chắc là những gì đại-sứ Ấn Độ nói với, và những gì ông này nghe từ, ông Hồ Chí Minh, đều sẽ lọt vào tai CIA (Ấn Độ trung-lập nghĩa là "đu dây" giữa cộng-sản và tư-bản, chứ không phải thuần-túy thân cộng-sản). Trong trại "cải-tạo", tôi có đọc một cuốn sách dịch từ tác-phẩm của Liên-Xô, kể thành-tích Liên Xô (chỉ một mình Liên Xô mà thôi) đánh thắng Đức Quốc-Xã, và (cũng chỉ một mình) Liên Xô lôi được Đức Quốc-Xã ra Toà-Án Quốc Tế, tác-giả đã đề lộ ra là hầu hết phương-tiện tổ-chức Tòa án Quốc tế, kể cả từng chiếc xe Jeep cho các sĩ-quan Liên Xô đi, từng vật-phẩm văn-phòng, v.v... đều do Hoa Kỳ cung-cấp. Trong chiến-tranh Việt-Nam cũng thế, sau 1954 với Ủy-Hội Quốc Tế Kiểm-Soát Đình Chiến, là 1973 với Ủy-Hội Quốc-Tế Kiểm-Soát Và Giám-Sát Ngưng Bán gồm Ba Lan, Hung Ga Ri, Iran, và Canada (sau đó thì Indonesia thay thế) cũng như Ban Liên-Hợp Quân-Sự 4-Bên rồi 2-Bên (có Cộng-Sản Bắc-Việt và MTGPMN trong đó), tất cả trụ-sở làm việc, phương-tiện di-chuyển (như tàu bay, xe hơi), tài-xế, công-nhân, thậm chí lương-thực, v.v... đều do Hoa Kỳ đài-thọ. Dĩ-nhiên tai+mắt của CIA đã được gài vào (xem hồi-ký "Cảnh Sát Hóa" của Lê Xuân Nhuận).

Ông Hồ Chí Minh lại còn công-khai gửi vào miền Nam biểu ông Ngô Đình Diệm một cành hoa đào để chúc Tết nữa! Do đó, ông Hồ mà "khen" (và làm thân với) ông Ngô là một câu hỏi mà CIA cần tìm câu trả lời.

Rốt cuộc, ông Ngô Đình Diệm đã mắc mưu ông Hồ Chí Minh, tìm cách lén-lút liên-lạc với đối-phương, và bị CIA biết được, nên đã đánh mất tín-nhiệm và hậu-thuần của Hoa-Kỳ, kết-quả là cái chết.

(Về phía nội-bộ Miền Nam, **chế-độ Ngô Đình Diệm đã đánh mất lòng dân, nhiều nhất là kể từ đầu thập-niên '60:**

- Cụ-thể với vụ 18 nhà chính-trị trong đó có đến 11 Tổng-Trưởng, Bộ-Trưởng của chính Đệ-Nhất Cộng-Hoà họp tại nhà hàng Caravelle ra Tuyên-Nghôn đòi ông NDD thay-đổi chính-sách vào tháng 4-1960,
- Cuộc đảo-chính hụt ngày 11-11-1960,
- Vụ ném bom Dinh Độc-Lập đầu năm 1962,
- Rồi đến việc cấm treo cờ Phật-Giáo vào ngày lễ Phật-Đản, nổ chết người tại Đài Phát-Thanh Huế tối 8-5-1963, tổng-tấn-công chùa-chiền đêm 20-8-1963, rồi Hoà-Thượng Thích Quảng-Đức (và các vị khác) tự-thiên, Phật-Tử khắp nơi xuống đường, v.v... Chính ông bà Trần Văn Chương, Đại-Sứ tại Mỹ và Quan-Sát-Viên tại Liên-Hiệp-Quốc, là cha mẹ đẻ của bà Ngô Đình Nhu, thạc-sĩ Vũ Văn Mẫu, Ngoại-Trưởng và là cộng-sự-viên lâu năm nhất của Tổng-Thống Diệm, mà cũng quyết-liệt chống lại chế-độ họ Ngô.

Đó là những tín-hiệu, những cảnh-báo trước, **từ phía người dân Miền Nam.** Hoa-Kỳ đã **thấy rõ tính-chất độc-tài hại dân của tập-đoàn họ Ngô và tinh-thần đối-kháng của sĩ-phu và quần-chúng Việt-Nam từ lâu,** cũng như biết trước về dự-mur đảo-chính của số tướng VNCH liên-hệ từ nhiều năm qua. Thế nhưng mãi đến tháng 9-1963 Tổng Thống Kennedy mới trả lời báo-chí rằng muốn chiến-thắng Việt-Cộng thì phải thay-đổi chính-sách và nhân-sự của chính-phủ Ngô Đình Diệm, và đại-sứ Henry Cabot Lodge mới trực-tiếp đề-nghị Tổng-Thống NDD cải-tổ (nhưng ông Diệm vẫn không nghe theo!).

Như thế, thái độ và quyết định của Hoa Kỳ **tùy-thuộc rất nhiều vào lòng dân Miền Nam Việt-Nam.**

LÊ CHÂN-NHÂN

PHỤ LỤC 1

Theo ông Nguyễn Hưng Đạt

(Cựu đảng-viên cao-cấp Cộng-Sản Việt-Nam, Moscow):

"Vì Mỹ muốn đổ quân vào, nên đề thương thuyết, cụ Hồ đã thông qua Đại tá Phạm Ngọc Thảo liên hệ với cố Tổng thống Ngô Đình Diệm cho Đặc phái viên đặc biệt, Tướng Nguyễn Tài - Thứ trưởng Bộ Công An (chứ không phải Nội vụ) của chính phủ VNDCCCH đến Sài Gòn. Ông Tài là em ruột nhà văn nổi tiếng Nguyễn Công Hoan. Nhân chứng Đại tá Thảo nói rõ với ông Diệm mình là người CS trước lúc môi giới thương thuyết. Tướng Huỳnh Văn Cao (trong hồi ký "Một Kiếp Người") đã viết : [Trung tá Phạm Ngọc Thảo, hiện là sĩ quan của Miền Nam, diện hồi chánh, nhưng đã từng là bạn thân của Lê Duẩn, ngày đám cưới của Thảo tại Thiên Hộ Đồng Tháp thì Lê Duẩn đã đích thân đến dự. Khi tôi còn là Tư lệnh Sư Đoàn 7 kiêm Khu chiến Tiền Giang thì Thảo làm Tỉnh trưởng kiêm Tiểu Khu trưởng Kiến Hòa, người được Tổng thống Diệm tin cậy. Trong những giây phút thân tình, Thảo đã tỏ vẻ với tôi: "Nếu Đại tá Tư Lệnh muốn quen biết với ông Lê Duẩn thì tôi có thể sắp xếp được." Cho nên đã có lần tôi thưa với cụ Diệm: "Sao Cụ cứ để Trung tá Thảo làm Tỉnh trưởng Kiến Hòa lâu vậy, Cụ không sợ Thảo rủ rê cháu theo Cộng Sản hay sao?" Cụ Diệm đáp lại: "Ừ, để xem đứa nào rủ được đứa nào?" Lúc ấy, tôi đã hiểu là Tổng thống Diệm tin chắc không thể nào Thảo rủ rê tôi được, nhưng đồng thời có nghĩa là Tổng thống Diệm biết rõ Thảo là Cộng Sản].

Ông Diệm cho ông Tài ở ngay bên cạnh mình trong Dinh Gia Long. Nhân vật mà Thiếu tướng Đỗ Mậu, Phụ trách An ninh Quân đội (thật ra là ông Cao thế Dung, một ký giả), viết trong hồi ký "Làm Thế Nào Để Giết Một Tổng Thống" là những nhân vật cao cấp của Chính phủ có thấy một người mang một lá cờ đỏ sao vàng

nhỏ bằng con tem trên ve áo, chính là người này. Ông Nguyễn Tài bị bắt ngay sau Đảo chính 11.1963, bị biệt giam đến cuối tháng 4.1975, may nhờ một hạ sỹ không theo lệnh chỉ huy ném lựu đạn vào xà lim. Anh này báo với Ủy ban Quân quản đến cứu con người liệt hai chân này.

Tết Việt nam 1963, thông qua Ủy hội Quốc tế, chủ tịch Hồ Chí Minh gửi mang vào tặng Tổng thống Ngô Đình Diệm một cành đào. Tiếc thay, vì không thay đổi được lập trường thoả hiệp với CS mà Mỹ giết ông Diệm. Nhà độc tài Pinochett không bị giết vì không làm điều này."

(trong bài viết "Tiểu sử của Cụ Hồ Chí Minh cần phải được xem xét lại" – BBC 05-05-2005)

Theo ông Ngô Kỷ

(Ký-giả):

(Tháng 9 năm 1963)

... Trong thời điểm này, Hoa Thịnh Đốn bắt mẫn việc Pháp đứng làm trung gian giải quyết chiến tranh Việt Nam. Đại Sứ Pháp đến miền Nam Việt Nam thảo luận bí mật với Hồ Chí Minh và Tổng Thống Diệm qua trung gian của người Ba Lan tên Mieczyslaw Maneli, thành viên Polish Member of the International Control Commission, cơ quan này được thiết lập để quan sát Hiệp Định Genève. Trong suốt nhiều tháng, Maneli qua lại Sài Gòn - Hà Nội nhiều lần để tìm giải pháp thương thảo. Vào tháng 07 năm 1963, Bắc Việt đồng ý căn bản là lập chính phủ Liên Hiệp cầm đầu bởi Tổng thống Diệm để miền Nam trở thành trung lập. Họ muốn Mỹ phải rút quân.

(trong bài "Khui hồ sơ "Tối Mật": Mỹ chủ mưu thanh toán anh em Tổng Thống Ngô Đình Diệm")

Theo ông Việt Thường

(Cựu đảng-viên cao-cấp Cộng-Sản Việt-Nam):

"... Nguyễn công Tài đã dành nhiều thời gian để nghiên cứu hàng núi hồ sơ về gia đình nhà ông Ngô Đình Diệm và những người kế cận, cũng như những người đối lập. Tài liệu cập nhật từ nhiều nguồn, nhưng phần đóng góp của nội gián Phạm ngọc Thảo là rất quan trọng. Làm sao phải chọn người tiếp xúc thật đúng mà lại bảo toàn bí mật. Cuối cùng, sau nhiều ngày đêm suy nghĩ, Nguyễn công Tài đã lựa nhân vật Mã Tuyên, người Tàu ở Chợ-lớn đang làm công việc kinh tài cho gia đình ông Ngô Đình Diệm.

Thông qua dịch vụ buôn bán tảo bạo, Nguyễn công Tài đã tiếp xúc trực tiếp được với Mã Tuyên. Và, cái thời điểm để đưa ý kiến cho Mã Tuyên "gợi ý" với anh em ông Ngô Đình Diệm là sau tháng 2-1962, sau cái ngày mà hai trung uý của quân đội ông Diệm là Phạm Phú Quốc và Nguyễn Văn Cử ném bom dinh Độc Lập làm đảo chính. Sự việc của hai trung uý Phạm Phú Quốc và Nguyễn Văn Cử tuy không thành công nhưng nó lại là lý do hợp thời để Nguyễn Công Tài làm cuộc tiếp xúc với anh em ông Diệm, Nhu thông qua thương gia người Tàu ở Chợ-lớn là Mã Tuyên. Tín hiệu có thuận lợi. Quả nhiên ông Nhu nhận sự tiếp xúc một cách thận trọng và kéo dài thời gian để mặc cả cho cái giá đi đêm. Nguyễn công Tài có nhận xét là anh em ông Diệm, Nhu tuy học ở Pháp và Mỹ về nhưng óc bài ngoại cực đoan như "Tự Đức" và cũng có mộng Việt Nam sẽ gồm cả Miên và Lào và phải là cường quốc ở châu Á.

Sự việc tin đi mới lại chỉ dừng ở đó. Phải cho đến lúc được phép của ông Line, Nguyễn công Tài cung cấp cho ông Nhu một số tài liệu chứng minh người Mỹ muốn lưu lại ông Diệm còn vợ chồng ông Nhu phải đi lưu vong nước ngoài, cũng như họ trước sau cũng buộc ông Diệm phải từ bỏ chế độ độc tài, gia đình trị, phải chia quyền lãnh đạo cho các đảng phái cũng như phải có chính sách bình đẳng tôn giáo. Ông Nhu chấp nhận một cuộc gặp gỡ với phái viên đặc biệt của ông Line. Có thể đây chỉ là giải pháp phòng ngừa mà cũng có thể ông Nhu muốn hiểu rõ hơn ý đồ của địch. Những điều này còn là bí ẩn đi theo ông Nhu xuống tuyền đài.

Phạm Hùng nhận những chỉ thị toàn quyền hành động từ ông Line tại phủ toàn quyền Đông Dương ở Ba-Đình (Hà-nội) và cấp tốc đi Nam bằng cả ba thứ phương tiện: thủy, bộ và hàng không.

Đầu tháng 2-1963, cuộc họp "bí mật" giữa ông Ngô Đình Nhu và Phạm Hùng diễn ra tại một địa điểm kín đáo ở quận Tân Linh, tỉnh Bình Tuy. Trong cuộc họp này có cả Nguyễn công Tài cũng được dự. Khi chia tay, cả hai bên đều hỷ hã. Nội dung cuộc họp vẫn còn nằm trong bí mật cho đến nay.

Đầu tháng 11-1963, các tướng trong quân đội của ông Diệm làm đảo chánh thành công. Anh em ông Diệm, Nhu theo đường hầm trốn vào Chợ-lớn ở nhà Mã Tuyên. Phải chăng hai anh em ông Diệm, Nhu định chờ người của Phạm Hùng và Nguyễn công Tài đến đón ra bung biển?

Người duy nhất còn lại là Nguyễn công Tài, sau này "tình cờ" làm cái việc xét căn cước, cảnh sát của miền Nam đã bắt được Nguyễn công Tài. Người Mỹ đã cho giam Nguyễn Công Tài ở Bạch Đằng (Sài-gòn), cho hưởng mọi tiện nghi vật chất rất cao và cũng được ngồi xe hơi (tất nhiên có bảo vệ) đi "tham quan" phố xá Sài-gòn. Đến 1975, trước khi dứt phim miền Nam, Mỹ đã thả Nguyễn công Tài ra..."

Theo ông Quang Phục

(ký giả, chủ nhiệm "Góp Gió"):

"Chúng tôi nhận định rằng chính gia đình ông (Ngô Đình Diệm), cụ thể là **ông bà Ngô Đình Nhu, và Đảng Cần Lao của ông ta đã làm hại ông, khi âm mưu thỏa hiệp với CS Hà Nội** từ năm 1958 khi ra lệnh cho các Tỉnh trưởng ngưng bắt các cán bộ cộng sản và thu hồi vũ khí tự động của Bảo An, Dân Vệ, thay vào đó bằng súng mousqueton và dao găm." (Hồi ký "Công và Tội" của Nguyễn Trân, trang 269)

(trích từ cuốn "Hãy Trả Lại Sự Thật cho Lịch Sử" của Quang Phục Võ Văn Sáu, 2004, trang 39)

Theo Trung Tướng Huỳnh Văn Cao:

"Đọc hồi ký Một Kiếp Người của Trung tướng Huỳnh Văn Cao, tới đây thì vấn đề ông Nhu có liên hệ với CS không cần bàn cãi nữa. Cả tướng (Trần Văn) Đôn, tướng Huỳnh Văn Cao và Nha An Ninh Quân Đội của Đại tá Đỗ Mậu đều báo cáo (rằng) Đại tá Phạm Ngọc Thảo là VC nằm vùng, nhưng cả **2 ông Diệm và Nhu lẫn cha Thục vẫn cứ cố ý bảo vệ cho Thảo**. Trong hồi ký Một Kiếp Người của Huỳnh Văn Cao cho biết Đ/tá Thảo còn dám cả gan "móc nối" ông Cao (lúc còn Đại tá), đòi giới thiệu để ông Cao làm quen với Tổng bí thư Lê Duẩn. Các sĩ quan dưới quyền ông Cao rất tức giận vì biết Thảo là VC nằm vùng, đòi giết Thảo (các trang 79-80). Ông Nhu nghe Thảo báo cáo bèn dọa "Kẻ nào đụng tới Thảo (tôi) sẽ bỏ tù rục xương" (trang 90). Đồng thời, nơi trang 84, Tướng Huỳnh Văn Cao còn cho biết cả Đại tướng Harkins cũng nghi ngờ TT Diệm. Bởi vì cuộc hành quân nào của QLVNCH sắp mở ra mà báo cho Tổng Thống phủ thì VC đều biết trước! Cho thấy người Mỹ, CIA đã biết và theo dõi bám sát ông Ngô Đình Nhu từ lâu. Và người Mỹ nhiều lần đòi Tổng Thống Diệm loại trừ ông Nhu. Các tướng lãnh cũng đòi loại trừ ông Nhu nhưng ông Diệm cương quyết giữ ông Nhu!

(trích từ hồi ký "Một Kiếp Người" của tướng Huỳnh Văn Cao - theo Quang Phục trong cuốn "Hãy Trả Lại Sự Thật cho Lịch Sử" của Quang Phục Võ Văn Sáu, 2004, trang 30)

Theo New York Times và The Washington Post

Hồ sơ tối mật của Ngũ Giác Đài: Người Mỹ Làm Thế Nào Để Giết Tổng Thống Việt Nam?

Ba tác giả Lan Vi, Hồng Hà và Dương Hùng đã sưu tầm, phiên dịch các bài báo đăng trên 2 tờ báo kể trên, trong đó có tiết lộ về những cuộc thảo luận bí mật giữa Tổng Thống Diệm và Hà Nội đằng sau lưng người Mỹ...

(trích từ cuốn "Hãy Trả Lại Sự Thật cho Lịch Sử" của Quang Phục Võ Văn Sáu, 2004, trang 41)

Theo Trung Tướng Tôn Thất Đính

(Cựu Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ, Thượng Nghị Sĩ VNCH):

"Trong khi đó, Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu lại phạm vào một lỗi lầm ngoại giao to lớn là khước từ sự giúp đỡ về an ninh của Đại Sứ Mỹ Cabot Lodge, chạy vào nhà Mã Tuyên là

Trung Tâm Liên Lạc xưa nay của ông Nhu với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Không phải cuộc binh biến 1-11-63 đã đưa đến cuộc thảm sát 2 ông, mà chính quyết định liêu lĩnh này đã làm cho 2 ông gánh lấy thảm họa! Sao lại đi đến một trung tâm liên lạc với cộng sản mà Mỹ đã biết từ lâu rồi!”
(trích trong cuốn hồi-ký “Nghĩa Biển Tình Sông (Hai Mươi Năm Binh Nghiệp” của Tôn Thất Đình, trang 443)

Theo Luật Sư Hoàng Duy Hùng

(Nhà văn, nhà báo, nhà hoạt-động cộng-đồng tại Texas)

(Phỏng dịch:) "Các cuộc gặp hợp bí mật với Cộng Sản.

Sau Đại Hội Đảng Cộng Sản Việt Nam lần thứ 15 vào năm 1959, Lê Duẩn câu kết với Lê Đức Thọ và Trần Quốc Hoàn để củng cố quyền lực ở Miền Bắc. Do đó, họ gây sức ép với Hồ Chí Minh, và kể từ năm 1965 trở đi thì quyền lực thực sự đã nằm trong tay họ. Năm 1963, Hồ đã hai lần gửi người vào tiếp xúc với Ngô Đình Nhu. Hồ muốn liên minh với chính phủ Diệm để chống lại áp lực của Duẩn. Diệm và em là Nhu cũng muốn nhân cơ hội này để chống lại áp lực của Hoa Kỳ. Ngô Đình Nhu giả vờ đi săn ở các khu rừng Tánh Linh, Khánh Hòa và Bình Long, nhưng trong thực tế là hội họp với các cán bộ cao cấp của Miền Bắc do Hồ Chí Minh phái vào. Có một lần Phạm Hùng, người mà sau năm 1975 thì được cử làm Thủ Tướng, đã mang vào trao cho Nhu những thông điệp trực tiếp của Hồ Chí Minh. Các cuộc thương thảo đã phải ngưng lại vì vài tháng sau thì Diệm và Nhu bị sát hại. Vì các cuộc họp mật này mà Hoa Kỳ đâm ra nghi ngờ Diệm và Nhu. Ngày 1-11-1963, các tướng QLVNCH phổ biến trên đài tin tức về các cuộc gặp mật giữa Nhu và cộng sản để mong dân chúng hậu thuẫn trong việc lật đổ chính phủ Diệm... Nhiều năm sau đó, vào ngày 1-11-2001, tờ Newsweek đã đăng tải một bài với hình của Tổng Thống Diệm, bình luận rằng Hành Pháp Kennedy vào năm 1963 đã khám phá ra rằng Diệm và Nhu là "công cụ của cộng sản" nên kết quả là họ phải lật đổ chính phủ Diệm..."

(trích từ bản thảo tác phẩm "A Common Quest for Vietnam's Future - a brief of Vietnam War, the First and Second Republic of Vietnam" của Hoàng Duy Hùng)

Theo ông Minh Võ

(nhà bình luận thời sự):

Ngô Đình Nhu: Hiệp thương Nam-Bắc

Đài Tiếng nói VNHN – Phỏng vấn Minh Võ

Người hỏi là nhà báo Hồng Phúc Lê Hồng Long, chủ nhiệm báo Thế Giới Ngày Nay. Cuộc phỏng vấn này đã được phát thanh ngày chủ nhật 07/10/2007 trên đài phát thanh Tiếng Nói Việt Nam Hải Ngoại.

Hỏi: Trong cuộc mạn đàm giữa ông và ông Cao Xuân Vỹ đăng trên DCVOnline mới đây, ông Cao Xuân Vỹ có nói đến cuộc tiếp xúc giữa ông Ngô Đình Nhu với... Phạm Hùng, cán bộ cao cấp của Việt Cộng.

Hỏi: Về phía nhà cầm quyền miền Bắc, phản ứng của họ ra sao, và những điều kiện họ đưa ra là gì?

Đáp: Theo bà Hammer, tác giả cuốn A Death In November, thì khi ông Goburghun, đại sứ Ấn đi Hà Nội với tư cách chủ tịch Ủy Ban Kiểm Sát Đình Chiến, đến gặp ông Hồ Chí Minh thì thấy ông ta chẳng những không thấy có gì ngăn cản cuộc hiệp thương với Saigon...

Khi Maneli đến Hà Nội trình bày kế hoạch theo sự hướng dẫn của các ông Lalouette và Goburghun, thì chỉ hai ngày sau Hà Nội đã có đáp ứng: Hà Nội sẵn sàng khởi sự thương thuyết bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, bí mật hay công khai. Bộ trưởng ngoại giao Xuân Thủy, theo chỉ thị của chủ tịch và thủ tướng sẽ sẵn sàng trình lên một danh sách những hàng hóa có thể trao đổi giữa hai miền. Còn điều kiện, Hà Nội chỉ cần thấy Mỹ rút khỏi miền Nam, thì sẵn sàng bàn thảo về bất cứ vấn đề gì?

(trích từ Tài Liệu ĐÀN CHIM VIỆT – 30-10-2007)

Theo Linh Mục An-Tôn Trần Văn Kiệm

(bạn thân của Tổng Thống Ngô Đình Diệm):

"Về sau khá lâu, tôi nghe một nguồn tin nói rằng: Khi bị Hoa kì dồn ép tới đường cùng, ông Diệm có nhờ giáo sư Bửu Hội làm trung gian mở một vài cuộc hoà đàm bí mật với đại diện ông Hồ tại Tánh Linh, khiến cho một số chính khách Mĩ đã dựa vào đó mà gỡ tội cho ông Cabot Lodge, đại sứ của Tổng Thống J.F.Kennedy..."

(trích từ bản thảo cuốn hồi-ký "Có phải Hoa thịnh đồn đã đưa ông Diệm về làm Tổng thống Đệ nhất Cộng hoà Việt Nam?" của L.m. An-tôn Trần văn Kiệm)

0000)(0000